TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

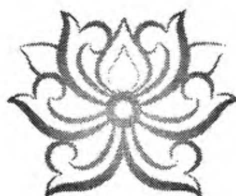
01

TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

01

KINH TRƯỜNG BỘ

(Dīgha Nikāya)



Dịch giả

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身，處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác…

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心，以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

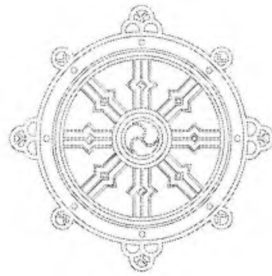
Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I (TTL) trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích Đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海蔵) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大蔵經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

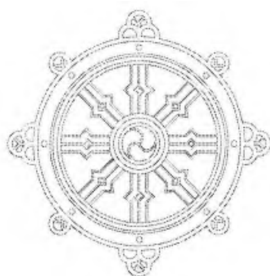
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ thứ III (TTL) đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền

bá đạo Phật sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ thứ I đến đầu thế kỷ thứ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ thứ I (TTL), công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ thứ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ thứ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

truyền hoàn chỉnh nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ thứ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đồng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,…

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

"Năm 1965, tôi in xong tập I, gồm 3 kinh đầu. Năm 1967, tôi in xong tập II, gồm 10 kinh kế tiếp. Năm 1972, tôi in xong tập III và tập IV, gồm 21 kinh trong khoảng thời gian kỷ lục 7 tháng, từ Tết Nhâm Tý (tháng 2-1972) cho đến nay, Vu Lan - Rằm tháng 7 (tháng 8-1972). Cứ xem thời gian hoàn thành từng tập một, mới thấy chức vụ đa đoan của một Viện trưởng làm trở ngại cho sự phiên dịch như thế nào. Chúng tôi chỉ có thể để dành những ngày nghỉ, những buổi sáng thật sớm và những buổi tối (nếu không quá mệt mỏi vì những công việc ban ngày) để phiên dịch. Chúng tôi vẫn kiên trì phiên dịch và in cho xong tập IV *Kinh Trường bộ* là để hoàn thành một chí nguyện mà tôi ấp ủ từ khi tôi mới đi du học Tích Lan năm 1952. Về nước năm 1964, nếu tôi không nhận chức vụ Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, thời nay tôi đã dịch ít nhất cũng trọn bộ Kinh tạng Pāli rồi. Tôi tự đánh dấu hỏi, làm Viện trưởng hay làm một vị dịch kinh, làm chức vụ nào có lợi cho Phật giáo hơn? Và tôi phải tự thẳng thắn để trả lời, dịch kinh có lợi hơn! Và tôi chỉ có thể vớt vát bằng cách để những thời giờ thong thả, chú tâm vào vấn đề phiên dịch. Chúng tôi viết những dòng chữ này vừa để sám hối, vừa mong các Phật tử và các học giả thông cảm cho.

Phiên dịch Tam tạng Pāli có một dụng ý khác quan trọng hơn. Trước năm 1952, Việt Nam chúng ta chỉ biết có một số kinh Đại thừa căn bản, như *Kinh Lăng nghiêm*, *Kinh Pháp hoa*, *Kinh Bát-nhã*, *Kinh Kim cang*, *Kinh Di-đà*, v.v... dầu rằng chúng ta vẫn có Hán tạng hết sức phong phú, nhưng ít người nghiên cứu. Các kinh A-hàm, *Kinh Tứ thập nhị chương*, *Kinh Di giáo* cũng có được đề cập. Tuy có biết, nhưng không dám học vì theo tứ y, cần phải "y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh."

"Qua Tích Lan, chúng tôi được biết đến Tam tạng Pāli, rất là phong phú, rất gần với lời dạy nguyên thủy của đức Phật, lại được phổ biến rộng rãi ở năm châu. Qua Ấn Độ, chúng tôi được biết thêm tạng Sanskrit dồi dào và phong phú hơn cả tạng Pāli, nhưng nguyên bản gần như mất hết cả, ngoại trừ vài chục bộ mới tìm lại được. Cũng may tạng Sanskrit được dịch ra tạng Tây Tạng và Hán tạng, và nhờ vậy, hai tạng dịch này là kho tài liệu khá đầy đủ cho nguyên tạng Sanskrit. Nhưng nếu Pāli là Tam tạng vừa là nguyên thủy, vừa là của học phái Thượng Tọa bộ, thì tạng Sanskrit phong phú hơn, là Tam tạng vừa thuộc

nguyên thủy, vừa thuộc nhiều học phái như Nhất Thiết Hữu bộ, Đại Chúng bộ, Đàm-vô-đức bộ, Di-sa-tắc bộ, v.v... và cũng vừa là tạng của Đại thừa. Giá trị của hai tạng dịch là như vậy, và tạng Trung Hoa cũng có dịch một số Kinh tạng Pāli có thể do Ngài Pháp Hiển, thế kỷ thứ IV - V đem từ Tích Lan về. Nếu chúng ta muốn tìm đến tạng nào hay kinh nào có thể là đại diện cho Nguyên thủy, chúng ta chỉ cần so sánh Kinh tạng, Luật tạng Pāli và Kinh tạng A-hàm và Luật tạng các học phái. Những điểm nào giống nhau, thời chúng ta có thể chấp nhận là tạng Nguyên thủy. Những điểm dị biệt có thể là do dị biệt lập trường của các học phái. Cho dịch *Kinh Trường bộ* này, chúng tôi không mong gì hơn là giới thiệu tạng Pāli cho Phật tử và học giả Việt Nam và cũng mở đầu một môn học mới, tức là môn Tỷ giáo học giữa Kinh tạng, Luật tạng Pāli và tạng chữ Hán tương đương. Môn Tỷ giáo học này sẽ giúp chúng ta hiểu được thế nào là tạng Nguyên thủy của Phật giáo.

Có người sẽ cho rằng, dịch tạng Pāli là tuyên truyền cho Tiểu thừa, phản lại tư tưởng Đại thừa. Chúng ta nên chấm dứt ngay thái độ ngây thơ và buồn cười này. Đạo Phật không có Đại thừa, Tiểu thừa, không có Nam tông, Bắc tông. Đạo Phật gồm có một số giáo lý căn bản mà học phái nào cũng phải tôn trọng, một số pháp môn thiết yếu mà đệ tử Phật nào cũng phải y cứ để tu hành, nếu không muốn lạc vào tà giáo, ngoại đạo. Cho dịch tạng Pāli là chúng tôi muốn giới thiệu và tìm hiểu số giáo lý căn bản ấy và số pháp môn thiết yếu ấy. Những danh từ Đại thừa, Tiểu thừa, Nam tông, Bắc tông là những danh từ được đẻ ra sau này để phân biệt các học phái, và một học phái chỉ được gọi là học phái Phật giáo khi nào học phái ấy tôn trọng và trung thực với số giáo lý, số pháp môn căn bản ấy.

Ngày nay, một nhà nghiên cứu Phật giáo phải biết đến Phật giáo Nguyên thủy, phải biết đến Phật giáo các học phái và phải biết đến Phật giáo Đại thừa mới có thể có một cái nhìn đại thể về lịch sử tư tưởng Phật giáo. Sau khi nắm được cái nhìn đại thể, vị ấy có thể chọn lấy một ngành nào, hay một pháp môn nào làm ngành chuyên môn của mình. Cho dịch Kinh tạng Pāli, chúng tôi muốn giúp phần tài liệu nghiên cứu cho các nhà học giả ấy để có thể biết đến Phật giáo Nguyên thủy và biết đến học phái Thượng Tọa bộ, một học phái có tiếng là bảo thủ nhất, trung thành với tư tưởng và lối sống Phật giáo Nguyên thủy nhất, và là học phái duy nhất gìn giữ được gần như trọn vẹn cả ba tạng giáo điển.

Hơn thế nữa, ngày nay chúng ta nhận thấy một chiều hướng mới đã bắt đầu sống dậy trong những nhà tìm hiểu tư tưởng Phật giáo, một chiều hướng đi ngược lên Phật giáo Nguyên thủy, tìm hiểu những căn bản giáo lý mà phần lớn các học phái chấp nhận, giới thiệu một lối sống đích thực, đức Phật muốn giảng dạy cho các đệ tử để sống ngay với đời sống hiện tại, khỏi phải qua những phân ly của các học phái, hay những mê tín, dị đoan, cuồng tín, v.v... đã dần dần xâm nhập vào đạo Phật, làm mất bản chất thuần túy của đạo Phật nghìn xưa. Hơn

nữa, ngày nay người ta dần dần ý thức rằng chỉ có đạo Phật Nguyên thủy mới đáp ứng được những đòi hỏi của một thế giới khoa học hiện tại. Một tôn giáo muốn được giới trí thức trẻ hiện tại chấp nhận, vừa phải không mâu thuẫn với những phát minh khoa học mới mẻ nhất, vừa phải giải quyết được những vấn đề thuộc phạm vi của con người ở thế kỷ thứ hai mươi, hai mốt này, và chỉ có đạo Phật Nguyên thủy mới may ra đáp ứng được những đòi hỏi trên. Cho dịch tập *Kinh Trường bộ* này, chúng tôi nuôi dưỡng một hy vọng rất khiêm tốn, là giới thiệu được tới tay các học giả và các Phật tử, một phần nào những lời dạy thật sự nguyên thủy hay gần nguyên thủy nhất của đạo Phật."

(*Lời Giới thiệu Kinh Trường bộ,* tập IV, 1972)

"Cho dịch và cho in các bản kinh Pāli, tôi không mong muốn gì hơn là để các Phật tử, các học giả, các sinh viên được đọc thẳng vào những kinh điển thật sự nguyên thủy hay gần nguyên thủy nhất, và tự mình tìm hiểu những lời dạy thật sự của đức Phật, khỏi phải qua những lập trường của các bộ phái. Nhất là khỏi phải qua những xuyên tạc của những học giả và những Phật tử muốn giải thích đạo Phật theo dục vọng và tà kiến của mình."

"Đạo Phật không cần đến những đoàn người theo đạo Phật, theo một cách ồ ạt mù quáng, theo một cách thụ động nhắm mắt, hay tự mình bóp méo xuyên tạc đạo Phật theo tà kiến dục vọng của mình. Chính *Kinh Đại Bát-niết-bàn*, trang 124-126, tập III này có ghi rằng, dầu chúng ta có nghe vị Tỳ-kheo nào nói tự thân nghe đức Phật, tự thân nghe các vị Thượng tọa, Thủ chúng, v.v... nói như vậy là Pháp, như vậy là Luật, đức Phật khuyên cũng không được tán thán, đả kích, chấp thuận hay từ bỏ ngay, mà phải so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, có phù hợp mới được chấp nhận, không phù hợp thời phải từ bỏ. Đạo Phật đòi hỏi sự nhận xét, tìm hiểu, suy tư cá nhân rất nhiều. Nhưng chúng ta chỉ có thể nhận xét, tìm hiểu, suy tư khi chúng ta được đọc những lời dạy nguyên thủy nhất hay gần nguyên thủy nhất của đức Phật. Đó là nguyên nhân và động lực khiến tôi phải lo dịch và in bản *Kinh Trường bộ* này."

(*Lời Giới thiệu Kinh Trường bộ*, tập III, 1972)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bv.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện tiền thân của đức Phật*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)
Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī* (*Giải nghi*)
Kvu.	*Kathāvatthu* (*Luận sự / Những điểm dị biệt*)

M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nd.	*Niddesa (Nghĩa thích)*
NdA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Đạo luận)*
Patth.	*Paṭṭhāna (Luận Duyên hệ)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết luận)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết luận)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*
ThīgA.	*Therīgāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)*
Thūp.	*Thūpavaṃsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)*
Ud.	*Udāna (Cảm hứng ngữ)*
UdA.	*Udāna Aṭṭhakathā (Chú giải Cảm hứng ngữ)*
Uj.	*Upāsakajanālaṅkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)*
Vbh.	*Vibhaṅga (Phân tích)*
VbhA.	*Vibhaṅga Aṭṭhakathā (Chú giải Phân tích)*

Vin.	*Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)
VinA.	*Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)
Vism.	*Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo luận*)
Vv.	*Vimānavatthu* (*Thiên cung sự*)
VvA.	*Vimānavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thiên cung sự*)
Yam.	*Yamaka* (*Luận Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy.	*Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)
Mhvu.	*Mahāvastu* (*Đại sự*)
MPS.	*Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS.	*Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)
BD.	*Book of Discipline* (*Luật tạng*)
BI.	*Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)
BPE.	*Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)
Cpd.	*Compendium of Philosophy* (*Cương yếu triết học, Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)
DB.	*Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)
Expos.	*Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)
GS.	*Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)
KS.	*Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB.	*A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS.	*Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM.	*Questions of King Milinda* (*Mi-tiên vấn đáp*)
PC.	*Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth.	*Psalms of the Brethern* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis.	*Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB.	*Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại/T.	*Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
Biệt Tạp.	*Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng.	*Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經)
Tạp.	*Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經)
Trung.	*Trung A-hàm kinh* (中阿含經)
Trường.	*Trường A-hàm kinh* (長阿含經)

TỪ ĐIỂN

BHSD.	*Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit lai tạo*)
CPD.	*Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN.	*Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EPD.	*English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE.	*Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED.	*Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

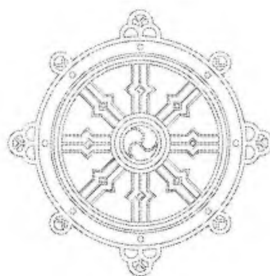
CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	HT.	Hòa thượng
P.	Tiếng Pāli	TT.	Thượng tọa
H.	Tiếng Hán	ĐĐ.	Đại đức
E.	Tiếng Anh	NS.	Ni sư
TTL.	trước Tây lịch	SC.	Sư cô
TL.	Tây lịch	TS.	Tiến sĩ
tr.	trang	ThS.	Thạc sĩ
Sđd.	Sách đã dẫn		
NXB.	Nhà Xuất bản		

Tiếng Anh

AD. (*Anno Domini*)	sau Công nguyên
BC. (*Before Christ*)	trước Công nguyên
Cf. (*confer*)	Tham chiếu, so sánh
ed. (*by*)	biên tập (bởi)
etc. (*et cetera*)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (*following pages*)	trang kế tiếp/ các trang kế tiếp
ibid. (*ibidem*)	cùng trang đã dẫn/ như trên
n. (*note*)	chú thích
p./ pp. (*page/ pages*)	trang/ các trang
tr. (*by*)	dịch bởi
trans.	bản dịch
vol./ vols. (*volume/ volumes*)	tập, quyển/ các tập, các quyển



DẪN LUẬN KINH TRƯỜNG BỘ

I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Kinh Trường bộ (P. *Dīgha Nikāya*, H.長部經) là bộ đầu tiên trong năm bộ kinh Pāli (*Pāli Nikāya*) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (*Theravāda*); là tuyển tập 34 kinh dài (*The Long Discourses*) trong Kinh tạng Pāli (*Sutta Piṭaka*), tương ứng với 30 bài *Trường A-hàm kinh* (S. *Dīrgha Āgama,* H. 長阿含經). Khái niệm "trường" (*dīgha,* 長) có nghĩa đen là "dài" về số lượng chữ của từng bài kinh trong bộ này. Về tổng số trang, *Kinh Trường bộ* có số trang ít nhất trong 5 bộ kinh Pāli.

Kinh Trường bộ nhiều hơn *Trường A-hàm kinh* trong văn học Hán tạng của phái Dharmaguptaka (Pháp Tạng bộ) 4 bài kinh, vốn là bộ đầu tiên trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, *Taishō edition*). Có 6 kinh trong *Kinh Trường bộ* có nội dung trùng lặp hoặc vì quan điểm khác biệt về phương pháp tu tập, nên không có kinh tương ứng trong *Trường A-hàm kinh,* gồm: *Kinh Mahāli* (*Mahāli Sutta,* số 6); *Kinh Jāliya* (*Jāliya Sutta,* số 7); *Kinh Subha* (*Subha Sutta,* số 10); *Kinh Đại niệm xứ* (*Mahāsatipaṭṭhāna Sutta,* số 22); *Kinh Tướng* (*Lakkhaṇa Sutta,* số 30), và *Kinh A-sá-nang-chi* (*Āṭānāṭiya Sutta,* số 32).

Kinh Trường bộ và *Trường A-hàm kinh* có một số điểm dị biệt về thứ tự các bài kinh, cách đặt tựa đề kinh, các khái niệm và nội dung từng bài kinh.

Về nội dung, *Kinh Trường bộ* tường thuật về các đối thoại liên tôn giáo và triết học giữa đức Phật với các đạo sĩ Sa-môn và Bà-la-môn đương thời, thông qua đó, giúp chúng ta hình dung được các phong trào tôn giáo và triết học thời Phật; đồng thời, cho thấy triết học thực tiễn của đạo Phật vượt lên trên các tôn giáo hữu thần và vô thần thời đức Phật.

Về phân loại, *Kinh Trường bộ* được chia thành 3 phẩm (*vagga*):

(i) **Phẩm Giới uẩn** (*Sīlakkhandhavagga*) gồm 13 bài kinh nói về đạo đức (*sīla*) chuẩn mực và thanh cao.

(ii) **Phẩm Đại** (*Mahāvagga*) gồm 10 bài kinh nói về cuộc đời đức Phật và một số giáo pháp căn bản.

(iii) **Phẩm Ba-lê** (*Pāthikavagga*) gồm 11 bài kinh giới thiệu về vũ trụ luận, cách tu của ngoại đạo, trách nhiệm gia đình, xã hội và tâm linh.

Về bản dịch tiếng Anh, hiện có 3 bản dịch Anh ngữ hoàn chỉnh và một số bản trích dịch. Quyển *Dialogues of the Buddha* (*Đối thoại của đức Phật*) do T. W. Rhys Davids và C. A. F. Rhys Davids dịch, 3 quyển, NXB. Pali Text Society, năm 1899-1921 là bản dịch sớm nhất. Bản dịch của Maurice Walshe với tựa đề: *The Long Discourses of the Buddha*: *A Translation of the Dīgha Nikāya* (*Các bài kinh dài của đức Phật*: *Bản dịch Kinh Trường bộ*) do NXB. Wisdom Publications, Boston, năm 1987; tựa gốc trong bản tiếng Anh là: *Thus Have I Heard* (*Tôi nghe như vầy*). Bản dịch của Bhikkhu Sujato có tựa đề: *The Long Discourses* (*Các bài kinh dài*), xuất bản năm 2018 dưới dạng E-book (gồm Epub, Kindle, PDF, MS Word) miễn phí tại trang SuttaCentral (*www.suttacentral.net*).

Ngoài ra, còn có các quyển trích dịch gồm: *Long Discourses of the Buddha* (*Các bài kinh dài của đức Phật*) do A. A. G. Bennett dịch và ấn hành tại Bombay năm 1958 gồm các kinh 1-16. Tác phẩm *The Buddha's Philosophy of Man*: *Early Indian Buddhist Dialogues* (*Triết học về con người của đức Phật*: *Các cuộc đối thoại của Phật giáo Ấn Độ thời kỳ đầu*) do Rhys Davids tuyển dịch và Trevor Ling biên tập, NXB. Everyman, London, chọn dịch 10 kinh gồm các kinh số 2, 4, 5, 9, 12, 16, 22, 25, 27, 31. Quyển *Ten Suttas from Dīgha Nikāya* (*Mười kinh dài trong Kinh Trường bộ*) do Burma Piṭaka Association ấn hành tại Rangoon, 1985, gồm các kinh 1, 2, 9, 15, 16, 22, 26, 28, 29, 31.

Tại Việt Nam, bản dịch của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu với tựa đề *Kinh Trường bộ*, xuất bản 3 lần mới trọn bộ. Lần thứ nhất vào năm 1965 với 3 kinh đầu, lần thứ hai vào năm 1967 với 10 kinh (4-13), lần thứ ba vào năm 1972 với 21 kinh (14-34) chia thành 2 tập. Như vậy, *Kinh Trường bộ* trong giai đoạn đầu gồm 4 tập. Từ năm 1991 đến nay, bộ này được tái bản nhiều lần, 2 tập rồi 1 tập. Bản dịch này của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu được xem là bản dịch trung thành với nguyên tác Pāli, góp phần làm thay đổi tích cực hệ thống Phật học tại Việt Nam trong hơn bảy thập niên qua.

II. KHÁI QUÁT NỘI DUNG

A. Phẩm Giới uẩn (*Sīlakkhandhavagga*)

1. *Kinh Phạm võng* (P. *Brahmajāla Sutta*, H. 梵網經, "Tấm lưới của Phạm thiên") tương đương *Phạm động kinh*.[1] Nhân vì hai thầy trò du sĩ ngoại đạo có quan điểm trái ngược, người thầy là Suppiya dùng nhiều lời chỉ trích đức Phật, trong khi đệ tử là Brahmadatta lại dùng nhiều lời tán thán, đức Phật đã dạy cách ứng xử thản nhiên trước lời thị phi, đồng thời giới thiệu ba cấp giới hạnh: Giới hạnh nhỏ, giới hạnh vừa, giới hạnh lớn. Ngoài ra, đức Phật phê bình và dạy cách chuyển hóa 62 kiến chấp gồm 18 kiến chấp về quá khứ (Thường trú luận, Vô thường luận, Thế giới hữu biên hay vô biên, Thuyết ngụy biện và Vô nhân luận)

[1] 梵動經 (*T.*01. 0001.21. 0088b12). Tham chiếu: *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T.*01. 0021. 0264a20); *Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm luận* 舍利弗阿毘曇論 (*T.*28. 1548.19. 0656b19).

và 44 kiến chấp về tương lai (gồm Hữu tưởng luận, Vô tưởng luận, Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận, Đoạn diệt luận, Hiện tại Niết-bàn luận).

2. ***Kinh Sa-môn quả*** (P. *Sāmaññaphala Sutta,* H. 沙門果經) tương đương kinh cùng tên trong bộ *Trường A-hàm.*[2] Nhân dịp Vua Ajātasattu nhờ đức Phật cứu độ về tội giết cha, đức Phật giải thích tác hại tà thuyết của sáu ngoại Đạo sư: (i) Thuyết Không có nghiệp báo của Pūraṇa Kassapa; (ii) Thuyết Luân hồi tịnh hóa của Makkhali Gosāla; (iii) Thuyết Đoạn diệt của Ajita Kesakambala; (iv) Thuyết Bảy thân bất hoại của Pakudha Kaccāyana; (v) Thuyết Lõa thể với bốn cấm giới của Nigaṇṭha Nāṭaputta; (vi) Thuyết Ngụy biện của Sañjaya Belaṭṭhaputta. Đồng thời, đức Phật giải thích về các công đức của bậc chân tu: Được kính nể, tăng trưởng đạo đức, làm chủ giác quan, chánh niệm tỉnh giác, thiểu dục tri túc, dứt năm trói buộc tâm, chứng đắc bốn thiền, thành tựu trí tuệ, đạt được các thần thông và giải thoát tri kiến.

3. ***Kinh Ambaṭṭha*** **(*****A-ma-trú*****)** (P. *Ambaṭṭha Sutta*, H. 阿摩晝經) tương đương kinh cùng tên trong bộ *Trường A-hàm.*[3] Trước thái độ cao ngạo về huyết thống của Ambaṭṭha, đức Phật truy nguồn gốc mẹ của Ambaṭṭha là nữ tỳ của dòng họ Sākya. Phủ định giai cấp, đức Phật khẳng định rằng người nào có giới hạnh và trí tuệ đầy đủ sẽ trở thành tối thắng giữa loài người. Nhân đó, đức Phật giảng về Tứ diệu đế, bố thí, sống đạo đức, quả phước ở các cõi trời.

4. ***Kinh Chủng Đức*** (P. *Soṇadaṇḍa Sutta*, H. 種德經) tương đương kinh cùng tên trong bộ *Trường A-hàm.*[4] Nhân dịp các Bà-la-môn cao ngạo rằng mình là người có huyết thống thuần khiết bảy đời, thông hiểu ba bộ Vệ-đà, giỏi thần chú, tướng mạo đoan trang, đầy đủ đức hạnh, sáng suốt trí tuệ, đức Phật cho rằng trí tuệ và đạo đức làm cho con người trở nên tối thắng, chứ không phải giai cấp và huyết thống. Nơi nào có trí tuệ, nơi ấy có đạo đức. Theo đức Phật, người xứng danh Bà-la-môn phải là người thành tựu trí tuệ, đạo đức.

5. ***Kinh Cứu-la-đàn-đầu*** (P. *Kūṭadanta Sutta*, H. 究羅檀頭經) tương đương kinh cùng tên trong bộ *Trường A-hàm.*[5] Trái với các lễ tế đàn của Bà-la-môn: Đẫm máu, chặt cây, phạt nô tỳ… đức Phật dạy tế đàn cao quý bằng cách cúng dường người đạo đức, xây dựng tự viện, quy ngưỡng Tam bảo, giữ năm đạo đức, chứng đắc bốn thiền và giúp người thấy và sống với chân lý. Để chấm dứt các tệ nạn, làm cho xã hội an bình, đức Phật cho rằng hình phạt không phải là giải pháp, mà chính là việc hỗ trợ nhân dân đúng thời, đúng cách.

---

[2] 沙門果經 (*T.*01. 0001.27. 0107a20). Tham chiếu: *Tịch chí quả kinh* 寂志果經 (*T.*01. 0022. 0270c27); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.7. 0762a07); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.154. 0043c21); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.155. 0044a01); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.156. 0044a11); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.157-160. 0044a22-b11); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.161. 0044b16); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.162. 0044b29); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.163. 0044c12); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T.*23. 1442.13. 0692b01).

[3] 阿摩晝經 (*T.*01. 0001.20. 0082a06). Tham chiếu: *Phật khai giải Phạm chí A-bạt kinh* 佛開解梵志阿颰經 (*T.*01. 0020. 0259c04).

[4] 種德經 (*T.*01. 0001.22. 0094a18).

[5] 究羅檀頭經 (*T.*01. 0001.23. 0096a16).

6. ***Kinh Mahāli*** (P. *Mahāli Sutta*, H. 摩訶梨經) không có bản tương đương trong bộ *Trường A-hàm.* Thay vì các Bà-la-môn bị vướng kẹt vào thiên sắc, thiên âm và tranh luận vô ích về thân thể, về quan điểm “tâm thức là một hay khác”; đức Phật dạy con đường kết thúc khổ đau bằng cách chuyên tu đạo đức qua ba cấp (tiểu giới, trung giới, đại giới), đạt bốn cấp thiền định, phát triển trí tuệ, hướng đến sự kết thúc các khổ đau.

7. ***Kinh Jāliya*** (P. *Jāliya Sutta*, H. 闍利經) không có bản tương đương trong bộ *Trường A-hàm.* Nhân dịp hai vị xuất gia thảo luận về thân và tâm là đồng nhất hay dị biệt, đức Phật hướng dẫn cách phát triển trí tuệ trên nền tảng bốn chân lý Thánh để vượt qua mọi khổ đau.

8. ***Kinh Ca-diếp Sư tử hống*** (P. *Kassapasīhanāda Sutta,* H. 迦叶狮子吼經) tương đương *Lõa hình Phạm chí kinh.*[6] Ngoài việc chứng minh tác hại của tu khổ hạnh ép xác của đạo Bà-la-môn, đức Phật dạy hạnh tu khó làm, bao gồm phát triển tâm từ bi, giữ đầy đủ các điều đạo đức nhỏ, vừa và lớn, làm chủ các giác quan, giải thoát các trói buộc bằng trí tuệ và chứng đạt bốn thiền nhằm vượt qua các khổ đau.

9. ***Kinh Poṭṭhapāda (Bố-tra-bà-lâu)*** (P. *Poṭṭhapāda Sutta*, H. 布吒婆楼經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[7] Kinh này dạy cách chấm dứt các tạp tưởng bằng phương pháp sống đạo đức, tu tập thiền định, phát triển trí tuệ để vượt qua ba hình thái: Chấp ngã qua hình tướng, chấp ngã qua các đặc điểm thân, chấp ngã quá khứ và tương lai. Không nên mất thời giờ cho các câu chuyện siêu hình, hãy siêng tu bốn chân lý Thánh để giác ngộ và giải thoát.

10. ***Kinh Subha (Tu-bà)*** (P. *Subha Sutta*, H. 須婆經) không có kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm*, được Tôn giả Ānanda giảng sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tu tập đạo đức, thiền định và trí tuệ.

11. ***Kinh Kevaddha (Kiên Cố)*** (P. *Kevaddha Sutta*, H. 堅固經) tương đương bài kinh cùng tên trong bộ *Trường A-hàm.*[8] Thấy sự nguy hiểm và mặt trái của việc biểu diễn các thần thông biến hóa, đức Phật đề cao “giáo hóa thần thông” tức “giáo dục là phép mầu” chuyển hóa khổ đau bằng cách giáo dục đạo đức và thiền định để chấm dứt năm trói buộc tâm, trải nghiệm tâm thơ thới, hoan hỷ, khinh an, lạc thọ, định tĩnh. Đồng thời, đức Phật khẳng định Thượng đế không có thật, nếu có thì Thượng đế không phải là đấng Toàn trí, Toàn năng và Toàn bi.

12. ***Kinh Lohicca (Lộ-già)*** (P. *Lohicca Sutta*, H. 露遮經) tương đương bài

---

[6] 倮形梵志經 (*T.*01. 0001.25. 0102c25).

[7] 布吒婆楼經 (*T.*01. 0001.28. 0109c22).

[8] 堅固經 (*T.*01. 0001.24. 0101b14).

kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[9] Khi được hỏi tại sao nhiều Sa-môn và Bà-la-môn đạt thiện pháp nhưng ích kỷ, không giáo huấn tha nhân, đức Phật phê phán 3 loại Đạo sư: (i) Không tự giác, không giác tha; (ii) Không tự giác nhưng giác tha; (iii) Tự giác nhưng không giác tha. Đồng thời, đức Phật đề cao hạng Đạo sư "tự giác và giác tha", gồm tu đạo đức thanh cao, thực tập bốn thiền, tháo mở các trói buộc tâm, tinh tấn truyền bá Chánh pháp để giúp mọi người được lợi ích và an vui.

13. *Kinh Tam minh* (P. *Tevijja Sutta*, H. 三明經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[10] Nhân hai vị Bà-la-môn tranh luận về việc cộng trú ở cõi trời Phạm thiên, đức Phật khẳng định rằng các Bà-la-môn còn dục ái, hận tâm, sân tâm và nhiễm tâm không thể nào cộng trú ở cõi trời Phạm thiên được, bởi nơi đây đã vắng mặt hoàn toàn các uế trược này. Ngược lại, một vị Tỳ-kheo đoạn trừ sạch năm triền cái, an trú biến mãn với tâm có từ, bi, hỷ, xả có thể cộng trú ở cõi trời Phạm thiên. Theo đó, đức Phật khích lệ đại chúng tu tập bốn tâm vô lượng gồm từ, bi, hỷ, xả; kết thúc năm trói buộc tâm, vượt qua năm dục lạc để có được an lạc bây giờ và tại đây.

B. Phẩm Đại (*Mahāvagga*)

14. *Kinh Đại bổn* (P. *Mahāpadāna Sutta,* H. 大本經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[11] Kinh này kể các tích truyện về sáu vị Phật quá khứ trước Phật Thích-ca gồm: Cách sinh đứng, có 32 tướng Đại nhân, xuất gia vì lý tưởng, khuyến khích tu tập đạo đức và thiền định, thuyết pháp phù hợp căn tính, truyền bá bốn sự thật vì lòng thương tưởng đời, mang lại hạnh phúc cho mọi người.

15. *Kinh Đại duyên* (P. *Mahānidāna Sutta,* H. 大緣經) tương đương *Đại duyên phương tiện kinh.*[12] Trong kinh này, đức Phật dạy rõ sự hỗ tương của chín nhân duyên căn bản gồm: Thức, danh sắc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử theo hai chiều thuận và nghịch. Chính chín mắc xích sự sống này khiến người thiếu trí làm việc bất thiện, chịu khổ đau trong vòng luân hồi. Bài kinh còn nêu các quan niệm ngã chấp sai lầm, bảy trú xứ của thức, và việc tu tập giải thoát qua tám cách khác nhau.

16. *Kinh Đại Bát-niết-bàn* (P. *Mahāparinibbāna Sutta,* H. 大般涅槃經)

---

[9] 露遮經 (*T.*01. 0001.29. 0112c20).

[10] 三明經 (*T.*01. 0001.26. 0104c17).

[11] 大本經 (*T.*01. 0001.01. 0001b11). Tham chiếu: *Phật thuyết Thất Phật kinh* 佛說七佛經 (*T.*01. 0002. 0150a03); *Tỳ-bà-thi Phật kinh* 毘婆尸佛經 (*T.*01. 0003. 0154b05); *Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh* 七佛父母姓字經 (*T.*01. 0004. 0159a27); *La-ma kinh* 羅摩經 (*T.*01. 0026.204. 0775c07); Tăng. 增 (*T.*02. 0125.19.1. 0593a24); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.48.4. 0790a07); *Pháp tập yếu tụng kinh, Như Lai phẩm* 法集要頌經如來品 (*T.*04. 0213.21. 0787b22).

[12] 大緣方便經 (*T.*01. 0001.13. 0060a29). Tham chiếu: *Đại nhân kinh* 大因經 (*T.*01. 0026.97. 0578b07); *Phật thuyết Nhân bổn dục sanh kinh* 佛說人本欲生經 (*T.*01. 0014. 0241c23); *Phật thuyết Đại sanh nghĩa kinh* 佛說大生義經 (*T.*01. 0052. 0844b09); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T.*26. 1536.18. 0440c23).

tương đương với *Du hành kinh.*[13] Trước lúc nhập Niết-bàn, đức Phật ôn lại những giáo pháp căn bản: Bảy sức mạnh của quốc gia và Tăng đoàn, bảy tài sản Thánh, bảy yếu tố giác ngộ, bảy pháp quán tưởng dứt trừ khổ đau, sáu yếu tố hòa hợp, vai trò của Giới - Định - Tuệ, năm nguy hiểm do phạm giới, Tứ Thánh đế, cảnh giới tái sinh, tin sâu Tam bảo, tu chánh niệm, phát tâm cúng dường, không có mật pháp và thành tựu tám giải thoát.

17. *Kinh Đại Thiện Kiến Vương* (P. *Mahāsudassana Sutta*, H. 大善見王經).[14] Đức Phật giải thích lý do chọn Kusinārā làm nơi xả bỏ thân tứ đại như truyền thống nhập Niết-bàn của chư Phật quá khứ. Đồng thời, đức Phật kể về kiếp quá khứ của Ngài làm Vua Đại Thiện Kiến thích bố thí, không bóc lột chư hầu, xây dựng Chánh pháp khắp đất nước, dứt dục vọng, sân hận, não hại; tu từ, bi, hỷ, xả, chứng đắc bốn thiền, an nhiên trong sinh tử.

18. *Kinh Xà-ni-sa* (P. *Janavasabha Sutta*, H. 闍尼沙經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong *Trường A-hàm kinh.*[15] Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) tái sinh vào cõi trời Cātummahārājika (Tứ Thiên Vương), khen ngợi giáo pháp Phật có khả năng giúp người tu tái sinh thiên giới, hưởng các phước báu to lớn. Tại cõi trời, tiếp tục phát triển thiện dục, tinh tấn, thiền định, tu tâm; tu bốn chánh niệm, tám chánh đạo và truyền bá Phật pháp, mở cửa bất tử cho con người.

19. *Kinh Đại Điển Tôn* (P. *Mahāgovinda Sutta*, H. 大典尊經) tương đương *Điển Tôn kinh.*[16] Kinh nói về kiếp trước của đức Phật làm Quốc sư Govinda. Sau khi giúp đất nước và nhân dân được giàu có, Govinda đi tu, bỏ lại tất cả lạc thú. Khi giác ngộ, Ngài truyền bá Bát chánh đạo, giúp mọi người giác ngộ và chứng Niết-bàn. Qua đó, đức Phật giải thích lý tưởng độ sinh vì thương đời, truyền bá giáo pháp với năm đặc điểm: Dạy đạo đức, chỉ đường Niết-bàn, sống chung hòa hợp, lời nói đi đôi việc làm, không cao ngạo.

20. *Kinh Đại hội* (P. *Mahāsamaya Sutta,* H. 大會經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[17] Chư thiên ở nhiều cõi giới đến thăm viếng, tán dương Phật, nghe chân lý và thực tập chuyển hóa theo hướng dẫn của Phật.

---

[13] 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07). Tham chiếu: *Phật Bát-nê-hoàn kinh* 佛般泥洹經 (*T*.01. 0005. 0160b05); *Bát-nê-hoàn kinh* 般泥洹經 (*T*.01. 0006. 0176a02); *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (*T*.01. 0007. 0191b02); *Địa động kinh* 地動經 (*T*.01. 0026.36. 0477b23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.28.5. 0652b13); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.42.5. 0753c11); *Xuất diệu kinh, Thủy phẩm* 出曜經水品 (*T*.04. 0212.18. 0706c07); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘柰耶雜事 (*T*.24. 1451.35. 0382b29).

[14] Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07); *Đại Thiện Kiến Vương kinh* 大善見王經 (*T*.01. 0026.68. 0515b03); *Phật Bát-nê-hoàn kinh* 佛般泥洹經 (*T*.01. 0005. 0160b05); *Bát-nê-hoàn kinh* 般泥洹經 (*T*.01. 0006. 0176a02); *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (*T*.01. 0007. 0191b02); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部 毘柰耶 雜事 (*T*.24. 1451.37. 0393a01).

[15] 闍尼沙經 (*T*.01. 0001.04. 0034b05). Tham chiếu: *Phật thuyết Nhân tiên kinh* 佛說人仙經 (*T*.01. 0009. 0213c22).

[16] 典尊經 (*T*.01. 0001.03. 0030b10). Tham chiếu: *Phật thuyết Đại Kiên Cố Bà-la-môn duyên khởi kinh* 佛說大堅固婆羅門緣起經 (*T*.01. 0008. 0207c18).

[17] 大會經 (*T*.01. 0001.19. 0079b02). Tham chiếu: *Phật thuyết Đại tam-ma-nhạ kinh* 佛說大三摩惹經 (*T*.01. 0019. 0258a10); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1192. 0323a12); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.105. 0411a24).

21. *Kinh Đế-thích sở vấn* (P. *Sakkapañha Sutta,* H. 帝釋所問經) tương đương *Thích-đề-hoàn-nhân vấn kinh.*[18] Đức Phật phân tích mắc xích khổ đau từ hận thù, ganh ghét, bỏn xẻn, ưa ghét; hai mặt của hỷ, ưu và xả; sự dị biệt tôn giáo là do khác nhau về bản chất, nguyên nhân ra đời, mục đích phụng sự. Đồng thời, đức Phật dạy về lợi ích của tâm không còn hận thù và giá trị của nghe và thực tập Chánh pháp.

22. *Kinh Đại niệm xứ* (P. *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta*, H. 大念處經) tương đương *Niệm xứ kinh*[19] trong bộ *Trung A-hàm*. Phật dạy phương thức quán sát và làm chủ để đạt chánh niệm, tỉnh thức: (i) Làm chủ hơi thở và sự vận động của thân; thân thể được cấu tạo bởi đất, nước, lửa, gió nên vô thường và nhơ uế; quán 9 giai đoạn tử thi để không chấp thân; (ii) Cảm giác hạnh phúc, khổ đau và trung tính đối với thân, tâm; (iii) Tám cặp đặc tính của tâm gồm tham - không tham, sân - không sân, si - không si, tập trung - tán loạn, quảng đại - nhỏ nhoi, hữu hạn - vô hạn, định - không định, giải thoát - trói buộc; (iv) Pháp: Cắt đứt năm trói buộc tâm, không chấp năm uẩn, sáu giác quan và sáu đối tượng giác quan. Đồng thời tu bảy yếu tố giác ngộ, bốn chân lý để kết thúc khổ đau.

23. *Kinh Tệ-túc* (P. *Pāyāsi Sutta*, H. 弊宿經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[20] Kinh khắc họa cuộc đối thoại triết học về tái sinh giữa một cao Tăng và một vị vua hoài nghi. Một số dụ ngôn được sử dụng trong kinh này nhằm chứng minh sự thật rằng "chết không phải là hết", thông qua đó, giáo dục mọi người tin sâu nhân quả, chịu trách nhiệm về những gì mình làm, sống đời đạo đức thanh cao để hưởng an vui và hạnh phúc ở hiện tại và tương lai.

C. Phẩm Ba-lê (*Pāthikavagga*)

24. *Kinh Ba-lê* (P. *Pāthika Sutta,* H. 波梨經) tương đương *A-nậu-di kinh.*[21] Nhân sự kiện một Tăng sĩ bỏ tu vì thất vọng đức Phật không thi thố thần thông, không giải thích về nguồn gốc thế giới, đức Phật phân tích việc cho rằng thế giới này được hình thành bởi Thượng đế (chủ nghĩa duy thần), bởi vật chất (chủ nghĩa duy vật), do tâm tạo ra (chủ nghĩa duy tâm) và do sự ngẫu nhiên (ngẫu nhiên luận). Đức Phật khẳng định vai trò của giáo hóa chính là thần thông; thay vì biểu diễn thần thông, kêu gọi mọi người truyền bá Chánh pháp, giúp cuộc đời kết thúc khổ đau.

---

[18] 釋提桓因問經 (*T.*01. 0001.14. 0062b29). Tham chiếu: *Thích vấn kinh* 釋問經 (*T.*01. 0026.134. 0632c27); *Phật thuyết Đế-thích sở vấn kinh* 佛說帝釋所問經 (*T.*01. 0015. 0246b03); *Phật thuyết Đế-thích vấn sự duyên kinh* 佛說帝釋問事緣經 thuộc *Tạp Bảo tạng kinh* 雜寶藏經 (*T.*04. 0203.73. 0476a17).

[19] 念處經 (*T.*01. 0026.98. 0582b07). Tham chiếu: *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T.*01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (*T.*01. 0026.81. 0554c10); *Phật thuyết Tứ đế kinh* 佛說四諦經 (*T.*01. 0032. 0814b08).

[20] 弊宿經 (*T.*01. 0001.07. 0042b24). Tham chiếu: *Tỳ-tứ kinh* 蜱肆經 (*T.*01. 0026.71. 0525a10); *Đại Chánh Cú Vương kinh* 大正句王經 (*T.*01. 0045. 0831a06).

[21] 阿㝹夷經 (*T.*01. 0001.15. 0066a09).

25. ***Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư tử hống*** (P. *Udumbarikā Sīhanāda Sutta,* H. 優曇婆邏狮子吼經) tương đương *Tán-đà-na kinh.*[22] Kinh mô tả cuộc đối thoại tôn giáo. Đức Phật không quan tâm đến việc cải đạo người khác theo mình mà tập trung vào việc dẫn dắt mọi người kết thúc khổ đau, bất luận họ là ai, theo đạo nào, làm gì trong xã hội. Chánh tri kiến, đạo đức và tu thiền là phương pháp thực tập đưa đến dứt khổ, được vui.

26. ***Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư tử hống*** (P. *Cakkavatti Sīhanāda Sutta,* H. 轉輪聖王狮子吼經) tương đương *Chuyển Luân Thánh Vương tu hành kinh.*[23] Lấy kiếp quá khứ của bản thân làm ví dụ, đức Phật nói về nguyên nhân sụp đổ của dòng vua chúa trong quá khứ và sự suy thoái xã hội sau đó. Kinh dự đoán Phật Di-lặc sẽ ra đời trong những kiếp tương lai nhằm phục hưng đạo đức và mang lại hạnh phúc cho con người. Nhân đó, kinh này dạy kỹ năng tự nương tựa với tinh thần chánh niệm, tỉnh thức, kỷ luật trong tu học, không nương tựa bên ngoài. Thực tập Tứ niệm xứ là sự nương tựa cao quý vào Chánh pháp.

27. ***Kinh Khởi thế nhân bổn*** (P. *Aggañña Sutta,* H. 起世因本經) tương đương *Tiểu duyên kinh* trong bộ *Trường A-hàm.*[24] Theo đức Phật, nguồn gốc sự sống không bắt đầu từ nguyên nhân khởi thủy là Thượng đế, vật chất hay tâm. Con người đầu tiên trên địa cầu chúng ta đang sống đến từ địa cầu khác. Khác với quan điểm Ấn giáo về xã hội giai cấp, đức Phật cho rằng con người chọn lựa nghề nghiệp, thể hiện quan điểm và cách sống của mình, tự tạo ra hạnh phúc hay khổ đau, giàu hay nghèo, cao hay thấp, quý hay tiện, không có định mệnh an bài. Lòng tham vô đáy của con người đã góp phần hủy hoại thiên nhiên.

28. ***Kinh Tự hoan hỷ*** (P. *Sampasādanīya Sutta,* H. 自歡喜經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[25] Trước khi viên tịch tại Nālandā, Ngài Sāriputta đã tán dương giá trị Phật pháp, kêu gọi mọi người thực tập Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm năng lực, Bảy giác ngộ, Tám chánh đạo… nhằm kết thúc khổ đau, trải nghiệm an lạc ngay trong đời sống hiện tại.

29. ***Kinh Thanh tịnh*** (P. *Pāsādika Sutta,* H. 清淨經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[26] Nhân sự kiện tạ thế của Nigaṇṭha Nāṭaputta, lãnh tụ đạo Kỳ-na, đức Phật nhắc nhở các đệ tử cần sống có lý tưởng, đề cao tình huynh đệ và tinh thần hòa hợp, không tranh chấp, và để chứng Thánh quả, cần thực tập 37 yếu tố giác ngộ, đặc biệt tu bốn thiền và

---

[22] 散陀那經 (*T.*01. 0001.08. 0047a17). Tham chiếu: *Ưu-đàm-bà-la kinh* 優曇婆邏經 (*T.*01. 0026.104. 0591b26); *Phật thuyết Ni-câu-đà Phạm chí kinh* 佛說尼拘陀梵志經 (*T.*01. 0011. 0222a19).

[23] 轉輪聖王修行經 (*T.*01. 0001.06. 0039a21). Tham chiếu: *Chuyển Luân Vương kinh* 轉輪王經 (*T.*01. 0026.70. 0520b16).

[24] 小緣經 (*T.*01. 0001.05. 0036b28). Tham chiếu: *Bà-la-bà đường kinh* 婆羅婆堂經 (*T.*01. 0026.154. 0673b04); *Phật thuyết Bạch y kim tràng nhị Bà-la-môn duyên khởi kinh* 佛說白衣金幢二婆羅門緣起經 (*T.*01. 0010. 0216b11).

[25] 自歡喜經 (*T.*01. 0001.18. 0076b24). Tham chiếu: *Phật thuyết Tín Phật công đức kinh* 佛說信佛功德經 (*T.*01. 0018. 0255a11); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.498. 0130c07).

[26] 清淨經 (*T.*01. 0001.17. 0072c12).

bốn chân lý Thánh. Các đệ tử nhiệt tâm truyền bá chân lý để Phật pháp soi sáng thế gian, giúp cuộc đời được an vui.

30. ***Kinh Tướng*** (P. *Lakkhaṇa Sutta,* H. 相經).[27] Chấp nhận văn hóa nhân tướng tại Ấn Độ cổ đại, đức Phật khẳng định rằng 32 tướng Đại nhân là kết quả của sự gieo trồng nhân tốt trong các kiếp quá khứ. Người có 32 tướng Đại nhân, nếu làm chính trị sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, nếu xuất gia sẽ trở thành bậc Giác Ngộ Tối Thượng.

31. ***Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt*** (P. *Siṅgālovāda Sutta,* H. 教授尸迦羅越經) tương đương *Thiện Sanh kinh.*[28] Giới thiệu 6 mối quan hệ xã hội. Về gia đình có: (i) Cha mẹ - con cái; (ii) Vợ - chồng; (iii) Bà con - thân quyến. Về giáo dục và nghề nghiệp có: (iv) Thầy cô giáo - học trò; (v) Chủ lao động - người lao động. Về tôn giáo có: (vi) Nhà tôn giáo - tín đồ. Mỗi bên được khuyên nên giữ gìn 5 trách nhiệm cao quý, góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình, xã hội và tâm linh.

32. ***Kinh A-sá-nang-chi*** (P. *Āṭānāṭiya Sutta,* H. 阿吒曩胝經).[29] Đức Phật dạy bốn Thiên Vương, dạ-xoa, càn-thát-bà, cưu-bàn-trà về giới pháp, gồm không giết hại, không trộm cắp, không nói láo, không uống rượu; kính trọng Phật pháp; truyền bá chân lý; giúp mọi người an vui.

33. ***Kinh Phúng tụng*** (P. *Saṅgīti Sutta,* H. 諷誦經) tương đương *Chúng tập kinh.*[30] Nhân dịp chứng minh lễ khánh thành giảng đường mới tại nước Mạt-la, đức Phật khích lệ Ngài Sāriputta trùng tuyên 229 pháp số quan trọng, bắt đầu từ 1 pháp đến 10 pháp, tóm tắt chân lý Phật dạy, nhắc nhở mọi người thực tập, kết thúc khổ đau.

34. ***Kinh Thập thượng*** (P. *Dasuttara Sutta,* H. 十上經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ *Trường A-hàm.*[31] Đức Phật khích lệ Ngài Sāriputta giảng 100 pháp số quan trọng, bắt đầu bằng số 1 và kết thúc ở số 10. Mỗi con số có 10 pháp số khác nhau, tóm tắt các học thuyết và hành trì quan trọng của đức Phật.

---

[27] Tham chiếu: *Tam thập nhị tướng kinh* 三十二相經 (*T.*01. 0026.59. 0493a24).

[28] 善生經 (*T.*01. 0001.16. 0070a20). Tham chiếu: *Thiện Sanh kinh* 善生經 (*T.*01. 0026.135. 0638c06); *Phật thuyết Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh* 佛說尸迦羅越六方禮經 (*T.*01. 0016. 0250c11); *Thiện Sanh tử kinh* 善生子經 (*T.*01. 0017. 0252b06).

[29] Tham chiếu: *Tỳ-sa-môn Thiên Vương kinh* 毘沙門天王經 (*T.*21. 1244. 0215a03); *Phật thuyết Tỳ-sa-môn Thiên Vương kinh* 佛說毘沙門天王經 (*T.*21. 1245. 0217a03).

[30] 眾集經 (*T.*01. 0001.09. 0049b27). Kinh này còn gọi là *Đẳng tụng kinh* 等誦經, *Tăng-kỳ-đà kinh* 僧祇陀經. Tham chiếu: *Thập thượng kinh* 十上經 (*T.*01. 0001.10. 0052c17); *Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh* 佛說大集法門經 (*T.*01. 0012. 0226c03); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T.*01. 0026.206. 0780b15); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.1. 0708c11); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.5. 0730c19); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.44.1. 0764c20); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.4. 0817a16).

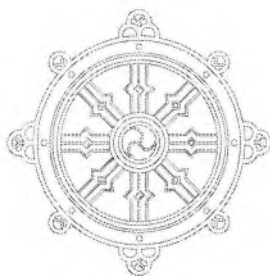
[31] 十上經 (*T.*01. 0001.10. 0052c17). Tham chiếu: *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T.*01. 0001.9. 0049b27); *Tăng nhất kinh* 增一經 (*T.*01. 0001.11. 0057b26); *Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh* 佛說大集法門經 (*T.*01. 0012. 0226c03); *Trường A-hàm thập báo pháp kinh* 長阿含十報法經 (*T.*01. 0013. 0233b23); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T.*01. 0026.206. 0780b15); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.5. 0712a09); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.5. 0730c19); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.4. 0817a16).

Bản *Kinh Trường bộ* được in trong bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này được đánh số theo quy cách của Hội Thánh điển Pāli, nhằm hỗ trợ cho việc tra cứu bản nguồn Pāli và các bản dịch khác dễ dàng. Đồng thời, ngoài việc bổ túc một số cước chú do các dịch giả trong Hội Thánh điển Pāli chú thích, vốn đã được Hòa thượng Thích Minh Châu sử dụng, Ban Biên tập còn đối chiếu bản A-hàm thuộc Hán tạng, cung cấp thêm nguồn dẫn cho các nhà nghiên cứu Phật học và nhuận sắc một vài chỗ cần thiết. Chúng tôi hết sức cố gắng cho sự hoàn thiện ấn bản *Kinh Trường bộ* lần này, hầu mong đem lại lợi lạc, hiệu quả tốt nhất cho người học Phật.

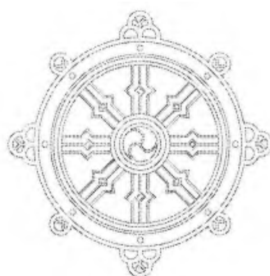
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12-9-2019

Thượng tọa THÍCH NHẬT TỪ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



MỤC LỤC



1. KINH PHẠM VÕNG

(*Brahmajāla Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Rājagaha (Vương Xá) và Nāḷandā cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya, du sĩ ngoại đạo,[2] cũng đi trên con đường giữa Rājagaha và Nāḷandā cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalaṭṭhikā,[3] nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalaṭṭhikā, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

– Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương

---

[1] Xem *D*. I. 47; III. 99; *M*. I. 237, 513; *S*. IV. 285; V. 419; *A*. V. 128; *MNid*. 209, 338, 444; *Miln*. 183; *Vin*. I. 179; II. 284; IV. 165; *Vbh*. 345; *Kvu*. 280. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Tham chiếu: *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20); *Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm luận* 舍利弗阿毘曇論 (*T*.28. 1548.19. 0656b19).

[2] Suppiya là đệ tử của Sañjaya. Quan điểm của vị này sẽ được bàn luận trong kinh tiếp theo.

[3] Ambalaṭṭhikā. *Vin*. II. 287; *D*. I. 1 viết đây là ngự uyển có nhà nghỉ bên trong giữa Rājagaha và Nāḷandā. Đức Phật và chư Tăng trên đường du hóa thường dừng chân nghỉ ngơi tại khu vườn này. Trong *DA*. I. 41-2, Buddhaghosa nói rằng khu vườn này nằm gần cổng thành, có hồ nước, mát mẻ do bóng râm của nhiều cây xoài nhỏ. Xung quanh khu vườn có hàng rào, trong khuôn viên có một nhà nghỉ được trang trí nhiều bức tranh về đời sống vương giả của nhà vua.

tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các ngươi ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo." Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến.

5. – Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi chớ có vì vậy sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các ngươi. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi công phẫn và phiền muộn, thời các ngươi có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

– Bạch Thế Tôn, không thể được.

– Này các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: "Như thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi."

6. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các ngươi không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các ngươi hoan hỷ, vui mừng và thích thú, thời sẽ có hại cho các ngươi. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các ngươi hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Như thế này, điểm này đúng sự thật; như thế này, điểm này chính xác; việc này có giữa chúng tôi; việc này đã xảy ra giữa chúng tôi."

Tiểu giới

7. Này các Tỷ-kheo, thật sự chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Này các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh không có trộm cướp. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo; nói những lời chơn thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói với những người kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ,[4] nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ. Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Sa-môn Gotama từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Sa-môn Gotama từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Sa-môn Gotama từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận vàng và bạc. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận các hạt giống.

---

[4] *Samphappalāpa*. Xem *A*. II. 23; *J*. VI. 295.

Sa-môn Gotama từ bỏ nhận thịt sống. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận đàn bà, con gái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận cừu và dê. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận gia cầm và heo. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Sa-môn Gotama từ bỏ bảo người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Sa-môn Gotama từ bỏ buôn bán. Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Sa-môn Gotama từ bỏ, không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Trung giới

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như các giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt cây sanh, giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không làm hại hạt giống hay cây cối nào. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi sắt, trò chơi sào tre, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chơn chánh như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đổng thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười hai người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con nai có bộ da quý (kadali), tấm khảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí"; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia"; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không cho đưa các tin tức và không tự đứng làm môi giới. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, lấy lợi cầu lợi; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không lừa đảo và không siểm nịnh như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Đại giới

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muỗng, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thục tô, tế dầu, dùng miệng phun hột cải, v.v… vào lửa, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bọ cạp, khoa chuột, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng áo quần, tướng que gậy, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng rùa, tướng thú vật; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ

có nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo; mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đất sẽ có kết quả như thế này; sấm trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thơ, làm theo thế tình; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành để đưa rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến quai hàm cử động, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bịnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bịnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, đấy là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới

28. Này các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

Sáu mươi hai loại tà kiến

29. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn" với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hàng trăm đời, hàng ngàn đời, hàng trăm ngàn đời, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này." Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số vị Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Thường trú luận", chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp,… mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Thường trú luận", cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này." Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này." Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."[5]

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương "Thường trú luận", chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai biết như vậy, lại biết hơn thế nữa, và không chấp sở tri ấy.[6] Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh.[7] Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm II

38. – Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp?

39. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại

---

[5] Xem Tụng phẩm III. 89, 95.

[6] Xem *Sum*. 182; *M*. I. 188, 251, 252, 422; *S*. I. 9, 10, 117; III. 54; *A*. II. 198; *Sn*. 611, 906; *Miln*. 96, 347.

[7] Niết-bàn.

hữu tình phần lớn sanh qua cõi Ābhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đấy, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

40. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

41. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận, bị mệnh chung và từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đấy cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

42. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh ra [ở Phạm cung], nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh.[8] Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: 'Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này.' Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này." Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau."

43. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn.

44. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn,

[8] Trong bài kinh này nói về Phạm thiên Baka. Câu chuyện về Phạm thiên Baka được đề cập ba lần trong *M.* I. 326-331; *S.* I. 142-44; *J.* IV. 405.

Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yểu thọ và chịu sự biến dịch."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

45. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có hạng chư thiên gọi là Khiḍḍāpadosikā (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

46. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Chư thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm nên chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

47. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có hạng chư thiên gọi là Manopadosikā (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Họ sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể này của họ.

48. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, những vị ấy sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí của các vị ấy không oán ghét nhau. Vì tâm trí các vị ấy không oán ghét nhau nên thân các vị ấy không mệt mỏi, tâm các vị ấy không mệt mỏi. Những hàng chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của mình, sống thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

49. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

50. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương

"Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác, vị ấy sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

51. Này các Tỳ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa, và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỳ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

52. Những pháp ấy, này các Tỳ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

53. Này các Tỳ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên hay vô biên với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

54. Này các Tỳ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh. Vì sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó, tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh."

Này các Tỳ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên.

55. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên hay vô biên?

Này các Tỳ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh', những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.

Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.'"

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên.

56. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên hay vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh', thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn', thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: 'Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên.'"

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên.

57. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có giới hạn xung quanh', những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn', những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên', những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên."

58. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương "Hữu biên, vô biên luận" với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên, họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

59. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

60. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

61. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận". Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, họ dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp?

62. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện." Vị ấy nghĩ: "Tôi không như thật biết: 'Đây là thiện', không như thật biết: 'Đây là bất thiện', và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện', hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện', do như thật biết: 'Đây là thiện', do như thật biết: 'Đây là bất thiện', thời tôi nói dối. Nếu tôi nói dối thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi." Như vậy, vì sợ nói dối, vì chán ghét nói dối nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện." Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

63. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện." Vị ấy nghĩ: "Tôi không như thật biết: 'Đây là thiện', không như thật biết: 'Đây là bất thiện', và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện', hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện', do như thật biết: 'Đây là thiện', do như thật biết: 'Đây là bất thiện', thời dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời

thành một chướng ngại cho tôi." Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện." Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

64. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện." Vị ấy nghĩ: "Tôi không như thật biết: 'Đây là thiện', không như thật biết: 'Đây là bất thiện', và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện', hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện', do như thật biết: 'Đây là thiện', do như thật biết 'Đây là bất thiện', thì có những Sa-môn, Bà-la-môn bác học, tinh thông, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc; những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ, họ có thể đọ tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu họ đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho họ.[9] Nếu tôi không giải đáp được cho họ, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời thành một chướng ngại cho tôi." Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện." Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

65. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn đần độn ngu si. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "'Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?' Nếu tôi nghĩ: 'Có một thế giới khác', tôi có thể trả lời với anh: 'Có một thế giới khác.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không

---

[9] *Sampāyati*. Tham khảo *M*. I. 85, 96, 472; *Vin*. III. 317.

nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Không có một thế giới khác phải không?' Nếu tôi nghĩ: 'Không có một thế giới khác', tôi có thể trả lời với anh: 'Không có một thế giới khác.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Cũng có và cũng không có một thế giới khác?'... 'Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?'... 'Có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Cũng có và cũng không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Như Lai có tồn tại sau khi chết?'... 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết?'... 'Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?'... 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?' Anh hỏi tôi như vậy, nếu tôi nghĩ: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết', tôi có thể trả lời: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

66. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Ngụy biện luận", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn, họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

67. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

68. Này các Tỷ-kheo, có chư thiên gọi là Vô Tưởng Hữu Tình. Khi một tưởng niệm khởi lên, thời chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư thiên của mình. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

69. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh."

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

70. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, họ sẽ chấp cả hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri,

giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

71. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên.[10] Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, họ sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

72. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

73. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

74. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?

75. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết" với mười sáu luận chấp?

76. Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng." Họ chủ trương: "Bản ngã không có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng."... "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc..."... "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc..."... "Bản ngã là hữu biên..."... "Bản ngã là vô biên..."... "Bản ngã là hữu biên và vô biên..."... "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên..."; "Bản ngã là nhất tưởng..."... "Bản ngã là dị tưởng..."... "Bản ngã là thiểu tưởng..."... "Bản ngã là vô lượng tưởng..."... "Bản ngã là thuần lạc..."... "Bản ngã là thuần khổ..."... "Bản ngã là khổ lạc..." Họ chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng."

[10] Xem Tụng phẩm I. 1. 29.

77. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", họ sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỳ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỳ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỳ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm III

78. Này các Tỳ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp?

79. Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng"... "Bản ngã không có sắc..."... "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc..."... "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc..."... "Bản ngã là hữu biên..."... "Bản ngã là vô biên..."... "Bản ngã là hữu biên và vô biên..." Những vị này chấp: "Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng."

80. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Này các Tỳ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỳ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các

thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

81. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp?

82. Những vị này chấp: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng"... "Bản ngã là vô sắc..."... "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc..."... "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc..."... "Bản ngã là hữu biên..."... "Bản ngã là vô biên..."... "Bản ngã là hữu biên và vô biên..." Những vị này chấp: "Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng."

83. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

84. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận", chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

85. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý

kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt." Như vậy, một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu mất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

86. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

87. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

88. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tưởng, diệt trừ các tưởng chống đối, không ức niệm các dị tưởng, nhận hiểu: Hư không là vô biên, đạt đến Không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

89. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên, đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

90. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: Không có sở hữu, đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn

diệt." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu, đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

91. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chủ trương "Đoạn diệt luận", chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Đoạn diệt luận", chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình, họ chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

92. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

93. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận", chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Những Sa-môn hay Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận", chấp sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

94. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng sung mãn năm món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết-bàn của loài hữu tình."

95. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì rằng tính của dục lạc là vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa nên sầu, bi, khổ, ưu, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp,

đạt đến và an trú vào Thiền thứ nhất; thiền định này có tầm có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn." Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

96. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, thiền định ấy có tầm có tứ nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy diệt tầm và tứ, đạt đến và an trú Thiền thứ hai; thiền định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn." Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

97. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, đạt đến và an trú Thiền thứ ba. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn." Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

98. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào Thiền thứ tư; thiền này không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn." Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

99. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận", chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận", chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác

ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

100. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, họ sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

101. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên.

102. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về

quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, họ sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

103. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

104. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Kết luận

105. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

106. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

107. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

108. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận". Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

109. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp.

Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

110. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

111. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

112. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

113. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

114. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận", chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

115. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận", chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

116. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

117. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề

xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

118. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

119. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

120. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

121. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm [của các căn].

122. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

123. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

124. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tưởng luận sau khi chết”, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

125. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô tưởng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

126. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

127. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận”, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

128. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

"Hiện tại Niết-bàn luận", chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

129. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

130. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

131. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

132. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

133. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

134. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận". Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

135. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

136. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

137. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

138. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

"Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

139. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

140. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận", chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

141. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận", chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

142. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

143. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

144. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận"...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận"...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận"...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận"...; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết"...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết"...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi chết"...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận"...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận"...; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai...; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Tất cả những vị này có những cảm thọ [những chủ trương trên] do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ. Do duyên những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát

khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi.

145. Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu xúc xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

146. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới có mắt sít sao trên mặt hồ nước nhỏ. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây." Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

147. Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của Như Lai còn tồn tại, thời chư thiên và loài người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được.

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của Như Lai còn tồn tại, thời chư thiên và loài người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được.

148. Khi nghe nói vậy, Đại đức Ānanda bạch đức Thế Tôn:

– Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

– Này Ānanda, pháp môn này gọi là "Lợi võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiến võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Vô thượng chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

149. Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được tuyên thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

2. KINH SA-MÔN QUẢ
(*Sāmaññaphala Sutta*)[1]

150. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), nơi vườn xoài của Jīvaka Komārabhacca cùng với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ, Ajātasattu (A-xà-thế), con bà Videhi (Vi-đề-hi), vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), nhân lễ Bố-tát[2] vào ngày rằm tháng Tư - Komudī (cây bông Súng Trắng),[3] đang ngồi trên lầu cao trang nghiêm, chung quanh có nhiều đại thần hầu hạ. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua xứ Magadha, nhân ngày Bố-tát, cảm hứng nói rằng: "Thật khả ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật mỹ miều thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật điềm lành thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín?"[4]

151. Khi nghe nói vậy, một đại thần tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Pūraṇa Kassapa (Phú-lan Ca-diếp) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pūraṇa Kassapa này. Chiêm bái Pūraṇa Kassapa có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín."[5] Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

152. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước

---

[1] Xem *D.* I. 1, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 33, 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* III. 211; IV. 103, 110, 177; V. 187, 419; *A.* I. 62, 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 128, 201, 347; *Vin.* I. 179; IV. 165; *Kvu.* 241, 481. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Sa-môn quả kinh* 沙門果經 (*T.*01. 0001.27. 0107a20). Tham chiếu: *Tịch chí quả kinh* 寂志果經 (*T.*01. 0022. 0270c27); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.154. 0043c21); *Tạp* 雜 (*T.*02. 0099.155. 0044a01); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.156. 0044a11); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.157-160. 0044a22-b11); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.161. 0044b16); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.162. 0044b29); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.163. 0044c12); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.7. 0762a07); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T.*23. 1442.13. 0692b01).

[2] *Uposatha*: Lễ phát lồ sám hối.

[3] Tháng Tư ở đây là tháng thứ tư của mùa mưa (mùa mưa Ấn Độ có 5 tháng), chư Tăng thường an cư 3 tháng đầu. Ngày Komudī tức rằm tháng thứ tư (nhằm tháng 11 dương lịch).

[4] Xem *J.* I. 105.

[5] *Appeva nāma*. Xem *D.* I. 179, 205; *Vin.* II. 85, 262.

Magadha: "Tâu Đại vương, có Makkhali Gosāla (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương chiêm bái Makkhali Gosāla này. Chiêm bái vị Makkhali Gosāla có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín." Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

153. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Ajita Kesakambala (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Ajita Kesakambala này. Chiêm bái Ajita Kesakambala có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín." Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

154. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Pakudha Kaccāyana (Bà-phù-đà Ca-chiên-diên) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pakudha Kaccāyana này. Chiêm bái Pakudha Kaccāyana này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín." Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

155. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Sañjaya Belaṭṭhaputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Sañjaya Belaṭṭhaputta này. Chiêm bái Sañjaya Belaṭṭhaputta này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín." Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

156. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Nigaṇṭha Nāṭaputta (Ni-kiền tử) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Nigaṇṭha Nāṭaputta này. Chiêm bái Nigaṇṭha Nāṭaputta có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín." Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

157. Lúc bấy giờ, Jīvaka Komārabhacca ngồi yên lặng, cách Ajātasattu, con

bà Videhi, vua nước Magadha, không xa bao nhiêu. Khi ấy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nói với Jīvaka Komārabhacca:

– Này khanh Jīvaka, sao ngươi lại yên lặng như vậy?

– Tâu Đại vương, chính tại vườn xoài này của chúng con, có Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang trú ngụ với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Thế Tôn Gotama có tiếng đồn tốt đẹp sau đây lan rộng: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Đại vương hãy đến chiêm bái Thế Tôn này. Rất có thể, nhờ chiêm bái Thế Tôn, tâm của Đại vương được tịnh tín.

158. – Vậy khanh Jīvaka, hãy cho thắng kiệu voi.

– Vâng, tâu Đại vương.

Jīvaka Komārabhacca vâng theo lời dạy của Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sai người thắng năm trăm con voi cái, và con vương tượng vua thường cưỡi, rồi tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha:

– Tâu Đại vương, các kiệu voi đã sẵn sàng. Ngài hãy làm những gì Ngài xem là phải thời.

159. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bảo các cung phi leo lên năm trăm con voi cái, mỗi người một con, còn mình thì leo lên vương tượng vua thường cưỡi, xuất hành ra khỏi Rājagaha, dưới ánh sáng của các ngọn đuốc được cầm cao, với oai nghi của bậc Đại vương, thẳng tiến đến vườn xoài của Jīvaka Komārabhacca.

Khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi đến không xa vườn xoài, Ngài bỗng sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên. Lúc bấy giờ Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên, nói với Jīvaka Komārabhacca:

– Này khanh Jīvaka, ngươi phản ta chăng? Này khanh Jīvaka, ngươi lường gạt ta chăng? Này khanh Jīvaka, ngươi nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này, gần một ngàn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đằng hắng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

– Tâu Đại vương, thần không phản lại Ngài, thần không lường gạt Ngài! Tâu Đại vương, thần không nạp Ngài cho kẻ thù! Tâu Đại vương, hãy đi thẳng tới! Tâu Đại vương, hãy đi thẳng tới chỗ kia, trong căn nhà tròn, chỗ có những ngọn đèn đang thắp sáng!

160. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi cho đến chỗ voi có thể đi được, rồi xuống voi đi đến cửa căn nhà tròn. Khi đến nơi, liền nói với Jīvaka Komārabhacca:

– Này khanh Jīvaka, Thế Tôn ở tại đâu?

– Tâu Đại vương, vị ấy là Thế Tôn. Tâu Đại vương, Thế Tôn ngồi dựa vào cột chính giữa, mặt hướng phía Đông, ngồi trước mặt chúng Tỳ-kheo.

161. Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, liền tiến đến chỗ Thế Tôn. Khi đến rồi, vua đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nhìn khắp chúng Tỷ-kheo đang yên lặng an tịnh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rằng: "Mong Hoàng tử Udāyibhadda (Ưu-đà-di-bạt-đà) cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị Tỷ-kheo này vậy."

– Đại vương, hình như tâm trí của Đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải?

– Bạch Thế Tôn, con thương Hoàng tử Udāyibhadda rất nhiều. Mong rằng Hoàng tử Udāyibhadda cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của chúng Tỷ-kheo này vậy.

162. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đảnh lễ Thế Tôn, chắp tay vái chào chúng Tỷ-kheo và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề này, nếu Ngài cho phép con hỏi.

– Đại vương cứ hỏi tùy theo ý muốn của Đại vương.

163. – Bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ[6] can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ cho rõ ràng kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

164. – Này Đại vương, Đại vương có nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác chăng?

– Bạch Ngài, con nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với Sa-môn, Bà-la-môn khác.

– Này Đại vương, hãy nói lại cho Ta nghe, các vị ấy đã trả lời với Đại vương như thế nào, nếu Đại vương không thấy gì trở ngại.

– Bạch Thế Tôn, con không thấy gì trở ngại đối với đức Thế Tôn và các bậc như đức Thế Tôn.

– Vậy Đại vương hãy nói đi.

---

[6] *Pakkhandino* có nghĩa là xông vào. *Miln.* 331; *A.* IV. 107 có cách đọc khác cho những thuật ngữ thuộc về lãnh vực quân sự này.

165. – Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pūraṇa Kassapa,[7] khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pūraṇa Kassapa và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pūraṇa Kassapa: "Ngài Kassapa, cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

166. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Pūraṇa Kassapa đã nói với con: "Này Đại vương, tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng chịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, đốt nấu; khiến người chém giết, đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí; tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo, mà tích được phước báo. Khi bố thí, điều phục, chế ngự, nói lời chân thật, thì không có phước báo, không tích được phước báo."

Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pūraṇa Kassapa đã trả lời với thuyết Vô nghiệp.[8] Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pūraṇa Kassapa đã trả lời với thuyết Vô nghiệp. Bạch Thế Tôn, con nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?" Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Pūraṇa Kassapa. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---

[7] Theo Buddhaghosa, ông là một ngoại đạo lõa thể.

[8] *Akiriyaṃ vyākāsi*. *A*. I. 62; *Vin*. I. 235.

167. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Makkhali Gosāla. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Makkhali Gosāla và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Makkhali Gosāla: "Ngài Gosāla, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"[9]

168. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Makkhali Gosāla đã nói với con: "Này Đại vương, không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa.

Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp [theo năm căn], lại có ba nghiệp [về thân, khẩu, ý], lại có toàn nghiệp [thân và khẩu] và bán nghiệp [ý]. Có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa; bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài nāga (rồng), hai ngàn căn, ba ngàn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tưởng thai, bảy vô tưởng thai, bảy tiết thai (sanh từ đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavuṭā (núi hay hồ nhỏ), bảy trăm pavuṭā, bảy papāta (vực thẳm), bảy trăm papāta, bảy mộng, bảy trăm mộng.

Có tám triệu bốn trăm ngàn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người trí sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thục, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thục bởi những nhẫn thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó, cũng như vậy, kẻ ngu và người trí sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau."

169. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết Luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết Luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước

[9] Tham khảo *M.* I. 513.

của con không được vui lòng?" Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Makkhali Gosāla. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

170. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Ajita Kesakambala, khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Ajita Kesakambala và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Ajita Kesakambala: "Ngài Ajita Kesakambala, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể chỉ cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

171. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Ajita Kesakambala đã nói với con:[10] "Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha; không có loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này[11] đời khác và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới, thủy đại trở về trả lại cho thủy giới, hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới, phong đại trở về trả lại cho phong giới, các căn[12] nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi đến chỗ hỏa táng, thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường[13] trở thành tro bụi, chỉ có người ngu mới tán dương sự bố thí, lời nói của chúng trống không, giả dối, khi chúng chấp thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu mất, không còn tồn tại sau khi chết."

172. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambala đã trả lời với thuyết Đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài, hoặc hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambala đã trả lời với thuyết Đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?" Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Ajita Kesakambala. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

173. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pakudha Kaccāyana. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pakudha Kaccāyana và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với

---

[10] Xem *M.* I. 515; *S.* III. 307.

[11] *Sammaggato*: Bậc có chánh hướng, bậc đã đến chánh đạo hay con đường chơn chánh. Xem *J.* III. 305.

[12] Lục căn.

[13] *Āhutiyo*. Xem *Bv.* XXVII. 10; *Kvu.* 550.

Pakudha Kaccāyana: "Ngài Pakudha Kaccāyana, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

174. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Pakudha Kaccāyana nói với con: "Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm phạm nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm phạm nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi."

175. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccāyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccāyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn, hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?" Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Pakudha Kaccāyana. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

176. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Nigaṇṭha Nāṭaputta (Ni-kiền tử). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Nigaṇṭha Nāṭaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta: "Ngài Aggivessana, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn?"

177. Bạch Thế Tôn, khi được hỏi vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta nói với con: "Này Đại vương, một người Nigaṇṭha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, thế nào là một người Nigaṇṭha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới? Này Đại vương, một Nigaṇṭha sống gìn giữ đối với tất cả loại nước, gìn giữ đối với mọi ác pháp, sống tẩy sạch tất cả ác pháp và sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp. Này Đại vương, như vậy một Nigaṇṭha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, vì một Nigaṇṭha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới nên vị ấy được gọi là Gatatto (một vị đã đi đến đích), Yatatto (một vị đã điều phục tự tâm) và Ṭhitatto (một vị đã an trú được tự tâm)."

178. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigaṇṭha Nāṭaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigaṇṭha Nāṭaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn cấm giới. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?" Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Nigaṇṭha Nāṭaputta. Không tán thán, không cật nạn, dù không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

179. Bạch Thế Tôn, một hôm con đến Sañjaya Belaṭṭhaputta. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Sañjaya Belaṭṭhaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Sañjaya Belaṭṭhaputta: "Ngài Sañjaya, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

180. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Sañjaya Belaṭṭhaputta đã trả lời với con: "Nếu anh hỏi: 'Có một thế giới khác hay không?' Nếu tôi nghĩ: 'Có một thế giới khác', tôi có thể trả lời với anh: 'Có một thế giới khác.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Không có một thế giới khác phải không?' Nếu tôi nghĩ: 'Không có một thế giới khác', tôi có thể trả lời với anh: 'Không có một thế giới khác.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. 'Cũng có và cũng không có một thế giới khác?'... 'Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?'... 'Có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Có kết quả dị thục của các nghiệp thiện và ác?'... 'Không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Cũng có và cũng không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Như Lai có tồn tại sau khi chết?'... 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết?'... 'Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?'... 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?' Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết', tôi có thể trả lời: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế."

181. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh

Sa-môn, Sañjaya Belaṭṭhaputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi trái mít lại trả lời trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sañjaya Belaṭṭhaputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?" Vì vậy, Bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Sañjaya Belaṭṭhaputta. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

182. Vậy nên bạch Thế Tôn, con cũng hỏi Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản, các công nghệ chức nghiệp khác. Họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

183. – Đại vương, có thể được. Này Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này, Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

Đại vương nghĩ sao, nếu Đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của Đại vương]. Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thục của các công đức. Đức Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, là người, tôi đây cũng là người. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của vua]. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo." Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: "Đại vương có biết chăng, có người nô bộc của Đại vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của

Đại vương], tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo? Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh." Này Đại vương, Đại vương có nói như sau chăng: "Người ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt"?

184. – Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại, chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

185. – Này Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, nếu quả như vậy, thì đó có phải chăng là kết quả thiết thực hiện tại hạnh Sa-môn?

– Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

– Này Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn mà Ta đã trình bày.

186. – Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác hơn nữa của hạnh Sa-môn?

– Này Đại vương, có thể được. Này Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này, Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

Đại vương nghĩ sao, nếu Đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khố. Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thục của các công đức. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha là người, tôi cũng là người. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống được cung phụng, tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần, còn tôi là người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khố. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo." Người nông phu ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: "Đại vương có biết chăng, có người nông phu của Đại vương, người gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khố, tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh." Này Đại vương, Đại vương có nói: "Người hãy đến lại với ta, hãy làm lại người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khố"?

187. – Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại chúng con kính nể người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, thuốc men trị bịnh. Chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

188. – Này Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, nếu quả như vậy thì đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

– Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

– Này Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn mà Ta trình bày.

189. – Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác nữa của hạnh Sa-môn vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn vừa kể trên?

– Này Đại vương, có thể được. Này Đại vương, hãy lóng tai nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Vâng, Thế Tôn.

Vua Ajātasattu, con bà Videhi, vua xứ Magadha, trả lời Thế Tôn.

190. Thế Tôn nói:

– Này Đại vương, nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

191. Người gia trưởng,[14] hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

192. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

193. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*),[15] đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong

[14] *Gahapati*: Ở đây Buddhaghosa chỉ cho người nông dân.

[15] *Pātimokkha-saṃvara saṃvutto.*

những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc.

194. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Đại vương, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ những người kia. Như vậy, Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà và con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai; từ bỏ phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

195. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín

thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt cây sanh, giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh; còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

196. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

197. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi sắt, trò chơi sào tre, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

198. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đống thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

199. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười hai người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con nai có bộ da quý (kadali), tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn vị ấy thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

200. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài; còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

201. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

202. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị giềm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí"; còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

203. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-lỵ, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia"; còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức, không đứng làm môi giới như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

204. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, giềm pha, cầu lợi; còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

205. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muỗng, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thục tô, dùng miệng phun hạt cải,… vào lửa, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chuột, khoa chim, khoa chim quạ, khoa

đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

206. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng rùa, tướng thú vật; còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

207. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

208. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo; mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đất sẽ có kết quả như thế này; sấm trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn vị ấy thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

209. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thơ, làm theo thế tình; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

210. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến quai hàm cử động, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu thần tài Siri; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

211. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

212. Như vậy, này Đại vương, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Đại vương, như một vị Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

213. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?[16] Này Đại vương, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.[17] Vị ấy, nhờ sự hộ

[16] Tham khảo *M*. I. 180, 268; *Miln*. 367; *Asl*. 400; *Kvu*. 424-6, 463-64.
[17] Theo Buddhaghosa, *Avyāseka* nghĩa đen là không bị cái ác bao vây.

trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

214. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

215. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? Ở đây, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Đại vương, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo biết đủ.

216. Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

217. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.[18] Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng (*ālokasandhi*), chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

218. Này Đại vương, như một người mắc nợ,[19] liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

219. Này Đại vương, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

220. Này Đại vương, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một

[18] *Abbhijjhaṃ loke pahāya.*
[19] *Inaṃ ādāya.* Xem *J.* IV. 256; V. 436.

thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, hết lo sợ, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, hết lo sợ, tài sản không bị giảm tổn." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

221. Này Đại vương, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

222. Này Đại vương, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian, đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

223. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc.

224. Này Đại vương, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

225. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

226. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

227. Này Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

228. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất

tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

229. Này Đại vương, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy vào, phương Nam không có lỗ nước chảy vào, phương Tây không có lỗ nước chảy vào, phương Bắc không có lỗ nước chảy vào, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

230. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

231. Này Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

232. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần.

233. Này Đại vương, ví như một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

234. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt;[20] trong thân ấy, thức[21] ta lại nương tựa và bị trói buộc."

235. Này Đại vương, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

236. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

237. Này Đại vương, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra." Này Đại vương, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này Đại vương, ví như một người lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: "Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra"; cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

---

[20] Xem *M.* I. 500; II. 17; *S.* IV. 83; *J.* I. 146.

[21] *Viññāṇa*. Buddhaghosa giải thích đây là sự nhận biết rõ ràng quá trình năm giác quan tiếp xúc các đối tượng khởi sinh cảm thọ.

238. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông.[22] Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

239. Này Đại vương, ví như một người thợ gốm khéo tay hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

240. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

241. Này Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng, người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng." Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo

[22] *Iddhi* nghĩa đen là trạng thái hạnh phúc, sự thịnh vượng, thành công. Bốn sự thịnh vượng, hạnh phúc của một vị vua đó là có thân tướng đẹp, thọ mạng lâu dài, khỏe mạnh, được mọi người kính phục. Đức Phật khi chưa xuất gia cũng có những điều kiện hạnh phúc này. Khi ấy, Ngài là một thanh niên tráng kiện, sở hữu nhiều thứ như vườn ngự uyển xinh đẹp, y phục tốt đẹp, lầu các xa hoa, nhạc công vũ nữ hay thức ăn thượng vị (xem *A*. I. 145). Trạng thái an lạc của tâm khác với trạng thái hạnh phúc trần tục (xem *A*. I. 93). Buddhaghosa liệt kê 9 trạng thái an lạc tâm còn gọi là 9 năng lực siêu nhiên (xem *Als*. 91). Trong Tam tạng không có ví dụ nào mô tả cụ thể 9 loại thần thông này chỉ trừ trường hợp cuối cùng (xem *S*. IV. 289-90; *A*. III. 340-41; *MPS*. 43).

với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

242. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

"Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng;[23] tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

243. Này Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

"Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

244. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như

---

[23] *Sa-uttara* (chưa vô thượng) và *anuttara* (vô thượng). Cách giải thích trong bộ *Pháp tụ* (*Dhs.* 1292, 1293, 1596, 1597) là pháp hữu thượng và pháp vô thượng.

một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp.[24] Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

245. Này Đại vương, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ, tại đấy ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta."[25] Như vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

246. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh[26] siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các

---

[24] Dựa theo thuyết của người Ấn Độ về sự thành diệt của vũ trụ theo chu kỳ, mỗi chu kỳ trải qua vô lượng kiếp.
[25] Ba ngôi làng này tượng trưng cho ba cõi của chúng sanh: Dục giới, sắc giới và vô sắc giới (*kāma, rūpa* và *arūpa*).
[26] *Dibbacakkhu.*

bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

247. Này Đại vương, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng." Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

248. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu (*kāmāsavā.*), thoát khỏi hữu lậu (*bhavāsavā*), thoát khỏi vô minh lậu (*avijjāsavā*).

Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa."

249. Này Đại vương, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ." Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa."[27]

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. Này Đại vương, không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn này.

250. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, đức độ, để đoạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai."

251. – Đại vương, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, Đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, đức độ, để đoạt vương quyền. Vì Đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với Chánh pháp, Ta nhận tội ấy cho Đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này Đại vương, trong

---

[27] Xem *M.* I. 279; *A.* I. 9.

Luật của bậc Thánh,[28] khi những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với Chánh pháp và ngăn chặn ở tương lai.

252. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bổn phận, nhiều việc phải làm.

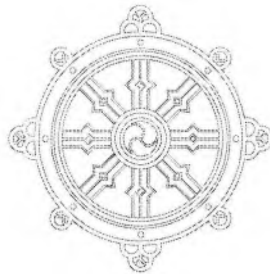
– Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là phải thời.

Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

253. Lúc bấy giờ, khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi chưa bao lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, tâm vua ấy rất ăn năn. Này các Tỳ-kheo, tâm vua ấy rất hối lỗi. Nếu vua ấy không hại mạng vua cha, một vị vua rất chơn chánh, đức độ, thì ngay tại chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được Pháp nhãn không trần cấu, không ô uế.

Thế Tôn thuyết pháp như vậy, các Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



[28] *Ariyānaṃ*: Bậc cao thượng, cao quý, vượt khỏi hạng phàm phu; chỉ cho chư Phật và những vị đã chứng quả A-la-hán.

4. KINH CHỦNG ĐỨC
(*Soṇadaṇḍa Sutta*)[1]

300. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành trong xứ Aṅga (Ương-già) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại thành Campā[2] (Chiêm-bà), và tại Campā, Thế Tôn ở trên bờ hồ sen Gaggarā (Già-già). Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa (Chủng Đức) trú tại Campā, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), vua có quân lực hùng mạnh của nước Magadha (Ma-kiệt-đà) cấp,[3] một ân tứ của vua, một tịnh thí địa.

301. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā được nghe tiếng đồn như sau: "Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Aṅga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến tại thành Campā, và tại Campā, Sa-môn Gotama ở trên bờ hồ sen Gaggarā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: 'Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay sự kính ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!'"

Rồi các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā.

302. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đi lên trên lầu để nghỉ trưa, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā. Thấy vậy, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa bèn gọi người gác cửa:

– Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā như vậy?

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* II. 29, 157, 164, 175, 214, 220, 256, 271, 339, 252, 400, 513; III. 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Chủng Đức kinh* 種德經 (*T.*01. 0001.22. 0094a18).

[2] Campā là thủ đô của Aṅga, nằm ở phía Đông bờ sông cùng tên (*J.* IV. 454) hình thành nên biên giới phía Đông của Magadha.

[3] Thời đức Phật, Aṅga thuộc sở hữu của Magadha.

– Thưa Tôn giả, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Aṅga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại thành Campā, và tại Campā, Sa-môn Gotama ở trên bờ hồ sen Gaggarā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Nay những người ấy đi đến để yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này người giữ cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn và gia chủ: "Bà-la-môn Soṇadaṇḍa có nói: 'Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Soṇadaṇḍa sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama.'"

– Dạ vâng.

Người giữ cửa ấy vâng theo lời của Bà-la-môn Soṇadaṇḍa, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā; khi đến xong, liền nói với các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā:

– Bà-la-môn Soṇadaṇḍa có nói: "Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Soṇadaṇḍa sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama."

303. Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều địa phương khác nhau, đến ở tại Campā vì công vụ. Những Bà-la-môn nghe: "Bà-la-môn Soṇadaṇḍa sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama." Những Bà-la-môn này đến Bà-la-môn Soṇadaṇḍa; khi đến xong, liền thưa với Bà-la-môn Soṇadaṇḍa:

– Có phải Tôn giả Soṇadaṇḍa sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Này các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Soṇadaṇḍa, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho Tôn giả Soṇadaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama. Nếu Tôn giả Soṇadaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama thì danh tiếng của Tôn giả Soṇadaṇḍa bị hao tổn, danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng. Vì danh tiếng của Tôn giả Soṇadaṇḍa bị hao tổn và danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng; do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Soṇadaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Soṇadaṇḍa.

Lại nữa, Tôn giả Soṇadaṇḍa thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh, cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một giẻm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Soṇadaṇḍa thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Soṇadaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Soṇadaṇḍa.

Lại nữa, Tôn giả Soṇadaṇḍa là nhà giàu có, đại phú, sung túc. Do điểm này... (như trên)…

Lại nữa, Tôn giả Soṇadaṇḍa là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa có đức hạnh, đức hạnh cao dày, đầy đủ đức hạnh cao dày... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật, thanh niên Bà-la-môn từ nhiều phương, từ nhiều nước, tha thiết với chú thuật đến với Tôn giả Soṇadaṇḍa để học thuộc lòng các chú thuật... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa niên cao, lạp lớn, bậc lão thành, đến tuổi trưởng thượng; còn Sa-môn Gotama thì tuổi trẻ, xuất gia chưa được nhiều năm... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa được Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la hùng mạnh) xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)…

Tôn giả Soṇadaṇḍa sống ở Campā, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Vì Tôn giả Soṇadaṇḍa sống ở Campā, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương địa do Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cấp, một ân tứ, một tịnh thí địa. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Soṇadaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Soṇadaṇḍa.

304. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa nói với những Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả, hãy nghe ta giải thích vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến thăm chúng ta. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Này các Hiền giả, do Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì điểm này, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta; trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ đại gia đình quyến thuộc. Vì điểm này… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đức hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư trong các hàng Tôn sư của nhiều người… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt trừ được mọi xao động của tâm… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-lỵ thanh tịnh… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama... (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn thiên, nhơn đến quy y Sa-môn Gotama… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." (Như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama nói lời chào đón, thân thiện, tao nhã, trang trọng, chơn trực, thẳng thắn, lời nói có dẫn chứng… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được bốn chúng kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính nể, trọng vọng… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, rất nhiều thiên, nhơn tín ngưỡng Sa-môn Gotama… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, ở tại làng nào, thôn ấp nào Sa-môn Gotama cư trú thì tại làng ấy, tại thôn ấp ấy, các loài phi nhơn không làm hại loài người… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là Giáo hội chủ, Giáo phái chủ, Giáo phái sư, được tôn là tối thượng trong các Giáo tổ… (như trên)...

Này các Hiền giả, danh tiếng của một số Sa-môn, Bà-la-môn dựa trên những bằng chứng không đâu, danh tiếng của Sa-môn Gotama không phải vậy. Danh tiếng của Sa-môn Gotama dựa trên trí đức vô thượng của Ngài… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha cùng với vương tử, cung phi, thị tùng đều quy y Sa-môn Gotama… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Pasenadi nước Kosala cùng với vương tử, cung phi, thị tùng đều quy y Sa-môn Gotama… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti cùng với các con, vợ, thị giả, đều quy y Sa-môn Gotama… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Pasenadi nước Kosala kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)...

Này Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama, được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Campā, nay đang ở tại Campā, trên bờ hồ sen Gaggarā. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Campā, hiện ở tại Campā trên bờ hồ sen Gaggarā, như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi, Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

305. Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn ấy nói với Bà-la-môn Soṇadaṇḍa:

– Tôn giả Soṇadaṇḍa đã tán thán Sa-môn Gotama như vậy, dầu cho người

của gia tộc ở xa Tôn giả Gotama đến một trăm do-tuần cũng đủ cho người ấy đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, dầu phải đem theo lương thực. Do vậy, tất cả chúng tôi sẽ đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

306. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến bờ hồ sen Gaggarā. Sự lo lắng sau đây khởi lên trong tâm trí của Bà-la-môn Soṇadaṇḍa khi đi ngang qua khu rừng: "Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: 'Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như thế này', thời như vậy hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 'Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là ngu si, bất tài, không thể hỏi một câu cho chín chắn.' Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được. Nếu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu, câu trả lời của ta về câu hỏi ấy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn;[4] và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như sau: 'Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này', thời như vậy, hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 'Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là ngu si, bất tài không thể làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi ấy.' Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được. Nếu ta đi đến gần như thế này mà ta trở về không gặp Sa-môn Gotama, thời hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 'Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là người ngu si, bất tài, kiêu mạn, cứng đầu, sợ hãi, không dám đến yết kiến Sa-môn Gotama, làm sao đã đi đến gần như thế này mà lại trở về không gặp Sa-môn Gotama.' Nếu hội chúng khinh miệt ta, thời danh dự ta bị giảm bớt; và ai bị danh dự giảm bớt, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được."

307. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đến chỗ đức Thế Tôn; sau khi đến, bèn nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, có người đảnh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói lời thân ái chào đón chúc tụng với Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người chắp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên, có người yên lặng ngồi xuống một bên.

308. Lúc ấy, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đang ngồi, tâm trí lo lắng: "Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: 'Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như vậy, nên đặt câu hỏi như thế này', thời như vậy hội chúng sẽ khinh miệt ta: 'Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là ngu si, bất tài, không thể hỏi một câu cho chín chắn.' Nếu hội chúng này khinh miệt ta thì danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh tiếng chúng ta

[4] *Cittaṃ na ārādheyyaṃ*: Làm cho người khác tin phục. Xem *M.* I. 85, 341 và II. 10; *Miln.* 25.

có được. Nếu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu và câu trả lời của ta về câu hỏi ấy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn; và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như thế này: 'Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy không nên trả lời như vậy. Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này', thời như vậy hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 'Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là người ngu si, bất tài, không làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời [ấy].' Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai danh tiếng bị giảm bớt thì thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh tiếng chúng ta có được. Mong rằng Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời của ta cho câu hỏi ấy."

309. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết được sự phân vân, lo lắng của Bà-la-môn Soṇadaṇḍa với tri giác của mình, liền tự nghĩ: "Bà-la-môn Soṇadaṇḍa này đang phân vân, lo lắng, Ta hãy hỏi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa với câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đà."

Rồi đức Thế Tôn hỏi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa:

– Này Bà-la-môn, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ bao nhiêu đức tánh mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối?

310. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Soṇadaṇḍa suy nghĩ: "Thật vậy, điều mà ta mong ước, hy vọng, yêu cầu, mong đợi: 'Mong Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ấy.' Và nay, Sa-môn Gotama hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đà. Chắc chắn ta có thể làm cho tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ấy."

311. Rồi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa ngồi thẳng lưng, nhìn xung quanh hội chúng và bạch đức Thế Tôn:

– Có năm đức tánh, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối. Thế nào là năm? Ở đây, này Tôn giả, người Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ [để đổ bơ làm lễ tế thần]. Này Tôn giả Gotama, đó là năm đức tánh, những vị

Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

– Này Bà-la-môn, trong năm đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có bốn đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối?

– Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong năm đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ dung sắc. Thật vậy, dung sắc làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh? Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Này Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

312. – Này Bà-la-môn, trong bốn đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có ba đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối?

– Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong bốn đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ chú thuật. Thật vậy, chú thuật làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh? Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy lại có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Này Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

– Này Bà-la-môn, trong ba đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có hai đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối?

– Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong ba đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ thọ sanh. Thật vậy, thọ sanh làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày? Vị ấy là

người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Này Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

313. Khi nghe nói vậy, những vị Bà-la-môn kia nói với Bà-la-môn Soṇadaṇḍa:

– Này Tôn giả Soṇadaṇḍa, chớ có nói như vậy! Này Tôn giả Soṇadaṇḍa, chớ có nói như vậy! Tôn giả Soṇadaṇḍa khinh bác dung sắc, khinh bác chú thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Soṇadaṇḍa đã ngả theo quan niệm của Sa-môn Gotama.

314. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: "Bà-la-môn Soṇadaṇḍa không phải là bậc đa văn, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa không phải là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa không phải là nhà bác học và Bà-la-môn Soṇadaṇḍa không có thể biện luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này", thời Bà-la-môn Soṇadaṇḍa hãy đứng yên và để các ngươi biện luận với Ta. Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: "Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là bậc đa văn, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là nhà bác học và Bà-la-môn Soṇadaṇḍa có thể biện luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này", thời các ngươi hãy đứng yên và để Bà-la-môn Soṇadaṇḍa biện luận với Ta.

315. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa bạch với đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy đứng yên. Tôn giả Gotama hãy giữ im lặng. Tôi sẽ trả lời cho các vị Bà-la-môn ấy đúng với Chánh pháp.

Rồi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Này các Hiền giả, chớ có nói như vậy: "Tôn giả Soṇadaṇḍa khinh bác dung sắc, khinh bác chú thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Soṇadaṇḍa đã ngả theo quan niệm của Sa-môn Gotama." Này các Hiền giả, tôi không có phỉ báng dung sắc hoặc chú thuật hay thọ sanh.

316. Lúc bấy giờ, thanh niên Aṅgaka là người cháu của Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đang ngồi trong hội chúng ấy. Bà-la-môn Soṇadaṇḍa nói với những vị Bà-la-môn kia:

– Này các Hiền giả, các Hiền giả có thấy người cháu tôi, thanh niên Aṅgaka không?

– Thưa Tôn giả, có thấy.

– Các Hiền giả, thanh niên Aṅgaka là đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng, không một ai trong chúng này có thể bằng được về dung sắc, trừ Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, thanh niên Aṅgaka là nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận

(Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Chính ta dạy cho nó chú thuật. Này các Hiền giả, thanh niên Aṅgaka thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Ta biết cha và mẹ nó. Này các Hiền giả, nếu thanh niên Aṅgaka giết hại các loại hữu tình, lấy của không cho, đi tư thông với vợ người, nói láo, uống rượu, như vậy này các Hiền giả, thì dung sắc làm được cái gì, thọ sanh làm được cái gì? Này các Hiền giả, một Bà-la-môn cần có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày, lại là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Này các Hiền giả, những Bà-la-môn nào đầy đủ hai đức tánh ấy mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

317. – Này Bà-la-môn trong hai đức tánh ấy, có thể bỏ qua một đức tánh, và những người Bà-la-môn đầy đủ một đức tánh nào, để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn", lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối.

– Tôn giả Gotama, không thể được. Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Tôn giả Gotama, cũng như lấy bàn tay để rửa bàn tay, lấy bàn chân để rửa bàn chân; cũng vậy, Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời.

– Thật như vậy, này Bà-la-môn. Này Bà-la-môn, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Này Bà-la-môn, cũng như lấy bàn tay để rửa bàn tay, lấy bàn chân để rửa bàn chân; cũng vậy, này Bà-la-môn, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời.

318. Nhưng này Bà-la-môn, thế nào là giới hạnh, thế nào là trí tuệ?

– Tôn giả Gotama, chúng tôi chỉ biết có vậy là tột bực về vấn đề này. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giải thích ý nghĩa của câu nói ấy!

– Này Bà-la-môn, vậy hãy nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ nói.

– Tôn giả, xin vâng.

Bà-la-môn Soṇadaṇḍa trả lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết như sau:

– Này Bà-la-môn, ở đây, Như Lai ra đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri,

Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

Này Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ những người kia. Như vậy, Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ

trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà và con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt cây sanh, giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh; còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi sắt, trò chơi sào tre, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn

chánh… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đống thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con nai có bộ da quý (kadali), tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn vị ấy thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài; còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế

giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp như nói: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí"; còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia"; còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức, không đứng làm môi giới… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, cầu lợi; còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muỗng, dùng miệng phun hạt cải, v.v… vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thục tô, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng

chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật; còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đất sẽ có kết quả như thế này; sấm trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn vị ấy thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng tà mạng… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú

khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu thần tài Siri; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng… (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Như vậy, này Bà-la-môn, vị Tỳ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này Bà-la-môn, như một vị Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Bà-la-môn, là Tỳ-kheo đầy đủ giới luật.

Này Bà-la-môn, thế nào là Tỳ-kheo hộ trì các căn? Này Bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, Tỳ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Bà-la-môn, là Tỳ-kheo hộ trì các căn.

Này Bà-la-môn, thế nào là Tỳ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Này Bà-la-môn, ở đây, Tỳ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Bà-la-môn, là Tỳ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

Này Bà-la-môn, thế nào là Tỳ-kheo biết đủ? Ở đây, Tỳ-kheo bằng lòng với

tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Này Bà-la-môn, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, này Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, này Bà-la-môn, là Tỷ-kheo biết đủ.

Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Này Bà-la-môn, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Này Bà-la-môn, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Này Bà-la-môn, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Này Bà-la-môn, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Này Bà-la-môn, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa

mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian, đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Như vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc.

Này Bà-la-môn, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân

cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỳ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỳ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, ví như một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỳ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Này Bà-la-môn, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỳ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền

não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này Bà-la-môn, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra." Này Bà-la-môn, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này Bà-la-môn, ví như một người lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: "Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra"; cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này Bà-la-môn, ví như một người thợ gốm khéo tay hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này Bà-la-môn, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này Bà-la-môn, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm,

hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Này Bà-la-môn, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng, người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng." Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

"Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Này Bà-la-môn, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

"Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm,

hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Bà-la-môn, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ, tại đấy ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta." Như vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này."

Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này Bà-la-môn, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng." Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa."

Này Bà-la-môn, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ." Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy,

Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Này Bà-la-môn như vậy là trí huệ.

319. Khi nghe nói như vậy, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa nói với đức Thế Tôn:

– Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Mong Tôn giả Gotama ngày mai cùng chúng Tỷ-kheo nhận lời đến dùng cơm do con mời.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

320. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa được biết đức Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, thân phía hữu hướng về đức Phật và từ biệt. Rồi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa khi đêm đã mãn liền cho làm sẵn sàng tại nhà các món thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi báo thì giờ cho đức Thế Tôn: "Giờ đã đến, Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng."

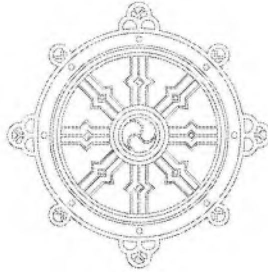
Khi ấy, đức Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo bình bát, và cùng chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Soṇadaṇḍa; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Soṇadaṇḍa tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

321. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Soṇadaṇḍa, sau khi được biết đức Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế thấp khác ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa bạch đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, khi con ở trong hội chúng, nếu con từ chỗ ngồi đứng dậy và đảnh lễ Thế Tôn Gotama, thời hội chúng này sẽ phỉ báng con. Ai bị hội chúng này phỉ báng, thời danh tiếng sẽ bị tổn giảm, và ai danh tiếng bị tổn giảm, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có được. Tôn giả Gotama, nếu ở trong hội chúng mà con chắp tay vái chào, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con đứng dậy. Tôn giả Gotama, nếu trong hội chúng mà con tháo khăn đầu, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con vái chào với đầu của con. Tôn giả Gotama, khi con đi trên xe,

nếu con xuống xe và đảnh lễ Thế Tôn Gotama, thời hội chúng sẽ phỉ báng con. Ai bị hội chúng này phỉ báng, thời danh tiếng bị tổn giảm, và ai danh tiếng bị tổn giảm, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì sự cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có được. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con hạ cán roi xuống, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con xuống xe. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con vẫy tay, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con vái chào với đầu của con.

322. Rồi đức Thế Tôn với một thời thuyết pháp, giảng dạy, khích lệ, kích thích và làm cho Bà-la-môn Soṇadaṇḍa hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.



5. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU
(*Kūṭadanta Sutta*)[1]

323. Như vầy tôi nghe.

Một thời, đức Thế Tôn đang du hành trong xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, và đến tại một làng Bà-la-môn ở Magadha tên là Khāṇumata (Khứ-nậu-bà-đế). Tại đây, đức Thế Tôn trú tại vườn Ambalaṭṭhikā[2] ở Khāṇumata. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kūṭadanta ở tại Khāṇumata, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), vị vua có quân lực hùng mạnh[3] của nước Magadha cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Lúc bấy giờ, một đàn tế lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Kūṭadanta. Bảy trăm con bò đực, bảy trăm con bê đực lớn, bảy trăm con bê cái lớn, bảy trăm con dê và bảy trăm con cừu đã được dắt đến trụ tế lễ cho đàn tế.

324. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata được nghe: "Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Magadha với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Khāṇumata và trú tại vườn Ambalaṭṭhikā ở Khāṇumata. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: 'Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài đã tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm Thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và người, sau đó tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự kính ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!'"

325. Rồi các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khāṇumata và đến tại Ambalaṭṭhikā.

326. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kūṭadanta đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Kūṭadanta thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata từng đoàn,

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 164, 214; III. 1; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Cứu-la-đàn-đầu kinh* 究羅檀頭經 (*T.*01. 0001.23. 0096a16).

[2] Vườn xoài non.

[3] Seniya: Có quân lực hùng mạnh. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng Seniya là họ tộc của Vua Bimbisāra. Vì vậy, đôi khi vị vua này được gọi là Vua Seniya Bimbisāra, bởi một trong hai lý do vừa nêu.

từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khāṇumata và đến tại Ambalaṭṭhikā. Thấy vậy, [Bà-la-môn Kūṭadanta] liền gọi người gác cửa:

– Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khāṇumata và đến tại Ambalaṭṭhikā?

327. – Tôn giả, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Magadha với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại Khāṇumata, và tại đấy trú ở Ambalaṭṭhikā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: "Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

328. Bà-la-môn Kūṭadanta liền suy nghĩ như sau: "Ta nghe nói: 'Sa-môn Gotama am hiểu ba cách thức tế tự và mười sáu tế pháp.' Ta không biết ba cách thức tế tự và mười sáu tế pháp, và ta muốn cử hành lễ đại tế. Vậy ta hãy đến hỏi Sa-môn Gotama ba cách thức tế tự và mười sáu tế pháp."

329. Rồi Bà-la-môn Kūṭadanta gọi người giữ cửa kia:

– Này người giữ cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata như sau: "Bà-la-môn Kūṭadanta có nói: 'Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Kūṭadanta sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama.'"

– Dạ vâng.

Người gác cửa ấy vâng theo lời bảo của Bà-la-môn Kūṭadanta, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata, khi đến xong liền nói với các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata: "Bà-la-môn Kūṭadanta có nói như vầy: 'Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Kūṭadanta sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama.'"

330. Lúc bấy giờ, có khoảng vài trăm Bà-la-môn ở Khāṇumata với ý định: "Chúng tôi sẽ dự lễ đại tế đàn của Bà-la-môn Kūṭadanta." Khi các vị Bà-la-môn này nghe: "Bà-la-môn Kūṭadanta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama", những Bà-la-môn này đến Bà-la-môn Kūṭadanta.

331. Khi đến nơi liền nói với Bà-la-môn Kūṭadanta:

– Có phải Tôn giả Kūṭadanta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Này các Hiền giả, đó là ý định của ta, ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Kūṭadanta chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūṭadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Nếu Tôn giả Kūṭadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama thì danh tiếng của Tôn giả Kūṭadanta bị hao tổn, danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng. Vì danh tiếng của Tôn giả Kūṭadanta bị hao tổn và danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng; do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūṭadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Kūṭadanta.

Lại nữa, Tôn giả Kūṭadanta thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một giẻm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Kūṭadanta thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một giẻm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sinh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūṭadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Kūṭadanta.

Lại nữa, Tôn giả Kūṭadanta là nhà giàu có, đại phú, sung túc. Do điểm này... (như trên)…

Lại nữa, Tôn giả Kūṭadanta là nhà phúng tụng, là nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân... (như trên)…

Lại nữa, Tôn giả Kūṭadanta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... (như trên)…

Lại nữa, Tôn giả Kūṭadanta có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày... (như trên)…

Lại nữa, Tôn giả Kūṭadanta thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)…

Lại nữa, Tôn giả Kūṭadanta là bậc Tôn sư trong các hàng Tôn sư của nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật, thanh niên Bà-la-môn từ nhiều phương, từ nhiều nước, thiết tha với chú thuật, đến với Tôn giả Kūṭadanta để học thuộc lòng các chú thuật... (như trên)…

Tôn giả Kūṭadanta niên cao lạp lớn, bậc lão thành, đến tuổi trưởng thượng, còn Sa-môn Gotama thì trẻ tuổi, xuất gia chưa được nhiều năm... (như trên)…

Tôn giả Kūṭadanta được Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)…

Tôn giả Kūṭadanta được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)…

Tôn giả Kūṭadanta sống ở Khāṇumata, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Vì Tôn giả Kūṭadanta sống ở Khāṇumata, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūṭadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Kūṭadanta.

332. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Kūṭadanta nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả, hãy nghe ta giải thích vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Này các Hiền giả, vì Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta; trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ đại gia đình quyến thuộc. Do điểm này… (như trên)…

Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama xuất gia, từ bỏ rất nhiều vàng bạc, cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất… (như trên)…

Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý, khóc than nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đức hạnh, gìn giữ giới của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư trong các hàng Tôn sư của nhiều người… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã dứt bỏ mọi xao động của tâm… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-lỵ thanh tịnh… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển [băng qua

nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ] đến hỏi đạo Sa-môn Gotama… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn thiên, nhơn đến quy y Sa-môn Gotama… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.”… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama nói lời chào đón, thân thiện, tao nhã, trang trọng, chơn thật, thẳng thắn, lời nói có dẫn chứng… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được bốn chúng kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)…

Này các Hiền giả, rất nhiều thiên, nhơn tín ngưỡng Sa-môn Gotama… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, ở tại làng nào, thôn ấp nào Sa-môn Gotama cư trú thì tại làng ấy, tại thôn ấp ấy, các loài phi nhơn không làm hại loài người… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là Giáo hội chủ, Giáo phái chủ, Giáo phái sư, được tôn là tối thượng trong các Giáo tổ… (như trên)…

Này các Hiền giả, danh tiếng của một số Sa-môn, Bà-la-môn dựa trên những bằng chứng không đâu, danh tiếng của Sa-môn Gotama dựa trên trí đức vô thượng của Ngài… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha cùng với vương tử, cung phi, thị tùng, đại thần đều quy y Sa-môn Gotama… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Pasenadi nước Kosala cùng với vương tử, cung phi, thị tùng, cận thần đều quy y Sa-môn Gotama… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti cùng với các con, vợ, thị giả, đều quy y Sa-môn Gotama… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Pasenadi nước Kosala kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)…

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Khāṇumata và đang ở tại Ambalaṭṭhikā. Những Sa-môn, những Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta; đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng… (như trên)…

Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Khāṇumata, đang ở tại Ambalaṭṭhikā, như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta, và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi, Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

333. Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn ấy nói với Bà-la-môn Kūṭadanta:

– Tôn giả Kūṭadanta đã tán thán Sa-môn Gotama như vậy, dầu cho người của gia tộc ở xa Tôn giả Gotama đến một trăm do-tuần cũng đủ cho người ấy đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, dầu phải đem theo lương thực. Do vậy, tất cả chúng tôi sẽ đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

334. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kūṭadanta cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Ambalaṭṭhikā, đến tại chỗ đức Thế Tôn ở; sau khi đến, liền nói lời thân ái chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Khāṇumata có người đảnh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói lời thân ái chào đón, chúc tụng với Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người chắp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên, có người yên lặng ngồi xuống một bên.

335. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Kūṭadanta bạch đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi được nghe như sau: "Sa-môn am hiểu ba cách thức tế tự và mười sáu tế vật." Tôi không biết đến ba tế tự và mười sáu tế vật và tôi muốn cử hành đại lễ tế tự. Tốt đẹp thay nếu Tôn giả Gotama giảng cho tôi ba cách thức tế tự và mười sáu tế vật!

336. – Này Bà-la-môn, vậy ông hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói.

– Dạ vâng.

Bà-la-môn Kūṭadanta trả lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết như sau:

– Này Bà-la-môn, thuở xưa có vị vua tên là Mahāvijita giàu có, đại phú, tài sản sung mãn, có nhiều vàng bạc, có nhiều vật dụng, có nhiều tài vật ngũ cốc, kho tàng sung mãn. Này Bà-la-môn, một hôm, trong khi Vua Mahāvijita đang ngồi yên lặng tại một tịnh xứ, sự suy tư sau đây được khởi lên: "Ta nay đặng vô lượng tài bảo thuộc nhân gian, chinh phục đại địa cầu và sống an trú như vậy. Ta hãy tổ chức đại tế đàn, và nhờ vậy ta sẽ hưởng được hạnh phúc, an lạc lâu ngày."

337. Này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita liền cho mời vị Bà-la-môn chủ tế và nói: "Này Bà-la-môn, trong khi ta đang ngồi yên lặng tại một tịnh xứ, sự suy tư sau đây khởi lên: 'Ta nay đặng vô lượng tài bảo thuộc nhân gian, chinh phục đại địa cầu và sống an trú như vậy. Ta hãy tổ chức đại tế đàn, và nhờ vậy ta sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày.' Này Bà-la-môn, ta muốn tổ chức đại

tế đàn, khanh hãy khuyên ta như thế nào để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày?"

338. Này Bà-la-môn, khi nghe nói vậy, vị Bà-la-môn chủ tế tâu với Vua Mahāvijita như sau: "Đại vương, vương quốc [này] chịu tai ương, chịu ách nạn, đầy dẫy bọn cướp làng, đầy dẫy bọn cướp ấp, đầy dẫy bọn cướp đô thị, đầy dẫy bọn cướp đường. Trong quốc độ chịu tai ương, chịu ách nạn như vậy, nếu Tôn vương đánh thuế má mới, như vậy Tôn vương có ý nghĩ: 'Ta hãy trừ diệt bọn giặc cỏ này, hoặc bằng tử hình, hoặc bằng cấm cố, hoặc bằng phạt vạ, hoặc bằng khiển trách, hoặc bằng tẩn xuất.' Nhưng bọn giặc cỏ này sẽ không bị trừ diệt một cách hoàn toàn, những bọn còn lại không bị hình phạt, sau lại tiếp tục hoành hành vương quốc này. Nhưng nếu theo phương pháp sau đây, bọn giặc cỏ ấy sẽ được trừ diệt một cách hoàn toàn: Những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy hột giống và thực vật; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vốn đầu tư; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vật thực và lương bổng. Và những người này chuyên tâm vào nghề riêng của mình, sẽ không nhiễu hại quốc độ nhà vua; và ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào, quốc độ sẽ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng."

"Vâng, Tôn giả."

Này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita vâng theo lời khuyên của vị Bà-la-môn chủ tế: Những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, Tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy hột giống và thực vật; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, Tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy vốn đầu tư; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy vật thực và lương bổng. Và những người này chuyên tâm về nghề của mình, không còn nhiễu hại quốc độ nhà vua; ngân quỹ nhà vua được dồi dào, quốc độ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng.

Rồi này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita cho mời vị Bà-la-môn chủ tế và nói: "Này khanh, ta đã trừ diệt bọn giặc cỏ nhờ áp dụng phương pháp này, ngân quỹ của ta được dồi dào, quốc độ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn, và dân chúng hoan hỷ, vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng. Này Bà-la-môn, ta muốn tổ chức đại tế đàn, khanh hãy khuyên ta như thế nào để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày?"

339. "Vậy Tôn vương hãy cho mời tất cả những vị Sát-đế-ly trong quốc độ nhà vua cùng với các chư hầu cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đến rồi nói: 'Này các khanh, ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày.' Đối với tất cả những đại thần trong quốc

độ nhà vua, cùng với quyến thuộc cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tất cả những gia chủ phú hào cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, Tôn vương hãy mời những vị ấy đến rồi nói: 'Này các khanh, ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng an lạc hạnh phúc lâu dài.'"

Này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita nghe theo vị Bà-la-môn chủ tế, cho mời tất cả những vị Sát-đế-ly trong quốc độ nhà vua cùng với các chư hầu cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đến rồi nói: "Này các khanh, ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày."

"Tôn vương hãy tổ chức tế đàn. Đại vương, tế đàn này là hợp thời."

Đối với tất cả những đại thần trong quốc độ nhà vua cùng với quyến thuộc cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tất cả những vị Bà-la-môn và đại gia chủ cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tất cả những gia chủ phú hào cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, Vua Mahāvijita mời những vị ấy đến rồi nói: "Này các khanh ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày."

"Đại vương hãy tổ chức tế đàn. Đại vương, tế đàn này là hợp thời."

Như vậy, bốn đại chúng đã thừa nhận tế đàn trở thành những điều kiện thiết yếu cho lễ tế đàn này.

340. Vua Mahāvijita có tám đức tánh sau đây: Thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, không có một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng; là nhà giàu có, đại phú, sung túc tài sản, đầy dẫy vàng và bạc, đầy dẫy tài bảo, đầy dẫy sản nghiệp, ngũ cốc, thương khố sung mãn; có uy lực, đầy đủ bốn loại quân chủng, chinh phục địch quân như với oai danh [của mình]; có tín tâm, có từ tâm, một thí chủ cửa nhà mở rộng, một giếng khơi cho Sa-môn, Bà-la-môn bần cùng nghèo khó, khất sĩ, một vị làm các công đức; bác học trong mọi vấn đề; thông hiểu ý nghĩa của lời nói: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này"; nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt và có thể suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại. Vua Mahāvijita có đầy đủ tám đức tánh này, chính tám đức tánh này làm những điều kiện thiết yếu cho tế đàn ấy.

341. Vị Bà-la-môn chủ tế có đầy đủ bốn đức tánh. Vị ấy thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không có một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy là nhà phúng tụng, là nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Vị ấy là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm vá thứ nhất hay thứ hai. Vị Bà-la-môn chủ tế có đầy đủ bốn đức tánh này, chính bốn đức tánh này làm những yếu kiện cho tế đàn ấy.

342. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước khi lễ đàn có giảng ba pháp cho Vua Mahāvijita: "Trước khi muốn làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: 'Thật vậy, một phần lớn tài sản của ta sẽ bị tiêu hao', Tôn vương không nên có sự hối tiếc này. Trong khi đang làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: 'Thật vậy, một phần lớn tài sản của ta bị tiêu hao.' Tôn vương không nên có sự hối tiếc này. Khi đã làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: 'Thật vậy, một phần lớn tài sản của Ta đã bị tiêu hao.' Tôn vương không nên có sự hối tiếc này."

Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước khi lễ đàn có giảng ba pháp cho Vua Mahāvijita.

343. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước lễ tế đàn, để ngăn chặn sự hối tiếc theo mười cách có thể khởi lên đối với người tham dự [lễ tế đàn], đã nói với Vua Mahāvijita: "Tôn vương, có những người sát sanh đến tại lễ tế đàn và có những người không sát sanh. Ở đây, đối với những người sát sanh, hãy để cho họ yên; ở đây, đối với những người không sát sanh, hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm của họ được an vui, hoan hỷ. Tôn vương, có những người lấy của không cho đến tại lễ tế đàn và có những người không lấy của không cho... có những người tà dâm và có những người không tà dâm... có những người nói láo và có những người không nói láo... có những người nói hai lưỡi và có những người không nói hai lưỡi... có những người nói lời độc ác và có những người không nói lời độc ác... có những người nói lời phù phiếm và có những người không nói lời phù phiếm... có những người có lòng tham và có những người không có lòng tham... có những người có lòng sân và có những người không có lòng sân... có những người có tà kiến và có những người có chánh kiến... Ở đây, đối với những người có tà kiến, hãy để cho họ yên; ở đây, đối với những người có chánh kiến, hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm của họ được an vui, hoan hỷ."

Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước lễ tế đàn đã ngăn chặn sự hối tiếc theo mười cách có thể khởi lên đối với những người tham dự [lễ tế đàn].

344. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế khi vua đang làm lễ tế đàn, đã khuyến giáo, tưởng lệ, kích thích và làm tâm [của vua] hoan hỷ với mười sáu phương pháp: "Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng không mời các vị Sát-đế-ly thân tộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy.' Lời nói về Tôn vương như vậy là không đúng sự thật, Tôn vương đã có mời các vị Sát-đế-ly thân tộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.'

Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng không mời các vị đại thần quyến thuộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành... Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành... cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Tôn vương tổ

chức lễ đại tế đàn như vậy.' Lời nói về Tôn vương như vậy là không đúng sự thật, Tôn vương đã có mời các vị cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức lễ tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.'

Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng không thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống không thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không phải không bị vết nhơ, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy.' Lời nói về Tôn vương như vậy là không đúng sự thật, Tôn vương thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh.' Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.'

Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng không đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... không phải là nhà giàu có, đại phú, sung túc tài sản, đầy dẫy vàng và bạc, đầy dẫy tài bảo, đầy dẫy sản nghiệp, ngũ cốc, thương khố sung mãn... không có uy lực, đầy đủ bốn loại quân chủng, chinh phục địch quân với oai danh của mình... không có tín tâm, không có từ tâm, không phải một thí chủ cửa nhà mở rộng, một giếng khơi cho Sa-môn, Bà-la-môn, bần cùng, nghèo khó, khất sĩ, một vị làm các công đức... không phải là vị bác học trong mọi vấn đề... không thông hiểu ý nghĩa của lời nói: 'Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này'... không phải là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt và có thể suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy.' Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật, Tôn vương là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt, và có thể suy tư về vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.'

Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy.' Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật, vị Bà-la-môn chủ tế của vua thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.'

Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn... nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không phải là nhà phúng tụng, là nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ

năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận và tướng của vị Đại nhân... nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không có đức hạnh, không có đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày... nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không phải vị bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm vá thứ nhất hay thứ hai. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy.' Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật, vị Bà-la-môn chủ tế của vua là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm vá thứ nhất hay thứ hai. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.'"

Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế, khi vua đang làm lễ tế đàn đã khuyến giáo, tưởng lệ, kích thích và làm tâm [của vua] được hoan hỷ bằng mười sáu phương pháp trên.

345. Này Bà-la-môn, trong lễ tế đàn này, không có trâu bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gà heo bị giết, không có các loại sinh vật nào khác bị sát thương, không có cây cối bị chặt để làm trụ cột tế lễ, không có loại cỏ dabbha bị cắt để rải xung quanh đàn tế. Và những người gia bộc, người đem tin, hay những người làm thuê không bị dọa nạt bởi hình phạt, không bị dọa nạt bởi sợ hãi và không làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày. Họ muốn thì họ làm, họ không muốn thì họ không làm; họ làm những gì họ muốn, họ không làm những gì họ không muốn. Tế đàn này được hoàn tất chỉ với dầu, sanh tô, thục tô, mật và đường miếng.

346. Này Bà-la-môn, các Sát-đế-ly thân tộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, các đại thần quyến thuộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, các Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, các cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đem theo nhiều tiền bạc của cải đến Vua Mahāvijita và thưa: "Đại vương, tiền bạc của cải rất nhiều này được đem đến để Đại vương dùng, Đại vương hãy lấy dùng."

"Này các khanh, tiền bạc của cải rất nhiều được cất giữ một cách chính đáng này đối với ta đã vừa đủ. Các khanh hãy giữ các của cải ấy cho các khanh, các khanh có thể đem theo nhiều hơn thế nữa!"

Các vị bị vua từ khước như vậy đứng qua một bên và bàn luận như sau: "Tài sản này của chúng ta, nếu chúng ta đem về nhà lại, thật không phải. Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn. Chúng ta hãy tổ chức một hậu tế đàn."

347. Này Bà-la-môn, khi các vị Sát-đế-ly thân tộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Đông hố tế đàn; các đại thần quyến thuộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Nam hố tế đàn; các Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Tây hố tế đàn; các cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Bắc hố tế đàn. Này Bà-la-môn, trong tế đàn của những vị này cũng vậy, không có trâu bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có loại sinh vật nào khác bị sát thương, không có cây cối bị chặt để làm cột trụ tế lễ, không có loại cỏ dabbha bị cắt để rải xung quanh đàn tế. Và những người gia bộc hay những người đưa tin hay những

người làm thuê không bị dọa nạt bởi hình phạt, không bị dọa nạt bởi sợ hãi và không làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày. Chúng muốn thì chúng làm, chúng không muốn thì chúng không làm; chúng làm những gì chúng muốn, chúng không làm những gì chúng không muốn. Những tế đàn này được hoàn tất chỉ với dầu, sanh tô, thục tô, mật và đường miếng.

Như vậy là bốn sự chấp thuận, Vua Mahāvijita thành tựu tám pháp, Bà-la-môn chủ tế thành tựu bốn pháp và cả ba tế pháp. Này Bà-la-môn, như vậy gọi là ba tế pháp và mười sáu tế vật.

348. Khi nghe nói như vậy, những Bà-la-môn ấy la to hét lớn: "Cao quý thay lễ tế đàn, vẻ vang thay sự thành tựu của lễ tế đàn!" Nhưng Bà-la-môn Kūṭadanta ngồi yên lặng. Các vị Bà-la-môn ấy hỏi Bà-la-môn Kūṭadanta:

"Vì sao Tôn giả Kūṭadanta không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama?"

"Không phải ta không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama. Nếu ai không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama thì đầu người ấy sẽ bị tan nát. Nhưng ta hiện đang suy nghĩ: "Sa-môn Gotama không nói: 'Như vậy Ta nghe', hay: 'Như vậy đáng phải là thế', mà Ngài chỉ nói: 'Khi sự việc xảy ra như vậy', 'Khi ấy sự việc xảy ra như thế', và ta nghĩ: 'Chắc chắn lúc bấy giờ, Sa-môn Gotama là Vua Mahāvijita, chủ nhân của lễ tế đàn hay là vị Bà-la-môn chủ tế lễ tế đàn.' Tôn giả Gotama, Ngài có công nhận là mình đứng ra tổ chức lễ tế đàn hay khiến người tổ chức lễ tế đàn, và sau khi thân hoại mạng chung, được sanh ở thiện thú, cõi trời, cõi đời này?"

– Này Bà-la-môn, Ta công nhận tự mình đứng ra tổ chức lễ tế đàn hay khiến người tổ chức lễ tế đàn, và sau khi thân hoại mạng chung, được sanh ở thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Lúc bấy giờ, Ta là vị Bà-la-môn chủ tế đã đứng ra chủ lễ tế đàn này.

349. – Này Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này?

– Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này.

– Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này?

– Này Bà-la-môn, chính là những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức. Tế đàn ấy, này Bà-la-môn, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này.

– Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì mà những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức, tế đàn ấy lại ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này?

– Này Bà-la-môn, các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán không đi đến tế đàn như vậy. Vì cớ sao?

Này Bà-la-môn, vì tại đấy có thấy những sự đánh đập bằng roi gậy, có những sự tóm cổ lôi kéo. Do vậy, các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán không đi đến tế đàn như vậy. Những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức, này Bà-la-môn, các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán đi đến những tế đàn như vậy. Vì cớ sao? Này Bà-la-môn, vì tại đấy không thấy những sự đánh đập bằng roi gậy, không có những sự tóm cổ lôi kéo. Do vậy, các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán đi đến tế đàn như vậy. Này Bà-la-môn, do nhân ấy, do duyên ấy, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức, tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này.

350. – Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật và những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi này?

– Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật và những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi này.

– Này Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật và những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi này?

– Này Bà-la-môn, chính là sự xây dựng tinh xá cho bốn phương Tăng. Tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, và những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi này.

351. – Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này?

– Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này.

– Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này?

– Này Bà-la-môn, một ai với tâm thành quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, này Bà-la-môn, tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này.

352. – Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này?

– Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này.

– Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này?

– Này Bà-la-môn, một ai với tâm thành thọ trì những giới luật không sát sanh, không thâu đạo, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu.

Này Bà-la-môn, tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này.

353. – Này Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y và những giới luật này?

– Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y, những giới luật này.

– Tôn giả Gotama, tế đàn ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y và những giới luật này?

– Này Bà-la-môn, ở đây, đức Như Lai sanh ra đời, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác... (như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 190-212). Như vậy, này Bà-la-môn, là vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh.

... chứng và an trú Thiền thứ nhất. Này Bà-la-môn, tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước.

... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và an trú Thiền thứ tư. Này Bà-la-môn, tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước… Vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến… Này Bà-la-môn, tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước… không còn một đời sống khác, vị ấy biết như vậy. Này Bà-la-môn, tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại,

nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước. Này Bà-la-môn, không có một lễ tế đàn nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn lễ tế đàn này.

354. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Kūṭadanta thưa với đức Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng Tôn giả Gotama. Con xin trả tự do và sự sống cho bảy trăm con bò đực, bảy trăm con bò cái, bảy trăm con bê, bảy trăm con dê và bảy trăm con cừu. Mong chúng được ăn cỏ xanh và uống nước mát, mong chúng được hưởng gió mát.

355. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Kūṭadanta như là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của sự xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Kūṭadanta đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen sẽ rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, Pháp nhãn vô trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Kūṭadanta: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bị hoại diệt."

356. Khi ấy, Bà-la-môn Kūṭadanta thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch đức Thế Tôn: "Mong Tôn giả Gotama ngày mai cùng chúng Tỷ-kheo nhận lời đến dùng cơm do con mời!"

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

357. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kūṭadanta được biết đức Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, thân phía hữu hướng về đức Phật và từ biệt... Rồi Bà-la-môn Kūṭadanta khi đêm vừa tàn, liền cho làm sẵn sàng tại nhà các món thượng vị loại cứng và loại mềm, rồi báo thời giờ cho đức Thế Tôn: "Giờ đã đến, Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng."

358. Khi ấy, đức Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Kūṭadanta; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã được soạn sẵn. Bà-la-môn Kūṭadanta tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo, với đức Phật là vị dẫn đầu, thỏa mãn với những món thượng vị loại cứng và loại mềm. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kūṭadanta, sau khi được biết đức Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi Bà-la-môn Kūṭadanta ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn với một thời thuyết pháp giảng dạy, khích lệ, kích thích và làm cho Bà-la-môn Kūṭadanta hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. KINH MAHĀLI
(*Mahāli Sutta*)[1]

359. Như vầy tôi nghe.

Một thời, đức Thế Tôn trú tại Vesāli (Tỳ-xá-ly), ở giảng đường Trùng Các, trong Đại Lâm. Lúc bấy giờ, một số đông sứ giả Bà-la-môn nước Kosala (Câu-tát-la) và nước Magadha (Ma-kiệt-đà) đang ở tại Vesāli vì một vài công việc.

Những vị sứ giả ấy được nghe như sau: "Này các Tôn giả, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca hiện nay đang trú tại Vesāli, ở giảng đường Trùng Các, Đại Lâm. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, sau đó tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.' Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý."

360. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến giảng đường tại Đại Lâm. Lúc bấy giờ, Đại đức Nāgita là thị giả đức Thế Tôn. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến chỗ Đại đức Nāgita ở và thưa:

– Hiền giả Nāgita, hiện nay Tôn giả Gotama ở tại đâu, chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

– Các Hiền giả, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn, đức Thế Tôn đang chỉ tịnh.

Những sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha liền ngồi xuống tại một bên và nói:

– Sau khi được yết kiến Tôn giả Gotama, chúng tôi mới đi.

361. Oṭṭhaddha (Môi thỏ), người Licchavi, cùng với một số đông dân chúng Licchavi cũng đi đến giảng đường Trùng Các trong Đại Lâm, gặp Đại đức Nāgita, đảnh lễ vị này rồi đứng một bên. Oṭṭhaddha, người Licchavi, thưa với Đại đức Nāgita:

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 16; V. 201, 347.

– Hiện nay đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở tại đâu, chúng con muốn yết kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Mahāli, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn, đức Thế Tôn đang chỉ tịnh.

Oṭṭhaddha, người Licchavi, liền ngồi xuống một bên tại chỗ ấy và nói:

– Sau khi được yết kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, con mới đi.

362. Khi ấy, Sa-di Sīha đến Đại đức Nāgita, đảnh lễ Đại đức và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Sa-di Sīha nói với Đại đức Nāgita:

– Bạch Đại đức Kassapa (Ca-diếp),[2] một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn; Oṭṭhaddha, người Licchavi, cũng đến đây với số đông dân chúng Licchavi để yết kiến đức Thế Tôn. Đại đức Kassapa, lành thay nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn!

– Vậy Sīha hãy thưa với đức Thế Tôn.

– Thưa vâng, bạch Đại đức.

Sa-di Sīha[3] vâng theo lời dạy của Đại đức Nāgita, đến tại chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi đứng một bên. Sa-di Sīha sau khi đứng một bên liền bạch đức Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đến đây để yết kiến đức Thế Tôn; Oṭṭhaddha, người Licchavi, cùng một số đông dân chúng Licchavi đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn. Lành thay nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn!

– Này Sīha, hãy dọn chỗ ngồi trong bóng mát, phía trước ngôi tinh xá.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Sa-di Sīha vâng theo lời dạy đức Thế Tôn, sắp đặt một chỗ ngồi trong bóng mát phía trước ngôi tinh xá.

363. Đức Thế Tôn đi ra khỏi tinh xá và ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn trong bóng mát, phía trước ngôi tinh xá.

Rồi các sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha đến tại chỗ đức Phật, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Oṭṭhaddha, người Licchavi, cùng với một số lớn dân Licchavi cũng đến tại chỗ đức Phật, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

364. Sau khi ngồi xuống một bên, Oṭṭhaddha, người Licchavi, thưa với Thế Tôn:

---

[2] Còn được gọi là Nāgita. Xem *D*. I. 151; *DA*. I. 310; *A*. III. 31, 341 và IV. 341; *J*. IV. 95. Ông là cậu của Sa-di Sīha.

[3] Sīha là con trai chị gái của Tôn giả Nāgita. Sīha xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, làm Sa-di năm lên 7 tuổi. Chú rất thông minh, học hiểu nhiều và được mọi người quý mến. Vị này không phải là Tôn giả Sīha thuộc dòng họ Licchavi, vị được xem là anh hùng trong câu chuyện được lưu lại trong *A*. IV. 179-88; *Vin*. I. 233-38 và sau này rời khỏi Tăng đoàn. Giáo sư Edward Müller (*JPTS*. 1988, 97) đề cập cả hai vị.

– Bạch Đại đức, hai ba ngày về trước, Sunakkhatta, dòng họ Licchavi, đến chỗ con ở và nói với con: "Này Mahāli, từ khi tôi sống gần đức Phật, không lâu quá ba năm, tôi được thấy những thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không được nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi." Bạch Thế Tôn, những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavi, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, không hiểu những thiên âm ấy có thật hay không có thật?

365. – Này Mahāli, những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavi, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải không có.

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavi, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có?

366. – Này Mahāli, có Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này thấy được về phía Đông các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía Đông chỉ với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

367. Lại nữa, này Mahāli, có vị Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Nam… phía Tây… phía Bắc… về phía trên… về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này thấy được về phía dưới, hướng ngang, các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang chỉ với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

368. Này Mahāli, có vị Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này nghe được về phía Đông các thiên âm mỹ diệu,

thích thú, phấn khởi nhưng không thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì vị Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía Đông chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

369. Lại nữa, này Mahāli, có Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Nam… về phía Tây… về phía Bắc… về phía trên… về phía dưới, hướng ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này nghe được về phía dưới, hướng ngang, các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

370. Này Mahāli, có Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía Đông thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe được các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

371. Này Mahāli, có vị Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Nam… về phía Tây… về phía Bắc… về phía trên… về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhị hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía dưới, hướng ngang, thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì cớ sao? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Này Mahāli, do nhân này, do duyên này, những thiên âm mà Sunakkhata, dòng họ Licchavi, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

372. – Bạch Thế Tôn, như vậy có phải muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Thế Tôn?

– Này Mahāli, không phải muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. Này Mahāli, có những pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn. Vì muốn chứng được những pháp ấy, các vị Tỷ-kheo sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta.

373. – Bạch Thế Tôn, những pháp ấy, cao thượng hơn, thù thắng hơn là gì mà các vị Tỷ-kheo vì muốn chứng được những pháp ấy, sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Thế Tôn?

– Này Mahāli, ở đây Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử, thành bậc Dự Lưu, không đọa ác thú, chắc chắn đạt quả Bồ-đề. Này Mahāli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta.

Lại nữa, này Mahāli, Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành bậc Nhứt Lai, còn phải sanh lại trong đời này một lần nữa trước khi diệt hẳn khổ đau. Này Mahāli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta.

Lại nữa, này Mahāli, vị Tỷ-kheo đã đoạn dứt năm hạ phần kiết sử, thành vị Hóa sanh, nhập Niết-bàn tại đây, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Này Mahāli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta.

Lại nữa, này Mahāli, vị Tỷ-kheo do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình chứng tri, chứng ngộ và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Mahāli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta.

Này Mahāli, những pháp cao thượng và thù thắng này, vì muốn chứng được pháp ấy, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta.

374. – Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy?

– Này Mahāli, có con đường, có đạo lộ đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

375. – Bạch Thế Tôn, con đường, đạo lộ đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy là gì?

– Đó là con đường Thánh có tám ngành: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Mahāli, con đường này, đạo lộ này đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

376. Này Mahāli, một thời, Ta ở Kosambī, vườn Ghositārāma. Lúc bấy giờ, có hai người xuất gia, Muṇḍiya - một vị du sĩ, và Jāliya - đệ tử của Dārupattaka, đến tại chỗ Ta ở, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị xuất gia nói với Ta như sau:

– Này Hiền giả: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác?"

377. – Này Hiền giả, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Vâng, Hiền giả.

Hai vị xuất gia trả lời Ta như thế và Ta nói như sau:

– Này Hiền giả, ở đây, Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác… (như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 190-212)... Này Hiền giả, như vậy vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh... chứng và an trú Thiền thứ nhất. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác" không?

Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

... chứng và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác" không?

Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

Vị ấy hướng tâm, dẫn tâm đến tri kiến. Này Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác" không?

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

... Vị ấy biết: "Sau đời này sẽ không có đời khác nữa." Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác" không?

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay khác."

Đức Thế Tôn thuyết như vậy, Oṭṭhaddha, người Licchavi, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

7. KINH JĀLIYA
(*Jāliya Sutta*)[1]

378. Như vầy tôi nghe.

Một thời, đức Thế Tôn ở Kosambī, vườn Ghosita.[2] Lúc bấy giờ, có hai du sĩ, Muṇḍiya và Jāliya, đệ tử của Dārupattika, đến tại chỗ đức Thế Tôn ở, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Ngài rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị xuất gia nói với Ngài như sau:

– Này Hiền giả Gotama, mạng căn và thân thể là một hay là khác?

379. – Này Hiền giả, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Vâng, Hiền giả!

Hai vị xuất gia trả lời đức Thế Tôn như thế và Ngài nói như sau:

– Này Hiền giả, ở đây, đức Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (tương tự như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 190-212). Này Hiền giả, như vậy vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, chứng và an trú Sơ thiền. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác" không?

Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."… chứng và an trú Đệ nhị thiền... Đệ tam thiền... Đệ tứ thiền. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác" không?

Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."

Vị Tỷ-kheo ấy hướng tâm, dẫn tâm đến tri kiến. Này Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác" không?

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347.

[2] *Ghositārāma*: *Ghosita* (tên riêng của một gia chủ) + *ārāma* (khu vườn). Khu vườn do ông Ghosita, còn gọi là Ghosaka, hiến cúng cho đức Phật và chư Tăng.

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."

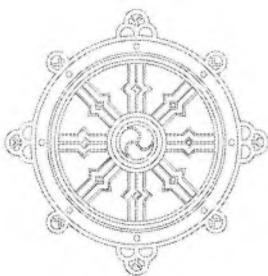
Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."

380. Vị ấy biết: "Sau đời này sẽ không có đời khác nữa." Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác" không?

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác."

Đức Thế Tôn thuyết như vậy, hai vị du sĩ hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.[3]



[3] Kinh này giống *D.* 6, *Mahāli Sutta* (*Kinh Mahāli*), đoạn 377.

8. KINH CA-DIẾP SƯ TỬ HỐNG
(*Kassapasīhanāda Sutta*)[1]

381. Như vầy tôi nghe.

Một thời, đức Thế Tôn ở tại Ujuññā (Uy-nhã quốc), tại vườn nai Kaṇṇakatthala.[2] Lúc bấy giờ, lõa thể Kassapa (Ca-diếp) đến chỗ đức Phật, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với đức Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, lõa thể Kassapa thưa với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi nghe như vầy: "Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phỉ báng, mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ", có phải những vị ấy nói đúng lời của Tôn giả Gotama? Có phải những vị ấy đã vu oan không xác thật cho Tôn giả Gotama? Có phải những vị ấy đã tuyên bố như pháp, thuận pháp không? Có những chủ trương nào chính và phụ gặp phải cật nạn không? Thật sự chúng tôi không muốn chỉ trích sai lạc Tôn giả Gotama.

382. – Này Kassapa, những ai nói: "Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phỉ báng, mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ", những vị ấy nói không đúng lời của Ta, đã vu oan không xác thật cho Ta. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

383. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này Kassapa, khi đã biết đúng với sự thật, sự lai khứ, sanh diệt của những người tu khổ hạnh như vậy, làm sao Ta lại chỉ trích mọi khổ hạnh và tuyệt đối phỉ báng mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ?

---

[1] Tên kinh này còn được viết là *Đại kinh Sư tử hống* (*Mahāsīhanāda Sutta*). Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 178, 204, 211, 224, 235; III. 36; *M.* I. 68, 153, 175, 220, 256, 271, 305, 339, 400; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177, 330; *A.* I. 113, 295; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Lõa hình Phạm chí kinh* 倮形梵志經 (*T.*01. 0001.25. 0102c25).

[2] Migadāye: Đây là vườn nai không cho phép săn bắn.

384. Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn là những nhà bác học, thông thạo, biện tài trong tranh luận, nhà thiện xạ bắn chẻ đôi sợi tóc, đi chỗ này chỗ kia để đả phá mọi tà kiến với trí tuệ của mình. Giữa chúng tôi và những vị này có những điểm tương đồng và có những điểm không tương đồng.

Có điểm những vị này công nhận là "phải", chúng tôi cũng công nhận là "phải". Có điểm những vị này công nhận là "không phải", chúng tôi cũng công nhận là "không phải". Có điểm những vị này công nhận là "phải", chúng tôi công nhận là "không phải". Có điểm những vị này công nhận là "không phải", chúng tôi công nhận là "phải". Có điểm chúng tôi công nhận là "phải", các vị này cũng công nhận là "phải". Có điểm chúng tôi công nhận là "không phải", các vị này cũng công nhận là "không phải". Có điểm chúng tôi công nhận là "phải", các vị này công nhận là "không phải". Có điểm chúng tôi công nhận là "không phải", các vị này công nhận là "phải".

385. Ta đến các vị ấy và nói: "Này các Hiền giả, những điểm không đồng ý, hãy để chúng yên như vậy. Những điểm đồng ý, các vị có trí hãy hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giáo sư với giáo sư, hay chúng đệ tử với chúng đệ tử: 'Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa quý vị Hiền giả này, ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, Sa-môn Gotama hay những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?'"

386. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vị này nói: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa những vị Hiền giả này, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy; còn những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi." Như vậy, này Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

387. Này Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: "Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh; giữa quý vị Hiền giả này, ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, Sa-môn Gotama hay những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?"

388. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vị này nói: "Những pháp thiện hay được xem là thiện,

những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh; Sa-môn Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần." Như vậy, này Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

389. Này Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa những vị Hiền giả này ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, chúng đệ tử của Sa-môn Gotama hay chúng đệ tử của những Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?"

390. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vị này nói: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa những vị Hiền giả này, chúng đệ tử của Sa-môn Gomata đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, còn chúng đệ tử của những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi." Như vậy, này Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

391. Này Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: "Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh; giữa những vị Hiền giả này, ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, chúng đệ tử của Sa-môn Gotama hay chúng đệ tử của những Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?"

392. Này Kassapa, sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: "Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh; giữa những vị Hiền giả này, chúng đệ tử của Sa-môn Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn chúng đệ tử của những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần thôi." Như vậy, này Kassapa, những vị có

trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

393. Này Kassapa, có con đường, có phương pháp khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chơn thật, nói lợi ích, nói hợp Pháp, nói đúng Luật." Này Kassapa, con đường ấy là gì, phương pháp ấy là gì khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chơn thật, nói lợi ích, nói hợp Pháp, nói đúng Luật?" Chính là con đường Thánh tám ngành tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Kassapa, chính con đường này, chính phương pháp này khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói lời chơn thật, nói lợi ích, nói hợp Pháp, nói đúng Luật."

394. Nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

– Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được những Sa-môn và Bà-la-môn công nhận là Sa-môn hạnh và Bà-la-môn hạnh:[3] Sống lõa thể; sống phóng túng không theo lễ nghi [như đứng mà đi đại tiểu tiện, đứng ăn, không chịu ngồi theo lễ nghi]; liếm tay cho sạch [sau khi ăn, không chịu rửa]; đi khất thực không chịu bước tới [theo lời yêu cầu để thí chủ bỏ đồ ăn vào bát]; đi khất thực không chịu dừng lại [theo lời yêu cầu của thí chủ]; không nhận đồ ăn mang đến [cho mình, trước khi đi khất thực]; không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình; không nhận mời đi ăn; không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo [sợ nồi chảo bị nạo, bị cạy để cúng dường đồ ăn]; không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa [sợ dành riêng cho mình]; không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy [sợ dành riêng cho mình]; không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo [sợ dành riêng cho mình]; không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn [sợ đồ ăn chỉ do một người cho]; không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai [sợ đứa con trong bụng mẹ bị thiệt thòi]; không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú [sợ sữa người đàn bà sẽ bớt đi]; không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu [sợ làm trở ngại sự giao cấu]; không nhận đồ ăn đi quyên [bởi tín đồ khi có nạn đói]; không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng [sợ chó mất phần ăn]; không nhận đồ ăn tại chỗ ruồi bu [sợ ruồi mất phần ăn]; không ăn cá, không ăn thịt; không uống rượu nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng; vị ấy chỉ nuôi sống với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát; vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần.

395. Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được chúng Sa-môn, Bà-la-môn công nhận là Sa-môn hạnh và Bà-la-môn hạnh. Vị này chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,[4] ăn gạo lứt, ăn gạo daddula,[5] ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước

---

[3] Xem *M.* I. 77, 238, 342 và II. 161 và *Pug.* IV. 24.
[4] *Sāmāka*. Xem *M.* I. 156; *J.* II. 365 và III. 144.
[5] *Daddula*. Xem *M.* I. 78, 156, 188.

cơm, ăn bột vừng,[6] ăn cỏ, ăn phân bò; ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.

396. Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được công nhận bởi những Sa-môn, Bà-la-môn là Sa-môn hạnh và Bà-la-môn hạnh. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm rồi quăng đi,[7] mặc vải phấn tảo y, mặc áo làm bằng vỏ cây,[8] mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da của con sơn dương đen,[9] mặc áo bằng cỏ cát tường (kusa), mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ,[10] mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại,[11] mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người theo tập tục sống nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn,[12] là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần,[13] thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhớp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời,[14] theo hạnh bạ đâu nằm đấy, sống ăn các uế vật, theo hạnh ăn các uế vật [phân bò, nước tiểu bò, tro và đất],[15] sống không uống nước lạnh,[16] theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi].

397. – Này Kassapa nếu một người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần; nhưng nếu vị này không tu và không chứng được Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn hạnh, cách rất xa Bà-la-môn hạnh. Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, này Kassapa, nếu người ấy chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, ăn gạo lứt... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống; nhưng nếu vị này không tu và không chứng được Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn hạnh, cách rất xa Bà-la-môn hạnh. Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện

[6] *Piññāka*. Xem *Vin*. IV. 341.
[7] *Chavadussāni pi dhāreti*.
[8] *Tiritāni pi dhāreti*.
[9] *Ajinakkhipaṁ pi dhāreti*.
[10] *Phalakacīraṁ pi dhāreti*. Xem *Vin*. I. 305; *Vin*. II. 137.
[11] *Vāla-kambalaṃ pi dhāreti*.
[12] *Ukkuṭikappadhāna*.
[13] *Thaṇḍila-seyyaṃ pi kappeti*.
[14] *Abbhokāsika*. Tham khảo *J*. IV. 8; *Miln*. 342.
[15] *Vekaṭika*. Xem *J*. I. 390; *Vin*. II. 59.
[16] *Apānaka*. Xem *Miln*. II. 85.

tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]; nhưng nếu vị này không tu và không chứng được Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn hạnh, cách rất xa Bà-la-môn hạnh. Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

398. Khi nghe nói đến đây, lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!

– Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, như một người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Này Kassapa, nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần."

Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự tận diệt các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rừng để sống." Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ,

không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi], nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]." Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

399. Khi nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!

– Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu một người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, nếu trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh này: "Tôi sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần." Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết, vẫn thật khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho

đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống." Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết, vẫn thật khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi], này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần." Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết, vẫn rất khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

400. Khi nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, thế nào là Giới cụ túc? Thế là Tâm cụ túc? Thế nào là Tuệ cụ túc?

– Này Kassapa, nay ở đời, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 190-193)... thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, đầy đủ chánh niệm, chánh trí và biết tri túc.

401. Này Kassapa, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Kassapa, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 194-210).

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được an ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 211)... ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là Giới cụ túc của vị ấy. Và như vậy, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy

nhờ giới luật cụ túc nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Này Kassapa, như một Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi chỗ nào về sự thù địch. Cũng vậy, này Kassapa, Tỳ-kheo ấy nhờ giới luật cụ túc nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ giới luật cụ túc cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Kassapa, là Tỳ-kheo giới luật cụ túc.

Này Kassapa, thế nào là vị Tỳ-kheo bảo hộ các căn? Này Kassapa, khi mắt thấy sắc, Tỳ-kheo không nắm giữ tướng chung… những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tịnh... Như vậy, này Kassapa, là Tỳ-kheo hộ trì các căn... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn kinh số 213-225).

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỳ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỳ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Kassapa, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Kassapa, Tỳ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Như vậy là Tâm cụ túc của vị ấy.

Lại nữa, này Kassapa, Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Thiền thứ ba… chứng và trú vào Thiền thứ tư... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 232-233). Đó là Tâm cụ túc của vị ấy. Này Kassapa, đó là Tâm cụ túc.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỳ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Này Kassapa, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy ở trên tay sẽ thấy: "Hòn ngọc lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa,

khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt." Cũng vậy, này Kassapa, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 236-249). Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Đó là Tuệ cụ túc của vị ấy. Này Kassapa, đó là Tuệ cụ túc.

Này Kassapa, và không có một Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn Giới cụ túc, Tâm cụ túc và Tuệ cụ túc này.

402. Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giới luật. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giới luật. Này Kassapa, nói về giới luật tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng giới luật của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về giới luật, tức là Tăng thượng giới.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương khổ hạnh yểm ly. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán khổ hạnh yểm ly. Này Kassapa, nói về khổ hạnh yểm ly tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng được khổ hạnh yểm ly của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về khổ hạnh yểm ly, tức là Tăng thượng yểm ly.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương trí tuệ. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán trí tuệ. Này Kassapa, nói về trí tuệ tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng được trí tuệ của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về trí tuệ, tức là Tăng thượng trí tuệ.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giải thoát. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giải thoát. Này Kassapa, nói về giải thoát tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng được giải thoát của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về giải thoát, tức là Tăng thượng giải thoát.

403. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử nhưng chỉ tại chỗ vắng người, không ở giữa đại chúng." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử tại chỗ vắng người và cả giữa đại chúng." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng nhưng không rống với tinh thần vô úy." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama

rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng và rống với tinh thần vô úy." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng, với tinh thần vô úy, nhưng không có ai hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi gì." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng, với tinh thần vô úy, và có người hỏi Sa-môn Gotama." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama không thể trả lời." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ. Nhưng dầu cho Sa-môn Gotama có trả lời, câu trả lời cũng không làm tâm người ta thỏa mãn." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Nhưng người ta không xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn; người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe. Nhưng dầu cho có được nghe, người ta cũng không tin tưởng." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe, và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe; và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Nhưng dầu cho có lòng tin tưởng, người ta không biểu lộ lòng tin tưởng." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng. Nhưng dầu cho có biểu lộ lòng tin tưởng, người ta không đạt đến chỗ như thực." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe và sau khi được nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng và đạt đến chỗ như thực." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe, và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng và đạt đến chỗ như thực, nhưng người ta không đem ra thực hành được." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm tâm người ta được thỏa mãn; người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama đáng được nghe; sau khi được nghe, người ta tin tưởng; khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng, và đạt đến chỗ như thực; đạt đến chỗ như thực, người ta đem ra thực hành." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

404. Này Kassapa, một thời Ta ở tại Vương Xá, trên núi Linh Thứu. Lúc bấy giờ, có người Phạm chí tu khổ hạnh tên là Nigrodha đến hỏi về tối thắng khổ hạnh yểm ly. Khi được hỏi về tối thắng khổ hạnh yểm ly, Ta đã trả lời. Và khi được Ta trả lời, vị ấy phát tâm hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng.

– Bạch Đại đức, ai có thể sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp mà lại không

hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng! Bạch Đại đức, thật ra con cũng vậy, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp thì hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng! Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Bạch Đại đức, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chư Tỷ-kheo. Bạch Đại đức, con xin xuất gia với Thế Tôn, con xin thọ Đại giới.

405. – Này Kassapa, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú.[17] Sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo, nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

– Bạch Đại đức, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu chúng Tăng đồng ý, mong chúng Tăng xuất gia cho con, cho con thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và lõa thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Đại đức Kassapa ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ và an trú. "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa", Đại đức Kassapa liễu tri như vậy.

Và Đại đức Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

[17] Xem *Vin.* I. 69.

9. KINH POṬṬHAPĀDA (BỐ-SÁ-BÀ-LÂU)

(*Poṭṭhapāda Sutta*)[1]

406. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ Viên), vườn Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda (Bố-sá-bà-lâu) cùng với đại chúng du sĩ ngoại đạo khoảng ba trăm vị, ở tại vườn của Hoàng hậu Mallikā[2] (Mạt-lê viên) tên là Ekasālaka, có hàng rào cây tinduka, một hội trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến. Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Sāvatthi khất thực.

407. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Giờ này còn quá sớm để đi khất thực tại Sāvatthi, Ta hãy đi đến vườn của Hoàng hậu Mallikā tên là Ekasālaka, có hàng rào cây tinduka, một hội trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến, để gặp du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda." Và Thế Tôn đi đến vườn của Hoàng hậu Mallikā tên là Ekasālaka, có hàng rào cây tinduka, một hội trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến.

408. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda ngồi với đại chúng du sĩ ngoại đạo, đang ồn ào, la lối, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về đồ mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị trấn, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới và hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

409. Du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda thấy Thế Tôn từ xa đến, liền khuyến cáo chúng của mình: "Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng, các Tôn giả hãy đừng làm ồn! Nay Sa-môn Gotama đang đến, Ngài ưa mến sự trầm lặng, vị Đại đức này tán thán sự trầm lặng. Nếu biết chúng này yên tịnh, Ngài có thể ghé đến đây." Nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền im lặng.

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 161; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Bố-tra-bà-lâu kinh* 布吒婆樓經 (*T.*01. 0001.28. 0109c22).

[2] Một trong những Hoàng hậu của Vua Pesenadi nước Kosala. Xem *J.* III. 405 và IV. 437.

410. Rồi Thế Tôn đến du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda, và du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda bạch Thế Tôn:

– Thiện lai, Thế Tôn! Hoan nghênh Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn không quá bộ đến đây, mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Poṭṭhapāda đã ngồi một bên:

– Này Poṭṭhapāda, vấn đề gì các vị đang ngồi thảo luận? Vấn đề gì đang nói mà bị gián đoạn?

411. Khi nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên câu chuyện chúng tôi đang ngồi bàn luận. Bạch Thế Tôn, lát nữa Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn, mấy ngày trước, nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo tụ họp, ngồi hội thảo trong giảng đường nêu lên vấn đề sự diệt tận các tăng thượng tưởng.[3]

"Này Tôn giả, tăng thượng tưởng diệt tận như thế nào?" Một vài vị trả lời: "Không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt. Khi tưởng sanh, con người có tưởng; khi tưởng diệt, con người không có tưởng." Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, tưởng là tự ngã của con người, chính tưởng ấy đến và đi. Khi tưởng ấy đến thì con người có tưởng, khi tưởng ấy đi thì con người không có tưởng." Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn có đại thần thông và đại oai lực. Chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và cũng kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng; khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng." Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những vị thiên thần có đại thần thông, có đại oai lực. Chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng; khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng." Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, con tưởng niệm đến Thế Tôn: "Mong Thế Tôn có mặt ở đây! Mong Thiện Thệ có mặt ở đây! Ngài rất tinh thông những pháp này. Chắc chắn Thế Tôn biết rõ sự diệt tận các tăng thượng tưởng." Bạch Thế Tôn, sự diệt tận các tăng thượng tưởng như thế nào?

412. – Này Poṭṭhapāda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Không nhân,

---

[3] *Abhisaññā-nirodho.*

không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt", những vị này đã sai lạc ngay từ ban đầu. Vì sao vậy? Này Poṭṭhapāda, chính vì có nhân, có duyên, các tưởng của con người sinh và diệt. Chính do sự tu tập, một loại tưởng sanh; chính do sự tu tập, một loại tưởng diệt.

413. Và Thế Tôn nói:

– Sự tu tập ấy là gì? Này Poṭṭhapāda, nay ở đời Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 190-193, trừ đoạn kết của mỗi đoạn)… thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc.

Này Poṭṭhapāda, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh đầy đủ? Ở đây, này Poṭṭhapāda, vị Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật… (như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 194-212)… như dùng tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, cho lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Này Poṭṭhapāda, và như vậy, vị Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này Poṭṭhapāda, như một người Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Poṭṭhapāda, vị Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Poṭṭhapāda, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

Này Poṭṭhapāda, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này Poṭṭhapāda, khi mắt thấy sắc, vị Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi mùi... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Poṭṭhapāda, là Tỷ-kheo hộ trì các căn... (như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 213-223).

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan, nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Dục tưởng trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do ly dục sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do ly dục sanh. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến."

Lại nữa, này Poṭṭhapāda, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do ly dục sanh trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do định sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do định sanh. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến."

Lại nữa, này Poṭṭhapāda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tưởng hỷ lạc chơn thật vi tế do định sanh trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng xả lạc vi tế chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng xả lạc vi tế chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến."

Lại nữa, này Poṭṭhapāda, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, tưởng xả lạc chơn thật vi tế trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng xả lạc xả khổ vi tế chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng xả lạc xả khổ vi tế chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến."

Lại nữa, này Poṭṭhapāda, với sự vượt thoát mọi sắc tưởng, với sự diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, với sự không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Như vậy, sắc tưởng trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng Không vô biên xứ vi tế chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Không vô biên xứ vi tế chơn thật. Như vậy, do sự tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến."

Lại nữa, này Poṭṭhapāda, với sự vượt thoát mọi Không vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy, tưởng Không vô biên xứ vi tế chơn thật trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng Thức vô biên xứ vi tế chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Thức vô biên xứ vi tế chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến."

Lại nữa, này Poṭṭhapāda, với sự vượt thoát mọi Thức vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy, tưởng Thức

vô biên xứ vi tế chơn thật trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng Vô sở hữu xứ vi tế chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Vô sở hữu xứ vi tế chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến."

414. Lại nữa, này Poṭṭhapāda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này khi đứng tại tưởng tột đỉnh, có thể nghĩ: "Tâm còn suy tưởng có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng, khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên, ta hãy đừng có suy tưởng." Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác không khởi lên, vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy, này Poṭṭhapāda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng.

Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, trước đây ngươi đã nghe sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng này không?

– Bạch Thế Tôn, con không có nghe. Bạch Thế Tôn, nhưng nay con hiểu lời nói của Thế Tôn.

– Này Poṭṭhapāda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này, khi đứng tại tưởng tột đỉnh, có thể nghĩ: "Tâm còn suy tưởng có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng, khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên, vậy ta hãy đừng có suy tưởng." Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác cũng không khởi lên, vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy, này Poṭṭhapāda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng.

Như vậy là phải, này Poṭṭhapāda.

415. – Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chỉ nói đến một tưởng tột đỉnh hay nhiều tưởng tột đỉnh?

– Này Poṭṭhapāda, Ta nói đến một tưởng tột đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tột đỉnh.

– Bạch Thế Tôn, làm sao Thế Tôn nói đến một tưởng tột đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tột đỉnh?

– Này Poṭṭhapāda, tùy theo vị ấy cảm thọ sự diệt tận [của một tưởng] sau tưởng khác, vị ấy đạt tới nhiều tưởng tột đỉnh sai khác, cái này tiếp theo cái kia cho đến tưởng tột đỉnh cuối cùng mà Ta nói đến nhiều tưởng tột đỉnh. Này Poṭṭhapāda, như vậy, Ta nói đến một tưởng tột đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tột đỉnh.

416. – Bạch Thế Tôn, tưởng khởi trước, trí khởi sau; hay trí khởi trước, tưởng khởi sau; hay tưởng và trí cùng khởi một lần không trước không sau?

– Này Poṭṭhapāda, tưởng khởi trước, trí mới khởi sau, do tưởng sanh, trí mới sanh. Vị ấy tuệ tri: "Do duyên tưởng, trí sanh ra nơi ta." Này Poṭṭhapāda,

với lời dạy này, cần phải hiểu tưởng sanh trước, trí sanh sau; tưởng sanh trí mới sanh.

417. – Bạch Thế Tôn, tưởng có phải là tự ngã của con người hay tưởng khác, tự ngã khác?

– Này Poṭṭhapāda, ngươi hiểu tự ngã như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng.

– Này Poṭṭhapāda, nếu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, như vậy, này Poṭṭhapāda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Poṭṭhapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác và tự ngã khác. Này Poṭṭhapāda, giả sử tự ngã ấy là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt mất. Này Poṭṭhapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

418. – Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn.

– Này Poṭṭhapāda, nếu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, như vậy, này Poṭṭhapāda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Poṭṭhapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Poṭṭhapāda, giả sử tự ngã ấy là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt mất. Này Poṭṭhapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

– Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành.

419. – Này Poṭṭhapāda, nếu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, như vậy, này Poṭṭhapāda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Poṭṭhapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Poṭṭhapāda, giả sử tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt mất. Này Poṭṭhapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

420. – Bạch Thế Tôn, con có thể hiểu được chăng "tưởng là tự ngã của con người" hay "tưởng khác, tự ngã khác"?

– Này Poṭṭhapāda, thật khó cho ngươi biết được "tưởng là tự ngã của con người" hay "tưởng khác, tự ngã khác", vì ngươi có dị kiến, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác.

– Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con biết được "tưởng là tự ngã của con người" hay "tưởng khác, tự ngã khác", vì con có dị kiến khác, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác; thời bạch Thế Tôn, thế giới có phải là thường còn, chỉ có quan niệm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Thế giới là thường còn, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng và thân thể là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thật, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Thân thể và sinh mạng là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng khác, thân thể khác, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Sinh mạng khác, thân thể khác, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Như Lai tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

– Này Poṭṭhapāda, Ta không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội."

– Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không trả lời?

– Này Poṭṭhapāda, những câu hỏi này không thuộc về mục đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản của Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn, vì vậy Ta không trả lời.

– Bạch Thế Tôn, vậy Thế Tôn trả lời những gì?

– Này Poṭṭhapāda, Ta trả lời: "Đây là khổ." Ta trả lời: "Đây là khổ tập." Ta trả lời: "Đây là khổ diệt." Ta trả lời: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."[4]

– Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn trả lời?

– Này Poṭṭhapāda, những câu hỏi này thuộc về mục đích giải thoát, thuộc về pháp, thuộc căn bản của Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn, vì vậy Ta trả lời.

– Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Ngài hãy làm gì Ngài xem là phải làm!

Và Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

421. Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo ấy liền bao vây xung quanh du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt:[5] "Poṭṭhapāda này là như vậy, những gì Sa-môn Gotama nói đều được Poṭṭhapāda tán thành: 'Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải.' Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường'; 'Thế giới là hữu biên' hay 'Thế giới là vô biên'; 'Sinh mạng và thân thể là một' hay 'Sinh mạng khác, thân thể khác'; 'Như Lai có tồn tại sau khi chết' hay 'Như Lai không tồn tại sau khi chết'; 'Như Lai tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết' hay 'Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết.'"

Khi bị nói vậy, du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda nói với các du sĩ ngoại đạo kia:

– Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường"; "Thế giới là hữu biên" hay "Thế giới là vô biên"; "Sinh mạng và thân thể là một" hay "Sinh mạng khác, thân thể khác"; "Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết"; "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết." Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng pháp làm cơ bản, dùng pháp làm quy tắc. Và khi một vị tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng pháp làm cơ bản, dùng pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại không tán thành thiện ngôn khéo thuyết của Sa-môn Gotama!

422. Hai ba ngày sau, Citta Hatthisāriputta và du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda

[4] *Dukkha*: Sự khổ. *Samudaya:* Nguyên nhân của khổ. *Nirodha:* Sự diệt khổ. *Magga*: Con đường diệt khổ.
[5] *Vācāya sannitodakena sañjambharim akaṃsūti*. *S*. II. 282; *A*. I. 187.

đi đến chỗ Thế Tôn. Khi đi đến nơi, Citta Hatthisāriputta đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda nói những lời chào đón, hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo liền bao vây xung quanh con và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: "Poṭṭhapāda này là như vậy, những gì Sa-môn Gotama nói đều được Poṭṭhapāda tán thành: 'Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải.' Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường'; 'Thế giới là hữu biên' hay 'Thế giới là vô biên'; 'Sinh mạng và thân thể là một' hay 'Sinh mạng khác, thân thể khác'; 'Như Lai có tồn tại sau khi chết' hay 'Như Lai không tồn tại sau khi chết'; 'Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết' hay 'Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết.'" Khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo kia: "Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường'; 'Thế giới là hữu biên' hay 'Thế giới là vô biên'; 'Sinh mạng và thân thể là một' hay 'Sinh mạng khác, thân thể khác'; 'Như Lai có tồn tại sau khi chết' hay 'Như Lai không tồn tại sau khi chết'; 'Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết' hay 'Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết.' Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng pháp làm cơ bản, dùng pháp làm quy tắc. Và khi một vị đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng pháp làm cơ bản, dùng pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại có thể không tán thành thiện ngôn khéo thuyết của Sa-môn Gotama!"

423. – Này Poṭṭhapāda, những vị du sĩ ngoại đạo ấy là mù không có mắt, chỉ có ngươi là người có mắt độc nhất giữa chúng. Này Poṭṭhapāda, có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Này Poṭṭhapāda, có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. Này Poṭṭhapāda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát? "Thế giới là thường còn", này Poṭṭhapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là vô thường", này Poṭṭhapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là hữu biên", này Poṭṭhapāda... "Thế giới là vô biên", này Poṭṭhapāda... "Sinh mạng và thân thể là một", này Poṭṭhapāda... "Sinh mạng khác, thân thể khác", này Poṭṭhapāda... "Như Lai có tồn tại sau khi chết", này Poṭṭhapāda... "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", này Poṭṭhapāda... "Như Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết", này Poṭṭhapāda... "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết", này Poṭṭhapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát.

Này Poṭṭhapāda, vì sao những pháp ấy lại được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát? Này Poṭṭhapāda, những pháp này không thuộc về mục đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy, những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát.

424. Này Poṭṭhapāda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát? "Đây là khổ", này Poṭṭhapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ tập", này Poṭṭhapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ diệt", này Poṭṭhapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này Poṭṭhapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát.

Này Poṭṭhapāda, vì sao những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát? Này Poṭṭhapāda, những pháp ấy thuộc về mục đích giải thoát, thuộc về pháp, thuộc căn bản Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy, những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát.

425. Này Poṭṭhapāda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh." Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: 'Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh?'" Khi được Ta hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là "phải". Ta nói: "Vậy chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc, nói: 'Này các vị, hãy khéo thực hành! Này các vị, hãy thực hành ngay để có thể thực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc' không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chính xác, vô lý?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của những người kia là không chính xác, vô lý.

426. Như có một người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này." Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?"

Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời là không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, ông có biết tên hay dòng họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da vàng? Ở tại làng nào, thị trấn hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời là không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải ông đã yêu và ái luyến một người ông không biết, ông không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời là phải. Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chính xác, vô lý?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chính xác, vô lý.

– Như vậy, này Poṭṭhapāda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh." Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: 'Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh?'" Khi được hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là "phải". Ta nói: "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc, nói: 'Này các vị, hãy khéo thực hành! Này các vị, hãy thực hành ngay để có thể thực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc' không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "không". Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chính xác, vô lý?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của những người kia là không chính xác, vô lý.

427. – Này Poṭṭhapāda, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời là không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời là phải. Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chính xác, vô lý?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chính xác, vô lý.

– Như vậy, này Poṭṭhapāda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh." Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: 'Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh?'" Khi được hỏi vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự tâm cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc, nói: 'Này các vị, hãy cố gắng thực hành! Này các vị, hãy thực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc' không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ như thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chính xác, vô lý.

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của những người kia không chính xác, vô lý.

428. – Này Poṭṭhapāda, có ba loại ngã chấp: Thô phù ngã chấp, ý sở thành ngã chấp, vô sắc ngã chấp. Này Poṭṭhapāda, thế nào là thô phù ngã chấp? Có sắc, do bốn đại hình thành, do đoàn thực nuôi dưỡng là thô phù ngã chấp. Thế nào ý sở thành ngã chấp? Có sắc, do ý sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các căn đầy đủ, là ý sở thành ngã chấp. Thế nào là vô sắc ngã chấp? Không có sắc, do tưởng sở thành là vô sắc ngã chấp.

429. Này Poṭṭhapāda, Ta thuyết pháp để diệt trừ thô phù ngã chấp. Nếu các ngươi thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Này Poṭṭhapāda, rất có thể các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại." Này Poṭṭhapāda, chớ có nghĩ như vậy! Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác và lạc trú sanh.

430. Này Poṭṭhapāda, Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ ý sở thành ngã chấp. Nếu các ngươi thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Này Poṭṭhapāda, rất có thể các ngươi nghĩ:

"Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại." Này Poṭṭhapāda, chớ có nghĩ như vậy! Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác và lạc trú sanh.

431. Này Poṭṭhapāda, Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ vô sắc ngã chấp. Nếu các ngươi thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Này Poṭṭhapāda, rất có thể các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại." Này Poṭṭhapāda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác và lạc trú sanh.

432. Này Poṭṭhapāda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?"

Khi được họ hỏi như vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính thô phù ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại."

433. Này Poṭṭhapāda, có những người ngoài hỏi: "Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?"

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính ý sở thành ngã chấp ấy chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại."

434. Này Poṭṭhapāda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?"

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại."

Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp lý?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói ấy là chính xác, hợp lý.

435. Này Poṭṭhapāda, ví như một người xây một cái thang để leo lên lầu từ dưới chân lầu ấy. Người ấy được hỏi: "Này bạn, ông xây cái thang để leo lên lầu, vậy ông có biết cái lầu ấy về hướng Đông hay hướng Nam, hay hướng Tây, hay hướng Bắc? Nhà lầu ấy cao, hay thấp, hay trung bình?" Nếu người ấy trả lời: "Này Hiền giả, cái lầu mà tôi xây thang để leo lên chính tại dưới chân lầu này." Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp lý chăng?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là chính xác, hợp lý.

436. – Như vậy, này Poṭṭhapāda, có những người ngoài hỏi Ta: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?" Khi được hỏi vậy, Ta trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy mà Ta thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại." Này Poṭṭhapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp lý?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của Thế Tôn là chính xác, hợp lý.

437. Khi nghe nói vậy, Citta Hatthisāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, trong khi có thô phù ngã chấp, phải chăng không có ý sở thành ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Thô phù ngã chấp khi ấy thật có tồn tại? Bạch Thế Tôn, trong khi có ý sở thành ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Ý sở thành ngã chấp khi ấy thật có tồn tại? Bạch Thế Tôn, trong khi có vô sắc ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có ý sở thành ngã chấp? Vô sắc ngã chấp khi ấy thật có tồn tại?

– Này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không

thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

438. Này Citta, nếu có người hỏi ngươi: "Ngươi đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại hay không?" Này Citta, được hỏi vậy, ngươi trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Ngươi đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại hay không?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Tôi đã có tồn tại ở quá khứ, không phải không tồn tại; tôi sẽ tồn tại ở tương lai, không phải không tồn tại; tôi tồn tại ở hiện tại, không phải không tồn tại." Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.

– Này Citta, nếu có người hỏi lại ngươi: "Ngã chấp quá khứ mà ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Ngã chấp tương lai mà ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Ngã chấp hiện tại mà ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" Này Citta, được hỏi vậy, ngươi trả lời thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Ngã chấp quá khứ mà ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Ngã chấp tương lai mà ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Ngã chấp hiện tại mà ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Ngã chấp quá khứ mà tôi đã có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại. Ngã chấp tương lai mà tôi sẽ có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại. Ngã chấp hiện tại mà tôi hiện có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại." Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời như vậy.

439. – Như vậy, này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

440. Này Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sanh ra lạc, từ lạc sanh

ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thục tô, từ thục tô sanh ra đề-hồ. Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thục tô, không thuộc đề-hồ, chính khi ấy thuộc sữa. Khi thành lạc... Khi thành sanh tô... Khi thành thục tô... Khi thành đề-hồ thời đề-hồ ấy không thuộc sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thục tô, chính khi ấy thuộc đề-hồ.

Như vậy, này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp... Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Này Citta, chúng chỉ là danh từ thế gian, ngôn ngữ thế gian, danh xưng thế gian, ký pháp thế gian; Như Lai dùng chúng nhưng không chấp trước chúng.

441. Được nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

442. Và Citta Hatthisāriputta cũng bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ Đại giới.

443. Citta Hatthisāriputta được xuất gia với Thế Tôn và được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Đại đức Citta Hatthisāriputta ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn; và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa", Đại đức Citta Hatthisāriputta hiểu biết như vậy.

Và Đại đức Citta Hatthisāriputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

10. KINH SUBHA (TU-BÀ)

(*Subha Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

444. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Đại đức Ānanda ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (rừng Kỳ-đà), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), sau khi đức Thế Tôn nhập diệt không bao lâu. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta ở tại Sāvatthi vì một vài công việc.

445. Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta gọi một thanh niên Bà-la-môn khác:

– Này thanh niên Bà-la-môn, hãy đi đến chỗ Sa-môn Ānanda ở, thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Ānanda có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không: "Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không", và nói thêm: "Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xứ của thanh niên Subha Todeyyaputta!"

446. – Tôn giả, xin vâng.

Thanh niên Bà-la-môn vâng lời thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta đến tại chỗ của Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu xã giao với Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn ấy nói với Tôn giả Ānanda: "Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không. Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta!"

447. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với thanh niên Bà-la-môn ấy:

– Này thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai tôi sẽ đến, vừa hợp thời, hợp nghi.

Rồi thanh niên Bà-la-môn ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đến tại chỗ của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta; khi đến xong, liền thưa với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347.

– Chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thưa với Tôn giả Ānanda: "Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Đại đức Ānanda có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không. Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta!" Này Tôn giả, khi được nghe nói vậy, Sa-môn Ānanda nói với tôi: "Này thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai tôi sẽ đến, vừa hợp thời, hợp nghi." Này Tôn giả, sự việc đã như vậy, khiến Tôn giả Ānanda có cơ hội ngày mai đến.

448. Và Tôn giả Ānanda, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, với vị Tỷ-kheo người xứ Cetiya làm vị Sa-môn tùy hành, đến tại chỗ ở của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta, và sau khi đến, liền ngồi tại chỗ đã soạn sẵn. Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đến trước Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta nói với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda đã lâu ngày là thị giả của Tôn giả Gotama, sống gần và ở bên Ngài. Tôn giả Ānanda chắc biết Tôn giả Gotama đã tán thán những pháp nào và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Tôn giả Ānanda, những pháp Tôn giả Gotama tán thán là những pháp gì và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy?

449. – Này thanh niên Bà-la-môn, Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Ba pháp ấy là gì? Chính là Thánh giới uẩn, Thánh định uẩn, Thánh tuệ uẩn. Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn ấy và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy.

450. – Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh giới uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

– Này thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

451. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật… (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 194-210).

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, cho lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng… (như trên). Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này thanh niên Bà-la-môn, như một vị Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch.

452. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

453. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh giới uẩn mà Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh giới uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh giới uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ānanda, và nếu những Sa-môn, Bà-la-môn khác có thấy Thánh giới uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: "Hành trì như vậy là đầy đủ, chứng đạt như vậy

là đầy đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không có gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa.” Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: “Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì.”

Tụng phẩm II

454. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh định uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

– Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này thanh niên Bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

455. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Này thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

456. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? Ở đây, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Này thanh niên Bà-la-môn, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo biết đủ.

457. Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

458. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy

miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

459. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

460. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

461. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

462. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

463. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian, đã đi qua khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

464. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc.

465. Này thanh niên Bà-la-môn, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

466. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

467. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

468. Này thanh niên Bà-la-môn, lại nữa, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

469. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước,

từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

470. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

471. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh định uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh định uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh định uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ānanda, nếu những Sa-môn khác có thấy Thánh định uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: "Hành trì như vậy là đầy đủ, chứng đạt như vậy là đầy đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không còn gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa." Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: "Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì."

472. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh tuệ uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

– Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt,

khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta nương tựa và bị trói buộc." Đó là trí tuệ của vị ấy.

473. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra." Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: "Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra"; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, trong sáng, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Đó là trí tuệ của vị ấy.

474. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người thợ gốm khéo tay hay đệ tử

người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Đó là trí tuệ của vị ấy.

475. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng, người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng." Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần. Đó là trí tuệ của vị ấy.

476. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

"Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong

tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

"Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát." Đó là trí tuệ của vị ấy.

477. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ, tại đấy ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta." Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ

như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đó là trí tuệ của vị ấy.

478. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng." Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Đó là trí tuệ của vị ấy.

479. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa."

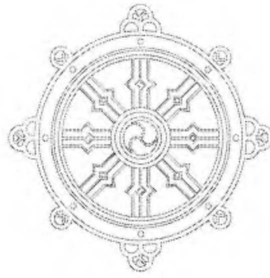
Này thanh niên Bà-la-môn, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ."

Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: "Đây là khổ", tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt khổ", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", tuệ tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Đó là trí tuệ của vị ấy.

480. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh tuệ uẩn mà Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy, không còn pháp nào cao thượng hơn cần phải hành trì.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh tuệ uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh tuệ uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này, không còn pháp nào cao thượng hơn cần phải hành trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng

vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Ānanda dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Ānanda, con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp, và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Ānanda nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.



11. KINH KEVADDHA (KIÊN CỐ)

(*Kevaddha Sutta*)[1]

481. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Nāḷandā, trong vườn xoài Pāvārika.[2] Lúc bấy giờ, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Nāḷandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa! Nhờ vậy, Nāḷandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha:

– Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: "Này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy hiện Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng."

482. Lần thứ hai, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn, con chỉ nói: "Bạch Thế Tôn, Nāḷandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa! Nhờ vậy, Nāḷandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa."

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha:

– Này Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: "Này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy hiện Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng."

Lần thứ ba, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn, con chỉ nói: "Bạch Thế Tôn, Nāḷandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện

---

[1] Tên kinh này còn được viết là *Kevaṭṭa Sutta*. Xem *D*. I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M*. I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S*. IV. 103, 110, 177; *A*. I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Kiên Cố kinh* 堅固經 (*T*.01. 0001.24. 0101b14).

[2] Pāvārikambavana: Vườn xoài (*ambavana*) của ông Pāvārika. Về sau, Trường Đại học Nāḷandā nổi tiếng được kiến tạo trên vùng đất này.

Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa! Nhờ vậy, Nāḷandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa."

483. – Này Kevaddha, có ba pháp thần thông này Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết. Thế nào là ba? Tức là Biến hóa thần thông, Tha tâm thần thông, Giáo hóa thần thông.[3]

484. Này Kevaddha, thế nào là Biến hóa thần thông? Này Kevaddha, ở đời, có Tỷ-kheo chứng được các thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với hai bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Có người tín thành thấy Tỷ-kheo ấy chứng hiện các thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với hai bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Người có lòng tín thành ấy nói với một người không có lòng tín thành: "Này Tôn giả, thật vi diệu thay! Này Tôn giả, thật hy hữu thay, đại thần thông, đại oai đức của vị Sa-môn! Chính tôi đã thấy vị Tỷ-kheo chứng các thần thông: "Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên." Người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành: "Này Tôn giả, có một chú thuật gọi là Gandhāra, nhờ chú thuật này, Tỷ-kheo một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên." Này Kevaddha, ngươi nghĩ thế nào, người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành như vậy không?

– Bạch Thế Tôn, có thể nói như vậy.

– Này Kevaddha, chính vì Ta thấy sự nguy hiểm trong sự Biến hóa thần thông mà Ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ Biến hóa thần thông.

485. Này Kevaddha, thế nào là Tha tâm thần thông? Này Kevaddha, ở đời, có Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm, nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: "Như vậy là ý của ngươi, thế này là ý của ngươi, như vậy là tâm của ngươi." Có người có lòng tín thành thấy Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: "Như vậy là ý của ngươi, thế này là ý của ngươi, như vậy là tâm của ngươi."

Người có lòng tín thành ấy nói với một người không có lòng tín thành:

---

[3] Xem giải thích chi tiết trong *Kinh Sangārava* (*A*. I. 168-73).

"Này Tôn giả, thật vi diệu thay! Này Tôn giả, thật hy hữu thay đại thần thông, đại oai đức của vị Sa-môn! Chính tôi đã thấy Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: 'Như vậy là ý của ngươi, thế này là ý của ngươi, như vậy là tâm của ngươi.'" Người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành: "Này Tôn giả, có một chú thuật gọi là Maṇikā, nhờ chú thuật này, Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: "Như vậy là ý của ngươi, thế này là ý của ngươi, như vậy là tâm của ngươi." Này Kevaddha, ngươi nghĩ thế nào, người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành như vậy không?

– Bạch Thế Tôn, có thể nói như vậy.

– Này Kevaddha, chính Ta thấy sự nguy hiểm trong Tha tâm thần thông mà Ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ Tha tâm thần thông.

486. Này Kevaddha, thế nào là Giáo hóa thần thông? Ở đời, có Tỷ-kheo giáo hóa như sau: "Hãy suy tư như thế này, chớ có suy tư như thế kia; hãy tác ý như thế này, chớ có tác ý như thế kia; hãy từ bỏ điều này, hãy chứng đạt và an trú điều kia."

Này Kevaddha, như vậy gọi là Giáo hóa thần thông.

Này Kevaddha, nay ở đời, đức Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 190-212).

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Kevaddha, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Kevaddha, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Kevaddha, như vậy gọi là Giáo hóa thần thông… Thiền thứ hai… Thiền thứ ba…chứng và trú Thiền thứ tư... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 228-232, trừ câu kết của mỗi phần). Này Kevaddha, như vậy gọi là Giáo hóa thần thông.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do

bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc." Này Kevaddha, như vậy gọi là Giáo hóa thần thông… sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 235-249, trừ câu kết của mỗi phần). Này Kevaddha, như vậy gọi là Giáo hóa thần thông. Này Kevaddha, ba pháp thần thông này, Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết.

487. Này Kevaddha, thuở xưa, trong chúng Tỷ-kheo này, có một vị khởi lên nghi vấn như sau: "Bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

488. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy nhập định, và trong định tâm, con đường đưa đến thiên giới hiện ra.

Này Kevaddha, lúc bấy giờ, vị Tỷ-kheo ấy đi đến bốn Thiên Vương; khi đến xong, liền nói với bốn Thiên Vương: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy bốn Thiên Vương nói với vị Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn." Này Tỷ-kheo, có bốn vị Đại Thiên Vương ưu thế hơn và thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.

489. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo đi đến bốn vị Đại Thiên Vương; khi đến xong, liền hỏi bốn vị Đại Thiên Vương: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, cả bốn vị Đại Thiên Vương nói với vị Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có vị trời Ba Mươi Ba ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

490. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến các vị trời Ba Mươi Ba; khi đến xong, liền hỏi các vị trời Ba Mươi Ba: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, các vị trời Ba Mươi Ba nói với vị Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có vị Đế-thích Thiên tên là Sakka ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

491. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến vị Đế-thích Thiên tên là Sakka; khi đến xong, liền hỏi vị Đế-thích Thiên tên là Sakka: "Này Hiền giả, bốn đại

chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, vị Đế-thích Thiên tên là Sakka nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có chư thiên tên là Yāmā (Dạ-ma) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Các vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến chư thiên tên là Yāmā; khi đến xong, liền hỏi chư thiên Yāmā: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Yāmā nói với Tỷ-kheo: "Chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có thiên tử tên là Suyāma ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến thiên tử Suyāma; sau khi đến, liền hỏi thiên tử Suyāma: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, thiên tử Suyāma nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có chư thiên tên là Tusitā ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Các vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến chư thiên Tusitā (Đâu-suất); khi đến xong, liền hỏi chư thiên Tusitā: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Tusitā nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có thiên tử tên là Santusitā ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến thiên tử Santusitā; khi đến xong, liền hỏi thiên tử Santusitā: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, thiên tử Santusitā nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có chư thiên

tên là Nimmānaratī (Hóa Lạc) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến chư thiên Nimmānaratī; khi đến xong, liền hỏi chư thiên Nimmānaratī: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Nimmānaratī nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo có thiên tử tên là Sunimmita ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến thiên tử Sunimmita; khi đến xong, liền hỏi thiên tử Sunimmita: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, thiên tử Sunimmita nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có chư thiên gọi là Paranimmita Vāsavattī (Tha Hóa Tự Tại) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến chư thiên Paranimmita Vāsavattī; khi đến xong, liền hỏi chư thiên Paranimmita Vāsavattī: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Paranimmita Vāsavattī nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có thiên tử tên là Vāsavatti ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

492. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến thiên tử Vāsavatti; khi đến xong, liền hỏi thiên tử Vāsavatti: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, thiên tử Vāsavatti nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có chư thiên gọi là Brahmakāyikā ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

493. Này Kevaddha, lúc bấy giờ, vị Tỷ-kheo ấy nhập định, và trong định tâm, con đường đưa đến Phạm thiên giới hiện ra.

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến chư thiên Brahmakāyikā; khi đến xong, liền hỏi chư thiên Brahmakāyikā: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Brahmakāyikā nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có vị Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Vị này ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

– Này Hiền giả, hiện nay Đại Phạm thiên ấy ở đâu?

– Này Tỷ-kheo, chúng tôi không biết Phạm thiên ở đâu, vì sao có Phạm thiên và Phạm thiên từ đâu đến. Nhưng này Tỷ-kheo, khi nào triệu tướng hiện, khi nào ánh sáng sanh, khi nào hào quang hiển bày, thời Phạm thiên xuất hiện. Ánh sáng sanh, hào quang hiển bày là tướng Phạm thiên xuất hiện, từ trước là như vậy.

494. Này Kevaddha, không bao lâu, Đại Phạm thiên xuất hiện. Lúc bấy giờ, này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đến Đại Phạm thiên; khi đến xong, liền hỏi Đại Phạm thiên: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Đại Phạm thiên nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh."

Này Kevaddha, lần thứ hai Tỷ-kheo ấy nói với Phạm thiên: "Này Hiền giả, tôi không hỏi: 'Ngài có phải là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh.' Này Hiền giả, tôi hỏi: 'Này Hiền giả, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?'"

Này Kevaddha, lần thứ hai, Đại Phạm thiên ấy nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh."

Này Kevaddha, lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy nói với Phạm thiên: "Này Hiền giả, tôi không hỏi: 'Ngài có phải là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh.'

Này Hiền giả, tôi hỏi: 'Này Hiền giả, bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?'"

495. Này Kevaddha, khi bấy giờ, Đại Phạm thiên cầm tay Tỷ-kheo ấy, kéo ra một bên rồi nói với Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, chư thiên Brahmakāyikā biết rằng không có gì Phạm thiên không biết, không có gì Phạm thiên không thấy, không có gì Phạm thiên không hiểu, không có gì Phạm thiên không chứng. Do vậy, trước mặt họ, ta không trả lời: 'Này Tỷ-kheo, ta không được biết bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.' Do vậy, này Tỷ-kheo, ngươi đã làm sai, ngươi đã lầm lẫn khi ngươi bỏ qua Thế Tôn, hướng đến người khác để trả lời câu hỏi ấy. Này Tỷ-kheo, ngươi hãy đi đến Thế Tôn hỏi câu hỏi ấy, và hãy thọ trì những gì Thế Tôn trả lời."

496. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy, như nhà đại lực sĩ duỗi ra cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, bốn đại chủng này – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

497. Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Ta nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, thuở xưa, các hải thương khi đi thuyền vượt biển thường đem theo con chim có thể thấy bờ. Khi chiếc thuyền vượt biển quá xa không trông thấy bờ, các nhà hải thương liền thả con chim có thể thấy bờ, con chim bay về phía Đông, bay về phía Nam, bay về phía Tây, bay về phía Bắc, bay lên trên, bay về các hướng trung gian. Nếu con chim thấy bờ xung quanh, con chim liền bay đến bờ ấy; nếu con chim không thấy bờ xung quanh, con chim bay trở về thuyền." Cũng vậy, này Tỷ-kheo, ngươi đã tìm cho đến Phạm thiên giới mà không gặp được câu trả lời cho câu hỏi ấy, nên nay trở về với Ta. Này Tỷ-kheo, câu hỏi không nên hỏi như sau: "Bạch Thế Tôn, bốn đại chủng ấy – địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại – đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

498. Này Tỷ-kheo, câu hỏi phải nói như sau:

"Chỗ nào mà địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, dài, ngắn, tế, thô, tịnh, bất tịnh không có chân đứng? Chỗ nào cả danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn?"

499. Và đây là câu trả lời cho câu hỏi này:

"Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thảy xứ. Ở đây, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng.

Ở đây, cũng vậy, dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh.

Ở đây, danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn.

Khi thức diệt, ở đây, mọi thứ đều diệt tận."

500. Thế Tôn thuyết như vậy, Kevaddha, cư sĩ trẻ tuổi, hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

12. KINH LOHICCA (LỘ-GIÀ)
(*Lohicca Sutta*)[1]

501. Như vầy tôi nghe.

Một thời, đức Thế Tôn đang đi du hành tại nước Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, và đến tại Sālavatikā (một làng có dãy cây Sa-la bao bọc). Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Lohicca ở tại Sālavatikā, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, được Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

502. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Lohicca khởi lên ác kiến sau đây: "Ở đời, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chứng được thiện pháp, sau khi chứng được thiện pháp không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai được?"

503. Bà-la-môn Lohicca nghe đồn: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành tại nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, nay đã đến Sālavatikā. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, tự mình chứng ngộ với thắng trí rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Lành thay nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!'"

504. Bà-la-môn Lohicca nói với Bhesikā,[2] người hớt tóc:

– Này thiện nhân Bhesikā, hãy đi đến Sa-môn Gotama, thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không: "Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không?" Và nói thêm: "Mong Thế Tôn nhận lời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm cùng với đại chúng Tỷ-kheo."

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Lộ-già kinh* 露遮經 (*T.*01. 0001.29. 0112c20).

[2] Còn được viết là Rosikā.

505. – Tôn giả, xin vâng.

Bhesikā, người hớt tóc, vâng theo lời của Bà-la-môn Lohicca đến chỗ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên. Bhesikā, người hớt tóc, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm: "Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không?" Và nói thêm: "Mong đức Thế Tôn nhận lời mời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm với đại chúng Tỷ-kheo."

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

506. Bhesikā, người hớt tóc, được biết Thế Tôn nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, lui ra. Rồi Bhesikā đi đến Bà-la-môn Lohicca; khi đã đến, liền thưa với Bà-la-môn Lohicca:

– Tôn giả, chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thưa với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm Thế Tôn Gotama có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn không?" Và nói thêm: "Mong Thế Tôn nhận lời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm với đại chúng Tỷ-kheo." Và Thế Tôn nhận lời.

507. Rồi Bà-la-môn Lohicca, sau khi đêm ấy đã mãn, làm sẵn sàng tại nhà các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm rồi nói với Bhesikā, người hớt tóc:

– Này thiện nhân Bhesikā, hãy đi đến Sa-môn Gotama; khi đã đến, hãy báo giờ cho Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng."

– Tôn giả, xin vâng.

Bhesikā, người hớt tóc, vâng theo lời của Bà-la-môn Lohicca, đi đến Thế Tôn; khi đã đến, liền đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Bhesikā, người hớt tóc, báo giờ cho Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng."

508. Khi ấy, Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến Sālavatikā.

Lúc bấy giờ, Bhesikā, người hớt tóc, đang đi sau lưng Thế Tôn. Rồi Bhesikā, người hớt tóc, bạch Thế Tôn:

– Bà-la-môn Lohicca có khởi lên ác kiến sau đây: "Ở đời, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chứng được thiện pháp, sau khi chứng được thiện pháp không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai được?" Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn có thể giúp Bà-la-môn Lohicca trừ ác kiến ấy!

– Này Bhesikā, việc ấy có thể được. Này Bhesikā, việc ấy có thể được.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đến tại cư xá của Bà-la-môn Lohicca; khi đã đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Lohicca tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo, với đức Phật là vị dẫn đầu, thỏa mãn với những món thượng vị loại cứng loại mềm.

509. Bà-la-môn Lohicca, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Lohicca:

– Này Lohicca, có thật chăng, ngươi khởi lên ác kiến như sau: "Ở đời, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chứng được thiện pháp, sau khi chứng được thiện pháp không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai được?"

– Vâng phải, Tôn giả Gotama.

– Này Lohicca, ngươi nghĩ thế nào, có phải ngươi ở tại Sālavatikā?

– Vâng phải, Tôn giả Gotama.

– Này Lohicca, nếu có người nói: "Bà-la-môn Lohicca sống ở Sālavatikā, hãy để Bà-la-môn Lohicca hưởng một mình mọi sản phẩm của Sālavatikā, không cho một ai khác." Người nói vậy là người gây chướng ngại cho ai sống tùy thuộc vào ngươi, có phải không?

– Tôn giả Gotama, là người gây chướng ngại.

– Này Lohicca, đã là người gây chướng ngại, người ấy có phải là người có từ tâm nghĩ đến lợi ích cho những người kia không?

– Tôn giả Gotama, là người không có từ tâm nghĩ đến lợi ích.

– Đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú từ tâm hay an trú hại tâm?

– Tôn giả Gotama, là hại tâm.

– Khi an trú hại tâm, như vậy là chánh kiến hay tà kiến?

– Tôn giả Gotama, là tà kiến.

– Này Lohicca, Ta nói rằng, một người tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: Địa ngục hoặc súc sanh.

510. Này Lohicca, ngươi nghĩ thế nào, có phải Vua Pasenadi Kosala (Ba-tư-nặc Câu-tát-la) ở tại Kāsikosala[3] (Ca-thi Câu-tát-la) không?

– Tôn giả Gotama, vâng phải.

– Này Lohicca, nếu có người nói: "Vua Pasenadi của Kosala sống ở Kāsikosala, hãy để Vua Pasenadi của Kosala hưởng một mình mọi sản phẩm của Kāsikosala, không cho một ai khác." Người nói như vậy là người gây chướng ngại cho những ai sống tùy thuộc vào Vua Pasenadi Kosala, cho các ngươi và những người khác, có phải không?

– Tôn giả Gotama, là người gây chướng ngại.

– Này Lohicca, đã là người gây chướng ngại, người ấy có phải là người có từ tâm nghĩ đến lợi ích cho những người kia hay là người không có từ tâm nghĩ đến lợi ích cho những người kia?

---

[3] Kāsikosala: Kāsi (còn gọi là Kāsika) và Kosala, lúc bấy giờ Vua Pasenadi là vua của cả hai nước này.

– Tôn giả Gotama, là người không có từ tâm nghĩ đến lợi ích.

– Đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú từ tâm hay an trú hại tâm?

– Tôn giả Gotama, là hại tâm.

– Khi an trú hại tâm, như vậy là chánh kiến hay tà kiến?

– Tôn giả Gotama, là tà kiến.

– Này Lohicca, Ta nói rằng, một người tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: Địa ngục hoặc súc sanh.

511. Này Lohicca, nếu có người nói: "Bà-la-môn Lohicca sống ở Sālavatikā, hãy để Bà-la-môn Lohicca hưởng một mình mọi sản phẩm của Sālavatikā, không cho một ai khác." Người nói vậy là người gây nguy hiểm cho ai sống tùy thuộc vào ngươi; đã là người gây nguy hiểm, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích; đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú hại tâm; và đã an trú hại tâm tức thuộc về tà kiến.

Đã như vậy, này Lohicca, nếu có người nói: "Ở đời, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chứng được thiện pháp, sau khi chứng được thiện pháp không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai được?" Người nói vậy gây chướng ngại cho những thiện nam tử đến với Pháp, Luật do đức Như Lai giảng dạy và chứng được những quả vị thù thắng đặc biệt như Dự lưu, Nhất lai, Bất lai hay A-la-hán quả. Người nói vậy cũng gây chướng ngại cho những vị đang làm cho thành tựu sự tái sanh lên các cõi trời để được sanh làm chư thiên; đã là người gây chướng ngại, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích; đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú hại tâm, và đã an trú hại tâm, tức thuộc về tà kiến. Và này Lohicca, Ta nói rằng, một người có tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: Địa ngục hoặc súc sanh.

512. Này Lohicca, nếu có người nói: "Vua Pasenadi Kosala sống ở tại Kāsikosala, hãy để Vua Pasenadi Kosala hưởng một mình mọi sản phẩm của Kāsikosala, không cho một ai khác." Người nói vậy là người gây nguy hiểm cho ai sống tùy thuộc vào Vua Pasenadi Kosala, cho các ngươi và những người khác; đã là người gây nguy hiểm, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích; đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú hại tâm, và an trú hại tâm tức thuộc về tà kiến. Ta nói rằng, một người có tà kiến sẽ sanh vào một trong hai cõi ác sau đây: Địa ngục hoặc súc sanh.

Đã như vậy, này Lohicca, nếu có ai nói: "Ở đời, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chứng được thiện pháp, sau khi chứng được thiện pháp không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai được?" Người nói vậy gây chướng ngại

cho người thiện nam tử đến với Pháp, Luật do đức Như Lai giảng dạy và chứng được những quả vị thù thắng đặc biệt như Dự lưu, Nhất lai, Bất lai hay A-la-hán quả. Người nói vậy cũng gây chướng ngại cho những vị đang làm cho thành tựu sự tái sanh lên các cõi trời để được sanh làm chư thiên; đã là người gây chướng ngại, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích; đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú hại tâm, và đã an trú hại tâm tức thuộc về tà kiến. Và này Lohicca, Ta nói rằng, một người có tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: Địa ngục hoặc súc sanh.

513. Này Lohicca, ở đời có ba vị Đạo sư đáng bị chỉ trích, và ai chỉ trích những Đạo sư như vậy thì sự chỉ trích của vị này xác thực, chơn chánh, hợp pháp, không lỗi lầm. Thế nào là ba?

Này Lohicca, ở đời có một vị Đạo sư không chứng mục đích của Sa-môn hạnh mà mọi người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: "Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người." Những đệ tử này không nghe lời dạy của vị ấy, không để tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết và sống trái ngược với giáo pháp của vị Bổn sư. Đạo sư như vậy cần phải bị khiển trách: "Đại đức không chứng mục đích Sa-môn hạnh mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: 'Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người.' Những đệ tử này không nghe lời dạy của Đại đức, không để tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết và sống trái ngược với giáo pháp của vị Bổn sư. Như người tán tỉnh cô gái muốn xa mình, hay ôm hôn cô gái muốn né mặt mình, ta nói cử chỉ ấy là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai được?"

Này Lohicca, như vậy là hạng Đạo sư thứ nhất đáng bị chỉ trích, và ai chỉ trích Đạo sư như vậy thì sự chỉ trích của vị này xác thực, chơn chánh, hợp pháp, không lỗi lầm.

514. Lại nữa, này Lohicca, ở đời có vị Đạo sư không chứng mục đích của Sa-môn hạnh mà mọi người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: "Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người." Những đệ tử này nghe lời dạy của vị ấy, lóng tai ghi nhận và trú tâm phát xuất từ hiểu biết, nhưng sống trái ngược với giáo pháp của vị Bổn sư. Đạo sư như vậy cần phải bị khiển trách: "Đại đức không chứng mục đích Sa-môn hạnh mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: 'Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người.' Những đệ tử này nghe lời dạy của Đại đức, lóng tai ghi nhận, trú tâm phát xuất từ hiểu biết, nhưng sống trái ngược với giáo pháp của vị Bổn sư. Như

người bỏ ruộng dưa của mình mà nghĩ đến việc nhổ cỏ cho ruộng của người, ta nói cử chỉ ấy là ác pháp, tham pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được?"

Này Lohicca, như vậy là hạng Đạo sư thứ hai đáng bị chỉ trích và ai chỉ trích Đạo sư như vậy thì sự chỉ trích của vị này xác thực, chơn chánh, hợp pháp, không sai lầm.

515. Lại nữa, này Lohicca, ở đời có vị Đạo sư đã chứng mục đích của Sa-môn hạnh mà mọi người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Sau khi đã chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: "Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người." Những đệ tử này không nghe lời dạy của vị ấy, không lóng tai ghi nhận, không trú tâm xuất phát từ hiểu biết, sống trái ngược với giáo pháp của vị Bổn sư. Đạo sư như vậy cần phải bị khiển trách: "Đại đức đã chứng được mục đích Sa-môn hạnh mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Sau khi chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: 'Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người.' Những đệ tử này không nghe lời dạy của Đại đức, không lóng tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết, sống trái ngược với giáo pháp của vị Bổn sư. Như người cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa, ta nói cử chỉ ấy là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai được?"

Này Lohicca, như vậy là hạng Đạo sư thứ ba đáng bị chỉ trích, và ai chỉ trích Đạo sư như vậy thì sự chỉ trích của vị này xác thực, chơn chánh, hợp pháp, không lỗi lầm.

Này Lohicca, đó là ba hạng Đạo sư đáng bị chỉ trích, và ai chỉ trích những Đạo sư như vậy thì sự chỉ trích của vị này xác thực, chơn chánh, hợp pháp, không lỗi lầm.

516. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Lohicca bạch đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, ở đời có vị Đạo sư nào không đáng bị chỉ trích?

– Này Lohicca, ở đời có vị Đạo sư không đáng bị chỉ trích.

– Tôn giả Gotama, ở đời, thế nào là vị Đạo sư không đáng bị chỉ trích?

– Này Lohicca, ở đời, đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn... (như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 190-212, với những thay đổi cần thiết).

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hoan hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Lohicca, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột ấy thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt; cũng vậy, này Lohicca, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Lohicca, đệ tử của vị Đạo sư nào chứng được quả vị thù thắng đặc biệt ấy, thời này Lohicca, vị Đạo sư không đáng bị chỉ trích. Và ai chỉ trích một vị Đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thực, không chơn chánh, không hợp pháp và có lỗi lầm.

Này Lohicca, lại nữa, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... (như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 228-235, với những thay đổi cần thiết).

Này Lohicca, đệ tử của vị Đạo sư nào chứng được quả vị thù thắng đặc biệt ấy, thời này Lohicca, vị Đạo sư như vậy không đáng bị chỉ trích. Và ai chỉ trích một vị Đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thực, không chơn chánh, không hợp pháp và có lỗi lầm.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thần túc thông... Thiên nhĩ thông... Tha tâm thông... Túc mạng trí...Thiên nhãn trí... Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ... không có đời sống nào khác nữa." (Như *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 236-249).

Này Lohicca, đệ tử của vị Đạo sư nào chứng được quả vị thù thắng đặc biệt ấy,[4] này Lohicca, vị Đạo sư như vậy không đáng bị chỉ trích. Và ai chỉ trích một vị Đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thực, không chơn chánh, không hợp pháp và có lỗi lầm.

517. Khi nghe như vậy, Bà-la-môn Lohicca bạch đức Thế Tôn:

– Như người nắm được tóc của một người đang rơi vào vực thẳm của địa ngục, nhấc bổng và đặt người ấy trên đất liền; cũng vậy, Tôn giả Gotama đã nắm được tóc khi con đang rơi vào vực thẳm của địa ngục, nhấc bổng và đặt con trên đất liền. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con xin quy y đức Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong đức Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

---

[4] *Uḷāraṃ visesaṃ adhigacchanti*. Xem *S*. V. 154-55.

13. KINH TAM MINH
(*Tevijja Sutta*)[1]

518. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasākaṭa. Tại đấy, ở Manasākaṭa, Thế Tôn trú tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravatī (A-trí-la-phạt-để), phía Bắc làng Manasākaṭa.

519. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trứ danh, nổi tiếng, đại phú hào ở tại Manasākaṭa như Bà-la-môn Caṅkī (Thường-già), Bà-la-môn Tārukkha (Đa-lê-xa), Bà-la-môn Pokkharasāti (Phí-già-la-bà-la), Bà-la-môn Jāṇussoṇi (Sanh-lậu), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trứ danh, nổi tiếng, đại phú hào khác.

520. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha (Bà-tất-sá) và thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy.

Thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha nói:

– Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy.

Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja nói:

– Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tārukkha giảng dạy.

Thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja và thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja cũng không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha.

521. Khi ấy, thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja:

– Này Bhāradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay trú ở Manasākaṭa, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravatī, phía Bắc làng

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 164, 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161, 223; V. 201, 347; *Vin.* I. 199. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Tam minh kinh* 三明經 (*T.*01. 0001.26. 0104c17).

Manasākaṭa. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này Tôn giả Bhāradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.[2]

– Tôn giả, xin vâng.

Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja trả lời với thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha.

522. Lúc bấy giờ, hai thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja đến Thế Tôn; khi đã đến, liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa hai chúng tôi trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy. Tôi nói như vầy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy." Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja nói như vầy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tārukkha giảng dạy." Tôn giả Gotama, đó là sự tranh biện, đó là sự luận chấp, đó là sự bất đồng ý kiến.

523. Này Vāseṭṭha, ngươi nói như vầy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy." Còn thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja nói như vầy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tārukkha giảng dạy." Này Vāseṭṭha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì, luận chấp về vấn đề gì và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?

524. – Tôn giả Gotama, về vấn đề chánh đạo và tà đạo. Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà-la-môn Addhāriyā, các vị Bà-la-môn Tittiriyā, các vị Bà-la-môn Chandokā, các vị Bà-la-môn Chandāvā, các vị Bà-la-môn Brahmacariyā; tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Tôn giả Gotama, như gần làng hay gần thị trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng; cũng vậy, Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác, như các Bà-la-môn Addhāriyā, các vị Bà-la-môn Tittiriyā, các vị Bà-la-môn Chandokā, các vị Bà-la-môn Chandāvā, các vị Bà-la-môn Brahmacariyā; tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

[2] Xem *A*. II. 23-4; *Divy*. 196, 246.

525. – Này Vāseṭṭha, có phải ngươi nói: "Chúng dẫn đến"?

– Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến."

– Này Vāseṭṭha, có phải ngươi nói: "Chúng dẫn đến"?

– Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến."

– Này Vāseṭṭha, có phải ngươi nói: "Chúng dẫn đến"?

– Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến."

– Thế nào Vāseṭṭha, có Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên?

– Tôn giả Gotama, không có vị nào.

– Thế nào Vāseṭṭha, có Tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên?

– Tôn giả Gotama, không có vị nào.

– Thế nào Vāseṭṭha, có đại Tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên?

– Tôn giả Gotama, không có vị nào.

– Thế nào Vāseṭṭha, có Bà-la-môn nào cho đến bảy đời Tôn sư và đại Tôn sư của những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên?

– Tôn giả Gotama, không có vị nào.

526. – Thế nào, này Vāseṭṭha, những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh; và ngày nay, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, trì tụng và ngâm giảng như các vị Aṭṭhaka (A-sá-ca), Vāmaka (Bà-ma), Vāmadeva (Bà-ma-đề-bà), Vessāmitta (Tì-bà-thẩm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đề-già), Aṅgirasa (Ương-kỳ-la), Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu), những vị này có nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?"

– Tôn giả Gotama, không có vị nào.

527. – Này Vāseṭṭha, như vậy, ngươi nói không có một Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên, không có một Tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên, không có một đại Tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên, không có một Bà-la-môn nào cho đến bảy đời Tôn sư, đại Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mặt thấy Phạm thiên. Trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia, những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh; và ngày nay, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgirasa,

Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu." Như vậy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: 'Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.'"

528. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý?

– Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý.

– Này Vāseṭṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không thể có sự kiện ấy.

529. Này Vāseṭṭha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau,[3] người trước không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy; cũng vậy, này Vāseṭṭha, lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà – người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy – giống như lời nói mù quáng. Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng.

530. Này Vāseṭṭha, nhà ngươi nghĩ thế nào, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, như phần đông nhiều người khác, có thể thấy mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay và đảnh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn?

– Thưa vâng, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, như phần đông nhiều người khác, có thể thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay đảnh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn.

531. – Này Vāseṭṭha, nhà ngươi nghĩ thế nào, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay và đảnh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn; những vị này có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng, mặt trời không: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo"?

– Tôn giả Gotama, không thể được.

– Này Vāseṭṭha, ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà,

---

[3] Xem *M.* II. 170.

như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay và đảnh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn; những vị này không có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng, mặt trời: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo."

532. Ngươi cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các đại Tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Bà-la-môn cho đến bảy đời Tôn sư, đại Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Ngươi cũng nói trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh; và ngày nay, những Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu." Như vậy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: 'Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.'"

533. Này Vāseṭṭha, nhà ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý?

– Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý.

– Lành thay, này Vāseṭṭha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo." Thật không có sự kiện ấy.

534. Này Vāseṭṭha, như có người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này." Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà ông yêu và ái luyến ấy, ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, ông có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, ấp nào hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải ông đã yêu và đã ái luyến một người ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải.

535. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chính xác, không hợp lý?

– Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chính xác, không hợp lý.

536. – Cũng vậy, này Vāseṭṭha, ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Tôn sư của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các đại Tôn sư của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Bà-la-môn cho đến bảy đời Tôn sư, đại Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Ngươi cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh; và ngày nay, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy như các vị Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu." Như vậy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: 'Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.'"

537. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý?

– Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý.

– Lành thay, Vāseṭṭha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo." Thật không có sự kiện ấy.

538. Này Vāseṭṭha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải.

539. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia không chính xác, không hợp lý?

– Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chính xác, không hợp lý.

540. – Cũng vậy, này Vāseṭṭha, ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông

ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Tôn sư của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các đại Tôn sư của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Bà-la-môn cho đến bảy đời Tôn sư, đại Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Ngươi cũng nói trong những ẩn sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh; và ngày nay, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu." Như vậy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: 'Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.'"

541. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý?

– Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý.

– Lành thay, Vāseṭṭha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo." Thật không có sự kiện ấy.

542. Này Vāseṭṭha, như sông Aciravatī này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: "Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây!"

543. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravatī đến bờ bên này không?

– Tôn giả Gotama, không thể vậy.

544. – Cũng vậy, này Vāseṭṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, loại bỏ những pháp tác thành Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành Bà-la-môn, những vị này đã nói: "Chúng tôi cầu khẩn Inda (Nhân-đà-la), chúng tôi cầu khẩn Soma (Tô-ma), chúng tôi cầu khẩn Varuṇa (Bà-lưu-va), chúng tôi cầu khẩn Īsāna (Y-sa-na), chúng tôi cầu khẩn Pajāpati (Sanh chủ), chúng tôi cầu khẩn Brahmā (Phạm thiên), chúng tôi cầu khẩn Mahiddhi (Ma-hi-đề), chúng tôi cầu khẩn Yāmā (Dạ-ma)." Này Vāseṭṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà ấy loại bỏ những pháp tác thành Bà-la-môn, tuân theo những pháp

không tác thành Bà-la-môn, vì kêu gọi, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không có sự kiện ấy.

545. – Này Vāseṭṭha, như sông Aciravatī này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: "Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây!" Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravatī đến bờ bên này không?

– Tôn giả Gotama, không thể vậy.

546. – Cũng vậy, này Vāseṭṭha, có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh. Năm pháp này được xem là sợi dây xích, sợi dây thắng trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt cảm nhận, khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những hương do mũi cảm nhận... những vị do lưỡi cảm nhận… những xúc do thân cảm nhận, khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục lạc. Này Vāseṭṭha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy được xem là sợi dây xích, sợi dây thắng trong giới luật của bậc Thánh. Này Vāseṭṭha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự thoát ly chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.

– Này Vāseṭṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, loại bỏ những pháp tác thành Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự thoát ly chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không có sự kiện ấy.

547. Này Vāseṭṭha, như sông Acivaratī này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia, nhưng người này ở bên bờ này trùm đầu và nằm ngủ. Này Vāseṭṭha, nhà ngươi nghĩ thế nào, người ấy có thể từ bên này của sông Aciravatī đến bờ bên kia không?

– Tôn giả Gotama, không thể được.

548. – Cũng vậy, này Vāseṭṭha, có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Dục cái, sân cái, hôn trầm thụy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Này Vāseṭṭha, năm triền cái này được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược.

549. Này Vāseṭṭha, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà bị chướng ngại, bị

triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái này. Này Vāseṭṭha, thật vậy, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà loại bỏ những pháp tác thành Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành Bà-la-môn, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không thể có sự kiện ấy.

550. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, ngươi có nghe những Bà-la-môn niên cao lạp trưởng, Tôn sư và đại Tôn sư cùng nhau nói chuyện không, Phạm thiên có dục ái hay không dục ái?

– Tôn giả Gotama, không có dục ái.

– Có hận tâm hay không hận tâm?

– Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

– Có sân tâm hay không sân tâm?

– Tôn giả Gotama, không có sân tâm.

– Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

– Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.

– Có tự tại hay không có tự tại?

– Tôn giả Gotama, có tự tại.

– Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có dục ái hay không dục ái?

– Tôn giả Gotama, có dục ái.

– Có hận tâm hay không hận tâm?

– Tôn giả Gotama, có hận tâm.

– Có sân tâm hay không có sân tâm?

– Tôn giả Gotama, có sân tâm.

– Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

– Tôn giả Gotama, có nhiễm tâm.

– Có tự tại hay không có tự tại?

– Tôn giả Gotama, không có tự tại.

– Này Vāseṭṭha, ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có tham ái, Phạm thiên không có tham ái. Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có tham ái với Phạm thiên không có tham ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

– Tôn giả Gotama, không thể có được.

551. – Lành thay, Vāseṭṭha! Này Vāseṭṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có dục ái ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không thể có sự kiện ấy.

Này Vāseṭṭha, ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có

sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại. Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

– Tôn giả Gotama, không thể có được.

– Lành thay, Vāseṭṭha! Này Vāseṭṭha, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không có tự tại ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không thể có sự kiện ấy.

552. Này Vāseṭṭha, ở đời, các Bà-la-môn dầu có tinh thông ba tập Vệ-đà, khi các vị này ngồi [với sự tự tín], thật sự đang chìm [trong bùn lầy], và khi đang chìm [trong bùn lầy] phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn. Do vậy, đối với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh.

553. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, chỗ này gần Manasākaṭa, không xa Manasākaṭa phải không?

– Vâng phải, Tôn giả Gotama, chỗ này gần Manasākaṭa, không xa Manasākaṭa.

554. – Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào? Ở đây, có người sinh trưởng ở Manasākaṭa nhưng chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasākaṭa, này Vāseṭṭha, đối với người đã sinh trưởng ở Manasākaṭa, chắc không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải?

– Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó khăn. Vì cớ sao? Tôn giả Gotama, người sinh trưởng ở Manasākaṭa đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasākaṭa.

– Này Vāseṭṭha, đối với người đã sinh trưởng Manasākaṭa, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn khi hỏi đến con đường đưa đến Manasākaṭa, nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đến Phạm thiên giới hay con đường đưa đến Phạm thiên giới. Này Vāseṭṭha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới. Ta biết phương pháp thực hành để sanh vào Phạm thiên giới.

555. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi đã nghe: "Sa-môn Gotama giảng dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên." Lành thay nếu Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên! Mong Tôn giả Gotama tế độ chúng Bà-la-môn!

– Này Vāseṭṭha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ, Ta sẽ nói:

– Xin vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha bạch Thế Tôn.

556. Thế Tôn thuyết như sau:

– Này Vāseṭṭha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc, vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc.

Này Vāseṭṭha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc?

Ở đây, này Vāseṭṭha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh... do lạc thọ, tâm được định tĩnh... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 194-225 với những thay đổi cần thiết). Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Này Vāseṭṭha, như người lực sĩ thổi tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương không có gì khó khăn; cũng vậy, này Vāseṭṭha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai mà vị ấy bỏ qua hay bỏ sót, không biến mãn với Tâm giải thoát câu hữu với từ. Này Vāseṭṭha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Lại nữa, này Vāseṭṭha, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm

câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Này Vāseṭṭha, như người lực sĩ thổi tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương không có gì khó khăn; cũng vậy, này Vāseṭṭha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai mà vị ấy bỏ qua hay bỏ sót, không biến mãn với Tâm giải thoát câu hữu với xả. Này Vāseṭṭha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

557. Này Vāseṭṭha, ngươi nghĩ thế nào, Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái?

– Tôn giả Gotama, không có dục ái.

– Có hận tâm hay không có hận tâm?

– Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

– Có sân tâm hay không có sân tâm?

– Tôn giả Gotama, không có sân tâm.

– Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

– Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.

– Có tự tại hay không có tự tại?

– Tôn giả Gomata, có tự tại.

– Này Vāseṭṭha, ngươi nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên không có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

– Tôn giả Gotama, có thể có được.

– Lành thay, Vāseṭṭha! Này Vāseṭṭha, thật vậy, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy.

558. Này Vāseṭṭha, ngươi nói Tỷ-kheo không có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... Tỷ-kheo có tự tại, Phạm thiên có tự tại. Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

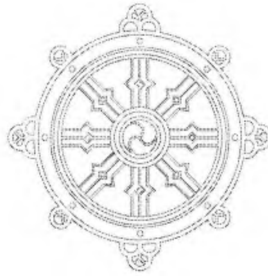
– Tôn giả Gotama, có thể có được.

– Lành thay, Vāseṭṭha! Này Vāseṭṭha, thật vậy, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ấy thật có thể có.

559. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong

bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chư Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, chúng con xin trọn đời quy ngưỡng.



14. KINH ĐẠI BỔN
(*Mahāpadāna Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bấy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khất thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân."

2. Thế Tôn, với Thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người, nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các người?

Khi được nghe vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân." Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con, thời Thế Tôn đến.

3. – Này các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không?

– Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

---

[1] Xem *M.* I. 160; II. 91; *S.* I. 298, 501; II. 5, 104; *Dh.* 51, 184, 239; *Ud.* 42; *It.* 31; *MNid.* 338, 444; *Miln.* 232; *Vin.* I. 1; *Kvu.* 559, 590. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Đại bổn kinh* 大本經 (*T.*01. 0001.01. 0001b11). Tham chiếu: *Phật thuyết Thất Phật kinh* 佛說七佛經 (*T.*01. 0002. 0150a03); *Tỳ-bà-thi Phật kinh* 毘婆尸佛經 (*T.*01. 0003. 0154b05); *Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh* 七佛父母姓字經 (*T.*01. 0004. 0159a27); *La-ma kinh* 羅摩經 (*T.*01. 0026.204. 0775c07); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.19.1. 0593a24); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.48.4. 0790a07); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Như Lai phẩm* 法集要頌經如來品 (*T.*04. 0213.21. 0787b22).

4. – Này các Tỷ-kheo, chín mươi mốt kiếp về trước, Thế Tôn Vipassī (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, ba mươi mốt kiếp về trước, Thế Tôn Sikhī (Thi-khí), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, cũng trong ba mươi mốt kiếp ấy, Thế Tôn Vessabhū (Tỳ-xá-bà), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, cũng trong Hiền kiếp này, Thế Tôn Kakusandha (Câu-lâu-tôn), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, cũng trong Hiền kiếp này, Thế Tôn Koṇāgamana (Câu-na-hàm), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, cũng trong Hiền kiếp này, Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, trong Hiền kiếp này, nay Ta, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời.

5. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ, sanh trong giai cấp Sát-đế-lỵ. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ, sanh trong giai cấp Sát-đế-lỵ. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ, sanh trong giai cấp Sát-đế-lỵ. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn. Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ, sanh trong giai cấp Sát-đế-lỵ.

6. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Koṇḍañña (Câu-ly-nhã). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Koṇḍañña. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Koṇḍañña. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Kassapa. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Kassapa. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa. Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Gotama (Cù-đàm).

7. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là tám vạn năm. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là bảy vạn năm. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là sáu vạn năm. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là bốn vạn năm. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là ba vạn năm. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là hai vạn năm. Này các Tỷ-kheo, trong thời của Ta hiện nay, tuổi thọ loài người

không bao nhiêu, ít ỏi, chóng vánh, ai sống thọ thì khoảng một trăm năm hay hơn một chút.

8. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pāṭalī (Ba-bà-la). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Puṇḍarīka (Phân-đà-ly). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Sāla (Sa-la). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Sirīsa (Thi-lợi-sa). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Udumbara (Ô-tam-bà-la). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Nigrodha (Ni-câu-luật-đà). Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Assattha (Bát-đa-la).

9. Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Khaṇḍa (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà). Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Soṇa (Phù-du) và Uttara (Uất-đa-la). Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Vidhūra (Tỳ-lâu) và Sañjīva (Tát-ni). Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Bhiyyosa (Thư-bàn-na) và Uttara. Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Tissa và Bhāradvāja (Bà-la-bà). Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Ta là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên).

10. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có một Tăng hội bốn vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có một Tăng hội ba vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có một Tăng hội hai vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

Này các Tỷ-kheo, nay trong thời của Ta, có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, tất cả đều là bậc Lậu tận.

11. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Khemaṅkara (Nhẫn Hành), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Upasaññaka (Tịch Diệt), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiện Hữu), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Này các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề); kinh thành của Vua Bandhumā tên là Bandhumatī.

Này các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Aruṇa (Minh Tướng), mẫu hậu tên là Pabhāvatī (Quang Huy); kinh thành của Vua Aruṇa tên là Aruṇavatī.

Này các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Suppatīta (Thiện Đăng), mẫu hậu tên là Yasavatī (Xứng Giới); kinh thành của Vua Suppatīta tên là Anopama (Vô Dụ).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc), mẫu thân Bà-la-môn tên là Visākhā (Thiện Chi). Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành của Vua Khema tên là Khemavatī (An Hòa).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Yaññadatta (Đạt Đức), mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng). Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của Vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Brahmadatta (Phạm Thi), mẫu thân Bà-la-môn tên là Dhanavatī (Tài Chủ). Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Kikī (Hấp-tỳ); kinh thành của Vua Kikī tên là Bārāṇasī (Ba-la-nại).

Này các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn), mẫu hậu của Ta tên là Māyā (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

– Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy." Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy." Hay là chư thiên mách bảo Như Lai, và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy."

Như vậy là cuộc đàm thoại bị gián đoạn giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bấy giờ, Thế Tôn vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay các người ngồi luận bàn vấn đề gì? Đề tài gì đã bị gián đoạn giữa các người?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con: "Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: 'Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy.' Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: 'Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy.' Hay là chư thiên mách bảo Như Lai, và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: 'Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy.'" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. – Này các Tỷ-kheo, pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi chính Như Lai, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như

vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy." Và chư thiên cũng mách bảo Như Lai, và nhờ sự mách bảo này Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy."

Này các Tỷ-kheo, các ngươi có muốn nghe thêm nữa pháp thoại thuộc về tiền thân không?

– Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng thêm nữa pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Này các Tỷ-kheo, vậy hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. – Này các Tỷ-kheo, cách đây chín mươi mốt kiếp về trước, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, ra đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Koṇḍañña. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pāṭalī. Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Khaṇḍa và Tissa. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka, vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhumā, mẫu hậu tên là Bandhumatī; kinh thành của Vua Bandhumā tên là Bandhumatī.

17. Này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī, sau khi từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy.

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi Bồ-tát Vipassī từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, khi ấy một luồng

hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, các thế giới ở trên gồm chư thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng.[2] Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một luồng hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây." Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra khắp thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỳ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, bốn vị thiên tử đứng canh gác bốn phương trời và nói: "Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát." Pháp nhĩ là như vậy.

20. Này các Tỳ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Này các Tỳ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào, dầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là như vậy.

22. Này các Tỳ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát có được năm món dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Này các Tỳ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này các Tỳ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly,[3] trong suốt, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện; rồi một sợi dây được xâu qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Nếu có người tinh mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, trong suốt, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xâu qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt." Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

---

[2] *Sadevamanussāya*, có chỗ dịch là chư thiên và loài người.

[3] Xem *M.* III. 121.

24. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi sanh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung và sanh lên cảnh trời Đâu-suất. Pháp nhĩ là như vậy.

25. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bào thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy.

27. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát không đụng đến đất, có bốn thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc Vĩ nhân." Pháp nhĩ là như vậy.

29. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, như viên ngọc Ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại, hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

30. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vị Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thăng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc Tối thượng ở trên đời! Ta là bậc Tối tôn ở trên đời! Ta là bậc Cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa." Pháp nhĩ là như vậy.

32. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một luồng hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, các thế giới ở trên gồm chư thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không

có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một luồng hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây." Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra khắp thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

33. Này các Tỷ-kheo, khi Hoàng tử Vipassī sinh ra, Vua Bandhumā được báo tin: "Đại vương đã được sinh một Hoàng tử. Kính mời Đại vương xem mặt Hoàng tử." Này các Tỷ-kheo, khi thấy Hoàng tử Vipassī, Vua Bandhumā liền cho mời các vị Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử." Này các Tỷ-kheo, khi xem tướng Hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với Vua Bandhumā: "Đại vương hãy hân hoan, Đại vương đã sinh một bậc Vĩ nhân. Lợi ích thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong hoàng gia! Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn một trong hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước,[4] bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn hoàng tử là những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời."

34. Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân[5] là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt này sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác? Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn hoàng tử là những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời.

35. Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng. Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

---

[4] *Dhammarāja*.
[5] Xem *M.* II. 136-37.

Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn căm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.

Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài...

Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...

Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...

Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới...

Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...

Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...

Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không cong lưng xuống, có thể rờ đầu gối với hai bàn tay...

Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...

Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...

Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mướt khiến bụi không thể bám dính vào...

Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từng lỗ chân lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...

Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...

Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...

Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử...

Đại vương, Hoàng tử này không có lõm khuyết giữa hai vai...

Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây Bàng (Nigrodha). Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...

Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn...

Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén...

Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con sư tử...

Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...

Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...

Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...

Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa [thái xỉ] trơn láng...

Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...

Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim Ca-lăng-tần-già (Karavīka)...

Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...

Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...

Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ. Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu. Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

36. Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn hoàng tử là những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời.

37. Này các Tỳ-kheo, Vua Bandhumā ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

Này các Tỳ-kheo, rồi Vua Bandhumā cho tuyển những người vú nuôi cho Hoàng tử Vipassī. Người cho bú, người lo tắm, người lo bồng ẵm, người mang bên nách. Này các Tỳ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che trên Hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: "Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi hay sương làm phiền Hoàng tử." Này các Tỳ-kheo, khi được sanh ra, Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Này các Tỳ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ẵm từ nách người này qua nách người khác.

38. Này các Tỳ-kheo, khi Hoàng tử Vipassī được sinh ra, Hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, giống như con chim Ca-lăng-tần-già sinh trong Hy-mã-lạp sơn, giọng chim hót rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Hoàng tử Vipassī phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

39. Này các Tỳ-kheo, khi Hoàng tử Vipassī sanh ra, Thiên nhãn hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhãn ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do-tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

40. Này các Tỳ-kheo, khi Hoàng tử Vipassī sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nháp nháy, như hàng chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vì

Hoàng tử Vipassī nhìn không nhấp nháy nên này các Tỷ-kheo, Hoàng tử được gọi tên là "Vipassī, Vipassī" (Vị đã nhìn thấy).

41. Này các Tỷ-kheo, khi Vua Bandhumā ngồi xử kiện, Vua cho đặt Hoàng tử Vipassī ngồi bên nách mình để xử kiện. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nỗi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Này các Tỷ-kheo, do Hoàng tử Vipassī "có thể quan sát và xử kiện" mà danh từ "Vipassī, Vipassī" càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

42. Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Bandhumā cho xây dựng ba tòa lâu đài cho Hoàng tử Vipassī, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī sống bốn tháng mưa trong lâu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ mua vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào Ngài bước xuống khỏi lầu.

Tụng phẩm II

43. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe:

"Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh."

"Thưa vâng, Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi thưa với Hoàng tử Vipassī: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời."

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, Hoàng tử Vipassī leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

44. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còng như cây rui cong đỡ mái nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi người đánh xe:

"Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?"

"Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy."

"Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa."

"Này khanh, vậy rồi ta có bị già không, một người chưa qua tuổi già?"

"Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già."

"Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung."

"Thưa vâng, Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!"

45. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā cho gọi người đánh xe và hỏi:

"Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ tại vườn ngự uyển không? Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ tại vườn ngự uyển không?"

"Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển."

"Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

"Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còng như nóc nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con:

'Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?'

'Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là già vậy.'

'Này khanh, sao người ấy được gọi là người già?'

'Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa.'

'Này khanh, vậy rồi ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?'

'Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già.'

'Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung.'

'Thưa vâng, Hoàng tử.'

Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: 'Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!'"

46. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā suy nghĩ: "Không thể để cho Hoàng tử Vipassī từ chối trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassī xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật."

Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Bandhumā lại sắp đặt cho Hoàng tử Vipassī đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để Hoàng tử Vipassī có thể trị vì, để Hoàng tử Vipassī khỏi phải xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī sống tận hưởng đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe... (tương tự như đoạn 43 trên).

47. Này các Tỳ-kheo, Hoàng tử Vipassī, khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi người đánh xe:

"Này khanh, người này đã làm gì mà mắt của ông ấy không giống mắt của những người khác, giọng nói của ông ấy không giống giọng nói của những người khác?"

"Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy."

"Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình."

"Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?"

"Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật."

"Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung."

"Thưa vâng, Hoàng tử."

Này các Tỳ-kheo, người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỳ-kheo, Hoàng tử Vipassī về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh!"

48. Này các Tỳ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā cho gọi người đánh xe và hỏi:

"Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ tại vườn ngự uyển không? Hoàng tử có hoan hỷ tại vườn ngự uyển không?"

"Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển."

"Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

"Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển, thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt.

Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con:

'Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của ông ấy không giống mắt của người khác, giọng nói của ông ấy không giống giọng nói của người khác?'

'Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy.'

'Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?'

'Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình.'

'Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?'

'Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật.'

'Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung.'

'Thưa vâng, Hoàng tử.'

Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: 'Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh!'"

49. Này các Tỳ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā suy nghĩ: "Không thể để cho Hoàng tử Vipassī từ chối trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassī xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật!" Này các Tỳ-kheo, rồi Vua Bandhumā lại sắp đặt cho Hoàng tử Vipassī đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để Hoàng tử Vipassī có thể trị vì, để Hoàng tử Vipassī không thể xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và này các Tỳ-kheo, Hoàng tử Vipassī sống tận hưởng đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

Này các Tỳ-kheo, Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe:

"Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh."

"Thưa vâng, Hoàng tử."

Này các Tỳ-kheo, người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi thưa với Hoàng tử Vipassī: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời."

Này các Tỳ-kheo, lúc bấy giờ, Hoàng tử Vipassī leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

50. Này các Tỳ-kheo, Hoàng tử Vipassī trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi người đánh xe:

"Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng?"

"Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung."

"Này khanh, vậy ngươi hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung!"

"Thưa vâng, tâu Hoàng tử."

Này các Tỳ-kheo, người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Này các Tỳ-kheo, khi thấy thây người chết, Hoàng tử Vipassī hỏi:

"Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác."

"Này khanh, vậy ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy ta, và ta sẽ không thấy phụ vương, mẫu hậu hay những bà con ruột thịt khác chăng?"

"Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng tử; và Hoàng tử sẽ không thấy phụ vương, mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác."

"Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung."

"Thưa vâng, Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời Hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!"

51. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā cho gọi người đánh xe và hỏi:

"Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ tại vườn ngự uyển không? Hoàng tử có hoan hỷ tại vườn ngự uyển không?"

"Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển."

"Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

"Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con:

'Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng?'

'Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung.'

'Này khanh, vậy ngươi hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung.'

'Thưa vâng, tâu Hoàng tử.' Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thây chết, Hoàng tử hỏi con: 'Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?'

'Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác.'

'Này khanh, vậy ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy ta chăng? Và ta sẽ không thấy phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng?'

'Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng tử; và Hoàng tử sẽ không thấy phụ vương, mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác.'

'Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung.'

'Thưa vâng, Hoàng tử.'

Con vâng theo lời Hoàng tử Vipassī, cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: 'Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!'"

52. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā suy nghĩ: "Không thể để cho Hoàng tử Vipassī từ chối trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassī xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật."

Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Bandhumā lại sắp đặt cho Hoàng tử Vipassī đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để Hoàng tử Vipassī có thể trị vì, để Hoàng tử Vipassī không thể xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh."

"Thưa vâng, Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi thưa với Hoàng tử Vipassī: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời."

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, Hoàng tử Vipassī leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

53. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī trên đường đi đến ngự uyển, thấy một vị xuất gia, đầu trọc, đắp áo cà-sa. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi người đánh xe: "Này khanh, người này đã làm gì mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia."

"Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?"

"Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh."

"Này khanh, lành thay người được gọi là người xuất gia, khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp,

khéo giữ không hại chúng sanh, khéo phát triển lòng từ đối với chúng sanh. Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia."

"Thưa vâng, Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử Vipassī, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi Hoàng tử Vipassī hỏi vị xuất gia: "Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giống các người khác?"

"Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia."

"Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?"

"Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia vì tôi khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh."

"Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của Ngài! Lành thay khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!"

54. Này các Tỷ-kheo, rồi Hoàng tử Vipassī bảo người đánh xe: "Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung; còn ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

"Thưa vâng, Hoàng tử." Người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, lấy xe và đánh xe về cung. Còn Hoàng tử Vipassī, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

55. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatī có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: "Hoàng tử Vipassī đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: "Pháp và Luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì Hoàng tử Vipassī trong Pháp và Luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nay Hoàng tử Vipassī đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tại sao chúng ta lại không?" Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassī. Rồi Bồ-tát Vipassī cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

56. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Sao ta lại sống bị bao vây bởi đồ chúng này? Tốt hơn là ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này!"

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian, Bồ-tát Vipassī sống một mình, lánh xa đồ chúng; tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassī đi một ngả.

57. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già,

rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Và cũng không một ai biết con đường nào giải thoát khỏi sự đau khổ, già và chết này. Khi nào thì con đường giải thoát khỏi sự đau khổ, già và chết này mới được biết tới?"

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do sanh có mặt, già chết mới có mặt. Do duyên sanh, già chết phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do hữu có mặt, sanh mới có mặt. Do duyên hữu, sanh phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thủ có mặt, hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do ái có mặt, thủ mới có mặt. Do duyên ái, thủ phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, ái mới có mặt? Do duyên gì, ái phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thọ có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thọ mới có mặt? Do duyên gì, thọ phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do xúc có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, xúc mới có mặt? Do duyên gì, xúc phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do lục nhập có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt? Do duyên gì, lục nhập phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do danh sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thức có mặt, danh sắc mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc phát khởi."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt? Do duyên gì, thức phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau

khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do danh sắc có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức phát khởi."

58. Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ như sau: "Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức phát khởi; do duyên thức, danh sắc phát khởi; do duyên danh sắc, lục nhập phát khởi; do duyên lục nhập, xúc phát khởi; do duyên xúc, thọ phát khởi; do duyên thọ, ái phát khởi; do duyên ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này."

59. "Tập khởi, tập khởi." Này các Tỳ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassī khởi sanh Pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

60. Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diệt?" Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do sanh không có mặt, già chết không có mặt. Do sanh diệt, già chết diệt."

Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt? Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do hữu không có mặt, sanh không có mặt. Do hữu diệt, sanh diệt."

Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diệt?" Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thủ không có mặt, hữu không có mặt. Do thủ diệt, hữu diệt."

Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diệt?" Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do ái không có mặt, thủ không có mặt. Do ái diệt, thủ diệt."

Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diệt?" Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thọ không có mặt, ái không có mặt. Do thọ diệt, ái diệt."

Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diệt?" Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do xúc không có mặt, thọ không có mặt. Do xúc diệt, thọ diệt."

Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diệt?" Này các Tỳ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau

khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do lục nhập không có mặt, xúc không có mặt. Do lục nhập diệt, xúc diệt."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do danh sắc không có mặt, lục nhập không có mặt. Do danh sắc diệt, lục nhập diệt."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, danh sắc không có mặt? Cái gì diệt, danh sắc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thức không có mặt, danh sắc không có mặt. Do thức diệt, danh sắc diệt."

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thức không có mặt? Cái gì diệt, thức diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do danh sắc không có mặt, thức không có mặt. Do danh sắc diệt, thức diệt."

61. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Ôi, ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do danh sắc diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt."

62. "Diệt, diệt." Này các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassī khởi sanh Pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

63. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt. Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt."

Và đối với Ngài, sau khi sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn, chẳng bao lâu, các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

Tụng phẩm III

64. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, liền suy nghĩ:[6] "Nay Ta hãy thuyết pháp."

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, suy nghĩ: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu; còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý 'Y tánh duyên khởi pháp' (*Idappaccāyata Paṭiccasamuppāda*); thật khó mà thấy được

---

[6] Xem *M.* I. 167-69; *S.* I. 137-41; *Vin.* I. 4.

định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!"

65. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

Sao nay Ta lại nói lên Chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?
Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham, sân chi phối.
Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy được pháp này.
Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề như vậy, tâm của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp. Lúc bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: "Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong nếu tâm của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp!"

66. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng; cũng vậy, vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, và bạch rằng: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. Nếu được nghe những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp."

67. Này các Tỷ-kheo, được nghe vậy, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nói với vị Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: 'Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu; còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!' Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên Chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?
Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham, sân chi phối.
Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy được pháp này.
Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề như vậy, tâm của Ta hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp."

68. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai, vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên). Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. Nếu được nghe những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp."

69. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, biết được lời cầu thỉnh của vị Phạm thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm, một số không thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm. Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đẫm ướt; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn, Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm, một số không thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

70. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình, biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, liền nói lên với Ngài bài kệ sau đây:

Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.
Cũng vậy, bậc Trí Tuệ lên lầu Chánh pháp, bậc Biến Nhãn, bậc Thoát Ly Sầu Muộn.
Nhìn xuống quần chúng, âu lo sầu muộn bị sanh già áp bức.
Hãy đứng lên, bậc Anh Hùng, bậc Chiến Thắng Ở Chiến Trường,
Vị Trưởng Đoàn Lữ Khách, đấng Thoát Ly Mọi Nợ Nần!
Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương Chánh pháp!
Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa.

71. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

Cửa bất diệt đã được mở rộng,
Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình!
Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, này Phạm thiên,
Ta không muốn giảng Chánh pháp vi diệu cho loài người.

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ: "Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuyết pháp", rồi đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ ấy.

72. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, suy nghĩ: "Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?"

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, suy nghĩ: "Nay Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa trú ở kinh đô Bandhumatī là bậc tri thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay Ta hãy thuyết pháp cho Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu Chánh pháp này."

73. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng, biến mất từ cây Bồ-đề, hiện ra tại Lộc Uyển Khema, kinh đô Bandhumatī.

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, gọi người giữ vườn: "Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatī, nhắn với Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã đến kinh đô Bandhumatī, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị."

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatī và thưa với Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa: "Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã đến kinh đô Bandhumatī và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị."

74. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumatī, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe, đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

75. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuận thứ thuyết pháp,[7] thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, hỷ

[7] Xem *D*. I. 135.

lạc và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa chính tại chỗ ngồi này chứng được Pháp nhãn vô trần ly cấu: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bị hoại diệt."

76. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con xin quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ Đại giới!"

77. Này các Tỳ-kheo, Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy hai vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị này nhờ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

78. Này các Tỳ-kheo, trong kinh thành Bandhumatī có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: "Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatī và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác." Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: "Chắc chắn Pháp và Luật này không thể tầm thường, sự xuất gia này không thể tầm thường, vì Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khaṇḍa và con của Vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy?"

Này các Tỳ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng tám vạn bốn ngàn vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatī đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

79. Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy

hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, hỷ lạc và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được Pháp nhãn vô trần ly cấu: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bị hoại diệt."

80. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ Đại giới!"

81. Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

82. Này các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị xuất gia từ trước được nghe: "Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatī, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp." Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

83. Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, hỷ lạc và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được Pháp nhãn vô trần ly cấu: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bị hoại diệt."

84. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi

ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ Đại giới!"

85. Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

86. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh đô Bandhumatī. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatī, sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: 'Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp. Cứ sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn.'"

87. Này các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vị Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, và bạch Ngài: "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatī: 'Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp

sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp.' Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thưa như vậy. Sau khi thưa xong, vị này đảnh lễ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ ấy.

88. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatī, sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: 'Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn.'"

Này các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, chắp tay hướng đến Ta và bạch với Ta: "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatī: 'Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp.' Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ ấy.

Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các ngươi: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ

thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

– Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

89. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại Jambudīpa (Diêm-phù-đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. Khi một năm vừa mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Hai năm đã mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Ba năm đã mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Bốn năm đã mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, bốn năm đã mãn, nay còn lại hai năm. Sau hai năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Năm năm đã mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Sáu năm đã mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày, hãy đi đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn."

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với thần lực của mình, một số vị với thần lực của chư thiên, trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn.

90. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác giữa chúng Tỷ-kheo, tụng đọc Giới bổn này:

Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.
Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn là đệ nhất.
Người xuất gia hại người xuất gia khác,
Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.
Mọi điều ác không làm, các thiện nghiệp nên làm,
Giữ tâm ý thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.
Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong Giới bổn,
Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình,
Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy.[8]

---

[8] Xem *Dh.* 183-185.

91. Này các Tỷ-kheo, một thời Ta ở tại Ukkaṭṭhā (Úc-già-la), trong rừng Subhaga,[9] dưới gốc cây Sa-la vương. Này các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu. Đó là chư thiên Suddhāvāsa (Tịnh Cư). Vậy nay Ta hãy đến chư thiên ở Tịnh Cư thiên."

Này các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkaṭṭhā, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương và hiện ra trước chư thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư thiên ấy, hàng ngàn chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau:

"Này Hiền giả, nay đã được chín mươi mốt kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sanh thuộc chủng tánh Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Koṇḍañña. Này Hiền giả, trong thời ấy, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pāṭalī. Này Hiền giả, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Khaṇḍa (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka, vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhumā, mẫu hậu tên là Bandhumatī; kinh thành của Vua Bandhumā tên là Bandhumatī. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này."

Này các Tỷ-kheo, trong đại chúng chư thiên ấy, hàng ngàn chư thiên..., hàng trăm chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc danh tánh Gotama. Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn, tuổi thọ con người không bao nhiêu, ít ỏi, chóng vánh, ai sống thọ thì khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây Assattha. Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử tên là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi vị. Này Hiền giả, Tăng hội này của Thế

[9] *Subhagavana*, một khu rừng tại *Ukkaṭṭhā*.

Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Này Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda, vị này là thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana, mẫu hậu là Māyā, kinh đô là Kapilavatthu. Này Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này."

92. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư thiên Avihā (Vô Phiền) đến chư thiên Atappā (Vô Nhiệt)… Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư thiên Avihā và chư thiên Atappā đến chư thiên Sudassā (Thiện Kiến). Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư thiên Avihā, chư thiên Atappā và chư thiên Sudassā đến chư thiên Sudassī (Thiện Hiện). Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư thiên Avihā, chư thiên Atappā, chư thiên Sudassā và chư thiên Sudassī đến chư thiên Akaniṭṭhā (Sắc Cứu Cánh). Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư thiên ấy, hàng ngàn chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi mốt kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sanh thuộc chủng tánh Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Koṇḍañña. Này Hiền giả, trong thời ấy, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pāṭalī. Này Hiền giả, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Khaṇḍa và Tissa. Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka, vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhumā, mẫu hậu tên là Bandhumatī; kinh thành của Vua Bandhumā tên là Bandhumatī. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này."

93. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư thiên ấy, hàng ngàn chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được ba mươi mốt kiếp từ khi Thế Tôn Sikhī... Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Sikhī… Này Hiền giả, cũng trong ba mươi mốt kiếp ấy, Thế Tôn Vessabhū… Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Vessabhū… Này Hiền giả, cũng trong Hiền kiếp này, Thế Tôn Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa… Này Hiền giả, chúng con là những người

đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này. Này các Tỳ-kheo, lại trong đại chúng chư thiên ấy, hàng trăm chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỳ-kheo, sau khi đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ, thuộc gia tộc Sát-đế-lỵ. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc danh tánh Gotama. Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít ỏi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây Assattha. Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử tên là Sāriputta và Moggallāna. Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi vị. Này Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Này Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỳ-kheo tên là Ānanda, vị này là thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana, mẫu hậu là Māyā, kinh đô là Kapilavatthu. Này Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng tôi là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này."

94. Này các Tỳ-kheo, như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn trừ các chướng ngại, đã đoạn trừ các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy."

Và chư thiên cũng mách bảo Như Lai, và nhờ sự mách bảo này Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến dòng dõi các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến dòng họ, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, dòng dõi là như vậy, danh tánh là như vậy, dòng họ là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy."

Thế Tôn thuyết pháp như vậy, các vị Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

15. KINH ĐẠI DUYÊN
(*Mahānidāna Sutta*)[1]

95. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại bộ tộc Kuru (Câu-lâu), ở thị trấn Kuru tên là Kammāsadhamma (Kiếm-ma-sắt-đàm). Tôn giả Ānanda (A-nan) đến tại chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy, và giáo pháp này đối với con hết sức minh bạch rõ ràng.

– Này Ānanda, chớ có nói vậy! Này Ānanda chớ có nói vậy! Này Ānanda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Này Ānanda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ muñja và lau sậy babbaja (ba-ba-la), không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử luân hồi.

96. Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Già và chết có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Già và chết do duyên gì?" Hãy đáp: "Già và chết do duyên sanh."

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Sanh có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên hữu."

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên thủ."

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Thủ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thủ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thủ do duyên ái."

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Ái có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Ái do duyên gì?" Hãy đáp: "Ái do duyên thọ."

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Thọ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thọ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thọ do duyên xúc."

---

[1] Xem *D.* II. 72; III. 207, 272; *M.* II. 1; III. 215; *A.* I. 39; IV. 306, 349, 400. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Đại duyên phương tiện kinh* 大緣方便經 (*T*.01. 0001.13. 0060a29). Tham chiếu: *Đại nhân kinh* 大因經 (*T*.01. 0026.97. 0578b07); *Phật thuyết Nhân bổn dục sanh kinh* 佛說人本欲生經 (*T*.01. 0014. 0241c23); *Phật thuyết Đại sanh nghĩa kinh* 佛說大生義經 (*T*.01. 0052. 0844b09); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.18. 0440c23).

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Xúc có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Xúc do duyên gì?" Hãy đáp: "Xúc do duyên danh sắc."

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Danh sắc có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Danh sắc do duyên gì?" Hãy đáp: "Danh sắc do duyên thức."

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Thức có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thức do duyên gì?" Hãy đáp: "Thức do duyên danh sắc."

97. Này Ānanda, như vậy do duyên danh sắc, thức phát khởi; do duyên thức, danh sắc phát khởi; do duyên danh sắc, xúc phát khởi; do duyên xúc, thọ phát khởi; do duyên thọ, ái phát khởi; do duyên ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

98. Trước đã nói: "Do duyên sanh, lão tử phát khởi." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh, lão tử phát khởi"? Này Ānanda, nếu không có sanh bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay bất cứ của ai, chỗ nào như chư thiên hay thiên giới, càn-thát-bà hay càn-thát-bà giới, dạ-xoa hay dạ-xoa giới, quỷ ma hay quỷ ma giới, loài người hay nhân giới, loại bốn chân hay tứ túc giới, loài chim hay điểu giới, loài trùng xà hay trùng xà giới; này Ānanda, nếu không có sự sanh của tất cả những chúng sanh này; nếu tất cả không có sanh, do sanh diệt, thời lão tử có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của lão tử tức là sanh.

99. Trước đã nói: "Do duyên hữu, sanh phát khởi." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hữu, sanh phát khởi"? Này Ānanda, nếu không có hữu bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay của bất cứ ai, chỗ nào như dục hữu hay sắc hữu hay vô sắc hữu; nếu không có hữu cho tất cả, do hữu diệt thời sanh có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của sanh tức là hữu.

100. Trước đã nói: "Do duyên thủ, hữu phát khởi." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ, hữu phát khởi"? Này Ānanda, nếu không có thủ bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay của bất cứ ai, chỗ nào như dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ hay ngã luận thủ; nếu không có thủ cho tất cả, do thủ diệt thời hữu có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của hữu tức là thủ.

101. Trước đã nói: "Do duyên ái, thủ phát khởi." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, thủ phát khởi"? Này Ānanda, nếu không có

ái bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay của bất cứ ai, chỗ nào như sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái hay pháp ái; nếu không có ái cho tất cả, do ái diệt thời thủ có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thủ tức là ái.

102. Trước đã nói: "Do duyên thọ, ái phát khởi."[2] Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thọ, ái phát khởi"? Này Ānanda, nếu không có thọ bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay của bất cứ ai, chỗ nào như nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, thân xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ; nếu không có thọ cho tất cả, nếu thọ diệt, thời ái có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của ái tức là thọ.

103. Này Ānanda, như vậy, do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, tìm cầu sanh; do duyên tìm cầu, lợi sanh; do duyên lợi, quyết định [sở dụng của lợi] sanh; do duyên quyết định, tham dục sanh; do duyên tham dục, đam trước sanh; do duyên đam trước, chấp thủ sanh; do duyên chấp thủ, hà tiện sanh; do duyên hà tiện, thủ hộ sanh; do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.

104. Trước đã nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ"? Này Ānanda, nếu không có thủ hộ bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu không có thủ hộ cho tất cả, nếu thủ hộ diệt, thời một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ tức là thủ hộ.

105. Trước đã nói: "Do duyên hà tiện, thủ hộ sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hà tiện thủ hộ sanh"? Này Ānanda, nếu không có hà tiện bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu không có hà tiện cho tất cả, nếu hà tiện diệt, thời thủ hộ có thể hiện hữu không?

---

[2] *Kinh Đại bổn*, Tụng phẩm II.

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thủ hộ tức là hà tiện.

106. Trước đã nói: "Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh"? Này Ānanda, nếu không có chấp thủ bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu không chấp thủ cho tất cả, nếu chấp thủ diệt, thời hà tiện có thể hiện hữu được không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của hà tiện tức là chấp thủ.

107. Trước đã nói: "Do duyên đam trước, chấp thủ sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên đam trước, chấp thủ sanh"? Này Ānanda, nếu không có đam trước bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu không có đam trước cho tất cả, nếu đam trước diệt, thời chấp thủ có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của chấp thủ tức là đam trước.

108. Trước đã nói: "Do duyên tham dục, đam trước sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên tham dục, đam trước sanh"? Này Ānanda, nếu không có tham dục bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu không có tham dục cho tất cả, nếu tham dục diệt, thời đam trước có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của đam trước tức là tham dục.

109. Trước đã nói: "Do duyên quyết định, tham dục sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên quyết định, tham dục sanh"? Này Ānanda, nếu quyết định không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có quyết định cho tất cả, nếu quyết định diệt, thời tham dục có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của tham dục tức là quyết định.

110. Trước đã nói: "Do duyên lợi, quyết định sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên lợi, quyết định sanh"? Này Ānanda, nếu không có lợi bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu lợi không có cho tất cả, nếu lợi diệt, thời quyết định có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của quyết định tức là lợi.

111. Trước đã nói: "Do duyên tìm cầu, lợi sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên tìm cầu, lợi sanh"? Này Ānanda, nếu không có tìm cầu bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu tầm cầu không có cho tất cả, nếu tìm cầu diệt, thời lợi có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của lợi tức là tìm cầu.

112. Trước đã nói: "Do duyên ái, tìm cầu sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, tìm cầu sanh"? Này Ānanda, nếu không có ái bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu ái không có cho tất cả, nếu ái diệt, thời tầm cầu có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của tìm cầu tức là ái.

Này Ānanda, như vậy, hai phương diện [của ái] tuy hai nhưng hòa hợp thành một, nhờ thọ [làm duyên sanh].

113. Trước đã nói: "Do duyên xúc, thọ sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên xúc, thọ sanh"? Này Ānanda, nếu không có xúc bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, nếu xúc không có cho tất cả, nếu xúc diệt, thời thọ có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thọ tức là xúc.

114. Trước đã nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh"? Này Ānanda, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo, nhờ đó mà danh thân[3] và sắc thân thi thiết; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời thuật ngữ "xúc" trong sắc thân có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy, nhờ đó mà sắc thân được thi thiết; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời hữu đối xúc trong danh thân có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo, nhờ đó mà danh thân và sắc thân được thi thiết; nếu những hình, những sắc, những

[3] *Nāmakāye paṭighasamphassa.*

tướng, những mạo ấy không có, thời danh mục xúc hay hữu đối xúc có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo, nhờ đó mà danh sắc được thi thiết; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có thì xúc có thể hiện hữu không?

– Bạch Thế Tôn, không.

Do vậy, này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của xúc tức là danh sắc.

115. Trước đã nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh"? Này Ānanda, nếu thức không đi vào trong bụng của người mẹ, thời danh sắc có thể hình thành trong bụng bà mẹ không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bị tiêu diệt, thời danh sắc có thể hình thành trong trạng thái này, hoặc trạng thái khác không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, nếu thức bị đoạn trừ trong đứa con nít, hoặc là đồng nam hay đồng nữ, thời danh sắc có thể lớn lên, trưởng thành và thành mãn không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của danh sắc tức là thức.

116. Trước đã nói: "Do duyên danh sắc, thức sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên danh sắc, thức sanh"? Này Ānanda, nếu thức không an trú được trong danh sắc, thời trong tương lai có thể hiện hữu sự hình thành của sanh, lão, tử, khổ tập không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thức tức là danh sắc.

– Này Ānanda, trong giới hạn con người được sanh, con người bị già, con người bị chết, con người bị diệt, hay con người được tái sanh, trong giới hạn cách dùng từ ngữ, trong giới hạn cách diễn đạt ngôn ngữ, trong giới hạn cách chế định danh, trong giới hạn tuệ giới [lĩnh vực hiểu biết], trong giới hạn lưu chuyển luân hồi, trạng thái hiện hữu này được biết tới, nghĩa là danh sắc và thức hỗ tương duyên hiện hữu.

117. Này Ānanda, có bao nhiêu lời tuyên bố về ngã? Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng." Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng." Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có

hạn lượng." Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng."

118. Này Ānanda, có người tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, có người tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, có người tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, có người tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, như vậy là có bấy nhiêu lời tuyên bố về ngã.

119. Này Ānanda, có bao nhiêu lời không tuyên bố về ngã? Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng." Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng." Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng." Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng."

120. Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải

như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ānanda, như vậy là có bấy nhiêu lời không tuyên bố về ngã.

121. Này Ānanda, dưới bao nhiêu hình thức, ngã được quan niệm? Này Ānanda, ngã được quan niệm[4] như thọ trong câu: "Ngã của tôi là thọ." Hay trái lại: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ." Này Ānanda, hoặc ngã được quan niệm như trong câu: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ." Như vậy, này Ānanda, ngã được quan niệm.

122. Này Ānanda, ai nói: "Ngã của tôi là thọ", người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, có ba loại cảm thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Trong ba loại thọ này, loại nào ông xem là ngã?"

Này Ānanda, khi cảm giác một lạc thọ, chúng ta không cảm giác một khổ thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một lạc thọ thôi. Này Ānanda, khi cảm giác một khổ thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một khổ thọ thôi. Này Ānanda, khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một khổ thọ, khi ấy chỉ cảm giác một bất khổ bất lạc thọ thôi.

123. Lại nữa, này Ānanda, lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Này Ānanda, khổ thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Này Ānanda, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Khi cảm giác một lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt." Khi cảm giác một khổ thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi khổ thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt." Khi

---

[4] Xem *M.* I. 138, 300; *S.* III. 66 và IV. 34; *Vin.* I. 13.

cảm giác một bất khổ bất lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi bất khổ bất lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt."

Vậy những ai nói rằng: "Ngã của tôi là thọ", người ấy sẽ xem ngã của mình như một cái gì trong hiện tại, cái gì ấy là vô thường, lạc khổ xen lẫn, là pháp sanh diệt. Do vậy, này Ānanda, không thể chấp nhận quan niệm: "Ngã của tôi là thọ."

124. Này Ānanda, ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ", người ấy cần được nhắc nhở: "Này Hiền giả, chỗ nào không có một cảm thọ gì cả, chỗ ấy có thể xem là 'Tôi là như vậy' được không?"

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này Ānanda, không thể chấp nhận quan niệm: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ."

125. Này Ānanda, ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ", người ấy cần được nhắc nhở: "Này Hiền giả, nếu tất cả mọi loại cảm thọ đều đoạn diệt hoàn toàn, khi không còn một loại cảm thọ nào cả, khi thọ đã tận diệt, thời ở tại chỗ ấy, có thể nói 'Tôi là như vậy' chăng?"

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này Ānanda, không thể chấp nhận quan niệm: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ."

126. Này Ānanda, khi có một vị Tỷ-kheo không quan niệm: "Ngã là thọ", không quan niệm: "Ngã không phải thọ", không quan niệm: "Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ", khi ấy vị này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời; vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác nữa."

Này Ānanda, với vị Tỷ-kheo có Tâm giải thoát như vậy, nếu có ai nói vị Tỷ-kheo ấy có tà kiến như sau: "Như Lai[5] có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý; hoặc có tà kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý; hoặc có tà kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý; hoặc có tà kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Tại sao vậy? Này Ānanda, ví dầu có bao nhiêu danh từ, bao nhiêu cách dùng từ ngữ; dầu có bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu cách diễn đạt ngôn ngữ; dầu có bao nhiêu quy ước ngôn ngữ, bao nhiêu bộ quy ước ngôn ngữ; dầu có bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu trí tuệ giới; dầu có bao nhiêu luân chuyển, bao nhiêu vận hành; với thắng trí hiểu biết tất cả, vị Tỷ-kheo được giải thoát. Với vị Tỷ-kheo có thắng trí giải thoát như vậy mà nói rằng vị Tỷ-kheo ấy không biết, không thấy, thời thật là một sự phi lý.

[5] *Tathāgata.* Xem *M.* I. 542.

127. Này Ānanda, có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Thế nào là bảy? Này Ānanda, có những loại hữu tình thân dị loại và tưởng dị loại như loài người, một số chư thiên và một số trong địa ngục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Này Ānanda, có những loại hữu tình thân dị loại nhưng tưởng nhất loại như các vị Phạm Chúng thiên được sanh vào cõi ấy, nhờ Sơ thiền. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

Này Ānanda, có những loại hữu tình thân nhất loại nhưng tưởng dị loại như các vị Quang Âm thiên (Ābhassara). Đó là trú xứ thứ ba của thức.

Này Ānanda, có những loại hữu tình thân nhất loại và tưởng cũng nhất loại như các vị Biến Tịnh thiên (Subhakiṇhā). Đó là trú xứ thứ tư của thức.

Này Ānanda, có những loại hữu tình vượt ra khỏi tất cả sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không suy tư đến mọi dị loại tưởng, chỉ có tưởng "Hư không là vô biên", được sanh vào cõi Không Vô Biên Xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

Này Ānanda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Không vô biên xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô biên", được sanh vào Thức Vô Biên Xứ. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Này Ānanda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tưởng "Vô sở hữu", được sanh vào Vô Sở Hữu Xứ. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Hai xứ là Vô Tưởng Hữu Tình Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

128. Này Ānanda, trong thức trú xứ thứ nhất, có thân dị loại và tưởng dị loại này như loài người, một số chư thiên và một số hữu tình trong địa ngục. Này Ānanda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly khỏi trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, trong thức trú xứ thứ hai... thứ ba... thứ tư... thứ năm... thứ sáu... thứ bảy,… Vô Tưởng Hữu Tình Xứ này, này Ānanda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly khỏi trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ này, này Ānanda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly khỏi trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Ānanda, với bảy thức trú xứ và hai xứ này, nếu có vị Tỷ-kheo đã như chơn hiểu được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất

ly khỏi chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị này được giải thoát. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo như vậy được gọi là Tuệ giải thoát.

129. Này Ānanda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc. Đó là sự giải thoát thứ nhất.

Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc. Đó là sự giải thoát thứ hai.

Quán tưởng [sắc là] tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy. Đó là sự giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không tác ý đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Đó là sự giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "Vô sở hữu", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đó là sự giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là sự giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng. Đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ānanda, như vậy là tám giải thoát.

130. Này Ānanda, khi một vị Tỷ-kheo thuận thứ thể nhập tám giải thoát này, thuận thứ thể nhập, nghịch thứ thể nhập, thuận thứ và nghịch thứ thể nhập, có thể nhập và xuất khỏi bất cứ giải thoát nào khi nào mình muốn, chỗ nào mình muốn và dài bao lâu mình muốn. Và với các lậu hoặc được đoạn trừ, vị Tỷ-kheo tự mình thấu đạt và chứng ngộ, an trú trong Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, không còn lậu hoặc ngay trong thời hiện tại. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo này được gọi là bậc Giải thoát song phần.[6] Này Ānanda, không còn có một sự giải thoát song phần nào nào khác cao hơn và thù thắng hơn sự giải thoát song phần này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

---

[6] Giải thoát khỏi sắc thân nhờ thể nhập vô sắc, giải thoát khỏi danh thân nhờ Đạo (*arūpasamāpattiyā rūpakāyato vimutto, maggena nāmakāyato vimuttoti*).

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN
(*Mahāparinibbāna Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

131. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Ajātasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi), vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà), muốn chinh phục dân Vajjī (Bạt-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong."

132. Rồi Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, nói với Bà-la-môn Vassakāra (Vũ-xá), đại thần nước Magadha:

– Này Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Ngài, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú không?" Và khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjī. Vua tự nói: 'Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong.'" Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại cho ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

– Đại vương, xin vâng.

133. Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, vâng theo lời dạy của Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cưỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Rājagaha, đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế

---

[1] Xem *D*. II. 55, 169; III. 207, 272; *M*. II. 1; III. 215; *S*. I. 11, 335, 340; II. 190; V. 152, 258, 341; *A*. I. 39; II. 1, 79; III. 252; IV. 17, 22, 23, 24, 305, 306, 307, 308, 348, 349; V. 59, 263; *Ud*. 62, 81, 85; *Pv*. 23, 147; *Thag*. 255, 892, 1018; *J*. I. 392; VI. 481; *Bv*. I. 102; *Netti*. 56, 128; *Miln*. 95, 116, 131, 143, 174, 177, 408; *Vin*. I. 199; II. 284; *Kvu*. 313, 559, 600, 615. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07). Tham chiếu: *Địa động kinh* 地動經 (*T*.01. 0026.36. 0477b23); *Phật Bát-nê-hoàn kinh* 佛般泥洹經 (*T*.01. 0005. 0160b05); *Bát-nê-hoàn kinh* 般泥洹經 (*T*.01. 0006. 0176a02); *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (*T*.01. 0007. 0191b02); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.5. 0652b13); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.5. 0753c11); *Xuất diệu kinh*, *Thủy phẩm* 出曜經水品 (*T*.04. 212.18. 0706c07); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘柰耶雜事 (*T*.24. 1451.35. 0382b29).

Tôn; khi đến, liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú không. Tôn giả Gotama, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân xứ Vajjī. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong."

134. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết.

– Này Ānanda, khi nào nghe dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thời xưa không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này Ānanda,

dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình.

– Này Ānanda, khi nào Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

135. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha:

– Này Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesāli tại tự miếu Sārandada, Ta dạy cho dân Vajjī bảy pháp bất thối này. Này Bà-la-môn, khi nào bảy pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjī, khi nào dân Vajjī được sống theo bảy pháp bất thối này, thời này Bà-la-môn, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjī chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjī nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảy pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, không thể đánh bại dân Vajjī ở chiến trận, trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bổn phận.

– Này Bà-la-môn, ngươi hãy làm những gì ngươi nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

136. Khi Bà-la-môn Vassakāra đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Rājagaha.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo Thượng tọa, những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lạp trưởng, bậc Cha của chúng Tăng, bậc Thầy của chúng Tăng, và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống theo bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

137. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bạn bè với ác, không thân tín với ác, không cộng hành với ác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được sống theo bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

138. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm… có tàm… có quý…

có nghe nhiều… có tinh tấn… có chánh niệm… có trí tuệ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được sống theo bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

139. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi… tu tập Trạch pháp giác chi… tu tập Tinh tấn giác chi… tu tập Hỷ giác chi… tu tập Khinh an giác chi… tu tập Định giác chi… tu tập Xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được sống theo bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

140. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập Vô thường tưởng… tu tập Vô ngã tưởng… tu tập Bất tịnh tưởng… tu tập Nguy hiểm tưởng… tu tập Xả ly tưởng… tu tập Vô tham tưởng… tu tập Diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được sống theo bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

141. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng sáu pháp bất thối. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ ý nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bình bát khất thực, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các bạn đồng tu tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật đúng với Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sứt mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế trược, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các bạn đồng tu tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh, những Thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thực hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được sống theo sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

142. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá, tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: "Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu."

143. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Ambalaṭṭhikā.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalaṭṭhikā.

Tại Ambalaṭṭhikā, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalaṭṭhikā, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

– Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu.

144. Thế Tôn ở Ambalaṭṭhikā cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Nāḷandā.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nāḷandā. Tại đây, Thế Tôn ở rừng Pāvārikamba (Ba-ba-lợi-âm-bà-lâm).

145. Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

– Này Sāriputta, lời nói của ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác." Này Sāriputta, có phải ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của ngươi: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Sāriputta, có phải ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở tương lai, ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của ngươi: "Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Sāriputta, có phải ngươi biết Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở hiện tại, ngươi đã biết tâm Ta với tâm của ngươi: "Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Sāriputta, như vậy ngươi không có Tha tâm thông đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này Sāriputta, vì sao ngươi lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

146. – Bạch Thế Tôn, con không có Tha tâm thông đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, tương lai và hiện tại, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây, có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt.

Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này, tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này. Bạch Thế Tôn, cũng vậy, con biết truyền thống về Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn niệm xứ, đã chơn chánh tu tập Bảy giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn niệm xứ, đã chơn chánh tu tập Bảy giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yết ớt, đã an trú tâm vào Bốn niệm xứ, đã chơn chánh tu tập Bảy giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác.

147. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nāḷandā, rừng Pāvārikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỳ-kheo:

– Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu.

148. Thế Tôn ở Nāḷandā cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pāṭaligāma.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Pāṭaligāma.

Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pāṭaligāma được nghe: "Thế Tôn đã đến làng Pāṭaligāma." Các cư sĩ ở Pāṭaligāma đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pāṭaligāma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy nhận lời đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con." Thế Tôn im lặng nhận lời.

Các cư sĩ ở Pāṭaligāma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nhà nghỉ mát, trải khắp sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pāṭaligāma bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nhà nghỉ mát đã được trải khắp sàn, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát; sau khi đến, liền rửa chân, bước vào nhà, ngồi xuống, lưng đối cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà, ngồi xuống, lưng đối bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

Các cư sĩ ở Pāṭaligāma sau khi rửa chân, bước vào nhà, ngồi xuống, lưng đối bức tường phía Đông, mặt đối hướng Tây, đối diện Thế Tôn.

149. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pāṭaligāma:

– Này các gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát-đế-ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm thần rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ bị sanh vào khổ cảnh, cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

150. Này các gia chủ, có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật, khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát-đế-ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm thần không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

151. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pāṭaligāma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

– Này các gia chủ, đêm đã quá khuya, nay các ngươi hãy làm những gì các ngươi nghĩ là phải thời.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các người cư sĩ ở Pāṭaligāma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pāṭaligāma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

152. Lúc bấy giờ, Sunidha và Vassakāra, hai vị đại thần xứ Magadha, đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjī. Một số rất lớn hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pāṭaligāma. Chỗ nào có các thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần có đại oai lực hướng đến sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Thế Tôn với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pāṭaligāma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn và nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, ai đang xây dựng thành trì ở Pāṭaligāma?

– Sunidha và Vassakāra, bạch Thế Tôn, hai vị đại thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở Pāṭaligāma để ngăn chặn dân Vajjī.

– Này Ānanda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba, các đại thần ở Magadha, Sunidha và Vassakāra, đang xây thành trì ở Pāṭaligāma để ngăn chặn dân Vajjī. Này Ānanda, ở đây, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pāṭaligāma. Chỗ nào có các thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị ấy khiến tâm các vua chúa, các đại thần có đại oai lực hướng đến sự xây dựng các trú xá. Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá. Chỗ nào các thiên thần bậc hạ tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ hướng đến sự xây dựng các trú xá. Này Ānanda, chỗ nào các vị Ariyan an trú, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thị bậc nhất tên gọi là Pāṭaliputta, một trung tâm thương mãi. Nhưng này Ānanda, Pāṭaliputta sẽ bị ba hiểm nạn về lửa, về nước hay chia rẽ bất hòa.

153. Lúc bấy giờ, Sunidha và Vassakāra, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakāra, bạch Thế Tôn: "Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo." Thế Tôn im lặng nhận lời.

Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakāra, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, rồi cử người báo tin đến Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng."

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakāra; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakāra, tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị thượng thủ các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và rời tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakāra, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

Sau khi Sunidha và Vassakāra, hai vị đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ,
Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người Phạm hạnh,
Và san sẻ công đức với chư thiên trú tại chỗ ấy.
Được tôn kính, họ sẽ tôn kính lại,
Được trọng vọng, họ sẽ trọng vọng lại.
Họ sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thương mến luôn luôn được thấy may mắn.

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakāra, hai vị đại thần xứ Magadha, với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

154. Sunidha và Vassakāra, hai vị đại thần xứ Magadha, đi sau lưng Thế Tôn và nói:

– Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào, cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama; và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama.

Rồi Thế Tôn đi đến sông Gaṅgā (sông Hằng). Lúc bấy giờ, sông Gaṅgā nước ngập tràn đến bờ, đến nỗi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ duỗi cánh tay được co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè. Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát."

Tụng phẩm II

155. Rồi Thế Tôn gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Koṭigāma.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Koṭigāma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Koṭigāma.

Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ diệt đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các ngươi.

Này các Tỷ-kheo, khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ diệt đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.[2]

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ lại nói thêm: "Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa."

Trong thời gian Thế Tôn ở Koṭigāma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu.

156. Thế Tôn, sau khi ở Koṭigāma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo Tôn giả Ānanda:

---

[2] Xem Tụng phẩm IV, đoạn 186.

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Nādikā.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nādikā, tại ngôi nhà gạch (Giñjakāvasatha).

Rồi Tôn giả Ānanda đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sāḷha mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Tỷ-kheo-ni Nandā mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujātā mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kāliṅga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikaṭa... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kaṭissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuṭṭha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuṭṭha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

157. – Này Ānanda, Tỷ-kheo Sāḷha diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Ānanda, Tỷ-kheo-ni Nandā đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, cư sĩ Sudatta diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Này Ānanda, nữ cư sĩ Sujātā diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác. Này Ānanda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, cư sĩ Kāliṅga... Này Ānanda, cư sĩ Nikaṭa... Này Ānanda, cư sĩ Kaṭissabha... Này Ānanda, cư sĩ Tuṭṭha... Này Ānanda, cư sĩ Santuṭṭha... Này Ānanda, cư sĩ Bhadda... Này Ānanda, cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nādikā, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, hơn chín mươi chín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nādikā, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Này Ānanda, hơn năm trăm cư sĩ mệnh chung tại Nādikā, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

158. Này Ānanda, vấn đề con người phải mệnh chung thật không có gì lạ, nhưng mỗi lần có người mệnh chung, lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này, thời Ānanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Này Ānanda, vì vậy Ta sẽ giảng

Pháp Kính (Gương Chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác."

159. Này Ānanda, Pháp Kính ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"? Này Ānanda, vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật: "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Vị ấy có chánh tín đối với Chánh pháp: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu." Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chơn thiện tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chơn trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chơn trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chơn chánh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được kính ngưỡng, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời; cụ túc giới hạnh được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sứt mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm; cụ túc giới hạnh đưa đến giải thoát được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau, hướng đến Định."

Này Ānanda, chính Pháp Kính này mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác."

Khi Thế Tôn ở Nādikā, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu.

160. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nādikā cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Vesāli.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesāli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapāli.

Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ngươi phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các ngươi.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời; đối với các cảm thọ, quán thọ... đối với tâm, quán tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui; tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay; tỉnh giác khi mang áo Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), mang bát, mang y; tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm; tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các ngươi.

161. Lúc bấy giờ, dâm nữ Ambapāli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesāli và ở tại vườn xoài của ta." Dâm nữ Ambapāli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesāli và đi đến vườn xoài. Nàng cưỡi xe cho đến chỗ còn có thể cưỡi xe được rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn; khi đến, liền đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapāli đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dâm nữ Ambapāli sau khi được Thế Tôn giảng pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Dâm nữ Ambapāli được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

Các người Licchavi ở Vesāli được nghe: "Thế Tôn đến Vesāli hiện ở vườn Ambapāli", liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesāli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

Lúc bấy giờ, dâm nữ Ambapāli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với dâm nữ Ambapāli:

– Này Ambapāli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe?

– Này quý công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.

– Này Ambapāli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy, đổi lấy một trăm ngàn.

– Dầu quý công tử có cho tôi cả thành Vesāli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:

– Chúng ta bị cô thiếu nữ Ambapāli này giành mất phần thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ Ambapāli này phỗng tay trên!

Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapāli.

Thế Tôn từ xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo, nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên, hãy ngó các vị Licchavi, hãy nhìn các vị Licchavi. Này các Tỷ-kheo, các vị Licchavi cũng giống như chư thiên Tam Thập Tam."[3]

Các vị Licchavi ấy cưỡi xe cho đến chỗ còn có thể cưỡi xe được rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn; khi đến, liền đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

– Này các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dâm nữ Ambapāli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này giành mất phần thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phỗng tay trên!"

Rồi những vị Licchavi này hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

162. Lúc bấy giờ, dâm nữ Ambapāli, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin đến Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng." Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dâm nữ Ambapāli; sau khi đến, liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dâm nữ Ambapāli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapāli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dâm nữ Ambapāli bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ."

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapāli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

---

[3] Xem *Sum*. I. 310; *A*. III. 239; *Mhvu*. I. 262.

Trong thời gian Thế Tôn ở Vesāli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu.

163. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesāli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến làng Beḷuva.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Beḷuva. Và Thế Tôn trú tại làng này.

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesāli tại chỗ có bạn bè, quyến thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Beḷuva.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesāli tại chỗ có bạn bè, quyến thuộc và thân tín; còn Thế Tôn an cư tại làng Beḷuva.

164. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết, nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán. Thế Tôn tự nghĩ: "Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống." Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy, duy trì mạng căn.

Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, Thế Tôn rời khỏi tinh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tinh xá. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn. Bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng,[4] dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ nếu Ngài chưa có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

165. – Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi gì nữa ở Ta! Này Ānanda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài [Mật giáo và không phải Mật giáo], vì này Ānanda, đối với các pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư

[4] Xem *A*. III. 69.

còn nắm tay [còn giữ lại một ít Mật giáo chưa giảng dạy].[5] Này Ānanda, những ai nghĩ rằng: "Ta dẫn đầu chúng Tỷ-kheo" hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta", thời này Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ānanda, Như Lai không nghĩ rằng: "Ta dẫn đầu chúng Tỷ-kheo" hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta", thời này Ānanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo? Này Ānanda, Ta nay đã già, đã thành bậc Trưởng thượng, trưởng lão, cao niên đã đến tuổi lâm chung. Ta đã đến tám mươi tuổi. Này Ānanda, như cỗ xe đã cũ mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thắng chằng chịt; cũng giống như vậy, thân Như Lai được duy trì sự sống chính là nhờ dây chằng chống đỡ. Này Ānanda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú Vô tướng tâm định, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái.

Vậy nên, này Ānanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Này Ānanda, thế nào là vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?[6]

Này Ānanda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân, quán thân, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ānanda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ānanda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, này Ānanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

Tụng phẩm III

166. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesāli để khất thực. Sau khi khất thực ở Vesāli, ăn xong và trên đường khất thực trở về, Ngài nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy lấy tọa cụ, Ta muốn đi đến điện thờ Cāpāla để nghỉ trưa.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

---

[5] Xem *J.* II. 221, 250; *Miln.* 144.

[6] Xem *S.* III. 42; V. 163, 221.

Thế Tôn đi đến điện thờ Cāpāla. Khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ānanda đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

167. – Này Ānanda, khả ái thay Vesāli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sārandada, khả ái thay điện thờ Cāpāla!

Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người", vì tâm Tôn giả bị Ác ma ám.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, khả ái thay Vesāli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sārandada, khả ái thay điện thờ Cāpāla!

Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người", vì tâm của Tôn giả bị Ác ma ám.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda hãy đi và làm những gì ngươi nghĩ là phải thời.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đến một gốc cây gần đó ngồi xuống.

168. Tôn giả Ānanda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn; khi đến xong, liền đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu."

Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu." Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo-ni của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu." Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý,

đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu." Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người." Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Khi được nghe vậy, Thế Tôn nói với Ác ma: "Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ."

169. Và tại điện thờ Cāpāla, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành [không duy trì mạng sống lâu hơn nữa]. Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài,
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định,
Như thoát áo giáp đang mang mặc.

170. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì đại địa chấn động như vậy?"

Rồi Tôn giả Ānanda đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì đại địa chấn động như vậy?

171. – Này Ānanda, có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động. Thế nào là tám? Này Ānanda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ānanda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, dụng tâm thuần thục, hay hàng chư thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusitā (Đâu-suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi vị Bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chuyển bánh xe pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai nhập Vô dư y Niết-bàn, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám khiến đại địa chấn động. Này Ānanda, do tám nhân này, tám duyên này khiến đại địa chấn động.

172. Này Ānanda, có tám chúng. Thế nào là tám? Chúng Sát-đế-ly, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, chúng Tứ Thiên Vương, chúng Tam Thập Tam thiên, chúng Ma, chúng Phạm thiên.

Này Ānanda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần; tại đây, trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu, dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy;

giọng nói của họ như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, họ không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư thiên chăng, là người chăng?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, họ không biết: "Kẻ biến mất ấy là ai, là chư thiên chăng, là người chăng?"

Này Ānanda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Tứ Thiên Vương... chúng Tam Thập Tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần; tại đây, trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu, dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói của các vị ấy như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, các vị ấy không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư thiên chăng, là người chăng?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, các vị ấy không biết: "Kẻ biến mất đó là ai, là chư thiên chăng, là người chăng?" Này Ānanda, như vậy là tám chúng.

173. Này Ānanda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ nhất.

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ hai.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ ba.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tư.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh như bông gai màu xanh; tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ năm.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng như bông Kaṇikāra màu vàng; tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy,

vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ sáu.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ như bông Bandhujīvaka màu đỏ; tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ bảy.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng như sao mai Osadhī màu trắng; tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tám. Này Ānanda, như vậy là tám thắng xứ.

174. Này Ānanda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc. Đó là sự giải thoát thứ nhất.

Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc. Đó là sự giải thoát thứ hai.

Quán tưởng [sắc là] tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy. Đó là sự giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không tác ý đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Đó là sự giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đó là sự giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là sự giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Đó là sự giải thoát thứ tám. Này Ānanda, như vậy là tám giải thoát.

175. Này Ānanda, một thời Ta ở tại Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Ajapāla Nigrodha khi Ta mới thành đạo. Này Ānanda, lúc bấy giờ, Ác ma đến tại chỗ Ta ở; khi đến xong, liền đứng một bên. Này Ānanda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!"

Này Ānanda, khi được nghe vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào Phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người."

176. Này Ānanda, hôm nay tại điện thờ Cāpāla, Ác ma đến chỗ Ta; sau khi đến, liền đứng một bên. Này Ānanda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau:

"Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: 'Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền

bá Chánh pháp một cách thần diệu.' Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: 'Này Ác ma, ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta... khi nào những nam cư sĩ của Ta... khi nào những nữ cư sĩ của Ta... khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người.' Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!"

177. Khi được nghe vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ."

Này Ānanda, hôm nay tại điện thờ Cāpāla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành [không duy trì mạng sống lâu hơn nữa].

178. Khi được nghe vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

– Thôi đi, này Ānanda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa! Này Ānanda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người!

– Này Ānanda, ngươi có tin vào sự giác ngộ của Như Lai không?

– Bạch Thế Tôn, con có tin.

– Vậy, này Ānanda, sao ngươi lại làm phiền Như Lai đến ba lần?

– Bạch Thế Tôn, chính con được tận mặt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại."

– Này Ānanda, ngươi có tin tưởng không?

– Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng.

– Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai. Ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Này Ānanda, nếu ngươi thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi.

179. Này Ānanda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu (Gijjhakūṭa). Tại đấy, Ta nói với ngươi: "Này Ānanda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thứu! Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại." Dầu vậy, này Ānanda, ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai. Ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Này Ānanda, nếu ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi.

180. Này Ānanda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhārāma... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Corapapāta... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang Sattapaṇṇi trên núi Vebhāra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kāḷa trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Sīta, trong hang đá Sappasoṇḍika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodārāma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc Lâm, vườn sóc Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại vườn xoài Jīvaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

Này Ānanda, tại đấy, Ta nói: "Này Ānanda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhārāma, khả ái thay Corapapāta, khả ái thay hang Sattapaṇṇi trên núi Vebhāra, khả ái thay hang đá Kāḷa trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasoṇḍika trong rừng Sīta, khả ái thay suối nước nóng Tapodārāma, khả ái thay vườn sóc Kalandaka ở tại Trúc Lâm, khả ái thay vườn xoài Jīvaka, khả ái thay vườn nai ở tại Maddakucchi!

Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện,

thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Dầu vậy, này Ānanda, ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai. Ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Này Ānanda, nếu ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi.

181. Này Ānanda, một thời Ta ở Vesāli tại điện thờ Udena. Tại đấy, này Ānanda, Ta cũng nói: "Này Ānanda, khả ái thay Vesāli, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại." Dầu vậy, này Ānanda, ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Này Ānanda, nếu ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi.

182. Này Ānanda, một thời Ta ở thành Vesāli tại điện thờ Gotamaka... Ta cũng ở thành Vesāli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesāli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesāli tại điện thờ Sārandada...

Này Ānanda, hôm nay tại điện thờ Cāpāla, Ta nói với ngươi: "Này Ānanda, khả ái thay Vesāli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sārandada, khả ái thay đền Cāpāla! Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại." Dầu vậy, này Ānanda, ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh,

vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Này Ānanda, nếu ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi.

183. Này Ānanda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch? Này Ānanda, làm sao có thể được như vầy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến diệt? Thật không có sự trạng ấy. Này Ānanda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ." Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên thời thật không có sự trạng ấy.

Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến giảng đường Kūṭāgāra tại Đại Lâm.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng Tôn giả Ānanda đi đến giảng đường Kūṭāgāra tại Đại Lâm; khi đi đến, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesāli tụ họp tại giảng đường này.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesāli tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

184. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các ngươi, các ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để Phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho Phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người? Chính là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy mà các ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để Phạm hạnh được

trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

185. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các ngươi: Các hành là vô thường, hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,
Từ biệt các ngươi, Ta đi một mình,
Tự mình làm sở y cho chính mình.
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong Pháp và Luật này,
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.

Tụng phẩm IV

186. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, đem theo y bát, vào Vesāli để khất thực. Sau khi khất thực ở Vesāli, ăn xong và trên đường khất thực trở về, Thế Tôn nhìn Vesāli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesāli. Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Bhaṇḍagāma.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhaṇḍagāma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhaṇḍagāma.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Bốn pháp mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh giới mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh định mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh tuệ mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh giải thoát mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Này các Tỷ-kheo, khi Thánh giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng,
Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo,
Đạo Sư diệt khổ, Pháp Nhãn tịnh lạc.

Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhaṇḍagāma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu.

187. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhaṇḍagāma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Hatthigāma... Ambagāma... Jambugāma... hãy đi đến Bhoganagara.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ānanda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

188. – Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo sư." Này các Tỷ-kheo, các ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"; và này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị

Đạo sư." Này các Tỷ-kheo, các ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"; và này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì toát yếu. Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo sư." Này các Tỷ-kheo, các ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"; và này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì toát yếu. Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo sư." Này các Tỷ-kheo, các ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"; và này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn Đại giáo pháp này, các ngươi hãy thọ trì.

Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu.

189. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta sẽ đi đến Pāvā.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pāvā, tại vườn xoài của Cunda, một người thợ sắt.

Thợ sắt Cunda nghĩ: "Nay Thế Tôn đã đến Pāvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta", rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn; khi đến xong, liền đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo." Thế Tôn im lặng nhận lời.

Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm và nhiều thứ sūkaramaddava (một loại mộc nhĩ), rồi báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng."

Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda; khi đến xong, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

– Này Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

– Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, ngươi hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi trời, cõi người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những thiên, nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ; rồi từ chỗ ngồi Ngài đứng dậy và ra đi.

190. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lỵ huyết, đau đớn gần như chết, và Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Kusinārā.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ sắt Cunda,
Cơn bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần như chết đến nơi.
Sau khi dùng món ăn loại mộc nhĩ,
Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo sư.
Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:
"Ta đi đến thành Kusinārā".

191. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy xếp tư áo *Saṅghāṭi*. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ānanda.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo *Saṅghāṭi* lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước cho Ta. Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua; do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthā không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái; tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua; do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthā không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái; tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ānanda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng, không vẩn đục.

Tôn giả Ānanda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai! Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục." Sau khi dùng bát lấy nước, Tôn giả Ānanda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

– Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước.

Và Thế Tôn uống nước.

192. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Āḷāra Kālama, đang đi trên con đường từ Kusinārā đến Pāvā.

Pukkusa, dòng họ Mallā, thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallā, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Āḷāra Kālama đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Āḷāra Kālama. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Āḷāra Kālama và nói với ngài:

– Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?

– Này Hiền giả, ta không thấy.

– Tôn giả có nghe tiếng không?

– Này Hiền giả, ta không nghe tiếng.

– Có phải Tôn giả đang ngủ không?

– Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ.

– Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?

– Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh.

– Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi.

– Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi.

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, sự trầm tĩnh của vị xuất gia, khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng." Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Āḷāra Kālama, vị ấy từ biệt.

193. – Này Pukkusa, nhà ngươi nghĩ thế nào, cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn? Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng; hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng?

– Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến trăm ngàn cỗ xe cũng không thể so sánh được. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

– Này Pukkusa, một thời Ta ở Ātumā, tại nhà đập lúa. Lúc bấy giờ, trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Này Pukkusa, một số đông người từ Ātumā đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết.

Này Pukkusa, lúc bấy giờ, Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa. Này Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chỗ Ta, đảnh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

"Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

"Bạch Thế Tôn, vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết; do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

"Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây."

"Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"

"Này Hiền giả, Ta không thấy gì."

"Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"

"Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì."

"Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ phải không?"

"Này Hiền giả, không phải Ta đang ngủ."

"Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"

"Này Hiền giả, phải."

"Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, mà Ngài không thấy cũng không nghe gì sao?"

"Này Hiền giả, phải như vậy."

Này Pukkusa, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết!" Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallā, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Āḷāra Kālama, nay con đem rải rác trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn. Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

194. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallā, nói với một người khác:

– Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

– Tôn giả, xin vâng.

Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallā, và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallā, đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

– Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc, mong Thế Tôn vì thương xót con mà thâu nhận cho.

– Này Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ānanda một áo.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Pukkusa, dòng họ Mallā, vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho Tôn giả Ānanda.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, dòng họ Mallā, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, dòng họ Mallā, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

195. Khi Pukkusa, dòng họ Mallā, đi chưa được bao lâu, Tôn giả Ānanda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này đặt trên thân Thế Tôn, và

khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi. Và Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

– Thật vậy, này Ānanda. Này Ānanda, có hai trường hợp màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai? Này Ānanda, trong đêm Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng giác và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa. Này Ānanda, đó là hai trường hợp màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

Này Ānanda, hôm nay khi canh cuối cùng mãn, tại Upavattana ở Kusinārā, trong rừng Sa-la của dòng họ Mallā, giữa hai cây Sa-la, Như Lai sẽ diệt độ. Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthā.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

Cặp áo kim sắc này,
Pukkusa mang đến.
Đắp áo kim sắc này,
Da Đạo sư sáng chói.

196. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến con sông Kakudhā, xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Đại đức Cundaka:

– Này Cundaka, hãy xếp áo *Saṅghāṭi* làm bốn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo *Saṅghāṭi* làm bốn.

Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi phải thời. Và Đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

Đức Phật tự đi đến,
Con sông Kakudhā.
Con sông chảy trong sáng,
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo sư mỏi mệt,
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đấng Vô Thượng,
Ngự trị ở trên đời,
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.

Bậc Đạo sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài,
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho ta nằm."
Nghe dạy, Cundaka,
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo sư nằm xuống,
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay phía trước mặt.

197. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, rất có thể có người làm cho thợ sắt Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho ngươi, thật là tai hại cho ngươi vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ ngươi cúng dường và nhập diệt." Này Ānanda, cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ sắt Cunda: "Này Hiền giả, thật là công đức cho bạn vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường và nhập diệt. Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: 'Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một dị thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai? Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử. Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng an lạc; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng danh tiếng; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng cõi trời; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng uy quyền.'"

Này Ānanda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu tan hối hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi nói ý nghĩa này, liền thốt lời cảm khái như sau:

Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,

Trừ được tâm hận thù,
Không chất chứa, chế ngự.
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si,
Tâm giải thoát thanh tịnh.

Tụng phẩm V

198. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hiraññavatī, đến ở Kusinārā, Upavattana, rừng Sa-la của dòng họ Mallā.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hiraññavatī, tại Kusinārā, Upavattana, rừng Sa-la của dòng họ Mallā; khi đi đến nơi, liền nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây Sa-la. Này Ānanda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây Sa-la. Và Thế Tôn nằm xuống về phía hông bên phải như dáng nằm con sư tử, hai chân để lên nhau, chánh niệm và giác tỉnh.

Lúc bấy giờ, Sa-la song thọ trổ hoa trái mùa, tràn đầy cành lá. Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Những thiên hoa Mandārava từ trên hư không rơi xuống, rải lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Bột trời Chiên-đàn từ trên hư không rơi xuống, rải lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

199. Rồi Như Lai nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, Sa-la song thọ tự nhiên trổ hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandārava từ trên hư không rơi xuống, rải lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bột trời Chiên-đàn từ trên hư không rơi xuống, rải lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Nhưng này Ānanda, như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai. Này Ānanda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh trong

Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng. Do vậy, này Ānanda, hãy thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ānanda, các ngươi phải học tập như vậy.

200. Lúc bấy giờ, Tôn giả Upavāṇa đứng trước mặt Thế Tôn và quạt hầu Ngài. Thế Tôn liền quở trách Tôn giả Upavāṇa:

– Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta!

Tôn giả Ānanda liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavāṇa này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách Đại đức Upavāṇa: 'Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.' Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách Đại đức Upavāṇa: 'Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.'"

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Đại đức Upavāṇa này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách Đại đức Upavāṇa: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách Đại đức Upavāṇa: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?

– Này Ānanda, rất đông các vị thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ānanda, cho đến mười hai do-tuần xung quanh Kusinārā, Upavattana, rừng Sa-la thuộc dòng họ Mallā, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những thiên thần có uy lực tụ họp. Này Ānanda, các vị thiên thần đang than phiền: "Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời; và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỳ-kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng." Này Ānanda, chư thiên than phiền như vậy.

201.– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư thiên nào?

– Này Ānanda, có hạng chư thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm."

Này Ānanda, có hạng thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm."

Có chư thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được."

202. – Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa

phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điêu luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điêu luyện.

– Này Ānanda, có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?

"Đây là chỗ Như Lai đản sanh", này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác", này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chuyển pháp luân vô thượng", này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn", này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ānanda, đó là bốn Thánh tích kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Này Ānanda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "đây là chỗ Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", "đây là chỗ Như Lai chuyển pháp luân vô thượng", "đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn."

Này Ānanda, những ai trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín, hoan hỷ, thời những vị ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư thiên.

203. – Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

– Này Ānanda, chớ có thấy họ.

– Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy họ, thời phải như thế nào?

– Này Ānanda, chớ có nói chuyện với họ.

– Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với họ, thời phải như thế nào?

– Này Ānanda, phải an trú chánh niệm.

204. – Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như thế nào?

– Này Ānanda, các ngươi đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân Xá-lợi của Như Lai. Này Ānanda, các ngươi hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ. Này Ānanda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thân tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân Xá-lợi của Như Lai.

205. – Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như thế nào?

– Này Ānanda, xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như vậy.

– Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào?

– Này Ānanda, thân của Chuyển Luân Thánh Vương được quấn tròn với vải mới. Sau khi quấn vải mới xong, lại được quấn thêm với vải gai bện. Sau khi quấn vải gai bện, lại quấn thêm với vải mới, và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Xong, một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển Luân Thánh Vương được đem thiêu trên giàn hỏa này. Và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển Luân Thánh Vương được xây dựng lên. Này Ānanda, đó là pháp táng thân vị Chuyển Luân Thánh Vương.

Này Ānanda, pháp táng thân vị Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào, pháp táng thân Như Lai cũng như vậy. Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương hay hương bột nhiều màu, đảnh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ [khi đứng trước mặt tháp], thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

206. Này Ānanda, bốn hạng người sau xứng đáng được xây tháp. Thế nào là bốn? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được xây tháp. Độc Giác Phật xứng đáng được xây tháp. Đệ tử Thanh văn của Như Lai xứng đáng được xây tháp. Chuyển Luân Thánh Vương xứng đáng được xây tháp.

Này Ānanda, vì lý do gì, Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Giác." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được xây tháp.

Này Ānanda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ được sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng được xây tháp.

Này Ānanda, vì lý do gì, đệ tử Thanh văn của Như Lai xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Giác." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ được sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, đệ tử Thanh văn của Như Lai xứng đáng được xây tháp.

Này Ānanda, vì lý do gì, Chuyển Luân Thánh Vương xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ được sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, Chuyển Luân Thánh Vương xứng đáng được xây tháp.

Này Ānanda, đó là bốn hạng người xứng đáng được xây tháp.

207. Rồi Tôn giả Ānanda đi vào trong tinh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: “Ta nay vẫn còn là kẻ Hữu học, còn phải tự lo tu tập.[7] Nay bậc Đạo sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa!”

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ānanda ở tại đâu?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ānanda đi vào trong tinh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: “Ta nay vẫn còn là kẻ Hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa!”

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ānanda: “Này Hiền giả Ānanda, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả.”

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ Tôn giả Ānanda; sau khi đến, liền nói với Tôn giả:

– Này Hiền giả Ānanda, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Ānanda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Thôi vừa rồi, Ānanda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than! Này Ānanda, Ta đã tuyên bố trước với ngươi rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này Ānanda làm sao được có sự kiện này: “Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt”? Không thể có sự kiện như vậy được. Này Ānanda, đã lâu ngày, ngươi đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng; với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng; với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng. Này Ānanda, ngươi là người tác thành công đức; hãy cố gắng tinh tấn lên, ngươi sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu!

208. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những vị thị giả tối thắng như Ānanda của Ta. Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những vị thị giả tối thắng như Ānanda của Ta vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ānanda là người có trí và hiểu rõ: “Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo-ni…, nay đúng thời để các nam cư sĩ…, nay đúng thời để các nữ cư sĩ…, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn.”

[7] Tôn giả Ānanda lúc này tuy đã vào Thánh đạo nhưng vẫn chưa đắc quả A-la-hán.

209. Này các Tỷ-kheo, Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ānanda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ānanda; và nếu Ānanda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp; và nếu Ānanda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo-ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ānanda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ānanda; và nếu Ānanda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp; và nếu Ānanda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo,… chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, vị Chuyển Luân Thánh Vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-ly... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển Luân Thánh Vương, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển Luân Thánh Vương; và nếu vị Chuyển Luân Thánh Vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện; và nếu vị Chuyển Luân Thánh Vương làm thinh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo-ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ānanda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ānanda; và nếu Ānanda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp; và nếu Ānanda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo,… chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy.

210. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này! Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà), Rājagaha (Vương Xá), Sāvatthi (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ), Kosambī (Kiều-thưởng-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại), Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân Xá-lợi của Như Lai.

– Này Ānanda, chớ có nói như vậy! Này Ānanda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc!

Này Ānanda, thuở xưa có vị vua tên là Mahāsudassana (Đại Thiện Kiến). Vị này là Chuyển Luân Vương trị vì như pháp, là vị Pháp vương thống lãnh thiên hạ bốn phương, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Này Ānanda, đô thị Kusinārā này là kinh đô của Vua Mahāsudassana tên là Kusāvatī (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do-tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do-tuần.

Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Này Ānanda, cũng như kinh đô Āḷakamandā của chư thiên, rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú; cũng vậy, này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú.

Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ-bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy uống đi, hãy ăn đi!"

Này Ānanda, hãy đi vào Kusinārā và nói với dân Mallā ở Kusinārā: "Này các Vāseṭṭha, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ. Này Vāseṭṭha, các ngươi hãy đến! Này Vāseṭṭha, các ngươi hãy đến! Về sau chớ có hối hận: 'Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai.'"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, đắp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinārā.

211. Lúc bấy giờ, dân Mallā ở Kusinārā đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công sự. Tôn giả Ānanda đến tại giảng đường của dân Mallā ở Kusinārā. Sau khi đến, Tôn giả liền nói với dân Mallā ở Kusinārā:

– Này Vāseṭṭha, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ. Này Vāseṭṭha, các ngươi hãy đến! Này Vāseṭṭha, các ngươi hãy đến! Về sau chớ có hối hận: "Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai."

Dân Mallā cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe Tôn giả Ānanda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!"

Và dân Mallā cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana, khu rừng Sa-la của dòng họ Mallā và đến chỗ Tôn giả Ānanda.

Tôn giả Ānanda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallā ở Kusinārā đảnh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallā đảnh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallā ở Kusinārā đảnh lễ theo từng gia tộc."

– Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallā này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn.

Và Tôn giả Ānanda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallā ở Kusinārā đảnh lễ Thế Tôn.

212. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinārā, du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: "Tối nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ."

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: "Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: 'Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ra đời thật là hy hữu; và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ.' Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta, ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta."

Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sa-la của dân Mallā, đến tại chỗ Tôn giả Ānanda và thưa với Tôn giả:

– Hiền giả Ānanda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ra đời thật là hy hữu; và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ." Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi, tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ānanda, hãy cho tôi được phép yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

– Thôi đi, Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai! Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với Tôn giả Ānanda:

– Hiền giả Ānanda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ra đời thật là hy hữu; và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ." Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi, tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ānanda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

– Thôi đi, Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai! Thế Tôn đang mệt.

213. Thế Tôn nghe được câu chuyện của Tôn giả Ānanda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với Tôn giả Ānanda:

– Thôi Ānanda, chớ có ngăn trở Subhadda. Ānanda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì Ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ānanda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

– Này Hiền giả Subhadda hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhaputta, Nigaṇṭha Nāṭaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị ấy đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

– Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị ấy đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ." Này Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

214. – Này Subhadda, trong Pháp và Luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đấy không có [đệ nhất] Sa-môn, cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, trong Pháp và Luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đấy có [đệ nhất] Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, chính trong Pháp và Luật này có Bát Thánh đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.

Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia, hướng tìm chơn thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm,
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn [đệ nhất], cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

215. Khi được nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Con xin được xuất gia với Thế Tôn, con xin thọ Đại giới.

– Này Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ

Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

– Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy xuất gia cho Subhadda.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với Tôn giả Ānanda:

– Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ānanda; thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ānanda, được thọ lễ quán đảnh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia, được thọ Đại giới với Thế Tôn. Thọ Đại giới không bao lâu, Đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và Đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa. Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn hóa độ.

Tụng phẩm VI

216. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, nếu trong các ngươi có người nghĩ rằng: “Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (Giáo chủ).” Này Ānanda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ānanda, Pháp và Luật mà Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo sư của các ngươi.

Này Ānanda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả. Vị Tỷ-kheo niên thiếu hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.

Này Ānanda, nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ, có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.

Này Ānanda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm-đàn (*Brahmadaṇḍa*) đối với Tỳ-kheo Channa.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm-đàn?

– Này Ānanda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói, chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

217. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp,[8] thời này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy hỏi đi; sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn."

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai... Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các ngươi hãy hỏi đi; sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn."

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay! Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

– Này Ānanda, ngươi có tín nhiệm nên nói vậy. Ở đây, này Ānanda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Này Ānanda, trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

218. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các ngươi: "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật."

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

219. Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.

---

[8] Xem *D.* II. 287.

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ. Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tưởng định.

Khi ấy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Anuruddha:

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.

– Này Hiền giả Ānanda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tưởng định.

Rồi Thế Tôn xuất Diệt thọ tưởng định, Ngài nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định. Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, Ngài nhập định Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài lập tức diệt độ.

220. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, đại địa chấn động khủng khiếp, râu tóc dựng ngược, sấm trời vang động.

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ thân ngũ uẩn.
Bậc Đạo Sư cũng vậy,
Đấng Tuyệt Luân Trên Đời.
Bậc Đại Hùng Giác Ngộ,
Như Lai đã diệt độ.

221. Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt.
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.

222. Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

Không phải thở ra vào,
Chính tâm trú chánh định,
Không tham ái tịch tịnh,
Tu sĩ hướng diệt độ.
Chính tâm tịnh bất động,
Nhẫn chịu mọi cảm thọ,

Như đèn sáng bị tắt,
Tâm giải thoát hoàn toàn.

223. Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ānanda, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi bậc Toàn Thiện Năng,
Bậc Giác Ngộ nhập diệt.

224. Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa thoát ly tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!" Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy!"

225. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo:

– Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than! Này các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vầy: "Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch. Thật không có sự trạng ấy." Này các Hiền giả, chính chư thiên đang quở trách đó.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư thiên nào?

– Hiền giả Ānanda, có hạng chư thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!"

Hiền giả Ānanda, có hạng chư thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!" Còn chư thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được!"

Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ānanda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại.

226. Rồi Tôn giả Anuruddha nói với Tôn giả Ānanda:

– Hiền giả Ānanda, hãy vào thành Kusinārā và nói với dân Mallā ở Kusinārā: "Này Vāseṭṭha, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các ngươi nghĩ phải làm."

– Tôn giả, xin vâng.

Tôn giả Ānanda vâng lời Tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả vào thành Kusinārā.

Lúc bấy giờ, dân Mallā ở Kusinārā đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ānanda đến tại giảng đường của dân Mallā ở Kusinārā; sau khi đến, liền nói với dân Mallā ở Kusinārā: "Này Vāseṭṭha, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các ngươi nghĩ phải làm."

Dân Mallā cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe Tôn giả Ānanda nói như vậy liền đau đớn sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!"

227. Rồi dân Mallā ở Kusinārā ra lệnh cho những người làm: "Các người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinārā."

Rồi dân Kusinārā đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sa-la của dòng họ Mallā, đến tại chỗ thân Xá-lợi của Thế Tôn. Rồi họ ở lại cả ngày, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Maṇḍala.

Rồi dân Mallā ở Kusinārā suy nghĩ: "Hôm nay, nếu thiêu thân Xá-lợi của Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân Xá-lợi của Thế Tôn." Rồi dân Mallā ở Kusinārā, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Maṇḍala. Ngày thứ ba cũng như vậy. Ngày thứ tư cũng như vậy. Ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

Đến ngày thứ bảy, dân Mallā ở Kusinārā suy nghĩ: "Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chở thân Xá-lợi của Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy."

228. Lúc bấy giờ, tám vị tộc trưởng Mallā gội đầu, mặc áo mới với ý định khiêng thân Xá-lợi của Như Lai nhưng khiêng không nổi. Các vị Mallā ở Kusinārā bạch Tôn giả Anuruddha:

– Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì tám vị tộc trưởng Mallā này gội đầu, mặc áo mới với ý định khiêng thân Xá-lợi của Như Lai nhưng không khiêng nổi?

– Này Vāseṭṭha, vì ý định của các ngươi khác, ý định của chư thiên khác.

– Bạch Tôn giả, ý định của chư thiên là gì?

– Này các Vāseṭṭha, ý định của các ngươi như sau:

"Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chở thân Xá-lợi của Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy."

Này các Vāseṭṭha, ý định của chư thiên như sau: "Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát,

nhạc, tràng hoa, hương của chư thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân Xá-lợi của Thế Tôn về hướng Bắc đến cửa phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến cửa phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông ngoài thành, tại đền của dân Mallā tên là Makuṭa Bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy."

– Bạch Tôn giả, ý định của chư thiên thế nào, ý định của chúng con cũng vậy.

229. Lúc ấy, khắp cả Kusinārā cho đến đống bụi, đống rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandārava. Rồi chư thiên và các dân Mallā ở Kusinārā, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư thiên và loài người, liền khiêng thân Xá-lợi của Thế Tôn về phía hướng Bắc đến cửa phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến cửa phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông ngoài thành, tại đền của dân Mallā tên là Makuṭa Bandhana, và đặt thân Xá-lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

230. Rồi dân Mallā bạch Tôn giả Ānanda:

– Bạch Tôn giả Ānanda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân Xá-lợi của Như Lai?

– Này các Vāseṭṭha, xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như vậy.

– Bạch Tôn giả Ānanda, xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương phải như thế nào?

– Này các Vāseṭṭha, thân Chuyển Luân Thánh Vương được quấn tròn với vải mới. Sau khi quấn vải mới, lại được quấn thêm với vải gai bện. Sau khi quấn với vải gai bện, lại quấn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Xong, một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển Luân Thánh Vương được đem thiêu trên giàn hỏa này. Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển Luân Thánh Vương này được xây dựng lên. Này các Vāseṭṭha, đó là pháp táng thân của vị Chuyển Luân Thánh Vương.

Này các Vāseṭṭha, pháp táng thân của vị Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy. Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đảnh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ [khi đứng trước mặt tháp], thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

Và các người Mallā ở Kusinārā sai những người làm công: "Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallā."

Rồi những người Mallā ở Kusinārā quấn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi quấn vải mới xong, lại quấn thêm với vải gai bện. Sau khi quấn với vải

gai bện, lại quấn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Thế Tôn vào trong một hòm dầu bằng sắt, đậy hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

231. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākassapa đang đi giữa đường từ Pāvā đến Kusinārā với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahākassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một gốc cây.

Lúc bấy giờ, có một tà mạng ngoại đạo (*ājīvaka*) lấy một cành hoa Mandārava ở Kusinārā và đang đi trên một con đường đến Pāvā.

Tôn giả Mahākassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ đàng xa đến. Thấy vậy, Tôn giả liền hỏi tà mạng ngoại đạo ấy:

– Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng tôi không?

– Này Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được cành hoa Mandārava này.

Lúc ấy, những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!" Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy!"

232. Lúc bấy giờ, Subhadda, được xuất gia khi đã lớn tuổi, đang ngồi trong hội chúng này. Subhadda, được xuất gia khi đã lớn tuổi, nói với những Tỷ-kheo ấy:

– Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than! Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu, quấy rầy với những lời: "Làm như thế này không hợp với các ngươi. Làm như thế này hợp với các ngươi." Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm; những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahākassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

– Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than! Này các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vầy: "Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch." Thật không có sự trạng ấy.

233. Lúc bấy giờ, bốn vị tộc trưởng Mallā gội đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.

Các vị Mallā ở Kusinārā bạch Tôn giả Anuruddha:

– Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì bốn vị tộc trưởng Mallā này gội đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy?

– Này các Vāseṭṭha, ý định của chư thiên khác.

– Bạch Tôn giả, ý định của chư thiên như thế nào?

– Này các Vāseṭṭha, ý định của chư thiên như sau: "Tôn giả Mahākassapa nay đang đi giữa đường giữa Pāvā và Kusinārā cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi Tôn giả Mahākassapa cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn."

– Bạch Tôn giả, ý định chư thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

234. Rồi Tôn giả Mahākassapa đến tại đền Makuṭa Bandhana của những vị Mallā, tại giàn hỏa Thế Tôn; khi đến xong, liền choàng áo một bên vai, chắp tay, đi nhiễu qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cởi mở chân ra và cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo một bên vai, chắp tay, đi nhiễu qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn.

Và khi Tôn giả Mahākassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đảnh lễ xong, thời giàn hỏa Thế Tôn tự bắt lửa cháy.

235. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương thảy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương Xá-lợi còn lại.

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than; cũng vậy, khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương Xá-lợi còn lại. Và năm trăm lớp vải gai bện, cả hai: Lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và một dòng nước từ kho nước [hay từ cây Sa-la] phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallā ở Kusinārā dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallā xứ Kusinārā đặt Xá-lợi của Thế Tôn trong giảng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và trong bảy ngày, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

236. Vua nước Magadha tên là Ajātasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-đế-lỵ, ta cũng là người Sát-đế-lỵ. Ta cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn."

Những người Licchavi ở Vesāli nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-đế-lỵ, chúng tôi cũng là người Sát-đế-lỵ. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn."

Các người Sākya ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người bà con tối tôn của chúng tôi. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn."

Những người Bulī ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn."

Những người Koliya ở Rāmagāma nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn."

Bà-la-môn Veṭhadīpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn."

Các người Mallā ở Pāvā nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gửi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn."

Khi được nghe nói vậy, các người Mallā ở Kusinārā liền tuyên bố giữa đại chúng:

– Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi, chúng tôi sẽ không cho phần Xá-lợi nào của Thế Tôn.

237. Khi nghe vậy, Bà-la-môn Doṇa nói với họ:

– Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn,
Thật không tốt nếu có tranh giành,
Khi chia Xá-lợi bậc Thượng Nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia Xá-lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp Nhãn...

238. – Này Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia Xá-lợi ra tám phần đồng đều.

– Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Doṇa vâng lời hội chúng ấy, phân chia Xá-lợi của Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

– Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đong chia Xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Doṇa cái bình.

Và người Moriya ở Pipphalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā:

– Thế Tôn là người Sát-đế-lỵ, chúng tôi cũng là người Sát-đế-lỵ. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn.

– Nay không còn phần Xá-lợi nào của Thế Tôn. Xá-lợi của Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại.

Rồi các vị này lấy các than tro còn lại.

239. Và vua nước Magadha tên là Ajātasattu, con bà Videhi, xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesāli cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Vesāli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sākya ở Kapilavatthu cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Bulī ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Koliya ở Rāmagāma cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Rāmagāma và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Veṭhadīpaka cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Vethadīpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallā ở Pāvā cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Pāvā và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallā ở Kusinārā cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Kusinārā và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Doṇa cũng xây dựng tháp trên bình [dùng để đong chia Xá-lợi] và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriya ở Pipphalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy, có tám tháp Xá-lợi, tháp thứ chín trên bình [dùng để đong chia Xá-lợi] và tháp thứ mười trên tro [Xá-lợi].

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

240. Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng,
Xá-lợi phân tám phần,
Bảy phần được cúng dường,

Tại Jambudīpa.
Một phần Long vương cúng,
Tại Rāmagāma.
Một răng Phật được cúng,
Cho chư thiên ba cõi,
Một tại Gandhāra,
Một tại Kāliṅga.
Một răng cho Long vương,
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang Xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường,
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đấng Pháp Nhãn,
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng,
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi thiên, long, nhơn chủ,
Bởi bậc Tối Thượng Nhơn.
Các ngươi hãy chắp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng!
Tôn nhan bậc Như Lai,
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.

17. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG
(*Mahāsudassana Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

241. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ngụ tại Upavattana (Hồ-bạt-đan) ở Kusinārā (Câu-thi-la), trong rừng Sa-la của dòng họ Mallā, giữa hai cây Sa-la (Sa-la song thọ), khi Ngài sắp nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, Tôn giả Ānanda đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này! Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà), Rājagaha (Vương Xá), Sāvatthi (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ), Kosambī (Kiều-thưởng-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại), Thế Tôn hãy diệt độ tại những chỗ ấy. Tại những chỗ ấy có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ kính lễ thân Xá-lợi của Như Lai.

242. – Này Ānanda, chớ có nói như vậy! Này Ānanda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc! Này Ānanda, thuở xưa có vị vua tên là Mahāsudassana (Đại Thiện Kiến). Vị này là Chuyển Luân Vương trị vì như pháp, là vị Pháp vương, thống lãnh thiên hạ bốn phương, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Này Ānanda, đô thị Kusinārā này là kinh đô của Vua Đại Thiện Kiến tên là Kusāvatī (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do-tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến mười bảy do-tuần. Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Này Ānanda, cũng như kinh đô Āḷakamandā của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú; cũng vậy, này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này ngày đêm vang dậy mười loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng

---

[1] Xem *D*. II. 72; *S*. I. 11, 340; II. 190; III. 143; *Thag*. 1146; *J*. I. 392. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07). Tham chiếu: *Đại Thiện Kiến Vương kinh* 大善見王經 (*T*.01. 0026.68. 0515b03); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘柰耶雜事 (*T*.24. 1451.37. 0393a01); *Phật Bát-nê-hoàn kinh* 佛般泥洹經 (*T*.01. 0005. 0160b05); *Bát-nê-hoàn kinh* 般泥洹經 (*T*.01. 0006. 0176a02); *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (*T*.01. 0007. 0191b02).

trống nhỏ, tiếng tỳ-bà, tiếng hát, tiếng tù và, tiếng xập xỏa, và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy lấy thức ăn đi, hãy uống đi, hãy ăn đi!"

Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī có bảy bức thành bao bọc, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh, một loại bằng san hô, một loại bằng xà cừ, một loại bằng mọi thứ báu.

Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī có bốn loại cửa, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tại mỗi cửa, có dựng bảy cột trụ, bề cao khoảng ba hay bốn lần thân người. Một cột trụ bằng vàng, một cột trụ bằng bạc, một cột trụ bằng lưu ly, một cột trụ bằng thủy tinh, một cột trụ bằng san hô, một cột trụ bằng xà cừ, một cột trụ bằng mọi thứ báu.

Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī có bảy hàng cây Sa-la bao bọc, một hàng bằng vàng, một hàng bằng bạc, một hàng bằng lưu ly, một hàng bằng thủy tinh, một hàng bằng san hô, một hàng bằng xà cừ, một hàng bằng mọi thứ báu. Cây Sa-la bằng vàng, có thân cây bằng vàng, có lá và trái cây bằng bạc. Cây Sa-la bằng bạc, có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây bằng vàng. Cây Sa-la bằng lưu ly, có thân cây bằng lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh. Cây Sa-la bằng thủy tinh, có thân cây bằng thủy tinh, có lá và trái cây bằng lưu ly. Cây Sa-la bằng san hô, có thân cây bằng san hô, có lá và trái cây bằng xà cừ. Cây Sa-la bằng xà cừ, có thân cây bằng xà cừ, có lá và trái cây bằng san hô. Cây Sa-la bằng mọi loại báu, có thân cây bằng mọi loại báu, có lá và trái cây bằng mọi loại báu. Này Ānanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí, khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly; cũng vậy, này Ānanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Này Ānanda, lúc bấy giờ, nếu ở tại kinh đô Kusāvatī có những kẻ cờ bạc, rượu chè, họ sẽ nhảy múa theo những âm điệu của những hàng cây Sa-la này khi được gió thổi.

243. Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến có đủ bảy món báu và bốn như ý đức. Thế nào là bảy?

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến, vào ngày Bố-tát trăng rằm, sau khi tắm rửa, lên cao điện để trai giới, thời thiên luân báu hiện ra đủ một ngàn căm xe, với vành xe, trục xe, đủ mọi bộ phận. Thấy vậy, Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Ta nghe như vầy: 'Khi một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, vào ngày Bố-tát trăng rằm, sau khi tắm rửa, lên cao điện trai giới, nếu có thiên luân báu hiện ra, đủ một ngàn căm xe với vành xe và trục xe, đầy đủ mọi bộ phận, thời vị vua ấy là Chuyển Luân Vương. Như vậy ta có thể là Chuyển Luân Vương.'"

244. Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y trên một vai, tay trái cầm bình nước bằng vàng, tay phải rưới nước trên bánh bánh xe báu và nói: "Này bánh xe báu, hãy lăn khắp; này bánh xe báu, hãy chinh phục!" Và này Ānanda, bánh xe báu lăn về hướng Đông và Vua Đại Thiện Kiến cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Và này Ānanda, chỗ

nào bánh xe báu dừng lại, chỗ ấy Vua Đại Thiện Kiến an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này Ānanda, các địch vương ở phương Đông đến yết kiến Vua Đại Thiện Kiến và nói: "Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tất cả đều thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!"

Vua Đại Thiện Kiến nói rằng: "Không được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy ăn uống cho thích nghi!"

Này Ānanda, tất cả địch vương ở phương Đông đều trở thành chư hầu của Vua Đại Thiện Kiến.

Này Ānanda, rồi bánh xe báu lăn xuống biển lớn ở phương Đông rồi nổi lên và lăn về phương Nam... lặn xuống biển lớn ở phương Nam rồi nổi lên và lăn về phương Tây... lặn xuống biển lớn ở phương Tây rồi nổi lên và lăn về phương Bắc, và Vua Đại Thiện Kiến cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Này Ānanda, chỗ nào bánh xe báu dừng lại, chỗ ấy Vua Đại Thiện Kiến an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này Ānanda, các địch vương ở phương Bắc đến yết kiến Vua Đại Thiện Kiến và nói: "Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tất cả thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!"

Vua Đại Thiện Kiến nói rằng: "Không được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy ăn uống cho thích nghi!"

Này Ānanda, tất cả địch vương ở phương Bắc đều trở thành chư hầu của Vua Đại Thiện Kiến.

245. Này Ānanda, bánh xe báu ấy, sau khi chinh phục trái đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô Kusāvatī và đứng trước pháp đình trên cửa nội cung, như một trang bảo cho nội cung của Vua Đại Thiện Kiến."

Này Ānanda, như vậy là sự xuất hiện bánh xe báu của Vua Đại Thiện Kiến.

246. Lại nữa, này Ānanda, voi báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, thuần trắng, bảy xứ kiên cường, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Uposatha (Bố-tát). Thấy voi báu, Vua Đại Thiện Kiến sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Lành thay được cưỡi con voi này nếu nó chịu sự điều ngự!" Và này Ānanda, như một con hiền tượng quý phái chịu sự điều ngự lâu ngày, con voi báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Này Ānanda, thuở xưa, Vua Đại Thiện Kiến để thử voi báu này, sáng sớm cưỡi voi đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusāvatī kịp giờ ăn sáng. Này Ānanda, như vậy là sự xuất hiện voi báu của Vua Đại Thiện Kiến.

247. Lại nữa, này Ānanda, ngựa báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, thuần trắng, đầu đen như quạ, bờm ngựa như bông cỏ muñja, có thần lực, phi

hành trên hư không và được gọi là mã vương Valāhaka. Thấy ngựa báu, Vua Đại Thiện Kiến sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Tốt đẹp thay được cưỡi con ngựa này nếu nó chịu sự điều ngự!" Và này Ānanda, như một con hiền mã quý phái chịu sự điều ngự lâu ngày, con ngựa báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Này Ānanda, thuở xưa, Vua Đại Thiện Kiến để thử ngựa báu này, sáng sớm cưỡi ngựa đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusāvatī kịp giờ ăn sáng. Này Ānanda, như vậy là sự xuất hiện ngựa báu của Vua Đại Thiện Kiến.

248. Lại nữa, này Ānanda, châu báu lại xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến. Châu báu ấy là lưu ly châu, sáng suốt, thuần chất, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, trong suốt, không tỳ vết, hoàn hảo mọi phương diện. Này Ānanda, hào quang châu báu này chiếu sáng cùng khắp một do-tuần. Này Ānanda, thuở xưa, Vua Đại Thiện Kiến, để thử châu báu này, đã cho dàn bày bốn binh chủng, đặt bảo châu cao trên quân kỳ và có thể tiến quân trong đêm tối âm u. Này Ānanda, mọi người trong làng ở xung quanh đều bắt đầu làm việc, tưởng rằng trời đã sáng rồi. Này Ānanda, như vậy là sự xuất hiện châu báu của Vua Đại Thiện Kiến.

249. Này Ānanda, nữ báu lại xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, mỹ miều, khả ái, cử chỉ đoan trang, màu da tuyệt mỹ, không quá cao, không quá thấp, không béo, không gầy, không quá đen, không quá trắng, vượt trên dung sắc loài người, sánh đến dung sắc chư thiên. Này Ānanda, thân xúc nữ báu này êm mịn như bông, như nhung. Này Ānanda, khi trời lạnh, chân tay nữ báu này trở thành ấm áp; khi trời nóng, trở thành lạnh mát. Này Ānanda, thân nữ báu tỏa mùi thơm Chiên-đàn, miệng tỏa mùi thơm hoa sen. Này Ānanda, nữ báu này dậy trước và đi ngủ sau Vua Đại Thiện Kiến, mọi hành động làm vua thỏa thích, yên lành khả ái. Này Ānanda, nữ báu này không có một tư tưởng nào bất tín đối với Vua Đại Thiện Kiến, huống nữa là về thân thể. Này Ānanda, như vậy là sự xuất hiện nữ báu của Vua Đại Thiện Kiến.

250. Lại nữa, này Ānanda, gia chủ báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, chứng được Thiên nhãn, do nghiệp dị thục sanh, và nhờ Thiên nhãn này, có thể thấy châu báu chôn cất có chủ hay không có chủ. Gia chủ báu này đến Vua Đại Thiện Kiến và nói: "Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ xử lý thích nghi tài sản Đại vương."

Này Ānanda, thuở xưa, Vua Đại Thiện Kiến muốn thử gia chủ báu này, liền cưỡi thuyền, chèo ra giữa sông Hằng và bảo gia chủ báu:

"Này gia chủ, ta cần vàng."

"Tâu Đại vương, Đại vương hãy cho chèo thuyền gần bờ nào cũng được."

"Này gia chủ, ta cần vàng ngay tại đây."

Này Ānanda, khi ấy gia chủ báu thọc hai tay xuống nước, nhấc lên một ghè đầy cả vàng ròng rồi tâu với Vua Đại Thiện Kiến:

"Tâu Đại vương, như vậy đã đủ chưa? Tâu Đại vương, làm như vậy đã được chưa? Tâu Đại vương, cúng dường như vậy đã được chưa?"

Vua Đại Thiện Kiến trả lời:

"Này gia chủ, như vậy là đủ. Này gia chủ, làm như vậy là được rồi. Này gia chủ, cúng dường như vậy là được rồi."

Này Ānanda, như vậy là sự xuất hiện gia chủ báu của Vua Đại Thiện Kiến.

251. Lại nữa, này Ānanda, tướng quân báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, có học thức, thông minh, sáng suốt, có khả năng khuyến cáo Vua Đại Thiện Kiến khi đáng tiến thì tiến, khi đáng lui thì lui, khi đáng dừng thì dừng lại.

Vị này đến tâu Vua Đại Thiện Kiến:

"Tâu Đại vương, Đại vương chớ có âu lo, thần sẽ cố vấn Đại vương."

Này Ānanda, như vậy là sự xuất hiện tướng quân báu của Vua Đại Thiện Kiến.

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ bảy báu như vậy.

252. Lại nữa, này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ Bốn như ý đức. Thế nào là bốn? Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến đẹp trai, khả ái, cử chỉ thanh lịch, sắc diện tuyệt luân, vượt trội hơn mọi người. Này Ānanda, đó là như ý đức thứ nhất của Vua Đại Thiện Kiến.

Này Ānanda, lại nữa, Vua Đại Thiện Kiến sống lâu, tuổi thọ thắng xa các người khác. Này Ānanda, đó là như ý đức thứ hai của Vua Đại Thiện Kiến.

Lại nữa, này Ānanda, vua Đại Thiện Kiến ít bệnh tật, ít đau, thể nhiệt không quá lạnh, không quá nóng, được quân phân để điều hòa sự tiêu hóa, thắng xa các người khác. Này Ānanda, đó là như ý đức thứ ba của vua Đại Thiện Kiến.

Lại nữa, này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến được các vị Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này Ānanda, như người cha được các người con ái kính và yêu mến; cũng vậy, này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến được các vị Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này Ānanda, các vị Bà-la-môn và gia chủ được Vua Đại Thiện Kiến ái kính và yêu mến. Này Ānanda, như những người con được người cha ái kính và yêu mến; cũng vậy, này Ānanda, các vị Bà-la-môn và gia chủ được Vua Đại Thiện Kiến ái kính và yêu mến. Thuở xưa, này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến đi đến hoa viên cùng với bốn loại binh chủng. Này Ānanda, các vị Bà-la-môn và gia chủ đến Vua Đại Thiện Kiến và tâu rằng: "Tâu Đại vương, hãy cho đi chậm chậm để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng lâu dài hơn." Này Ānanda, nhưng Vua Đại Thiện Kiến lại ra lệnh cho người đánh xe: "Này anh đánh xe, hãy đánh xe chậm chậm để ta có thể thấy các vị Bà-la-môn và gia chủ lâu dài hơn." Này Ānanda, như vậy là như ý đức thứ tư của Vua Đại Thiện Kiến. Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ Bốn như ý đức ấy.

Này Ānanda, đó là Bốn như ý đức của Vua Đại Thiện Kiến.

253. Và này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Nay ta hãy cho xây những hồ sen giữa các hàng cây Sa-la, cứ cách khoảng một trăm cung tầm."

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến cho xây các hồ sen giữa các hàng cây Sa-la, cứ cách khoảng một trăm cung tầm. Này Ānanda, những hồ sen ấy được lát bằng bốn loại gạch: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng

lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Này Ānanda, trong bốn loại hồ sen ấy có bốn loại tam cấp: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tam cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tam cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tam cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. Tam cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly. Này Ānanda, những hồ sen ấy được hai hàng lan can bao bọc: Một hàng bằng vàng, một hàng bằng bạc. Hàng lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Hàng lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng.

Và này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trong những hồ sen này, ta sẽ cho đem trồng các loại sen xanh, sen hồng, sen vàng, sen trắng khắp bốn mùa để những ai muốn làm tràng hoa có thể lấy dùng." Và này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến cho đem trồng các loại sen xanh, sen hồng, sen vàng, sen trắng khắp bốn mùa để làm những tràng hoa bằng các thứ bông ấy.

254. Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trên bờ những hồ sen này, ta sẽ cho đặt những người hầu tắm để tắm cho những người qua kẻ lại." Và này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến cho đặt những người hầu tắm trên bờ những hồ sen này để tắm cho những người qua kẻ lại.

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trên bờ những hồ sen này, ta sẽ cho đặt những vật bố thí: Đồ ăn cho những ai đói, đồ uống cho những ai khát, áo quần cho những ai cần áo quần, xe cộ cho những ai cần xe, đồ nằm cho những ai cần nằm, vợ cho những ai cần vợ, bạc cho những ai cần bạc và vàng cho những ai cần vàng." Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến, trên bờ những hồ sen ấy, cho đặt những vật bố thí: Đồ ăn cho những ai đói, đồ uống cho những ai khát, áo quần cho những ai cần áo quần, xe cộ cho những ai cần xe, đồ nằm cho những ai cần nằm, vợ cho những ai cần vợ, bạc cho những ai cần bạc và vàng cho những ai cần vàng.

255. Này Ānanda, các gia chủ Bà-la-môn đem theo nhiều tiền bạc đến Vua Đại Thiện Kiến và tâu vua:

"Tâu Đại vương, chúng tôi có đem nhiều tiền của để Đại vương dùng. Mong Đại vương hãy thâu nhận lấy."

"Đủ rồi, này các khanh! Ta có nhiều tiền bạc do đánh thuế đúng pháp đem lại. Hãy giữ tiền bạc của khanh lại và đem theo nhiều nữa cho các khanh."

Các vị này khi bị vua từ chối, liền đứng qua một bên và suy nghĩ: "Nếu nay chúng ta đem tiền của này về nhà chúng ta thời thật không phải. Chúng ta hãy xây dựng nhà cửa cho Vua Đại Thiện Kiến."

Các vị ấy liền đến Vua Đại Thiện Kiến và tâu:

"Đại vương, chúng tôi định xây dựng nhà cửa cho Đại vương."

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời.

256. Này Ānanda, Thiên chủ Sakka, bằng tư tưởng của mình, biết được tư tưởng của Vua Đại Thiện Kiến, liền gọi thiên tử Vissakamma (Tỳ-thủ-yết-ma) và nói:

"Này Vissakamma, hãy đến đây và xây dựng một lâu đài cho Vua Đại Thiện Kiến, đặt tên là Dhamma (Pháp)."

"Xin vâng, Tôn giả."

Này Ānanda, thiên tử Vissakamma vâng lời Thiên chủ Sakka, như người lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co, hay co lại cánh tay duỗi ra, thiên tử Vissakamma biến mất từ chư thiên ở Tāvatiṃsa và hiện ra trước mặt Vua Đại Thiện Kiến. Rồi này Ānanda, thiên tử Vissakamma tâu với Vua Đại Thiện Kiến:

– Đại vương, tôi sẽ xây dựng một lâu đài tên là Dhamma cho Đại vương.

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời. Và này Ānanda, thiên tử Vissakamma xây dựng lâu đài tên là Dhamma cho Vua Đại Thiện Kiến.

Này Ānanda, lâu đài Dhamma này, về hướng Đông và hướng Tây bề dài đến một do-tuần, về hướng Bắc và hướng Nam bề rộng đến nửa do-tuần.

Này Ānanda, nền nhà của lâu đài Dhamma cao cho đến ba thân người và làm bằng bốn loại gạch: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh.

Này Ānanda, lâu đài Dhamma có đến tám vạn bốn ngàn cột trụ bằng bốn loại: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh.

Này Ānanda, lâu đài Dhamma có đến bốn loại sàng tọa: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh.

Này Ānanda, lâu đài Dhamma có hai mươi bốn tam cấp bằng bốn loại: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tam cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tam cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tam cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. Tam cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly.

Này Ānanda, lâu đài Dhamma có tám vạn bốn ngàn phòng ốc có tháp nhọn bằng bốn loại: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Trong phòng ốc bằng vàng có chỗ nằm bằng bạc được phủ ra. Trong phòng ốc bằng bạc có chỗ nằm bằng vàng được phủ ra. Trong phòng ốc bằng lưu ly có chỗ nằm bằng ngà được phủ ra. Trong phòng ốc bằng thủy tinh có chỗ nằm bằng gỗ hương được phủ ra. Tại cửa phòng ốc bằng vàng, có dựng lên một cây Sa-la bằng bạc, với thân cây bằng bạc, với lá và trái cây bằng vàng. Tại cửa phòng ốc bằng bạc, có dựng lên một cây Sa-la bằng vàng, với thân cây bằng vàng, với lá và trái cây bằng bạc. Tại cửa phòng ốc bằng lưu ly, có dựng lên một cây Sa-la bằng thủy tinh, với thân cây bằng thủy tinh, với lá và

trái cây bằng lưu ly. Tại cửa phòng ốc bằng thủy tinh, có dựng lên một cây Sa-la bằng lưu ly, với thân cây bằng lưu ly, với lá và trái cây bằng thủy tinh.

257. Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trước cửa phòng lầu Đại Trang Nghiêm, ta hãy cho dựng lên một rừng cây Sa-la toàn bằng vàng, và tại đây ta sẽ an tọa ban ngày."

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến trước cửa phòng lầu Đại Trang Nghiêm, cho dựng lên một rừng cây Sa-la toàn bằng vàng và tại đây, vua an tọa ban ngày.

258. Này Ānanda, lâu đài Dhamma được hai dãy lan can bao bọc, một dãy bằng vàng, một dãy bằng bạc. Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng.

Này Ānanda, lâu đài Dhamma có hai màn lưới chuông linh, một màn bằng vàng, một màn bằng bạc. Màn lưới bằng vàng có chuông linh bằng bạc, màn lưới bằng bạc có chuông linh bằng vàng. Này Ānanda, khi những màn lưới chuông linh này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly; cũng vậy, này Ānanda, khi những màn lưới chuông linh này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Này Ānanda, lúc bấy giờ, nếu tại kinh đô Kusāvatī có những kẻ cờ bạc, rượu chè, chúng sẽ nhảy múa theo âm điệu của những màn lưới chuông linh này khi được gió thổi.

Này Ānanda, lâu đài Dhamma khi xây xong thật khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa [vì quá nguy nga tráng lệ]. Này Ānanda, như trong tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, khi bầu trời quang đãng, không bị mây che lấp, mặt trời mọc lên giữa hư không, khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa. Cũng vậy, này Ānanda, thật khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa khi lâu đài Dhamma xây xong.

259. Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trước mặt lâu đài Dhamma, ta hãy cho xây hồ sen tên gọi là Dhamma."

Và này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến cho xây một hồ sen tên là Dhamma trước mặt lâu đài Dhamma.

Này Ānanda, hồ sen Dhamma, về hướng Đông và hướng Tây bề dài đến một do-tuần, và về hướng Bắc và hướng Nam bề rộng đến nửa do-tuần.

Này Ānanda, hồ sen Dhamma có bốn loại gạch: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh.

Này Ānanda, hồ sen Dhamma có hai mươi bốn tam cấp bằng bốn loại, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tam cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tam cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tam cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh.

Tam cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly.

Này Ānanda, hồ sen Dhamma có hai loại lan can bao bọc, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc. Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng.

Này Ānanda, hồ sen Dhamma có bảy hàng cây Sa-la bao bọc, một hàng cây bằng vàng, một hàng cây bằng bạc, một hàng cây bằng lưu ly, một hàng cây bằng thủy tinh, một hàng cây bằng san hô, một hàng cây bằng xà cừ, một hàng cây bằng mọi thứ báu. Cây Sa-la bằng vàng có thân cây bằng vàng, có lá và trái cây bằng bạc. Cây Sa-la bằng bạc có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây bằng vàng. Cây Sa-la bằng lưu ly có thân cây bằng lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh. Cây Sa-la bằng thủy tinh có thân cây bằng thủy tinh, có lá và trái cây bằng lưu ly. Cây Sa-la bằng san hô có thân cây bằng san hô, có lá và trái cây bằng xà cừ. Cây Sa-la bằng xà cừ có thân cây bằng xà cừ, có lá và trái cây bằng san hô. Cây Sa-la bằng mọi thứ báu có thân cây bằng mọi thứ báu, có lá và trái cây bằng mọi thứ báu. Này Ānanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly; cũng vậy, này Ānanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Này Ānanda, lúc bấy giờ, nếu ở kinh đô Kusāvatī có những kẻ cờ bạc, rượu chè, chúng sẽ nhảy múa theo âm điệu của những hàng cây này khi được gió thổi.

Này Ānanda, khi lâu đài Dhamma và hồ sen Dhamma được xây xong, lúc bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến cúng dường cho các vị Sa-môn được tôn kính và các vị Bà-la-môn được tôn kính mọi nhu cầu cần thiết. Rồi vua lên lâu đài Dhamma.

Tụng phẩm II

260. Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Quả này của ta do nghiệp gì, báo này của ta là do nghiệp gì mà hiện tại ta có thần lực như vậy, có oai lực như vậy?"

Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Quả này là do ba loại nghiệp, báo này là do ba loại nghiệp mà hiện tại ta có thần lực như vậy. Đó là bố thí, tự điều, tự chế."

Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến đi đến cao đường Đại Trang Nghiêm, đứng trước cửa và nói lớn tiếng cao hứng ngữ sau đây:

Hãy dừng lại, tư tưởng dục vọng!
Hãy dừng lại, tư tưởng sân hận!
Hãy dừng lại, tư tưởng não hại!
Đến đây thôi, tư tưởng dục vọng!

Đến đây thôi, tư tưởng sân hận!
Đến đây thôi, tư tưởng não hại!

261. Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến bước vào cao đường Đại Trang Nghiêm, ngồi trên sàng tọa bằng vàng, ly dục, ly ác pháp, chứng và an trú trong Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ; rồi diệt tầm và tứ, chứng và an trú trong Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; rồi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú vào Thiền thứ ba; rồi xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú vào Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

262. Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm, bước vào cao đường bằng vàng, ngồi trên sàng tọa bằng bạc, an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

263. Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn kinh thành, và kinh thành Kusāvatī (Câu-xá-bà-đề) là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn lâu đài, và lâu đài Dhamma là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn cao đường, và cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn sàng tọa bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che bởi những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ.

Tám vạn bốn ngàn con voi với những trang sức bằng vàng, được che chở bằng lưới vàng, và tượng vương Uposatha là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn con ngựa, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới vàng, và mã vương Valāhaka (Vân mã vương) là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn cỗ xe với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, bằng vải vàng, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng và cỗ xe tên Vejayanta (Nhạc thanh xa hay Chiến thắng kỳ) là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn châu ngọc, và bảo châu là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn phụ nữ, và Hoàng hậu Subhaddā (Thiện Hiền) là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn gia chủ, và gia chủ báu là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn người dòng Sát-đế-ly, và tướng quân báu là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay (*dukūla*), với sừng đầu nhọn bịt đồng.

Tám vạn bốn ngàn vải koti với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung.

Tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa (*thālipāka*), buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm.

264. Lúc bấy giờ, này Ānanda, có tám vạn bốn ngàn con voi sáng chiều đến phục vụ cho Vua Đại Thiện Kiến. Rồi Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Nay tám vạn bốn ngàn con voi này sáng chiều đến phục vụ cho ta. Nay ta hãy để cho chúng đến, cứ cách một trăm năm, thời bốn vạn hai ngàn con đến."

Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến bảo tướng quân báu:

"Này Hiền giả, nay tám vạn bốn ngàn con voi này sáng chiều đến phục vụ ta. Nay hãy để cho chúng đến, cứ cách một trăm năm, mỗi lần cho bốn vạn hai ngàn con đến."

"Tâu Đại vương, vâng."

Này Ānanda, vị tướng quân báu vâng lời Vua Đại Thiện Kiến. Này Ānanda, từ đó về sau, cứ mỗi một trăm năm, bốn vạn hai ngàn con voi lần lượt đến với Vua Đại Thiện Kiến.

265. Này Ānanda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm ngàn năm, Hoàng hậu Subhaddā suy nghĩ: "Cách đây đã lâu, ta được thấy Vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay ta hãy đi để thăm Vua Đại Thiện Kiến."

Này Ānanda, rồi Hoàng hậu Subhaddā nói với các cung nữ:

"Các ngươi hãy gội đầu, mặc áo vàng. Cách đây đã lâu, chúng ta được thấy Vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay chúng ta sẽ đi yết kiến Vua Đại Thiện Kiến."

"Tâu Hoàng hậu, vâng."

Này Ānanda, các cung nữ vâng lời Hoàng hậu Subhaddā (Thiện Hiền), gội đầu, mặc áo vàng và đi đến Hoàng hậu Subhaddā.

Này Ānanda, rồi Hoàng hậu Subhaddā cho gọi tướng quân báu:

"Này khanh, hãy cho sắp đặt bốn loại binh chủng. Cách đây đã lâu, chúng ta được thấy Vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay chúng ta sẽ đi yết kiến Vua Đại Thiện Kiến."

"Tâu Hoàng hậu, vâng."

Này Ānanda, tướng quân báu vâng lời Hoàng hậu Subhaddā, cho sắp đặt bốn loại binh chủng và tâu Hoàng hậu:

"Tâu Hoàng hậu, bốn loại binh chủng đã sắp đặt xong. Hãy làm gì Hoàng hậu nghĩ là phải thời."

Này Ānanda, Hoàng hậu Subhaddā cùng với bốn loại binh chủng và các

cung nữ đi đến lâu đài Dhamma, leo lên lâu đài ấy, đến tại cao đường Đại Trang Nghiêm và đứng dựa vào cánh cửa của cao đường này.

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Nay tiếng gì ồn ào như vậy, như cả một quần chúng đông đảo?" Vua bèn bước ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và thấy Hoàng hậu Subhaddā đang đứng dựa vào cửa. Thấy vậy, Vua liền nói với Hoàng hậu Subhaddā:

"Hoàng hậu hãy đứng ở đây, chớ có vào!"

Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến liền bảo một người hầu cận:

"Ngươi hãy nhấc giường bằng vàng ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và đặt trong khu rừng cây Sa-la bằng vàng."

"Tâu Đại vương, vâng."

Này Ānanda, người ấy vâng lời dạy của Vua Đại Thiện Kiến, nhấc sàng tọa bằng vàng ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và đặt trong khu rừng cây Sa-la bằng vàng.

Này Ānanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến nằm xuống, trong dáng điệu con sư tử, về phía bên hữu, một chân đặt dài trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác.

266. Này Ānanda, Hoàng hậu Subhaddā suy nghĩ: "Các căn của Vua Đại Thiện Kiến thật là sáng suốt, màu da thật là thanh tịnh, trong sáng. Mong rằng Vua Đại Thiện Kiến chớ có mệnh chung!"

Rồi Hoàng hậu tâu với Vua Đại Thiện Kiến:

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này, với kinh thành Kusāvatī là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này, với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này, với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảmthảm lông dài, với vải có thêu bông hoa và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che với những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và tượng vương Uposatha là đệ nhất, những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con ngựa này, với những trang sức bằng

vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và mã vương Valāhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, bằng vải vàng với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất, những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn châu ngọc này, với bảo châu là đệ nhất, đều thuộc Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này, với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này, với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người dòng Sát-đế-ly này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn vải koti, với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống!"

267. Này Ānanda, Vua Đại Thiện Kiến nghe Hoàng hậu Subhaddā nói vậy, liền trả lời:

"Đã từ lâu, Hoàng hậu nói với ta với những lời dễ chịu, hòa ái và dịu dàng, thế mà nay, trong lần cuối cùng này, Hoàng hậu lại nói với ta bằng những lời không dễ chịu, không hòa ái, không dịu dàng."

"Tâu Đại vương, thiếp phải nói với Đại vương thế nào?"

"Này Hoàng hậu, Hoàng hậu phải nói với ta như thế này:

'Tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi, không có thực thể, chịu sự biến hóa. Đại vương chớ có mệnh chung với tâm quyến luyến chúng. Đau khổ thay sự mệnh chung với tâm còn ái luyến! Đáng trách thay sự mệnh chung còn ái luyến!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này, với kinh thành Kusāvatī là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này, với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này, với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở bởi những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ tâm ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng và tượng vương Uposatha là đệ nhất, những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con ngựa này, với những trang sức bằng vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và mã vương Valāhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, với những đồ trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất, những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn châu ngọc này, với bảo châu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này, với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này, với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người thuộc dòng họ Sát-đế-ly này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn vải koti, với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!'"

268. Này Ānanda, khi nghe nói vậy, Hoàng hậu Subhaddā buồn khóc, rơi nước mắt và tâu với Vua Đại Thiện Kiến:

"Tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi, không có thực thể, chịu sự biến hóa. Đại vương chớ có mệnh chung với tâm quyến luyến chúng. Đau khổ thay sự mệnh chung với tâm còn ái luyến! Đáng trách thay sự mệnh chung còn ái luyến!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này, với kinh thành Kusāvatī là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này, với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này, với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở bởi những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ tâm ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng và tượng vương Uposatha là đệ nhất, những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con ngựa này, với những trang sức bằng vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và mã vương Valāhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, với những đồ trang sức bằng vàng, cờ vàng,

được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất, những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn châu ngọc này, với bảo châu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này, với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này, với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người thuộc dòng họ Sát-đế-lỵ này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn vải koti, với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!"

269. Này Ānanda, không bao lâu, Vua Đại Thiện Kiến mệnh chung. Này Ānanda, giống như một người gia chủ hay con một người gia chủ, sau một bữa cơm thịnh soạn, trở nên buồn ngủ, cũng tương tự như vậy là cảm giác của Vua Đại Thiện Kiến khi mệnh chung. Này Ānanda, sau khi mệnh chung, Vua Đại Thiện Kiến sanh lên thiện thú, cõi Phạm thiên. Này Ānanda, trải tám vạn bốn ngàn năm, Vua Đại Thiện Kiến sống sung sướng đời sống của một Hoàng tử; trải tám vạn bốn ngàn năm làm một Phó vương; trải tám vạn bốn ngàn năm làm một vị Quốc vương; trải tám vạn bốn ngàn năm làm gia chủ, sống Phạm hạnh trong lâu đài Dhamma. Ngài tu tập bốn Phạm trú, sau khi thân hoại mạng chung, Ngài được sanh lên cõi Phạm thiên.

270. Này Ānanda, các ngươi có thể nghĩ: "Thời ấy, Vua Đại Thiện Kiến là một vị khác." Này Ānanda, chớ có quan niệm như vậy, thời ấy, chính Ta là Vua Đại Thiện Kiến.

Tám vạn bốn ngàn kinh thành, với kinh thành Kusāvatī là đệ nhất ấy, thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn lâu đài, với lâu đài Dhamma là đệ nhất ấy, thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn cao đường, với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất ấy, thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn sàng tọa ấy, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở với những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ. Những sàng tọa ấy đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và tượng vương Uposatha là đệ nhất. Những con voi ấy đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn con ngựa, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và mã vương Valāhaka là đệ nhất. Những con ngựa này đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất. Những cỗ xe này đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn châu ngọc này với bảo châu là đệ nhất đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn phụ nữ này, với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn gia chủ này, với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn người dòng họ Sát-đế-ly này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng, đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn vải koti, với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung này, đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đều thuộc của Ta.

271. Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn kinh thành ấy, chỉ có một kinh thành mà Ta ở vào thời ấy, đó là kinh thành Kusāvatī.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn lâu đài ấy, chỉ có một lâu đài mà Ta ở thời ấy, đó là lâu đài Dhamma.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn cao đường ấy, chỉ có một cao đường mà Ta ở thời ấy, đó là cao đường Đại Trang Nghiêm.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn sàng tọa ấy, chỉ có một sàng tọa mà Ta dùng thời ấy, đó là sàng tọa bằng vàng, hay bằng bạc, hay bằng ngà, hay bằng gỗ hương.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn con voi ấy, chỉ có một con voi mà Ta cưỡi thời ấy, đó là tượng vương Uposatha.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa ấy, chỉ có một con ngựa mà Ta cưỡi thời ấy, đó là con mã vương Valāhaka.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe ấy, chỉ có một cỗ xe mà Ta cưỡi thời ấy, đó là cỗ xe Vejayanta.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn phụ nữ ấy, chỉ có một phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy, đó là phụ nữ của dòng Sát-đế-lỵ hay dòng Velāmikāni.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn loại vải koti ấy, chỉ có một loại vải sắc chất tế nhị mà Ta mặc thời ấy, đó là vải gai, vải bông, vải lụa hay vải nhung.

Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa ấy, chỉ có một loại cháo sữa mà Ta dùng thời ấy, đó là cơm và đồ ăn.

272. Này Ānanda, tất cả các pháp hữu vi ấy nay đã vào quá khứ, hoại diệt và biến hóa. Này Ānanda, các pháp hữu vi, vô thường là như vậy, không kiên cố là như vậy, không đáng tin tưởng là như vậy, vì rằng, này Ānanda, tất cả các pháp hữu vi cần phải nhàm chán, cần phải thoát ly, cần phải giải thoát.

Này Ānanda, nay Ta nhớ lại như thế, tại chỗ này thân Ta đã được chôn tất cả là sáu lần; và khi Ta sống làm một vị Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước, một vị Pháp vương, trị vì thiên hạ bốn phương, vị chinh phục, che chở cho quần chúng, đầy đủ bảy món báu, đó là lần thứ bảy. Này Ānanda, Ta không thấy một địa phương nào trong thế giới loài người và chư thiên, trong thế giới Ma vương hay thế giới Phạm thiên, trong dòng Sa-môn hay Bà-la-môn mà trong địa phương ấy, Như Lai sẽ bỏ thân này lần thứ tám.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau:

Tất cả pháp hữu vi,
Thật sự là vô thường,
Khởi lên rồi diệt mất,
Thường tánh là như vậy.
Chúng được sanh khởi lên,
Rồi chúng lại hoại diệt.
Hạnh phúc thay khi chúng,
Được tịch tịnh, an lạc!

18. KINH XÀ-NI-SA
(*Janavasabha Sutta*)[1]

273. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Nādikā (bộ tộc Na-đề-ca), tại Giñjakāvasatha (nhà làm bằng gạch). Lúc bấy giờ, Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã sống, đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kāsi (Ca-thi), Kosala (Câu-tát-la), Vajjī (Bạt-kỳ), Mallā (Mạt-la), Ceti (Chi-đề), Vaṃsa (Bạt-sa), Kuru (Câu-lâu), Pañcāla (Ban-giá-la), Maccha (Bà-sá-la), Surasena (Mậu-ba-tây-na):

– Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ,[2] được hóa sanh [thiên giới], từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ tận diệt khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh giác.

274. Các vị tín đồ ở Nādikā được nghe: "Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kāsi, Kosala, Vajjī, Mallā, Ceti, Vaṃsa, Kuru, Pañcāla, Maccha, Surasena: 'Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh [thiên giới], từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh giác.'" Các vị tín đồ ở Nādikā được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc.

275. Tôn giả Ānanda được nghe: "Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kāsi, Kosala, Vajjī, Mallā, Ceti, Vaṃsa, Kuru, Pañcāla, Maccha,

---

[1] Xem *Thag*. 892. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Xà-ni-sa kinh* 闍尼沙經 (*T*.01. 0001.04. 0034b05). Tham chiếu: *Phật thuyết Nhân tiên kinh* 佛說人仙經 (*T*.01. 0009. 0213c22).

[2] Xem *DB*. I. 200-01.

Surasena: 'Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh [thiên giới], từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh giác.' Các vị tín đồ ở Nādikā được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc."

276. Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Nhưng ở tại Magadha (Ma-kiệt-đà), có nhiều tín đồ đã tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Aṅga (Ương-già) và Magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp và tin tưởng Tăng, và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và sự mệnh chung của họ. Lành thay nếu gợi được một câu trả lời về họ, nhờ vậy, nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Lại có Vua Seniya Bimbisāra (Tư-ni-du Tần-bà-sa-la) xứ Magadha sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: 'Vị vua sống như pháp, dùng Chánh pháp trị nước, đã làm cho chúng ta sung sướng, nay đã mệnh chung. Chúng ta đã sống thật hạnh phúc dưới thời vị vua sống như pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ.' Và dân chúng cũng nói: 'Cho đến khi mệnh chung, Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn.' Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay nếu gợi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy, nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Lại nữa, Thế Tôn chứng quả Bồ-đề tại Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề tại Magadha thì sao Ngài lại không nói về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn; và nếu các vị này đau buồn, thời sao Thế Tôn có thể không trả lời được?"

277. Sau khi đã yên lặng suy nghĩ một mình vì các tín đồ ở Magadha, Tôn giả Ānanda sáng hôm sau thức dậy đến tại chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nghe Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kāsi, Kosala, Vajjī, Mallā, Ceti, Vaṃsa, Kuru, Pañcāla, Maccha, Surasena: "Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh [thiên giới], từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời

này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh giác." Các vị tín đồ ở Nādikā được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc.

Bạch Thế Tôn, nhưng ở tại Magadha có nhiều tín đồ tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Aṅga và Magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần, mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của họ. Lành thay, nếu gợi được một câu trả lời về họ, và như vậy, nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Bạch Thế Tôn, lại có Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha sống như pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: "Vị vua sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, đã làm cho chúng ta sung sướng, nay đã mệnh chung. Chúng ta đã sống thật hạnh phúc dưới thời vị vua sống như Pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ." Và dân chúng cũng nói: "Cho đến khi mệnh chung, Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn." Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay, nếu gợi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy, nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Bạch Thế Tôn, lại nữa, Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha thời sao Ngài không nói về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn; và nếu các vị này đau buồn, thời sao Thế Tôn có thể không trả lời được?

Tôn giả Ānanda, vì các tín đồ ở Magadha, sau khi đã trình lên trước Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ ra đi.

278. Sau khi Tôn giả Ānanda đi ra không bao lâu, Thế Tôn liền đắp y, vào buổi sáng, tay cầm y bát, đi vào Nādikā để khất thực. Sau khi khất thực ở Nādikā xong, sau buổi ăn, đi về và rửa chân, Ngài vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ, tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ; các vị hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào." Rồi Thế Tôn thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Và Thế Tôn, vào buổi chiều, sau khi tịnh niệm, bước ra khỏi ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn dưới bóng ngôi nhà.

279. Rồi Tôn giả Ānanda đến tại chỗ Thế Tôn ở; lúc đến xong, đảnh lễ

Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn trông thật là an tịnh, sắc diện của Thế Tôn sáng chói nhờ các căn thật sự thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hôm nay an trú có được hoan hỷ không?

– Này Ānanda, sau khi ông vì các tín đồ ở Magadha đã nói trước mặt Ta như vậy và đứng dậy ra về, Ta đi khất thực ở Nādikā xong, sau bữa ăn, đi về và rửa chân, Ta vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ, tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ; các vị hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào." Rồi Ta thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này.

280. Này Ānanda, lúc bấy giờ, một vị dạ-xoa (yakkha) ẩn mình lớn tiếng nói rằng: "Bạch Thế Tôn, con tên là Janavasabha. Bạch Thiện Thệ, con là Janavasabha." Này Ānanda, ông từ trước đã từng được nghe ai tên là Janavasabha (Xà-ni-sa) chưa?

– Bạch Thế Tôn, con từ trước chưa từng được nghe ai tên là Janavasabha. Bạch Thế Tôn, khi con nghe tên Janavasabha, con có cảm giác râu tóc bị dựng ngược. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Vị dạ-xoa này không phải là hạng tầm thường, vì đã mang tên Janavasabha."

– Này Ānanda, khi những lời ấy được nói xong, vị dạ-xoa ấy hiện ra trước mặt Ta, nhan sắc thật phi thường và lần thứ hai, vị ấy nói:

– Bạch Thế Tôn, con là Bimbisāra. Bạch Thiện Thệ, con là Bimbisāra. Bạch Thế Tôn, nay là lần thứ bảy con được sanh vào dòng họ Vua Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn Thiên Vương). Con chết đi trong địa vị làm vua ở nhơn gian, nay được sanh trên thiên giới, làm bậc phi nhân.

Từ đây đến bảy lần,
Từ kia đến bảy lần,
Mười bốn lần tái sanh,
Như vậy con biết được,
Đời quá khứ của con.

281. Bạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

– Thật hy hữu thay Hiền giả dạ-xoa Janavasabha! Thật kỳ diệu thay Hiền giả dạ-xoa Janavasabha đã nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai." Do nguyên nhân gì Hiền giả dạ-xoa Janavasabha tự biết mình đã đạt được địa vị cao thượng, thù thắng như vậy?

– Bạch Thế Tôn, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài. Bạch Thiện Thệ, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài. Từ khi con nhất hướng quy y và tín

ngưỡng Thế Tôn, từ khi ấy, con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai. Bạch Thế Tôn, con được Vua Vessavaṇa nhờ con đi đến Vua Virūḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương) có chút công việc, giữa đường, con thấy Thế Tôn vào ngôi nhà bằng gạch, suy nghĩ, tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ; các hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng thế nào." Bạch Thế Tôn, không thể kỳ diệu sao được khi con đối mặt tự thân nghe từ miệng Vua Vessavaṇa nói với hội chúng của mình, các hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mệnh như thế nào. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Ta sẽ đến yết kiến Thế Tôn, ta sẽ đề cập vấn đề với Thế Tôn." Bạch Thế Tôn, đó là hai nguyên nhân khiến con đến yết kiến Thế Tôn.

282. Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân đêm trăng rằm Bố-tát (*Uposatha*) trong tháng nhập an cư mùa mưa,[3] toàn thể chư thiên ở cõi Tāvatiṃsa (Tam Thập Tam) ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường (Sudhammā), xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi: Đại vương Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương), vua ở phương Đông, ngồi xoay mặt hướng Tây, trước mặt thiên chúng; Đại vương Virūḷhaka, vua ở phương Nam, ngồi xoay mặt hướng Bắc, trước mặt thiên chúng; Đại vương Virūpakkha (Quảng Mục Thiên Vương), vua ở phương Tây, ngồi xoay mặt hướng Đông, trước mặt thiên chúng; Đại vương Vessavaṇa, vua ở phương Bắc, ngồi xoay mặt hướng Nam, trước mặt thiên chúng. Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, và tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi, như vậy là thứ tự chỗ ngồi của những vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con. Bạch Thế Tôn, chư thiên nào trước sống Phạm hạnh theo Thế Tôn và nay nếu sanh lên cõi Tam Thập Tam thiên, những vị này thắng xa chư thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị giảm sút."

Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích (Sakka Inda) thấy chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ, liền tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.
Thấy thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.

[3] *Vassūpanāyika*. Xem *A*. I. 51; *Vin*. I. 137.

Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.
Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.

Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa và nói: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị giảm sút."

Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị Đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy, bốn vị Đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

Các Đại vương chấp nhận,
Lời giảng dạy khuyến giáo,
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.

283. Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra, thắng xa oai lực của chư thiên. Bạch Thế Tôn, rồi Thiên chủ Sakka nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: "Này các thiện hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra như vậy báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra."

Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện.
Hiện tượng đấng Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.

284. Bạch Thế Tôn, rồi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi xuống trên ghế của mình và nói: "Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy." Cũng vậy, bốn vị Đại vương ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói: "Chúng ta sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy." Sau khi nghe vậy, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam đều một lòng một ý: "Chúng ta sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy."

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra (Thường Đồng Hình) xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, Ngài xuất hiện với một hóa tướng

thô xấu. Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, sắc tướng không đủ thù thắng để chư thiên ở cõi Tam Thập Tam khâm phục. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh xưng. Bạch Thế Tôn, như một hình tượng bằng vàng chói sáng hơn thân hình con người, cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh xưng. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, không một vị thiên nào trong chúng này đảnh lễ, đứng dậy hoặc mời vị Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chắp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ: "Nay nếu Phạm thiên Sanaṅkumāra muốn chỗ ngồi của vị thiên nào, thời sẽ ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên ấy." Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên nào, vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-ly vừa mới làm lễ quán đảnh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sảng khoái, vô cùng hoan hỷ, cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên nào, vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện với hình tướng thô xấu, hiện thành một đồng tử tên là Pañcasikha (Ngũ Kế) trước mặt chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Bay bổng lên trời, vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kiết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng hay trên một mặt đất thăng bằng, cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già giữa hư không, thấy được sự an tịnh của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, liền nói lên sự hoan hỷ của mình bằng bài kệ sau đây:

Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.
Thấy thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.
Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.
Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.

285. Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanaṅkumāra. Bạch Thế Tôn, tiếng nói của Phạm thiên Sanaṅkumāra có tám đặc điểm sau đây: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn, một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy gọi là Phạm âm.

Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra, tự hiện hóa ba mươi ba hóa thân, mỗi thân ngồi kiết-già trên mỗi chỗ ngồi của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam và nói với chư thiên này như sau:

"Này chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào, Thế Tôn phục vụ cho hạnh phúc chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Chư thiện hữu, những ai quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và giữ trọn giới luật, những vị này khi thân hoại mệnh chung, một số được sanh lên thiên chúng Paranimmita Vāsavattī (Tha Hóa Tự Tại), một số được sanh lên thiên chúng Nimmānaratī (Hóa Lạc), một số được sanh lên thiên chúng Tusitā (Đâu-suất), một số được sanh lên thiên chúng Yāmā (Dạ-ma), một số được sanh lên thiên chúng Tāvatiṃsa (Tam Thập Tam), một số được sanh lên thiên chúng Cātummahārājikā (Tứ Thiên Vương), những ai phải thêm vào cho đủ số hạ phẩm nhất, được sanh vào chúng Gandhabba (Càn-thát-bà)."

286. Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra. Bạch Thế Tôn, giọng nói của Phạm thiên Sanaṅkumāra về vấn đề này được nói một cách khiến mỗi vị thiên nghĩ rằng: "Vị ngồi trên chỗ ngồi của ta, chỉ vị ấy nói mà thôi."

Chỉ một Phạm thiên nói,
Mọi hóa thân đều nói,
Chỉ một vị im lặng,
Tất cả đều im lặng.
Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích nghĩ rằng:
"Chỉ vị ngồi chỗ ta,
Chỉ vị ấy riêng nói."

Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra thâu nhiếp tất cả thân thành một thân, sau khi thâu nhiếp, liền ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka và nói với thiên chúng ở Tam Thập Tam thiên:

287. "Chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về bốn pháp thần túc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thục, để thần thông được thi thiết? Thế nào là bốn? Ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc câu hữu dục định tinh cần hành; tu tập thần túc câu hữu tinh tấn định

tinh cần hành; tu tập thần túc câu hữu tâm định tinh cần hành; tu tập thần túc câu hữu với thẩm sát định tinh cần hành. Bốn pháp thần túc này đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thục, để thần thông được thi thiết. Này các thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã thưởng thức Thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ thưởng thức Thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều sẽ tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại thưởng thức Thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị có thấy ở nơi tôi thần lực như vậy không?"

"Có như vậy, Phạm thiên."

"Chư thiện hữu, tôi nhờ tu tập và phát triển bốn thần túc này mà nay thành tựu đại thần lực như vậy, đại uy đức như vậy."

Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra. Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanaṅkumāra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

288. "Chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về ba con đường tắt hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ? Thế nào là ba?

Chư thiện hữu, ở đây có người thân cận dục lạc, thân cận bất thiện pháp, sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp. Và khi nghe được Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, vị này sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp; và nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, như từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy, chư thiện hữu, nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, đó là con đường tắt thứ nhất hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

Chư thiện hữu, lại nữa, ở đây có người thân hành thô lậu, chưa được an tịnh; khẩu hành thô lậu, chưa được an tịnh; ý hành thô lậu, chưa được an tịnh; sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp. Sau khi được nghe Thánh pháp, thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này được an tịnh, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh; và khi thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này được an tịnh, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, như từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy, chư thiện hữu, nhờ thân hành thô lậu của vị này được

an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này được an tịnh, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, đó là con đường tắt thứ hai hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

Chư thiện hữu, lại nữa ở đây có người không như thật biết: 'Đây là thiện', không như thật biết: 'Đây là bất thiện', không như thật biết: 'Đây là có tội', 'đây là không tội', 'đây cần phải thuận theo', 'đây cần phải né tránh', 'đây là hạ liệt', 'đây là cao thượng', 'đây là đen trắng đồng đều.' Sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp. Sau khi được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, vị này như thật biết: 'Đây là thiện', như thật biết: 'Đây là bất thiện', như thật biết: 'Đây là có tội', 'đây là không tội', 'đây cần phải thuận theo', 'đây cần phải né tránh', 'đây là hạ liệt', 'đây là cao thượng', 'đây là đen trắng đồng đều.' Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, vô minh của vị này được trừ diệt, minh sanh khởi. Vị này nhờ vô minh được trừ diệt và minh sanh khởi, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, đó là con đường tắt thứ ba hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

Chư thiện hữu, đó là ba con đường tắt hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ."

Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra. Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanaṅkumāra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

289. "Chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về Bốn niệm xứ hướng đến chơn thiện đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ? Thế nào là bốn?

Chư thiện hữu, ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán thân trên thân, vị này được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, tri kiến được sanh khởi đối với các thân khác ngoài tự thân. Vị Tỷ-kheo sống quán các cảm thọ từ thân... quán tâm... quán pháp đối với các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán pháp đối với các pháp, tâm được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, tri kiến được sanh khởi đối với các pháp khác.

Chư thiện hữu, Bốn niệm xứ này hướng đến chơn thiện đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ."

Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra. Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanaṅkumāra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

290. "Chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về bảy pháp Định tư lương (*Samādhi-parikkhāra*) để tu hành Chánh định, để kiện toàn thiền

định, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ? Thế nào là bảy? Đó là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm. Chư thiện hữu, nhứt cảnh tánh của tâm do bảy chi này sửa soạn, được gọi là Thánh chánh định cùng với các y chỉ và dùng với các tư lương. Chư thiện hữu, Chánh tư duy sanh khởi từ Chánh tri kiến; Chánh ngữ sanh khởi từ Chánh tư duy; Chánh nghiệp sanh khởi từ Chánh ngữ; Chánh mạng sanh khởi từ Chánh nghiệp; Chánh tinh tấn sanh khởi từ Chánh mạng; Chánh niệm sanh khởi từ Chánh tinh tấn; Chánh định sanh khởi từ Chánh niệm; Chánh trí sanh khởi từ Chánh định; Chánh giải thoát sanh khởi từ Chánh trí.

Chư thiện hữu, nếu có người nói lời Chánh ngữ sau đây: 'Chánh pháp đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở.' Nói như vậy là Chánh ngữ. Chư thiện hữu, vì Chánh pháp thật sự đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở.

Chư thiện hữu, những ai tin tưởng Phật không có thối chuyển, tin tưởng Pháp không có thối chuyển, tin tưởng Tăng không có thối chuyển, đầy đủ giới hạnh khiến bậc Thánh hoan hỷ, tất cả những vị được hóa sanh ở đây, đều được Chánh pháp hướng dẫn, hơn hai trăm bốn mươi vạn vị cư sĩ ở Magadha đã từ trần mệnh chung, những vị này đều diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn đọa vào ác thú, chắc chắn đạt đến Chánh giác.

Lại có những vị Nhất Lai:

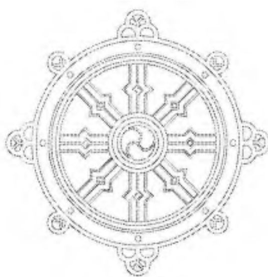
Với hạng chúng sanh này,
Ước lượng phần công đức,
Không thể ước lượng được,
Sợ phạm tội vọng ngữ."

291. Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra. Bạch Thế Tôn, được biết nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra, Đại vương Vessavaṇa khởi lên suy tư sau đây: "Chư thiện hữu, thật là kỳ diệu! Chư thiện hữu, thật là hy hữu, sẽ có một Đạo sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày sự chứng đắc đặc biệt như vậy!"

Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra tự tâm mình biết được tâm trí của Đại vương Vessavaṇa như vậy, liền thưa với Đại vương:

– Đại vương Vessavaṇa nghĩ như thế nào? Trong thời quá khứ đã có một Đạo sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, đã được trình bày sự chứng đắc đặc biệt như vậy... Trong thời tương lai sẽ có một Đạo sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày sự chứng đắc đặc biệt như vậy.

292. Đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Đại vương Vessavaṇa sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Phạm thiên Sanaṅkumāra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, liền nói lại với chúng của mình. Dạ-xoa Janavasabha sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Đại vương Vessavaṇa nói với hội chúng, liền bạch lại với Thế Tôn. Thế Tôn sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của dạ-xoa Janavasabha, và sau khi tự mình chứng tri, liền nói lại cho Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Thế Tôn, liền nói lại cho chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Phạm hạnh này được hưng thịnh, được quảng bá, được truyền rộng cho đại chúng càng ngày càng đông, vì được khéo léo trình bày cho chư thiên và loài người.



19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN
(*Mahāgovinda Sutta*)[1]

293. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu. Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế), thuộc dòng họ gandhabba (càn-thát-bà), với dung mạo đoan chánh, chói sáng toàn vùng núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Pañcasikha, thuộc dòng họ càn-thát-bà, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, những điều con đã tự thân nghe và chấp nhận trước mặt chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, bạch Thế Tôn, con muốn bạch lại Thế Tôn.

– Này Pañcasikha, hãy nói cho Ta nghe!

Thế Tôn nói như vậy.

294. – Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân đêm trăng rằm Bố-tát (*Uposatha*), trong tháng nhập an cư mùa mưa, toàn thể chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi: Đại vương Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương), vua ở phương Đông, ngồi xoay mặt hướng Tây, trước mặt thiên chúng; Đại vương Virūḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương), vua ở phương Nam, ngồi xoay mặt hướng Bắc, trước mặt thiên chúng; Đại vương Virūpakkha (Quảng Mục Thiên Vương), vua ở phương Tây, ngồi xoay mặt hướng Đông, trước mặt thiên chúng; Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn Thiên Vương), vua ở phương Bắc, ngồi xoay mặt hướng Nam, trước mặt thiên chúng. Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía và tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi, như vậy là thứ tự các chỗ ngồi của các vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con. Bạch Thế Tôn, chư thiên nào trước sống Phạm hạnh theo Thế Tôn và nay mới sanh lên cõi Tam Thập Tam thiên, những vị này thắng xa chư thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam đẹp lòng, thoải mái, hoan hỷ sanh: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị suy giảm."

---

[1] Xem *M.* II. 133; *S.* I. 241, 394, 476; *J.* IV. 120, 394, 476. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Điển Tôn kinh* 典尊經 (*T.*01. 0001.03. 0030b10). Tham chiếu: *Phật thuyết Đại Kiên Cố Bà-la-môn duyên khởi kinh* 佛說大堅固婆羅門緣起經 (*T.*01. 0008. 0207c18).

295. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích (Sakka) thấy chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ, bèn tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.
Thấy thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.
Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng.
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.
Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.

Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam lại càng đẹp lòng, thoải mái, hoan hỷ hơn nữa và nói: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị suy giảm."

296. Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích biết được chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ, liền nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

– Các vị có muốn nghe tám pháp như thật của Thế Tôn không?

– Chúng tôi muốn nghe tám pháp như thật của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích ở Tam Thập Tam thiên giải thích về tám pháp như thật của Thế Tôn như sau:

– Này chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, các vị nghĩ thế nào? Như Lai dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Một vị Đạo sư dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thượng, chỉ người có trí tự mình giác hiểu. Một vị Giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

"Đây là thiện", "đây là bất thiện", đã được Thế Tôn khéo giải thích. "Đây là

có tội", "đây là không tội", "đây cần phải tuân theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đẳng", được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội, không có tội, cần phải thuận theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một, đã được Thế Tôn khéo giải thích như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông Yamunā (Diệm-mâu-na). Cũng vậy, con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một, đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Vật dụng cúng dường cho Thế Tôn đã được an bài chắc chắn, danh tiếng cũng đã được an bài chắc chắn, và ta nghĩ rằng các vị Khattiya (Sát-đế-ly) sống với gương mặt rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn. Một vị sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Thế Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lậu tận đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không rời chúng mà sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú. Một vị sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Thế Tôn nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Một vị nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy, thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy, một vị đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh như vậy, một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

297. Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích đã giải thích về tám pháp như thật của Thế Tôn cho chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa khi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, rồi một số chư thiên nói như sau:

– Chư thiện hữu, nếu có được bốn vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn, như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người.

Một số chư thiên khác lại nói như sau:

– Chư thiện hữu, cần gì có bốn vị Chánh Đẳng Giác. Chư thiện hữu, nếu có được ba vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn, như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người.

Một số chư thiên khác lại nói như sau:

– Chư thiện hữu, cần gì có ba vị Chánh Đẳng Giác. Chư thiện hữu, nếu có được hai vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn, như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người.

298. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Thiên chủ Đế-thích nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

– Chư thiện hữu, không một chỗ nào, không một thời gian nào cùng chung một thế giới mà có hai vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác đồng thời ra đời, không ra trước, không ra sau, không bao giờ sự kiện như vậy có thể xảy ra. Chư thiện hữu, một bậc Thế Tôn như vậy, không có tật bệnh, không có đau khổ, sống như vậy trong khoảng thời gian rất dài. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người.

Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư, thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị Đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy, bốn vị Đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

Các Đại vương chấp nhận,
Lời giảng dạy khuyến giáo,
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.

299. Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra thắng xa oai lực của chư thiên. Bạch Thế Tôn, rồi Thiên chủ Sakka nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

– Này các thiện hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra, như vậy là báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra.

Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện,
Hiện tượng bậc Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.

300. Bạch Thế Tôn, rồi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói rằng:

– Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy.

Cũng vậy, bốn vị Đại vương ngồi xuống trên ghế của mình và nói rằng:

– Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy.

Sau khi nghe vậy, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam đều một lòng một ý:

– Chúng ta sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra (Thường Đồng Hình) xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, Ngài xuất hiện với một hóa tướng thô xấu. Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, các tướng không đủ thù thắng để chư thiên ở cõi Tam Thập Tam khâm phục. Bạch Thế Tôn, nên khi Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, như một hình tượng bằng vàng chói sáng hơn thân hình con người, cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, không một vị thiên nào trong chúng này đảnh lễ hoặc đứng dậy mời Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chắp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ rằng: "Nay nếu Phạm thiên Sanaṅkumāra muốn gì với vị thiên nào, thì hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên ấy." Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên nào, vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-ly vừa mới làm lễ quán đảnh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ, cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên nào, vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, rồi Phạm thiên Sanaṅkumāra biết được sự thoải mái hoan hỷ của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, liền ẩn hình tùy hỷ nói lên bài kệ sau đây:

Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.
Thấy thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.
Thắng xa về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.

Chư Tam Thập Tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.

301. Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanaṅkumāra. Bạch Thế Tôn, tiếng nói của Phạm thiên Sanaṅkumāra có tám đặc điểm sau đây: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaṅkumāra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy được gọi là Phạm âm.

Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam nói với Phạm thiên Sanaṅkumāra như sau:

– Lành thay! Này Phạm thiên, chúng tôi thật sự hoan hỷ với những điều chúng tôi đã được nghe. Hơn nữa, Thiên chủ Sakka đã nói đến tám pháp như thật của Thế Tôn và chúng tôi hoan hỷ với tám pháp này.

302. Bạch Thế Tôn, rồi Phạm thiên Sanaṅkumāra nói với Thiên chủ Đế-thích:

– Thật lành thay, Thiên chủ, nếu chúng tôi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn!

– Vâng, Đại Phạm thiên.

Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho Phạm thiên Sanaṅkumāra:

– Này thiện hữu Đại Phạm thiên, Ngài nghĩ thế nào? Như Lai dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Một vị Đạo sư dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thiện, chỉ người có trí tự mình giác hiểu. Một vị Giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

"Đây là thiện", "đây là bất thiện", đã được Thế Tôn khéo giải thích. "Đây là có tội", "đây là không tội", "đây cần phải thuận theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đẳng", đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội, không có tội, cần phải thuận theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

"Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một", đã được Thế Tôn khéo giải thích. Như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông Yamunā, cũng vậy, con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Vật dụng cúng dường cho Thế Tôn đã được an bài chắc chắn, danh tiếng cũng đã được an bài chắc chắn, và tôi nghĩ rằng các vị Sát-đế-ly sống với diện mạo rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn. Một vị sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Thế Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lậu tận đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không rời chúng mà sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú. Một vị sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Thế Tôn nói gì thì làm vậy, làm gì thời nói vậy. Một vị nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh như vậy, một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

303. Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho Phạm thiên ở Tam Thập Tam thiên. Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra ở Tam Thập Tam thiên lại càng hoan hỷ, lại càng thích thú, hỷ duyệt sung mãn khi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện với hình tướng thô xấu, hiện thành một Đồng tử tên là Pañcasikha trước mặt chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, bay bổng lên trời, vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kiết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng hay trên một mặt đất thăng bằng, cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaṅkumāra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già giữa hư không và nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

304. "Chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên nghĩ thế nào, thế Tôn đã được đại trí tuệ bao lâu rồi?"

Chư thiện hữu, thuở xưa có vị vua tên là Disampati (Thành Chủ). Vua Disampati có vị Quốc sư tên Govinda (Điển Tôn), và có vị Hoàng tử tên

là Reṇu (Lê-nô). Bà-la-môn Govinda có người con trai tên là Jotipāla (Hộ Minh). Hoàng tử Reṇu, Đồng tử Jotipāla cùng sáu người Sát-đế-lỵ nữa, tám người này là thân hữu. Sau một thời gian, Bà-la-môn Govinda mệnh chung. Khi nghe Bà-la-môn Govinda mệnh chung, Vua Disampati than khóc như sau: "Tiếc thay khi chúng ta giao mọi công việc cho Bà-la-môn Govinda để chúng ta có thể được đầy đủ và thọ hưởng năm món dục tăng thịnh, chính khi ấy Bà-la-môn lại mệnh chung!"

Nghe nói vậy, Hoàng tử Reṇu tâu với Vua Disampati:

– Tâu Đại vương, chớ có quá sầu khổ than khóc vì Bà-la-môn Govinda từ trần! Tâu Đại vương, con của Bà-la-môn Govinda, thanh niên Jotipāla còn sáng suốt hơn phụ thân, còn biết kế hoạch sinh lợi hơn phụ thân. Những trách nhiệm gì Đại vương giao cho phụ thân, nay hãy giao cho thanh niên Jotipāla.

– Như vậy là phải, Hoàng tử.

– Xin vâng, tâu Đại vương.

305. Rồi Vua Disampati cho gọi một người và bảo:

– Khanh hãy đi đến thanh niên Jotipāla và nói như sau: "Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipāla! Vua Disampati cho gọi thanh niên Jotipāla! Vua Disampati muốn được gặp thanh niên Jotipāla!"

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Người ấy vâng lệnh Vua Disampati, đến chỗ thanh niên Jotipāla ở; khi đến xong, liền nói với thanh niên Jotipāla:

– Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipāla! Vua Disampati cho gọi thanh niên Jotipāla! Vua Disampati muốn được gặp thanh niên Jotipāla!

– Xin vâng, này thiện hữu.

Thanh niên Jotipāla vâng theo lời người ấy, đi đến chỗ Vua Disampati ở; khi đến xong, liền nói lên những lời viếng thăm và những lời khen tặng xã giao rồi ngồi xuống một bên. Vua Disampati nói với thanh niên Jotipāla đang ngồi bên như sau:

– Này thanh niên Jotipāla! Nay ta muốn khanh chấp chánh! Thanh niên Jotipāla, chớ có từ chối chấp chánh! Ta sẽ đặt khanh trong địa vị của phụ thân. Ta sẽ phong cho khanh chức chưởng quản của Govinda!

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Thanh niên Jotipāla vâng theo lời dạy của Vua Disampati.

Rồi Vua Disampati phong cho thanh niên Jotipāla chức chưởng quản của Govinda và đặt vào địa vị của phụ thân. Thanh niên Jotipāla được phong chức chưởng quản của Govinda như vậy và được đặt vào địa vị của phụ thân như vậy; những phần việc gì phụ thân điều hành, những phần việc ấy thanh niên Jotipāla điều hành; những phần việc gì phụ thân không điều hành, những phần việc ấy thanh niên Jotipāla không điều hành. Những công tác gì phụ thân thực

hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipāla thực hiện; những công tác gì phụ thân không thực hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipāla không thực hiện. Do vậy, dân chúng nói về Jotipāla: "Vị Bà-la-môn thật sự là Govinda! Vị Bà-la-môn thật sự là Mahāgovinda!" Do điểm này, thanh niên Jotipāla được gọi là Mahāgovinda và được danh tiếng là Mahāgovinda.

306. Rồi Mahāgovinda đến tại chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong, liền nói với sáu vị Sát-đế-lỵ như sau:

– Vua Disampati nay đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này thiện hữu, ai có thể biết được thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu Vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong Hoàng tử Reṇu lên vương vị. Chư thiện hữu, quý vị hãy đến chỗ Hoàng tử Reṇu an trú; khi đến xong, hãy thưa với Hoàng tử Reṇu:

– Chúng tôi là những bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với thiện hữu Reṇu. Chúng tôi sung sướng khi thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi thiện hữu đau khổ. Nay Vua Disampati đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này thiện hữu, ai có thể biết thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu Vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong Hoàng tử Reṇu lên vương vị. Nếu thiện hữu Reṇu lên vương vị, hãy chia sẻ vương vị với chúng tôi!

– Xin vâng, thiện hữu.

Sáu vị Sát-đế-lỵ này vâng theo lời của Bà-la-môn Mahāgovinda, đến tại chỗ của Hoàng tử Reṇu; khi đến xong, liền thưa với Hoàng tử Reṇu:

– Chúng tôi là những bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hợp với thiện hữu Reṇu. Chúng tôi sung sướng khi thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi thiện hữu đau khổ. Nay Vua Disampati đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này thiện hữu, ai có thể biết được thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu Vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong Hoàng tử Reṇu lên vương vị. Nếu thiện hữu Reṇu lên vương vị, hãy chia sẻ vương vị với chúng tôi!

– Chư thiện hữu, có ai khác có quyền hưởng an lạc trong quốc độ của tôi ngoài quý vị. Nếu tôi được lên vương vị, tôi sẽ chia sẻ vương vị cho quý vị.

307. Chư thiện hữu, sau một thời gian, Vua Disampati mệnh chung. Khi Vua Disampati mệnh chung, những vị có trách nhiệm phong vua liền phong Hoàng tử Reṇu lên vương vị. Khi được phong vương vị, Hoàng tử Reṇu sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Khi ấy, Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong, liền nói rằng:

– Chư thiện hữu, Vua Disampati đã mệnh chung. Thiện hữu Reṇu được phong vương vị, lại sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Chư thiện hữu, ai có thể biết được dục vọng khiến con người say đắm. Chư thiện hữu, hãy đi đến chỗ Vua Reṇu ở; khi đến xong, hãy nói với Vua Reṇu như sau:

"Thiện hữu, Vua Disampati đã mệnh chung, thiện hữu Reṇu được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình không?"

308. – Xin vâng, này thiện hữu.

Sáu vị Sát-đế-ly này vâng theo lời của Bà-la-môn Mahāgovinda, đi đến chỗ Vua Reṇu ở; khi đến xong, liền tâu Vua Reṇu như sau:

– Thiện hữu, Vua Disampati đã mệnh chung, thiện hữu Reṇu đã được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình không?

– Chư thiện hữu, tôi có nhớ lời hứa của tôi. Chư thiện hữu, ai có thể khéo phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều? Đại địa này phía Bắc thì rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe.

– Này thiện hữu, ai có thể làm được, ngoại trừ Bà-la-môn Mahāgovinda?

Rồi Vua Reṇu cho gọi một người và nói:

– Này khanh, khanh hãy đi đến chỗ Bà-la-môn Mahāgovinda; khi đến xong, hãy nói với Bà-la-môn Govinda: "Này thiện hữu, Vua Reṇu cho gọi thiện hữu."

– Xin vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng theo lời của Vua Reṇu, đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahāgovinda ở; khi đến xong, liền nói với Bà-la-môn Mahāgovinda:

– Thiện hữu, Vua Reṇu cho gọi thiện hữu.

– Xin vâng, thiện hữu.

Bà-la-môn Mahāgovinda vâng theo lời nói của người ấy, đến tại chỗ Vua Reṇu ở; khi đến xong, liền nói lên những lời thăm viếng và những lời khen tặng xã giao với Vua Reṇu rồi ngồi xuống một bên. Và Vua Reṇu nói với Bà-la-môn Govinda đang ngồi một bên như sau:

– Này thiện hữu Govinda, hãy đến và phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc thời rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe.

– Xin vâng, tâu Đại vương.

Bà-la-môn Mahāgovinda vâng theo lời nói của Vua Reṇu, phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc thời rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe, tất cả như bộ phận trước của cỗ xe. Và Vua Reṇu giữ phần quốc độ trung ương.

309. Dantapura (Nại-đa-bố-la) cho dân Kāliṅga (Ca-lăng-giới) và Potana (Bao-tĩnh-noa) cho dân Assaka (Ma-thấp-na-ca).

Māhissatī (Ma-hê-sa-ma) cho dân Avanti (Ương-đế-na) và Roruka (Lao-lỗ-ca) cho dân Sovīra (Tô-vĩ-la).

Mithilā (Di-thế-la) cho dân Videhā (Vi-đề-hê) và Campā (Thiềm-ba) được tạo ra cho dân Aṅga (Ương-già).

Bārāṇasī (Ba-la-nại) cho dân Kāsi (Ca-thi).

Tất cả đều do Govinda tạo lập.

310. Và sáu vị Sát-đế-lỵ này đều hoan hỷ về khu phần của mình được và sự thành tựu của điều mong ước:

"Những điều gì chúng tôi muốn, những điều gì chúng tôi ao ước, những điều gì chúng tôi nhắm đến, những điều gì chúng tôi hy vọng, chúng tôi đều được hết."

Sattabhū (Phá Oan Vương) và Brahmadatta (Phạm Thọ Vương), Vessabhū (Thắng Tôn Vượng) và Bharata (Minh Ái Vương), Reṇu (Lê-nô Vương) và hai Dhataraṭṭha. Tất cả là bảy vị Bhāradha (Bà-la-đa Vương).

311. Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ ấy đến tại chỗ Bà-la-môn Mahāgovinda ở; khi đến xong, liền nói với Bà-la-môn Mahāgovinda:

– Như thiện hữu Govinda là bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với Vua Reṇu, cũng vậy, thiện hữu Mahāgovinda là bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với chúng tôi. Thiện hữu Govinda hãy giáo hóa chúng tôi, thiện hữu Govinda chớ có từ chối giáo hóa.

– Xin vâng, chư thiện hữu.

Thiện hữu Mahāgovinda trả lời cho sáu vị Sát-đế-lỵ này. Rồi thiện hữu Mahāgovinda giáo hóa về vương chánh cho bảy vị Sát-đế-lỵ đã được phong vua, và Mahāgovinda dạy các chú thuật cho bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh.

312. Sau một thời gian, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về Bà-la-môn Mahāgovinda: "Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân thấy Phạm thiên. Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên."

Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda suy nghĩ: "Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về ta: 'Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân thấy Phạm thiên. Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên.' Nhưng ta không thấy Phạm thiên, ta không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không nghị luận với Phạm thiên. Ta có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: 'Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên.' Vậy ta hãy sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa và tu tập thiền định về bi tâm."

313. Rồi thiện hữu Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến Vua Reṇu; khi đến xong, liền tâu với Vua Reṇu:

– Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về thần: "Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên." Nhưng thần không thấy được Phạm thiên, không nói chuyện được với Phạm thiên, không thảo luận được với Phạm thiên, không luận nghị được với Phạm thiên. Thần có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói

chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên." Nay thần muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa và tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp thần, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

– Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì khanh nghĩ là hợp thời.

314. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda đến tại chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong, liền nói với sáu vị Sát-đế-lỵ:

– Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên." Nhưng tôi không được thấy Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên. Nhưng tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên." Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

– Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời.

315. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến chỗ bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh ở; khi đến xong, liền nói với các vị này như sau:

– Chư thiện hữu, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên." Nhưng tôi không thấy được Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên." Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

– Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời.

316. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng của mình; khi đến xong, liền nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng như sau:

– Chư thiện hữu, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahāgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên." Nhưng tôi không được thấy Phạm thiên, tôi không nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên." Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

– Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời.

317. Rồi thiện hữu Mahāgovinda cho làm một hội đường mới về phía Đông kinh thành, tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa và tu tập thiền định về bi tâm, không một ai đến gặp, trừ người đem đồ ăn. Sau bốn tháng, sự thất vọng và sợ hãi sau đây khởi lên cho Bà-la-môn Mahāgovinda: "Ta có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: 'Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên.' Nhưng nay ta không thấy Phạm thiên, không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không nghị luận với Phạm thiên."

318. Rồi Phạm thiên Sanaṅkumāra với tâm của mình biết được tâm của Bà-la-môn Mahāgovinda, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Bà-la-môn Mahāgovinda. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda hoảng hốt, run sợ, lông tóc dựng ngược khi nhìn thấy thân tướng trước đây chưa từng thấy, thốt lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanaṅkumāra:

Ôi, đoan tướng quang vinh!
Thiện hữu thật là ai?
Không biết nên hỏi Ngài,
Để chúng tôi biết Ngài.
Phạm thiên giới biết ta,
Là Đồng Tử Thường Hằng.
Ta là bậc Thiên Vương,
Hãy biết ta là vậy.
Hãy đem đến sàng tọa,
Nước rửa chân, thục mật.
Hiền giả muốn nhận gì?
Hãy cho chúng tôi biết!
Ta chấp nhận cúng vật,
Mà ngươi vừa đề cập.
Vì hạnh phúc hiện tại,
Vì an lạc tương lai,
Dịp may nay đã đến,
Hãy hỏi điều ngươi muốn.

319. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda suy nghĩ: "Đây là dịp may Phạm thiên Sanaṅkumāra dành cho ta. Ta nay hỏi Phạm thiên Sanaṅkumāra điều gì để được ích lợi cho hiện tại và tương lai."

Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda suy nghĩ: "Ta rất giỏi về những lợi ích hiện tại. Chính người khác cũng hỏi ta về những lợi ích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Phạm thiên Sanaṅkumāra lợi ích tương lai."

Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda nói bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanaṅkumāra:

– Nay ta hỏi Phạm thiên,
Sanaṅkumāra.
Ta hỏi điều nghi ngờ,
Người khác đều muốn biết.
An trú tại chỗ nào,
Tu tập tại chỗ nào,
Để chứng quả Bất tử,
Chính tại Phạm thiên giới?
– Này người Bà-la-môn,
Ai bỏ ngã, ngã sở,
Tâm chuyên chú nhứt cảnh,
Tu tập đại bi tâm,
Thoát ly mọi xú uế,
Lánh xa mọi tà dục,
An trú ở nơi đây,
Để chứng quả Bất tử,
Chính tại Phạm thiên giới.

320. – "Từ bỏ ngã và ngã sở hữu", thưa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu. Trong đời có người từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ vòng quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ vòng quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thưa Tôn giả, như vậy ta hiểu nghĩa từ bỏ ngã và ngã sở hữu.

"Tâm chuyên nhất cảnh", thưa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu. Trong đời, có người lựa một chỗ an trú thanh vắng, một khu rừng, một gốc cây, một ngọn núi, một hang cốc, một bãi tha ma, một sơn lâm, giữa trời không, một đống rơm. Thưa Tôn giả, như vậy tôi hiểu nghĩa tâm chuyên nhất cảnh.

"Tu tập bi tâm", thưa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu. Trong đời, có người an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Thưa Tôn giả, như vậy tôi hiểu nghĩa tu tập bi tâm. Thưa Tôn giả, riêng câu nói về xú uế, tôi không được hiểu.

– Này Phạm thiên, trong loài người cái gì là xú uế? Đó là điều ở nơi đây tôi không hiểu. Tôn giả hãy nói đi!

– Loài người bị gì che,
Cái gì bị trói buộc,
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm thiên?
Phẫn nộ và vọng ngữ,
Gian manh và lừa đảo,

Hà tiện và quá mạn,
Tật đố và dục cầu,
Nghi ngờ và hại người,
Tham, sân, si, kiêu mạn,
Những tánh này trói buộc,
Khiến con người xú uế,
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm thiên.

– Như tôi hiểu lời Tôn giả giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì mà điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Hiền giả Govinda, hãy làm gì Hiền giả xem là hợp thời.

321. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến chỗ Vua Reṇu ở; khi đến xong, liền tâu với Vua Reṇu:

– Này Tôn giả, hãy tìm một phụ tá khác, vị này sẽ điều khiển quốc sự cho Tôn giả. Tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích các xú uế, chúng không dễ gì mà điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Vua Reṇu quốc chủ,
Thần xin tâu ngài rõ:
Hãy biết quốc độ ngài,
Thần không thiết chức vụ.
– Nếu khanh thiếu dục lạc,
Ta cho khanh đầy đủ.
Nếu có ai hại khanh,
Quốc chủ, ta ngăn chặn.
Khanh là cha, ta con,
Khanh chớ bỏ rơi ta.
– Thần không thiếu dục lạc,
Không có ai hại thần.
Vì nghe bậc phi nhân,
Thần không thiết gia đình.
– Phi nhân ấy là ai,
Vị ấy đã nói gì,
Khanh nghe, bỏ gia đình,
Bỏ ta, bỏ tất cả?
– Trước kia ở nơi đây,
Lòng thần chỉ nguyện cầu,
Lo đốt nén lửa thiêng,
Và rải cỏ cát tường.

Nay Phạm thiên hiện ra,
Hiện từ Phạm thiên giới,
Trả lời câu hỏi thần,
Nghe xong thần bỏ nhà.
– Này khanh Govinda,
Ta tin lời khanh nói!
Được nghe bậc phi nhân,
Làm sao làm khác được?
Ta sẽ theo gương khanh,
Bậc Thầy của chúng ta.
Như hòn ngọc lưu ly,
Không tỳ vết, không uế,
Thật trong sạch như vậy,
Ta theo giáo lý người.

Nếu thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời tôi cũng xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

322. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong, liền nói với sáu vị ấy như sau:

"Chư Hiền giả, hãy tìm một vị phụ tá khác, vị này sẽ điều khiển quốc sự cho quý vị Hiền giả. Tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ đi qua một bên và thảo luận như sau: "Những người Bà-la-môn này rất tham tài sản. Chúng ta hãy lấy tài sản để dụ dỗ Bà-la-môn này." Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahāgovinda và nói:

– Thiện hữu, tài sản trong bảy quốc độ này rất là phong phú, thiện hữu muốn bao nhiêu, thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu.

– Thôi thôi, chư thiện hữu! Tài sản của tôi rất là phong phú, nhờ sự giúp đỡ của quý vị. Nay tôi đã bỏ mọi danh lợi ấy để xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ đi qua một bên và thảo luận như sau: "Những người Bà-la-môn này rất tham đàn bà. Chúng ta hãy lấy đàn bà để dụ dỗ Bà-la-môn này." Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahāgovinda và nói:

– Thiện hữu, đàn bà trong bảy quốc độ này rất nhiều. Thiện hữu muốn bao nhiêu, thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu.

– Thôi thôi, chư thiện hữu! Tôi có đến bốn mươi vị phu nhân, thảy đều

đồng đẳng. Tôi nay muốn từ bỏ tất cả các vị ấy để xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

323. – Nếu thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thì chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi:

Nếu từ bỏ dục vọng,
Mà kẻ phàm say đắm,
Tinh cần và cương quyết,
Vững chắc trong nhẫn lực,
Đó là con đường chánh,[2]
Con đường hướng vô thượng,
Đó là pháp chơn thật,
Được thiện nhân hộ trì,
Sanh lên cõi Phạm thiên.

Do vậy, thiện hữu Govinda hãy chờ bảy năm nữa, sau bảy năm, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi đi.

– Chư thiện hữu, bảy năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy năm. Ai có thể biết được về mạng sống. Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải hiểu rõ về trí tuệ.[3] Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ trong sáu năm nữa... hãy chờ trong năm năm nữa... hãy chờ trong bốn năm nữa... hãy chờ trong ba năm nữa... hãy chờ trong hai năm nữa... hãy chờ trong một năm nữa. Sau một năm, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

– Chư thiện hữu, một năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến một năm. Ai có thể biết được về mạng sống. Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải hiểu rõ về trí tuệ. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

---

[2] Xem *S.* I. 33.

[3] *Mantāya*. Buddhaghosa viết *Mantā vuccati paññā*. Tham khảo *A*. II. 141-228; *Dh*. 363.

– Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ trong bảy tháng nữa. Sau bảy tháng, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

– Chư thiện hữu, bảy tháng quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy tháng. Ai có thể biết được về mạng sống. Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải hiểu rõ về trí tuệ. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ sáu tháng nữa... hãy chờ năm tháng nữa... hãy chờ bốn tháng nữa... hãy chờ ba tháng nữa... hãy chờ hai tháng nữa... hãy chờ một tháng nữa... hãy chờ nửa tháng nữa. Sau nửa tháng, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

– Chư thiện hữu, nửa tháng quá lâu dài, tôi không thể chờ các Hiền giả đến nửa tháng. Ai có thể biết được về mạng sống. Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải hiểu rõ về trí tuệ. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ cho bảy ngày, cho đến khi chúng tôi giao quốc độ cho các người con và người anh của chúng tôi. Sau bảy ngày, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

– Chư thiện hữu, bảy ngày không lâu gì, tôi sẽ chờ chư thiện hữu cho đến bảy ngày.

324. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến chỗ bảy triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh ở; khi đến xong, liền nói với bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh như sau:

– Này các thiện hữu, hãy tìm một vị giáo thọ khác, vị ấy sẽ dạy các thần chú cho chư thiện hữu. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thiện hữu Bà-la-môn Govinda chớ có xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này thiện hữu, xuất gia ít có quyền thế, và ít có lợi dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiều quyền thế và có nhiều lợi dưỡng.

– Chư thiện hữu chớ có nói như vậy: "Xuất gia ít có quyền thế và ít có lợi

dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiều quyền thế và có nhiều lợi dưỡng." Chư thiện hữu, có ai nhiều quyền thế và nhiều lợi dưỡng hơn tôi. Tôi nay là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các vị Bà-la-môn, và là vị trời cho các gia chủ, và tất cả điều này, tôi muốn vất bỏ, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Nếu thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

325. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng; khi đến xong, liền nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng như sau:

– Các phu nhân, nếu muốn, hãy trở về gia đình của mình hay gia đình quyến thuộc và tìm một người chồng khác. Tôi nay muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Ngài là người quyến thuộc của chúng tôi, người quyến thuộc mà chúng tôi ao ước. Ngài là chồng của chúng tôi, người chồng mà chúng tôi ao ước. Nếu Tôn giả Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Tôn giả đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

326. Rồi Bà-la-môn Mahāgovinda, sau bảy ngày, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi Bà-la-môn Mahāgovinda xuất gia, bảy vị Sát-đế-lỵ được làm lễ quán đảnh lên vương vị, bảy vị Bà-la-môn triệu phú, bảy trăm vị tịnh hạnh, bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng, vài ngàn vị Sát-đế-lỵ, vài ngàn vị Bà-la-môn, vài ngàn cư sĩ và một số thiếu phụ trẻ từ các cư xá thiếu phụ, những vị này đều cạo bỏ râu tóc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình theo Bà-la-môn Mahāgovinda. Và được bao vây bởi hội chúng như vậy, Bà-la-môn Mahāgovinda du hành đi qua làng, qua quận, qua các đô thị. Và đến tại làng nào, hay quận nào, hay đô thị nào, Bà-la-môn Mahāgovinda đều được xem là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các Bà-la-môn, là vị trời cho các cư sĩ. Trong thời gian ấy, nếu có người nào nhảy mũi hay trượt chân, người ấy liền nói: "Đảnh lễ Bà-la-môn Mahāgovinda! Đảnh lễ vị phụ tá bảy quốc độ!"

327. Bà-la-môn Mahāgovinda an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Bà-la-môn Mahāgovinda an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu

với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Và vị ấy dạy cho các đệ tử con đường đưa đến sự thân hữu với Phạm thiên giới.

328. Và tất cả những vị nào trong thời ấy là đệ tử của Bà-la-môn Mahāgovinda đều hiểu được toàn diện giáo lý của Bà-la-môn Mahāgovinda. Những vị này, sau khi thân hoại mạng chung, đều được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Những vị nào không hiểu một cách toàn diện tất cả giáo lý, sau khi thân hoại mạng chung, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Hóa Lạc, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Đâu-suất, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Dạ-ma, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Tứ Thiên Vương. Cho đến những vị phải thành tựu các thân thấp kém nhất cũng được thành tựu thân càn-thát-bà.

Như vậy tất cả những thiện nam tử đã xuất gia không phải vô hiệu, không phải vô ích; trái lại, thật sự có hiệu quả, có lợi ích.

329. – Thế Tôn có nhớ không?

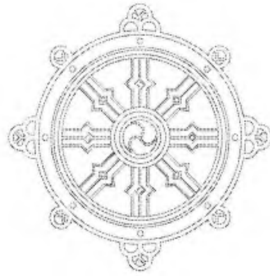
– Này Pañcasikha, Ta có nhớ. Ta thuở ấy là Mahāgovinda. Ta dạy cho các đệ tử của Ta con đường đưa đến sự thân hữu ở Phạm thiên quốc. Nhưng này Pañcasikha, con đường Phạm hạnh ấy không đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Con đường ấy chỉ đưa đến cõi Phạm thiên.

Này Pañcasikha, con đường Phạm hạnh của Ta hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Này Pañcasikha, thế nào là con đường Phạm hạnh hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn? Đó là Thánh đạo tám ngành tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Pañcasikha, con đường Phạm hạnh này hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

330. Này Pañcasikha, những vị đệ tử nào đã hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, những vị ấy trừ diệt các lậu hoặc, vô lậu, tự mình hiện chứng thắng trí giác ngộ, sống an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy, diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh [lên thiên giới] và ở tại chỗ ấy được nhập Niết-bàn, không phải sanh lại thế giới này. Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy diệt trừ ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành bậc Nhất Lai, chỉ phải sanh vào thế giới này một lần nữa rồi diệt tận khổ đau. Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy trừ diệt ba kiết sử, thành bậc Dự Lưu, không còn phải sanh vào đọa xứ, nhất định chứng quả Bồ-đề. Này Pañcasikha, như vậy tất cả những

thiện nam tử đã xuất gia không phải vô hiệu, không phải vô ích; trái lại, thật sự có hiệu quả, có lợi ích.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Pañcasikha, con của càn-thát-bà, sung sướng, hoan hỷ nghe lời dạy của Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.



20. KINH ĐẠI HỘI
(*Mahāsamaya Sutta*)[1]

331. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại bộ tộc Sākya (Thích-ca), thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở Đại Lâm (Mahāvana), cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh Cư thiên (Suddhāvāsa) suy nghĩ như sau: "Thế Tôn nay trú tại bộ tộc Sākya, thành Kapilavatthu, ở Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đến tại chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, mỗi chúng ta sẽ đọc một bài kệ dâng lên Thế Tôn."

332. Rồi chư thiên ấy, nhanh như nhà lực sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co cánh tay duỗi ra, biến mất từ Tịnh Cư thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Chư thiên ấy đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn:

Đại hội tại Đại Lâm,
Chư thiên đồng tụ tập,
Chúng con đến pháp hội,
Chiêm ngưỡng chúng Bất Thắng.

Rồi một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Tại đây chúng Tỷ-kheo,
Thiền định, tâm chánh trực,
Như chủ xe nắm cương,
Bậc trí hộ các căn.

Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Như khóa gãy, chốt tháo,
Trụ cửa bị đào lên,
Sống thanh tịnh, có mắt
Như voi khéo điều phục.

---

[1] Xem *S*. I. 54. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Đại hội kinh* 大會經 (*T*.01. 0001.19. 0079b02); Tham chiếu: *Phật thuyết Đại tam-ma-nhạ kinh* 佛說大三摩惹經 (*T*.01. 0019. 0258a10); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1192. 0323a12); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.105. 0411a24).

Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Những ai quy y Phật,
Sẽ không đọa ác thú,
Sau khi bỏ thân người,
Sẽ sanh làm chư thiên.

333. Rồi Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, phần lớn chư thiên mười phương thế giới tụ họp để chiêm ngưỡng Như Lai và chúng Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, những vị nào trong thời quá khứ đã là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, những vị này được một thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh như Ta hiện nay vậy. Này các Tỷ-kheo, những vị nào trong thời vị lai sẽ là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, những vị này cũng sẽ được một thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh như Ta hiện nay vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ tuyên bố danh tánh của chư thiên. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ cáo tri danh tánh của chư thiên. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng danh tánh của chư thiên. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Chư Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

334. – Bài kệ Ta sẽ giảng:

Chư thiên trú thiên giới,
Những vị trú hang núi,
Tâm tịnh, an thiền định.
Như sư tử tuy nằm,
Làm hoảng sợ quần sanh,
Tâm tư thuần tịnh bạch,
Trong sáng, không cấu uế.
Biết hơn năm trăm vị,
Tại rừng Ca-tỳ-la,
Bậc Đạo sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe,
Các Tỷ-kheo, hãy xem,
Chư thiên chúng đến gần.
Nghe lời dạy đức Phật,
Đại chúng nhiệt tình xem.
Và hiện ra trước chúng,
Thấy rõ hàng phi nhân,
Kẻ thấy trăm thiên thần,
Ngàn thần và hơn nữa.
Kẻ thấy bảy mươi ngàn,
Toàn các bậc phi nhân.
Kẻ thấy vô lượng vị,

Cùng khắp mọi phương hướng.
Với Pháp nhãn thấy rõ,
Và phân biệt tất cả,
Bậc Đạo sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe,
Các Tỷ-kheo hãy xem,
Chư thiên chúng đến gần.
Ta sẽ theo thứ lớp,
Thuyết kệ cho người nghe.
335. Bảy ngàn loại Dạ-xoa,
Trú tại Ca-tỳ-la,
Có thần lực hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Sáu ngàn từ Tuyết sơn,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Ba ngàn từ Sāta,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Như vậy mười sáu ngàn,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Năm trăm từ Vessāmitta,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Kumbhīra Vương Xá,
Trú tại Vepulla,

Hơn trăm ngàn Dạ-xoa,
Hầu hạ vây xung quanh.
Kumbhīra Vương Xá,
Cũng đến họp rừng này.

336. Vua Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương),
Trị vì tại phương Đông,
Chúa tể Càn-thát-bà,
Bậc Đại vương danh tiếng.
Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Inda,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Quốc vương Virūḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương),
Trị vì tại phương Nam,
Chúa tể Cưu-bàn-trà (Kumbhaṇḍa),
Bậc Đại vương danh tiếng.
Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Inda,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Vua Virūpakkha (Quảng Mục Thiên Vương),
Trị vì tại phương Tây,
Chúa tể loài Nāga,
Bậc Đại vương danh tiếng.
Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Inda,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Quốc vương Kuvera (Đa Văn Thiên Vương),
Trị vì tại phương Bắc,
Chúa tể loài Dạ-xoa,
Bậc Đại vương danh tiếng.
Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Inda,
Có thần lực, hào quang,

Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Trì Quốc Vương, phương Đông,
Tăng Trưởng Vương, phương Nam,
Quảng Mục Vương, phương Tây,
Đa Văn Vương, phương Bắc,
Bốn bậc Đại vương này,
Khắp cả bốn phương trời,
Cùng đứng, chói hào quang,
Khắp rừng Ca-tỳ-la.

337. Cũng đến các bộ hạ,
Giả dối và xảo quyệt,
Māyā, Kuṭeṇḍu, Viṭeṇḍu, Viṭuṭa,
Viṭucca, Candana, Kāmaseṭṭha,
Kinnughaṇḍu,
Nighaṇḍu chín vị đến.
Panāda, Opamañña, Mātali,
[Người đánh xe chư thiên].
Càn-thát-bà Cittasena,
Vua Naḷa, Janesabha,
Pañcasikha, Timbarū,
Suriyavaccasā cũng đến.
Như vậy cả vua chúa,
Cùng với Càn-thát-bà,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

338. Từ Nāgasā, Vesālā, Tacchakā,
Các Nāga cũng đến.
Kambala, Assatarā, Pāyāgā,
Cũng đến với quyến thuộc.
Các Nāga có danh tiếng,
Dhataraṭṭhā và Yāmunā cũng đến.
Erāvaṇa, Long vương,
Cũng đến tại ngôi rừng.
Những thiên điểu nhị sanh,
Với cặp mắt thanh tịnh,
Mãnh liệt chống Long vương,
Nay bay đến ngôi rừng.
Tên chúng là Citrā,
Và tên Supaṇṇā,

Long vương không sợ hãi,
Nhờ ơn Phật an toàn.
Với những lời nhẹ nhàng,
Chúng tự khuyên bảo nhau,
Nāga, Supaṇṇā (Kim Sí điểu),
Đều đến quy y Phật.

339. Asura ở biển,
Bị sét Kim Cang Thủ,
Anh của Vāsava,
Có thần lực danh xưng.
Kāḷakañjakā dị hình (Tu-la),
Dānaveghasā, Vepacitti,
Cùng với Sucitti,
Với Pahārāda, Ma vương Namucī,
Cùng con của Bali,
Đặt tên Veroca,
Huy động toàn quân lực,
Dâng cho vị thủ lãnh.
Rāhu nói: "Mong thay
Pháp hội được an toàn!"
Phó hội chúng Tỷ-kheo,
Đều đến tại rừng này.

340. Thần nước, đất, lửa, gió,
Cũng đến Varuṇa,
Với thủy tộc, Soma,
Cả Yasa cũng đến.
Chư thiên từ bi sanh,
Có danh xưng cũng đến,
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Veṇhu, Sahalī,
Asamā, Yamā,
Chư thiên thuộc Nguyệt tộc,
Vị thủ lãnh cũng đến.
Chư thiên thuộc Nhật tộc,
Vị thủ lãnh cũng đến.
Vân thần tên Manda,

Quần tinh vị thủ lãnh,
Vāsava, Vasū,
Thần Sakka cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Sahabhū cũng đến,
Với đầu lửa đỏ rực,
Ariṭṭhakā, Rojā,
Như bông hoa Ummā,
Varuṇā, Sahadhammā,
Accutā, Anejakā,
Suleyyā, Rucirā,
Vāsavanesi cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Samānā, Mahāsamānā,
Mānusā, Mānusuttamā,
Khiḍḍāpadosika, Manopadosikā,
Haraya, Lohitāvāsī,
Pāragā, Mahāpāragā,
Có danh xưng cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Sukkā, Karumhā,
Aruṇa, Veghanasā,
Odātagayhā,
Vicakkhaṇā cũng đến.
Sadāmattā, Hāragajā,
Missakā có danh xưng cũng đến.

Pajjunna thần sét,
Làm mưa khắp mọi phương.
Mười vị thiên tộc này,[2]
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Khemiyā, Tusitā, Yāmā,
Danh xưng Kaṭṭhakā, Lambītakā,
Thủ lãnh các Lāma,
Jotināmā, Āsava,
Tha Hóa Tự Tại thiên,
Hóa Lạc thiên cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Sáu mươi thiên chúng này,
Với diện mạo dị biệt,
Theo danh tộc chúng đến,
Cùng nhiều vị khác nữa.
Nói rằng: "Sanh đã tận,
Then cài không còn nữa,
Bộc lưu đã vượt qua,
Đã thành bậc Vô lậu.
Chúng con thấy vị ấy,
Như voi vượt bộc lưu,
Như trăng thoát mây tối.

341. Subrahmā, Paramatta,
Con các vị thần lực,
Sanaṅkumāra Tissa,
Đến hội tại ngôi rừng.
Đại Phạm thiên, chúa tể,
Ngự trị ngàn Phạm giới,
Hiện ra có hào quang,
Dị hình có danh xưng,

---

[2] Tham khảo phần miêu tả trong *D.* 1, *Brahmajāla Suttanta* (*Kinh Phạm võng*), *D.* I. 32-3.

Mười đấng thần lực đến,
Ngự trị mỗi mỗi cõi,
Giữa vị này Hārita,
Cũng đến với đồ chúng.

342. Tất cả đều cùng đến,
Với Inda, Phạm thiên.
Ma quân cũng tiến đến,
Với Hắc quỷ ngu si.
Hãy đến và bắt trói,
Những ai bị tham triền,
Hãy bao vây bốn phía,
Chớ để ai thoát ly!
Như vậy Đại tướng quân,
Truyền lệnh đoàn Hắc quỷ,
Với bàn tay vỗ đất,
Tiếng dội vang khiếp đảm.
Như trong cơn giông tố,
Sấm chớp và mưa rào,
Nó liền thối quân lui,
Phẫn nộ nhưng bất lực.

343. Với Pháp nhãn thấy rõ,
Và phân biệt tất cả,
Bậc Đạo sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe,
Ma quân đã tiến đến,
Tỷ-kheo hãy biết chúng.
Nghe lời dạy đức Phật,
Đại chúng tâm nhiệt tình,
Kẻ thù đã bỏ đi,
Xa vô tham, vô úy.
Tất cả đều chiến thắng,
Vô úy và danh xưng,
Đệ tử những vị này,
Danh xưng, tâm hoan hỷ.

21. KINH ĐẾ-THÍCH SỞ VẤN
(*Sakkapañha Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

344. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Magadha (Ma-kiệt-đà), phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tên Ambasaṇḍā (Am-bà-la), trên ngọn núi Vediya (Tỳ-đà sơn) ở phía Bắc ngôi làng, trong hang Indasāla (Nhơn-đà-sa-la). Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka (Đế-thích) náo nức muốn chiêm ngưỡng Thế Tôn.

Rồi Thiên chủ Sakka suy nghĩ: "Nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trú tại chỗ nào?" Thiên chủ Sakka thấy Thế Tôn trú tại Magadha, phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tên Ambasaṇḍā, trên ngọn núi Vediya ở phía Bắc ngôi làng, trong hang Indasāla. Thấy vậy, Thiên chủ Sakka nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

– Này quý vị, Thế Tôn trú ngụ tại Magadha, phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tên Ambasaṇḍā, trên ngọn núi Vediya ở phía Bắc ngôi làng, trong hang Indasāla. Này quý vị, chúng ta hãy đến chiêm ngưỡng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Xin vâng, mong an lành đến cho Ngài!

Chư thiên ở cõi Tam Thập Tam trả lời Thiên chủ Sakka.

345. Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pañcasikha (Ngũ Kế), con của càn-thát-bà:

– Này khanh Pañcasikha, Thế Tôn nay trú tại Magadha, phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tên Ambasaṇḍā, trên ngọn núi Vediya ở phía Bắc ngôi làng, trong hang Indasāla. Này khanh Pañcasikha, chúng ta hãy đến chiêm ngưỡng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Xin vâng, mong an lành đến cho Ngài!

Pañcasikha, con của càn-thát-bà, vâng lời Thiên chủ Sakka, cầm cây đàn cầm bằng gỗ vàng Beḷuva và đi theo Thiên chủ Sakka.

346. Rồi Thiên chủ Sakka với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tháp tùng xung quanh, với Pañcasikha, con của càn-thát-bà, đi trước, như người lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay duỗi ra, biến mất ở cõi Tam Thập Tam

---

[1] Xem *S*. III. 12; *Sn*. 91; *Netti*. 128; *Kvu*. 180. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Thích-đề-hoàn-nhân vấn kinh* 釋提桓因問經 (*T*.01. 0001.14. 0062b29). Tham chiếu: *Thích vấn kinh* 釋問經 (*T*.01. 0026.134. 0632c27); *Phật thuyết Đế-thích sở vấn kinh* 佛說帝釋所問經 (*T*.01. 0015. 0246b03); *Đế-thích vấn sự duyên kinh* 帝釋問事緣經 thuộc *Tạp Bảo tạng kinh* (*T*.04. 0203.73. 0476a17).

thiên, hiện ra ở Magadha, phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn Ambasaṇḍā và đứng trên núi Vediya ở phía Bắc ngôi làng.

Lúc bấy giờ, núi Vediya chói hào quang rực rỡ, ngôi làng Bà-la-môn Ambasaṇḍā cũng vậy, đều nhờ thần lực chư thiên. Và dân chúng ở những làng xung quanh nói rằng:

– Núi Vediya hôm nay thật sự bị cháy, núi Vediya hôm nay thật sự có lửa đỏ rực, làm sao mà hôm nay núi Vediya và làng Bà-la-môn Ambasaṇḍā lại quá chói hào quang rực rỡ?

Và dân chúng lo âu, lông tóc dựng ngược.

347. Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pañcasikha, con của càn-thát-bà:

– Này khanh Pañcasikha, chư Như Lai thật khó lại gần đối với người như chúng ta. Các Ngài nhập thiền, hoan hỷ trong thiền, và với mục đích ấy, yên lặng tịnh cư. Vậy khanh Pañcasikha trước tiên làm cho Thế Tôn hoan hỷ, sau sự hoan hỷ do khanh tác động, chúng ta mới đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Xin vâng, mong an lành đến với Ngài!

Pañcasikha, con của càn-thát-bà, vâng lời Thiên chủ Sakka, cầm cây đàn cầm bằng gỗ vàng Beḷuva và đến tại hang núi Indasāla. Khi đến xong, Pañcasikha đứng lại một bên và suy nghĩ: "Ta đứng đây, không quá xa Thế Tôn, cũng không quá gần, và tiếng sẽ được Ngài nghe."

348. Đứng một bên, Pañcasikha, con của càn-thát-bà, gảy cây đàn cầm bằng gỗ vàng Beḷuva và nói lên bài kệ liên hệ đến Phật, đến Pháp, đến Tăng, đến A-la-hán và đến ái dục:

Ôi, Suriyavaccasā!
Ta đảnh lễ Timbarū,
Bậc phụ thân của nàng,
Đã sanh nàng thiện nữ,
Nguồn hạnh phúc của ta.
Như gió cho kẻ nực,
Như nước cho kẻ khát,
Nàng là tình của ta.
Như Pháp với Ứng Cúng,
Như thuốc cho kẻ bệnh,
Như đồ ăn kẻ đói,
Thiên nữ với nước mát,
Hãy dập tắt lửa tình.
Như voi bị nắng thiêu,
Tắm mình hồ nước mát,
Có cánh sen, nhụy sen,
Cũng vậy, ta muốn chìm,

Chìm sâu vào ngực nàng.
Như voi bị xiềng xích,
Hất móc câu, gậy nhọn,
Ta điên vì ngực nàng,
Hành động ta rối loạn.
Tâm ta bị nàng trói,
Di chuyển thật vô phương,
Rút lui cũng bất lực,
Như cá đã mắc câu.
Hiền nữ hãy ôm ta,
Trong cánh tay của nàng,
Hãy ôm ta, nhìn ta,
Trong ánh mắt dịu hiền!
Hãy ghì chặt lấy ta,
Thiện nữ, ta van nàng!
Ôi, hiền nữ suối tóc!
Ái dục ta có bao,
Nhưng nay đã tăng bội,
Như đồ chúng La-hán.
Mọi công đức ta làm,
Dâng lên bậc La-hán,
Ôi, kiều nữ toàn thiện!
Nàng là quả cho ta!
Công đức khác của ta,
Đã làm trên đời này,
Ôi, kiều nữ toàn thiện!
Nàng là quả của ta!
Vị Thích tử tu thiền,
Nhứt tâm, minh, giác tỉnh,
Tìm cầu đạo bất tử,
Cũng vậy, ta cầu nàng!
Như người tu sung sướng,
Chứng Bồ-đề tối thượng,
Kiều nữ, ta sung sướng,
Được nhập một với nàng.
Nếu Thiên chủ Sakka,
Cho ta một ước nguyện,
Ta ước nguyện được nàng,
Vì ta quá yêu nàng,
Như Sa-la sanh quả,
Tuệ nữ, phụ thân nàng,

Ta sẽ đảnh lễ Ngài,
Vì sanh nàng vẹn toàn.

349. Khi được nghe vậy, Thế Tôn nói với Pañcasikha, con của càn-thát-bà:

– Này Pañcasikha, huyền âm của ngươi khéo hòa điệu với giọng ca của ngươi, và giọng ca của ngươi khéo hòa điệu với huyền âm. Này Pañcasikha, do vậy, huyền âm của ngươi không lấn át giọng ca, hay giọng ca của ngươi không lấn át huyền âm. Này Pañcasikha, ngươi học tại chỗ nào những bài kệ liên hệ đến Phật, Pháp, Tăng, đến A-la-hán, đến ái dục như vậy?

– Bạch Thế Tôn, một thời Thế Tôn an trú ở Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Ajapāla Nigrodha, khi mới thành Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, con yêu con gái của Timbarū, vua càn-thát-bà, tên là Bhaddā với biệt hiệu Suriyavaccasā. Nhưng bạch Thế Tôn, thiếu nữ lại yêu một người khác tên là Sikhaddi, con của Mātali, người đánh xe. Bạch Thế Tôn, con không có phương tiện nào khác để chiếm được thiếu nữ. Con cầm đàn cầm bằng gỗ vàng Beḷuva đến tại trú xá của Timbarū, vua càn-thát-bà. Khi đến xong, con gảy đàn cầm bằng gỗ vàng Beḷuva và nói lên bài kệ này, liên hệ đến Phật, đến Pháp, đến Tăng, đến A-la-hán và đến ái dục:

Ôi, Suriyavaccasā!
Ta đảnh lễ Timbarū,
Bậc phụ thân của nàng,
Đã sanh nàng thiện nữ,
Nguồn hạnh phúc của ta.
... Như Sa-la sanh quả,
Tuệ nữ, phụ thân nàng,
Ta sẽ đảnh lễ Ngài,
Vì sanh nàng vẹn toàn.

Bạch Thế Tôn, sau khi nghe nói vậy, Bhaddā Suriyavaccasā nói với con như sau:

“Này Hiền giả, tôi chưa được thấy Thế Tôn tận mặt, nhưng tôi có nghe đến Thế Tôn, khi tôi đến múa tại Thiện Pháp đường của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Vì Hiền giả đã tán dương Thế Tôn như vậy, vậy hôm nay chúng ta sẽ gặp nhau.”

Bạch Thế Tôn, rồi con được gặp nàng, không phải hôm ấy, nhưng sau đó.

350. Rồi Thiên chủ Sakka suy nghĩ như sau: “Pañcasikha, con của càn-thát-bà hoan hỷ đàm luận với Thế Tôn. Và Thế Tôn đối với Pañcasikha cũng vậy.” Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pañcasikha, con của càn-thát-bà:

– Này khanh Pañcasikha, hãy thay mặt ta, đảnh lễ Thế Tôn và nói: “Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka cùng với đình thần và thuộc hạ, đầu diện tiếp túc đảnh lễ Thế Tôn.”

– Xin vâng, mong an lành đến cho Ngài!

Pañcasikha, con của càn-thát-bà vâng theo lời dặn của Thiên chủ Sakka, đảnh lễ Thế Tôn và nói:

– Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka cùng với đình thần và thuộc hạ, đầu diện tiếp túc đảnh lễ Thế Tôn.

– Này Pañcasikha, mong hạnh phúc đến với Thiên chủ Sakka, với các đình thần và thuộc hạ! Chư thiên, loài người, asura, nāga, gandhabba đều ao ước hạnh phúc. Các loại chúng sanh khác cũng vậy.

351. Như vậy, các bậc Như Lai chào đón thượng chúng. Được chào đón như vậy, Thiên chủ Sakka bước vào hang Indasāla của Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Chư thiên ở cõi Tam Thập Tam cũng bước vào hang Indasāla, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Pañcasikha, con của càn-thát-bà, cũng bước vào hang Indasāla, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên.

Lúc bấy giờ, trong hang Indasāla, những con đường gồ ghề được làm bằng phẳng, những khoảng chật hẹp được làm cho rộng rãi, trong hang tối tăm có hào quang chiếu sáng, đó là nhờ thần lực của chư thiên.

352. Rồi Thế Tôn nói với Thiên chủ Sakka:

– Thật là hy hữu, Đại đức Kosiya! Thật là kỳ diệu, Đại đức Kosiya, tuy có nhiều trách nhiệm phải gánh vác, có nhiều công tác phải làm, mà vẫn đến đây được!

– Bạch Thế Tôn, đã từ lâu con muốn đến để yết kiến Thế Tôn, nhưng bị ngăn trở bởi các công việc này, công việc khác phải làm cho chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, và do vậy, không thể đến yết kiến Thế Tôn được. Bạch Thế Tôn, một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại cốc Sālaḷa. Bạch Thế Tôn, rồi con đến Sāvatthi để yết kiến Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi nhập định, và Bhuñjatī, vợ của Vessavaṇa, đang đứng hầu Thế Tôn, đảnh lễ chắp tay. Bạch Thế Tôn, rồi con nói với Bhuñjatī:

– Này Hiền tỷ, hãy thay mặt ta đảnh lễ Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka với đình thần và thuộc hạ, đầu diện tiếp túc đảnh lễ Thế Tôn."

Được nghe nói vậy, Bhuñjatī nói với con:

– Thiện hữu, nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang yên lặng tịnh cư.

– Này Hiền tỷ, khi nào Thế Tôn xuất định, hãy thay mặt ta đảnh lễ Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka cùng đình thần và thuộc hạ, đầu diện tiếp túc đảnh lễ Thế Tôn."

– Bạch Thế Tôn, không hiểu Bhuñjatī có thay mặt con đảnh lễ Thế Tôn không? Thế Tôn có nhớ lời bà ấy nói không?

– Này Thiên chủ, bà ấy có đảnh lễ Ta. Ta có nhớ lời bà ấy nói. Chính tiếng bánh xe của Thiên chủ đã khiến Ta xuất định.

– Bạch Thế Tôn, có chư thiên được sanh lên Tam Thập Tam thiên trước

chúng con, chính chúng con tận mắt được nghe chư thiên ấy nói như sau: "Khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, thiên giới được hưng thịnh và asura giới bị suy vong." Bạch Thế Tôn, chính con có thể thấy và xác chứng rằng khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời thì thiên giới được hưng thịnh và asura giới bị suy vong.

353. Bạch Thế Tôn, ở đây, tại Kapilavatthu, có Thích nữ tên là Gopikā, có lòng tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và gìn giữ đầy đủ giới luật. Thích nữ này loại bỏ tâm niệm đàn bà, tu tập tâm niệm đàn ông, khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiên giới, thiện thú, nhập chúng với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, sanh ra làm con của chúng con. Và ở đấy, nàng được gọi là "thiên tử Gopakā, thiên tử Gopakā." Bạch Thế Tôn, lại có ba Tỷ-kheo khác sống Phạm hạnh với Thế Tôn và sanh vào càn-thát-bà giới hạ đẳng. Họ sống được thọ hưởng năm món dục tăng thịnh và thường hay đến hầu hạ săn sóc chúng con. Chúng con được họ đến hầu hạ và săn sóc chúng con như vậy, thiên tử Gopakā mới trách la họ như sau: "Chư thiện hữu, tai các người ở đâu mà không nghe pháp của Thế Tôn? Chính ta xưa là đàn bà, tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, gìn giữ giới luật, loại bỏ tâm niệm đàn bà, tu tập tâm niệm đàn ông, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, làm con của Thiên chủ Sakka và được gọi là "thiên tử Gopakā, thiên tử Gopakā." Chư thiện hữu, các người tu hành Phạm hạnh với Thế Tôn, được sanh vào càn-thát-bà giới hạ đẳng. Thật là điều không mấy tốt đẹp, khi chúng tôi thấy những vị đồng môn lại phải sanh vào hạ đẳng càn-thát-bà giới." Bạch Thế Tôn, trong khi bị thiên tử Gopakā trách mắng như vậy, hai vị thiên, ngay trong hiện tại, chánh niệm các pháp và sanh làm phụ tá cho Phạm thiên. Còn một vị thiên sống thọ hưởng dục lạc.

354. "Nữ, đệ tử Pháp Nhãn,
Tên gọi Gopikā,
Ta tin Phật, Pháp, Tăng,
Tâm niệm rất hoan hỷ.
Nhờ thiện pháp chư Phật,
Làm con của Sakka,
Có được đại thần lực
Hào quang, sanh thiên giới,
Được tên Gopakā.
Ta thấy vốn Tỷ-kheo,
Hạ sanh càn-thát-bà.
Đệ tử Gotama,
Trước sanh làm con người,
Ta cúng dường ẩm thực,
Nay hầu trú xứ ta.
Mắt Hiền giả ở đâu?

Không nắm pháp của Phật,
Chánh pháp tự giác hiểu,
Bậc Pháp Nhãn khéo giảng.
Ta chỉ hầu quý vị,
Được nghe pháp bậc Thánh,
Sanh làm con Sakka,
Có thần lực, hào quang,
Được sanh lên thiên giới.
Các người hầu Thế Tôn,
Sống Phạm hạnh tối thượng,
Nay phải sanh hạ thân,
Mất thượng sanh hạ phẩm.
Ta nhìn thật khó chịu,
Thấy đồng môn hạ sanh,
Với thân càn-thát-bà,
Phải hầu hạ chư thiên.
Từ địa vị cư sĩ,
Ta thấy rõ khác biệt,
Trước bà, nay đàn ông,
Ta sanh thiên hưởng dục."

Bị Gopakā trách mắng,
Ưu phiền, đồng phát nguyện,
Phải thăng tiến nỗ lực,
Không nô lệ cho ai.
Hai trong ba vị này,
Bắt đầu hành tinh tấn,
Nhờ Gotama dạy,
Họ tẩy sạch tâm uế,
Thấy nguy hiểm dục vọng,
Như voi bỏ dây cương,
Các vị vượt tam thiên,
Vứt bỏ dục kiết sử,
Quỷ triền phược khó vượt.
Cùng Sakka, Pajāpati,
Hội chúng Thiện Pháp đường,
Vượt quá vị đang ngồi,
Anh hùng ly dục cấu.
Thấy chúng khỏi lo ngại,
Vāsava giữa thiên chúng,
Xem chúng sinh hạ phẩm,
Nay vượt qua tam thiên.

Suy tư lời ưu phiền,
Gopakā nói với Vāsava:
"Đế-thích ở nhân giới,
Đức Phật gọi Thích-ca,
Đã chinh phục dục vọng.
Chúng là con của Ngài,
Thất niệm khi mệnh chung,
Nhờ ta lấy chánh niệm.
Một trong ba vị ấy,
Mang thân càn-thát-bà.
Hai vị hướng Chánh giác,
Bỏ dục giới, nhập thiền.
Đừng đệ tử nào nghi,
Vị ở đây chứng Pháp.
Chúng ta đảnh lễ Phật,
Vị vượt khỏi bộc lưu,
Đã diệt trừ nghi ngờ,
Bậc Chiến Thắng Muôn Loài."
Chính ở đây chứng Pháp,
Tấn bước đạt thù thắng,
Hai vị đạt thắng vị,
Hơn phụ tá Phạm thiên.
Ôi, thiện hữu chúng tôi!
Đến đây để chứng Pháp.
Nếu Thế Tôn cho phép,
Chúng con hỏi Thế Tôn.

355. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Đã lâu, Sakka này sống đời trong sạch. Câu hỏi gì Sakka hỏi Ta, đều hỏi có lợi ích, không phải không lợi ích. Câu hỏi gì hỏi Ta, Ta sẽ trả lời và Sakka sẽ hiểu một cách mau chóng."

356. Rồi Thế Tôn nói bài kệ sau đây với Thiên chủ Sakka:

"Vāsava hãy hỏi Ta,
Những gì tâm ngươi muốn!
Mỗi câu hỏi của ngươi,
Ta làm ngươi thỏa mãn."

Tụng phẩm II

357. Sau khi được phép, Thiên chủ Sakka hỏi Thế Tôn câu hỏi đầu tiên:

– Bạch Thế Tôn, do kiết sử gì mà dân chúng của các loài thiên, nhân, asura, nāga, càn-thát-bà và tất cả những loài khác đều ao ước: "Không hận thù, không đả thương, không thù nghịch, không ác ý, chúng ta sống với nhau không hận

thù", thế mà với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý, họ sống với nhau trong hận thù?

Đó là câu hỏi thứ nhất, Thiên chủ Sakka hỏi Thế Tôn. Và Thế Tôn trả lời câu hỏi ấy như sau:

– Do kiết sử tật đố và xan tham mà dân chúng của các loài thiên, nhân, asura, nāga, càn-thát-bà và tất cả những loài khác đều ao ước: "Không hận thù, không đả thương, không thù nghịch, không ác ý, chúng ta sống với nhau không hận thù", thế mà với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý, họ sống với nhau trong hận thù.

Thế Tôn đã trả lời cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka như vậy. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn và nói:

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con diệt tận, do dự của con tiêu tan.

358. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ câu trả lời của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp:

– Bạch Thế Tôn, tật đố, xan tham, do nhân gì, do tập khởi gì? Cái gì khiến chúng sanh khởi, cái gì khiến chúng hiện hữu? Cái gì có mặt thì tật đố, xan tham có mặt; cái gì không có mặt thì tật đố, xan tham không có mặt?

– Này Thiên chủ, tật đố, xan tham do ưa ghét làm nhân, do ưa ghét làm tập khởi, ưa ghét khiến chúng sanh khởi, ưa ghét khiến chúng hiện hữu. Ưa ghét có mặt thì tật đố, xan tham có mặt; ưa ghét không có mặt thì tật đố, xan tham không có mặt.

– Bạch Thế Tôn, ưa ghét do nhân gì, do tập khởi gì? Cái gì khiến chúng sanh khởi, cái gì khiến chúng hiện hữu, cái gì có mặt thì ưa ghét có mặt, cái gì không có mặt thì ưa ghét không có mặt?

– Này Thiên chủ, ưa ghét do dục làm nhân, do dục làm tập khởi, dục khiến chúng sanh khởi, dục khiến chúng hiện hữu. Dục có mặt thì ưa ghét có mặt, dục không có mặt thì ưa ghét không có mặt.

– Bạch Thế Tôn, nhưng dục do nhân gì, do tập khởi gì? Cái gì khiến dục sanh khởi, cái gì khiến dục hiện hữu, cái gì có mặt thì dục có mặt, cái gì không có mặt thì dục không có mặt?

– Này Thiên chủ, dục do tầm làm nhân, do tầm làm tập khởi, tầm khiến dục sanh khởi, tầm khiến dục hiện hữu. Tầm có mặt thì dục có mặt, tầm không có mặt thì dục không có mặt.

– Bạch Thế Tôn, tầm lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi? Cái gì khiến tầm sanh khởi, cái gì khiến tầm hiện hữu, cái gì có mặt thì tầm có mặt; cái gì không có mặt thì tầm không có mặt?

– Này Thiên chủ, tầm lấy các loại vọng tưởng làm nhân, lấy các loại vọng tưởng làm tập khởi, các loại vọng tưởng khiến tầm sanh khởi, các loại vọng

tưởng khiến tầm hiện hữu. Do các loại vọng tưởng có mặt thì tầm có mặt; do các loại vọng tưởng không có mặt thì tầm không có mặt.

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo phải chứng đạt như thế nào, phải thành tựu con đường nào thích hợp và hướng đến diệt trừ các loại vọng tưởng?

359. – Này Thiên chủ, Ta nói hỷ có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói ưu cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói xả cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa.

360. Này Thiên chủ, Ta nói hỷ có hai loại, một loại phải nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại hỷ nào có thể biết được: "Khi tôi theo hỷ này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thời hỷ ấy nên tránh xa. Ở đây, loại hỷ nào có thể biết được: "Khi tôi theo hỷ này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thời hỷ ấy nên theo. Ở đây, có hỷ câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có hỷ không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại hỷ không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn.

Này Thiên chủ, Ta nói hỷ có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy.

361. Này Thiên chủ, Ta nói ưu cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại ưu nào có thể biết được: "Khi tôi theo ưu này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thời ưu ấy nên tránh xa. Ở đây, loại ưu nào có thể biết được: "Khi tôi theo ưu này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thời ưu ấy nên theo. Ở đây, có ưu câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có ưu không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại ưu không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn.

Này Thiên chủ, Ta nói ưu có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy.

362. Này Thiên chủ, Ta nói xả cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại xả nào có thể biết được: "Khi tôi theo xả này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thời xả ấy nên tránh xa. Ở đây, loại xả nào có thể biết được: "Khi tôi theo xả này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thời xả ấy nên theo. Ở đây, có xả câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có xả không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại xả không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn.

Này Thiên chủ, Ta nói rằng xả có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy.

363. Này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo phải chứng đạt như vậy, phải thành tựu con đường như vậy mới thích hợp và hướng đến sự diệt trừ các vọng tưởng.

Đó là câu trả lời của Thế Tôn cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn và nói:

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan.

364. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ câu trả lời của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp:

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo phải thành tựu như thế nào, phải thành tựu Biệt giải thoát luật nghi như thế nào?

– Này Thiên chủ, Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói rằng khẩu hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói rằng tầm cầu có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa.

Này Thiên chủ, Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại thân hành nào có thể biết được: "Khi tôi theo thân hành này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì thân hành ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại thân hành nào có thể biết được: "Khi tôi theo thân hành này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì thân hành ấy cần phải theo.

Này Thiên chủ, Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy.

Này Thiên chủ, Ta nói rằng khẩu hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại khẩu hành nào có thể biết được: "Khi tôi theo khẩu hành này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì khẩu hành ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại khẩu hành nào có thể biết được: "Khi tôi theo khẩu hành này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì khẩu hành ấy nên theo.

Này Thiên chủ, Ta nói rằng khẩu hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy.

Này Thiên chủ, Ta nói rằng tầm cầu cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại tầm cầu nào có thể biết được: "Khi tôi theo tầm cầu này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì loại tầm cầu ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại tầm cầu nào có thể biết được: "Khi tôi theo tầm cầu này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì loại tầm cầu ấy nên theo.

Này Thiên chủ, Ta nói rằng tầm cầu có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy.

Này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo phải thành tựu như vậy, phải thành tựu Biệt giải thoát luật nghi như vậy!

Đó là cách Thế Tôn trả lời câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn và nói:

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan.

365. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp:

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo phải thành tựu như thế nào, phải thành tựu hộ trì các căn như thế nào?

– Này Thiên chủ, sắc do mắt nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, tiếng do tai nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Hương do mũi nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Vị do lưỡi nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Xúc do thân nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, pháp do ý nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa.

Được nghe nói vậy, Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vấn đề Thế Tôn nói một cách tóm tắt, được con hiểu một cách rộng rãi. Bạch Thế Tôn, loại sắc nào do mắt nhận biết, khi con theo mà bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm, thời loại sắc do mắt nhận biết ấy nên tránh xa. Bạch Thế Tôn, loại sắc nào do mắt nhận biết, khi con theo mà bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng, thời loại sắc do mắt nhận biết ấy nên theo. Bạch Thế Tôn, loại tiếng nào do tai nhận biết... loại hương nào do mũi nhận biết... loại vị nào do lưỡi nhận biết... loại xúc nào do thân nhận biết... loại pháp nào do ý nhận biết, khi con theo mà bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm, thời loại pháp ấy nên tránh xa. Bạch Thế Tôn, loại pháp nào do ý nhận biết, khi con theo mà bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng, thời loại pháp ấy nên theo. Bạch Thế Tôn, vấn đề Thế Tôn nói một cách tóm tắt, được con hiểu một cách rộng rãi. Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con tiêu tan, do dự của con diệt tận.

366. Như vậy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn, Thiên chủ Sakka lại hỏi câu hỏi tiếp:

– Bạch Thế Tôn, có phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đồng một tư tưởng, đồng một giới hạnh, đồng một mong cầu, đồng một chí hướng?

– Này Thiên chủ, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng.

– Bạch Thế Tôn, vì sao tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng?

– Này Thiên chủ, thế giới này gồm có nhiều loại giới, nhiều giới sai biệt. Trong thế giới gồm có nhiều loại giới và nhiều giới sai biệt này, các loại hữu tình tự nhiên thiên chấp một loại giới nào, và khi đã thiên chấp, trở thành kiên trì, cố thủ với định kiến: "Đây là sự thật, ngoài ra toàn là si mê." Do vậy, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng.

– Bạch Thế Tôn, có phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một Phạm hạnh, đồng một mục đích?

– Này Thiên chủ, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một Phạm hạnh, không đồng một mục đích.

– Bạch Thế Tôn, vì sao tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một Phạm hạnh, không đồng một mục đích?

– Này Thiên chủ, chỉ những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã giải thoát do đoạn diệt hoàn toàn tham ái, những vị ấy mới đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một Phạm hạnh, đồng một mục đích. Do vậy, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một Phạm hạnh, không đồng một mục đích.

Đó là câu trả lời của Thế Tôn cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn và nói:

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan.

367. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp:

– Bạch Thế Tôn, tham ái là bệnh tật, tham ái là mụn nhọt, tham ái là mũi tên, tham ái dắt dẫn con người tái sanh đời này, đời khác, khiến con người khi cao, khi thấp. Bạch Thế Tôn, trong khi các Sa-môn, Bà-la-môn khác ngoài giáo phái của Ngài không cho con dịp để hỏi những câu hỏi, thời Thế Tôn lại trả lời những câu hỏi ấy cho con, giảng giải rất lâu cho con, khiến mũi tên nghi ngờ, do dự của con được Thế Tôn rút nhổ đi.

– Này Thiên chủ, ngươi có biết những câu hỏi ấy cũng được ngươi hỏi các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác không?

– Bạch Thế Tôn, con biết rõ những câu hỏi ấy cũng được con hỏi các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác.

– Này Thiên chủ, những vị ấy trả lời với ngươi như thế nào, nếu không gì trở ngại, hãy nói cho Ta biết.

– Bạch Thế Tôn, không gì trở ngại cho con khi Thế Tôn hay những vị như Thế Tôn ngồi nghe.

– Này Thiên chủ, vậy ngươi hãy nói đi.

– Bạch Thế Tôn, những vị Sa-môn, Bà-la-môn mà con nghĩ là những vị sống trong rừng, an tịnh, xa vắng, con đi đến những vị ấy và hỏi những câu hỏi ấy. Các vị này không trả lời cho con, không trả lời, lại hỏi ngược con: "Tôn giả tên gì?" Được hỏi vậy, con trả lời: "Chư Hiền giả, tôi là Thiên chủ Sakka." Rồi những vị ấy lại hỏi thêm con câu nữa: "Do công việc gì Tôn giả Thiên chủ lại đến chỗ này?" Con liền giảng cho những vị ấy Chánh pháp như con đã được nghe và đã được học. Chỉ được từng ấy, các vị ấy hoan hỷ và nói: "Chúng tôi đã được thấy Thiên chủ Sakka. Những điều gì chúng tôi hỏi, vị ấy đều trả lời cho chúng tôi." Không những vậy, các vị này trở thành đệ tử của con chớ không phải con là đệ tử của các vị ấy. Bạch Thế Tôn, nhưng con là đệ tử của Thế Tôn, đã chứng Dự lưu, không còn bị rơi vào đọa xứ, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

368. – Này Thiên chủ, ngươi có biết trước kia ngươi không bao giờ có sự thoải mái như vậy, có sự hỷ lạc như vậy?

– Bạch Thế Tôn, con biết rõ trước kia con không bao giờ có sự thoải mái như vậy, có sự hỷ lạc như vậy.

– Này Thiên chủ, như thế nào ngươi biết được trước kia không bao giờ có sự thoải mái như vậy, có sự hỷ lạc như vậy?

– Bạch Thế Tôn, thuở xưa, một trận chiến tranh xảy ra giữa chư thiên và các vị asura. Bạch Thế Tôn, trong trận chiến tranh này, chư thiên thắng trận, các loài asura bại trận. Bạch Thế Tôn, sau khi thắng trận, con là người thắng trận, con suy nghĩ: "Nay cam lồ của chư thiên và cam lồ của asura, cả hai loại cam lồ, chư thiên sẽ được nếm." Bạch Thế Tôn, thoải mái ấy, hỷ lạc ấy do gậy trượng đem lại, do đao kiếm đem lại, không đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, thoải mái này, hỷ lạc này nhờ nghe Chánh pháp Thế Tôn đem lại, không do gậy trượng, không do đao kiếm, sẽ đưa đến hoàn toàn yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

369. – Này Thiên chủ, khi ngươi cảm thọ sự thoải mái và hỷ lạc như vậy, ngươi cảm thấy những lợi ích gì?

– Bạch Thế Tôn, khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy, con cảm thấy có sáu lợi ích như sau:

Nay con đứng tại đây,
Với thân một vị thiên,
Con thấy được tái sanh,
Bạch Ngài, hãy biết vậy.

Bạch Thế Tôn đó là điều lợi ích thứ nhất con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.

Sau khi chết, con bỏ
Thân chư thiên, phi nhân,
Không muội lược, con đi
Đến bào thai con thích.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ hai con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.

Câu hỏi được đáp rõ,
Hoan hỷ trong Chánh giáo.
Con sống với Chánh trí,
Giác tỉnh và Chánh niệm.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ ba con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.

Con hành với Chánh trí,
Sẽ được quả Bồ-đề,
Sẽ sống đời Chánh giác,
Đời này đời cuối cùng.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ tư con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.

Chết từ thân con người,
Con từ bỏ thân người,
Con sẽ thành chư thiên,
Trong thiên giới vô thượng.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ năm con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.

Thù thắng hơn chư thiên,
Akaniṭṭhā danh xưng,
Sống đời sống cuối cùng,
Như vậy nơi an trú.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ sáu con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.

Bạch Thế Tôn, con cảm thấy sáu sự lợi ích như trên khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.

370. Tâm tư không thỏa mãn,
Nghi ngờ và do dự,
Con sống cầu Như Lai,
Thời gian khá lâu dài.
Con nghĩ các Sa-môn,
Sống một mình cô độc,
Là bậc Chánh Đẳng Giác,
Nghĩ vậy, con tìm gặp.
Làm thế nào thành công?
Làm thế nào thất bại?
Được hỏi câu hỏi vậy,
Không thể chỉ đường hướng.

Biết con là Sakka,
Bậc Thiên chủ, đã đến,
Họ liền gạn hỏi con,
Đến đây có việc gì?
Con liền giảng Chánh pháp,
Cho họ được nghe pháp.
Hoan hỷ, họ bèn nói:
"Họ được thấy Vāsava."
Khi con được thấy Phật,
Nghi ngờ đều tiêu tan.
Nay con sống vô úy,
Hầu hạ bậc Chánh Giác.
Mũi tên độc tham ái,
Đấng Chánh Giác nhổ lên,
Con đảnh lễ Đại Hùng,
Bậc Thân Tộc Mặt Trời.
Tôn giả như Phạm thiên,
Được chư thiên đảnh lễ,
Nay con đảnh lễ Ngài,
Nay con kính lễ Ngài,
Ngài là bậc Chánh Giác,
Bậc Đạo Sư Vô Thượng,
Trong đời, kể chư thiên,
Không ai sánh được Ngài!

371. Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pañcasikha, con của càn-thát-bà:

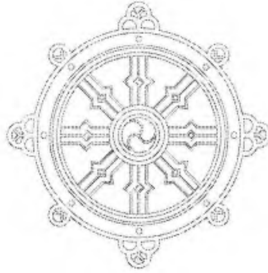
– Này khanh Pañcasikha, ngươi đã giúp ta nhiều việc. Trước nhờ ngươi làm cho Thế Tôn bằng lòng, sau khi ngươi làm cho Thế Tôn bằng lòng, ta mới đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Ta sẽ đóng vai trò thân phụ cho ngươi, ngươi sẽ là vua loài càn-thát-bà. Ta sẽ cho ngươi Bhaddā Suriyavaccasā, người mà ngươi ao ước.

Rồi Thiên chủ Sakka lấy tay chạm đất, đọc lên ba lần bài kệ cảm hứng như sau:

Đảnh lễ đấng Thế Tôn,
Bậc La-hán Chánh Giác!
Đảnh lễ đấng Thế Tôn,
Bậc La-hán Chánh Giác!
Đảnh lễ đấng Thế Tôn,
Bậc La-hán Chánh Giác!

Khi lời tuyên thuyết này được tụng đọc, Pháp nhãn thanh tịnh vô cấu khởi

lên cho Thiên chủ Sakka: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bị hoại diệt."[2] Ngoài ra, tám vạn chư thiên cũng chứng quả tương tự. Đó là những câu hỏi Thiên chủ Sakka được mời hỏi và được Thế Tôn trả lời. Do vậy, cuộc đối thoại này cũng được gọi là: "Những câu hỏi của Sakka (Đế-thích sở vấn)."



[2] Xem *DB*. I. 184.

22. KINH ĐẠI NIỆM XỨ
(*Mahāsatipaṭṭhāna Sutta*)[1]

372. Một thời, Thế Tôn ở xứ Kuru (Câu-lâu), tại Kammāsadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàm) là đô thị của xứ Kuru. Rồi Thế Tôn gọi các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

Các Tỷ-kheo trả lời Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

373. – Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn niệm xứ.

Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

374. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà trống và ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra dài." Thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "an tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Này các Tỷ-kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo, khi quay dài, tuệ tri rằng: "Tôi quay dài", hay khi quay ngắn, tuệ tri rằng: "Tôi quay ngắn"; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thở vô dài, tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, tuệ tri: "Tôi thở ra dài." Thở vô ngắn, tuệ tri: "Tôi thở vô

---

[1] Xem *M.* I. 46, 55; III. 88, 248; *S.* V. 141; *Netti.* 72; *Vin.* I. 1; *Vbh.* 99, 193; *Kvu.* 155, 486, 488. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T.*01. 0026.98. 0582b07). Tham chiếu: *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T.*01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (*T.*01. 0026.81. 0554c10); *Phật thuyết Tứ đế kinh* 佛說四諦經 (*T.*01. 0032. 0814b08).

ngắn"; hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "an tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

375. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi, tuệ tri: "Tôi đi"; hay đứng, tuệ tri: "Tôi đứng"; hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngồi"; hay nằm, tuệ tri: "Tôi nằm." Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân như thế ấy.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

376. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới, ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Tăng-già-lê (*Saṅghaṭi*), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

377. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: "Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu."

Này các Tỷ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống[2] đựng đầy các loại

---

[2] *Mutoḷī*. Xem *M.* I. 57 và III. 90.

hột như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, lúa đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quan sát: "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi"; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: "Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu."

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

378. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."

Này các Tỷ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

379. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, như thấy một thi thể quăng bỏ trong

nghĩa địa bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài dã can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo, như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa với các xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại...; với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại...; với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại...; chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu... Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

380. Này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo khi cảm giác lạc thọ, biết rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ"; khi cảm giác khổ thọ, biết rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ"; khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, biết rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ"; hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất"; hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất"; hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất."

Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên cả nội thọ, ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ, hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. "Có thọ đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ.

381. Này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo: "Với tâm có tham, biết rằng tâm có tham"; hay "với tâm không tham, biết rằng tâm không tham"; hay "với tâm có sân, biết rằng tâm có sân"; hay "với tâm không sân, biết rằng tâm không sân"; hay "với tâm có si, biết rằng tâm có si"; hay "với tâm không si, biết rằng tâm không si"; hay "với tâm thâu nhiếp, biết rằng tâm được thâu nhiếp"; hay "với tâm tán loạn, biết rằng tâm bị tán loạn"; hay "với tâm quảng đại, biết rằng tâm được quảng đại"; hay "với tâm không quảng đại, biết rằng tâm không được quảng đại"; hay "với tâm hữu hạn, biết rằng tâm hữu hạn"; hay "với tâm vô thượng, biết rằng tâm vô thượng"; hay "với tâm có định, biết rằng tâm có định"; hay "với tâm không định, biết rằng tâm không định"; hay "với tâm giải thoát, biết rằng tâm giải thoát"; hay "với tâm không giải thoát, biết rằng tâm không giải thoát."

Như vậy, vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên cả nội tâm, ngoại tâm. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên tâm, hay sống quán tánh diệt tận trên tâm, hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm. "Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy vị Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm.

382. Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có tham dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có tham dục"; hay nội tâm không có tham dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có tham dục." Và với tham dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy. Và với tham dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy. Và với tham dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi có sân hận"; hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có sân hận"; và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên"; hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên"; và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay nội tâm có trạo hối, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có trạo hối"; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có trạo hối"; và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay nội tâm có nghi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có nghi"; hay nội tâm không có nghi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có nghi"; và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.

383. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư: "Đây là sắc, đây là sắc sanh, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ sanh, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng sanh, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành sanh, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức sanh, đây là thức diệt."

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên

các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn.

384. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy... tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng... tuệ tri mũi và tuệ tri các hương... tuệ tri lưỡi và tuệ tri các vị... tuệ tri thân và tuệ tri các xúc... tuệ tri ý và tuệ tri các pháp, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ.

385. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy giác chi. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy giác chi?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có Niệm giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có Niệm giác chi"; hay nội tâm không có Niệm giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có Niệm giác chi"; và với Niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với Niệm giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

... nội tâm có Trạch pháp giác chi...

... nội tâm có Tinh tấn giác chi...

... nội tâm có Hỷ giác chi...

... nội tâm có Khinh an giác chi...

... nội tâm có Định giác chi...

... nội tâm có Xả giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có Xả giác chi"; hay nội tâm không có Xả giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi không có Xả giác chi"; và với Xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với Xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy giác chi.

386. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn sự thật. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn sự thật?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ"; như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập"; như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt"; như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

387. Và này các Tỷ-kheo, thế nào Khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, [bệnh là khổ], chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, sự gắn bó với những gì không ưa thích là khổ, sự chia lìa với những gì yêu thích là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

388. Này các Tỷ-kheo thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là sanh.

389. Này các Tỷ-kheo, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại, này các Tỷ-kheo, như vậy là già.

390. Này các Tỷ-kheo, thế nào là chết? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chết.

391. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sầu? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu, sự sầu lo, sự sầu muộn, nội sầu, mọi khổ sầu của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là sầu.

392. Này các Tỷ-kheo, thế nào là bi? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là bi.

393. Này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ? Này các Tỷ-kheo, sự đau khổ về

thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sảng khoái do thân cảm thọ, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là khổ.

394. Này các Tỷ-kheo, thế nào là ưu? Này các Tỷ-kheo, sự đau khổ về tâm, sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là ưu.

395. Này các Tỷ-kheo, thế nào là não? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là não.

396. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự gắn bó với những gì không ưa thích là khổ [oán tắng hội khổ]? Này các Tỷ-kheo, ở đây, có bất cứ sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà không thích, không ưa, không vừa lòng; hay người mà muốn gây bất lợi, muốn gây vô ích, muốn gây bất lạc, muốn gây bất ổn; sự đi chung, gặp gỡ, hiệp cùng, hòa lẫn với những nhân vật ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là oán tắng hội khổ.

397. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự chia lìa với những gì yêu thích là khổ [ái biệt ly khổ]? Này các Tỷ-kheo, ở đây, có bất cứ sắc, thinh, hương, vị, xúc mà ưa thích, ham muốn vừa lòng; hay người mà mong đem lợi ích, mong đem may mắn, mong đem an lạc, mong đem an ổn; tức là mẹ hay cha, hoặc anh em, chị em, bạn bè, thân hữu, bà con huyết thống; sự không được hội ngộ, không được trùng phùng, không được chung sống, không được hòa mình với các nhân vật ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là ái biệt ly khổ.

398. Này các Tỷ-kheo, thế nào là cầu bất đắc khổ? Này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh!" Lời cầu mong ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối! Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não!" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

399. Này các Tỷ-kheo, như thế nào là tóm lại năm thủ uẩn là khổ? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

400. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ tập Thánh đế?

Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia như dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Này các Tỷ-kheo, sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đâu, khi an trú thì an trú ở đâu? Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái, sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái? Ở đời, con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, tai... Ở đời, mũi... Ở đời, lưỡi... Ở đời, thân... Ở đời, ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, các sắc... Ở đời, các tiếng... Ở đời, các hương... Ở đời, các vị... Ở đời, các cảm xúc... Ở đời, các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, nhãn thức... Ở đời, nhĩ thức... Ở đời, tỷ thức... Ở đời, thiệt thức... Ở đời, thân thức... Ở đời, ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc... Ở đời, nhĩ xúc... Ở đời, tỷ xúc... Ở đời, thiệt xúc... Ở đời, thân xúc... Ở đời, ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc sở sanh thọ... Ở đời, nhĩ xúc sở sanh thọ... Ở đời, tỷ xúc sở sanh thọ... Ở đời, thiệt xúc sở thanh thọ... Ở đời, thân xúc sở sanh thọ... Ở đời, ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tưởng... Ở đời, thanh tưởng... Ở đời, hương tưởng... Ở đời, vị tưởng... Ở đời, xúc tưởng... Ở đời, pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tư... Ở đời, thanh tư... Ở đời, hương tư... Ở đời, vị tư... Ở đời, xúc tư... Ở đời, pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc ái... Ở đời, thanh ái... Ở đời, hương ái... Ở đời, vị ái... Ở đời, xúc ái... Ở đời, pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tầm... Ở đời, thanh tầm... Ở đời, hương tầm... Ở đời, vị tầm... Ở đời, xúc tầm... Ở đời, pháp tầm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tứ... Ở đời, thanh tứ... Ở đời, hương tứ... Ở đời, vị tứ... Ở đời, xúc tứ... Ở đời, pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

401. Này các Tỷ-kheo, và thế nào là Khổ diệt Thánh đế?

Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm [tham ái ấy].

Này các Tỷ-kheo, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đâu, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đâu? Ở đời, các sắc gì thân ái, các sắc gì khả ái, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái? Ở đời, con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời,

lỗ tai... Ở đời, mũi... Ở đời, lưỡi... Ở đời, thân... Ở đời, ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, các sắc... Ở đời, các tiếng... Ở đời, các mùi hương... Ở đời, các vị... Ở đời, các xúc... Ở đời, các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, nhãn thức... Ở đời, nhĩ thức... Ở đời, tỷ thức... Ở đời, thiệt thức... Ở đời, thân thức... Ở đời, ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc... Ở đời, nhĩ xúc... Ở đời, tỷ xúc... Ở đời, thiệt xúc... Ở đời, thân xúc... Ở đời, ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc sở sanh thọ... Ở đời, nhĩ xúc sở sanh thọ... Ở đời, tỷ xúc sở sanh thọ... Ở đời, thiệt xúc sở sanh thọ... Ở đời, thân xúc sở sanh thọ... Ở đời, ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tưởng... Ở đời, thanh tưởng... Ở đời, hương tưởng... Ở đời, vị tưởng... Ở đời, xúc tưởng... Ở đời, pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tư... Ở đời, thanh tư... Ở đời, hương tư... Ở đời, vị tư... Ở đời, xúc tư... Ở đời, pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc ái... Ở đời, thanh ái... Ở đời, hương ái... Ở đời, vị ái... Ở đời, xúc ái... Ở đời, pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tầm... Ở đời, thanh tầm... Ở đời, hương tầm... Ở đời, vị tầm... Ở đời, xúc tầm... Ở đời, pháp tầm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tứ... Ở đời, thanh tứ... Ở đời, hương tứ... Ở đời, vị tứ... Ở đời, xúc tứ... Ở đời, pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

402. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế?

Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh tri kiến?

Này các Tỷ-kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh tư duy?

Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cướp, tự chế không tà dâm, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh mạng?

Này các Tỷ-kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh mạng.

Này các Tỷ-kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh niệm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời… trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh niệm.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh định?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh định.

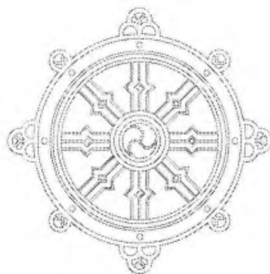
Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.

403. Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.

404. Này các Tỷ-kheo, vị nào tu tập Bốn niệm xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này như vậy trong sáu năm... trong năm năm... trong bốn năm... trong ba năm... trong hai năm... trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến một năm, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì bảy tháng, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong sáu tháng... trong năm tháng... trong bốn tháng... trong ba tháng... trong hai tháng... trong một tháng... trong nửa tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì nửa tháng, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong bảy ngày, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

405. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến sự thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn niệm xứ.

Thế Tôn thuyết pháp đã xong, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



23. KINH TỆ-TÚC
(*Pāyāsi Sutta*)[1]

406. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Kumāra Kassapa (Cưu-ma-la Ca-diếp) đang du hành trong nước Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đi đến một đô thị của Kosala tên là Setavyā (Tư-ba-ê). Rồi Tôn giả Kumāra Kassapa trú về phía Bắc thành này, trong rừng Siṃsapā (Thi-xá-bà). Lúc bấy giờ, Hoàng tử Pāyāsi (Tệ-túc) cư trú tại Setavyā, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp.

407. Lúc bấy giờ, Hoàng tử Pāyāsi khởi lên ác, tà kiến như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." Các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā được nghe: "Sa-môn Kumāra Kassapa, đệ tử Sa-môn Gotama, đang du hành trong nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Setavyā, trú về phía Bắc thành này, trong rừng Siṃsapā." Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Tôn giả Kumāra Kassapa được khởi lên: "Tôn giả là bậc học rộng, tài cao, diệu trí, đa văn, lời nói thấu tâm, biện tài thiện xảo, bậc Trưởng lão và bậc A-la-hán. Lành thay nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!" Rồi các vị Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā, từng đoàn, từng chúng, từng nhóm, đi về hướng Bắc, đến tại rừng Siṃsapā.

408. Lúc bấy giờ, Hoàng tử Pāyāsi đi lên lầu thượng để nghỉ trưa. Hoàng tử Pāyāsi thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā đi ra khỏi thành Setavyā, từng đoàn, từng chúng, từng nhóm đi về hướng Bắc, đến tại rừng Siṃsapā. Thấy vậy, Hoàng tử cho gọi quan hộ thành và hỏi:

– Này khanh, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā đi ra khỏi thành Setavyā, từng đoàn, từng chúng, từng nhóm, đi về hướng Bắc, đến tại rừng Siṃsapā như vậy?

– Thưa Ngài, có Sa-môn Kumāra Kassapa, đệ tử Sa-môn Gotama, đang du hành trong nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Setavyā, trú về phía Bắc thành này, trong rừng Siṃsapā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Tôn giả Kumāra Kassapa được khởi lên: "Tôn giả là bậc học rộng,

---

[1] Xem *J.* I. 380; *Miln.* 195. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Tệ-túc kinh* 弊宿經 (*T*.01. 0001.07. 0042b24). Tham chiếu: *Tỳ-tứ kinh* 蜱肆經 (*T*.01. 0026.71. 0525a10); *Đại Chánh Cú Vương kinh* 大正句王經 (*T*.01. 0045. 0831a06).

tài cao, diệu trí, đa văn, lời nói thấu tâm, biện tài thiện xảo, bậc Trưởng lão và bậc A-la-hán." Các vị ấy đi đến yết kiến Tôn giả Kumāra Kassapa.

– Này khanh, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ấy và nói với họ như sau: "Hoàng tử Pāyāsi nói các Hiền giả hãy đợi. Hoàng tử Pāyāsi cũng sẽ đến yết kiến Sa-môn Kumāra Kassapa." Trước kia, Sa-môn Kumāra Kassapa cảm hóa các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā ngu muội và kém khả năng theo quan điểm: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo." Này khanh, sự thật không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.

– Xin vâng, thưa Ngài.

Vị quan hộ thành vâng lời Hoàng tử Pāyāsi, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā và nói:

– Chư Hiền giả hãy chờ đợi, Hoàng tử Pāyāsi sẽ đến yết kiến Sa-môn Kumāra Kassapa.

409. Rồi Hoàng tử Pāyāsi được các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā hộ tống cùng đi đến rừng Siṃsapā, chỗ trú của Tôn giả Kumāra Kassapa. Sau khi đến, Hoàng tử bèn nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyā, có người đảnh lễ Tôn giả Kumāra Kassapa rồi ngồi xuống một bên; có người nói lời thân ái, chào đón chúc tụng Tôn giả Kumāra Kassapa rồi ngồi xuống một bên; có người chắp tay vái chào Tôn giả Kumāra Kassapa rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên họ rồi ngồi xuống một bên; có người yên lặng ngồi xuống một bên.

410. Sau khi ngồi xuống một bên, Hoàng tử Pāyāsi thưa với Tôn giả Kumāra Kassapa:

– Tôn giả Kassapa, tôi có chủ thuyết và tri kiến như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Này Hoàng tử, tôi không thấy, không nghe quan điểm như vậy, tri kiến như vậy. Sao Hoàng tử lại nói: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo"?

411. Thưa Hoàng tử, tôi sẽ hỏi Hoàng tử một vài câu hỏi, Hoàng tử thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Hoàng tử nghĩ thế nào, mặt trời và mặt trăng này, chúng thuộc thế giới này hay thế giới khác? Chúng thuộc chư thiên hay loài người?

– Tôn giả Kassapa, mặt trời và mặt trăng thuộc thế giới khác, không phải thế giới này, chúng thuộc chư thiên, không thuộc loài người.

– Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy, cần phải chấp nhận rằng: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

412. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Này Hoàng tử, sự kiện gì để chứng minh rằng: “Không có đời sau, không có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo”?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện để chứng minh rằng: “Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.”

– Này Hoàng tử, như thế nào?

– Tôn giả Kassapa, tôi có những người bạn tri kỷ, thân tộc cùng một huyết thống. Những người này sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến. Những người này, sau một thời gian, bị trọng bịnh, bị đau khổ, bị chứng tật. Khi tôi biết những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và nói: “Này các Hiền giả, một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: ‘Những ai sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói lời hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến, những người này sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.’ Nay các Hiền giả sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến. Nếu lời nói những vị Sa-môn Bà-la-môn ấy chính xác, thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: ‘Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.’ Các Hiền giả là các thiện hữu thành tâm của ta, những gì các Hiền giả thấy, thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy.” Các vị này bằng lòng làm như vậy và nói: “Tâu vâng”, nhưng không có ai đến nói cho tôi biết, cũng không cho gửi sứ giả đến. Này Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi có tri kiến: “Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.”

413. – Này Hoàng tử, nay tôi sẽ hỏi Hoàng tử, Hoàng tử thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Hoàng tử nghĩ thế nào. Ở đời, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho Ngài: “Thưa Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài muốn!” Hoàng tử trả lời những người ấy: “Hãy trói người này thật chặt, dùng dây thật chắc trói hai tay ra đằng sau, cạo trọc đầu hắn ta, cho đánh trống lớn tiếng và dẫn hắn ta đi từ đường này đến đường khác, giao lộ này sang giao lộ khác, xong đưa ra khỏi cổng thành hướng Nam mà chặt đầu tại pháp trường hướng Nam!” Những người ấy vâng lời, trói người ăn trộm thật chặt, dùng dây thật chắc trói hai tay ra đằng sau, cạo trọc đầu hắn ta, cho đánh trống lớn tiếng và dẫn hắn ta đi từ đường này đến đường khác, giao lộ này sang giao lộ khác, xong đưa hắn ta ra khỏi cổng thành hướng Nam và tại pháp trường hướng Nam, bắt hắn ta ngồi xuống. Nay người ăn trộm ấy có thể xin người đem chém mình: “Thưa quý vị, quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở tại làng này, hay xã này!” Hay những người ấy chặt ngay đầu người ăn trộm cầu xin như vậy?

– Tôn giả Kassapa, người ăn trộm ấy không được những người đem chém mình cho phép: "Thưa quý vị, quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở tại làng này, hay xã này!" Những người ấy chặt ngay đầu người ăn trộm cầu xin như vậy.

– Này Hoàng tử, người ăn trộm thuộc loài người, không được phép người xử trảm mình cũng là loài người: "Thưa quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở làng này, hay ở xã này", thời làm sao những người thân bằng quyến thuộc của Ngài, đã sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, lại được những người coi giữ địa ngục cho phép: "Thưa quý vị coi giữ địa ngục, quý vị hãy cho phép tôi về tâu với Hoàng tử Pāyāsi: 'Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.'"

Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy, cần phải chấp nhận rằng: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

414. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Này Hoàng tử, có sự kiện gì để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo"?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Này Hoàng tử, như thế nào?

– Tôn giả Kassapa, tôi có những thân bằng quyến thuộc gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Những người này, sau một thời gian, bị trọng bịnh, bị đau khổ, bị chứng tật. Khi tôi biết những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và nói: "Một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm, những tri kiến như sau: 'Những ai gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, những người ấy khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.' Chư Hiền giả gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chính xác, thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nếu các Hiền giả, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: 'Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.' Các Hiền giả là thiện hữu thành tâm của ta, những gì các Hiền giả thấy thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy." Các vị này bằng lòng

làm như vậy và nói: "Tâu vâng", nhưng không có ai đến nói cho tôi biết, cũng không cho gửi các sứ giả đến. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi có tri kiến: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

415. – Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Hoàng tử một ví dụ. Ở đời, một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, ví như có người té rơi vào hầm phân. Ngài nói với các người khác: "Hãy kéo người này ra khỏi hầm phân!" Những người ấy vâng theo, nói: "Tâu vâng" và kéo người kia ra khỏi hầm phân ấy. Ngài nói với những người ấy: "Hãy lấy que tre gạt phân ra khỏi thân của người kia!" Những người này vâng theo, nói: "Tâu vâng" và lấy que tre gạt phân ra khỏi thân người kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy cho thoa bóp ba lần thân người kia bằng bùn non màu vàng." Và những người ấy cho thoa bóp ba lần thân người kia bằng bùn non thơm màu vàng. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy lấy dầu thoa và tắm cho người kia ba lần và dùng bột mịn cuṇṇa thoa cho nó!" Và những người ấy lấy dầu thoa và tắm cho người kia ba lần và dùng bột mịn cuṇṇa thoa cho nó. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy sửa soạn râu tóc cho người kia!" Và những người ấy sửa soạn râu tóc cho kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy lấy vòng hoa quý, dầu thơm quý và vải quý trang điểm cho người kia!" Và những người ấy trang điểm vòng hoa quý, dầu thơm quý và vải quý cho người kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy đưa người kia đến tòa lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc!" Và những người ấy đưa người kia đến tòa lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc. Hoàng tử nghĩ thế nào, người kia khéo tắm như vậy, khéo thoa dầu, khéo sửa soạn râu tóc, khéo trang điểm với vòng hoa và vải trắng, được đưa đến lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc sung túc, thỏa mãn như vậy, thử hỏi người kia có chịu đâm đầu vào hầm phân ấy nữa không?

– Thưa không, Tôn giả Kassapa.

– Vì sao không?

– Tôn giả Kassapa, hầm phân là bất tịnh và được xem là bất tịnh, xú uế và được xem là xú uế, ghê tởm và được xem là ghê tởm, yếm ố và được xem là yếm ố.

– Này Hoàng tử, cũng như vậy, đối với chư thiên thì loài người bất tịnh và được xem là bất tịnh, xú uế và được xem là xú uế, ghê tởm và được xem là ghê tởm, yếm ố và được xem là yếm ố. Này Hoàng tử, mùi hôi của loài người khiến chư thiên ghê tởm xa đến một trăm do-tuần. Làm sao những người thân bằng quyến thuộc của Ngài, gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này, những người ấy có thể về tin lại cho Hoàng tử: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo." Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy, nên: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

416. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Hoàng tử, có sự kiện gì?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện...

– Hoàng tử, như thế nào?

– Tôn giả Kassapa, tôi có những người thân bằng quyến thuộc gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Những người này, sau một thời gian, bị trọng bệnh, bị đau khổ, bị chứng tật. Khi tôi biết những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và nói: "Một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: 'Những ai gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, những người ấy khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.' Chư Hiền giả gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Nếu lời nói của những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chính xác, thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: 'Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.' Các Hiền giả là thiện hữu thành tâm của ta, những gì các Hiền giả thấy sẽ là như vậy, như chính ta được thấy." Các vị này bằng lòng làm như vậy và nói: "Tâu vâng", nhưng không có ai đến nói cho tôi biết, cũng không cho gửi các sứ giả đến. Này Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi có tri kiến: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

417. – Này Hoàng tử, tôi sẽ hỏi Ngài. Ngài thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Này Hoàng tử, tuổi loài người một trăm năm bằng một ngày một đêm của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Ba mươi đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng như vậy là một năm, một ngàn năm ở thiên giới như vậy là tuổi thọ của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Những thân bằng quyến thuộc của Hoàng tử như vậy gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu men rượu nấu. Các vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này và làm thiện hữu với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Nếu những vị này suy nghĩ: "Chúng ta hãy thọ hưởng năm món dục lạc sung túc, thỏa mãn hai hay ba ngày đêm ở thiên giới, rồi sau sẽ đến Hoàng tử Pāyāsi và tin cho biết: 'Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.'" Và những vị ấy có đến Ngài và tin cho biết: "Có đời sau, có loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo" không?

– Thưa không, Tôn giả Kassapa. Tôn giả Kassapa, vì chúng tôi sẽ chết lâu rồi. Nhưng ai cho Tôn giả Kassapa biết: "Có chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuổi thọ là như vậy"? Tôn giả Kassapa, chúng tôi không tin rằng: "Có chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuổi thọ là như vậy."

418. – Này Hoàng tử, như có người sanh ra đã mù, không thấy được các sắc đen hay sắc trắng, không thấy được các sắc xanh hay sắc vàng, các sắc đỏ hay đỏ thẫm, không thấy được các vật tế nhị hay thô cứng, không thấy được các sao hay mặt trăng, mặt trời. Người ấy nói: "Không có các sắc đen hay trắng, không có người thấy các sắc đen hay trắng; không có sắc xanh, không có người thấy sắc xanh; không có sắc vàng, không có người thấy sắc vàng; không có sắc đỏ, không có người thấy sắc đỏ; không có sắc đỏ thẫm, không có người thấy sắc đỏ thẫm; không có các vật tế nhị hay thô cứng, không có người thấy các vật tế nhị hay thô cứng; không có các vì sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt trăng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng, mặt trời. Tôi không biết vật này, tôi không thấy vật này, do vậy vật này không có." Này Hoàng tử, nói như vậy có phải nói một cách hợp lý không?

– Thưa không, Tôn giả Kassapa. Có các sắc đen hay trắng, có người thấy các sắc đen hay trắng; có sắc xanh, có người thấy sắc xanh; có sắc vàng, có người thấy sắc vàng; có sắc đỏ, có người thấy sắc đỏ; có sắc nâu, có người thấy sắc nâu; có các vật tế nhị hay thô cứng, có người thấy các vật tế nhị hay thô cứng; có các vì sao, có người thấy các vì sao; có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng, mặt trời. "Tôi không biết vật này, tôi không thấy vật này, do vậy vật này không có." Tôn giả Kassapa, ai nói như vậy là nói không hợp lý.

– Cũng vậy, này Hoàng tử, Ngài nói cũng giống người sinh ra đã mù khi Ngài nói với tôi: "Ai bảo Tôn giả Kassapa biết rằng: 'Có chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuổi thọ là như vậy'", chúng tôi không tin rằng: "Có chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuổi thọ là như vậy."

Này Hoàng tử, đời sau, không như Ngài nghĩ, có thể thấy bằng con mắt thịt. Này Hoàng tử, có những Sa-môn, Bà-la-môn sống những chỗ hẻo lánh trong rừng, ít có tiếng ồn, ít có tiếng động. Tại những chỗ ấy, các vị này sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, làm cho Thiên nhãn trong sạch. Rồi với Thiên nhãn thanh tịnh thắng xa loài người, các vị ấy thấy đời này, đời sau, và thấy các loại hóa sanh. Này Hoàng tử, đời sau, phải được thấy như vậy, không phải như Ngài nghĩ, với con mắt thịt. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên tôi có tri kiến: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

419. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Hoàng tử, có sự kiện gì khác?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện...

– Hoàng tử, như thế nào?

– Tôn giả Kassapa, ở đây, tôi thấy có những Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh, ham sống, ngại chết, ham sướng, ngại khổ. Tôn giả Kassapa, rồi tôi nghĩ: "Nếu những Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh này được biết: 'Sau khi chúng ta chết rồi, đời chúng ta sẽ được tốt đẹp hơn' thì những Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh ấy, có thể uống thuốc độc, hoặc lấy kiếm đâm, hoặc tự giết mình bằng cách treo cổ hay tự lao mình xuống hố sâu." Nhưng vì những Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh ấy không được biết: "Sau khi chúng ta chết rồi, đời chúng ta sẽ được tốt đẹp hơn", do vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh, ham sống, ngại chết, ham sướng, ngại khổ ấy không tự tử. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

420. – Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Hoàng tử một ví dụ. Ở đời, một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, ngày xưa có một người Bà-la-môn có hai người vợ. Từ một người vợ, ông ta có đứa con trai, mười hoặc mười hai tuổi; còn người vợ kia đang mang thai, sắp đến kỳ sinh nở. Rồi người Bà-la-môn ấy mệnh chung. Đứa con trai ấy nói với tiểu mẫu kia: "Này tiểu mẫu, phàm có tài sản gì, hoặc lúa, hoặc bạc, hoặc vàng, tất cả đều là của tôi. Tiểu mẫu nay không được hưởng gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha tôi." Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn nữ kia nói với đứa con trai ấy: "Tiểu tử hãy chờ ta sanh con. Nếu ta sanh con trai, thì một phần gia tài thuộc về nó; nếu ta sanh con gái, thời nó sẽ hầu hạ con."

Lần thứ hai, đứa con trai ấy nói với tiểu mẫu kia: "Này tiểu mẫu, phàm có tài sản gì, hoặc lúa, hoặc bạc, hoặc vàng, tất cả đều là của tôi. Tiểu mẫu nay không được hưởng gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha tôi." Lần thứ hai, Bà-la-môn nữ kia nói với đứa con trai ấy: "Tiểu tử hãy chờ ta sanh con. Nếu ta sanh con trai thì một phần gia tài thuộc về nó; nếu ta sanh con gái, thời nó sẽ hầu hạ con."

Lần thứ ba, đứa con trai ấy nói với tiểu mẫu kia: "Này tiểu mẫu, phàm có tài sản gì, hoặc lúa, hoặc bạc, hoặc vàng, tất cả đều là của tôi. Tiểu mẫu không được hưởng gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha tôi." Rồi người Bà-la-môn nữ ấy lấy một con dao, vào trong nội phòng và rạch bụng ra: "Ta muốn biết đó là con trai hay con gái." Như vậy, người đàn bà ấy hại đời sống của mình, hại luôn cái thai và hại luôn tài sản của mình vì bà ta ngu xuẩn và si mê, đã đi tìm của thừa tự một cách vô trí, nên gặp phải bất hạnh và tổn thất. Cũng vậy, vì ngu xuẩn và si mê, Ngài gặp phải bất hạnh và tổn thất khi Ngài đi tìm đời sau một cách vô trí, cũng giống Bà-la-môn nữ kia, vì ngu xuẩn và si mê, đã đi tìm thừa tự một cách vô trí. Này Hoàng tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh, không bắt buộc cái gì chưa chín phải chín, các vị ấy chờ chín muồi đến. Này Hoàng tử, vì có trí, các vị Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh cần đến mạng sống. Này Hoàng tử, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn giữ

giới, có thiện tánh, sống lâu ở trên đời này bao nhiêu, các vị ấy làm được nhiều công đức bấy nhiêu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên: "Có đời sau, có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

421. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Hoàng tử, có sự kiện gì khác?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện...

– Này Hoàng tử, như thế nào?

– Này Tôn giả Kassapa, ở đây, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi và nói: "Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài muốn!" Tôi nói với họ: "Này các người, hãy bỏ sống người này trong một cái chum, bịt miệng chum lại, dùng da ướt bao lại, dùng đất sét ướt quện lại trét lớp dày, nhắc chum ấy trên cái lò và nổi lửa đốt!" Các người ấy đáp: "Tâu vâng", rồi họ bỏ sống người ấy trong cái chum, bịt miệng chum lại, dùng da ướt bao lại, dùng đất sét ướt quện lại trét lớp dày, nhắc chum ấy trên cái lò và nổi lửa đốt. Khi chúng tôi biết người ấy đã chết, liền nhắc chum ấy xuống, cởi các dây buộc, mở miệng chum ra, vội vàng nhìn kỹ: "Có thể chúng ta sẽ thấy linh hồn người ấy đi ra!" Nhưng chúng tôi không thấy linh hồn người ấy đi ra. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi tin rằng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

422. – Này Hoàng tử, tôi sẽ hỏi lại Ngài, Ngài thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Này Hoàng tử, khi Ngài nghỉ trưa, Ngài có chấp nhận Ngài có thấy những cảnh mộng hoan lạc ở vườn, ở rừng, ở đồng bằng, ở ao hồ không?

– Tôn giả Kassapa, tôi xác nhận khi đi nghỉ trưa, tôi có thấy những cảnh mộng hoan lạc ở vườn, ở rừng, ở đồng bằng, ở ao hồ.

– Trong khi ấy, có phải Ngài được một số người hầu hạ một bên, những người gù lưng, thấp lùn, thiếu phụ và con gái?

– Vâng, Tôn giả Kassapa, trong khi ấy, tôi được một số người hầu hạ một bên, những người gù lưng, thấp lùn, thiếu phụ và con gái.

– Và họ thấy linh hồn của Ngài đi ra hay đi vào không?

– Tôn giả Kassapa, thưa không.

– Này Hoàng tử, họ không thấy linh hồn của Hoàng tử đi ra hay đi vào, thời làm sao Ngài có thể thấy linh hồn một người chết đi vào hay đi ra được? Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

423. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Hoàng tử, có sự kiện gì?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện...

– Hoàng tử, như thế nào?

– Tôn giả Kassapa, ở đây, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài muốn!" Tôi nói với họ: "Các ngươi hãy đem cân sống hắn ta đi, rồi lấy dây cung thắt cổ cho hắn ta chết, xong đem cân lại!" Những người này vâng lời tôi và đáp: "Tâu vâng", rồi họ đem cân sống người ăn trộm ấy, lấy dây cung thắt cổ hắn ta, cho đến chết xong cân lại. Khi hắn ta sống thì hắn ta nhẹ, mềm mại, nhu nhuyến. Khi hắn ta chết thì hắn ta nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyến. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

424. – Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, ví như người cân một hòn sắt được đốt nóng trọn ngày, cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực, và một thời khác cũng đem cân hòn sắt ấy nhưng nay đã nguội lạnh. Khi nào thì hòn sắt ấy nhẹ hơn, mềm mại hơn, hay nhu nhuyến hơn? Khi hòn sắt ấy đang cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực hay khi đã nguội lạnh?

– Tôn giả Kassapa, khi hòn sắt ấy có lửa, có gió, cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực, khi ấy hòn sắt nhẹ hơn, mềm mại hơn và nhu nhuyến hơn. Khi hòn sắt ấy không có lửa, không có gió, không cháy đỏ, không hừng lửa, nguội lạnh rồi, khi đó hòn sắt nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyến.

– Này Hoàng tử, khi thân này có tuổi thọ, có sức nóng, có thức thì nó nhẹ hơn, mềm mại hơn và nhu nhuyến hơn. Khi thân này không có tuổi thọ, không có sức nóng và không có thức thời nó nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyến. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

425. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Này Hoàng tử, có sự kiện gì?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện...

– Hoàng tử, như thế nào?

– Tôn giả Kassapa, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài muốn!" Tôi nói với họ như sau: "Các ngươi hãy giết người này bằng cách lột da ngoài, da trong, thịt, gân, xương và xương tủy của hắn ta!" Những người này vâng lời tôi và đáp: "Tâu vâng, Hoàng tử", rồi họ bèn giết người ấy bằng cách lột da ngoài, da trong, thịt, gân, xương và xương tủy. Khi người ấy chết một phần nửa, tôi bảo họ: "Hãy lật ngược người này nằm

ngửa, và xem linh hồn của hắn ta có đi ra không!" Họ lật ngược người này nằm ngửa và chúng tôi không thấy linh hồn người ấy đi ra. Tôi lại bảo họ: "Hãy lật người này nằm xấp lại... nằm phía một bên... nằm phía bên kia... đặt người đó đứng thẳng... đặt người ấy đứng lộn đầu xuống... đánh người ấy bằng tay... đánh người ấy bằng cục đất... đánh người ấy bằng gậy... đánh người ấy bằng gươm... đánh người ấy phía bên này... đánh người ấy phía bên kia... đánh người ấy cùng khắp tất cả và xem linh hồn của hắn ta có đi ra không!" Họ đánh hắn ta phía bên này, đánh hắn ta phía bên kia, đánh hắn ta cùng khắp tất cả và chúng tôi không thấy linh hồn hắn ta đi ra. Hắn ta có mắt và sắc tướng có mặt, nhưng căn không cảm thọ được sắc trần. Hắn ta có tai và các tiếng có mặt, nhưng căn không cảm thọ được thinh trần. Hắn ta có mũi và các hương có mặt, nhưng căn không cảm thọ được hương trần. Hắn ta có lưỡi và các vị có mặt, nhưng căn không cảm thọ được vị trần. Hắn ta có thân và các xúc có mặt, nhưng căn không cảm thọ được xúc trần. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

426. – Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói. Này Hoàng tử, thuở xưa có một người thổi tù và, cầm tù và bằng vỏ ốc và đi đến vùng quê biên giới. Người ấy đi đến một làng kia; sau khi đến xong, đứng giữa làng, thổi ống tù và ba lần, đặt ống tù và xuống đất và ngồi xuống một bên. Này Hoàng tử, những người dân ở vùng quê biên giới ấy suy nghĩ: "Tiếng ấy là tiếng của ai mà lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, hấp dẫn như vậy, rung cảm như vậy?" Họ tụ họp lại và hỏi người thổi tù và: "Này bạn, tiếng ấy là tiếng của ai mà lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, hấp dẫn như vậy, rung cảm như vậy?"

– Này các bạn, đây là cái tù và, và tiếng của tù và ấy khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, hấp dẫn như vậy, rung cảm như vậy.

Họ bèn đặt chiếc tù và nằm ngửa và nói: "Hãy nói đi, bạn tù và! Hãy nói đi, bạn tù và!", nhưng chiếc tù và ấy không nói tiếng gì hết. Họ đặt chiếc tù và ấy nằm úp xuống... nằm phía bên này... nằm phía bên kia... đặt đứng thẳng... đặt ngược đầu xuống... lấy tay đánh... lấy cục đất đánh... lấy gậy đánh... lấy gươm đánh... đánh phía bên này... đánh phía bên kia... đánh cùng khắp tất cả và nói: "Này bạn tù và, hãy nói đi! Này bạn tù và, hãy nói đi!", nhưng chiếc tù và ấy không nói gì cả. Này Hoàng tử, rồi người thổi tù và suy nghĩ như sau: "Thật là ngu si, những người dân ở vùng quê biên giới này! Sao lại đi tìm tiếng tù và một cách vô ý thức như vậy!" Trong khi họ đang tìm kiếm như vậy, người thổi tù và cầm chiếc tù và lên, thổi lên ba lần rồi cầm chiếc tù và ra đi. Này Hoàng tử, những người ở vùng quê biên giới suy nghĩ như sau: "Này các bạn, chiếc tù và này, khi nào có người phụ trợ, có sự nỗ lực phụ trợ và có gió thổi phụ trợ, thì chiếc tù và phát ra tiếng. Khi nào chiếc tù và này không có người phụ trợ, không có sự nỗ lực phụ trợ và không có gió thổi phụ trợ thì chiếc tù và này không phát ra tiếng." Cũng vậy, này Hoàng tử, khi nào thân này có tuổi thọ phụ trợ, có hơi nóng phụ trợ và có thức phụ trợ, thời thân ấy đi tới, đi lui, đứng lên, ngồi xuống,

nằm xuống; thời mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý biết pháp. Nhưng khi thân này không có tuổi thọ phụ trợ, không có hơi nóng phụ trợ và không có thức phụ trợ, thời thân ấy không đi tới, không đi lui, không đứng lại, không ngồi xuống, không nằm xuống; thời mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi hương, lưỡi không nếm vị, thân không cảm xúc, ý không biết pháp. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

427. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

– Hoàng tử, có sự kiện gì?

– Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện...

– Hoàng tử, như thế nào?

– Tôn giả Kassapa, có những người bắt được một tên ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài muốn!" Tôi nói với họ như sau: "Các ngươi hãy lột da hắn ta để chúng ta có thể thấy linh hồn của hắn ta!" Chúng lột da của người ấy, nhưng chúng tôi không thấy linh hồn của hắn ta. Rồi tôi bảo họ: "Các ngươi hãy lột da trong của người ấy... cắt thịt... cắt gân... cắt xương... đẽo cho đến xương tủy để chúng ta có thể thấy linh hồn của hắn ta!" Họ đẽo cho đến xương tủy của người ấy, nhưng chúng tôi không thấy linh hồn của hắn ta. Này Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

428. – Này Hoàng tử, tôi sẽ cho một ví dụ. Ở đời, một số người có trí nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa câu nói. Này Hoàng tử, thuở xưa có người bện tóc thờ lửa, sống trong một ngôi nhà lá, tại một khu rừng. Này Hoàng tử, một số dân chúng di cư đến đấy. Vị lãnh đạo của họ, sau một đêm ở xung quanh cái cốc của người bện tóc thờ lửa bèn bỏ đi. Này Hoàng tử, người bện tóc thờ lửa suy nghĩ: "Nếu ta đến chỗ ở của người lãnh đạo, ta có thể kiếm được một vài đồ vật hữu dụng ở đó." Rồi người bện tóc thờ lửa dậy sớm, đến chỗ ở của người lãnh đạo và thấy một đứa hài nhi bị quăng nằm ngửa ở đó. Thấy vậy, vị ấy nghĩ: "Thật không phải chút nào nếu ta để một hài nhi phải chết trong khi ta đang tìm kiếm! Ta hãy đem hài nhi này về cốc của ta, nuôi nó, săn sóc nó, nuôi dưỡng nó!" Rồi người bện tóc thờ lửa ấy đem đứa hài nhi ấy về cốc, nuôi nó, săn sóc nó, nuôi dưỡng nó. Khi đứa trẻ đến tuổi mười hay mười hai, người bện tóc thờ lửa có công việc phải đi ra tỉnh lỵ. Người bện tóc thờ lửa bảo đứa trẻ ấy: "Này con, ta muốn đi ra tỉnh lỵ, hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng để nó tắt. Nếu lửa có tắt, đây là cái búa nhỏ, đây là củi, đây là đồ quay để nhóm lửa, hãy nhen lửa lại và chăm sóc ngọn lửa." Người bện tóc thờ lửa ấy, sau khi căn dặn đứa trẻ, bèn đi ra tỉnh lỵ. Đứa trẻ mãi ham vui đùa khiến lửa tắt. Đứa trẻ suy nghĩ: "Cha ta có bảo ta: 'Hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng để nó tắt. Nếu con để tắt lửa, đây là cái búa nhỏ, đây là củi, đây là đồ quay để nhóm lửa lại.' Vậy ta hãy nhen lửa lên và chăm

sóc ngọn lửa." Rồi đứa trẻ ấy lấy búa chẻ đồ quay lửa với ý nghĩ: "Có thể ta sẽ tìm được lửa." Nhưng nó không tìm được lửa. Nó đem chẻ đồ quay lửa làm hai, làm ba, làm bốn, làm năm, làm mười, làm trăm, chẻ nhỏ vụn ra, giã trong cối, và sau khi đã giã nhỏ, lại đem ra giần sàng trước gió lớn với ý nghĩ: "Có thể ta sẽ tìm được lửa." Nhưng nó không tìm được lửa. Người bện tóc thờ lửa, sau khi làm xong công việc ở tỉnh lỵ, liền về cốc của mình và hỏi đứa bé: "Này con, sao con để tắt lửa thế này?"

– Thưa cha, con mãi ham chơi nên để lửa tắt. Rồi con suy nghĩ: "Cha đã bảo ta: Hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng để nó tắt. Nếu con để tắt lửa, đây là cái búa nhỏ, đây là củi, đây là đồ quay để nhen lửa. Hãy nhen lửa lại và chăm sóc ngọn lửa. Vậy ta hãy nhen lửa lên và chăm sóc ngọn lửa." Thưa cha, rồi con lấy búa nhỏ chẻ đồ quay lửa với ý nghĩ: "Có thể ta sẽ tìm được lửa." Nhưng con tìm không được lửa. Con đem chẻ đồ quay lửa, làm hai, làm ba, làm bốn, làm năm, làm mười, làm trăm, chẻ nhỏ vụn ra giã trong cối và sau khi giã nhỏ, lại đem ra sàng trước gió lớn với ý nghĩ: "Ta sẽ tìm ra lửa", nhưng con không tìm được lửa.

Rồi người bện tóc thờ lửa ấy suy nghĩ: "Đứa trẻ này thật ngu si và kém thông minh! Sao lại đi tìm lửa một cách thiếu trí như thế này!" Trong khi đứa trẻ đứng nhìn, người ấy cầm đồ quay lửa, nhen lửa lên và nói với đứa trẻ: "Này con, nhen lửa phải làm như vậy đó, chớ không phải như con ngu si và kém thông minh, tìm lửa một cách vô trí!" Cũng vậy, này Hoàng tử, Ngài ngu si, kém thông minh, đi tìm đời sau một cách kém suy tư. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác kiến ấy! Chớ có tự dấn thân vào bất hạnh và đau khổ trường kỳ!

429. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.'" Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác, tà kiến ấy người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì gièm pha nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì oán ghét nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy.

430. – Vậy này Hoàng tử, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Ở đời, một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu ý nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, thuở xưa, một đoàn lữ hành lớn gồm một ngàn cỗ xe đi từ phương Đông quốc độ qua phương Tây quốc độ. Đi đến chỗ nào đoàn lữ hành ấy cũng tiêu thụ rất mau cỏ, củi, nước và cây lá xanh tươi. Đoàn lữ hành ấy có hai vị lãnh đạo, mỗi vị lãnh đạo năm trăm cỗ xe. Hai vị lãnh đạo đoàn lữ hành suy nghĩ như sau: "Đoàn lữ hành lớn này gồm có một ngàn cỗ xe. Chỗ nào chúng ta đi tới thì đoàn tiêu thụ rất mau cỏ, củi, nước và cây lá xanh tươi. Vậy chúng ta hãy chia đoàn lữ hành này thành hai, mỗi đoàn có năm trăm cỗ xe."

Rồi hai vị lãnh đạo ấy chia đoàn lữ hành thành hai, mỗi đoàn có năm trăm cỗ xe. Rồi một vị lãnh đạo thâu lượm rất nhiều cỏ, củi, nước và cho đoàn lữ hành chuyển bánh. Sau khi đi hai, ba ngày, vị lãnh đạo ấy thấy một người da đen, mắt đỏ, mang theo ống tên, đeo vòng hoa súng, áo quần ướt, tóc ướt, đánh một cỗ xe do lừa kéo, bánh xe dính đầy bùn và đi từ phía trước đi lại. Thấy vậy, người lãnh đạo hỏi:

– Bạn từ phương nào đến?

– Từ nơi quốc độ kia đến.

– Bạn sẽ đi đâu?

– Sẽ đi đến quốc độ tên này.

– Bạn có thấy, trong khu rừng trước mặt, có mưa to gần đây không?

– Thưa bạn, trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sá đầy sũng những nước, có nhiều cỏ, nhiều củi và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ, củi và nước cũ đi để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau! Chớ có làm cho đoàn xe mệt nhọc!

Khi ấy người lãnh đạo nói với những người đánh xe:

– Này các bạn, người này nói như sau: "Trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sá đầy sũng nước, có nhiều cỏ, nhiều củi và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ, củi và nước cũ đi để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ có làm cho đoàn xe mệt nhọc." Vậy các bạn hãy quăng cỏ, củi và nước cũ đi, để đoàn xe đi với những cỗ xe nhẹ hơn!

– Thưa bạn, vâng.

Những người đánh xe vâng theo lời vị lãnh đạo đoàn lữ hành, quăng cỏ, củi và nước cũ đi và dẫn đoàn xe đi với những cỗ xe nhẹ hơn. Nhưng khi đi đến trạm nghỉ thứ nhất, họ không thấy cỏ, củi hay nước, trạm thứ hai cũng vậy, trạm thứ ba cũng vậy, trạm thứ tư cũng vậy, trạm thứ năm cũng vậy, trạm thứ sáu cũng vậy, trạm thứ bảy cũng vậy. Tất cả đều gặp sự bất hạnh và tổn thất, tất cả người và vật trong lữ đoàn ấy đều bị dạ-xoa phi nhân ăn thịt, chỉ còn xương để lại.

Khi người lãnh đạo đoàn thứ hai được biết: "Nay đoàn kia đi đã khá xa", bèn cho thâu lượm nhiều cỏ, củi và nước và cho đoàn khởi hành. Sau khi đi hai, ba ngày, vị lãnh đạo ấy thấy một người da đen, mắt đỏ, mang theo ống tên, đeo vòng hoa súng, áo quần ướt, tóc ướt, đánh một cỗ xe do lừa kéo, bánh xe dính đầy bùn và đi từ phía trước đi lại. Thấy vậy, người lãnh đạo hỏi:

– Bạn từ phương nào đến?

– Từ nơi quốc độ kia đến.

– Bạn sẽ đi đâu?

– Sẽ đi đến quốc độ tên này.

– Bạn có thấy trong khu rừng trước mặt, có mưa to gần đây không?

– Thưa bạn, trong khu rừng trước mặt, có mưa to, đường sá đầy sũng nước,

có nhiều cỏ, nhiều củi và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ, củi và nước cũ đi để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau! Chớ có làm cho đoàn xe mệt nhọc!

Khi ấy, người lãnh đạo nói với những người đánh xe:

– Này các bạn, người này nói như sau: "Trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sá đầy sũng nước, có nhiều cỏ, nhiều củi và nhiều nước. Hãy bỏ cỏ, củi và nước cũ đi để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ làm cho đoàn xe mệt nhọc." Nhưng này các bạn, người ấy không phải là bạn của chúng ta, cũng không phải là bà con ruột thịt, làm sao chúng ta có thể tin người ấy được? Chớ quăng bỏ các thứ cỏ, củi và nước đã dự trữ từ trước! Hãy cho đoàn lữ hành tiến tới với các hàng hóa đã được mang theo, chúng ta không quăng bỏ đi các vật đang dự trữ từ trước!

– Thưa bạn, vâng.

Những người đánh xe ấy vâng theo lời người lãnh đạo, cho đoàn lữ hành tiến tới với những hàng hóa đã mang theo. Đến trạm nghỉ thứ nhất, những người này không thấy cỏ, củi hay nước, đến trạm thứ hai cũng vậy, trạm thứ ba cũng vậy, trạm thứ tư cũng vậy, trạm thứ năm cũng vậy, trạm thứ sáu cũng vậy, trạm thứ bảy cũng vậy. Họ không thấy cỏ, củi hay nước, nhưng họ thấy đoàn lữ hành trước bị lâm vào bất hạnh và tổn thất. Họ thấy các bộ xương của những người và thú vật trong đoàn lữ hành kia bị dạ-xoa phi nhân ấy ăn thịt.

Rồi người lãnh đạo nói với các người đánh xe:

– Này các bạn, đoàn lữ hành ấy bị lâm vào bất hạnh và tổn thất vì bị người lãnh đạo ngu si như vậy hướng dẫn. Vậy này các bạn, hãy bỏ đi những vật hạng ít giá trị của đoàn lữ hành của chúng ta, hãy đem theo những vật hạng đắt giá của đoàn lữ hành kia!

– Thưa bạn, vâng.

Những người đánh xe ấy vâng theo người lãnh đạo, quăng bỏ đi những vật hạng ít giá trị của đoàn lữ hành của mình, đem đi theo những vật hạng đắt giá của đoàn lữ hành kia, và đi qua bãi sa mạc ấy một cách an toàn, vì được hướng dẫn bởi một vị lãnh đạo sáng suốt. Cũng vậy, này Hoàng tử, người ngu si không có trí sẽ gặp bất hạnh và tổn thất vì đã đi tìm kiếm đời sau một cách vô trí, giống như người lãnh đạo đoàn lữ hành kia. Những ai tự nghĩ có thể tin bất cứ điều gì được nghe sẽ gặp bất hạnh và tổn thất như những người đánh xe kia. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào bất hạnh và đau khổ lâu dài!

431. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.'" Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác kiến ấy, người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận

nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì gièm pha nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì oán ghét nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy.

432. – Này Hoàng tử, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời, nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Thuở xưa, có một người nuôi heo đi từ làng của mình đến một làng khác. Ở tại đấy, ông ta thấy một đống phân khô bị quăng bỏ. Thấy vậy, người ấy nghĩ: "Đống phân khô khá nhiều bị quăng bỏ đi có thể làm đồ ăn cho các con heo của ta. Vậy ta hãy mang đống phân khô này đi." Rồi ông ta trải áo choàng của mình, mang đống phân khô lại, cột thành một gói, đặt trên đầu rồi đi. Đi giữa đường, một cơn mưa lớn trái mùa xảy ra. Ông mang bọc phân ấy đi, với nước phân thấm ướt tiết ra và chảy thành giọt, làm ông lấm lem phân cho đến đầu móng tay. Mọi người thấy ông liền nói:

– Ông có thật sự điên, thật sự khùng chăng? Làm sao ông lại mang bọc phân ấy đi với nước phân thấm ướt tiết ra và chảy thành giọt, làm người lấm lem phân cho đến đầu móng tay.

– Chính các người mới thật sự điên, chính các người mới thật sự khùng. Chính nhờ như thế này, các con heo của tôi mới có đồ ăn. Cũng vậy, này Hoàng tử, Ngài nói chẳng khác gì ví dụ người mang phân này. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài!

433. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.'" Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác, tà kiến ấy người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì gièm pha nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì oán ghét nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy.

434. – Này Hoàng tử, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời, nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Thuở xưa, có hai người đánh bạc đổ con xúc xắc. Một con bạc mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Con bạc thứ hai thấy con bạc ấy mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Thấy vậy, con bạc này [thua] nói với con bạc kia [thắng]:

– Này bạn, bạn đã thắng rõ ràng. Bạn hãy đưa cho tôi các con xúc xắc để đi làm lễ tế!

– Thưa bạn, vâng.

Con bạc ấy [thắng] liền đưa các con xúc xắc cho con bạc kia [thua].

Người này [con bạc thua] bèn lấy thuốc độc thoa vào các con xúc xắc và nói với người kia [con bạc thắng]:

– Này bạn, hãy chơi đổ các con xúc xắc!

– Thưa bạn, vâng.

Con bạc ấy [thắng] vâng theo lời của con bạc kia [thua].

Lần thứ hai, hai con bạc ấy đổ con xúc xắc. Lần thứ hai, con bạc này [thắng] mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Con bạc thứ hai [thua] thấy con bạc kia [thắng] lần thứ hai, mỗi lần thua ngậm con xúc xắc thất bại, thấy vậy, nói với con bạc kia [thắng]:

Con người không được biết,
Con xúc xắc được ngậm,
Đã được bôi thoa nhiều,
Với thuốc độc đốt cháy.
Hãy ngậm đi, ngậm đi,
Con bạc ác độc kia!
Ngậm xong nhà ngươi phải,
Đau đớn vô cùng tận.

Cũng vậy, này Hoàng tử, Ngài nói chẳng khác gì ví dụ người đánh bạc. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài!

435. – Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.'" Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác, tà kiến ấy, người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Hoàng tử Pāyāsi thật ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì lường gạt nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì tự trọng nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy.

436. – Này Hoàng tử, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời, nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Thuở xưa, dân cư của một quốc gia dời đi chỗ khác. Một người nói với bạn của mình:

– Này bạn, chúng ta hãy đi đến quốc gia kia, rất có thể chúng ta tìm được tiền bạc, của cải!

– Thưa bạn, vâng.

Người bạn vâng lời người bạn kia. Họ đi đến quốc gia kia, và đến một đường làng. Họ thấy một đống cây gai quăng bỏ. Thấy vậy, một người bạn nói với các người kia:

– Đây là một đống gai quăng bỏ. Bạn hãy nhóm lại thành một bó gai! Tôi cũng nhóm lại thành một bó gai. Chúng ta hãy đem hai bó gai ấy đi!

– Thưa bạn, vâng.

Người bạn này vâng theo người bạn kia và cột bó gai lại.

Họ mang hai bó gai và đi đến một làng khác. Họ thấy một đống dây gai bị quăng bỏ. Thấy vậy, một người bạn nói với người kia:

– Đống dây gai bị quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với bó gai ấy. Vậy bạn hãy quăng bó gai! Tôi cũng quăng bó gai. Chúng ta hãy đem hai bó dây gai ấy đi!

– Này bạn, tôi đem bó gai này từ xa lại, và bó gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ, bạn hãy tự biết [mà làm].

Và người bạn trước quăng bó gai và lấy đống dây gai. Rồi họ đến một con đường làng khác. Ở đấy, họ thấy nhiều vải gai bị quăng bỏ. Thấy vậy, một người bạn nói với người kia:

– Nhiều vải gai bị quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với cây gai hoặc với dây gai. Vậy bạn hãy quăng bỏ bó cây gai, và tôi sẽ quăng bỏ bao dây gai. Hai chúng ta sẽ mang bao vải gai này mà đi!

– Này bạn, tôi đem bó gai này từ xa lại và bó gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ, bạn hãy tự biết [mà làm].

Và người bạn trước quăng bỏ dây gai và lấy bó vải gai. Rồi họ đến một con đường làng khác. Ở đây, họ thấy nhiều sồ-ma bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều dây sồ-ma bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều vải sồ-ma bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều cây bông bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều vải bông bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều sắt bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều đồng bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều thiếc bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều chì bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều bạc bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều vàng bị quăng bỏ. Thấy vậy, một người bạn nói với người bạn kia:

– Nhiều vàng bị quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với cây gai hay với dây gai, hay với vải sồ-ma, hay với cây bông, hay với vải bông, hay với sắt, hay với đồng, hay với thiếc, hay với chì, hay với bạc. Vậy bạn hãy quăng bỏ bao cây gai, và tôi sẽ quăng bỏ bao bạc. Hai chúng ta sẽ mang bao vàng mà đi!

– Này bạn, tôi đem bó gai này từ xa lại, và bó gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ, bạn hãy tự biết [mà làm].

Và người bạn trước quăng bao bạc và lấy bao vàng. Cả hai về đến làng của mình. Người bạn đem bao cây gai về, cha mẹ người ấy không được vui vẻ, vợ con người ấy không được vui vẻ, bạn bè người ấy không được vui vẻ, và do vậy, hắn ta không được hạnh phúc, hoan hỷ. Còn người bạn đem bao vàng về, cha mẹ người ấy được vui vẻ, vợ con người ấy được vui vẻ, bạn bè người ấy được vui vẻ, và do vậy, người ấy được hạnh phúc hoan hỷ.

Cũng vậy, Hoàng tử, Ngài nói không khác gì ví dụ người mang bao cây gai. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài!

437. – Với ví dụ đầu tiên của Tôn giả Kassapa, tôi đã hoan hỷ, thỏa mãn, nhưng tôi muốn nghe những câu hỏi đáp thông minh ấy vì vậy tôi xem Tôn

giả Kassapa như một đối thủ. Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Kassapa! Thật hy hữu thay, Tôn giả Kassapa! Tôn giả Kassapa, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Kassapa dùng nhiều phương tiện trình bày. Tôn giả Kassapa, nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Kassapa, hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến trọn đời, xin nhận Ngài làm chỗ y chỉ! Tôn giả Kassapa, con muốn tổ chức một đại lễ tế đàn. Tôn giả Kassapa hãy giảng dạy cho con để con được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài!

438. – Này Hoàng tử, tại tế đàn nào có trâu bò bị giết, hay dê và cừu bị giết, hay gà heo bị giết, hay các loại sinh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định; này Hoàng tử, tế đàn ấy không đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, không được quảng bá rộng lớn. Này Hoàng tử, cũng như người làm ruộng đi vào rừng đem theo hạt giống và cày. Và trên một khoảng đất không cày bừa, không có màu mỡ, giữa những gốc cây chưa được đào lên, người ấy gieo những hạt giống xuống, những hạt giống ấy bị hư sứt, bị thúi mục, bị gió và sức nóng phá hại, trái mùa, không có điều kiện thuận tiện, và thần mưa không cho mưa đúng thời. Vậy các hột giống ấy có thể lớn lên, trưởng thành lên và sum suê hoa lá, hoặc người làm ruộng ấy gặt hái được nhiều kết quả hơn không?

– Tôn giả Kassapa, không thể được.

– Cũng vậy, này Hoàng tử, tại tế đàn nào có trâu bò bị giết hay các loại dê và cừu bị giết, hay gà và heo bị giết, hay các loại sinh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định; này Hoàng tử, tế đàn ấy không đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, không được quảng bá rộng lớn. Này Hoàng tử, tại tế đàn nào không có trâu bò bị giết, không có các loại dê và cừu bị giết, không có gà và heo bị giết, không có các loại sanh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; này Hoàng tử, tế đàn ấy đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, được quảng bá rộng lớn. Này Hoàng tử, cũng như một người làm ruộng đi vào rừng đem theo hạt giống và cày. Và trên một khoảng đất có cày bừa, có màu mỡ, giữa những gốc cây đã được đào lên, người ấy gieo những hạt giống xuống, những hạt giống ấy không bị hư sứt, không bị thúi mục, không bị gió và sức nóng phá hại, thuận mùa, có điều kiện thuận lợi và thần mưa cho mưa đúng thời. Vậy các hột giống ấy có thể lớn lên, trưởng thành lên, sum suê hoa lá, hoặc người làm ruộng ấy gặt hái được nhiều kết quả hơn không?

– Tôn giả Kassapa, thật được như vậy.

– Cũng vậy, này Hoàng tử, tại tế đàn nào mà không có trâu bò bị giết, không có các loại dê và cừu bị giết, không có gà và heo bị giết, không có các loại sanh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; này Hoàng tử, tế đàn ấy đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, được quảng bá rộng lớn.

439. Rồi Hoàng tử Pāyāsi tổ chức bố thí cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, cho những người nghèo, những người vô gia cư, những người ăn mày. Trong cuộc bố thí này, các món ăn như thế này được đem cho như cháo, đồ ăn phế thải, vải thô với những viền bằng hình tròn. Trong cuộc bố thí này, có vị thanh niên tên Uttara bị bỏ qua.[2] Sau khi cuộc bố thí đã xong, vị này nói ngạo như sau: "Với cuộc bố thí này, ta được gặp Hoàng tử Pāyāsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau." Hoàng tử Pāyāsi nghe thanh niên Uttara, sau khi cuộc bố thí đã xong, có nói ngạo: "Với cuộc bố thí này, ta được gặp Hoàng tử Pāyāsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau", liền cho mời thanh niên Uttara và nói:

– Này thân hữu Uttara, có thật chăng, sau khi cuộc bố thí đã xong, ngươi có nói ngạo: "Với cuộc bố thí này, ta được gặp Hoàng tử Pāyāsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau"?

– Thật có vậy, thưa Hoàng tử.

– Này thân hữu Uttara, tại sao, sau cuộc bố thí, ngươi lại nói ngạo như vậy: "Với cuộc bố thí này, ta được gặp Hoàng tử Pāyāsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau"? Này thân hữu Uttara, có phải chúng ta đi tìm công đức đều trông mong kết quả của cuộc bố thí?

– Thưa Hoàng tử, trong cuộc bố thí của Ngài, các món ăn như thế này được đem cho như cháo, đồ ăn phế thải, các món ăn này Ngài không muốn lấy bàn chân của Ngài đụng đến, huống nữa là ăn; vải thô với những nền bằng hình tròn, các thứ vải này Ngài không muốn lấy bàn chân của Ngài đụng đến, huống nữa là mặc. Hoàng tử, Ngài là người thân và kính mến của chúng tôi. Như thế nào, chúng tôi có thể phối hợp cái gì thân yêu và kính mến với cái gì không thân yêu?

– Vậy này thân hữu Uttara, hãy phân phát các món ăn giống như các món tôi ăn, hãy phân phát các vải mặc giống như các thứ vải mà tôi mặc!

– Tâu vâng, Hoàng tử.

Thanh niên Uttara vâng theo lời Hoàng tử Pāyāsi, đem phân phát những món ăn giống như các món Hoàng tử Pāyāsi ăn, đem phân phát các thứ vải giống như các thứ vải Hoàng tử Pāyāsi mặc.

440. Hoàng tử Pāyāsi vì đã bố thí không được hoàn bị, vì đã không tự tay mình bố thí, vì đã bố thí không có suy tư, vì đã bố thí các đồ vật phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương,

---

[2] Tham khảo *D.* II. 141; *Sum.* I. 296; *J.* I. 89; *VvA.* 289.

trong cung điện Serīsaka trống không. Còn thanh niên Uttara, bị bỏ qua trong cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị, vì đã bố thí tự tay mình làm, vì đã bố thí có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên.

441. Lúc bấy giờ, Tôn giả Gavampati (Ngưu Chủ) thường hay đi nghỉ trưa trong cung điện Serīsaka trống không. Nay thiên tử Pāyāsi đi đón Tôn giả Gavampati, đảnh lễ Ngài, và đứng một bên. Tôn giả Gavampati nói với thiên tử Pāyāsi đang đứng một bên:

– Này Hiền giả, ngươi là ai?

– Bạch Tôn giả, con là Hoàng tử Pāyāsi.

– Này Hiền giả, có phải ngươi có tà kiến như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo?"

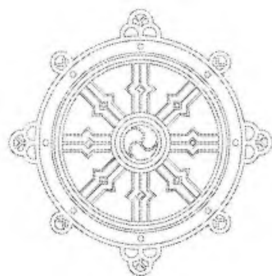
– Bạch Tôn giả, con có tà kiến như vậy: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo", nhưng nhờ Tôn giả Kumāra Kassapa, con tự thoát ly ra khỏi ác, tà kiến ấy.

– Này Hiền giả, còn thanh niên Uttara bị bỏ qua trong cuộc bố thí ấy, được thác sanh ở đâu?

– Bạch Tôn giả, thanh niên Uttara, bị bỏ qua trong cuộc bố thí ấy, vì đã bố thí một cách hoàn bị, vì đã bố thí tự tay mình làm, vì đã bố thí có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Còn con, vì đã không tự tay mình bố thí, vì đã bố thí không có suy tư, vì đã bố thí các đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương, trong cung điện Serīsaka trống không. Do vậy, bạch Tôn giả Gavampati, hãy đi đến thế giới loài người và nói như sau: "Hãy bố thí một cách hoàn bị, hãy tự tay mình bố thí, hãy bố thí một cách có suy tư, hãy bố thí với đồ không phế thải! Hoàng tử Pāyāsi vì bố thí không hoàn bị, vì không tự tay mình bố thí, vì bố thí không có suy tư, vì bố thí các đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương, trong cung điện Serīsaka trống không. Còn thanh niên Uttara, bị bỏ qua trong cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị, vì đã bố thí tự tay mình làm, vì bố thí một cách có suy tư, vì bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam."

Rồi Tôn giả Gavampati đi vào trong thế giới loài người và nói như sau: "Hãy bố thí một cách hoàn bị, hãy tự tay mình bố thí, hãy bố thí một cách có suy tư, hãy bố thí các đồ không phế thải! Hoàng tử Pāyāsi, vì bố thí không hoàn bị, vì không tự tay mình bố thí, vì bố thí không có suy tư, vì bố thí các đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương, trong cung điện Serīsaka trống không. Còn thanh niên Uttara, bị bỏ qua

trong cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị, vì đã tự tay mình bố thí, vì đã bố thí một cách có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam."



24. KINH BA-LÊ
(*Pātika Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa bộ tộc Mallā (Mạt-la), tại Anupiya (A-dật-di), một thành của bộ tộc Mallā. Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Anupiya để khất thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khất thực. Ta hãy đến tinh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này."

2. Thế Tôn liền đi đến tinh xá du sĩ Bhaggava. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn! Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế khác thấp hơn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tinh) thuộc bộ tộc Licchavi (Ly-xa) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi nói hay không?

– Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đã nói.

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi:

"Này Sunakkhatta, Ta có nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta' chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không."

---

[1] Tên kinh này còn được viết là *Pāthika Sutta*. Xem *Kvu*. 559. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *A-nậu-di kinh* 阿㝹夷經 (*T*.01. 0001.15. 0066a09).

"Hay ngươi có nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn' chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không."

"Này Sunakkhatta, Ta không nói: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta', và ngươi cũng không nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn.' Này kẻ ngu kia, như vậy thời ngươi là ai và Ta là ai mà ngươi nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào!"[2]

4. "Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chứng được các pháp Thượng nhân thần thông."

"Này Sunakkhatta, Ta có nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ khiến cho ngươi chứng được các pháp Thượng nhân thần thông' chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không."

"Ngươi có nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp Thượng nhân thần thông' chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không."

"Này Sunakkhatta, Ta không nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ khiến cho ngươi chứng được các pháp Thượng nhân thần thông.' Ngươi cũng không nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp Thượng nhân thần thông.' Này kẻ ngu kia, như vậy thời ngươi là ai và Ta là ai mà ngươi nói chuyện từ bỏ? Này Sunakkhatta, nhà ngươi nghĩ thế nào, các pháp Thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?"

"Bạch Thế Tôn, các pháp Thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy."

"Này Sunakkhatta, các pháp Thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, như vậy thời các pháp Thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của ngươi như vậy là như thế nào!"

5. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới."

"Này Sunakkhatta, Ta có nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và

---

[2] Xem *D.* II. 198; *M.* III. 169.

sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ giải thích cho ngươi khởi nguyên của thế giới' chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không."

"Này Sunakkhatta, ngươi có nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới' chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không."

"Này Sunakkhatta, như vậy, Ta không nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ giải thích cho ngươi khởi nguyên của thế giới.' Ngươi cũng không nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.' Này kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời ngươi là ai và Ta là ai mà ngươi nói chuyện từ bỏ? Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?"

"Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy."

"Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, như vậy, thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho ngươi? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào!

6. Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajjī: 'Như vậy, Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.'[3] Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajjī.

Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, ngươi nói lời tán thán Pháp tại làng Vajjī: 'Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu.' Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, ngươi tán thán Chánh pháp tại làng Vajjī.

Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, ngươi đã tán thán Tăng tại làng Vajjī: 'Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh hạnh, tức là bốn đôi tám vị. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng,

---

[3] Xem *S.* IV. 41; *A.* III. 152.

đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay cúi chào, là phước điền tối thượng ở đời.' Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, ngươi tán thán Tăng tại làng Vajjī.

Này Sunakkhatta, Ta nói cho ngươi biết; này Sunakkhatta, Ta tin cho ngươi biết, sẽ có lời luận bàn về ngươi như sau: 'Sunakkhatta, thuộc bộ tộc Licchavi không thể sống Phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa-môn Gotama. Vì không kham nổi nên từ bỏ tu học, trở về với đời sống thấp kém.' Này Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về ngươi như vậy."

Này Bhaggava, như vậy, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói vậy, vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

7. Này Bhaggava, một thời Ta ở với bộ tộc Bumū, tại thị trấn của bộ tộc Bumū tên là Uttarakā. Này Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa-di Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttarakā khất thực. Lúc bấy giờ, lõa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ mềm.

Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay, vị A-la-hán Sa-môn đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm!"

Này Bhaggava, Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"Này kẻ ngu kia, có phải ngươi vẫn tự nhận ngươi là Thích tử không?"

"Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: 'Này kẻ ngu kia, có phải ngươi tự nhận ngươi là Thích tử không?"'

"Này Sunakkhatta, có phải ngươi, sau khi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ mềm, liền suy nghĩ: 'Thật tốt đẹp thay vị A-la-hán Sa-môn đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm?"'

"Bạch Thế Tôn, có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A-la-hán?"

"Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A-la-hán. Chính ngươi tự sinh ác, tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi! Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại! Này Sunakkhatta, lõa thể Korakkhattiya mà ngươi nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa-môn, sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kālakañjakā, một loại asura thấp kém nhất. Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đống cỏ bīraṇa. Này Sunakkhatta, nếu ngươi muốn, hãy đến hỏi lõa thể Korakkhattiya như sau: 'Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?' Này Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, lõa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với ngươi: 'Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kālakañjakā, một loại asura thấp kém nhất."'

Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, đi đến lõa thể Korakkhattiya và nói:

"Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: 'Lõa thể Korakkhattiya sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết, sẽ tái sanh thuộc loại Kālakañjakā, một loại asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đống cỏ bīraṇa.' Này bạn Korakkhattiya, vậy bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy bạn hãy uống cho có tiết độ để lời nói của Sa-môn Gotama trở thành nói láo!"

8. Này Bhaggava, vì không tin tưởng Như Lai, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng này Bhaggava, lõa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sanh thuộc loại Kālakañjakā, một loại asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đống cỏ bīraṇa.

9. Này Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lõa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đống cỏ bīraṇa." Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi liền đi đến đống cỏ bīraṇa tại nghĩa địa, đến lõa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết cảnh giới thác sanh của bạn không?"

Này Bhaggava, lõa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kālakañjakā, một loại asura thấp kém nhất."

Sau khi nói xong, ông ta ngã ngửa xuống.

10. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đến Ta, đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên:

"Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, điều Ta nói với ngươi về lõa thể Korakkhattiya, có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?"

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lõa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác."

"Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?"

"Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện."

"Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp Thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà ngươi nói: 'Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp Thượng nhân thần thông cho con.' Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói như vậy, vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Này Bhaggava, một thời Ta trú tại Vesāli (Tỳ-xá-ly), Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, lõa thể Kandaramasuka[4] ở tại Vesāli được sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajjī. Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh: "Trọn đời, ta theo hạnh lõa thể, không mặc quần áo; trọn đời, ta sống Phạm hạnh, không có hành dâm; trọn đời, ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm; ta không bao giờ đi quá tháp Udena phía Đông thành Vesāli; ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesāli; ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesāli; ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesāli." Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajjī.

12. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đi đến lõa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi. Lõa thể Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi suy nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bất lợi và đau khổ lâu dài!"

13. Này Bhaggava, rồi Sunakkhata thuộc bộ tộc Licchavi đi đến Ta, đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên:

"Này kẻ ngu kia, có phải ngươi vẫn tự nhận ngươi là Thích tử không?"

"Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: 'Này kẻ ngu kia, có phải ngươi vẫn tự nhận ngươi là Thích tử không?'"

"Này Sunakkhatta, có phải ngươi đã đi đến lõa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lõa thể Kandaramasuka khi được ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Rồi ngươi tự nghĩ: 'Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bất lợi và đau khổ lâu dài?'"

"Bạch Thế Tôn, có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A-la-hán?"

"Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A-la-hán. Chính ngươi tự sanh ác, tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi! Chớ để mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại! Này Sunakkhatta, lõa thể Kandaramasuka mà ngươi nghĩ là vị A-la-hán, là vị Sa-môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesāli và sẽ chết, mất hết cả danh xưng."

Này Bhaggava, lõa thể Kandaramasuka, không bao lâu, sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesāli và bị chết, mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi được nghe tin lõa thể Kandaramasuka,

[4] Nguyên bản Pāli viết lõa thể Kaḷārāmaṭṭaka.

không bao lâu, sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesāli và bị chết, mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở; sau khi đến, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên:

"Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, điều Ta nói với ngươi về lõa thể Kandaramasuka, có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?"

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lõa thể Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác."

"Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?"

"Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện."

"Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp Thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà ngươi nói: 'Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp Thượng nhân thần thông cho con.' Này kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói như vậy, vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

15. Này Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, lõa thể Pāṭikaputta sống ở Vesāli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajjī. Trong các buổi họp ở Vesāli, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp Thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa-môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp Thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện một pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện bốn pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy, Sa-môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đã đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi bạch với Ta:

"Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta (Ba-lê tử) sống ở Vesāli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajjī. Trong các buổi họp ở Vesāli, ông ta thường tuyên bố như sau: 'Sa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp Thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa-môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp Thượng nhân thần thông

ở tại đây. Nếu Sa-môn Gotama có thể thực hiện một pháp Thượng nhân thần thông... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần.”'

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi:

“Này Sunakkhatta, lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.”

17. “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiện Thệ hãy thận trọng lời nói!”

“Này Sunakkhatta, tại sao ngươi lại nói với Ta: ‘Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói’?”

– Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên bố một cách cực đoan: ‘Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.’ Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy, Thế Tôn trở thành nói không thật.”

18. “Này Sunakkhatta, Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?”

“Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Pāṭikaputta: ‘Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.’ Hay là có vị thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: ‘Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta không thể... đầu của ông ta sẽ bị bể tan’?”

19. “Này Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lõa thể Pāṭikaputta: ‘Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ta sẽ bị bể tan.’ Và cũng có vị thiên thần đã báo tin cho Ta biết: ‘Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Thế Tôn... đầu ông ta sẽ bị bể tan.’ Vị tướng quân ở bộ tộc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia, đã được sanh vào Tam Thập Tam thiên. Rồi vị ấy đến bạch với Ta: Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta không có tàm quý! Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajjī, như sau: ‘Tướng quân ở bộ tộc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào đại địa ngục.’ Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào đại địa ngục. Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam Thập Tam thiên. Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta không có tàm quý! Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lõa thể

Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Sa-môn Gotama... đầu của ông ta sẽ bị bể tan.

Này Sunakkhatta, như vậy, chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lõa thể Pāṭikaputta. Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan. Và một vị thiên thần đã báo tin cho Ta biết: 'Bạch Thế Tôn, lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan.'

Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khất thực ở Vesāli, ăn xong và trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pāṭikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu ngươi muốn, hãy tin cho ông ấy biết!"

20. Này Bhaggava, rồi Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Vesāli để khất thực. Sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, Ta đi đến vườn của Pāṭikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi vội vàng vào thành Vesāli, đến những Licchava có thời danh, có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết:

"Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khất thực, ăn xong và trở về, đã đi đến vườn của Pāṭikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa-môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có thời danh, có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa-môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Và chỗ nào có những Bà-la-môn có địa vị, những gia chủ giàu sang, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết:

"Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khất thực, ăn xong và trở về, đã đi đến vườn của Pāṭikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa-môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa-môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có thời danh, có danh tiếng, các Bà-la-môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cùng đi đến vườn của Pāṭikaputta. Này Bhaggava, như vậy, hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

21. Này Bhaggava, lõa thể Pāṭikaputta được nghe: "Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến, các Bà-la-môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các

Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa-môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy, ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược. Này Bhaggava, lõa thể Pāṭikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ Tindukakhāṇu.

Này Bhaggava, hội chúng ấy được nghe: "Lõa thể Pāṭikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, đã đi đến vườn các du sĩ Tindukakhāṇu." Này Bhaggava, hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukakhāṇu, gặp lõa thể Pāṭikaputta và nói như sau: 'Này bạn Pāṭikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến, các Bà-la-môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cũng đã đến. Sa-môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả.' Này Hiền giả Pāṭikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại hội chúng ở Vesāli: 'Sa-môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp Thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa-môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp Thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện một pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện hai pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện bốn pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa-môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần.' Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!"

22. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukakhāṇu, gặp lõa thể Pāṭikaputta; sau khi gặp xong, liền thưa:

"Này bạn Pāṭikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng... Sa-môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pāṭikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại hội chúng ở Vesāli: 'Sa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần.' Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!"

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lõa thể Pāṭikaputta trả lời: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pāṭikaputta:

"Này Hiền giả Pāṭikaputta, sao lại như vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả?"

"Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!"

Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lõa thể Pāṭikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

23. Này Bhaggava, khi người ấy biết được lõa thể Pāṭikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến hội chúng ấy báo tin:

"Lõa thể Pāṭikaputta đã thảm bại, tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!' nhưng lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, khi nghe vậy, Ta nói với hội chúng:

"Này các Hiền giả, lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Tụng phẩm II

24. Này Bhaggava, một vị đại thần Licchavi từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với hội chúng ấy:

"Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lõa thể Pāṭikaputta đến hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukakhāṇu, gặp mặt lõa thể Pāṭikaputta và nói với ông ấy:

"Này bạn Pāṭikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến, và các Bà-la-môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa-môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa hội chúng Vesāli: 'Sa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần.' Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả! Này Hiền giả Pāṭikaputta, Sa-môn Gotama đã nói với hội chúng về Hiền giả như sau: 'Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ta sẽ bị bể tan.' Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa-môn Gotama thất bại."

Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lõa thể Pāṭikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lõa thể Pāṭikaputta:

"Này Hiền giả Pāṭikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả? Tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!' nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, khi được nói vậy, lõa thể Pāṭikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy.

25. Này Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lõa thể Pāṭikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến hội chúng ấy báo tin:

"Lõa thể Pāṭikaputta đã thảm bại, tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!' nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với hội chúng ấy:

"Này các Hiền giả, lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy cột lõa thể Pāṭikaputta với dây thừng và dùng bò kéo ông ấy lại đây', Pāṭikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

26. Này Bhaggava, lúc ấy, Jāliya, đệ tử của Dārupattaka, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với hội chúng ấy:

"Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lõa thể Pāṭikaputta đến hội chúng này hay không."

Này Bhaggava, rồi Jāliya, đệ tử của Dārupattaka, đi đến vườn các du sĩ Tindukakhāṇu, gặp mặt lõa thể Pāṭikaputta và nói với ông ấy:

"Này bạn Pāṭikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến... Sa-môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa hội chúng Vesāli như sau: 'Sa-môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần.' Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả! Này Hiền giả Pāṭikaputta, Sa-môn Gotama đã nói với hội chúng về Hiền giả như sau: 'Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy cột lõa thể Pāṭikaputta với dây thừng và dùng bò kéo ông ấy lại đây', Pāṭikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan.' Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa-môn Gotama thất bại."

Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lõa thể Pāṭikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupattaka, nói với lõa thể Pāṭikaputta:

"Này Hiền giả Pāṭikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả? Tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!' nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, được nói vậy, lõa thể Pāṭikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy.

27. Này Bhaggava, khi Jāliya, đệ tử của Dārupattaka biết được lõa thể Pāṭikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!" nhưng lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền nói với ông ấy:

"Này Hiền giả Pāṭikaputta, thuở xưa, con sư tử, vua các loài thú, suy nghĩ: 'Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, ta sẽ ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.'

Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, nó ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

28. Này Hiền giả Pāṭikaputta, có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: 'Ta là ai và con sư tử, vua các loài thú, là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, ta sẽ ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.'

Này Hiền giả, con chó rừng kia y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, nó ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng. Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?

Cũng vậy, này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pāṭikaputta đê tiện là ai mà lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác?"

29. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupattaka, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa thể Pāṭikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

Chó rừng nhìn tự thân,
Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rừng,
Loại chó rừng đê tiện.
Chó rừng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?

Cũng vậy, này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pāṭikaputta đê tiện là ai mà lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác?"

30. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupattaka, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa thể Pāṭikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

"Lang thang trong rừng mát,
Tự sống đồ tàn thực,
Đến nỗi không thấy mình,
Tự nghĩ mình là cọp,
Rồi sủa tiếng chó rừng,
Loại chó rừng đê tiện.

Cũng vậy, này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pāṭikaputta đê tiện là ai mà lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác?"

31. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupattaka, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa thể Pāṭikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

"Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống đại lâm, không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.
Nó sủa tiếng chó rừng,
Loại chó rừng đê tiện.
Chó rừng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?

Cũng vậy, này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pāṭikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác?"

32. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupattaka, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lõa thể Pāṭikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về hội chúng ấy và báo tin:

"Lõa thể Pāṭikaputta đã thảm bại, tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!' nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

33. Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với hội chúng ấy:

"Này các Hiền giả, lõa thể Pāṭikaputta không thể đến gặp mặt Ta được nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng: 'Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, vẫn có thể đến gặp mặt Sa-môn Gotama được', thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy cột lõa thể Pāṭikaputta với dây thừng và dùng bò kéo ông ấy lại đây', Pāṭikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lõa thể Pāṭikaputta không thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: 'Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa-môn Gotama được', thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

34. Này Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát các đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại đọa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam-muội, bay lên hư không cao đến bảy cây Sa-la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây Sa-la, khiến cho cháy sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

35. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đến Ta, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên:

"Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, có phải điều Ta nói cho ngươi về lõa thể Pāṭikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?"

"Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lõa thể Pāṭikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác."

"Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy thì có phải pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?"

"Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thì pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện."

"Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp Thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà ngươi lại nói: 'Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp Thượng nhân thần thông.' Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói vậy, vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

36. Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.

37. Này Bhaggava, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahmā) tạo ra, Ta đến những vị ấy và nói:

"Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"Vâng".

Ta nói với quý vị ấy:

"Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

38. "Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua Ābhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đấy, có những loài hữu tình do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống không ấy. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: 'Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!' Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đấy cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

39. Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng: 'Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: 'Mong sao các loài

hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!' Chính do sở nguyện của ta mà những loại hữu tình ấy đến tại chỗ này.' Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: 'Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau.'

40. Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn.

Này các Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: 'Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này.' Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: 'Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.'"

41. Này Bhaggava, một số Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"Vâng".

Ta nói với quý vị ấy:

"Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

42. "Này các Hiền giả, có hạng chư thiên gọi là Khiḍḍāpadosika (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc.

Vì sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ. Sự tình này xảy ra, một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: 'Những vị thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc; vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này.' Này các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: 'Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.'"

43. Này Bhaggava, một số Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:

"Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"Vâng".

Ta nói với quý vị ấy:

"Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

44. "Chư Hiền giả, có hạng chư thiên gọi là Manopadosikā (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Họ sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ. Các Hiền giả, sự tình này xảy ra, một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không

gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm... Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy. Vị ấy nói rằng: "Chư thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này." Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí phải không?

Họ trả lời như sau:

"Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: 'Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.'"

45. Này Bhaggava, một số Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"Vâng".

Ta nói với quý vị ấy:

"Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

46. "Chư Hiền giả, có chư thiên gọi là Vô Tưởng Hữu Tình. Khi một tưởng niệm khởi lên thời chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư thiên của mình. Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra, một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: 'Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình.' Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh, có phải như vậy không?"

Họ trả lời:

"Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: 'Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.'"

47. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư ngụy, giả dối: "Sa-môn Gotama và các vị Tỷ-kheo là điên đảo. Sa-môn Gotama đã tuyên bố: 'Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh.'" Nhưng này Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh." Này Bhaggava, Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh."

– Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các vị Tỷ-kheo là điên đảo. Con tin tưởng, hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đạt được thanh tịnh, giải thoát.

48. – Này Bhaggava, thật khó cho ngươi khi ngươi theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được thanh tịnh, giải thoát. Này Bhaggava, hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy!

– Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được thanh tịnh, giải thoát, thời bạch Thế Tôn, ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

25. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA SƯ TỬ HỐNG
(*Udumbarikā Sīhanāda Sutta*)[1]

49. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), Gijjhakūṭa (núi Kỳ-xà-quật). Lúc bấy giờ, du sĩ Nigrodha (Ni-câu-đà) ở tại vườn của Nữ hoàng Udumbarikā (Ưu-đàm-bà-la) dành cho du sĩ đoàn, cùng với đại chúng du sĩ khoảng ba ngàn người. Gia chủ Sandhāna (Tán-đà-na), vào buổi chiều đi ra khỏi thành Vương Xá để yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Sandhāna suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn đang yên lặng tịnh cư. Cũng không phải thời để yết kiến chúng Tăng vì chúng Tăng đang tu tập thiền định. Vậy ta hãy đi đến vườn của Nữ hoàng Udumbarikā dành cho du sĩ đoàn để thăm du sĩ Nigrodha." Và gia chủ Sandhāna đi đến vườn của Nữ hoàng Udumbarikā dành cho du sĩ đoàn để thăm du sĩ Nigrodha.

50. Lúc bấy giờ, du sĩ Nigrodha đang ngồi với đại chúng du sĩ, tất cả đều ồn ào nói chuyện, cao giọng lớn tiếng, bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng thế giới, hiện trạng đại dương, câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu.

51. Du sĩ Nigrodha thấy gia chủ Sandhāna từ đàng xa đến, liền dặn hội chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy giữ im lặng, các Tôn giả chớ có làm ồn! Đệ tử Sa-môn Gotama, gia chủ Sandhāna đang đi đến. Trong hàng đệ tử Sa-môn Gotama, các hàng cư sĩ, mặc áo trắng, trú tại Vương Xá, gia chủ Sandhāna là một vị trong đoàn thể ấy. Các vị này ưa sự an tịnh, các vị này được huấn luyện trong sự an tịnh, các vị này tán thán sự an tịnh. Nếu được biết hội chúng này an tịnh, Sandhāna có thể đến đây.

---

[1] Tên kinh này còn được viết là *Udumbarikā Sutta* (*Kinh Ưu-đàm-bà-la*). Xem *D*. I. 161; *M*. I. 68, 305, 339, 400; *A*. I. 295; II. 205. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Tán-đà-na kinh* 散陀那經 (*T*.01. 0001.08. 0047a17). Tham chiếu: *Ưu-đàm-bà-la kinh* 優曇婆邏經 (*T*.01. 0026.104. 0591b26); *Phật thuyết Ni-câu-đà Phạm chí kinh* 佛說尼拘陀梵志經 (*T*.01. 0011. 0222a19).

Khi nghe nói vậy, các vị du sĩ đều giữ yên lặng.

52. Rồi gia chủ Sandhāna đến tại chỗ của du sĩ Nigrodha, khi đến nơi, nói lên những lời chúc tụng, viếng thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Sandhāna nói với du sĩ Nigrodha:

– Thật sai khác thay, khi các Tôn giả ngoại đạo, các du sĩ này hội họp lại, quy tụ lại, ồn ào, cao giọng lớn tiếng, họ sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện về vua chúa... câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Thật sai khác thay, Thế Tôn an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch, xa vắng, ít tiếng động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt người đời, thích hợp cho sự tĩnh tu.

53. Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha nói với gia chủ Sandhāna:

– Gia chủ có biết không? Sa-môn Gotama luận đàm với ai? Đối thoại với ai? Với ai đạt được tuệ trí?[2] Trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa-môn Gotama không giỏi điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Cũng như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài; cũng vậy, trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ; Sa-môn Gotama không giỏi điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến vấn đề ngoại biên. Này gia chủ, nếu Sa-môn Gotama đến tại hội chúng này, chỉ với một câu hỏi, chúng tôi có thể chặn đứng ngay; chúng tôi nghĩ chúng tôi có thể lăn tròn Sa-môn Gotama như lăn tròn một cái bình không.

54. Thế Tôn, với Thiên nhĩ thanh tịnh hơn người, nghe được câu chuyện giữa gia chủ Sandhāna với du sĩ Nigrodha. Rồi Thế Tôn từ Gijjhakūṭa bước xuống, đi đến vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, bên bờ sông Sumāgadhā, khi đến nơi, liền đi qua lại giữa trời. Du sĩ Nigrodha thấy Thế Tôn đi qua lại giữa trời tại vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, trên bờ sông Sumāgadhā, khi thấy vậy, liền dặn dò hội chúng:

– Các Tôn giả hãy giữ im lặng, các Tôn giả chớ có làm ồn! Sa-môn Gotama này đang đi qua lại giữa trời, tại vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, trên bờ sông Sumāgadhā.[3] Vị Tôn giả này ưa an tịnh, tán thán sự an tịnh, nếu biết được hội chúng này an tịnh, chúng tôi nghĩ Sa-môn Gotama có thể đến đây. Nếu Sa-môn Gotama đến tại hội chúng này, chúng ta sẽ hỏi câu hỏi này: "Bạch Thế Tôn, pháp gì là pháp của Thế Tôn? Với pháp nào, Thế Tôn huấn dạy các đệ tử? Với pháp nào, các đệ tử của Thế Tôn được huấn dạy đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh?"

Khi được nói vậy, các vị du sĩ ấy giữ im lặng.

55. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đến tại chỗ du sĩ Nigrodha ở. Và du sĩ Nigrodha nói với Thế Tôn như sau:

---

[2] Xem *M.* I. 82, 175 và II. 209.

[3] Một hồ sen trong vườn. Xem *M.* II. 1; *A.* I. 291.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến đây! Xin đón mừng Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, đã lâu Thế Tôn mới có dịp đến đây. Bạch Thế Tôn, xin mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn. Du sĩ Nigrodha lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Nigrodha đang ngồi một bên:

– Này Nigrodha, quý vị đang ngồi bàn luận vấn đề gì? Vấn đề gì đang nói giữa quý vị thì bị dừng lại?

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con thấy Thế Tôn đang đi qua lại giữa trời tại vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, trên bờ sông Sumāgadhā. Khi thấy vậy, chúng con nói: "Nếu Sa-môn Gotama đến tại hội chúng này, chúng ta sẽ hỏi câu hỏi: 'Bạch Thế Tôn, pháp gì là pháp của Thế Tôn? Với pháp nào, Thế Tôn huấn dạy các đệ tử? Với pháp nào, các đệ tử Thế Tôn được huấn dạy đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh?'" Bạch Thế Tôn, đó là vấn đề đang được bàn luận giữa chúng con thì được dừng lại khi Thế Tôn đến.

56. – Này Nigrodha, thật khó cho ngươi, khi ngươi theo các kiến giải sai khác, theo niềm tin sai khác, theo xu hướng sai khác, theo đuổi mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để hiểu được pháp nào Ta huấn dạy các đệ tử của Ta đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh. Này Nigrodha, hãy hỏi về tối thắng khổ hạnh theo truyền thống của ngươi: "Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu của khổ hạnh, thế nào là sự không thành tựu?"

Khi nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền lớn tiếng, cao giọng la: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại thần lực và đại uy lực của Sa-môn Gotama! Ngài không đề cập đến giáo lý của mình, lại đề nghị thảo luận giáo lý của người khác."

57. Du sĩ Nigrodha bảo các du sĩ ấy im lặng rồi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con sống thuyết giảng về khổ hạnh, xem khổ hạnh là căn bản, chấp trì khổ hạnh. Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu khổ hạnh? Thế nào là sự không thành tựu khổ hạnh?

– Này Nigrodha, ở đây có người tu khổ hạnh, sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận lời mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà hay chỉ nhận ăn một miếng,

chỉ nhận ăn tại hai nhà hay chỉ nhận ăn hai miếng, chỉ nhận ăn tại bảy nhà hay chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị này chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, gạo lứt, ăn gạo daddula, ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước cơm, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm đã quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vải vỏ cây tirīṭa làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng các tấm gỗ nhỏ ghép lại, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người sống theo tập tục sống nhổ râu tóc; là người theo hạnh thường đứng, không ngồi; là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn; là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai; sống dùng ván gỗ làm giường; sống nằm trên đất trần; thường nằm ngủ một bên hông; sống để bụi và nhớp che kín thân mình; sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy; sống ăn các uế vật, theo hạnh ăn các uế vật; sống không uống các nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh; sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm. Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, như vậy có phải là thành tựu các pháp khổ hạnh hay không thành tựu?

– Bạch Thế Tôn, như vậy là thành tựu các pháp khổ hạnh, không phải không thành tựu.

– Này Nigrodha, sự thành tựu khổ hạnh như vậy, Ta nói rằng sẽ đưa đến nhiều loại cấu uế.

58. – Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu khổ hạnh sẽ đưa đến nhiều loại cấu uế?

– Này Nigrodha, ở đây, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị ấy hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn. Này Nigrodha, vị khổ hạnh do siêng tu khổ hạnh, phát sanh hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị ấy khen mình chê người. Này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy khen mình chê người, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, trở thành mê say, nhiễm trước, phóng dật. Này Nigrodha, vị tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy, mê say, nhiễm trước, phóng dật, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

59. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, được thọ lãnh cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường,

cung kính, danh vọng, trở thành hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn. Này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy được thọ lãnh cúng dường, cung kính, danh vọng, trở thành hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, được cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường, cung kính, danh vọng nên vị ấy khen mình chê người. Này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy, được cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường, cung kính, danh vọng này nên khen mình chê người, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, được cúng dường, cung kính, danh vọng. Do được cúng dường, cung kính, danh vọng, trở thành mê say, chấp trước, phóng dật. Này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường, cung kính, danh vọng này, trở thành mê say, chấp trước, phóng dật, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

60. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, phân biệt các thức ăn: "Món này thích hợp với ta, món này không thích hợp với ta." Đối với các thức ăn không thích hợp thì cố ý từ bỏ; đối với các thức ăn thích hợp thì nắm giữ, tham đắm, chấp trước, không thấy các sự nguy hiểm, không phân biệt chúng là không giải thoát, thọ hưởng chúng. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, nhân vì mong mỏi được cúng dường, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: "Các vua chúa sẽ cung kính ta; cũng vậy, các vị đại thần, các vị Sát-đế-ly, các vị Bà-la-môn, các vị gia chủ, các vị giáo chủ các giáo phái." Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

61. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh chống báng một Sa-môn hay Bà-la-môn khác như sau: "Người này sống ăn uống đủ mọi thứ như giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt sanh, giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh, nhai nghiền tất cả chúng, với tầm sét[4] không bánh xe được gọi là xương quai hàm và người ta gọi vị ấy là một vị Sa-môn." Này Nigrodha, như vậy, là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn được các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường. Thấy vậy, vị ấy nghĩ rằng: "Các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường người sống ăn uống đủ mọi thứ. Các gia đình ấy không cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường ta, một người tu khổ hạnh." Do vậy, sanh tật đố, xan tham đối với các gia đình ấy. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

---

[4] *Asanivicakka* = *Asani* (lưỡi tầm sét) + *vicakka*.

62. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh trở thành người ngồi nổi bật giữa công chúng. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh, khi đi giữa các gia đình [để khất thực] không cho người ta thấy mình: "Như vậy là khổ hạnh của ta, như vậy là khổ hạnh của ta..." Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh làm bộ có vẻ bí mật. Khi được hỏi: "Có chấp nhận việc này không?", tuy không chấp nhận nhưng trả lời: "Có chấp nhận", tuy chấp nhận nhưng trả lời: "Không chấp nhận." Như vậy, vị này cố tình nói láo, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, khi Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp và dùng một phương pháp đáng được chấp nhận thì người khổ hạnh không chấp nhận. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

63. Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh hay tức giận và ôm lòng oán thù. Này Nigrodha, vì người khổ hạnh hay tức giận và ôm lòng oán thù, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh thường hay giả dối và lừa đảo… tật đố và xan tham… giảo hoạt và ngụy trá… cứng cỏi và quá mạn… có ác ý và bị ác ý chi phối… có tà kiến và tư tưởng cực đoan… chấp trước kinh nghiệm tự thân, cứng đầu và khó giải thoát. Này Nigrodha, vì một người khổ hạnh chấp trước kinh nghiệm tự thân, cứng đầu và khó giải thoát, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, sự thật là như vậy thì những khổ hạnh có phải là cấu uế hay không cấu uế?

– Bạch Thế Tôn, những khổ hạnh như vậy thật là cấu uế, không phải là không cấu uế. Sự tình này có thể xảy ra, có người khổ hạnh có đầy đủ tất cả sự cấu uế trên, nói gì đến câu có cấu uế này hay cấu uế khác.

64. – Này Nigrodha, ở đây, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này, vị ấy không hoan hỷ, tâm tư không thỏa mãn. Này Nigrodha, người khổ hạnh tu khổ hạnh này, vì khổ hạnh này, vị ấy không hoan hỷ, tâm tư không thỏa mãn. Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này, vị ấy không khen mình chê người... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này, vị ấy không mê say, không nhiễm trước, không phóng dật... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

65. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không hoan hỷ, tâm tư không thỏa mãn... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không khen mình chê người... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không mê say, nhiễm trước, phóng dật... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

66. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, không phân biệt các thức ăn: "Món này thích hợp với ta, món này không thích hợp với ta." Đối với các thức ăn không thích hợp, vị ấy không cố ý từ bỏ; đối với các thức ăn thích hợp, vị ấy không nắm giữ, tham đắm, chấp trước, thấy các sự nguy hiểm, phân biệt chúng là không giải thoát, không thọ hưởng chúng… Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, vị ấy không nghĩ rằng: "Vì mong mỏi được cúng dường, cung kính, danh vọng, các vua chúa sẽ cung kính ta; cũng vậy, các vị đại thần, các vị Sát-đế-ly, các vị Bà-la-môn, các vị gia chủ, các vị giáo chủ các giáo phái."… Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

67. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không chống báng một vị Sa-môn hay Bà-la-môn khác: "Người này sống ăn đủ mọi thứ như giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt sanh, giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh, nhai nghiền tất cả chúng, với tầm sét không bánh xe được gọi là xương quai hàm, và người ta gọi vị ấy là vị Sa-môn."… Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh thấy một Sa-môn hay Bà-là-môn được các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường. Thấy vậy, vị ấy không nghĩ rằng: "Các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường người sống ăn uống đủ mọi thứ. Các gia đình ấy không cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường ta, một người tu khổ hạnh." Do vậy, vị ấy không sanh tật đố, xan tham đối với các gia đình… Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

68. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không trở thành người ngồi nổi bật giữa công chúng… Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh khi đi giữa các gia đình [để khất thực], không giấu giếm mà để cho người ta thấy mình: "Như vậy là khổ hạnh của ta, như vậy là khổ hạnh của ta."… Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không làm bộ có vẻ bí mật. Khi được hỏi: "Có chấp nhận điều này không?", nếu không chấp nhận thì trả lời: "Không chấp nhận", nếu có chấp nhận thì trả lời: "Có chấp nhận."… Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, khi Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp và dùng một phương pháp đáng được chấp nhận thì vị khổ hạnh chấp nhận... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

69. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không tức giận và không ôm lòng oán thù. Này Nigrodha, vì người khổ hạnh không tức giận và không ôm lòng oán thù, như vậy vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không giả dối và lừa đảo… không tật đố và xan tham… không giảo hoạt và ngụy trá… không cứng cỏi và quá mạn… không có ác ý và bị ác ý chi phối… không có tà kiến và tư tưởng cực đoan… không chấp trước kinh nghiệm tự thân, không cứng đầu và khó giải thoát. Này Nigrodha, vì người khổ hạnh không chấp trước kinh nghiệm tự thân, không cứng đầu và khó giải thoát, như vậy vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh ấy là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

– Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh ấy là thanh tịnh, không phải là không thanh tịnh. Các khổ hạnh ấy đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản.

– Này Nigrodha, những khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản, chúng chỉ mới đạt đến vỏ bên ngoài mà thôi.

70. – Bạch Thế Tôn, như thế nào các khổ hạnh đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản? Bạch Thế Tôn, thật tốt đẹp thay nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của chúng con đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản!

– Này Nigrodha, ở đây, có vị khổ hạnh tu bốn pháp chế ngự. Và này Nigrodha, thế nào là vị khổ hạnh tu bốn pháp chế ngự? Này Nigrodha, vị khổ hạnh không tự sát sanh, không bảo người khác sát sanh, không tán thán sát sanh; không lấy của không cho, không khiến người khác lấy của không cho, không tán thán lấy của không cho; không nói láo, không khiến người khác nói láo, không tán thán nói láo; không có tham vọng dục tình, không khiến người khác có tham vọng dục tình, không tán thán tham vọng dục tình. Như vậy, này Nigrodha, người khổ hạnh ấy tu hành bốn pháp chế ngự. Này Nigrodha, do người khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khổ hạnh của vị ấy như vậy, vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, trên khe núi, trong hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời hay đống rơm. Sau khi đi khất thực về, ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, an trú với tâm thoát ly tham ái, gột sạch tâm hết tham ái; từ bỏ sân tâm, an trú với tâm thoát ly sân tâm, khởi lòng thương tưởng mọi loài chúng sanh, gột sạch tâm hết sân hận; từ bỏ hôn trầm thụy miên, an trú với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên, tưởng niệm đến ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột sạch tâm hết hôn trầm thụy miên; từ bỏ trạo hối, an trú với tâm thoát ly trạo hối, nội tâm an tịnh, gột sạch tâm hết trạo hối; từ bỏ nghi hoặc, an trú với

tâm thoát ly nghi ngờ, không còn nghi hoặc, gột sạch tâm không còn nghi ngờ đối với các thiện pháp.

71. Từ bỏ năm triền cái ấy, với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm nhẹ, vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

– Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản.

– Này Nigrodha, các khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản, chỉ đạt đến ngoài vỏ thôi.

72. – Bạch Thế Tôn, những khổ hạnh phải như thế nào mới đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản? Lành thay nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của con đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản!

– Này Nigrodha, ở đây một vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Và này Nigrodha, thế nào là một vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự? ... Như vậy, này Nigrodha, vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Này Nigrodha, do người khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khổ hạnh của vị ấy như vậy, vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng... Từ bỏ năm triền cái ấy, với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm thiểu, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi… với tâm câu hữu với hỷ… với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy dẫn tâm hướng đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ ấy, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

– Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, và đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản.

– Này Nigrodha, các khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản, chúng chỉ đạt đến lớp gỗ xung quanh lõi mà thôi.

73. – Bạch Thế Tôn, các khổ hạnh phải như thế nào mới đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản? Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của con đạt được tối thượng và đạt đến căn bản!

– Này Nigrodha, ở đây, vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Và này Nigrodha, thế nào là vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự? ... Như vậy, này Nigrodha, vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Này Nigrodha, do người khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khổ hạnh của vị ấy như vậy, vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng... Từ bỏ năm triền cái ấy, với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm thiểu, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ... Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy dẫn tâm hướng đến Thiên nhãn minh, vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời... Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, nếu sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

– Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản.

74. – Này Nigrodha, các khổ hạnh như vậy đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản. Này Nigrodha, như ngươi hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, pháp gì là pháp của Thế Tôn? Với pháp nào, Thế Tôn huấn dạy các đệ tử? Với pháp nào, các đệ tử của Thế Tôn được huấn dạy đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh?" Này Nigrodha, Ta nói rằng sự kiện đó thật là một vấn đề cao thượng hơn và thuần nhất hơn mà Ta huấn dạy các đệ tử đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh.

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy lớn tiếng cao giọng ồn ào nói lớn:

– Ở đây, các Tôn sư của chúng ta hoàn toàn bất lực. Chúng ta không biết gì tốt hơn và cao hơn lời dạy của họ.

75. Khi gia chủ Sandhāna biết được: "Nay các du sĩ ngoại đạo ấy đã bắt đầu nghe, đã bắt đầu để tai, đã bắt đầu chú tâm vào lời Thế Tôn dạy", liền nói với du sĩ Nigrodha:

– Này Tôn giả Nigrodha, Tôn giả nói với tôi như sau: "Gia chủ có biết không? Sa-môn Gotama luận đàm với ai, đối thoại với ai? Với ai đạt được tuệ trí? Trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa-môn Gotama không giỏi để điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Cũng như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài; cũng vậy, trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa-môn Gotama không giỏi để điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Này gia chủ, nếu Sa-môn Gotama đến tại hội chúng này, chỉ với một câu hỏi, chúng tôi có thể chặn đứng ngay; chúng tôi nghĩ chúng tôi có thể lăn tròn Sa-môn Gotama như lăn tròn một cái bình không." Này Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã đến đây, hãy nêu rõ Thế Tôn không thể điều khiển hội chúng; hãy chứng tỏ Thế Tôn như con bò một mắt, chỉ biết đi vòng xung quanh; với một câu hỏi, hãy chặn đứng Thế Tôn lại; và làm cho Thế Tôn lăn tròn, như một cái bình không.

Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha ngồi im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, gục đầu, ưu tư, câm miệng.

76. Thế Tôn khi biết được du sĩ Nigrodha im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, gục đầu, ưu tư, câm miệng như vậy, liền nói với du sĩ Nigrodha:

– Này Nigrodha, có phải ngươi nói như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, thật sự con có nói như vậy, thật là ngu ngốc, si ám và bất thiện!

– Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, ngươi có bao giờ nghe các vị du sĩ niên cao, trưởng thượng, bậc Tổ sư truyền thống nói như sau: "Các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, các vị Thế Tôn này khi nào hội họp lại, quy tụ lại, ồn ào, cao giọng, lớn tiếng, chung sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm... câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu", như ngươi và sư trưởng của ngươi hiện nay đang làm, hay là những bậc Thế Tôn ấy an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch, xa vắng, ít tiếng, ít động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt của người đời, thích hợp cho sự tĩnh tu như hiện Ta đang sống chăng?

– Bạch Thế Tôn, con được nghe các vị du sĩ niên cao, trưởng thượng, bậc Tổ sư truyền thống nói như sau: "Các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, các vị Thế Tôn này khi nào hội họp lại, quy tụ lại, thời không ồn ào,

cao giọng, lớn tiếng, chung sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện về vua chúa... câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu", như con và sư trưởng của con đang làm. Những bậc Thế Tôn ấy an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch, xa vắng, ít tiếng, ít động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt của người đời, thích hợp cho sự tịnh tu như hiện nay Thế Tôn đang sống.

– Này Nigrodha, ngươi là bậc có trí và niên trưởng, có bao giờ ngươi suy nghĩ như sau: "Đức Phật, bậc Giác Ngộ, thuyết giảng giáo pháp đưa đến giác ngộ; Thế Tôn là bậc Đã Điều Phục, thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự điều phục; Thế Tôn là bậc An Chỉ, thuyết giảng giáo pháp đưa đến an chỉ; Thế Tôn là bậc Đến Bờ Bên Kia, thuyết giảng giáo pháp đưa đến bờ bên kia; Thế Tôn là bậc Tịnh Lạc, thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự tịnh lạc"?

77. Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã phạm tội một cách ngu si, mờ ám, bất thiện khi con nói về Thế Tôn như vậy. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp thuận cho tội ấy là một tội để con ngăn ngừa về sau.

– Này Nigrodha, thật sự ngươi đã phạm tội một cách ngu si, mờ ám, bất thiện khi ngươi nói về Ta như vậy. Này Nigrodha, khi ngươi đã thấy phạm tội là phạm tội và phát lộ đúng với hành động, Ta chấp nhận sự thú tội của ngươi. Này Nigrodha, như vậy là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh, là ai thấy phạm tội là phạm tội và phát lộ đúng với hành động, thời tương lai sẽ được ngăn ngừa. Này Nigrodha, Ta nói cho ngươi như sau:[5] "Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chơn trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp." Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng, mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, vị ấy cần có bảy năm.

Này Nigrodha, đâu cần phải bảy năm! Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chơn trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo thời chỉ cần có sáu năm… năm năm… bốn năm… ba năm… hai năm… một năm.

Này Nigrodha, đâu cần phải một năm! Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chơn trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, vị ấy chỉ cần bảy tháng.

Này Nigrodha, đâu cần phải bảy tháng! … sáu tháng… năm tháng… bốn tháng… ba tháng… hai tháng… một tháng… nửa tháng. Này Nigrodha, đâu

[5] Xem *M.* II. 44.

cần có nửa tháng! Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chơn trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng, mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo thời vị ấy chỉ cần có bảy ngày."

78. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama nói vậy là muốn có đệ tử." Này Nigrodha, ngươi chớ có hiểu như vậy! Bổn sư ngươi là ai, hãy giữ nguyên vị Bổn sư ấy cho ngươi. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama nói vậy là muốn chúng tôi từ bỏ kinh tụng của chúng tôi." Này Nigrodha, ngươi chớ có hiểu như vậy! Kinh tụng của ngươi là gì, hãy giữ nguyên kinh tụng ấy cho ngươi. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama nói như vậy là muốn chúng tôi từ bỏ nghề sống của chúng tôi." Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy! Nghề sống của ngươi là gì, hãy giữ nguyên nghề sống ấy cho ngươi. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama nói vậy là muốn xác tín cho chúng tôi đối với các pháp bất thiện mà truyền thống Tổ sư chúng tôi đã xem là bất thiện." Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy! Những pháp bất thiện gì của ngươi và được xem là bất thiện theo truyền thống Tổ sư, hãy giữ chúng nguyên như cũ. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama nói vậy là muốn cho chúng tôi từ bỏ những thiện pháp mà truyền thống Tổ sư chúng tôi đã xem là thiện pháp." Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy! Những thiện pháp của ngươi và được xem là thiện pháp theo truyền thống Tổ sư, hãy giữ chúng nguyên như cũ. Này Nigrodha, Ta nói vậy không phải vì muốn có đệ tử, Ta nói vậy không phải vì muốn khiến các ngươi từ bỏ kinh tụng, Ta nói vậy không phải vì muốn khiến các ngươi từ bỏ nghề sống, Ta nói vậy không phải vì muốn xác tín cho các ngươi đối với các pháp bất thiện mà truyền thống Tổ sư đã xem là bất thiện, Ta nói vậy không phải vì muốn cho các ngươi từ bỏ những thiện pháp mà truyền thống Tổ sư đã xem là thiện pháp.

Và này Nigrodha, có những pháp bất thiện chưa được từ bỏ, làm cho cấu uế, đưa đến tái sanh, đem lại đau khổ, đưa lại quả khổ, đem lại sanh, già, chết trong tương lai, những pháp ấy, Ta thuyết giảng để diệt trừ chúng. Nếu các ngươi thực hành đúng theo lời giảng dạy, thời các pháp cấu uế của các ngươi được trừ diệt, các pháp thanh tịnh được tăng trưởng, và các ngươi sẽ tự chứng biết, chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại trí tuệ cụ túc, viên mãn.

79. Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ấy đều ngồi im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, cúi đầu, ưu tư, câm miệng như tâm của họ bị Ma vương chi phối.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: "Tất cả kẻ ngu si này bị Ác ma xâm nhập, không có một ai có ý nghĩ: 'Hãy đến, chúng ta hãy sống đời sống Phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa-môn Gotama', còn nói gì đến thời gian bảy ngày!"

Rồi Thế Tôn rống tiếng rống con sư tử trong ngôi vườn của Nữ hoàng Udumbarikā dành cho hàng du sĩ, bay trên hư không và hạ xuống núi Kỳ-xà-quật. Còn gia chủ Sandhāna trở vào thành Vương Xá.

26. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG SƯ TỬ HỐNG

(*Cakkavatti Sīhanāda Sutta*)[1]

80. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn an trú ở Magadha (Ma-kiệt-đà), tại Mātulā (Ma-du-la). Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi chư Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

Các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là một Tỷ-kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để có thể diệt trừ tham ưu ở đời. ... trên các cảm thọ... trên các tâm... sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để có thể diệt trừ tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này các Tỷ-kheo, hãy đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các ngươi truyền lại. Này các Tỷ-kheo, nếu các ngươi đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các ngươi truyền lại thì Ma vương sẽ không có cơ hội để xâm nhập, không có cơ hội để nhắm làm đối tượng. Này các Tỷ-kheo, chính nhờ nhiếp trì các thiện pháp làm nhân duyên mà công đức này được tăng thịnh.

---

[1] Tên kinh này còn được viết là *Cakkavatti Sutta* (*Kinh Chuyển Luân Thánh Vương*). Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Chuyển Luân Thánh Vương tu hành kinh* 轉輪聖王修行經 (*T.*01. 0001.06. 0039a21). Tham chiếu: *Chuyển Luân Vương kinh* 轉輪王經 (*T.*01. 0026.70. 0520b16).

81. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Chuyển Luân Thánh Vương tên là Daḷhanemi (Kiên Cố Niệm), là vị Pháp vương, lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục thiên hạ bốn phương, thống trị các quốc độ và đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử, dõng kiện, hùng mạnh, nhiếp phục ngoại địch. Vị này trị vì quả đất này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị nước, không dùng trượng, không dùng kiếm.

82. Này các Tỷ-kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, Vua Daḷhanemi cho gọi một người và bảo:

– Này khanh, khi nào khanh thấy thiên luân báu có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ thì báo cho Ta biết.

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Người ấy vâng đáp lời dạy Vua Daḷhanemi.

Này các Tỷ-kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người ấy thấy thiên luân báu lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ. Thấy vậy, người ấy liền đến Vua Daḷhanemi; khi đến xong, liền báo cho Vua biết:

– Đại vương có biết chăng, xe báu cõi trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ?

Này các Tỷ-kheo, Vua Daḷhanemi liền cho mời Thái tử và nói rằng:

– Này Thái tử thân yêu, xe báu cõi trời của ta đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe nói như sau: "Nếu xe báu cõi trời của Chuyển Luân Thánh Vương lặn xuống và rời khỏi vị trí cũ, thời Vua còn sống không bao lâu nữa." Ta đã thọ hưởng dục lạc loài người một cách đầy đủ, nay đã đến lúc tìm cầu dục lạc chư thiên. Này Thái tử thân yêu, hãy trị vì trái đất này cho đến hải biên. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

83. Này các Tỷ-kheo, Vua Daḷhanemi sau khi đã khéo đặt Hoàng tử con đầu trên ngôi vương vị, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, sau khi vị Vua Ẩn sĩ xuất gia bảy ngày, xe báu cõi trời liền biến mất.

Này các Tỷ-kheo, một người khác đi đến Vua Quán đảnh Sát-đế-ly; khi đến xong, liền tâu Vua Quán đảnh Sát-đế-ly:

– Tâu Đại vương, Ngài đã biết xe báu cõi trời đã biến mất chưa?

Này các Tỷ-kheo, khi Vua Quán đảnh Sát-đế-ly nghe tin xe báu cõi trời đã biến mất, liền không được vui, cảm thấy sầu muộn. Rồi Vua ấy đến chỗ Vua Ẩn sĩ ở; khi đến xong, thưa với Vua Ẩn sĩ:

– Đại vương có biết chăng, xe báu cõi trời đã biến mất?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Vua Ẩn sĩ nói với Vua Quán đảnh Sát-đế-ly:

– Này Thái tử thân yêu, chớ có không vui vẻ, chớ có sầu muộn! Này Thái tử

thân yêu, xe báu cõi trời không phải là gia bảo Tổ tiên để lại! Này Thái tử thân yêu, hãy hành trì Thánh vương Chánh pháp! Sự tình này sẽ xảy ra khi con hành trì Thánh vương Chánh pháp, vào ngày rằm Bố-tát, con gội đầu trai giới, đi lên lầu cao thì xe báu cõi trời sẽ hiện ra đầy đủ ngàn căm, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận.

84. – Tâu Đại vương, thế nào là Thánh vương Chánh pháp?

– Này Thái tử thân yêu, con y cứ vào pháp, kính trọng pháp, cung kính pháp, đảnh lễ pháp, cúng dường pháp, tôn trọng pháp, tự con trở thành pháp tràng, pháp kỳ, xem pháp là thầy, tự trở thành người bảo vệ hợp pháp cho thứ dân, cho quân đội, cho Sát-đế-lỵ, cho quần thần, cho Bà-la-môn, cho gia chủ, cho thị dân, thôn dân, cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho các loài thú và loài chim! Chớ có làm gì phi pháp trong quốc độ của con! Này con thân yêu, nếu trong quốc độ của con có người không có tiền của, hãy đem tiền của cho người ấy! Này con thân yêu, nếu trong quốc độ của con có những Sa-môn, Bà-la-môn từ bỏ dục vọng, không phóng dật, thực hành nhẫn nhục từ ái, nhiếp phục tự kỷ, an chỉ tự kỷ, giải thoát tự kỷ, thỉnh thoảng sẽ đến với con và hỏi con: "Này Tôn giả, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội, như thế nào nên thực hành, như thế nào không nên thực hành, hành động như thế nào đem lại bất lợi và đau khổ cho tôi lâu ngày, hành động như thế nào đem lại lợi ích và hạnh phúc cho tôi lâu ngày?" Con hãy nghe họ và ngăn chặn họ khỏi sự bất thiện và khuyến khích họ làm điều thiện! Này con thân yêu, như vậy là Thánh vương Chánh pháp.

85. – Thưa vâng, tâu Đại vương.

Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ trả lời Vua Ẩn sĩ và thực hành Thánh vương Chánh pháp. Khi thực hành Thánh vương Chánh pháp, vào ngày rằm Bố-tát, Vua gội đầu trai giới, đi lên lầu cao thì xe báu cõi trời hiện ra đầy đủ ngàn căm, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận. Thấy vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nghĩ rằng: "Ta được nghe nói như sau: 'Quán đảnh vương Sát-đế-lỵ nào vào ngày rằm Bố-tát gội đầu trai giới, đi lên lầu cao và thiên bảo luân hiện ra đầy đủ ngàn căm, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận thì vị Vua ấy là Chuyển Luân Thánh Vương.' Như vậy, ta là Chuyển Luân Thánh Vương."

Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, tay trái cầm bình nước, tay mặt tưới nước trên bảo luân và nói: "Hãy lăn, này Tôn bảo luân! Hãy nhiếp phục tất cả, này Tôn bảo luân!" Và này các Tỷ-kheo, xe báu lăn về hướng Đông, Chuyển Luân Thánh Vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng. Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển Luân Thánh Vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ-kheo, các vị vua chư hầu ở hướng Đông đều đến yết kiến Chuyển Luân Thánh Vương và nói:

– Hãy đến đây, Đại vương! Thiện lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

Chuyển Luân Thánh Vương bèn nói:

– Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng theo những gì đã có để thọ hưởng!

Này các Tỷ-kheo, các vị vua thù nghịch ở hướng Đông đều trở thành chư hầu của Chuyển Luân Thánh Vương.

86. Này các Tỷ-kheo, xe báu ấy chìm xuống biển hướng Đông, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Nam... trở thành chư hầu của Chuyển Luân Thánh Vương. Này các Tỷ-kheo, rồi xe báu ấy chìm xuống biển hướng Nam, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Tây, Chuyển Luân Thánh Vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng. Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển Luân Thánh Vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ-kheo, các vị vua chư hầu ở hướng Tây đều đến yết kiến Chuyển Luân Thánh Vương và nói:

– Hãy đến đây, Đại vương! Thiện lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

Chuyển Luân Thánh Vương bèn nói:

– Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng những gì đã có để thọ hưởng!

Này các Tỷ-kheo, các vua thù nghịch ở hướng Tây đều trở thành chư hầu của Chuyển Luân Thánh Vương.

87. Này các Tỷ-kheo, rồi xe báu ấy chìm xuống biển hướng Tây, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Bắc, Chuyển Luân Thánh Vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng. Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển Luân Thánh Vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ-kheo, các vị vua chư hầu ở hướng Bắc đều đến yết kiến Chuyển Luân Thánh Vương và nói:

– Hãy đến đây, Đại vương! Thiện lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

Chuyển Luân Thánh Vương bèn nói:

– Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng những gì đã có để thọ hưởng!

Này các Tỷ-kheo, các vua thù nghịch ở hướng Bắc đều trở thành chư hầu của Chuyển Luân Thánh Vương.

Này các Tỷ-kheo, khi xe báu ấy đã chinh phục quả đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô và đứng lại như là dính liền trước cửa điện công lý trong nội cung của Chuyển Luân Thánh Vương và chói sáng nội cung của Vua.

88. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai, Chuyển Luân Thánh Vương... Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, Chuyển Luân Thánh Vương... Này các Tỷ-kheo, lần thứ

tư, Chuyển Luân Thánh Vương... Này các Tỷ-kheo, lần thứ năm, Chuyển Luân Thánh Vương... Này các Tỷ-kheo, lần thứ sáu, Chuyển Luân Thánh Vương... Này các Tỷ-kheo, lần thứ bảy, Chuyển Luân Thánh Vương, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi một người và bảo:

– Này khanh, khi nào khanh thấy xe báu cõi trời có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ thì báo cho ta biết.

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp lời dạy của Chuyển Luân Thánh Vương.

Này các Tỷ-kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người ấy thấy xe báu cõi trời lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ. Thấy vậy, người ấy liền đến Chuyển Luân Thánh Vương; khi đến xong, liền báo cho Vua biết:

– Đại vương có biết chăng, xe báu cõi trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ?

89. Này các Tỷ-kheo, Chuyển Luân Thánh Vương liền cho mời Thái tử và nói rằng:

– Này Thái tử thân yêu, xe báu cõi trời của ta đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe như sau: "Nếu thiên bảo luân của Chuyển Luân Thánh Vương có lặn xuống một ít và rời khỏi vị trí cũ thì Vua còn sống không bao lâu nữa." Ta đã thọ hưởng dục lạc loài người một cách đầy đủ. Nay đã đến lúc tìm cầu dục lạc chư thiên. Này Thái tử thân yêu, hãy trị vì trái đất này cho đến hải biên! Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ-kheo, Chuyển Luân Thánh Vương, sau khi đã khéo đặt Thái tử con đầu trên ngôi vương vị, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ-kheo, sau khi Chuyển Luân Thánh Vương xuất gia bảy ngày, xe báu cõi trời ấy biến mất.

90. Này các Tỷ-kheo, một người khác đi đến Vua Quán đảnh Sát-đế-ly; khi đến nơi, liền tâu với Vua:

– Đại vương có biết chăng, xe báu cõi trời đã biến mất?

Này các Tỷ-kheo, khi Vua Quán đảnh Sát-đế-ly nghe tin xe báu cõi trời đã biến mất, liền không được vui vẻ và cảm thấy sầu muộn. Vua ấy không đến chỗ Vua Ẩn sĩ và hỏi về Thánh vương Chánh pháp. Vị ấy tự cai trị quốc gia theo ý của mình. Vì cai trị quốc gia theo ý của mình nên quốc gia không được hưng thịnh như trong thời xưa, khi các vua chúa cai trị theo Thánh vương Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, rồi các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú tụ họp lại, cùng đến Vua Quán đảnh Sát-đế-ly và nói:

– Tâu Đại vương, vì Đại vương cai trị quốc gia theo ý Đại vương nên quốc gia không được hưng thịnh như trong thời xưa, khi các vua chúa cai trị theo

Thánh vương Chánh pháp. Nay có các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú, chúng tôi và một số các vị khác thọ trì Thánh vương Chánh pháp. Tâu Đại vương, nếu Đại vương hỏi chúng tôi về Thánh vương Chánh pháp; nếu được hỏi, chúng tôi sẽ trả lời cho Đại vương rõ về pháp này.

91. Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ cho mời họp các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú và hỏi về Thánh vương Chánh pháp. Và những vị này được hỏi, đã trả lời về Thánh vương Chánh pháp. Khi nghe họ nói xong, vị vua có sắp đặt sự hộ trì, ngăn chặn, che chở nhưng không cho người nghèo tiền của, và vì vậy, nghèo đói lan rộng. Vì nghèo đói lan rộng, một người đã lấy vật không cho của những người khác, và hành động ấy được gọi là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu Vua:

– Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, hành động này được gọi là ăn trộm.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ấy:

– Này ngươi, có phải ngươi lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm?

– Tâu Đại vương, sự thật có vậy.

– Sao lại làm vậy?

– Tâu Đại vương, con không có gì để sống!

Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ liền cho người ấy tiền của và nói:

– Này ngươi, với tiền của này, ngươi hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con, tiến hành các công việc, thực hiện sự cúng dường với công đức tối thắng cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, mà kết quả là hưởng lạc thọ hiện tại và sanh thiên giới trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng theo lời Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu:

– Thưa vâng, Đại vương.

Này các Tỷ-kheo, rồi một người lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước mặt Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu Vua:

– Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ấy:

– Này ngươi, có phải ngươi lấy vật không cho của những người khác không, tức là ăn trộm?

– Tâu Đại vương, sự thật có vậy.

– Sao lại làm vậy?

– Tâu Đại vương, con không có gì để sống!

Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ liền cho người ấy tiền của và nói:

– Này ngươi, với tiền của này, ngươi hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con, tiến hành các công việc, thực hiện sự cúng dường với công đức tối thắng cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, mà kết quả là hưởng lạc thọ hiện tại và sanh thiên giới trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng theo lời Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu:

– Thưa vâng, Đại vương.

92. Này các Tỷ-kheo, nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, vua cho những người ấy tiền của." Nghe vậy, họ nghĩ: "Chúng ta hãy lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm."

Này các Tỷ-kheo, lại một người khác lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu Vua:

– Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ấy:

– Này ngươi, có phải ngươi lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm?

– Tâu Đại vương, sự thật có vậy.

– Sao lại làm vậy?

– Tâu Đại vương, con không có gì để sống!

Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ suy nghĩ: "Nếu ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, và ta cho họ tiền của thì lấy vật không cho như vậy tăng trưởng. Nay ta phải ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu nó."

Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ ra lệnh cho các người:

– Này các khanh, hãy lấy dây thật chắc, cột tay ra đằng sau với gút thật chặt, cạo đầu nó, dắt nó đi với tiếng trống khe khắt từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt nó ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu nó.

– Tâu Đại vương, thưa vâng.

Này các Tỷ-kheo, các người ấy vâng theo lệnh của Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ, lấy dây thật chắc, cột tay ra đàng sau với gút thật chặt, cạo đầu anh ta, dắt anh ta đi với tiếng trống khe khắt từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt anh ta ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu anh ta.

93. Này các Tỷ-kheo, nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của

những người khác, tức là ăn trộm, Vua ngăn chặn triệt để họ, hình phạt thích đáng và chém đầu họ."

Nghe vậy, những người ấy nghĩ: "Chúng ta hãy rèn kiếm cho thật bén, với những kiếm bén này, chúng ta sẽ lấy vật không cho của họ, tức là ăn trộm, sẽ ngăn chặn triệt để chúng, hình phạt thích đáng chúng và chém đầu chúng."

Những người ấy rèn kiếm bén, sau khi rèn kiếm bén xong, họ đi cướp làng, họ đi cướp thôn xóm, họ đi cướp thành, họ đi cướp đường, họ lấy vật không cho, tức là ăn trộm, họ ngăn chặn triệt để những người mà họ ăn trộm, hình phạt thích đáng và chém đầu những người này.

94. Này các Tỷ-kheo, như vậy, vì không cho người nghèo tiền của nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh, vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm được tăng thịnh, vì đao kiếm được tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh, vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh, vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên loài người tuổi thọ đến tám vạn năm và con của họ thọ bốn vạn năm.

Này các Tỷ-kheo, khi loài người thọ bốn vạn năm, một người khác lấy vật không cho, tức là ăn trộm. Người ta bắt người này lại, dẫn đến trước Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và thưa:

– Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ấy:

– Này ngươi, có thật ngươi lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm không?

– Tâu Đại vương, không.

Người ấy cố ý nói không thật.

95. Này các Tỷ-kheo, như vậy, vì không cho tiền của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh, vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm tăng thịnh, vì đao kiếm tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh, vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh, vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên loài người tuổi thọ đến bốn vạn năm và con của họ thọ hai vạn năm.

Này các Tỷ-kheo, khi loài người tuổi thọ đến hai vạn năm, một người khác lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Một người khác báo với Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ về người ấy:

– Tâu Đại vương, người này đã lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Như vậy người ấy đã bị nói xấu.

96. Này các Tỷ-kheo, như vậy, vì không cho tiền của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... vì nói xấu được tăng thịnh nên tuổi thọ loài người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có hai vạn năm và con của họ chỉ thọ một vạn năm.

Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến một vạn năm, một số chúng sanh có sắc đẹp, một số không có sắc đẹp. Những chúng sanh không có sắc đẹp tham đắm những chúng sanh có sắc đẹp và có tà hạnh với vợ những người khác.

97. Này các Tỷ-kheo, như vậy, vì không cho tiền của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... nên tà dâm tăng thịnh, vì tà dâm tăng thịnh nên tuổi thọ loài người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có một vạn năm và con của họ chỉ thọ năm ngàn năm.

98. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có năm ngàn năm thì hai pháp tăng thịnh, tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm. Khi hai pháp này tăng thịnh thời tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ còn năm ngàn năm và con của họ một số người sống hai ngàn năm trăm năm, một số người sống hai ngàn năm.

99. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có hai ngàn năm trăm năm, tham và sân tăng thịnh. Vì tham và sân tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có hai ngàn năm trăm năm và các người con chỉ có một ngàn năm.

100. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có một ngàn năm thì tà kiến tăng thịnh. Vì tà kiến tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có một ngàn năm và các người con chỉ có năm trăm năm.

101. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có năm trăm năm thì ba pháp tăng thịnh: Phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Khi ba pháp này tăng thịnh thời tuổi thọ của các loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có năm trăm năm, còn những người con, một số sống đến hai trăm năm mươi năm, một số sống đến hai trăm năm.

Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có hai trăm năm mươi năm, những pháp sau này tăng thịnh: Thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ; thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn; thiếu sự kính trọng đối với các vị đứng đầu trong gia đình.

102. Này các Tỷ-kheo, như vậy, vì không cho tiền của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh, vì

trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm tăng thịnh, vì đao kiếm tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh, vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh, vì nói láo tăng thịnh nên nói xấu tăng thịnh, vì nói xấu tăng thịnh nên tà hạnh tăng thịnh, vì tà hạnh tăng thịnh nên hai pháp tăng thịnh tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm, vì hai pháp này tăng thịnh nên tham và sân tăng thịnh, vì tham và sân tăng thịnh nên tà kiến tăng thịnh, vì tà kiến tăng thịnh nên ba pháp tăng thịnh: Phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Vì ba pháp này tăng thịnh nên các pháp sau đây tăng thịnh: Thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ; thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn; thiếu sự kính trọng đối với các vị đứng đầu trong gia đình. Vì những pháp này tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình này giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên loài người chỉ sống có hai trăm năm mươi năm, và các người con chỉ có một trăm năm.

103. Này các Tỷ-kheo, một thời sẽ đến khi những người con của loài người chỉ sống đến mười tuổi. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ còn mười tuổi, con gái đến năm tuổi sẽ lập gia đình. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loại sau này sẽ biến mất, tức là tô, lạc, dầu, đường cát và muối. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, loại hột kudrūsa trở thành món ăn tối thượng. Này các Tỷ-kheo, như hiện nay, cháo thịt là những món ăn tối thượng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, loại hột kudrūsa trở thành món ăn tối thượng. Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tối đa. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ; thiếu sự hiếu kính đối với Sa-môn, Bà-la-môn; thiếu sự cung kính đối với người đứng đầu trong gia đình, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán dương. Này các Tỷ-kheo, như hiện nay, những ai hiếu kính đối với cha mẹ; kính lễ đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn; cung kính đối với những người đứng đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái, tán dương; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ; thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn; thiếu sự cung kính đối với các vị đứng đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái, tán dương.

Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào thông dâm như dê, gà, heo, chó và chó rừng. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Mẹ đối với con, con đối với mẹ, cha đối với con, con đối với cha, anh đối với em, em đối với anh, em đối với chị, chị đối với em hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Này các Tỷ-kheo, như người thợ săn khi thấy loài thú, hại tâm rất mãnh liệt khởi lên, sân tâm rất mãnh liệt,

ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt khởi lên; cũng vậy này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt.

104. Này các Tỷ-kheo, khi loài người tuổi thọ chỉ có mười tuổi, đao trượng kiếm khởi lên trong bảy ngày. Trong thời gian ấy, họ xem nhau như loài thú, dao kiếm sắc bén hiện ra trong tay của họ. Với dao kiếm sắc bén ấy, họ tàn hại mạng nhau, xem nhau như loài thú. Này các Tỷ-kheo, giữa các loài hữu tình ấy, một số suy nghĩ: "Chúng ta chớ giết ai, mong đừng ai giết chúng ta! Chúng ta hãy đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc hay khe núi và sống với rễ và trái cây!" Họ đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc hay khe núi và sống với rễ và trái cây. Sau thời gian bảy ngày, họ từ rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc hay khe núi đi ra, ôm lấy nhau, cùng nhau an ủi, khoan khoái nói với nhau: "Sung sướng thay được thấy bạn còn sống! Sung sướng thay được thấy bạn còn sống!"

105. Này các Tỷ-kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Vì chúng ta tạo nhân bất thiện pháp nên bà con chúng ta bị giết hại nhiều như vậy. Vậy chúng ta hãy làm điều thiện! Chúng ta làm điều thiện như thế nào? Chúng ta chớ có sát sanh! Đó là điều thiện chúng ta có thể làm." "Chúng ta sẽ không sát sanh", đó là điều thiện họ làm. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ của họ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh nên tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi nhưng con của họ thọ đến hai mươi tuổi.

Này các Tỷ-kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Chúng ta nhờ hành thiện pháp làm nhân nên tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vậy chúng ta hãy làm việc thiện nhiều hơn nữa! Chúng ta hãy gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không làm các tà hạnh, gìn giữ không nói láo, gìn giữ không nói hai lưỡi, gìn giữ không ác khẩu, gìn giữ không nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ tà kiến, từ bỏ ba pháp: Phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến! Chúng ta hãy hiếu kính cha mẹ; kính lễ các vị Sa-môn, Bà-la-môn; cung kính các vị đứng đầu trong gia đình! Chúng ta hãy thực hành thiện pháp ấy!"

Họ hiếu kính mẹ, hiếu kính cha; kính lễ các vị Sa-môn, Bà-la-môn; cung kính các vị đứng đầu trong gia đình, họ thực hành thiện pháp này. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ tăng thịnh, sắc đẹp tăng thịnh. Vì tuổi thọ tăng thịnh và sắc đẹp tăng thịnh, tuổi thọ loài người đến hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn mươi tuổi và các người con sẽ lên đến tám mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến tám mươi tuổi và các người con sẽ lên đến một trăm sáu mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến một trăm sáu mươi tuổi và các người con sẽ lên đến ba trăm hai mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến ba trăm hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi và các người con sẽ lên đến hai ngàn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến hai ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến bốn ngàn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn ngàn tuổi

và các người con sẽ lên đến tám ngàn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến tám ngàn tuổi và các con sẽ lên đến hai vạn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến hai vạn tuổi và các người con sẽ lên đến bốn vạn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn vạn tuổi và các người con sẽ lên đến tám vạn tuổi.

Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, các người con gái đến năm trăm tuổi có thể thành lập gia đình.

106. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, ba chứng bệnh sau đây có mặt: Lòng dục, tham ăn và già. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, nước Jambudīpa (Diêm-phù-đề) này sẽ rất hùng mạnh và phong phú. Các làng mạc, tỉnh thành, kinh đô ở sát nhau đến nỗi con gà gáy bên này, bên kia có thể nghe được. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, nước Jambudīpa này sẽ rất phồn thịnh với người Avīci (A-tỳ địa ngục), giống như rừng lau hay rừng sậy. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, thành phố Bārāṇasī (Ba-la-nại) này là kinh đô tên gọi Ketumatī, rất là hùng mạnh, phong phú, đông dân cư và ăn uống đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, tại nước Jambudīpa này, sẽ có tám vạn bốn ngàn thành phố và Ketumatī sẽ là kinh đô tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, ở kinh đô Ketumatī, có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là Saṅkha ra đời, là vị Pháp vương, lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục thiên hạ bốn phương, cai trị các quốc độ, và đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử, dõng kiện, hùng mạnh, nhiếp phục ngoại địch, vị này trị vì quả đất này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị quốc, không dùng trượng, không dùng kiếm.

107. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời, là vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn như Ta nay sanh ra ở đời này, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, loài trời, loài người như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, loài trời và loài người. Vị này sẽ thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn tự nghĩa lý đầy đủ và tuyên thuyết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh như Ta hiện nay thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn tự nghĩa lý đầy đủ và tuyên thuyết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ-kheo đoanh vây như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ-kheo đoanh vây vậy.

108. Này các Tỷ-kheo, Vua Saṅkha sẽ cho thiết lập cung điện mà Vua Mahāpanāda đã thiết lập. Sau khi thiết lập, Vua trú tại đó. Sau đó, Vua lại bố

thí cung điện ấy, dâng cúng cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các hàng bần cùng, du đãng, ăn xin; rồi Vua cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn Metteyya, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Vị này xuất gia như vậy, sống một mình, biệt lập, tinh tấn, trì chí, chuyên tâm, chẳng bao lâu chứng được Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà vì mục đích này các thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Với Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh này, ngay trong hiện tại, vị này tự tri, tự chứng, đạt đến và an trú.

109. Này các Tỷ-kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác. Này các Tỷ-kheo, thế nào là một Tỷ-kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác? Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo sống quán thân trên tự thân, nhiệt tâm tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác để diệt trừ tham ưu ở đời. ... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác để có thể diệt trừ tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác.

110. Này các Tỷ-kheo, hãy đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các ngươi truyền lại. Này các Tỷ-kheo, nếu các ngươi đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các ngươi truyền lại thời tuổi thọ sẽ được tăng thịnh, sắc đẹp sẽ được tăng thịnh, an lạc sẽ được tăng thịnh, tài sản sẽ được tăng thịnh, thế lực sẽ được tăng thịnh.

Này các Tỷ-kheo, như thế nào vị Tỷ-kheo tuổi thọ được tăng thịnh? Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, đầy đủ dục thiền định tinh cần hành, tinh tấn thiền định tinh cần hành, tâm thiền định tinh cần hành, tư duy thiền định tinh cần hành. Vị này tu tập bốn pháp thần túc này một cách tinh cần, nếu muốn sống kéo dài một kiếp hay năm còn lại của một kiếp. Này các Tỷ-kheo, như vậy Ta nói vị Tỷ-kheo tuổi thọ được tăng thịnh.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo sắc đẹp được tăng thịnh? Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo sống giữ giới luật, chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Này các Tỷ-kheo, như vậy vị Tỷ-kheo sắc đẹp được tăng thịnh.

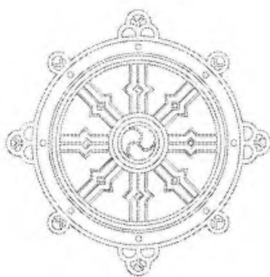
Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo an lạc được tăng thịnh? Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ; diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ... chứng và trú Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, như vậy vị Tỷ-kheo an lạc được tăng thịnh.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo tài sản được tăng thịnh? Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này các Tỷ-kheo, như vậy vị Tỷ-kheo tài sản được tăng thịnh.

Này các Tỷ-kheo, như thế nào là vị Tỷ-kheo thế lực được tăng thịnh? Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo, với sự diệt tận các lậu hoặc, tự mình biết và chứng, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không còn các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo thế lực được tăng thịnh.

Này các Tỷ-kheo, Ta quán sát và thấy không có một uy lực nào khác khó nhiếp phục hơn uy lực của Ma vương. Này các Tỷ-kheo, chính nhờ chấp nhận và thực hành những thiện pháp ấy mà công đức này được tăng thịnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.



27. KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN
(*Aggañña Sutta*)[1]

111. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvatthi (Xá-vệ), Pubbārāma (Đông Viên), ở lầu của Migāramātu (Lộc Mẫu giảng đường). Lúc bấy giờ, Vāseṭṭha và Bhāradvāja sống giữa các vị Tỷ-kheo và muốn trở thành Tỷ-kheo. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời dưới bóng ngôi lầu.

112. Vāseṭṭha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy, Vāseṭṭha nói với Bhāradvāja:

– Này Hiền giả Bhāradvāja, Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời dưới bóng ngôi lầu. Này Hiền giả Bhāradvāja, chúng ta hãy đến yết kiến Thế Tôn! Rất có thể chúng ta được nghe một thời pháp từ Thế Tôn.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Bhāradvāja vâng theo lời Vāseṭṭha.

113. Rồi cả Vāseṭṭha và Bhāradvāja cùng đến gần Thế Tôn; khi đến xong, đảnh lễ Ngài và đi theo sau lưng Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại.

Rồi Thế Tôn nói với Vāseṭṭha:

– Này Vāseṭṭha, ngươi sanh trưởng là Bà-la-môn và thuộc gia tộc Bà-la-môn, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình từ gia tộc Bà-la-môn. Này Vāseṭṭha, người Bà-la-môn có chỉ trích ngươi, phỉ báng ngươi chăng?

– Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện chớ không phải không toàn diện.

– Này Vāseṭṭha, các vị Bà-la-môn dùng lời lẽ như thế nào để chỉ trích các ngươi, phỉ báng các ngươi với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện?

– Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp

[1] Xem *D.* I. 87; *M.* I. 353; *S.* I. 331; II. 284; *A.* V. 326. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Tiểu duyên kinh* 小緣經 (*T.*01. 0001.05. 0036b28). Tham chiếu: *Bà-la-bà đường kinh* 婆羅婆堂經 (*T.*01. 0026.154. 0673b04); *Phật thuyết Bạch y kim tràng nhị Bà-la-môn duyên khởi kinh* 佛說白衣金幢二婆羅門緣起經 (*T.*01. 0010. 0216b11).

tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các ngươi đã từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp các Sa-môn trọc đầu, đê tiện, đen đủi, dòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp khi các ngươi từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp Sa-môn trọc đầu, đê tiện, đen đủi, dòng giống thuộc bàn chân." Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà-la-môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện chớ không phải không toàn diện.

114. – Này Vāseṭṭha, các người Bà-la-môn thật đã quên quá khứ khi họ nói: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện; chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên." Này Vāseṭṭha, các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà-la-môn ấy chính do thai sanh, lại nói rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên." Như vậy, họ phỉ báng Phạm thiên, nói láo và tích tạo nhiều điều bất thiện.

115. Này Vāseṭṭha, có bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Này Vāseṭṭha, có người Sát-đế-lỵ sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vāseṭṭha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện, những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội, những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì, những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp, những pháp ấy là hắc pháp và có hắc báo, những pháp ấy bị người có trí quở trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát-đế-lỵ. Này Vāseṭṭha, có người Bà-la-môn... Này Vāseṭṭha, có người Phệ-xá... Này Vāseṭṭha, có người Thủ-đà-la sát sanh... có tà kiến. Này Vāseṭṭha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và có hắc báo, những pháp ấy bị người có trí quở trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ-đà-la.

Này Vāseṭṭha, có người Sát-đế-lỵ không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Này Vāseṭṭha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện, những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội, những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì, những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp, những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả, những pháp ấy

được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát-đế-ly. Này Vāseṭṭha, có người Bà-la-môn... Này Vāseṭṭha, có người Phệ-xá... Này Vāseṭṭha, có người Thủ-đà-la không sát sanh... không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Này Vāseṭṭha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện, những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội, những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì, những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp, những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả, những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ-đà-la.

116. Này Vāseṭṭha, vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này nên ở đây, những Bà-la-môn nào nói rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên", là sai và các vị có trí không thể chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Này Vāseṭṭha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một vị Tỷ-kheo, một vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được diệt tận, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ Chánh trí đã được giải thoát, vị ấy sẽ được xem là tối thượng so với bốn giai cấp, vì xứng với pháp, không phải không xứng với pháp. Này Vāseṭṭha, pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này và cả đời sau.

117. Này Vāseṭṭha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này và cả đời sau.

Này Vāseṭṭha, Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa-môn Gotama xuất gia từ dòng họ liên hệ Sākya." Này Vāseṭṭha, lúc bấy giờ, dòng họ Sākya phải thần phục Vua Pasenadi ở Kosala, dòng tộc Sākya tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay và đối xử với Vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ, phải phép; cũng vậy, Vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép vì Vua nghĩ: "Có phải Sa-môn Gotama là thiện sanh, còn ta không phải thiện sanh; Sa-môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa-môn Gotama có dáng mặt đẹp đẽ, còn ta có dáng mặt thô xấu; Sa-môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?" Vì rằng Vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng pháp, cung kính pháp, đảnh lễ pháp, cúng dường pháp, kính lễ pháp nên Vua tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép.[2] Này Vāseṭṭha, với chứng minh điển hình này, mới hiểu vì sao pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này và cả đời sau.

[2] Xem *M.* II. 112, 120.

118. Này Vāseṭṭha, các ngươi sanh sai biệt, danh sai biệt, tánh sai biệt, gia hệ sai biệt, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các ngươi cần trả lời: "Chúng tôi là Sa-môn dưới sự lãnh đạo của Thích-ca tử." Này Vāseṭṭha, ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trí, có căn để, an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của pháp." Vì sao vậy? Này Vāseṭṭha, vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể.

119. Này Vāseṭṭha, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Ābhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gian khá dài. Này Vāseṭṭha, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên thác sanh qua tại đây. Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gian khá dài.

120. Này Vāseṭṭha, lúc bấy giờ, vạn vật trở thành một thế giới toàn nước, đen sẫm, một màu đen khiến mắt phải mù. Mặt trăng, mặt trời không hiện ra; sao và chòm sao không hiện ra; không có ngày và đêm; không có tháng và nửa tháng; không có năm và thời tiết; không có đàn bà, đàn ông. Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi. Này Vāseṭṭha, đối với các loài hữu tình ấy, sau một thời gian rất lâu, vị đất có vị ngon tan ra trong nước như bọt nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy đất hiện ra. Đất này có màu sắc, có hương và có vị. Màu sắc của đất giống như đề-hồ hay thuần túy như tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

Này Vāseṭṭha, có loài hữu tình, có tánh tham, nói: "Kìa xem, vật này là gì vậy?", rồi lấy ngón tay nếm vị của đất; khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị đất ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Này Vāseṭṭha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay nếm vị của đất, khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị đất ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên.

121. Rồi các hữu tình kia bắt đầu thưởng thức vị của đất bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay của họ. Này Vāseṭṭha, khi các hữu tình ấy bắt đầu thưởng thức vị của đất bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ, thời ánh sáng của họ biến mất; khi ánh sáng của họ biến mất thì mặt trăng, mặt trời hiện ra; khi mặt trăng, mặt trời hiện ra thì sao và chòm sao hiện ra; khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra; khi ngày và đêm hiện ra thì nửa tháng và tháng hiện ra; khi nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra. Như vậy, này Vāseṭṭha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

122. Này Vāseṭṭha, những hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu. Này Vāseṭṭha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây, các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta." Do họ kiêu mạn, quá mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, vị của đất biến mất. Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như ngày nay, khi loài người có được vị ngon liền nói: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

123. Này Vāseṭṭha, khi vị của đất đã biến mất với các hữu tình ấy, thời một loại nấm đất hiện ra. Như hình mai con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề-hồ hay thuần túy như tô, vị của nấm đất như mật ong thuần tịnh. Này Vāseṭṭha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thưởng thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu. Này Vāseṭṭha, vì các chúng sanh ấy thưởng thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây, các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta." Do họ kiêu mạn, quá mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nấm đất biến mất.

124. Khi nấm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề-hồ hay thuần túy như tô, vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh.

Này Vāseṭṭha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu. Này Vāseṭṭha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây, các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta." Do họ kiêu mạn, quá mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi, hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến mất!" Như ngày nay, khi loài người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi, hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

125. Này Vāseṭṭha, khi các loại cỏ, cây leo biến mất, thời lúa xuất hiện tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, họ mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Này Vāseṭṭha, những hữu tình ấy thưởng thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

126. Này Vāseṭṭha, vì các chúng sanh ấy thưởng thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của họ lại càng sai biệt. Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện. Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyến đối với thân thể bắt đầu. Do sự ái luyến, họ làm các hạnh dâm. Này Vāseṭṭha, lúc bấy giờ, những chúng sanh khác thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: "Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?" Như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy, chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

127. Này Vāseṭṭha, lúc bấy giờ, việc làm được xem là phi pháp nay được xem là đúng pháp. Này Vāseṭṭha, lúc bấy giờ, các hữu tình hành dâm ấy không được phép vào làng hay xã ấp một tháng hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ bị chỉ trích rất lâu vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lều, làm nhà để che giấu những hành động phi pháp của họ. Này Vāseṭṭha, có vị hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghĩ: "Sao ta lại tự làm ta mỏi mệt bằng cách đi tìm lúa buổi chiều cho buổi ăn chiều, buổi sáng cho buổi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sáng?" Này Vāseṭṭha, vị hữu tình này tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình này và nói:

– Này bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

– Này bạn, tôi đã tìm lúa một lần, cả cho buổi chiều và buổi sáng.

Này Vāseṭṭha, vị hữu tình này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày.

– Này bạn, như vậy là tốt.

Này Vāseṭṭha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói:

– Này bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

– Này bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi.

Này Vāseṭṭha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

– Này bạn, như vậy là tốt.

Này Vāseṭṭha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói:

– Này bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

– Này bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày rồi.

Này Vāseṭṭha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày.

– Này bạn, như vậy là tốt.

Này Vāseṭṭha, những vị hữu tình kia bắt đầu tích trữ lúa để ăn, và cám bắt đầu bao bọc hột gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hột lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm.

128. Này Vāseṭṭha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền:

– Này các bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn vị đất; vì bắt đầu bẻ đất bằng tay từng cục để ăn nên hào quang biến mất; vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra; vì mặt trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chùm sao hiện ra; vì các sao và chùm sao hiện ra nên đêm, ngày hiện ra; vì đêm, ngày hiện ra nên nửa tháng và tháng hiện ra; vì nửa tháng và tháng hiện ra nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thưởng thức vị đất, lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì ác, bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất nên nấm đất hiện ra. Nấm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức nấm đất ấy, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nấm đất biến mất. Vì nấm đất biến mất nên cỏ và cây leo hiện ra. Cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biến mất. Vì cỏ và cây leo biến mất nên lúa mọc tại các khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, chúng ta mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thưởng thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên giữa chúng ta, cám bắt đầu bao bọc hột lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hột lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn, và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vāseṭṭha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

129. Này Vāseṭṭha, có vị hữu tình bản tánh tham lam, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thưởng thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói:

– Này ngươi, ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Nhà ngươi chớ có làm như vậy nữa!

– Thưa bạn, vâng.

Này Vāseṭṭha, người này vâng đáp lời nói của những người ấy. Này Vāseṭṭha, lần thứ hai... Này Vāseṭṭha, lần thứ ba, người này gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Người ta bắt người này và nói:

– Này ngươi, ngươi đã làm điều ác vì ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Nhà ngươi chớ có làm như vậy nữa!

Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng gậy. Này Vāseṭṭha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện.

130. Này Vāseṭṭha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc:

– Này bạn, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tình, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người, người ấy sẽ công bố khi đáng phải công bố, khiển trách khi đáng phải khiển trách, hay tẩn xuất khi đáng phải tẩn xuất. Chúng ta sẽ chia cho người ấy một phần lúa.

Này Vāseṭṭha, rồi các vị hữu tình ấy đi đến vị hữu tình có sắc đẹp đẹp nhất, có gương mặt dễ nhìn nhất và được ái luyến nhiều nhất; đến vị hữu tình ấy và nói:

– Này vị hữu tình kia, hãy công bố khi đáng phải công bố, hãy khiển trách khi đáng phải khiển trách, hãy tẩn xuất khi đáng phải tẩn xuất. Chúng tôi sẽ dành cho ngươi một phần lúa của chúng tôi.

– Xin vâng, các Tôn giả.

Này Vāseṭṭha, vị hữu tình này vâng theo các vị hữu tình kia, công bố khi đáng công bố, khiển trách khi đáng khiển trách, tẩn xuất khi đáng tẩn xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa.

131. Này Vāseṭṭha, "được lựa chọn bởi đại chúng" tức là Mahāsammato. Danh từ Mahāsammato là danh từ đầu tiên được khởi lên. Này Vāseṭṭha, "Vị chủ của ruộng vườn" tức là Khattiya (Sát-đế-lỵ), là danh từ thứ hai được khởi lên. "Làm cho các người khác hoan hỷ bởi pháp" tức là Rāja (vị Vua); Rāja là danh từ thứ ba được khởi lên. Này Vāseṭṭha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giai cấp xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của

chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc (*dhamma*), không phải phi pháp. Này Vāseṭṭha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

132. Này Vāseṭṭha, một số các vị hữu tình suy nghĩ:

– Này các bạn, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra giữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiển trách, nói láo, hình phạt, tẩn xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp.

Này Vāseṭṭha, các vị ấy loại bỏ các ác, bất thiện pháp, tức là Brāhmanā (Bà-la-môn), và chữ Brāhmanā là danh từ đầu tiên được khởi lên. Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đỏ được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngả nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khất thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau:

– Này các bạn, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đỏ được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngả nghiêng, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khất thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Này Vāseṭṭha, họ "Jhāyanti" tu thiền, tức là Jhāyakā (thiền giả); Jhāyakā là danh từ thứ hai được khởi lên.

Này Vāseṭṭha, một số loài hữu tình này không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói:

– Này các bạn, những loài hữu tình này không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền (*na dānime Jhāyanti*).

Này Vāseṭṭha, *"Na dānime Jhāyanti"* tức là Ajjhāyakā; và Ajjhāyakā (các vị lập lại các tập sách Vệ-đà) cũng có nghĩa là những người không tu thiền, là danh từ thứ ba được khởi lên. Này Vāseṭṭha, thời ấy họ thuộc hạ cấp, nay họ xem là cao thượng nhất. Như vậy, này Vāseṭṭha là sự khởi lên nguồn gốc giai cấp xã hội của các Bà-la-môn theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Này Vāseṭṭha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

133. Này Vāseṭṭha, một số các loài hữu tình này theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác (*vissuta*). Này Vāseṭṭha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessā. Danh từ Vessā được khởi lên. Như vậy, này Vāseṭṭha, là sự khởi lên nguồn gốc giai cấp xã hội của các Vessā theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc,

không phải phi pháp. Này Vāseṭṭha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

134. Này Vāseṭṭha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ, này Vāseṭṭha, được gọi là Sudda. Và danh từ Sudda được khởi lên. Như vậy, này Vāseṭṭha, là sự khởi lên nguồn gốc giai cấp xã hội của các Sudda theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Này Vāseṭṭha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

135. Này Vāseṭṭha, một thời, có vị Khattiya tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn"; có vị Bà-la-môn tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn"; có vị Vessā tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn"; có vị Sudda tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn." Này Vāseṭṭha, giai cấp Sa-môn (Samaṇa) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Này Vāseṭṭha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

136. Này Vāseṭṭha, vị Khattiya làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Vāseṭṭha, vị Bà-la-môn... Này Vāseṭṭha, vị Vessā... Này Vāseṭṭha, vị Sudda làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này Vāseṭṭha, vị Khattiya làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này Vāseṭṭha, vị Bà-la-môn... Này Vāseṭṭha, vị Vessā... Này Vāseṭṭha, vị Sudda làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

137. Này Vāseṭṭha, vị Khattiya làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến, tà kiến và chánh hạnh, tà hạnh lẫn lộn làm nhân duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ. Này Vāseṭṭha, vị Bà-la-môn... Này Vāseṭṭha, vị Vessā... Này Vāseṭṭha, vị Sudda làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến và tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến, tà kiến và chánh hạnh, tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

138. Này Vāseṭṭha, vị Khattiya chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp giác chi, đã diệt trừ hoàn toàn [các ác pháp] ngay trong đời hiện tại. Này Vāseṭṭha, vị Bà-la-môn... Này Vāseṭṭha, vị Vessā... Này Vāseṭṭha vị Sudda chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp giác chi, đã diệt trừ hoàn toàn [các ác pháp] ngay trong đời hiện tại.

139. Này Vāseṭṭha, trong bốn giai cấp này, vị Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Này Vāseṭṭha, như vậy, Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

140. Này Vāseṭṭha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanaṅkumāra (Thường Đồng Hình) tuyên thuyết:

Chúng sanh tin giai cấp,
Sát-đế-ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa nhơn, thiên.

Này Vāseṭṭha, bài kệ này được Phạm thiên Sanaṅkumāra khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói, đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ, được Ta chấp nhận.

Này Vāseṭṭha, Ta cũng nói như sau:

Chúng sanh tin giai cấp,
Sát-đế-ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa nhơn, thiên.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Vāseṭṭha và Bhāradvāja hoan hỷ tín thọ lời giảng của Thế Tôn.

28. KINH TỰ HOAN HỶ
(*Sampasādanīya Sutta*)[1]

141. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Nāḷandā, trong vườn xoài Pāvārika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) đến tại chỗ Thế Tôn ở, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Sa-môn, một vị Bà-la-môn nào khác có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ.

142. – Này Sāriputta, lời nói của ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử khi ngươi nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Sa-môn, một vị Bà-la-môn nào khác có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ." Này Sāriputta, có phải ngươi đã được biết trong quá khứ, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với tâm của ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn, giới đức của chư vị Thế Tôn là như vậy, pháp là như vậy, trí tuệ là như vậy, an trú là như vậy, giải thoát của chư vị Thế Tôn là như vậy?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Sāriputta, có phải ngươi đã được biết trong tương lai, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với tâm của ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn, giới đức của chư vị Thế Tôn là như vậy, pháp là như vậy, trí tuệ là như vậy, an trú là như vậy, giải thoát của chư vị Thế Tôn là như vậy?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Sāriputta, có phải ngươi đã được biết trong hiện tại, Ta là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với tâm của ngươi biết được tâm của Thế Tôn, giới đức của Thế Tôn là như vậy, pháp là như vậy, trí tuệ là như vậy, an trú là như vậy, giải thoát của Thế Tôn là như vậy?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Này Sāriputta, hãy xem! Ngươi không có trí tuệ biết được tâm tư của

[1] Xem *D*. I. 1; *M*. III. 61; *S*. V. 159; *A*. I. 26. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Tự hoan hỷ kinh* 自歡喜經 (*T*.01. 0001.18. 0076b24). Tham chiếu: *Phật thuyết Tín Phật công đức kinh* 佛說信佛功德經 (*T*.01. 0018. 0255a11); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.498. 0130c07).

chư vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ở hiện tại và ở tương lai; cho nên, này Sāriputta, lời nói của ngươi tuyên bố thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử khi ngươi nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Sa-môn, vị Bà-la-môn nào khác có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ."

143. – Bạch Thế Tôn, con không có trí tuệ để được biết tâm tư của chư vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Bạch Thế Tôn, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì ở biên cảnh, có hào lũy kiên cố, có thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa thành ra vào. Cửa thành có vị giữ cửa thông minh, biệt tài và giàu kinh nghiệm, ngăn chặn những người lạ, chỉ cho vào những ai quen biết. Người này, trong khi đi tuần tiễu xung quanh thành, có thể không thấy hết các chắp nối và khe hở của tường, nhỏ cho đến một con mèo có thể đi qua được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn hơn muốn đi vào hay đi ra thành này, tất cả đều phải đi vào hay đi ra cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy, con biết truyền thống về Chánh pháp. Tất cả những vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn này đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn niệm xứ, đã như thật tu Bảy giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Tất cả những vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả những bậc Thế Tôn này sẽ diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, sẽ khéo an trú tâm vào Bốn niệm xứ, sẽ như thật tu Bảy giác chi và sẽ chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn, và nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn niệm xứ, đã như thật tu Bảy giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác.

144. Và nay ở đây, con một thời yết kiến Thế Tôn để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu. Bạch Thế Tôn, nhờ Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu như vậy, nên trong sự thâm hiểu Chánh pháp, một pháp được con thâm hiểu trọn vẹn, đó là lòng tin của con vào vị Bốn sư: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng đã khéo hành trì.

145. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về các thiện pháp. Ở đây, những thiện pháp là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Bạch Thế Tôn, ở đây, vị Tỷ-kheo tận diệt các lậu hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát vô lậu này. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng đối với các thiện pháp. Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn

lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các thiện pháp.

146. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự trình bày các nhập xứ. Bạch Thế Tôn, sáu nội xứ và ngoại xứ, tức là mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về sự trình bày các nhập xứ. Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề trình bày các nhập xứ.

147. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề nhập thai. Bạch Thế Tôn, có bốn loại nhập thai: Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai nhứ hai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ nhưng không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ ba.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ tư. Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề nhập thai.

148. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề sai khác trong sự ký tâm. Bạch Thế Tôn, có bốn loại ký tâm sai khác như thế này: Bạch Thế Tôn, có hạng tự tỏ lộ bằng hình tướng: "Ý của ngươi là như thế này, ý của ngươi là như vậy, tâm của ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư thiên: "Ý của ngươi là như thế này, ý của ngươi là như vậy, tâm của ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ hai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân hay chư thiên, mà tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ tầm và tứ: "Ý của ngươi là như thế này, ý của ngươi là như vậy, tâm của ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa thời sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ ba.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân hay chư thiên, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ tầm và tứ, nhưng khi chứng được định, không tầm không tứ, có thể biết được tâm người khác với tâm của mình: "Tùy ý hành của Tôn giả này, vị này sẽ hướng tâm đến suy tầm này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa thời sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ tư. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề ký tâm sai khác.

149. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Lúc Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề kiến định (*dassanasamāpatti*). Bạch Thế Tôn, có bốn loại kiến định như thế này: Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy là kiến định thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Hơn nữa, vị ấy quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da. Như vậy là kiến định thứ hai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn... Hơn nữa, vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, nhận thấy dòng tâm thức không gián đoạn của người ấy, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ ba.

Lại nữa, bạch Thế Tôn... Hơn nữa, vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, nhận thấy dòng tâm thức không gián đoạn của người ấy, như là không an trú cả đời này và cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ tư. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề kiến định.

150. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề phân loại các loại người. Bạch Thế Tôn, có bảy loại người như thế này: Câu phần giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Kiến chí, Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề phân loại loài người.

151. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề tinh cần. Bạch Thế Tôn, có Bảy giác chi như thế này: Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề tinh cần.

152. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề tiến bộ trong sự tu hành. Bạch Thế Tôn, có bốn loại đạo hành như thế này: Hành trì khổ, chứng ngộ chậm; hành trì khổ, chứng ngộ mau; hành trì lạc, chứng ngộ chậm; hành trì lạc, chứng ngộ mau.

Bạch Thế Tôn, ở đây, trong trường hợp hành trì khổ, chứng ngộ chậm; bạch Thế Tôn, sự hành trì cả hai phương diện đều được xem là hạ liệt, vừa khổ vừa chậm.

Bạch Thế Tôn, ở đây, trong trường hợp hành trì khổ, chứng ngộ mau; bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì khổ nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, trong trường hợp hành trì lạc, chứng ngộ chậm; bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì chậm nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, trong trường hợp hành trì lạc, chứng ngộ mau; bạch Thế Tôn, sự hành trì này cả hai phương diện đều được xem là cao thượng, vừa lạc và vừa mau. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề đạo hành [tiến bộ trên đường tu hành].

153. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề chánh hạnh trong ngôn ngữ. Bạch Thế Tôn, ở đây, một người không những không nói những lời liên hệ đến nói láo, mà còn phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu và lời ly gián; trái lại, người ấy nói lời từ hòa, sáng suốt, đáng được giữ gìn và nói đúng thời. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về chánh hạnh trong ngôn ngữ.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề giới hạnh của con người. Bạch Thế Tôn, ở đây, có người chơn thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi cầu lợi, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, hành động ôn hòa, luôn luôn cảnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, chánh niệm, ngôn từ lanh lợi, hành vi tốt, gan dạ, chịu đựng, biết điều, không tham dục, tỉnh giác, cẩn trọng. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề giới hạnh của con người.

154. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự sai biệt trong sự giảng dạy. Bạch Thế Tôn, có bốn loại giảng dạy. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng Nhất lai, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ năm hạ phần kiết sử, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết-bàn, không còn về lại đời này.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ các lậu hoặc, tự mình giác tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề sai biệt trong sự giảng dạy.

155. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Giải thoát trí của người khác. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng Nhất lai, phải sanh lại trong đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ năm hạ phần kiết sử, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết-bàn, không còn về lại đời này.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ các lậu hoặc, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Giải thoát trí của người khác.

156. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thường trú luận. Bạch Thế Tôn, có ba loại Thường trú luận như thế này: Bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hàng trăm đời, hàng ngàn đời, hàng trăm ngàn đời, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, tuổi thọ như thế này..." Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói rằng: "Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới đã hoại hay đã thành, trong tương lai tôi biết được thế giới sẽ hoại hay sẽ thành. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú." Đó là Thường trú luận thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, bốn thành kiếp hoại kiếp, năm thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này." Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: "Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới đã hoại hay đã thành. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ hoại hay sẽ thành. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú." Đó là Thường trú luận thứ hai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này..." Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: "Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là hoại hay đã thành. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ hoại hay sẽ thành. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sống lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú." Đó là Thường trú luận thứ ba.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Thường trú luận.

157. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Túc mạng trí. Bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp thành kiếp. Nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ

như thế này..." Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết.

Bạch Thế Tôn, có chư thiên mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhưng dưới bất cứ ngã thể nào được có trong quá khứ, hoặc có sắc hay không sắc, hoặc có tưởng hay không tưởng, hoặc phi tưởng phi phi tưởng, họ đều nhớ đến đời quá khứ với các đặc điểm và chi tiết như vậy.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Túc mạng trí.

158. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Sanh tử trí của các loài hữu tình. Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Sanh tử trí của các loại hữu tình.

159. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về các loại thần thông. Bạch Thế Tôn, có hai loại thần thông như thế này: Bạch Thế Tôn, có loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh." Bạch Thế Tôn, có loại thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh."

Bạch Thế Tôn, thế nào là loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh"? Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy chứng được nhiều loại thần thông sai khác: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim, với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Bạch Thế Tôn, như vậy là loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh."

Bạch Thế Tôn, thế nào là thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh"? Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo, nếu vị này muốn: "Đối với sự vật

đối nghịch, ta sẽ an trú với tưởng không đối nghịch", và ở đây, vị ấy an trú với tưởng không đối nghịch. Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch, ta sẽ an trú với tưởng đối nghịch", và ở đây, vị ấy an trú với tưởng đối nghịch. Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ an trú với tưởng không đối nghịch", và ở đây, vị ấy an trú với tưởng không đối nghịch. Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch và đối nghịch, ta sẽ an trú với tưởng đối nghịch", và ở đây, vị ấy an trú với tưởng đối nghịch. Nếu vị ấy muốn: "Loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", và ở đây, vị ấy trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông vô lậu, vô dư y, và được gọi là "bậc Thánh."

Bạch Thế Tôn, như vậy là vô thượng về các loại thần thông. Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết, và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác, có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các loại thần thông.

160. Bạch Thế Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh tấn, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự nỗ lực của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tôn chứng đạt. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không có đam mê các dục lạc, dục lạc này là đê tiện, hèn hạ, thuộc phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích. Thế Tôn cũng không đam mê tu hành khổ hạnh, khổ hạnh này là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích. Thế Tôn có thể đạt được nếu Ngài muốn, một cách dễ dàng, một cách không khó nhọc, một cách đầy đủ, sự hạnh phúc ngay trong hiện tại do bốn thiền định đem lại.

161. Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sāriputta, trong thời quá khứ, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào còn vĩ đại hơn, còn sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ không?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời không.

Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sāriputta, trong thời vị lai, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào còn vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời không.

Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sāriputta, trong thời quá khứ, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời có. "Này Hiền giả Sāriputta, trong thời vị lai, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời có.

Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sāriputta, trong thời hiện tại, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời không.

Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Vì sao Tôn giả Sāriputta một mặt thì xác nhận là có, một mặt lại xác nhận là không có?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời: "Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói; từ

nơi Ngài, tôi có ghi nhận: 'Trong thời quá khứ, có các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ.' Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói; từ nơi Ngài, tôi có ghi nhận: 'Trong thời vị lai, có các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ.' Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói; từ nơi Ngài, tôi có ghi nhận: 'Không có trường hợp, không có sự kiện trong một thế giới, hai vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác cùng xuất hiện ở đời, không trước không sau. Sự kiện như vậy không thể xảy ra.'" Bạch Thế Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như vậy, con đã nói lên đúng ý với Thế Tôn, không có sai lạc, không có hiểu lầm Thế Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình?

– Này Sāriputta, được hỏi và trả lời như vậy, ngươi đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai lạc, không có hiểu lầm Ta. Ngươi đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình.

162. Được nghe nói vậy, Tôn giả Udāyi bạch Thế Tôn:

– Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ. Bạch Thế Tôn, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào tự thấy mình chứng được dầu chỉ có một pháp, họ đã giương cờ [gióng trống] lên rồi. Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ.

– Hãy ghi nhận, này Udāyi! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ. Này Udāyi, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào tự thấy mình chứng được dầu chỉ có một pháp, họ đã giương cờ [gióng trống] lên rồi. Này Udāyi hãy ghi nhận! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ.

163. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

– Vậy Sāriputta, ngươi phải luôn luôn thuyết pháp phân biệt này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các nam cư sĩ và các nữ cư sĩ. Này Sāriputta, nếu có những kẻ ngu nào còn nghi ngờ hay thắc mắc đối với Như Lai, nếu họ được nghe pháp phân biệt này, nghi ngờ hay thắc mắc của họ đối với Như Lai sẽ được diệt trừ.

Như vậy, Tôn giả Sāriputta đã nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với Thế Tôn. Do vậy, danh từ "Tự hoan hỷ" (*Sampasādanīya*) được dùng cho bài kinh này.

29. KINH THANH TỊNH
(*Pāsādika Sutta*)[1]

164. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dòng tộc Sākya (Thích-ca), trong vườn xoài của một gia đình Thích-ca tên là Vedhaññā.

Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền tử) vừa mới tạ thế ở Pāvā. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigaṇṭha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và tàn hại nhau với binh khí miệng lưỡi: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị giềm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí!" Hình như các đệ tử của Nigaṇṭha Nātaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigaṇṭha Nātaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối các vị Nigaṇṭha, vì Pháp và Luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

165. Rồi Sa-di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pāvā, đến thăm Tôn giả Ānanda (A-nan) ở làng Sāma; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa-di Cunda bạch Tôn giả Ānanda:

– Bạch Tôn giả, Nigaṇṭha Nātaputta đã từ trần ở Pāvā. Sau khi vị này tạ thế, các Nigaṇṭha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Sa-di Cunda:

– Này Hiền giả Cunda, đây là vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến xong, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

– Bạch Tôn giả, vâng.

Sa-di Cunda vâng đáp Tôn giả Ānanda.

---

[1] Xem *M.* I. 513; *A.* IV. 369, 371. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (*T.*01. 0001.17. 0072c12).

Rồi Tôn giả Ānanda cùng với Sa-di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda có nói: "Nigaṇṭha Nāṭaputta đã từ trần ở Pāvā. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigaṇṭha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ."

166. – Này Cunda, như vậy, ở đây, Pháp và Luật đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

Này Cunda, ở đây, có vị Đạo sư không phải là Chánh Đẳng Giác, pháp được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và người đệ tử trong pháp này không thực hành và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng với pháp, sống vượt ra ngoài pháp. Người đệ tử ấy cần được nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho ngươi, thật khéo chứng đắc cho ngươi! Đạo sư của ngươi không phải là vị Chánh Đẳng Giác. Pháp của ngươi đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Và ngươi trong pháp này không thực hành và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng với pháp, vượt ra ngoài pháp."

Này Cunda, như vậy, ở đây, vị Đạo sư đáng bị quở trách; ở đây, pháp đáng bị quở trách; nhưng ở đây, đệ tử đáng được tán thán. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, nên nói như sau: "Này Đại đức, dầu Đại đức thực hành đúng như pháp vị Đạo sư đã dạy và trình bày, ai khuyến khích, ai được khuyến khích, ai được khuyến khích rồi như thật thi hành, tất cả đều không có phước báo. Vì sao vậy? Này Cunda, vì Pháp và Luật đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết."

167. Này Cunda, ở đây, vị Đạo sư không là vị Chánh Đẳng Giác, và pháp được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và vị đệ tử trong pháp này sống thực hành pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng với pháp, sống thuận theo pháp. Người này nên được nói như sau: "Này Hiền giả, thật không lợi ích cho ngươi, thật không khéo chứng đắc cho ngươi! Vị Đạo sư của ngươi không là vị Chánh Đẳng Giác và pháp được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, nhưng ngươi trong pháp này sống thực hành pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng với pháp, sống thuận theo pháp." Này Cunda, ở đây, vị Đạo sư đáng bị quở trách; ở đây, pháp đáng bị quở trách; ở đây, vị đệ tử cũng đáng bị quở trách. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, có ai nói như sau: "Thật vậy, Đại đức thực hành chánh lý

thì sẽ thành tựu chánh lý." Người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng cố gắng tinh tấn hơn nữa, tất cả đều không được phước đức. Vì sao vậy? Này Cunda, vì Pháp và Luật được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

168. Này Cunda, ở đây, vị Đạo sư là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo giảng và trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Vị đệ tử trong pháp này sống không thực hành pháp và tùy pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng với pháp, sống không thuận theo pháp. Vị đệ tử ấy cần phải được nói: "Này Hiền giả, thật không lợi ích cho ngươi, thật không khéo chứng đắc cho ngươi! Vị Đạo sư của ngươi là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên bố, trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, nhưng ngươi trong pháp này sống không thực hành pháp và tùy pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng với pháp, sống không thuận theo pháp." Này Cunda, ở đây, vị Đạo sư đáng được tán thán; ở đây, pháp đáng được tán thán; ở đây, vị đệ tử đáng bị quở trách. Với vị đệ tử như vậy, có ai nói như sau: "Đại đức hãy thực hành đúng như pháp do vị Đạo sư của Đại đức trình bày và tuyên thuyết." Ai khuyến khích, ai được khuyến khích, ai được khuyến khích rồi như thật thi hành, tất cả đều được phước báo. Vì sao vậy? Này Cunda, vì Pháp và Luật này khéo thuyết, khéo trình bày là như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

169. Này Cunda, ở đây, vị Đạo sư là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết và trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Vị đệ tử trong pháp này sống thực hành pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng với pháp, sống thuận theo pháp. Người đệ tử ấy cần được nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho ngươi, thật khéo chứng đắc cho ngươi! Vị Đạo sư của ngươi là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và ngươi trong pháp này sống thực hành pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng với pháp, sống thuận theo pháp." Này Cunda, như vậy, ở đây, vị Đạo sư đáng được tán thán; ở đây, pháp đáng được tán thán; ở đây, vị đệ tử cũng đáng được tán thán. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, có ai nói như sau: "Thật vậy, Đại đức thực hành chánh lý thì sẽ thành tựu chánh lý." Người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng cố gắng tinh tấn thực hành, tất cả đều được nhiều công đức. Vì sao vậy? Này Cunda, vì Pháp và Luật được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

170. Này Cunda, ở đây, vị Đạo sư xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng

hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Các vị đệ tử chưa được tinh thông Diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho các vị này, chưa được trình bày rõ ràng với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, thì vị Đạo sư viên tịch. Này Cunda, đối với vị Đạo sư như vậy, nếu viên tịch, các đệ tử sẽ ưu tư rất nhiều. Vì sao vậy? "Vị Đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, nhưng chúng ta chưa được tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho chúng ta với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, thì vị Đạo sư của chúng ta viên tịch." Này Cunda, vị Đạo sư như vậy mà viên tịch, các vị đệ tử có sự ưu tư.

171. Này Cunda, ở đây, vị Đạo sư xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên bố, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và các vị đệ tử được tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho các vị ấy với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, và vị Đạo sư của những vị ấy viên tịch. Này Cunda, vị Đạo sư như vậy nếu viên tịch, các vị đệ tử không có ưu tư. Vì cớ sao? "Vị Đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Còn chúng ta được tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho chúng ta biết với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, rồi vị Đạo sư của chúng ta viên tịch." Này Cunda, vị Đạo sư như vậy mà viên tịch, các đệ tử không có ưu tư.

172. Này Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần? Nếu không có một vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, một Phạm hạnh như vậy được xem là không viên mãn trong trường hợp như vậy. Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và nếu có vị Đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, một Phạm hạnh như vậy được xem là viên mãn trong trường hợp như vậy.

173. Này Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần? Có vị Đạo sư là vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, nhưng không có các vị Thượng tọa Tỳ-kheo, những vị đệ tử là những vị sáng suốt, tự điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, với giáo lý ngoại đạo được khởi lên có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất tư nghì, như vậy, Phạm hạnh này không thể viên mãn bởi chi phần này.

174. Này Cunda, khi nào phạm hạnh được đầy đủ về những phương diện này? Có vị đạo sư là vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, và có những vị Thượng tọa Tỷ-kheo, những vị đệ tử...

… nhưng nếu không có các vị Trung lạp Tỷ-kheo, những vị đệ tử... có các vị Trung lạp Tỷ-kheo, những vị đệ tử...

… nhưng nếu không có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo, những vị đệ tử... có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo, những vị đệ tử...

… nhưng nếu không có các vị Trưởng lão Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... có các vị Trưởng lão Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử...

… nhưng nếu không có các vị Trung lạp Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... nếu có các vị Trung lạp Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử...

… nhưng nếu không có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử...

… nhưng nếu không có nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh...

… nhưng nếu không có những nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc...

… nhưng nếu không có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh...

… nhưng nếu không có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc...

Phạm hạnh như vậy nếu không được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người... Phạm hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người nhưng không đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy không được viên mãn về phương diện này.

Này Cunda, khi nào phạm hạnh được đầy đủ với những phương diện này? Có vị Đạo sư là Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, và những vị Thượng tọa là những bậc Tỷ-kheo, những vị đệ tử sáng suốt, tự điều phục... thuyết pháp diệu dụng, có Trung lạp Tỷ-kheo đệ tử… có Hạ lạp Tỷ-kheo đệ tử… có Trưởng lão Tỷ-kheo-ni đệ tử… có Trung lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử… có Hạ lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử… có nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc, có nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có những vị nữ cư sĩ đệ

tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc. Phạm hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa chư thiên và loài người, đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy được viên mãn về phương diện này.

175. Này Cunda, nay Ta hiện tại là bậc Đạo sư xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Và các vị đệ tử của Ta tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho chư thiên và loài người. Này Cunda, nay Ta là vị Đạo sư Trưởng lão, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão.

Này Cunda, nay Ta có những vị Thượng tọa Tỷ-kheo đệ tử sáng suốt, tự biết điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết Diệu pháp, đối với giáo lý ngoại đạo được khởi lên, có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết Diệu pháp bất khả tư nghì. Này Cunda, Ta lại có những Trung lạp Tỷ-kheo sáng suốt… Này Cunda, nay Ta có những vị Hạ lạp Tỷ-kheo đệ tử… Này Cunda, nay Ta có những vị Trưởng lão Tỷ-kheo-ni đệ tử… Này Cunda, nay Ta có những vị Trung lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử… Này Cunda, nay Ta có những vị Hạ lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử… Này Cunda, nay Ta có những vị nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... Này Cunda, nay Ta có những vị nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... Này Cunda, nay Ta có những vị nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh… Này Cunda, nay Ta có những vị nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... Này Cunda, nay Phạm hạnh của Ta được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa chư thiên và loài người.

176. Này Cunda, đối với tất cả những vị Đạo sư nay xuất hiện ở đời, này Cunda, Ta không thấy một vị Đạo sư nào khác có thể bằng Ta về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng. Này Cunda, đối với tất cả các đoàn thể, các hội chúng nay xuất hiện ở đời, này Cunda, Ta không thấy một đoàn thể nào khác có thể bằng đoàn thể Tỷ-kheo về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng. Nếu có ai, khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, vị ấy nếu tuyên bố đúng đắn sẽ tuyên bố như sau: “Thành tựu hết thảy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố.” Này Cunda, Uddaka, con của Rāma, thường nói: “Thấy mà không thấy.” Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc bén, chỉ thấy lưỡi dao, không thấy khía cạnh sắc bén của dao. Này Cunda, đấy là nghĩa của câu: “Thấy mà không thấy.” Này Cunda, ở đây, Uddaka con của Rāma, đề cập đến một vật đê tiện, hạ liệt, thuộc về phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích, nói về con dao. Này Cunda, nếu nói đúng đắn câu: “Thấy mà không thấy”, thời phải nói như sau: “Thấy mà không thấy.” Vị ấy thấy cái gì mà không

thấy? Một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng, đầy đủ hết thảy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày, chính vị ấy thấy Phạm hạnh này. Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Như vậy gọi là: "Thấy mà không thấy." Này Cunda, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng... được khéo tuyên bố một cách viên mãn, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố, vị ấy sẽ tuyên bố đúng đắn như sau: "Phạm hạnh này thành tựu hết thảy tướng, cụ túc hết thảy tướng, không thiếu thốn, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày."

177. Do vậy, này Cunda, những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các ngươi, tất cả các ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi nhau nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và cho loài người. Này Cunda, thế nào là những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các ngươi, tất cả các ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi nhau nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và cho loài người? Những pháp ấy là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám Thánh đạo. Này Cunda, những pháp ấy do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các ngươi, tất cả các ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi nhau nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc của muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và cho loài người.

178. Này Cunda, các ngươi hãy hội họp với nhau trong tinh thần hòa đồng và tương kính, không có tranh luận nhau. Có vị đồng Phạm hạnh nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các ngươi nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa sai lạc hay hành văn sai lạc", các ngươi không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, các ngươi nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này hay cách hành văn kia, cách nào thích hợp hơn? Giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này thích hợp hơn cách hành văn kia. Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các ngươi không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các ngươi phải giải thích cho vị ấy một cách cẩn thận cả nghĩa lẫn hành văn.

179. Lại nữa này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các ngươi nghĩ rằng: "Vị Đại đức ấy nắm nghĩa sai lạc nhưng hành văn đúng đắn", các ngươi không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không thán thán, không bác bỏ, các ngươi nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các ngươi không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các ngươi phải giải thích một cách cẩn thận ý nghĩa đúng đắn cho vị ấy.

180. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các ngươi nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn nhưng hành văn sai lạc", các ngươi không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, các ngươi nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các ngươi không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các ngươi phải giải thích một cách cẩn thận cách hành văn cho vị ấy.

181. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các ngươi nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn và hành văn đúng đắn", các ngươi nên tán đồng và tán thán vị ấy với câu: "Thật là tốt đẹp." Khi tán đồng và tán thán với câu: "Thật là tốt đẹp", các ngươi phải nói với vị ấy: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho chúng tôi; này Hiền giả, thật là may mắn cho chúng tôi khi chúng tôi thấy một vị đồng Phạm hạnh như Hiền giả, tinh thông nghĩa lý như vậy, tinh thông hành văn như vậy."

182. Này Cunda, một pháp mới, Ta thuyết giảng để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại. Này Cunda, Ta không thuyết pháp chỉ để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai mà thôi. Này Cunda, Ta thuyết pháp vừa để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại mà cũng để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai. Do vậy, này Cunda, tấm y mà Ta cho phép các ngươi mặc, như vậy vừa đủ cho các ngươi ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của các loài ruồi muỗi, của gió, mặt trời và các loài bò sát, và để che giấu sự hổ thẹn. Các món ăn khất thực mà Ta cho phép các ngươi dùng, như vậy vừa đủ để nuôi dưỡng thân thể, giúp thân thể sống còn, tránh khỏi nguy hại và giúp sống đời Phạm hạnh với hy vọng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Nhờ vậy, đời sống của ta mới khỏi bị lầm lỗi và ta sống an lạc." Nhà cửa mà Ta cho phép các ngươi an trú, như vậy vừa đủ cho các ngươi ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, mặt trời và các loài bò sát, chỉ với mục đích tránh thoát sự nguy hiểm của thời tiết và an hưởng đời sống tịnh cư. Các dược phẩm và thuốc trị bịnh mà Ta cho phép các ngươi dùng, như vậy vừa đủ để ngăn chặn các cảm thọ đau ốm khởi lên và để gìn giữ sức khỏe.

183. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các Sa-môn Thích tử sống đam mê hỷ lạc." Này Cunda, nếu nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo phải được trả lời như sau: "Này Hiền giả, thế nào là đam mê hỷ lạc? Đam mê hỷ lạc có nhiều loại, có nhiều cách." Này Cunda, bốn loại đam mê hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lợi ích, không hướng đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

Thế nào là bốn? Này Cunda, ở đây có người ngu si, sau khi sát sanh, tự mình sung sướng hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ nhất. Lại nữa, này Cunda, ở đây có người sau khi lấy của không cho, tự mình sung sướng, hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ hai. Lại nữa, này Cunda, ở đây có người sau khi nói láo, tự mình sung sướng, hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ ba. Lại nữa này Cunda, ở đây có người say đắm, đam mê sống vây quanh với năm món dục lạc, đó là hỷ lạc thứ tư. Này Cunda, bốn loại hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lợi ích, không hướng đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các ngoại đạo có thể hỏi: "Các Sa-môn Thích tử có phải sống đam mê bốn loại hỷ lạc này không?" Họ cần phải được trả lời: "Chớ có nói như vậy. Các ông nói như vậy là nói không đúng đắn. Nói như vậy là các ông xuyên tạc, không đúng sự thật, không thực có."

184. Này Cunda, có bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Thế nào là bốn? Này Cunda, ở đây, vị Tỷ-kheo, ly dục, ly ác pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Đó là hỷ lạc thứ nhất. Lại nữa, này Cunda, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Đó là hỷ lạc thứ hai. Lại nữa, này Cunda, vị Tỷ-kheo ly hỷ... Đó là hỷ lạc thứ ba. Lại nữa, này Cunda, vị Tỷ-kheo xả lạc... Đó là hỷ lạc thứ tư. Này Cunda, bốn loại hỷ lạc này nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các vị Sa-môn Thích tử đang sống đam mê bốn loại hỷ lạc này." Họ cần phải được trả lời: "Nói như vậy là phải, các ông nói như vậy là nói đúng đắn. Nói như vậy là các ông không xuyên tạc, đúng sự thật, và thực có."

185. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Này Hiền giả, những ai sống đam mê theo bốn loại hỷ lạc ấy có thể mong đợi kết quả gì, lợi ích gì?" Được hỏi vậy, phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, những ai sống đam mê bốn loại hỷ lạc ấy có thể mong đợi bốn kết quả, bốn sự lợi ích. Thế nào là bốn? Này Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, được nhập vào dòng Thánh, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ. Đó là kết quả thứ nhất, lợi ích thứ nhất. Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, làm muội lược tham, sân, si, chứng bậc Nhất lai,

chỉ còn trở lại đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau. Đó là kết quả thứ hai, lợi ích thứ hai. Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh ở tại chỗ ấy mà nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Như vậy là kết quả thứ ba, lợi ích thứ ba. Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo diệt trừ các lậu hoặc, tự mình chứng tri, chứng ngộ và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy là kết quả thứ tư, lợi ích thứ tư. Này Hiền giả, vị nào sống đam mê bốn loại hỷ lạc này có thể mong đợi bốn kết quả, bốn lợi ích như vậy."

186. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các Sa-môn Thích tử sống không giữ vững lập trường." Này Cunda, các vị du sĩ ngoại đạo nói vậy, cần phải được trả lời như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã thuyết, đã trình bày những pháp cho các đệ tử cho đến trọn đời. Này Hiền giả, giống như cột trụ bằng đá hay bằng sắt, chân cột được khéo chôn sâu vào đất, không lắc qua lại, không có rung động; cũng vậy, này Hiền giả, Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã thuyết, đã trình bày những pháp cho các đệ tử cho đến trọn đời. Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã diệt trừ các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc sau đây: Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể cố ý tước đoạt sanh mạng của loài hữu tình; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể lấy của không cho, tức là ăn trộm; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể hành dâm; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể biết mà nói láo; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể cất chứa tiền của để hưởng thọ dục lạc, như khi còn tại gia; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành tham; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành sân; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành si; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành theo sợ hãi. Này Hiền giả, một vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán đã diệt tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc như vậy."

187. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau: "Đối với quá khứ, Sa-môn Gotama có tri kiến siêu việt, nhưng đối với tương lai, Sa-môn Gotama không có tri kiến siêu việt như sự việc xảy ra như thế nào và vì sao lại xảy ra như vậy?" Như vậy, các vị du sĩ ngoại đạo này chủ trương rằng tri kiến về vấn đề này có thể được trình bày, nêu rõ bởi tri kiến một vấn đề khác, như những kẻ ngu si, không thông minh khác. Này Cunda, về vấn đề quá khứ, Như Lai có thức nhớ đến đời sống quá khứ. Ngài muốn như thế nào, Ngài có thể nhớ xa được như vậy. Về vấn đề vị lai, Như Lai có trí do tuệ sanh: "Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn đời sống nào khác nữa."

Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời để trả lời câu hỏi ấy. Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời để trả lời câu hỏi ấy một cách vắn tắt. Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời để trả lời câu hỏi ấy.

188. Như vậy, này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai là vị nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai. Này Cunda, trong thế giới này với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được phân biệt, được đạt đến, được tìm cầu, được suy đạt với ý, tất cả đều được Như Lai biết rõ. Do vậy mới gọi là Như Lai. Này Cunda, trong thời gian giữa đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác và đêm Như Lai nhập Vô dư y Niết-bàn giới, trong thời gian ấy, những gì Như Lai nói trong khi thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy chớ không gì khác. Do vậy mới gọi là Như Lai. Này Cunda, Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy; nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai. Đối với thế giới, với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Toàn Thắng, không ai có thể thắng nổi, bậc Toàn Kiến, bậc Tự Tại.

189. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không? Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm?" Này Cunda, được hỏi vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm.'" Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Thế nào Hiền giả, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, có phải không? Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm?" Này Cunda, được hỏi vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm.'" Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm?" Này Cunda được nói vậy, ngươi phải

trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm.'"

Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Này Hiền giả, vì sao Sa-môn Gotama lại không nói?" Này Cunda, được hỏi vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì không liên hệ đến lợi ích, không liên hệ đến pháp, không liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, không hướng đến yểm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn, do vậy, Thế Tôn không trả lời."

190. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Này Hiền giả, Sa-môn Gotama nói điều gì?" Này Cunda, được hỏi vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Đây là khổ, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là khổ tập, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là con đường đưa đến khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói."

Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Này Hiền giả, vì sao Thế Tôn lại nói vậy?" Này Cunda, được hỏi như vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì liên hệ đến lợi ích, liên hệ đến pháp, liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, vì nhất định hướng đến yểm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn, do vậy, Thế Tôn mới nói."

191. Này Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi? Những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? Này Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi; còn những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi?

Này Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi và những biện luận không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? Này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm." Này Cunda, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

"Bản ngã và thế giới là không thường còn..."

"Bản ngã và thế giới là thường còn và không thường còn..."

"Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn..."

"Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra..."

"Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra..."

"Bản ngã và thế giới là do mình tạo ra và do người khác tạo ra..."

"Bản ngã và thế giới là không do mình tự tạo ra và cũng không phải do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm."

"Lạc, khổ là thường còn..."

"Lạc, khổ là vô thường..."

"Lạc, khổ là thường còn và vô thường..."

"Lạc, khổ là không thường còn và không vô thường..."

"Lạc, khổ là do mình tự tạo ra..."

"Lạc, khổ là do người khác tạo ra..."

"Lạc, khổ là do mình tự tạo và cũng do người khác tạo ra..."

"Lạc, khổ không do mình tự tạo ra, không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm."

192. Này Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm", Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: 'Bản ngã và thế giới là thường còn' không?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm" thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy, ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

193. Này Cunda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau:

"Bản ngã và thế giới là vô thường..."

"Bản ngã và thế giới là thường còn và vô thường..."

"Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn..."

"Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra..."

"Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra..."

"Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra và do người khác tạo ra..."

"Bản ngã và thế giới là không do mình tự tạo ra và cũng không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh..."

"Lạc, khổ là thường còn..."

"Lạc, khổ là vô thường..."

"Lạc, khổ là thường còn và vô thường..."

"Lạc, khổ không thường còn và không vô thường..."

"Lạc, khổ là mình tự tạo ra..."

"Lạc, khổ là người khác tạo ra..."

"Lạc, khổ là mình tự tạo ra và người khác tạo ra..."

"Lạc, khổ không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm."

Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: 'Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra?'" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm" thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những ý tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy, ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

Này Cunda, những biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này, biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi; còn những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi?

194. Này Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi? Những biện luận không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi?

Này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không bệnh sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm."

Lại nữa, này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

"Bản ngã là vô sắc..."

"Bản ngã là có sắc và vô sắc..."

"Bản ngã là không có sắc, không vô sắc..."

"Bản ngã là có tưởng..."

"Bản ngã là vô tưởng..."

"Bản ngã là không có tưởng, không vô tưởng..."

"Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm."

Này Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không có bệnh sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả có nói: 'Bản ngã là có sắc, không có bệnh sau khi chết?'" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm" thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Này Cunda, vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy, ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

195. Này Cunda, có những Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

"Bản ngã là vô sắc..."

"Bản ngã là có sắc và vô sắc..."

"Bản ngã là không có sắc và không vô sắc..."

"Bản ngã là có tưởng..."

"Bản ngã là vô tưởng..."

"Bản ngã là không có tưởng và không vô tưởng..."

"Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm."

Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: 'Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại?'" Này Cunda, nếu những vị ấy nói: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm" thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy, ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

Này Cunda, những biện luận về những tà kiến liên hệ đến tương lai này, những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi; còn những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi?

196. Này Cunda, với mục đích đoạn trừ và vượt qua những biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này mà Bốn pháp niệm xứ được ta tuyên thuyết, trình bày. Thế nào là bốn? Này Cunda, ở đây, vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các cảm thọ...; quán tâm trên các tâm...; quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích nhiếp phục tham, ưu ở đời. Này Cunda, với mục đích đoạn trừ và vượt qua các biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này mà Bốn niệm xứ được Ta tuyên thuyết, trình bày.

197. Lúc bấy giờ, Tôn giả Upavāṇa đang đứng sau lưng hầu quạt Thế Tôn, Tôn giả Upavāṇa bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là tuyệt đối thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này tên là gì?

– Này Upavāṇa, pháp thoại này là Thanh tịnh (*Pāsādika*), hãy như vậy mà phụng trì!

Thế Tôn thuyết dạy như vậy, Tôn giả Upavāṇa hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

30. KINH TƯỚNG
(*Lakkhaṇa Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

198. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvatthi, rừng Thái tử Jeta, vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

199. – Này các Tỷ-kheo, những ai có đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu này, những vị ấy sẽ chọn một trong hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, là vị Pháp vương, dùng Chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn hoàng tử, những bậc anh hùng, thân thể dõng kiện, nhiếp phục địch quân. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời.

200. Này các Tỷ-kheo, ba mươi hai tướng đại trượng phu này là gì mà những ai đầy đủ những tướng đại trượng phu này sẽ chọn đi một trong hai con đường, không còn con đường nào khác? Nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương... Nếu vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời?

Này các Tỷ-kheo, vị này có lòng bàn chân bằng phẳng. Tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

Này các Tỷ-kheo, dưới hai bàn chân của vị này có hiện ra hình bánh xe với ngàn căm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ. Tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

Này các Tỷ-kheo, vị này có gót chân thon dài...

---

[1] Xem *Miln*. 161, 219, 404; *Kvu*. 283, 467. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tam thập nhị tướng kinh* 三十二相經 (*T*.01. 0026.59. 0493a24).

Vị này có ngón tay, ngón chân dài...

Vị này có tay chân mềm mại...

Vị này tay chân có màng da lưới...

Vị này có mắt cá tròn như con sò...

Vị này có ống chân như con dê rừng...

Vị này đứng thẳng, không khòm lưng xuống, có thể sờ đầu gối với hai bàn tay...

Vị này có tướng mã âm tàng...

Vị này có màu da đồng, màu sắc như vàng...

Vị này có da trơn mướt, khiến bụi không thể bám dính vào...

Vị này có lông da mọc từng lỗ chân lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

Vị này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ và xoáy về hướng mặt...

Vị này có thân hình cao thẳng...

Vị này có bảy chỗ tròn đầy...

Vị này có nửa thân trước như thân con sư tử...

Vị này không có lõm khuyết xuống giữa hai vai...

Vị này có thân thể cân đối như cây bàng. Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...

Vị này có bán thân trên vuông tròn...

Vị này có vị giác rất nhạy bén...

Vị này có quai hàm như con sư tử...

Vị này có bốn mươi cái răng...

Vị này có răng đều đặn...

Vị này có răng không khuyết hở...

Vị này có răng cửa trơn láng...

Vị này có tướng lưỡi rộng dài...

Vị này có giọng nói Phạm âm tuyệt diệu như tiếng chim Ca-lăng-tần-già...

Vị này có hai mắt màu xanh đậm...

Vị này có lông mi con bò cái...

Vị này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ...

Này các Tỷ-kheo, vị này có nhục kế trên đầu. Tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

Này các Tỷ-kheo, những ai có đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu này, những vị ấy sẽ chọn một trong hai con đường này thôi, không có con đường nào

khác. Nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước, là vị Pháp vương, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, chiến thắng, thân thể dõng kiện, nhiếp phục địch quân. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời. Này các Tỷ-kheo, những vị ẩn sĩ ngoại đạo có ba mươi hai tướng đại trượng phu này nhưng không biết là do tạo nghiệp nào mà được những tướng này.

201. Này các Tỷ-kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, kiên trì và không dao động đối với các thiện pháp, thiện hành về thân, thiện hành về miệng, thiện hành về ý, phân định bố thí, thủ hộ giới luật, tuân giữ các lễ Bố-tát, hiếu kính với mẹ, hiếu kính với cha, cúng dường Sa-môn, cúng dường Bà-la-môn, tôn kính các bậc đàn anh trong gia đình và tất cả những vị tối thắng khác. Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Ở đây, vị ấy có mười điểm thù thắng hơn chư thiên khác: Thiên giới thọ mạng, thiên sắc, thiên lạc, thiên giới danh xưng, thiên giới uy lực, thiên giới sắc tướng, thiên giới âm thanh, thiên hương, thiên vị, thiên xúc. Vị ấy từ trần từ chỗ kia, sanh đến chỗ này, được tướng đại trượng phu này là lòng bàn chân bằng phẳng, đặt chân trên đất một cách bằng phẳng, bàn chân chạm đất với toàn thể bàn chân một lần.

202. Vị ấy đầy đủ tướng này, nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, là vị Pháp vương, dùng Chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị ấy, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị ấy có đến một ngàn hoàng tử, những bậc anh hùng, chiến thắng, thân thể dõng kiện, nhiếp phục địch quân. Vị ấy chinh phục và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao, trị vì quả đất này cho đến hải biên, một cõi đất không hoang vu, không có tướng nguy hiểm, không có gai góc, phồn vinh, phong phú, an ổn, may mắn, không có nguy hiểm. Làm vua được những gì? Làm vua không bị người thù hay kẻ địch làm trở ngại. Làm vua được lợi như vậy. Nếu vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời. Làm Phật được lợi những gì? Vị ấy không bị người thù hay kẻ địch ở trong cũng như ở ngoài; không bị tham, sân, si; không bị Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở ngoài đời làm trở ngại. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết nghĩa như vậy.

203. Ở đây, lời nói này được nói lên:
Sống chơn thật đúng pháp,
Điều phục và tự chế,
Sống với hạnh thanh tịnh,
Giữ giới, hành Bố-tát.
Bố thí, không bạo động,
Không làm hại một ai,
Tâm kiên cố hành trì,
Sống thật sự toàn diện.
Với hạnh nghiệp như vậy,
Ngài được sanh cõi trời,
Sống trong niềm hoan hỷ,
An lạc vô cùng tận.
Từ chỗ kia mạng chung,
Tái sanh lại chỗ này,
Với bàn chân bằng phẳng,
Chạm đất thật đều đặn.
Các bậc chiêm tướng gia,
Hội họp và tuyên bố,
Không ai làm trở ngại,
Vị bàn chân bằng phẳng,
Dầu tại gia, xuất gia.
Nghĩa tướng thật rõ ràng,
Nếu sống tại gia đình,
Không bị trở ngại gì,
Chiến thắng mọi quân thù,
Đại phá cả địch quân,
Không ai ngăn chặn được,
Vị nghiệp báo như vậy.
Nếu xuất gia ly dục,
Sống thiểu dục sáng suốt,
Là bậc Thánh Siêu Phàm,
Không còn phải thai sanh,
Bậc Vô Thượng Chánh Giác,
Pháp nhĩ là như vậy.

204. Này các Tỳ-kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, sống vì hạnh phúc cho chúng sanh, trừ diệt mọi sợ hãi, kinh hoàng, sắp đặt sự che chở, hộ trì, bảo vệ đúng pháp, bố thí cho các người tùy tùng. Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Vị ấy từ trần từ chỗ kia sanh đến chỗ này được tướng đại trượng phu này: Dưới bàn

chân có hình bánh xe hiện ra với một ngàn căm xe, với vành xe, trục xe, các bộ phận hoàn toàn đầy đủ.

Vị ấy đầy đủ tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Có nhiều kẻ hầu cận, số hầu cận rất đông, có cư sĩ, Bà-la-môn, thị dân, thôn dân, tài chánh quan, vệ sĩ, thủ môn quan, các đại thần, các chư hầu, các hào phú, các vương tử. Làm vua được lợi như vậy. Nếu vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời. Làm Phật được những gì? Vị ấy có đại chúng hầu cận, số đại chúng rất đông, gồm có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chư thiên, loài người, a-tu-la, các loài thần rắn, càn-thát-bà. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

205. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Trong những năm đã qua,
Trong những đời quá khứ,
Khi Ngài được làm người,
Khiến nhiều người hạnh phúc.
Ngài trừ diệt kinh hoàng,
Hộ trì và bảo vệ,
Nhờ nghiệp ấy sanh thiên,
Hưởng an lạc hạnh phúc.
Từ chỗ kia mạng chung,
Tái sanh lại chỗ này,
Dưới hai bàn chân Ngài,
Có bánh xe hiện ra,
Với vành xe đầy đủ,
Đủ một ngàn căm xe.
Các bậc chiêm tướng gia,
Hội họp và tuyên bố,
Khi thấy tướng trăm đức:
Được quần chúng bao vây,
Địch quân được nhiếp phục,
Như bánh xe quay tròn,
Với vành xe đầy đủ.
Nếu Ngài không xuất gia,
Sống đời sống như vậy,
Ngài chuyển vận bánh xe,
Trị vì khắp cõi đất.
Ở đây Sát-đế-ly,
Đều chịu thần phục Ngài,
Ngài bậc Đại Danh Xưng

Được hầu hạ xung quanh.
Nếu xuất gia ly dục,
Sống thoát dục, sáng suốt,
Thiên, người, a-tu-la,
Đế-thích và dạ-xoa,
Càn-thát-bà, long xà,
Phi điểu, loài bốn chân,
Tất cả đoanh vây Ngài,
Là bậc Đại Danh Xưng,
Bậc Vô Thượng Chánh Giác,
Được thiên, nhơn cung kính.

206. Này các Tỷ-kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, từ bỏ sát sanh, chế ngự sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Vị ấy từ trần từ chỗ kia, sanh đến chỗ này, được ba tướng đại trượng phu này: Gót chân thon dài, ngón tay, ngón chân dài và tay chân mềm mại.

Vị ấy đầy đủ ba tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Thọ mạng lâu dài, được sống lâu năm, thọ mạng được hộ trì lâu dài, không một người nào dưới hình thức kẻ thù hay kẻ nghịch có thể hại mạng sống của vị ấy. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Thọ mạng lâu dài, được sống lâu năm, thọ mạng được hộ trì lâu dài, không một kẻ thù, kẻ nghịch nào có thể hại được mạng sống của vị ấy, dù dưới hình thức Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ ai trong đời. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

207. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Tự biết mình sợ hãi,
Sợ chết sợ tàn hại,
Ngài từ bỏ giết hại,
Hết mọi loài chúng sanh.
Nhờ sống hành thiện pháp,
Được sanh lên cõi trời,
Tự hưởng quả dị thục,
Do thiện báo đem lại.
Từ chỗ kia mạng chung,
Tái sanh lại chỗ này,
Được hưởng tại nơi đây,
Ba tướng của đại nhân:

Gót chân đầy và dài,
Thân thẳng như Phạm thiên.
Khả ái, hình vóc đẹp,
Khéo cân xứng, khéo sanh,
Các ngón tay, ngón chân,
Đều mềm mại trẻ đẹp.
Với ba tướng đại nhân,
Sống lâu luôn luôn trẻ.
Nếu sống tại gia đình,
Thọ mạng sẽ lâu dài.
Nếu sống đời xuất gia,
Tuổi thọ được dài thêm,
Như vậy tướng hảo này,
Là tướng tuổi trường thọ.

208. Này các Tỷ-kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, là vị bố thí các món ăn loại cứng loại mềm, các loại nếm, loại liếm, loại uống, cao lương mỹ vị. Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Vị ấy từ trần từ chỗ kia, sanh đến chỗ này, được tướng đại trượng phu này là bảy chỗ tròn đầy. Bảy chỗ tròn đầy là hai tay tròn đầy, hai chân tròn đầy, hai vai tròn đầy và thân hình tròn đầy.

Vị ấy đầy đủ tướng này, nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Được các món ăn loại cứng, loại mềm, các loại nếm, loại liếm, loại uống, cao lương mỹ vị. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Được các món ăn loại cứng, loại mềm, các loại nếm, loại uống, cao lương mỹ vị. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

209. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Bố thí các món ăn,
Thượng vị, hợp sở thích,
Loại cứng và loại mềm,
Loại liếm cả loại nếm.
Nhờ hành thiện tốt đẹp,
Sống lâu thiên hỷ lạc.
Được sanh tại chỗ này,
Với bảy chỗ tròn đầy.
Với tay chân mềm mại,
Nhà chiêm tướng thiện xảo,
Tuyên bố Ngài đầy đủ,
Món ăn thật ngon lành,
Loại cứng và loại mềm.

Không riêng gì tại gia,
Được món ngon như vậy,
Nếu sống hạnh xuất gia,
Cũng được món ngon ấy.
Món ăn thật thượng vị,
Loại cứng và loại mềm,
Chặt đứt các trói buộc,
Tất cả hàng cư sĩ.

210. Này các Tỷ-kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, được đầy đủ bốn nhiếp pháp: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Vị ấy từ trần từ chỗ kia, sanh đến chỗ này với hai tướng đại trượng phu: Tay chân mềm mại, và có lưới da giữa ngón tay, ngón chân.

Vị ấy đầy đủ hai tướng này, nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Được khéo thâu nhiếp các vị tùy tùng; được khéo thâu nhiếp các cư sĩ, Bà-la-môn, thị dân, thôn dân, tài chánh quan, vệ sĩ, thủ môn quan, các đại thần, các chư hầu, các hào phú, các vương tử. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Được khéo thâu nhiếp các vị tùy tùng, được khéo thâu nhiếp các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chư thiên, loài người, a-tu-la, long xà, càn-thát-bà. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

211. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Bố thí và lợi hành,
Ái ngữ và đồng sự,
Nhiếp phục nhiều tùy tùng.
Do hành thiện pháp này,
Nhờ công đức từ ái,
Được sanh lên cõi trời.
Tạ thế tại chỗ kia,
Tái sanh tại chỗ này,
Do hạnh ấy tay chân,
Mềm mại và có lưới.
Được sắc tướng đoan nghiêm,
Mỹ lệ và khả ái,
Dầu còn là niên thiếu,
Trẻ thơ măng sữa vậy,
Quần chúng chịu tùy thuận,
Nhiếp phục cõi đất này.
Luôn luôn dùng ái ngữ,
Cầu hạnh phúc quần sanh,

Như vậy sống thanh tịnh,
Với công đức thù thắng.
Nếu Ngài sống từ bỏ,
Mọi dục lạc tài sản,
Tuyên thuyết Vi diệu pháp,
Vị Chiến Thắng Quần Sanh,
Họ nghe tâm hoan hỷ,
Vâng hành lời Ngài dạy.
Họ sống thiện hành trì,
Theo Chánh pháp, tùy pháp.

212. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, là một vị nói lời liên hệ lợi ích cho chúng sanh, liên hệ đến pháp, giải thích cho đại chúng, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chúng sanh, tán dương chánh hạnh. Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy... Vị ấy từ trần từ chỗ kia và tái sanh ở đây với hai tướng đại trượng phu: Mắt cá tròn như con sò và lông mọc xoay tròn thẳng lên.

Vị ấy đầy đủ với những tướng như vậy, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Tài vật dục lạc đều tối thắng, tối ưu, tối hảo, cao tột, đệ nhất. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Vị ấy trở thành bậc Tối Thắng, Tối Ưu, Tối Hảo, Cao Tột, Đệ Nhất cho toàn thể chúng sanh. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

213. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Thuở xưa lời Ngài nói,
Thuyết giảng cho đại chúng,
Liên hệ đến mục đích,
Liên hệ đến Chánh pháp.
Ngài là người đem lại,
Hạnh phúc cho chúng sanh,
Không xan lẫn hối tiếc,
Lễ đàn pháp và chơn.
Nhờ hành trì thiện nghiệp,
Sống hoan hỷ cõi lành.
Tái sanh tại nơi đây,
Ngài được hai hảo tướng,
Hưởng hạnh phúc tối thượng.
Lông mọc xoay thẳng lên,
Mắt cá tròn khéo gọn,
Dưới có thịt, có da,
Trên hình dáng đẹp đẽ.

Nếu Ngài sống tại gia,
Tài dục đều tối thượng,
Không ai thắng hơn Ngài,
Chinh phục Diêm-phù-đề.
Nếu hạnh Ngài xuất gia,
Tinh tấn hơn mọi người,
Ngài là bậc Tối Thắng,
Trong tất cả chúng sanh.
Do vậy không tìm được,
Kẻ tối thắng hơn Ngài.
Ngài sống và ngự trị,
Cùng khắp mọi thế giới.

214. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, siêng năng học hỏi, nghề nghiệp, mọi kỹ thuật, học thuật, oai nghi hay hành động: "Làm thế nào để tôi mau học được, làm thế nào để tôi mau biết, khỏi phải mệt nhọc lâu ngày?" Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy... Vị ấy từ trần từ chỗ kia và tái sanh ở đây, với tướng đại trượng phu, có ống chân giống như con dê rừng.

Vị ấy đầy đủ với tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Tất cả sự vật xứng đáng nhà vua, binh tướng nhà vua, tài sản nhà vua, sở hữu nhà vua, vị ấy đều có được một cách mau chóng. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Tất cả sự vật gì xứng đáng vị Sa-môn, đồ chúng Sa-môn, tài sản Sa-môn, sở hữu Sa-môn, vị ấy đều có được một cách mau chóng. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

215. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Trong các nghề, kỹ thuật,
Trong cử chỉ, hành động,
Ngài muốn làm thế nào,
Để học biết mau chóng.
Không ai bị thương hại,
Học mau, không mệt mỏi,
Do hành thiện nghiệp này,
Được quả phước mạnh lành,
Được ống chân tốt đẹp.
Cân đối xoay nhẹ nhàng,
Trên da trơn mềm mại,
Lông xoay tròn mọc lên,
Người như vậy được gọi,
Người có chân dê rừng.

Tướng này, người ta đồn,
Khiến đạt thành mau chóng.
Nếu theo đời tại gia,
Không xuất gia, mau biết.
Nếu xuất gia ly dục,
Sống thiểu dục sáng suốt,
Mọi sự vật hợp pháp,
Ngài tuần tự chứng đắc,
Sống tinh tấn cao thượng,
Quả chứng thật mau chóng.

216. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, đi đến các vị Sa-môn hay Bà-la-môn; sau khi đến, liền hỏi: "Bạch Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là có tội? Thế nào là không có tội? Điều nào nên làm? Điều nào không nên làm? Điều nào làm sẽ đưa đến cho ta bất hạnh và đau khổ lâu dài? Điều nào nếu làm sẽ đưa đến cho ta hạnh phúc và an lạc lâu dài?" Với tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp này... Vị ấy từ trần từ chỗ kia được tái sanh lại đây với tướng đại trượng phu này là da của vị ấy trơn mịn khiến bụi bặm không thể bám dính vào thân.

Vị ấy đầy đủ với tướng này, nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Đại trí tuệ, không có ai bằng vị ấy về trí tuệ hay không ai hơn vị ấy về tài sản thế tục. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Được đại trí tuệ, quảng trí tuệ, hỷ tâm trí tuệ, mẫn tiệp trí tuệ, thông nhuệ trí tuệ, yểm ly trí tuệ, không có ai bằng vị ấy về trí tuệ hay không có chúng sanh nào hơn vị ấy. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

217. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Trong những ngày quá khứ,
Ngài tha thiết muốn biết,
Ngài tha thiết muốn hỏi,
Yết kiến vị xuất gia,
Khéo nghe và học hỏi.
Chính nhờ hạnh nghiệp ấy,
Ngài chứng được trí tuệ.
Và sanh vào loài người,
Ngài được da mịn màng.
Các vị chiêm tướng gia,
Hội họp và tuyên bố,
Vị này biết và thấy,
Mọi ý nghĩa tế nhị.

Nếu hạnh không xuất gia,
Sống hành trì như vậy,
Ngài là vị Chuyển Luân,
Ngự trị cõi đất này.
Những vị nắm được nghĩa,
Không ai hơn bằng Ngài.
Nếu xuất gia ly dục,
Sống thoát tục sáng suốt,
Chứng được đạo Bồ-đề,
Tuệ tối hảo vô thượng.

218. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, không sân hận, hoàn toàn không ảo não, dầu có bị nói nhiều cũng không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận phiền muộn. Trái lại, vị ấy bố thí các đồ che đắp, mang mặc mềm mại, nhẹ nhàng: Vải quyên mềm mại, vải bông mềm mại, vải lụa mềm mại, vải len mềm mại. Với tác động... Vị ấy từ trần từ chỗ kia, thác sanh tại chỗ này, được tướng đại trượng phu này là sắc hoàng kim, da màu đồng, sáng bóng.

Vị ấy đầy đủ với tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Được các đồ che đắp, mang mặc mềm mại, nhẹ nhàng: Vải quyên mềm mại, vải bông mềm mại, vải lụa mềm mại, vải len mềm mại... Làm Phật được những gì? Được các đồ che đắp, mang mặc mềm mại, nhẹ nhàng: Vải quyên mềm mại, vải bông mềm mại, vải lụa mềm mại, vải len mềm mại. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

219. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Cương quyết không sân hận,
Ngài sẵn sàng bố thí,
Các loại vải mềm mại,
Các đồ đắp mềm mại.
Trong những đời sống trước,
Ngài cương quyết phân phát,
Như thần mưa tung vãi,
Mưa móc trên đất liền.
Nhờ hạnh nghiệp như vậy,
Từ trần tại chỗ kia,
Được sanh lên cõi trời,
Hưởng quả báo thiện hạnh.
Tận hưởng thiện báo xong,
Ngài sanh tại nơi đây,

Với thân màu hoàng kim,
Sáng chói như vàng ròng,
Mỹ lệ hùng tráng hơn,
Chẳng khác gì Đế-thích.
Nếu không muốn xuất gia,
Ngài trị vì đất này,
Nhờ sức mạnh quá khứ,
Ngài được thật đầy đủ,
Đồ che đắp mang mặc,
Mềm mại và mịn đẹp.
Nếu Ngài sống đời sống,
Xuất gia, không gia đình,
Được bộ y, tấm choàng
Có chất lượng tốt nhất,
Kiên trì Ngài tận hưởng,
Quả báo nghiệp quá khứ,
Những điều Ngài đã làm,
Không bao giờ vô hiệu.

220. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, làm cho sum họp lại những bà con, bạn bè thân tín không gặp nhau lâu ngày, bị xa cách lâu ngày; làm cho sum họp lại mẹ với con, con với mẹ; làm cho sum họp lại cha với con, con với cha; làm cho sum họp lại giữa anh em với nhau; làm cho sum họp lại giữa anh và chị, giữa chị và em; làm cho hòa hợp lại, sống vui vẻ với nhau. Với tác động... Vị ấy từ trần tại chỗ kia, thác sanh tại chỗ này với tướng đại trượng phu này là tướng mã âm tàng.

Vị ấy đầy đủ tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Được nhiều con, hơn một ngàn người con đều là bậc anh hùng, thân thể dõng kiện, nhiếp phục địch quân. Làm vua, vị ấy được như vậy... Làm Phật được những gì? Được nhiều con, sẽ có hàng ngàn người con [xuất gia và tại gia] đều là bậc anh hùng, các bậc dõng kiện, nhiếp phục các địch quân. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

221. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Thuở xưa, trong quá khứ,
Trong nhiều đời tiền thân,
Ngài khiến cho sum họp,
Bà con, bạn, thân tín,
Đã không gặp lâu ngày,
Đã phiêu bạt lâu ngày,

Ngài khiến họ hòa hợp,
Sống hoan hỷ với nhau.
Hạnh này Ngài sanh thiên,
Hưởng hạnh phúc hỷ lạc.
Chết kia, sanh chỗ này,
Ngài được mã âm tàng.
Ngài có rất nhiều con,
Hơn đến số ngàn vị,
Là những bậc anh hùng,
Dõng kiện, nhiếp địch quân,
Đón chào, lời hiếu kính,
Khiến tại gia hoan hỷ.
Nếu xuất gia tu đạo,
Uy lực thắng hơn nhiều,
Số con có nhiều hơn,
Biết vâng lời chỉ giáo,
Dầu tại gia, xuất gia,
Hảo tướng thật rõ ràng.

Tụng phẩm II

222. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, quán sát và hiểu biết rõ ràng toàn thể đại chúng, biết mình, biết người, biết sự sai biệt giữa mọi người: "Người này xứng đáng như thế này, người kia xứng đáng như thế này", và vị ấy hành động tùy theo sự sai biệt giữa mọi người ấy. Với tác động... Vị ấy từ trần từ chỗ kia, tái sanh tại đây với hai tướng đại trượng phu: Thân hình cân đối như cây Nigrodha và đứng thẳng không cong lưng, vị ấy có thể sờ và thoa đầu gối với hai lòng bàn tay.

Vị ấy đầy đủ những tướng như vậy, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Làm vị triệu phú, đại triệu phú, với kho tàng đầy vàng bạc, đầy tài vật, đầy tiền lúa, kho tàng tràn đầy. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Làm vị triệu phú, đại triệu phú. Tài vật của vị ấy là tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, đa văn tài, thí tài, trí tuệ tài. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

223. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Cân nhắc, tìm, suy tư,
Ngài quán sát đại chúng,
Ở chỗ này, chỗ kia,
Người này xứng thế này,
Hành động Ngài tương xứng,

Sự sai biệt loài người.
Đứng thẳng không cong lưng,
Hai tay sờ đầu gối,
Thân như cây tròn cao,
Là thiện báo đặc biệt.
Bậc thiện xảo về tướng,
Đều tuyên bố như sau:
Đứa trẻ được tất cả,
Những gì xứng cư sĩ,
Là cư sĩ, Ngài được,
Mọi dục lạc tài sản,
Phong phú và thích hợp,
Với vua cõi đất này.
Nếu phát tâm từ bỏ,
Mọi dục lạc tài sản,
Ngài sẽ được tài vật,
Vô thượng và tối thiện.

224. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, tha thiết với sự lợi ích của đại chúng, tha thiết với hạnh phúc, tha thiết với sự thoải mái, tha thiết với sự an tịnh của đại chúng: "Làm thế nào cho họ tăng trưởng lòng tin, tăng trưởng giới, tăng trưởng đa văn, tăng trưởng bố thí, tăng trưởng pháp, tăng trưởng trí tuệ, tăng trưởng tài vật và lúa gạo, tăng trưởng đất ruộng, tăng trưởng các loài hai chân và bốn chân, tăng trưởng vợ con, tăng trưởng đầy tớ và lao công, tăng trưởng bà con, tăng trưởng bạn bè, tăng trưởng quyến thuộc." Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Vị ấy tạ thế từ chỗ kia, sanh tại chỗ này, được ba tướng đại trượng phu: Nửa thân trên như thân con sư tử, hai vai không có lõm khuyết xuống, và thân hình tròn đều.

Vị ấy với những tướng như thế này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Vị ấy không bị thất bại và mất mát. Vị ấy không mất tài sản lúa gạo, ruộng đất, các loài hai chân, bốn chân, vợ con, đầy tớ, lao công, bạn bè, quyến thuộc. Vị ấy thành tựu tất cả, không thất bại một điều gì... Làm Phật được những gì? Vị ấy không bị thất bại và mất mát. Vị ấy không mất tín, giới, văn, thí xả và tuệ. Vị ấy thành tựu tất cả, không bị thất bại một điều gì. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

225. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Tín, giới, văn, trí tuệ,
Thí pháp, nhiều thiện sự.

Tài sản, lúa, ruộng đất,
Vợ con, loài bốn chân,
Quyến thuộc, bạn, bà con,
Lực, sắc và hạnh phúc,
Ngài ao ước mong cầu,
Không một ai tổn hại.
Thân trên như sư tử,
Vai vuông tròn đều đặn,
Nhờ hạnh xưa tích tạo
Được tướng không hư mất.
Tại gia được tăng trưởng,
Gạo, tài sản, vợ con,
Cùng với loài bốn chân.
Xuất gia không vật gì,
Chứng Bồ-đề Vô thượng,
Không bao giờ tiêu diệt.

226. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, không làm điều gì hại đến các loài hữu tình hoặc bằng tay, bằng đá, bằng gậy, hay bằng đao. Với tác động, chất chứa, tích tụ và tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Vị ấy tạ thế từ chỗ kia, sanh tại chỗ này, được tướng đại trượng phu này là cảm vị hết sức nhạy bén, khi vật gì chạm đầu ngọn lưỡi, những cảm giác được khởi lên tại cổ họng và truyền đi khắp thân thể.

Vị ấy đầy đủ với tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Ít bệnh, ít não, tiêu hóa tốt đẹp, nhiệt độ thăng bằng, không lạnh quá, không nóng quá. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Ít bệnh, ít não, tiêu hóa tốt đẹp, nhiệt độ thăng bằng, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, có thể kham nhẫn, siêng năng. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

227. Ở đây, lời này được nói lên:

Ngài không hại một ai,
Với tay, gậy, đá, gươm,
Không trói, không dọa nạt,
Không sát sanh, hại mạng,
Do vậy Ngài sanh thiên,
Hưởng quả báo an lạc.
Tái sanh tại nơi đây,
Cảm vị rất nhạy bén,
Cổ họng khéo an trú,

Thượng vị nhạy truyền đi.
Thiện xảo chiêm tướng gia,
Tuyên bố về Ngài rằng:
Người này sẽ được hưởng,
Nhiều hạnh phúc an lạc,
Dầu tại gia, xuất gia,
Hảo tướng thật rõ ràng.

228. Này các Tỷ-kheo... Như Lai lúc xưa làm người, có thói quen không ngó liếc, không ngó xiên, không ngó trộm, với tâm chánh trực, mở rộng, cao thượng, nhìn đại chúng với tâm từ bi. Với tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sau khi tạ thế từ chỗ kia, vị ấy sanh lại tại chỗ này với hai tướng đại trượng phu: Cặp mắt hết sức xanh và lông mi như con bò cái.

Vị ấy đầy đủ với những tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Đại chúng ưa nhìn vị ấy. Các cư sĩ, Bà-la-môn, thị dân, thôn dân, tài chánh quan, vệ sĩ, các thủ môn quan, các đại thần, chư hầu, phú gia, vương tử đều hoan nghênh, thương kính vị ấy. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Đại chúng ưa nhìn vị ấy. Các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chư thiên, loài người, a-tu-la, long xà, càn-thát-bà hoan nghênh và thương kính vị ấy. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

229. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Không ngó liếc, ngó xiên,
Và cũng không ngó trộm,
Chỉ với tâm chánh trực,
Rộng mở và cao thượng,
Ngài nhìn khắp đại chúng,
Với từ tâm của Ngài.
Ở đây Ngài tận hưởng,
Quả an lạc cõi thiện,
Ở đây lông mi Ngài,
Như mi con bò cái,
Cặp mắt hết sức xanh,
Đẹp đẽ thật ưa nhìn.
Chiêm tướng gia lão luyện,
Tinh thông về hảo tướng,
Ngài thành bậc Thiện Nhân.
Với cặp mắt tinh tế,
Được mọi người hoan nghênh,
Ưa thích ngắm nhìn Ngài.

Cư sĩ ưa nhìn Ngài,
Được mọi người kính yêu.
Tại gia hay Sa-môn,
Ngài được người kính mến,
Như người đã cứu chữa,
Khổ sầu cho đại chúng.

230. Này các Tỷ-kheo... Như Lai lúc xưa làm người, là vị lãnh đạo đại chúng về các thiện pháp, là vị tiên phong đại chúng về thiện hành thuộc thân, khẩu, ý, phân phát bố thí, thủ hộ giới luật, tham dự các lễ Bố-tát, hiếu kính cha mẹ, lễ kính Sa-môn, lễ kính Bà-la-môn, cung kính bậc trưởng thượng trong gia đình và về các pháp tối thượng khác. Với sự tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Vị ấy sau khi tạ thế từ chỗ kia, sanh tại chỗ này với tướng đại trượng phu là có nhục kế trên đầu.

Vị ấy đầy đủ với tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Vị ấy được sự trung thành của đại chúng. Các cư sĩ, Bà-la-môn, thị dân, thôn dân, các tài chánh quan, vệ sĩ, thủ môn quan, đại thần, phó vương, phú gia, các vương tử. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Vị ấy được sự trung thành của đại chúng. Các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chư thiên, loài người, các hàng a-tu-la, các loài long xà, càn-thát-bà. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

231. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Lãnh đạo các chánh hạnh,
Hoan hỷ trong pháp lành,
Được đại chúng trung thành,
Hưởng công đức chư thiên.
Hưởng xong các thiện quả,
Sanh đây được nhục kế.
Chiêm tướng gia thiện xảo,
Đồng tuyên bố về Ngài:
Ngài lãnh đạo đại chúng,
Được tiền của hiến dâng,
Quá khứ, nay cũng vậy,
Mọi người phục vụ Ngài.
Nếu là Sát-đế-ly,
Ngài trị vì quốc độ,
Được đa số quần chúng,
Thành tâm phục vụ Ngài.
Nếu Ngài sống xuất gia,

Thời vị Thượng Nhân này,
Tinh thông và thiện xảo,
Đối với các thiện pháp,
Được quần chúng trung thành,
Được mọi người phục vụ,
Vì đã quá hoan hỷ,
Công đức dạy của Ngài.

232. Này các Tỷ-kheo... Như Lai lúc xưa làm người, từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói lời chơn thật, y chỉ chơn thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không thất hứa một ai. Với tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp ấy... Vị ấy sau khi tạ thế từ chỗ kia, sanh lại tại chỗ này với hai tướng đại trượng phu: Mỗi lỗ chân lông là mỗi một sợi lông mọc lên và giữa hai lông mày có tướng bạch hào sanh, màu trắng, mềm mại giống như bông.

Vị ấy đầy đủ những tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Đại chúng tuân theo ý muốn của vị ấy. Các cư sĩ, Bà-la-môn, thị dân, thôn dân, các tài chánh quan, các vệ sĩ, thủ môn quan, đại thần, phó vương, phú gia, vương tử đều tuân theo ý muốn của vị ấy. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Đại chúng đều tuân theo ý muốn của vị ấy. Các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, thiên, nhân, a-tu-la, long xà, càn-thát-bà tuân theo ý muốn của vị ấy. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

233. Ở đây, lời này được nói lên:

Trong những đời quá khứ,
Ngài giữ hạnh chơn thật,
Không nói lời hai lưỡi,
Tránh lời nói hư vọng.
Đối với tất cả chúng,
Không bội ước một ai,
Ngài sống trong hoan hỷ,
Chơn chánh và như thật.
Ngài có tướng bạch hào,
Mọc giữa hai chân mày,
Trắng, sáng và mịn màng,
Như bông Đâu-la-miên.
Các lông của Ngài mọc,
Không hai lông một chỗ.
Khi nhiều vị chiêm tướng,
Hội họp chung với nhau,
Những vị tinh thông này,

Đồng tuyên bố về Ngài:
Với hảo tướng bạch hào,
Và các lông khéo mọc,
Nên Ngài được mọi người,
Vâng theo ý muốn Ngài.
Là cư sĩ, đại chúng,
Tuân theo ý muốn Ngài,
Vì hành động quá khứ,
Quá rõ ràng cao thượng.
Bỏ tất cả, xuất gia,
Ngài được cả đại chúng,
Tuân theo bậc Giác Ngộ,
Tối Vô Thượng, Tịch Tịnh.

234. Này các Tỷ-kheo... Như Lai đời trước làm người, từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì chỗ này không đi nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói lời đưa đến hòa hợp. Do tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Vị ấy sau khi tạ thế từ chỗ kia, sanh lại tại chỗ này với hai tướng đại trượng phu: Có bốn mươi răng, và giữa răng không có kẽ hở.

Vị ấy đầy đủ các tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Chúng tùy tùng của vị ấy không có chia rẽ. Các vị cư sĩ, Bà-la-môn, thị dân, thôn dân, tài chánh quan, vệ sĩ, thủ môn quan, các đại thần, phó vương, phú gia, các vương tử đều không chia rẽ. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Các người tùy tùng không có chia rẽ. Các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chư thiên, loài người, các vị a-tu-la, các long xà, các càn-thát-bà đều không chia rẽ. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

235. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Không nói lời hai lưỡi,
Khiến chia rẽ hòa hợp,
Khiến phát sanh đấu tranh,
Khiến tăng trưởng chia rẽ.
Không nói lời vô lý,
Làm tranh luận tăng trưởng,
Lời nói sinh chia rẽ,
Giữa những người hòa hợp.

Ngài chỉ nói những lời,
Tăng hòa ái lâu ngày,
Lời phát sanh liên kết,
Giữa những người chia rẽ.
Những lời có khả năng,
Trừ tranh chấp mọi người,
Ngài hoan hỷ thoải mái,
Trong đoàn kết hòa hợp.
Do nghiệp báo dị thục,
Được sanh vào thiện thú,
Ngài hoan hỷ thọ hưởng,
Phước báo ở cõi ấy.
Ở đây, răng của Ngài,
Đều đặn, không kẽ hở,
Có bốn mươi tất cả,
Mọc trong miệng khéo bày.
Nếu sanh Sát-đế-ly,
Ngài trị vì quốc độ,
Dân chúng Ngài trị vì,
Không bị gây chia rẽ.
Sống làm bậc Sa-môn,
Thanh tịnh không cấu uế,
Dân chúng tháp tùng Ngài,
Kỷ cương, không dao động.

236. Này các Tỷ-kheo... Như Lai trong đời trước làm người, từ bỏ nói lời độc ác, tránh nói lời độc ác, nói những lời không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Vị ấy nói những lời như vậy. Với tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Sau khi tạ thế từ chỗ kia, sanh lại tại chỗ này, vị ấy được hai tướng đại trượng phu: Lưỡi dài và giọng nói Phạm âm trong trẻo, dịu ngọt như tiếng chim Karavīka (Ca-lăng-tần-già).

Vị ấy đầy đủ các tướng ấy, nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Lời nói được chấp nhận. Các vị cư sĩ, Bà-la-môn, thị dân, thôn dân, tài chánh quan, vệ sĩ, thủ môn quan, đại thần, phó vương, phú gia, các vương tử đều chấp nhận lời nói của vị ấy. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật được những gì? Lời nói của vị ấy được chấp nhận. Các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chư thiên, loài người, a-tu-la, long xà, càn-thát-bà chấp nhận lời của vị ấy. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

237. Ở đây, lời nói này được nói lên:
Không nói lời độc ác,
Gây tranh luận có hại,
Lời thô bạo cộc cằn,
Não hại, hiếp đại chúng.
Ngài nói lời ngọt ngào,
Hòa dịu cùng thân ái,
Lời nói đẹp ý lòng,
Đi sâu vào nội tâm,
Lời nói khiến tai nghe,
Cảm thấy lòng an lạc.
Ngài thọ hưởng quả báo,
Do khẩu hành tốt đẹp,
Hưởng công đức quả báo,
Tại cảnh giới chư thiên.
Sau khi hưởng quả lành,
Do thiện hành đem lại,
Ngài tái sanh nơi đây,
Với Phạm âm thù thắng,
Được tướng lưỡi tốt đẹp,
Vừa rộng lại vừa dài.
Lời nói Ngài phát ra,
Được mọi người chấp nhận.
Nếu làm vị cư sĩ,
Lời nói được thành công.
Nếu Ngài sống xuất gia,
Lời nói được chấp nhận,
Lời nói Ngài càng nhiều,
Càng nhiều người tin tưởng.

238. Này các Tỷ-kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Với tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này... Vị ấy sau khi tạ thế từ chỗ kia, sanh lại tại chỗ này, được tướng đại trượng phu này là hàm như hàm con sư tử.

Vị ấy đầy đủ với tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương... Làm vua được những gì? Vị ấy không bao giờ bị ai chinh phục, kẻ thù hay kẻ địch, thuộc loại người nào. Làm vua được lợi như vậy... Làm Phật

được những gì? Vị ấy không bị ai chinh phục bởi nội địch hay ngoại địch, nội oán hay ngoại oán, bởi tham, sân hay si, bởi vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

239. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Không nói lời phù phiếm,
Ngu độn và dao động,
Từ bỏ lời có hại,
Chỉ nói lời có lợi,
Những lời đem an lạc,
Cho tất cả đại chúng.
Làm vậy Ngài tạ thế,
Được sanh lên thiên giới,
Và hưởng thọ quả báo,
Do thiện hạnh đem lại.
Sau khi Ngài tạ thế,
Được sanh lại nơi đây,
Ngài được hàm tối thắng,
Loại chúa muôn loài thú.
Làm vua, thành Luân Vương,
Chinh phục cả nhân loại,
Thống lãnh khắp nhân gian.
Có nhiều đại uy lực,
Là Đế-thích ngự trị,
Thành trì cõi chư thiên,
Bậc Siêu Thăng Tối Thắng,
Trên tất cả chư thiên.
Nhiếp phục càn-thát-bà,
A-tu-la, la-sát,
Dạ-xoa và chư thiên,
Không ai nhiếp thắng Ngài.
Nếu sống có gia đình,
Ngài sẽ là như vậy,
Cùng khắp cả bốn phương,
Bốn hướng và thượng hạ.

240. Này các Tỷ-kheo, trong bất cứ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người, từ bỏ tà mạng, nuôi sống theo chánh mạng, tránh xa các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường, hối lộ, gian trá, lừa đảo, quanh co, không làm tổn thương, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Với tác động, chất chứa, tích tụ, tăng thịnh của nghiệp ấy... Sau khi tạ thế

từ chỗ kia, sanh lại tại chỗ này, vị ấy được hai tướng đại trượng phu này là các răng đều đặn và sáng chói.

Vị ấy đầy đủ những tướng này, nếu sống tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước, là vị Pháp vương bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị ấy, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử, những bậc anh hùng, thân thể dõng kiện, nhiếp phục địch quân. Vị ấy chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Làm vua được những gì? Tùy tùng của vị ấy được tâm thanh tịnh. Các vị cư sĩ, Bà-la-môn, tài chánh quan, vệ sĩ, thủ môn quan, các đại thần, các phó vương, phú gia, các vương tử đều có tâm thanh tịnh. Làm vua được lợi như vậy.

Nếu vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, vị ấy là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời. Làm Phật được những gì? Các tùy tùng của vị ấy được tâm thanh tịnh. Các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chư thiên, loài người, các a-tu-la, các long xà, càn-thát-bà được tâm thanh tịnh. Làm Phật được như vậy!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

241. Ở đây, lời nói này được nói lên:

Từ bỏ sống tà mạng,
Sống thanh tịnh đúng pháp,
Từ bỏ hạnh có hại,
Chỉ làm hạnh có lợi,
Các hạnh đem an lạc,
Cho tất cả chúng sanh.
Tái sanh, Ngài hưởng quả,
An lạc ở thiên giới,
Do vậy đời sống Ngài,
Hưởng hỷ lạc, hoan lạc,
Như vị chúa tối tôn,
Ở kinh thành chư thiên.
Từ đó xuống làm người,
Nhờ kết quả thiện hạnh,
Hàm răng Ngài đều đặn,
Trắng sạch và rất sáng.
Nhiều vị chiêm tướng giỏi,
Đến tụ họp tuyên bố:
Ngài thống lãnh loài người,
Được kính trọng tối thắng,
Các tùy tùng đồ chúng,
Là những vị thanh tịnh.

Răng đẹp đẽ, sạch sáng,
Trắng bạch đều như chim,
Làm vua, có quần chúng,
Tùy tùng đều thanh tịnh,
Trị vì mọi quốc độ.
Quần chúng sẽ không bị,
Áp bức bởi sức mạnh,
Họ sống đời mong cầu,
Hạnh phúc cho mọi người.
Nếu Ngài sống xuất gia,
Từ bỏ các ác pháp,
Ái nhiễm được gột sạch,
Vô minh được vén lên,
Lo âu cùng mệt mỏi,
Thảy đều được trừ diệt,
Thấy đời này, đời sau.
Nhiều cư sĩ xuất gia,
Hành trì theo Ngài dạy,
Từ bỏ đời bất tịnh,
Lỗi lầm và độc ác.
Tùy tùng đồ chúng Ngài,
Đều là bậc Thanh tịnh,
Trừ được mọi uế chướng,
Tội quá cùng phiền não.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

31. KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT
(*Siṅgālovāda Sutta*)[1]

242. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn sống ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng của loài sóc). Lúc bấy giờ, Siṅgālaka (Thi-ca-la-việt), gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chắp tay đảnh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng hạ, hướng thượng.

243. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Vương Xá khất thực. Thế Tôn thấy Siṅgālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chắp tay đảnh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng hạ, hướng thượng. Thấy vậy, Ngài nói với Siṅgālaka, gia chủ tử:

– Này gia chủ tử, vì sao ngươi dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt, chắp tay đảnh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng hạ, hướng thượng?

– Bạch Thế Tôn, thân phụ con khi gần chết có dặn con: "Này con thân yêu, hãy đảnh lễ các phương hướng." Bạch Thế Tôn, con kính tín, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ lời nói của thân phụ con, buổi sáng dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt, chắp tay đảnh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng hạ, hướng thượng.

244. – Này gia chủ tử, trong Luật của bậc Thánh, lễ bái sáu phương không phải như vậy.

– Bạch Thế Tôn, trong Luật của bậc Thánh, thế nào là lễ bái sáu phương? Bạch Thế Tôn, trong Luật của bậc Thánh, đảnh lễ sáu phương phải như thế nào? Lành thay nếu Thế Tôn giảng pháp ấy cho con!

– Này gia chủ tử, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Siṅgālaka, gia chủ tử, vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

---

[1] Tên kinh này còn được viết là *Siṅgāla Sutta* (*Kinh Thi-ca-la-việt*). Xem *A*. II. 18, 19, 32, 71; *J*. IV. 24; V. 317; *Pv*. 60; *Thag*. 231; *Netti*. 128. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Thiện Sanh kinh* 善生經 (*T*.01. 0001.16. 0070a20). Tham chiếu: *Thiện Sanh kinh* 善生經 (*T*.01. 0026.135. 0638c06); *Phật thuyết Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh* 佛說尸迦羅越六方禮經 (*T*.01. 0016. 0250c11); *Phật thuyết Thiện Sanh tử kinh* 佛說善生子經 (*T*.01. 0017. 0252b06).

– Này gia chủ tử, đối với vị Thánh đệ tử, bốn nghiệp phiền não đã được diệt trừ, không làm ác nghiệp theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản, vị này nhờ từ bỏ mười bốn ác pháp, trở thành vị che chở sáu phương, vị này đã thực hành để chiến thắng hai đời, vị này đã chiến thắng đời này và đời sau. Sau khi thân hoại mạng chung, vị này sanh ở thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

245. Thế nào là bốn nghiệp phiền não đã được diệt trừ? Này gia chủ tử, đó là nghiệp phiền não sát sanh, nghiệp phiền não trộm cắp, nghiệp phiền não tà dâm, nghiệp phiền não nói láo. Bốn nghiệp phiền não này đã được diệt trừ.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau:

Sát sanh và trộm cắp,
Nói láo, lấy vợ người,
Kẻ trí không tán thán,
Những hạnh nghiệp như vậy.

246. Thế nào là không làm ác nghiệp theo bốn lý do? Ác nghiệp làm do tham dục, ác nghiệp làm do sân hận, ác nghiệp làm do ngu si, ác nghiệp làm do sợ hãi. Này gia chủ tử, vì vị Thánh đệ tử không tham dục, không sân hận, không ngu si, không sợ hãi nên không làm ác nghiệp theo bốn lý do.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau:

Ai phản lại Chánh pháp,
Vì tham, sân, bố, si,
Thanh danh bị sứt mẻ,
Như mặt trăng đêm khuyết.
Ai không phản Chánh pháp,
Vì tham, sân, bố, si,
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng đêm rằm.

247. Thế nào là không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản? Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà đình đám hý viện là nguyên nhân phung phí tài sản. Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản.

248. Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: Tài sản hiện tại bị tổn thất, đấu tranh tăng trưởng, bệnh tật dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ âm tàng và thứ sáu là trí lực tổn hại. Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.

249. Này gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm: Tự

mình không được che chở hộ trì, vợ con không được che chở hộ trì, tài sản không được che chở hộ trì, bị tình nghi là tác giả các ác sự, nạn nhân các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não. Này gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm như vậy.

250. Này gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy hiểm: Luôn luôn tìm xem chỗ nào có múa, chỗ nào có ca, chỗ nào có nhạc, chỗ nào có tán tụng, chỗ nào có nhạc tay, chỗ nào có trống. Này gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy hiểm như vậy.

251. Này gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm: Nếu thắng thì sanh oán thù, nếu thua thì tâm sanh sầu muộn, tài sản hiện tại bị tổn thất, tại hội trường (pháp đình) lời nói không hiệu lực, bằng hữu đồng liêu khinh miệt, vấn đề cưới gả không được tín nhiệm vì người đam mê cờ bạc không xứng để có vợ. Này gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm như vậy.

252. Này gia chủ tử, thân cận các ác hữu có sáu nguy hiểm: Những kẻ cờ bạc, loạn hành, nghiện rượu, những kẻ trá ngụy, lường gạt, bạo động là những người bạn, là những thân hữu của người ấy. Này gia chủ tử, thân cận ác hữu có sáu nguy hiểm như vậy.

253. Này gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm: "Quá lạnh", không làm việc; "quá nóng", không làm việc; "quá trễ", không làm việc; "quá sớm", không làm việc; "tôi quá đói", không làm việc; "tôi quá no", không làm việc. Trong khi những công việc phải làm lại không làm. Tài sản chưa có không xây dựng lên, tài sản có rồi bị tiêu mất. Này gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau:

Có bạn gọi bạn rượu,
Có bạn, bạn bằng mồm,
Bạn lúc thật hữu sự,
Mới xứng danh bạn bè.
Ngủ ngày, thông vợ người,
Ưa đấu tranh, làm hại,
Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự não hại người.
Ác hữu, ác bạn lữ,
Ác hạnh, hành ác xứ,
Đời này cả đời sau,
Hai đời, người bị hại.
Cờ bạc và đàn bà,
Rượu chè, múa và hát,
Ngủ ngày, đi phi thời,

Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự não hại người.
Chơi xúc xắc, uống rượu,
Theo đuổi đàn bà người,
Lẽ sống của người khác,
Thân cận kẻ hạ tiện,
Không thân cận bậc trí,
Người ấy tự héo mòn,
Như trăng trong mùa khuyết.
Rượu chè không tiền của,
Khao khát, tìm tửu điếm,
Bị chìm trong nợ nần,
Như chìm trong bồn nước,
Mau chóng tự hại mình,
Như kẻ mất gia đình.
Ai quen thói ngủ ngày,
Thức trọn suốt đêm trường,
Luôn luôn say sướt mướt,
Không thể sống gia đình.
Ở đây, ai hay than:
Ôi quá lạnh, quá nóng,
Quá chiều, quá trễ giờ,
Sẽ bỏ bê công việc,
Lợi ích, điều tốt lành,
Bị trôi giạt một bên.
Ai xem lạnh và nóng,
Nhẹ nhàng hơn cỏ lau,
Làm mọi công chuyện mình,
Hạnh phúc không từ bỏ.

254. Này gia chủ tử, có bốn hạng người phải xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người khéo nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

255. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Cái gì cũng lấy, cho ít xin nhiều, vì sợ mà làm, làm vì mưu lợi cho mình. Này gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

256. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Tỏ lộ thân tình việc đã qua, tỏ lộ thân tình việc chưa đến, mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ, khi có công việc tự tỏ sự

bất lực của mình. Này gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

257. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Đồng ý các việc ác, không đồng ý các việc thiện, trước mặt tán thán, sau lưng chỉ trích. Này gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

258. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Là bạn khi mình đam mê các loại rượu, là bạn khi mình du hành đường phố phi thời, là bạn khi mình la cà đình đám hý viện, là bạn khi mình đam mê cờ bạc. Này gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

259. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau:

Người bạn gì cũng lấy,
Người bạn chỉ nói giỏi,
Người nói lời nịnh hót,
Người tiêu pha xa xỉ,
Cả bốn, không phải bạn,
Biết vậy, người trí tránh,
Như đường đầy sợ hãi.

260. Này gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chơn thật: Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chơn thật, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chơn thật, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chơn thật, người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chơn thật.

261. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chơn thật: Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật; che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật; là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi; khi bạn có công việc, sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn thiếu. Này gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người bạn giúp đỡ phải được xem là người bạn chơn thật.

262. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chơn thật: Nói cho bạn biết điều bí mật của mình, giữ gìn kín điều bí mật của bạn, không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn, dám hy sinh thân mạng vì bạn. Này gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chơn thật.

263. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chơn thật: Ngăn chặn bạn làm điều ác, khuyến khích bạn làm điều thiện, cho bạn nghe điều bạn chưa nghe, cho bạn biết con đường

lên cõi chư thiên. Này gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chơn thật.

264. Này gia chủ tử, có bốn trường hợp người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chơn thật: Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn, hoan hỷ khi bạn gặp may mắn, ngăn chặn những ai nói xấu bạn, khuyến khích những ai tán thán bạn. Này gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chơn thật.

265. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau:

Bạn sẵn sàng giúp đỡ,
Bạn chung thủy khổ vui,
Bạn khuyến khích lợi ích,
Bạn có lòng thương tưởng,
Biết rõ bốn bạn này,
Người trí phục vụ họ,
Như mẹ đối con ruột.
Người trí giữ giới luật,
Sáng như lửa đồi cao.
Người tích trữ tài sản,
Như cử chỉ con ong,
Tài sản được chồng chất,
Như ụ mối đùn cao.
Người cư xử như vậy,
Chất chứa các tài sản,
Vừa đủ để lợi ích,
Cho chính gia đình mình.
Tài sản cần chia bốn,
Để kết hợp bạn bè:
Một phần mình an hưởng,
Hai phần dành công việc,
Phần tư, phần để dành,
Phòng khó khăn hoạn nạn.

266. Này gia chủ tử, vị Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào? Này gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau: Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ; phương Nam cần được hiểu là Sư trưởng; phương Tây cần được hiểu là vợ con; phương Bắc cần được hiểu là bạn bè; phương dưới cần được hiểu là tôi tớ, lao công; phương trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn.

267. Này gia chủ tử, có năm trường hợp người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phương Đông: "Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ; tôi sẽ làm bổn phận đối với cha mẹ; tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống; tôi bảo vệ tài sản thừa tự; tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời." Này gia chủ tử, được con

phụng dưỡng như phương Đông theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách: Ngăn chặn con làm điều ác, khuyến khích con làm điều thiện, dạy con nghề nghiệp, cưới vợ xứng đáng cho con, đúng thời trao của thừa tự cho con. Này gia chủ tử, như vậy là cha mẹ được con phụng dưỡng như phương Đông theo năm cách và cha mẹ có lòng thương tưởng con theo năm cách. Như vậy, phương Đông được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

268. Này gia chủ tử, có năm cách đệ tử phụng dưỡng các bậc Sư trưởng như phương Nam: Đứng dậy để chào, hầu hạ thầy, hăng hái học tập, tự phục vụ thầy, chú tâm học hỏi nghề nghiệp. Này gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách như vậy, các bậc Sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách: Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện, dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì, dạy cho thuần thục các nghề nghiệp, khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc, bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt. Này gia chủ tử, như vậy là bậc Sư trưởng được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách và Sư trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo năm cách. Như vậy, phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

269. Này gia chủ tử, có năm cách người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây: Kính trọng vợ, không xem thường vợ, chung thủy với vợ, giao quyền hành cho vợ, sắm đồ nữ trang cho vợ. Này gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách: Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình, khéo tiếp đón bà con, chung thủy với chồng, khéo gìn giữ tài sản của chồng, khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc. Này gia chủ tử, như vậy là người vợ được người chồng đối xử như phương Tây theo năm cách và người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách. Như vậy, phương Tây được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

270. Này gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, không lường gạt. Này gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách như vậy, bạn bè có lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách: Ngăn cản nếu vị thiện nam tử phóng túng, bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng túng, trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp nguy hiểm, không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn, kính trọng gia đình của vị thiện nam tử. Này gia chủ tử, như vậy là các bạn bè được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách và bạn bè có lòng thương tưởng vị thiện nam tử theo năm cách. Như vậy, phương Bắc được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

271. Này gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ nhân đối xử với hạng nô bộc như phương dưới: Giao việc đúng theo sức lực của họ, lo cho họ ăn uống và tiền lương, điều trị cho họ khi bệnh hoạn, chia sẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ, thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép. Này gia chủ tử, các hàng nô bộc được Thánh

chủ nhân đối xử như phương dưới với năm cách như vậy, có lòng thương tưởng đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau: Dậy trước khi chủ dậy, đi ngủ sau chủ, tự bằng lòng với các vật đã cho, khéo làm các công việc, đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ. Này gia chủ tử, như vậy là hạng nô bộc được vị Thánh chủ nhân đối xử như phương dưới với năm cách, có lòng thương tưởng đối với Thánh chủ nhân theo năm cách. Như vậy, phương dưới được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

272. Này gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phương trên: Có lòng từ trong hành động về thân, có lòng từ trong hành động về khẩu, có lòng từ trong hành động về ý, mở rộng cửa để đón các vị ấy, cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết. Này gia chủ tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương trên theo năm cách như vậy, có lòng thương tưởng vị thiện nam tử ấy theo năm cách sau đây: Ngăn họ làm điều ác; khuyến khích họ làm điều thiện; thương xót họ với tâm từ bi, dạy họ những điều chưa nghe; làm cho thanh tịnh điều đã được nghe; chỉ bày con đường đưa đến cõi trời. Này gia chủ tử, như vậy là các vị Sa-môn, Bà-la-môn được thiện nam tử đối xử như phương trên với năm cách, và các vị Sa-môn, Bà-la-môn có lòng thương tưởng vị thiện nam tử theo năm cách. Như vậy, phương trên được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

273. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau:

Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Vợ chồng là phương Tây,
Bạn bè là phương Bắc,
Nô bộc là phương dưới,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Có nghĩa là phương trên,
Cư sĩ vì gia đình,
Đảnh lễ phương hướng ấy.
Người trí giữ giới luật,
Từ tốn và biện tài,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Nhờ vậy được danh xưng.
Dậy sớm, không biếng nhác,
Bất động giữa hiểm nguy,
Người trí, không phạm giới,
Nhờ vậy được danh xưng.
Nhiếp chúng, tạo nên bạn,
Từ ái, tâm bao dung,

Dẫn đạo, khuyến hóa đạo,
Nhiều cách và nhiều lần,
Nhờ vậy được danh xưng.
Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành bất cứ ai,
Đồng sự trong mọi việc,
Theo trường hợp xử sự.
Chính những nhiếp sự này,
Khiến thế giới xoay quanh,
Như bánh xe quay lăn,
Vòng theo trục xe chính.
Nhiếp sự này vắng mặt,
Không có mẹ hưởng thọ,
Hay không cha hưởng thọ,
Sự hiếu kính của con.
Do vậy bậc có trí,
Đối với nhiếp pháp này,
Như quán sát chấp trì,
Nhờ vậy thành vĩ đại,
Được tán thán, danh xưng.

274. Khi được nghe vậy, Siṅgālaka, gia chủ tử, bạch Thế Tôn: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

32. KINH A-SÁ-NANG-CHI

(*Āṭānāṭiya Sutta*)[1]

275. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Bốn Thiên Vương sau khi sắp đặt trấn giữ bốn phương với đại quân yakkha (dạ-xoa), đại quân gandhabba (càn-thát-bà), đại quân kumbhaṇḍa (cưu-bàn-trà) và đại quân nāga (na-già), án ngữ bốn phương, bảo trì bốn phương, trong đêm tối thâm sâu, với hào quang tuyệt diệu chói sáng toàn thể núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Các vị dạ-xoa, có vị đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên tên họ rồi ngồi xuống một bên; có vị im lặng rồi ngồi xuống một bên.

276. Sau khi ngồi xuống một bên, Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, có những trung phẩm dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những trung phẩm dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nhưng phần lớn các dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp để từ bỏ sát sanh, thuyết pháp để từ bỏ trộm cắp, thuyết pháp để từ bỏ tà dâm, thuyết pháp để từ bỏ nói láo, thuyết pháp để từ bỏ uống các loại rượu. Bạch Thế Tôn, tuy vậy, phần lớn các dạ-xoa đều không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ uống các loại rượu. Đối với họ, pháp ấy không được ưa thích, không được đón mừng. Bạch Thế Tôn, có những đệ tử của Thế Tôn sống trong chốn thâm sơn cùng cốc, ít tiếng, ít động, có gió mát từ ngoài đồng thổi, ẩn náu, không cho người thấy, thích hợp tịnh tu. Tại chỗ ấy, có những thượng phẩm dạ-xoa không tin tưởng lời dạy Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hãy học chú *Āṭānāṭiyarakkha* (*A-sá-nang-chi Hộ kinh*) để họ được lòng tin, để các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì, không bị tai họa.

Thế Tôn im lặng chấp thuận.

[1] Tham chiếu: *Phật thuyết Tỳ-sa-môn Thiên Vương kinh* 佛說毘沙門天王經 (*T*.21. 1245. 0217a03).

Rồi Đại vương Vessavaṇa, biết được Thế Tôn đã chấp thuận, trong giờ phút ấy, đọc lên bài *Āṭānāṭiya Hộ kinh*:

277. Đảnh lễ Vipassī (Tỳ-bà-thi)
Sáng suốt và huy hoàng!
Đảnh lễ đấng Sikhī (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài!
Đảnh lễ Vessabhū (Tỳ-xá-bà)
Thanh tịnh, tu khổ hạnh!
Đảnh lễ Kakusandha (Câu-lưu-tôn)
Vị nhiếp phục ma quân!
Đảnh lễ Koṇāgamana (Câu-na-hàm)
Bà-la-môn viên mãn!
Đảnh lễ Kassapa (Ca-diếp)
Vị giải thoát muôn mặt!
Đảnh lễ Aṅgīrasa
Vị Thích tử huy hoàng,
Đã thuyết Chơn diệu pháp,
Diệt trừ mọi khổ đau!
Ai yểm ly thế giới,
Nhìn đời đúng như chơn,
Vị ấy không hai lưỡi,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát.
Cùng đảnh lễ Gotama,
Lo an lạc nhơn, thiên
Trì giới đức viên mãn,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát!

278. Mặt trời sáng mọc lên,
Vầng thái dương tròn lớn,
Khi mặt trời mọc lên,
Đêm tối liền biến mất.
Khi mặt trời mọc lên,
Liền được gọi là ngày.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu.
Ở đấy mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Purimā (phương Đông).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương danh xưng,

Chủ loài càn-thát-bà,
Danh gọi Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương).
Càn-thát-bà hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát.
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

279. Họ được gọi Peta,
Nói hai lưỡi, sau lưng,
Sát sanh và tham đắm,
Đạo tặc và man trá,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Dakkhiṇā (phương Nam).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương, danh xưng,
Chủ loài kumbhaṇḍa
Danh gọi Virūḷha (Tỳ-lâu-lặc).
Kumbhaṇḍa hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.

Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con
Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

280. Mặt trời sáng lặn xuống,
Vầng thái dương tròn lớn.
Khi mặt trời lặn xuống,
Ban ngày liền biến mất.
Khi mặt trời lặn xuống,
Liền được gọi là đêm.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu,
Ở đấy mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Pacchimā (phương Tây).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương, danh xưng,
Chủ các loài nāga,
Danh Virūpakkha (Tỳ-lâu-bác-xoa).
Loài nāga hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.

Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát:
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

281. Bắc Lô châu (Uttarakuru) an lạc,
Đại Neru (Tu-di) đẹp đẽ,
Tại đấy, mọi người sống,
Không sở hữu, chấp trước.
Họ không gieo hột giống,
Không cần phải kéo cày,
Loài người được thọ hưởng,
Lúa chín khỏi nhọc công.
Loại gạo không cám trấu,
Thanh tịnh có hương thơm,
Được nấu chín trên đá,
Và họ ăn gạo ấy.
Chỉ cưỡi loài bò cái,
Đi phương này phương khác.
Chỉ dùng các loài thú,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn bà kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn ông kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con gái kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con trai kéo,
Đi phương này phương khác.
Họ lên trên các xe,
Đi khắp mọi phương hướng,

Để phục vụ vua mình.
Họ cưỡi xe voi kéo,
Xe ngựa, xe chư thiên,
Đối với vua danh xưng,
Có lâu đài, có kiệu,
Nhiều thành phố của vua,
Được xây giữa hư không.
Các thành Āṭānāṭā, Kusināṭā,
Parakusināṭā, Nāṭapuriyā, Parakusiṭanāṭā,
Kapāvānta thuộc phía Bắc,
Và các thành phố khác,
Như Janogha, Navanavatiya,
Ambara, Ambaravatiya,
Āḷakamandā,
Là kinh đô của vua,
Chỗ Kuvera ở.
Vị vua đáng kính này,
Kinh đô tên Visāṇā,
Do vậy Kuvera,
Được danh Vessavaṇa.
Các sứ quân được tên:
Tatolā, Tattalā, Tatotalā,
Ojasi, Tejasi, Tatojasi,
Vua Sūra, Ariṭṭha, Nemi.
Đây có vùng nước lớn,
Từ đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharaṇī.
Nơi mùa mưa kéo dài,
Tại đây có giảng đường,
Tên Bhagalavati,
Chỗ dạ-xoa tập hội.
Tại đây nhiều cây trái,
Trên cây chim tụ họp,
Các loại công, loại cò,
Diệu âm chim Kokilā,
Ở đây, chim Jīva,
Kêu tiếng: "Hãy sống đi",
Và tiếng chim kêu lên:
"Hãy khởi tâm thích thú"
Nhiều loại chim sai khác,

Ở rừng và ở hồ,
Với con vẹt ồn ào,
Và con chim Mynah,
Các loại chim thần thoại,
Gọi là Daṇḍamāṇavaka.
Hồ sen Kuvera,
Chiếu sáng tất cả trời,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Uttarā (phương Bắc).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương danh xưng,
Chủ các loài dạ-xoa,
Được gọi Kuvera.
Các dạ-xoa hầu quanh,
Hưởng múa hát của chúng.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát:
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

Tôn giả, *Āṭānāṭiya Hộ kinh* này che chở, hộ trì, ngăn cản, không cho ai làm hại các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

282. Khi một vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ nào học *Āṭānāṭiya Hộ kinh* này một cách chín chắn, rõ ràng, nếu có loài phi nhân nào như dạ-xoa,

dạ-xoa nữ, con trai dạ-xoa, con gái dạ-xoa, đại thần của dạ-xoa, tùy tùng của dạ-xoa hay lao công của dạ-xoa; hoặc càn-thát-bà...; hoặc cưu-bàn-trà...; hoặc nāga... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ khi vị này đi; đứng gần khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, thời này Tôn giả, vị phi nhân ấy trong làng hay trong đô thị sẽ không được ai đón mừng hay kính trọng. Này Tôn giả, phi nhân ấy, trong kinh đô Āḷakamandā của ta sẽ không tìm được đất đai hay chỗ ở. Vị phi nhân ấy sẽ không được đi dự hội giữa các dạ-xoa. Này Tôn giả, vị phi nhân ấy sẽ không được cưới hỏi. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dùng những lời nói hỗn láo xấc xược đối với vị ấy. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dìm đầu vị ấy xuống. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ chẻ đầu vị ấy ra làm bảy mảnh.

Này Tôn giả, có hàng phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Chúng không nghe lời các Đại vương, không nghe lời đình thần của các vị Đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị Đại vương. Này Tôn giả, các phi nhân này được xem là thù nghịch của các bậc Đại vương. Này Tôn giả, như các đại tướng cướp bị vua xứ Magadha chinh phục; cũng vậy, các vị này không nghe lời các vị Đại vương, không nghe lời đình thần của các vị Đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị Đại vương. Này Tôn giả, các vị đại tướng cướp này được xem là kẻ thù nghịch của vua xứ Magadha. Cũng vậy, này Tôn giả, có những vị phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Các vị này không nghe lời các Đại vương, không nghe lời đình thần của các vị Đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần các vị Đại vương. Này Tôn giả, các vị phi nhân này được xem là kẻ thù nghịch của các bậc Đại vương. Này Tôn giả, nếu có vị phi nhân nào, dạ-xoa hay dạ-xoa nữ nào... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ hay nữ cư sĩ khi vị này đi, đứng gần khi vị này đứng, ngồi khi vị này ngồi, nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác thì vị này hãy nói lên, kêu lên, hét lên với những vị dạ-xoa ấy, đại dạ-xoa ấy, quân sư, đại quân sư ấy: "Dạ-xoa này bắt tôi, dạ-xoa này nhập vào tôi, dạ-xoa này tấn công tôi, dạ-xoa này quấy nhiễu tôi, dạ-xoa này đả thương tôi, dạ-xoa này làm hại tôi, dạ-xoa này không thả tôi ra."

283. Những dạ-xoa, đại dạ-xoa, quân sư, đại quân sư nào được kêu gọi ở đây:

Inda, Soma và Varuṇa,
Bhāradvāja, Pajāpati,
Candana, Kāmaseṭṭha,
Kinnughaṇḍu, Nighaṇḍu,
Panāda và Opamañña,
Devasūta và Mātali,
Cittasena và Gandhabba.
Vua Naḷa, Janesabha,
Sātāgira, Hemavata,
Puṇṇaka, Karatiya, Guḷa,

Sīvaka và Mucalinda,
Vessāmitta, Yugandhara,
Gopāla và Suppagedha,
Hirī, Nettī và Mandiya,
Pañcālacaṇḍa, Āḷavaka,
Pajjunna, Sumana, Sumukha,
Dadhimukha, Maṇi, Mānicara, Dīgha,
Và sau là Serīsaka.

Những vị này là những dạ-xoa, đại dạ-xoa, quân sư, đại quân sư cần phải được nói lên, kêu lên, hét lên: "Dạ-xoa này bắt tôi, dạ-xoa này nhập vào tôi, dạ-xoa này tấn công tôi, dạ-xoa này quấy nhiễu tôi, dạ-xoa này đả thương tôi, dạ-xoa này làm hại tôi, dạ-xoa này không thả tôi ra."

Này Tôn giả, đây là *Āṭānāṭiya Hộ kinh*, che chở, hộ trì, ngăn cản, không cho ai làm hại các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

Thưa Tôn giả, nay chúng tôi cần phải đi, chúng tôi có nhiều việc, có nhiều bổn phận.

– Đại vương, Đại vương hãy làm điều gì Đại vương nghĩ là phải thời.

284. Rồi bốn vị Đại vương từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về phía Ngài rồi biến mất tại đấy.

Các vị dạ-xoa ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, có vị đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên những lời hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị chắp tay hướng đến Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên tên họ của mình rồi biến mất tại chỗ; có vị im lặng biến mất tại chỗ.

285. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm đã mãn, liền gọi các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay, bốn vị Thiên Vương sau khi sắp đặt trấn giữ bốn đại quân yakkha, đại quân gandhabba, đại quân kumbhaṇḍa và đại quân nāga, án ngữ bốn phương, bảo trì bốn phương, trong đêm tối thâm sâu, với hào quang tuyệt diệu chói sáng toàn thể núi Linh Thứu, đến tại chỗ Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Các vị dạ-xoa, có vị đảnh lễ Ta rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên tên họ rồi ngồi xuống một bên; có vị im lặng rồi ngồi xuống một bên.

286. Sau khi ngồi xuống một bên, Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) bạch với Ta:

– Bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, có những trung phẩm dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những trung phẩm dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm

dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nhưng phần lớn các dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp để từ bỏ sát sanh, thuyết pháp để từ bỏ trộm cắp, thuyết pháp để từ bỏ tà dâm, thuyết pháp để từ bỏ nói láo, thuyết pháp để từ bỏ uống các loại rượu. Bạch Thế Tôn, tuy vậy, phần lớn các dạ-xoa đều không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ uống các loại rượu. Đối với họ, pháp ấy không được ưa thích, không được đón mừng. Bạch Thế Tôn, có những đệ tử của Thế Tôn sống trong chốn thâm sâu cùng cốc, ít tiếng, ít động, có gió mát từ ngoài đồng thổi, ẩn náu, không cho người thấy, thích hợp tịnh tu. Tại chỗ ấy, có những thượng phẩm dạ-xoa không tin tưởng lời dạy Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hãy học *Āṭānāṭiya Hộ kinh* để họ được lòng tin, để các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì, không bị tai họa.

Ta im lặng chấp thuận.

Rồi Đại vương Vessavaṇa, biết được Ta đã chấp thuận, trong giờ phút ấy, đọc lên bài *Āṭānāṭiya Hộ kinh*:

287. Đảnh lễ Vipassī (Tỳ-bà-thi)
Sáng suốt và huy hoàng!
Đảnh lễ đấng Sikhī (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài!
Đảnh lễ Vessabhū (Tỳ-xá-bà)
Thanh tịnh, tu khổ hạnh!
Đảnh lễ Kakusandha (Câu-lưu-tôn)
Vị nhiếp phục ma quân!
Đảnh lễ Koṇāgamana (Câu-na-hàm)
Bà-la-môn viên mãn!
Đảnh lễ Kassapa (Ca-diếp)
Vị giải thoát muôn mặt!
Đảnh lễ Aṅgīrasa
Vị Thích tử huy hoàng,
Đã thuyết Chơn diệu pháp,
Diệt trừ mọi khổ đau!
Ai yểm ly thế giới,
Nhìn đời đúng như chơn,
Vị ấy không hai lưỡi,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát.
Cùng đảnh lễ Gotama,
Lo an lạc nhơn, thiên
Trì giới đức viên mãn,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát!

288. Mặt trời sáng mọc lên,
Vầng thái dương tròn lớn,
Khi mặt trời mọc lên,
Đêm tối liền biến mất.
Khi mặt trời mọc lên,
Liền được gọi là ngày.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu.
Ở đấy mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Purimā (phương Đông).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương danh xưng,
Chủ loài càn-thát-bà,
Danh gọi Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương).
Càn-thát-bà hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.
Từ xa họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát.
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

289. Họ được gọi Peta,
Nói hai lưỡi, sau lưng,

Sát sanh và tham đắm,
Đạo tặc và man trá,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Dakkhiṇā (phương Nam).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương, danh xưng,
Chủ loài kumbhaṇḍa
Danh gọi Virūḷha (Tỳ-lâu-lặc).
Kumbhaṇḍa hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát.
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con
Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

290. Mặt trời sáng lặn xuống,
Vầng thái dương tròn lớn.
Khi mặt trời lặn xuống,
Ban ngày liền biến mất.
Khi mặt trời lặn xuống,
Liền được gọi là đêm.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu,
Ở đấy mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,

Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Pacchimā (phương Tây).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương, danh xưng,
Chủ các loài nāga,
Danh Virūpakkha (Tỳ-lâu-bác-xoa).
Loài nāga hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát:
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

291. Bắc Lô châu (Uttarakuru) an lạc,
Đại Neru (Tu-di) đẹp đẽ,
Tại đấy, mọi người sống,
Không sở hữu, chấp trước.
Họ không gieo hột giống,
Không cần phải kéo cày,
Loài người được thọ hưởng,
Lúa chín khỏi nhọc công.
Loại gạo không cám trấu,
Thanh tịnh có hương thơm,
Được nấu chín trên đá,
Và họ ăn gạo ấy.

Chỉ cưỡi loài bò cái,
Đi phương này phương khác.
Chỉ dùng các loài thú,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn bà kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn ông kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con gái kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con trai kéo,
Đi phương này phương khác.
Họ lên trên các xe,
Đi khắp mọi phương hướng,
Để phục vụ vua mình.
Họ cưỡi xe voi kéo,
Xe ngựa, xe chư thiên,
Đối với vua danh xưng,
Có lâu đài, có kiệu,
Nhiều thành phố của vua,
Được xây giữa hư không.
Các thành Āṭānāṭā, Kusināṭā,
Parakusināṭā, Nāṭapuriyā, Parakusiṭanāṭā,
Kapāvānta thuộc phía Bắc,
Và các thành phố khác,
Như Janogha, Navanavatiya,
Ambara, Ambaravatiya,
Āḷakamandā,
Là kinh đô của vua,
Chỗ Kuvera ở.
Vị vua đáng kính này,
Kinh đô tên Visāṇā,
Do vậy Kuvera,
Được danh Vessavaṇa.
Các sứ quân được tên:
Tatolā, Tattalā, Tatotalā,
Ojasi, Tejasi, Tatojasi,
Vua Sūra, Ariṭṭha, Nemi.
Đây có vùng nước lớn,
Từ đây mưa đổ xuống,

Được tên Dharaṇī.
Nơi mùa mưa kéo dài,
Tại đây có giảng đường,
Tên Bhagalavati,
Chỗ dạ-xoa tập hội.
Tại đây nhiều cây trái,
Trên cây chim tụ họp,
Các loại công, loại cò,
Diệu âm chim Kokilā,
Ở đây, chim Jīva,
Kêu tiếng: "Hãy sống đi",
Và tiếng chim kêu lên:
"Hãy khởi tâm thích thú"
Nhiều loại chim sai khác,
Ở rừng và ở hồ,
Với con vẹt ồn ào,
Và con chim Mynah,
Các loại chim thần thoại,
Gọi là Daṇḍamāṇavaka.
Hồ sen Kuvera,
Chiếu sáng tất cả trời,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Uttarā (phương Bắc).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc Đại vương danh xưng,
Chủ các loài dạ-xoa,
Được gọi Kuvera.
Các dạ-xoa hầu quanh,
Hưởng múa hát của chúng.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc Vĩ Đại, Thanh Thoát:
Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,

Phi nhân cũng lễ Ngài.
Đã nhiều lần nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy:
Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc Trí Đức Viên Mãn!

Tôn giả, *Āṭānāṭiya Hộ kinh* này che chở, hộ trì, ngăn cản, không cho ai làm hại các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

292. Khi một vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ nào học *Āṭānāṭiya Hộ kinh* này một cách chín chắn, rõ ràng, nếu có loài phi nhân nào như dạ-xoa, dạ-xoa nữ, con trai dạ-xoa, con gái dạ-xoa, đại thần của dạ-xoa, tùy tùng của dạ-xoa hay lao công của dạ-xoa; hoặc càn-thát-bà...; hoặc cưu-bàn-trà...; hoặc nāga... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ khi vị này đi; đứng gần khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, thời này Tôn giả, vị phi nhân ấy trong làng hay trong đô thị sẽ không được ai đón mừng hay kính trọng. Này Tôn giả, phi nhân ấy, trong kinh đô Āḷakamandā của ta sẽ không tìm được đất đai hay chỗ ở. Vị phi nhân ấy sẽ không được đi dự hội giữa các dạ-xoa. Này Tôn giả, vị phi nhân ấy sẽ không được cưới hỏi. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dùng những lời nói hỗn láo xấc xược đối với vị ấy. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dìm đầu vị ấy xuống. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ chẻ đầu vị ấy ra làm bảy mảnh.

Này Tôn giả, có hàng phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Chúng không nghe lời các Đại vương, không nghe lời đình thần của các vị Đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị Đại vương. Này Tôn giả, các phi nhân này được xem là thù nghịch của các bậc Đại vương. Này Tôn giả, như các đại tướng cướp bị vua xứ Magadha chinh phục; cũng vậy, các vị này không nghe lời các vị Đại vương, không nghe lời đình thần của các vị Đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị Đại vương. Này Tôn giả, các vị đại tướng cướp này được xem là kẻ thù nghịch của vua xứ Magadha. Cũng vậy, này Tôn giả, có những vị phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Các vị này không nghe lời các Đại vương, không nghe lời đình thần của các vị Đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần các vị Đại vương. Này Tôn giả, các vị phi nhân này được xem là kẻ thù nghịch của các bậc Đại vương. Này Tôn giả, nếu có vị phi nhân nào, dạ-xoa hay dạ-xoa nữ nào... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ hay nữ cư sĩ khi vị này đi, đứng gần khi vị này đứng, ngồi khi vị này ngồi, nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác thì vị này hãy nói lên, kêu lên, hét lên với những vị

dạ-xoa ấy, đại dạ-xoa ấy, quân sư, đại quân sư ấy: "Dạ-xoa này bắt tôi, dạ-xoa này nhập vào tôi, dạ-xoa này tấn công tôi, dạ-xoa này quấy nhiễu tôi, dạ-xoa này đả thương tôi, dạ-xoa này làm hại tôi, dạ-xoa này không thả tôi ra."

293. Những dạ-xoa, đại dạ-xoa, quân sư, đại quân sư nào được kêu gọi ở đây:

Inda, Soma và Varuṇa,
Bhāradvāja, Pajāpati,
Candana, Kāmaseṭṭha,
Kinnughaṇḍu, Nighaṇḍu,
Panāda và Opamañña,
Devasūta và Mātali,
Cittasena và Gandhabba.
Vua Naḷa, Janesabha,
Sātāgira, Hemavata,
Puṇṇaka, Karatiya, Guḷa,
Sīvaka và Mucalinda,
Vessāmitta, Yugandhara,
Gopāla và Suppagedha,
Hirī, Nettī và Mandiya,
Pañcālacaṇḍa, Āḷavaka,
Pajjunna, Sumana, Sumukha,
Dadhimukha, Maṇi, Mānicara, Dīgha,
Và sau là Serīsaka.

Những vị này là những dạ-xoa, đại dạ-xoa, quân sư, đại quân sư cần phải được nói lên, kêu lên, hét lên: "Dạ-xoa này bắt tôi, dạ-xoa này nhập vào tôi, dạ-xoa này tấn công tôi, dạ-xoa này quấy nhiễu tôi, dạ-xoa này đả thương tôi, dạ-xoa này làm hại tôi, dạ-xoa này không thả tôi ra."

Này Tôn giả, đây là *Āṭānāṭiya Hộ kinh*, che chở, hộ trì, ngăn cản, không cho ai làm hại các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

Thưa Tôn giả, nay chúng tôi cần phải đi, chúng tôi có nhiều việc, có nhiều bổn phận.

– Đại vương, Đại vương hãy làm điều gì Đại vương nghĩ là phải thời.

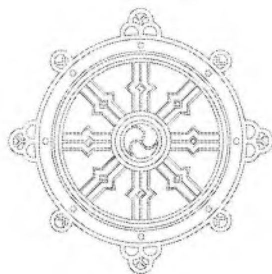
294. Rồi bốn vị Đại vương từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về phía Ta rồi biến mất tại đấy.

Các vị dạ-xoa ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, có vị đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên những lời hỏi thăm xã giao với Ta rồi biến mất tại chỗ; có vị chắp tay hướng đến Ta rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên tên họ của mình rồi biến mất tại chỗ; có vị im lặng biến mất tại chỗ.

295. Này các Tỷ-kheo, hãy học *Āṭānāṭiya Hộ kinh* này, hãy thuộc lòng

Āṭānāṭiya Hộ kinh này, hãy thọ trì *Āṭānāṭiya Hộ kinh* này. Các Tỷ-kheo, *Āṭānāṭiya Hộ kinh* này rất hữu ích, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sẽ được che chở, được hộ trì, được ngăn khỏi ai làm hại, được sống thoải mái hạnh phúc.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.



33. KINH PHÚNG TỤNG
(*Saṅgīti Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

296. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành giữa bộ tộc Mallā cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại thành của dân chúng Mallā tên là Pāvā và trú tại đấy. Thế Tôn trú tại Pāvā, trong rừng xoài của thợ rèn Cunda.

297. Lúc bấy giờ, một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallā ở Pāvā, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn hay một người nào khác an trú. Dân chúng Mallā ở Pāvā được nghe: "Thế Tôn du hành giữa bộ tộc Mallā cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại thành của dân chúng Mallā tên là Pāvā và trú tại đấy. Thế Tôn trú tại Pāvā, trong rừng xoài của thợ rèn Cunda." Rồi các vị Mallā ở Pāvā đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các vị Mallā ở Pāvā bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallā ở Pāvā, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn hay một người nào khác an trú. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn là người đến dùng hội trường này trước tiên. Thế Tôn dùng trước tiên, dân chúng Mallā sẽ dùng sau. Thế Tôn dùng như vậy, dân chúng Mallā ở Pāvā sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

298. Rồi các vị Mallā ở Pāvā, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng đến Ngài, từ tạ rồi đi đến hội trường. Sau khi đến, liền dùng thảm trải khắp tất cả, sửa soạn các ghế ngồi cho Thế Tôn, đặt sẵn một ghè nước, treo cây đèn dầu rồi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến chỗ Thế Tôn, các vị này đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, các vị Mallā ở Pāvā bạch Thế Tôn:

---

[1] Xem *D*. II. 55, 72; III. 272; *M*. I. 101, 339, 387, 400; II. 1, 243; III. 7, 237, 215; *A*. I. 197; II. 14, 18, 27, 32, 39, 230, 246, 248; III. 147, 248, 249, 252, 279, 283, 284, 288, 289, 334; IV. 15, 34, 39, 82, 156, 218, 236, 239, 306, 305, 332, 349, 401, 408, 409, 410, 460, 461, 464; V. 17, 23, 29, 46, 59, 131, 150, 332; *Ud*. 85; *It*. 118; *Pv*. 23; *Netti*. 87; *Vin*. I. 199; III. 1; V. 115; *Vbh*. 345; *Kvu*. 610, 611. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T*.01. 0001.9. 0049b27). Tham chiếu: *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0052c17); *Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh* 佛說大集法門經 (*T*.01. 0012. 0226c03); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T*.01. 0026.206. 0780b15); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.1. 0708c11); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.5. 0730c19); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.1. 0764c20); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.4. 0817a16).

– Bạch Thế Tôn, hội trường đã được trải đệm tất cả, các ghế ngồi cho Thế Tôn đã được sửa soạn, ghè nước đã được đặt sẵn, cây đèn dầu đã được treo lên, Thế Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời.

299. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại hội trường. Khi đến xong, Ngài rửa chân và vào hội trường. Thế Tôn ngồi lưng đối cột chính giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, vào hội trường, ngồi lưng đối bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, sau lưng Thế Tôn. Các vị Mallā ở Pāvā cũng rửa chân, đi vào hội trường và ngồi xuống, lưng đối bức tường phía Đông, mặt hướng về phía Tây, trước mặt có Thế Tôn. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho dân Mallā cho đến đêm thật khuya, ở Pāvā, giảng dạy, khuyến khích, khích lệ, làm cho hứng khởi rồi bảo các vị ấy về:

– Này Vāseṭṭha, đêm đã quá khuya, các ngươi hãy làm những gì các ngươi xem là phải thời.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Mallā ở Pāvā vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và ra đi.

300. Thế Tôn, khi dân Mallā đi chưa bao lâu, nhìn toàn thể chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, rồi bảo Tôn giả Sāriputta:

– Này Sāriputta, chúng Tỷ-kheo không có hôn trầm thụy miên. Này Sāriputta, hãy thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo. Ta cảm thấy đau lưng. Ta muốn nằm nghỉ.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn xếp y Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*) gấp bốn và nằm xuống như cách nằm con sư tử, thân phía hữu, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, với tâm nghĩ đến lúc thức dậy.

301. Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nātaputta vừa mới tạ thế ở Pāvā. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigaṇṭhā chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và tàn hại nhau với binh khí miệng lưỡi: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí!" Hình như các đệ tử của Nigaṇṭha Nātaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigaṇṭha Nātaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối các vị Nigaṇṭha vì Pháp và Luật của họ đã được trình bày,

tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

302. Rồi Tôn giả Sāriputta bảo các Tỷ-kheo:

– Này Hiền giả, Nigaṇṭha Nāṭaputta vừa mới từ trần không bao lâu. Sau khi vị này từ trần, các Nigaṇṭha (Ni-kiền-đà) chia làm hai phái... không có chỗ y chỉ. Này các Hiền giả, đó là bởi vì Pháp và Luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

Nhưng với chúng ta, này các Hiền giả, pháp này được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một Chánh pháp có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Ở đây, tất cả mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không cãi cọ nhau để Phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Này các Hiền giả, thế nào là pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một pháp có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh do vị Chánh Đẳng Giác trình bày, mà ở đây, tất cả cần phải cùng nhau tụng đọc, không cãi cọ nhau để Phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người?

303. Này các Hiền giả, có một pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận để Phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Thế nào là một pháp? Tất cả loài hữu tình do các món ăn (*āhāra*) mà an trú, tất cả loài hữu tình do các hành (*saṃkhārā*) mà an trú. Này các Hiền giả, đó là một pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuyết giảng một cách chơn chánh. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để Phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

304. Này các Hiền giả, có hai pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Thế nào là hai pháp?

1) Danh và sắc.
2) Vô minh và hữu ái.
3) Hữu kiến và vô hữu kiến.
4) Vô tàm và vô quý.
5) Tàm và quý.
6) Ác ngôn và ác hữu.
7) Thiện ngôn và thiện hữu.
8) Nhập tội thiện xảo và xuất tội thiện xảo.
9) Đẳng chí thiện xảo và xuất khởi đẳng chí thiện xảo.
10) Giới thiện xảo và tác ý thiện xảo.
11) Xứ thiện xảo và duyên khởi thiện xảo.
12) Thiện xảo về xứ và thiện xảo về phi xứ.
13) Chơn trực và tàm.
14) Kham nhẫn và nhu hòa.
15) Lời nói nhu thuần và tiếp đón thân tình.
16) Vô hại và từ ái.
17) Thất niệm và bất chánh tri.
18) Chánh niệm và tỉnh giác.
19) Các căn không được chế ngự và ăn uống không tiết độ.
20) Các căn được chế ngự và ăn uống có tiết độ.
21) Tư duy lực và tu tập lực.
22) Niệm lực và định lực.
23) Chỉ và quán.
24) Chỉ tướng và tinh cần tướng.
25) Tinh cần và không dao động.
26) Giới suy khuyết và kiến suy khuyết.
27) Giới thành tựu và kiến thành tựu.
28) Giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.
29) Kiến thanh tịnh và tinh cần theo tri kiến ấy.
30) Dao động đối với các pháp bị dao động và chánh tinh cần của người bị dao động ấy.
31) Không tri túc với các thiện pháp và không thối thất trong tinh cần.
32) Minh và giải thoát.
33) Tận trí và vô sanh trí.

Này các Hiền giả, hai pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải

cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận để Phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

305. Này các Hiền giả, có ba pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Thế nào là ba pháp?

1) Ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn.

2) Ba thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn, vô si thiện căn.

3) Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh.

4) Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh.

5) Ba bất thiện tầm: Dục tầm, sân tầm, hại tầm.

6) Ba thiện tầm: Ly dục tầm, vô sân tầm, vô hại tầm.

7) Ba bất thiện tư duy: Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.

8) Ba thiện tư duy: Ly dục tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy.

9) Ba bất thiện tưởng: Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

10) Ba thiện tưởng: Ly dục tưởng, vô sân tưởng, vô hại tưởng.

11) Ba bất thiện giới: Dục giới, sân giới, hại giới.

12) Ba thiện giới: Ly dục giới, vô sân giới, vô hại giới.

13) Ba giới khác: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

14) Ba giới khác: Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới.

15) Ba giới khác: Liệt giới, trung giới, thắng giới.

16) Ba ái: Dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

17) Ba ái khác: Dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

18) Ba ái khác: Sắc ái, vô sắc ái, diệt ái.

19) Ba kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ.

20) Ba lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

21) Ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

22) Ba cầu: Dục cầu, hữu cầu, Phạm hạnh cầu.

23) Ba mạn: Thắng mạn, đẳng mạn, ty liệt mạn.

24) Ba thời: Quá khứ thời, vị lai thời, hiện tại thời.

25) Ba biên: Hữu thân biên, hữu thân tập biên, hữu thân diệt biên.

26) Ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

27) Ba khổ tánh: Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

28) Ba tụ: Tà định tụ, chánh định tụ, bất định tụ.

29) Ba nghi: Đối với vấn đề thuộc quá khứ nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng; đối với các vấn đề thuộc tương lai, nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng; đối với các vấn đề hiện tại nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng.

30) Ba điều Như Lai không cần gìn giữ: Này các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về thân. Như Lai không có ác hạnh về thân mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta." Này các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về miệng. Như Lai không có ác hạnh về miệng mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta." Này các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về ý. Như Lai không có ác hạnh về ý mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta."

31) Ba chướng: Tham chướng, sân chướng, si chướng.

32) Ba loại lửa: Lửa tham, lửa sân, lửa si.

33) Ba loại lửa khác: Lửa của người hiếu kính, lửa của người gia chủ, lửa của người cúng dường [cha mẹ, vợ con và các vị xuất gia].

34) Ba loại sắc tụ: Hữu kiến hữu đối sắc, vô kiến hữu đối sắc, vô kiến vô đối sắc.

35) Ba hành: Phước hành, phi phước hành, bất động hành.

36) Ba loại người: Hữu học nhân, vô học nhân, phi hữu học phi vô học nhân.

37) Ba vị trưởng lão: Sanh trưởng lão, pháp trưởng lão, danh chế định trưởng lão.

38) Ba phước nghiệp sự: Thí hành phước nghiệp sự, giới hành phước nghiệp sự, tu hành phước nghiệp sự.

39) Ba cử tội sự: Thấy, nghe và nghi.

40) Ba dục sanh: Này các Hiền giả, có những loại hữu tình do dục an trú. Đối với các dục, họ chịu sự an trú, họ bị chi phối, phụ thuộc như loài người, một số chư thiên và một số tái sanh trong đọa xứ. Đó là loại dục sanh thứ nhất. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối với những sự vật do họ tạo ra. Họ tạo ra các sự vật và họ sống bị chi phối, phụ thuộc trong những dục vọng ấy như chư thiên Nimmānaratī (Hóa Lạc). Đó là loại dục sanh thứ hai. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối với sự vật do các loài khác tạo ra. Họ sống bị chi phối, phụ thuộc trong những dục vọng đối với sự vật do các loài khác tạo ra như chư thiên Paranimmita Vāsavattī (Tha Hóa Tự Tại). Đó là hạng dục sanh thứ ba.

41) Ba loại lạc sanh: Này các Hiền giả, có những loài hữu tình [trong quá khứ] luôn luôn tạo ra [thiền định lạc] hay sống trong sự an lạc như các vị Brahmakāyikā (Phạm Chúng thiên). Đó là hạng lạc sanh thứ nhất. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Thỉnh thoảng họ thốt ra những câu cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!" như chư thiên Ābhassara (Quang Âm). Đó là hạng lạc sanh thứ

hai. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Họ sống mãn túc với an lạc ấy, cảm thọ an lạc như chư thiên Subhakiṇhā (Biến Tịnh). Đó là loại lạc sanh thứ ba.

42) Ba tuệ: Hữu học tuệ, vô học tuệ, phi hữu học phi vô học tuệ.

43) Lại ba tuệ khác: Tư sanh tuệ, văn sanh tuệ, tu sanh tuệ.

44) Ba loại binh khí: Nghe, xả ly và tuệ.

45) Ba căn: Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.

46) Ba nhãn: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn.

47) Ba học: Tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

48) Ba sự tu tập: Thân tu, tâm tu, tuệ tu.

49) Ba vô thượng: Kiến vô thượng, đạo lộ vô thượng, giải thoát vô thượng.

50) Ba định: Hữu tầm hữu tứ định, vô tầm hữu tứ định, vô tầm vô tứ định.

51) Lại ba định khác: Không định, vô tướng định, vô nguyện định.

52) Ba thanh tịnh: Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ý thanh tịnh.

53) Ba tịch mặc: Thân tịch mặc, ngữ tịch mặc, ý tịch mặc.

54) Ba thiện xảo: Tăng ích thiện xảo, tổn ích thiện xảo, phương tiện thiện xảo.

55) Ba kiêu: Vô bệnh kiêu, niên tráng kiêu, hoạt mạng kiêu.

56) Ba tăng thượng: Ngã tăng thượng, thế tăng thượng, pháp tăng thượng.

57) Ba luận sự: Luận bàn về vấn đề quá khứ: "Sự việc này xảy ra trong quá khứ", luận bàn về vấn đề tương lai: "Sự việc này xảy ra trong tương lai", luận bàn về vấn đề hiện tại: "Sự việc này xảy ra trong hiện tại."

58) Ba minh: Túc mạng trí minh, hữu tình sanh tử trí minh, lậu tận trí minh.

59) Ba trú: Thiên trú, Phạm trú, Thánh trú.

60) Ba thần thông: Thần túc thần thông, tri tha tâm thần thông, giáo giới thần thông.

Này các Hiền giả, ba pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

306. Này các Hiền giả, có bốn pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người... Thế nào là bốn?

Bốn niệm xứ: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời; quán các cảm thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời; quán các tâm trên các tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp

phục tham sân trên đời; quán các pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời.

Bốn chánh cần: Ở đây, này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

Bốn thần túc: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn thực hiện dục thiền định, tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn thực hiện tâm thiền định, tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn thực hiện tinh tấn thiền định, tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn thực hiện tư duy thiền định.

Bốn thiền: Ở đây, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ; diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba; xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

307. Bốn tu tập thiền định: Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại. Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến. Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác. Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ sự tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại? Ở đây, này các Hiền giả, có vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Này các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại. Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tác ý quang minh tưởng, an trú tưởng ban ngày, ban ngày thế nào ban đêm như vậy, ban đêm thế nào ban ngày như vậy. Và như vậy, với tâm mở rộng không có đóng kín, tạo ra một tâm có hào quang. Này các Hiền giả, như vậy là tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến. Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, hướng đến chánh niệm tỉnh giác? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo biết được thọ khởi,

biết được thọ trú, biết được thọ diệt; biết được tưởng khởi, biết được tưởng trú, biết được tưởng diệt; biết được tầm khởi, biết được tầm trú, biết được tầm diệt. Này các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác. Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo an trú, quán tánh sanh diệt trên năm thủ uẩn: Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ...; đây là tưởng...; đây là hành...; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

308. Bốn vô lượng tâm: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, rộng lớn, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, rộng lớn, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Bốn vô sắc: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ; vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ; vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Bốn y chỉ: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo sau khi suy nghĩ, thọ dụng; sau khi suy nghĩ, nhẫn thọ; sau khi suy nghĩ, viễn ly; sau khi suy nghĩ, khiển trừ.

309. Bốn Thánh chủng: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ loại y nào, không cố gắng tìm cầu y một cách không xứng đáng, không có áo não nếu không được y, nhưng khi được y, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng y, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, vị ấy không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ sơ khai.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo tự bằng lòng với bất cứ món ăn khất thực nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ món ăn khất thực nào, không cố gắng tìm cầu món ăn khất thực một cách không xứng đáng, không có áo não nếu không được món ăn khất thực, nhưng khi được món ăn khất thực, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các món ăn khất

thực, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ món ăn khất thực nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ sơ khai.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, không cố gắng tìm cầu phòng xá một cách không xứng đáng, không có áo não nếu không được trú xứ, nhưng khi được phòng xá, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các phòng xá, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ sơ khai.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập. Nhờ ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập nên không khen mình chê người. Ở đây, vị Tỷ-kheo này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Này các Hiền giả, vị ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ sơ khai.

310. Bốn tinh cần: Chế ngự tinh cần, đoạn trừ tinh cần, tu tập tinh cần, hộ trì tinh cần. Này các Hiền giả, thế nào là chế ngự tinh cần? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự chế ngự nhãn căn; khi tai nghe tiếng...; khi mũi ngửi hương...; khi lưỡi nếm vị...; khi thân cảm xúc...; khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự chế ngự ý căn. Này các Hiền giả, như vậy gọi là chế ngự tinh cần. Này các Hiền giả, thế nào là đoạn trừ tinh cần? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo không nhẫn chịu dục tầm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu; với sân tầm đã khởi lên...; với hại tầm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu. Này các Hiền giả, như vậy gọi là đoạn trừ tinh cần. Này các Hiền giả, thế nào là tu tập tinh cần? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi, pháp này y xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thục trong đoạn trừ; tu tập Trạch pháp giác chi...; tu tập Tinh tấn giác chi...; tu tập Hỷ giác chi...; tu tập Khinh an giác chi...; tu tập Định giác chi...; tu tập Xả giác chi, pháp này y xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thục trong đoạn trừ. Này các Hiền giả, như vậy gọi là tu tập tinh cần. Này các Hiền giả, thế nào là hộ trì tinh cần? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo hộ trì định tướng tốt đẹp đã khởi lên, cốt tưởng, trùng hám tưởng, thanh ứ tưởng, đoạn hoại tưởng, trương bành tưởng. Này các Hiền giả, như vậy gọi là hộ trì tinh cần.

Bốn trí: Pháp trí, tùng thuận trí, tha tâm trí, thế tục trí.

Lại có bốn trí khác: Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

311. Bốn Dự lưu hướng chi: Thiện nhân thân cận, diệu pháp thính thọ, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành.

Bốn Dự lưu quả chi: Ở đây, Thánh đệ tử thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Vị này thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy là thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có hiệu năng hướng thượng, chỉ người có trí mới tự mình giác hiểu." Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là bậc Diệu hạnh. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là bậc Trực hạnh. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là bậc Như lý hạnh. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là bậc chánh hạnh. Tức là bốn đôi, tám vị. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời." Và vị ấy thành tựu giới đức được các bậc Thánh ái mộ, không bị hư hoại, không bị đứt, không bị tỳ vết, được thực hành liên tục, không bị khiếm khuyết, khiến con người trong sạch, được bậc Thánh tán thán, không bị nhiễm ô, hướng đến thiền định.

Bốn Sa-môn quả: Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả.

Bốn giới: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Bốn thực: Đoàn thực, thô hay tế; xúc thực là thứ hai; tư niệm thực là thứ ba; thức thực là thứ tư.

Bốn thức trú: Này các Hiền giả, khi duyên sắc, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy sắc làm cảnh, lấy sắc làm sở y, lấy sắc làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng. Này các Hiền giả, khi duyên thọ... khi duyên tưởng... Này các Hiền giả, khi duyên hành, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy hành làm cảnh, lấy hành làm sở y, lấy hành làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng.

Bốn bất hành xứ hạnh: Tham dục bất hành xứ hạnh, sân bất hành xứ hạnh, si bất hành xứ hạnh, bố úy bất hành xứ hạnh.

Bốn ái sanh: Này các Hiền giả, do nhân y phục, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái. Này các Hiền giả, do nhân đồ ăn khất thực, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái. Này các Hiền giả, do nhân phòng xá, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái. Này các Hiền giả, do nhân hữu và phi hữu, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.

Bốn hành: Khổ hành trì chứng, khổ hành tốc chứng, lạc hành trì chứng, lạc hành tốc chứng.

Lại bốn hành khác: Bất kham nhẫn hành, kham nhẫn hành, điều phục hành, tịch tịnh hành.

Bốn pháp túc: Vô tham pháp túc, vô sân pháp túc, chánh niệm pháp túc, chánh định pháp túc.

Bốn pháp thọ: Này các Hiền giả, có pháp thọ hiện tại khổ và tương lai quả báo khổ. Này các Hiền giả, có pháp thọ hiện tại khổ và tương lai quả báo lạc. Này các Hiền giả, có pháp thọ hiện tại lạc và tương lai quả báo khổ. Này các Hiền giả, có pháp thọ hiện tại lạc và tương lai quả báo lạc.

Bốn pháp uẩn: Giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn.

Bốn lực: Tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Bốn thắng xứ: Tuệ thắng xứ, đế thắng xứ, xả thắng xứ, chỉ tức thắng xứ [bốn nguyện].

312. Bốn cách trả lời câu hỏi: Trả lời câu hỏi một cách dứt khoát; trả lời câu hỏi bằng cách cật vấn; trả lời câu hỏi bằng cách phân tích; trả lời câu hỏi bằng cách giả lơ, bỏ qua.

Bốn nghiệp: Này các Hiền giả, có hắc nghiệp, hắc báo. Này các Hiền giả, có bạch nghiệp, bạch báo. Này các Hiền giả, có hắc bạch nghiệp, hắc bạch báo. Này các Hiền giả, có phi hắc phi bạch nghiệp, phi hắc phi bạch báo, và đưa đến sự tận diệt các nghiệp.

Bốn pháp cần phải chứng ngộ: Túc mạng cần phải chứng ngộ bởi niệm. Sanh tử của chúng sanh cần phải chứng ngộ bởi Thiên nhãn. Tám giải thoát cần phải chứng ngộ bởi thân. Lậu tận cần phải chứng ngộ bởi tuệ.

Bốn bộc lưu: Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu.

Bốn ách: Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

Bốn ly ách: Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách.

Bốn hệ phược: Tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thủ thân hệ, thử thực chấp thân hệ.

Bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã thuyết thủ.

Bốn sanh: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

Bốn nhập thai: Này các Hiền giả, ở đây, có loại không tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai, đó là loại nhập thai thứ nhất. Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai, đó là loại nhập thai thứ hai. Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai, đó là loại nhập thai thứ ba. Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, tỉnh giác xuất mẫu thai, đó là loại nhập thai thứ tư.

Bốn phương cách được tự thể mới: Này các Hiền giả, có tự thể mới được do ý chí của mình, không do ý chí của người khác. Này các Hiền giả, có tự thể mới được do ý chí của người khác, không do ý chí của mình. Này các Hiền giả, có tự thể mới được do ý chí của mình và ý chí của người khác. Này các Hiền giả, có tự thể mới được không do ý chí của mình, không do ý chí của người khác.

313. Bốn sự cúng dường thanh tịnh: Này các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường thanh tịnh, người nhận cúng dường không thanh tịnh. Này các Hiền giả, có sự cúng dường, người nhận cúng dường thanh tịnh, người cúng dường không thanh tịnh. Này các Hiền giả, có sự cúng dường, cả người cúng dường và người nhận cúng dường đều không thanh tịnh. Này các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường và người nhận cúng dường đều thanh tịnh.

Bốn nhiếp pháp: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

Bốn phi Thánh ngôn: Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ.

Bốn Thánh ngôn: Ly vọng ngữ, ly lưỡng thiệt, ly ác khẩu, ly ỷ ngữ.

Bốn phi Thánh ngôn khác: Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biết nói biết.

Bốn Thánh ngôn khác: Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không nghĩ nói không nghĩ, không biết nói không biết.

Bốn phi Thánh ngôn khác: Thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, nghĩ nói không nghĩ, biết nói không biết.

Bốn Thánh ngôn khác: Thấy nói thấy, nghe nói nghe, nghĩ nói nghĩ, biết nói biết.

314. Bốn loại người: Này các Hiền giả, ở đây, có người tự làm khổ mình và siêng năng làm khổ mình. Này các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ người khác, siêng năng làm khổ người khác. Này các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ mình, siêng năng làm khổ mình; làm khổ người, siêng năng làm khổ người. Này các Hiền giả, ở đây, có loại người không làm khổ mình, không siêng năng làm khổ mình; không làm khổ người, không siêng năng làm khổ người. Vị này không làm khổ mình, không làm khổ người, ngay trong hiện tại sống ly dục, tịch tịnh, thanh lương, an lạc, thánh thiện.

Lại bốn loại người khác: Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tự lợi, không hành lợi tha. Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành lợi tha, không hành tự lợi. Này các Hiền giả, ở đây, có loại người không hành tự lợi và không hành lợi tha. Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tự lợi và hành lợi tha.

Lại bốn loại người khác: Sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối, sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng, sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

Lại bốn loại người khác: Bất động Sa-môn, Xích liên hoa Sa-môn, Bạch liên hoa Sa-môn, Diệu tịnh Sa-môn.

Này các Hiền giả, bốn pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Tụng phẩm II

315. Này các Hiền giả, có năm pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là năm pháp?

Năm uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

Năm thủ uẩn: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Năm dục phần: Sắc do mắt nhận thức. Sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Tiếng do tai nhận thức... Hương do mũi nhận thức... Vị do lưỡi nhận thức... Xúc do thân cảm xúc. Xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Năm thú: Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, người, chư thiên.

Năm xan tham: Xan tham đối với trú xứ, xan tham đối với gia đình, xan tham đối với các vật thâu hoạch, xan tham đối với sắc, xan tham đối với pháp.

Năm triền cái: Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo cử hối quá triền cái, nghi triền cái.

Năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân.

Năm thượng phần kiết sử: Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh.

Năm học xứ: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngôn, không uống các loại rượu.

316. Năm bất năng xứ: Này các Hiền giả, một vị Lậu tận Tỷ-kheo không thể cố ý sát hại đời sống loài hữu tình. Một vị Lậu tận Tỷ-kheo không thể cố ý lấy của không cho, gọi là trộm cắp. Một vị Lậu tận Tỷ-kheo không thể cố ý hành dâm. Một vị Lậu tận Tỷ-kheo không thể cố ý tự mình biết mà nói láo. Một vị Lậu tận Tỷ-kheo không thể tiêu dùng các vật chứa cất vào các thú vui dục lạc như khi còn là cư sĩ.

Năm sự tổn thất: Thân thuộc tổn thất, tài sản tổn thất, tật bệnh tổn thất, giới tổn thất, kiến tổn thất. Này các Hiền giả, không có loài hữu tình nào vì thân thuộc tổn thất, vì tài sản tổn thất hay vì tật bệnh tổn thất, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, có loài hữu tình vì giới tổn thất hay vì kiến tổn thất, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Năm sự thành tựu: Thân thuộc thành tựu, tài sản thành tựu, vô bệnh thành tựu, giới thành tựu, kiến thành tựu. Này các Hiền giả, không có loài hữu tình nào vì thân thuộc thành tựu, vì tài sản thành tựu hay vì vô bệnh thành tựu, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Hiền giả, có các loài hữu tình vì giới thành tựu hay vì kiến thành tựu, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Năm điều nguy hiểm của người ác giới, phạm giới: Này các Hiền giả, người ác giới, vi phạm giới luật, do phóng dật, thiệt hại nhiều tài sản. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất của người ác giới, phạm giới. Lại nữa, này các Hiền giả, với người ác giới, phạm giới, tiếng xấu đồn khắp. Đó là điều nguy hiểm thứ hai của người ác giới, phạm giới. Lại nữa, này các Hiền giả, với người ác giới, phạm giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát-đế-ly, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng Cư sĩ hay hội chúng Sa-môn, người ấy vào một cách sợ sệt và dao động. Đó là điều nguy hiểm thứ ba của người ác giới, phạm giới. Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm giới, khi mệnh chung, chết một cách mê loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư của người ác giới, phạm giới. Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm giới, khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm của người ác giới, phạm ác giới.

Năm điều lợi ích của người đủ giới, giữ giới: Này các Hiền giả, ở đây, người đủ giới, giữ giới, nhờ không phóng dật nên được tài sản sung túc. Đó là điều lợi ích thứ nhất cho người đủ giới, giữ giới. Này các Hiền giả, lại nữa, người đủ giới, giữ giới được tiếng tốt đồn khắp. Đó là điều lợi ích thứ hai cho người đủ giới, giữ giới. Này các Hiền giả, với người đủ giới, giữ giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát-đế-ly, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng Cư sĩ, hội chúng Sa-môn, vị ấy vào một cách đàng hoàng, không dao động. Đó là điều lợi ích thứ ba cho người đủ giới, giữ giới. Này các Hiền giả, lại nữa, người đủ giới, giữ giới, khi mệnh chung, chết một cách không mê loạn. Đó là điều lợi ích thứ tư cho người đủ giới, giữ giới. Này các Hiền giả, lại nữa, người đủ giới, giữ giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy là điều lợi ích thứ năm cho người đủ giới, giữ giới.

Năm pháp nội tâm: Này các Hiền giả, năm pháp nội tâm một vị Tỷ-kheo cần phải có nếu muốn chỉ trích một vị khác: "Tôi nói đúng thời, không phải phi thời. Tôi nói đúng sự thật, không sai sự thật. Tôi nói một cách từ tốn, không nói lời thô ác. Tôi nói lời có lợi ích, không nói lời không có lợi ích. Tôi nói lời có lòng từ, không phải lời sân hận." Này các Hiền giả, như vậy là năm pháp nội tâm một vị Tỷ-kheo cần phải có nếu muốn chỉ trích một vị khác.

317. Năm cần chi: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Vị ấy ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình hợp với sự tinh tấn. Vị ấy không lừa đảo, không dối gạt, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né đối với các thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sự sanh diệt của các pháp, thành tựu Thánh quyết trạch, đưa đến sự đoạn diệt chơn chánh các khổ đau.

318. Năm Tịnh cư: Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Thiện Hiện thiên, Thiện Kiến thiên, Sắc Cứu Cánh thiên.

Năm Bất hoàn: Trung gian Bát-niết-bàn, Tổn hại Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Hữu hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu thú A-ca-ni-sá.

319. Năm tâm hoang vu: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo sư. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo sư, vị Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với Pháp... đối với Tăng... đối với học pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Này các Hiền giả, khi một vị Tỷ-kheo tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu, thì tâm của vị Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ năm.

320. Năm tâm triền phược: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với các dục. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với các dục, thì tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo, tâm không ly tham... đối với các thân... Như vậy là tâm triền phược thứ hai. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo tâm không ly tham... đối với các sắc... Như vậy là tâm triền phược thứ ba. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi, hưởng thọ sự sung sướng về nằm ngủ, sự sung sướng về xúc chạm, sự sung sướng về thụy miên... Như vậy là tâm triền phược thứ tư. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư thiên: “Với Luật này, với sự hành trì giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư thiên này hay loại chư thiên khác.” Này các Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư thiên: “Với Luật này, với sự hành trì giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư thiên này hay chư thiên khác”, tâm của vị này không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ năm.

Năm căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

Lại năm căn khác: Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Lại năm căn khác: Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

321. Năm xuất ly giới: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo có tác ý đến các dục, tâm không hướng nhập các dục, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi các dục. Khi vị này có tác ý đối với ly dục, tâm hướng nhập ly dục, có tín lạc, có an trú và bị chi phối bởi ly dục, tâm của vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các dục. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các dục, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với các dục.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến sân hận, tâm không hướng nhập sân hận, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sân hận. Khi vị này có tác ý đối với vô sân, tâm hướng nhập vô sân, có tín lạc, có an trú, bị chi phối bởi vô sân, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với vô sân. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với sân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sân hận.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến hại tâm, tâm không hướng nhập hại tâm, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi hại tâm. Khi vị này có tác ý đối với ly hại tâm, tâm hướng nhập ly hại tâm, có tín lạc, có an trú, bị chi phối bởi ly hại tâm, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ hại tâm. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với hại tâm, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với hại tâm.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến sắc, tâm không hướng nhập vào sắc, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sắc. Khi vị này có tác ý đối với vô sắc, tâm hướng nhập vô sắc, có tín lạc, có an trú, bị chi phối bởi vô sắc, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với vô sắc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với sắc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sắc.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến tự thân, tâm không hướng nhập tự thân, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi tự thân. Khi vị này có tác ý đối với thân diệt, tâm hướng nhập thân diệt, có tín lạc, có an trú, bị chi phối bởi thân diệt, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với thân diệt. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với tự thân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với tự thân.

322. Năm giải thoát xứ: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo khi nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, vị này đối với pháp ấy hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, nhưng vị ấy theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Này các Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, vị ấy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không được nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Vị ấy theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng, do vậy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. Vị ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy nên đối với pháp ấy hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ tư.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng; cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Vị Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo tùy theo khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ, nên đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, nên khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

Năm tưởng đưa đến giải thoát: Vô thường tưởng, khổ tưởng trong vô thường, vô ngã tưởng trong khổ, đoạn trừ tưởng, vô tham tưởng.

Này các Hiền giả, năm pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

323. Này các Hiền giả, có sáu pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là sáu?

Sáu nội xứ: Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ.

Sáu ngoại xứ: Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

Sáu thức thân: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Sáu xúc thân: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

Sáu thọ thân: Nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, thân xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ.

Sáu tưởng thân: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Sáu tư thân: Sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

Sáu ái thân: Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

324. Sáu không cung kính pháp: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận Tăng; sống không cung kính, không tùy thuận học pháp; sống không cung kính, không tùy thuận bất phóng dật; sống không cung kính, không tùy thuận sự lễ phép xã giao.

Sáu cung kính pháp: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung kính, tùy thuận Tăng; sống cung kính, tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận bất phóng dật; sống cung kính, tùy thuận lễ phép xã giao.

Sáu suy tư hợp hỷ: Khi mắt thấy sắc, hoan hỷ khởi lên, sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận thức pháp, hoan hỷ khởi lên, pháp ấy được suy tư.

Sáu suy tư hợp ưu: Khi mắt thấy sắc, ưu khởi lên, sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận thức pháp, ưu khởi lên, pháp ấy được suy tư.

Sáu suy tư hợp xả: Khi mắt thấy sắc, xả khởi lên, sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận thức pháp, xả khởi lên, pháp ấy được suy tư.

Sáu hòa kính pháp: Này các Hiền giả, ở đây, khi vị Tỷ-kheo thành tựu từ thân nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, lại nữa, khi vị Tỷ-kheo thành

tựu từ khẩu nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo thành tựu từ ý nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo đối với các đồ vật được cúng dường một cách hợp pháp cho đến đồ vật nhận trong bình bát, đều đem chia đồng đều giữa các vị Tỷ-kheo có giới hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo khi những giới luật của vị này không bị phá hoại, không vi phạm, được kiên trì tuân hành, không có tỳ vết, làm người được giải thoát, được người trí tán thán, không uế tạp, hướng đến thiền định, vị Tỷ-kheo ấy giữ giới hạnh Sa-môn như vậy, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo sống đời sống được Chánh kiến hướng dẫn, chơn chánh, đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu với Chánh kiến như vậy, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

325. Sáu tránh căn: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo phẫn nộ, uất hận. Này các Hiền giả, vị này phẫn nộ, uất hận, sống không cung kính, không tùy thuận vị Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; không cung kính, không tùy thuận Pháp; không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, khiến chư thiên và loài người không hạnh phúc, mà đau khổ. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả không thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là đoạn trừ ác tránh căn ấy, vhư vậy là ngăn chặn nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo che giấu và giả dối... tật đố và xan tham... lừa đảo và lường gạt... ác dục và tà kiến... chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; không cung kính, không tùy thuận Pháp; không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư... Pháp... Tăng;

không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, khiến chư thiên và loài người không hạnh phúc, mà đau khổ. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả không thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, các vị hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là sự đoạn trừ ác tránh căn ấy, như vậy là ngăn chặn nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

Sáu giới: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

326. Sáu xuất ly giới: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt! Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà sân tâm vẫn ngự trị, sự kiện không thể xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, từ tâm giải thoát có khả năng giải thoát sân tâm.

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà hại tâm vẫn ngự trị, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, bi tâm giải thoát có khả năng giải thoát hại tâm.

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, bất lạc tâm vẫn ngự trị, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, hỷ tâm giải thoát có khả năng giải thoát bất lạc tâm.

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải

thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà tham tâm vẫn ngự trị, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, xả tâm giải thoát có khả năng giải thoát tham tâm.

Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, thức của ta vẫn chạy theo các tướng." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, Vô tướng tâm giải thoát có khả năng giải thoát tất cả tướng.

Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Quan điểm 'tôi có mặt' bị tôi từ khước, quan điểm 'tôi là cái này' không được tôi chấp nhận; tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do dự vẫn ám ảnh, an trú nơi tôi." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. "Quan điểm 'tôi có mặt' bị tôi từ khước, quan điểm "tôi là cái này" không được tôi chấp thuận; tuy vậy, nghi ngờ, do dự vẫn ám ảnh, an trú nơi tôi", sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, chính nhờ khước từ sự ngạo mạn "tôi có mặt" mà mũi tên do dự, nghi ngờ được giải thoát.

327. Sáu vô thượng: Kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi đắc vô thượng, học giới vô thượng, phụng sự vô thượng, ức niệm vô thượng.

Sáu niệm xứ: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

328. Sáu hằng trú: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo mắt thấy sắc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác; tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác.

329. Sáu sanh loại: Này các Hiền giả, ở đây có người hắc sanh và sống tạo hắc pháp. Này các Hiền giả, ở đây có người hắc sanh và sống tạo bạch pháp. Này các Hiền giả, ở đây có người hắc sanh và sống tạo Niết-bàn, phi hắc phi bạch pháp. Ở đây có người bạch sanh và sống tạo bạch pháp. Ở đây có người

bạch sanh và sống tạo hắc pháp. Ở đây có người bạch sanh và sống tạo Niết-bàn, phi hắc phi bạch pháp.

Sáu quyết trạch phần tưởng: Vô thường tưởng, khổ tưởng trên vô thường, vô ngã tưởng trên khổ, đoạn tưởng, vô tham tưởng, diệt tưởng.

Này các Hiền giả, sáu pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

330. Này các Hiền giả, có bảy pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là bảy?

Bảy tài sản: Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

Bảy giác chi: Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Xả giác chi.

Bảy định cụ: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

Bảy phi diệu pháp: Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ-kheo bất tín, vô tàm, vô quý, thiểu văn, giải đãi, thất niệm, liệt tuệ.

Bảy diệu pháp: Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ-kheo có lòng tín, có tàm, có quý, đa văn, tinh tấn, niệm được an trú, có trí tuệ.

Bảy thượng nhân pháp: Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ-kheo tri pháp, tri nghĩa, tự tri, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nhân.

331. Bảy thù diệu sự: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tha thiết hành trì học pháp và khát vọng hành trì học pháp trong tương lai, tha thiết quán pháp và khát vọng quán pháp trong tương lai, tha thiết điều phục các dục vọng và khát vọng điều phục các dục vọng trong tương lai, tha thiết sống an tịnh và khát vọng sống an tịnh trong tương lai, tha thiết sống tinh tấn và khát vọng sống tinh tấn trong tương lai, tha thiết quán sát tư niệm và khát vọng quán sát tư niệm trong tương lai, tha thiết với kiến giải và khát vọng hiểu biết sở kiến trong tương lai.

Bảy tưởng: Vô thường tưởng, vô ngã tưởng, bất tịnh tưởng, hoạn nạn tưởng, đoạn tưởng, ly tham tưởng, diệt tưởng.

Bảy lực: Tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

332. Bảy thức trú: Này các Hiền giả, có các loại hữu tình thân sai biệt và tưởng sai biệt như loài người, một số chư thiên và một số thuộc đọa xứ, đó là loại thức trú thứ nhất. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt nhưng tưởng đồng loại như các vị Phạm Chúng thiên vừa mới sanh lần đầu tiên [hay do tu Sơ thiền], đó là loại thức trú thứ hai. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thân đồng loại nhưng tưởng sai biệt như các vị Quang Âm thiên, đó là loại thức trú thứ ba. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thân đồng loại và

tưởng đồng loại như các vị Biến Tịnh thiên, đó là loại thức trú thứ tư. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình vượt khỏi mọi tưởng về sắc, điều phục mọi tưởng về sân, không tác ý đến các tưởng sai biệt, chứng Không vô biên xứ: "Hư không là vô biên", đó là loại thức trú thứ năm. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Hư không vô biên xứ, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên", đó là loại thức trú thứ sáu. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì cả", đó là loại thức trú thứ bảy.

Bảy loại người đáng kính trọng: Câu phần giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Kiến chí, Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.

Bảy tùy miên: Dục ái tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên.

Bảy kiết sử: Ái kiết sử, sân kiết sử, kiến kiết sử, nghi kiết sử, mạn kiết sử, hữu tham kiết sử, vô minh kiết sử.

Bảy diệt tránh pháp: Có khả năng đình chỉ, trừ diệt các tránh pháp đang khởi lên: Ưng dữ hiện tiền tỳ-ni, Ưng dữ ức niệm tỳ-ni, Ưng dữ bất si tỳ-ni, Ưng dữ tự ngôn trị, Đa mích tội tướng, Đa nhơn mích tội, Như thảo phú địa.

Này các Hiền giả, bảy pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Tụng phẩm III

333. Này các Hiền giả, có tám pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là tám?

Tám tà: Tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

Tám chánh: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Tám người đáng cung kính: Hạng Dự Lưu, hạng đã thành tựu và chứng Dự lưu quả, hạng Nhất Lai, hạng đã thành tựu và chứng Nhất lai quả, hạng Bất Lai, hạng đã thành tựu và chứng Bất lai quả, hạng A-la-hán, hạng đã thành tựu và chứng A-la-hán quả.

334. Tám giải đãi sự: Này các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỳ-kheo phải làm. Vị này nghĩ: "Có công việc ta sẽ phải làm. Nếu ta làm việc, thời thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là giải đãi sự thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, một việc đã được vị Tỷ-kheo làm. Vị này nghĩ: "Ta đã làm một công việc. Do ta làm một công việc nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ-kheo phải đi. Vị này nghĩ: "Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ-kheo đã đi. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường này. Do ta đã đi con đường này nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ tư.

Này các Hiền giả, có vị Tỷ-kheo đi khất thực ở làng hay tại đô thị, không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khất thực ở làng hay đô thị, không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta bị mệt mỏi không làm được gì. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ năm.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo trong khi đi khất thực tại làng hay đô thị, nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khất thực tại làng hay tại đô thị, nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta nặng nề, không làm được gì, như một nhóm đậu. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ sáu.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị này nghĩ: "Nay ta bị đau bệnh nhẹ, cần phải nằm nghỉ. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ bảy.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Thân này của ta yếu đuối, không làm được việc gì. Vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là giải đãi sự thứ tám.

335. Tám tinh tấn sự: Này các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ-kheo phải làm. Vị ấy nghĩ: "Có công việc ta sẽ phải làm, nếu ta làm việc thì không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được." Và vị ấy tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là tinh tấn sự thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo đã làm xong công việc. Vị ấy nghĩ:

"Ta đã làm xong công việc. Khi ta làm công việc, ta không thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta phải cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ-kheo phải đi. Vị này nghĩ: "Đây là con đường mà ta có thể sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo đã đi con đường. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường ấy. Khi ta đi con đường ấy, ta không thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ tư.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân ta như vậy nhẹ nhàng, có thể làm việc. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ năm.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, được các loại đồ ăn loại cứng hay loại đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Như vậy thân ta mạnh, có thể làm việc. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ sáu.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị ấy nghĩ: "Ta nay bị đau bệnh nhẹ, sự kiện này có thể xảy ra, bệnh này có thể trầm trọng hơn. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ bảy.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Sự kiện này có thể xảy ra, bệnh của ta có thể trở lại. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, thành tựu điều chưa thành tựu được, chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được." Và vị ấy tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, thành tựu điều chưa thành tựu được và chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là tinh tấn sự thứ tám.

336. Tám bố thí sự: Có người đến nên bố thí, vì sợ nên bố thí, vì "người ấy cho tôi" nên bố thí, vì "người ấy sẽ cho tôi" nên bố thí, vì suy nghĩ "bố thí là tốt lành" nên bố thí, vì suy nghĩ "ta nấu, họ không nấu, thật không phải nếu ta nấu mà không cho gì những người không nấu" nên bố thí, vì suy nghĩ "nay ta bố thí, tiếng đồn tốt đẹp sẽ được truyền đi" nên bố thí, vì muốn trang nghiêm tâm và tư trợ tâm nên bố thí.

337. Tám thí sanh: Này các Hiền giả, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa,

sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được bố thí trở lại. Người này thấy người Sát-đế-ly có nhiều tài sản, người Bà-la-môn có nhiều tài sản hay người gia chủ có nhiều tài sản, được sung mãn, cụ túc, thụ hưởng năm món dục lạc, vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh là một trong những người Sát-đế-ly có nhiều tài sản, người Bà-la-môn có nhiều tài sản hay người gia chủ có nhiều tài sản." Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được bố thí trở lại. Vị này nghe: "Tứ Đại Thiên Vương thọ mạng lâu dài, tướng hảo và nhiều an lạc." Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Tứ Đại Thiên Vương." Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được bố thí trở lại. Vị này nghe: "Chư thiên Tam Thập Tam... chư thiên Dạ-ma... chư thiên Đâu-suất... chư thiên Hóa Lạc... chư thiên Tha Hóa Tự Tại được sống lâu, tướng hảo, được nhiều an lạc." Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng chư thiên Tha Hóa Tự Tại." Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được bố thí trở lại. Vị này nghe: "Chư thiên Phạm Chúng thọ mạng lâu dài, tướng hảo và nhiều an lạc." Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Phạm Chúng thiên." Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

Tám chúng: Chúng Sát-đế-ly, chúng Bà-la-môn, chúng Gia chủ, chúng Sa-môn, chúng Tứ Đại Thiên Vương, chúng Tam Thập Tam thiên, chúng [Thiên] Ma, chúng Phạm thiên.

Tám thế gian pháp: Đắc, bất đắc, danh văn, ác văn, phỉ báng, tán thán, lạc, khổ.

338. Tám thắng xứ: Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh, như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, như bông Kaṇikāra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, như bông Bandhujīvaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, như sao mai Osadhī màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám.

339. Tám giải thoát: Tự mình có sắc, thấy các sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc, đó là giải thoát thứ hai. Quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy, đó là giải thoát thứ ba. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư. Vượt khỏi hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ, đó là giải thoát thứ năm. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng, đó là giải thoát thứ tám.

Này các Hiền giả, tám pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

340. Này các Hiền giả, có chín pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là chín?

Chín xung đột sự: "Người ấy đã làm hại tôi", xung đột khởi lên; "Người ấy đang làm hại tôi", xung đột khởi lên; "Người ấy sẽ làm hại tôi", xung đột khởi lên; "Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến... "Người ấy đang làm hại... "Người ấy sẽ làm hại... xung đột khởi lên. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến... "Người ấy đang làm lợi... "Người ấy sẽ làm lợi... xung đột khởi lên.

Chín sự điều phục xung đột: "Người ấy đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến... "Người ấy đang làm hại... "Người ấy sẽ làm hại người tôi thương, người tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến... "Người ấy đang làm lợi... "Người ấy sẽ làm lợi... Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục.

341. Chín chỗ an trú của loài hữu tình: Này các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt, tưởng sai biệt như loài người, một số chư thiên và một số ở tại các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt, tưởng đồng nhất như các vị Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai. Này các Hiền giả, có loài hữu tình thân đồng nhất, tưởng sai biệt như các vị Quang Âm thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba. Này các Hiền giả, có loài hữu tình thân đồng nhất, tưởng đồng nhất như các vị Biến Tịnh thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình không có tưởng, không có thọ như các vị Vô Tưởng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tưởng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, chứng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên." Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên." Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì." Đó là hữu tình trú xứ thứ tám. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

342. Chín Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết: Này các Hiền giả, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào địa ngục. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào bàng sanh. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa... sanh vào ngạ quỷ. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa... sanh vào hàng a-tu-la. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tư.

Này các Hiền giả, lại nữa... sanh vào hàng chư thiên được thọ mạng lâu dài. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ năm.

Này các Hiền giả, lại nữa... sanh vào các biên địa, giữa các loài mọi rợ vô trí, những chỗ mà các hàng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ không có đất đứng. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ sáu.

Này các Hiền giả, lại nữa... sanh vào trung tâm các quốc độ, nhưng lại theo tà kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có cúng tế; không có quả báo các hành vi thiện ác; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha; không có các loài hóa sanh; không có các vị Sa-môn, Bà-la-môn đã chứng đạt chơn chánh, đã thực hành chơn chánh, đã tự

mình chứng tri, chứng ngộ thế giới này với thế giới sau và tuyên thuyết. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ bảy.

Này các Hiền giả, lại nữa... sanh vào trung tâm các quốc độ, nhưng ác tuệ, ngu si, điếc, ngọng, không biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tám. Này các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời, pháp đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến đến giác ngộ không được thuyết giảng, không được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào trung tâm các quốc độ, có trí tuệ, không ngu si, không điếc ngọng, biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ chín.

343. Chín thứ đệ trú: Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ-kheo ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú vào Thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh; diệt tầm diệt tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn... chứng và trú Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên." Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên." Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Vô sở hữu xứ: "Không có sự vật gì tất cả." Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.

344. Chín thứ đệ diệt: Thành tựu Sơ thiền, các dục tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Đệ nhị thiền, các tầm tứ bị đoạn diệt; thành tựu Đệ tam thiền, hỷ bị đoạn diệt; thành tựu Đệ tứ thiền, hơi thở vào hơi thở ra bị đoạn diệt; thành tựu Hư không vô biên xứ, sắc tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Thức vô biên xứ, Hư không vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Diệt thọ tưởng định, các tưởng và các thọ bị đoạn diệt.

Này các Hiền giả, chín pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

345. Này Hiền giả, có mười pháp được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là mười?

Mười hộ trì nhân pháp: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ những gì đã nghe, chất chứa những gì đã nghe. Những pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú nghĩa lý cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào nghe nhiều... khéo thành tựu nhờ chánh kiến, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo là thiện hữu, thiện bạn lữ, là thiện bạn đảng, là hộ trì nhân. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào là thiện hữu, là thiện bạn lữ, là thiện bạn đảng, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo thiện ngôn, đầy đủ sự nhu hòa và khiêm nhường, nhẫn nại và nhận sự khuyên răn một cách cung kính. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào thiện ngôn... nhận sự khuyên răn một cách cung kính, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo khi nào đối với các vị đồng Phạm hạnh niên lạp cao và thấp hơn có những trách nhiệm cần phải làm, vị ấy khéo léo, không có biếng nhác, suy tư một cách đầy đủ các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Này các Hiền giả, một vị Tỷ-kheo nào đối với các vị đồng Phạm hạnh... vừa đủ để tổ chức, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo ưa pháp, ái luyến nói pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào ưa pháp... vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo tự mình bằng lòng với các vật dụng nhận được như y phục, ẩm thực, sàng tọa, bệnh dược. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào tự bằng lòng... pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo sống tinh tấn siêng năng đoạn trừ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì tinh tấn, nhẫn trì, không phế bỏ các thiện pháp. Này các Hiền giả, một vị Tỷ-kheo nào sống tinh tấn siêng năng... nhẫn trì không phế bỏ các thiện pháp, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo chánh niệm, đầy đủ tối thượng niệm và tỉnh giác, nhớ đến và ghi nhớ những điều nói và làm từ lâu. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào có chánh niệm... ghi nhớ những điều đã nói và làm từ lâu, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có huệ trí, đầy đủ sanh diệt trí, hướng đến sự quyết trạch các bậc Thánh, chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào có huệ trí... chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ, pháp như vậy là hộ trì nhân.

346. Mười biến xứ: Một vị nào biết được địa biến xứ: Trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Một vị biết được thủy biến... Một vị biết được hỏa biến... Một vị biết được phong biến... Một vị biết được thanh biến... Một vị biết được

hoàng biến... Một vị biết được xích biến... Một vị biết được bạch biến... Một vị biết được hư không biến... Một vị biết được thức biến, trên dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

347. Mười bất thiện nghiệp đạo: Sát sanh, thâu đạo, tà hạnh trong các dục, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham, sân, tà kiến.

Mười thiện nghiệp đạo: Ly sát sanh, ly thâu đạo, ly tà hạnh trong các dục, ly vọng ngôn, ly lưỡng thiệt, ly ác khẩu, ly ỷ ngữ, ly tham, ly sân, ly tà kiến.

348. Mười Thánh cư: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ năm chi, đầy đủ sáu chi, một hộ trì, thực hiện bốn y chỉ, loại bỏ các giáo điều, đoạn tận các mong cầu, tâm tư không trệ phược, thân thể khinh an, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo đoạn trừ năm chi? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân, đoạn trừ hôn trầm thụy miên, đoạn trừ trạo hối, đoạn trừ nghi. Này các hiền giả, như vậy là đoạn trừ năm chi. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo đầy đủ sáu chi? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo mắt thấy sắc, không có thích ý, không có phật ý, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác; tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có thích ý, không có phật ý, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ sáu chi. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo một hộ trì? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo thành tựu sự hộ trì về niệm. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo một hộ trì. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo có thực hiện bốn y chỉ? Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo sau khi suy tư, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư, đoạn trừ một pháp; sau khi suy tư, tránh xa một pháp. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo thực hiện bốn y chỉ. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo loại bỏ các giáo điều? Này các Hiền giả, ở đây, tất cả những giáo điều thông thường mà các vị Sa-môn, Bà-la-môn thông thường chủ trương, vị Tỷ-kheo đều loại bỏ, bỏ qua một bên, không chấp nhận, tẩn xuất, từ bỏ, loại ra, phóng xả. Này các Hiền giả, như vậy gọi là Tỷ-kheo loại bỏ các giáo điều. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo đoạn tận các mong cầu? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ các mong cầu về các dục, đoạn trừ các mong cầu về hiện hữu, làm cho an tịnh các mong cầu về Phạm hạnh. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo đoạn tận các mong cầu. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo tâm tư không trệ phược? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ các tâm tư dục vọng, đoạn trừ các tâm tư sân hận, đoạn trừ các tâm tư não hại. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo tâm tư không trệ phược. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo thân hành được khinh an? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, diệt các hỷ ưu từ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không lạc không khổ, xả niệm thanh tịnh. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo thân hành được khinh an. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo tâm khéo giải thoát? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tâm giải thoát khỏi tham, tâm giải thoát khỏi sân, tâm giải thoát khỏi si. Này

các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo tâm khéo giải thoát. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo tuệ khéo giải thoát? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo biết rằng: "Tham tâm của ta đã được trừ, cắt tận gốc rễ, như cây Sa-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai." Vị ấy biết rằng: "Sân tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây Sa-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai." Vị ấy biết rằng: "Si tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây Sa-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai." Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo tuệ khéo giải thoát.

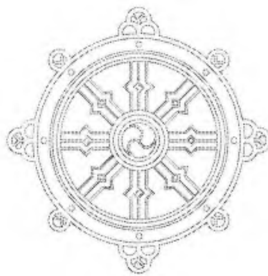
Mười pháp vô học: Vô học chánh tri kiến, Vô học chánh tư duy, Vô học chánh ngữ, Vô học chánh nghiệp, Vô học chánh mạng, Vô học chánh tinh tấn, Vô học chánh niệm, Vô học chánh định, Vô học chánh trí, Vô học chánh giải thoát.

Này các Hiền giả, mười pháp này được Thế Tôn, vị Đã Biết, Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh giảng dạy. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để Phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu dài, vì hạnh phúc cho mọi loài, vì an lạc cho mọi loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

349. Rồi Thế Tôn ngồi dậy và bảo Tôn giả Sāriputta:

– Lành thay, lành thay Sāriputta! Này Sāriputta, ngươi đã khéo giảng, khéo tụng kinh này cho chúng Tỷ-kheo.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, bậc Đạo sư chấp thuận. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Sāriputta.



34. KINH THẬP THƯỢNG

(*Dasuttara Sutta*)[1]

Tụng phẩm I

Như vầy tôi nghe.

350. Một thời, Thế Tôn trú tại Campā (Chiêm-bà), trên bờ hồ sen Gaggarā (Già-già) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Sāriputta bảo các vị Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo.

– Thưa Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy đáp Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Sāriputta nói như sau:

Tôi nói thập thượng pháp,
Pháp đưa đến Niết-bàn,
Diệt trừ mọi khổ đau,
Giải thoát mọi triền phược.

351. Này các Hiền giả, một pháp có nhiều tác dụng, một pháp cần phải tu tập, một pháp cần phải biến tri, một pháp cần phải đoạn trừ, một pháp chịu phần tai hại, một pháp đưa đến thù thắng, một pháp rất khó thể nhập, một pháp cần được sanh khởi, một pháp cần được thắng tri, một pháp cần được tác chứng.

1) Thế nào là một pháp có nhiều tác dụng? Bất phóng dật đối với các thiện pháp. Đó là một pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là một pháp cần được tu tập? Niệm thân câu hữu với khả ý. Đó là một pháp cần được tu tập.

3) Thế nào là một pháp cần phải biến tri? Xúc hữu lậu hữu thủ. Đó là một pháp cần phải biến tri.

4) Thế nào là một pháp cần phải đoạn trừ? Ngã mạn. Đó là một pháp cần phải đoạn trừ.

---

[1] Xem *D*. II. 55, 72; III. 207; *M*. I. 101; II. 1; III. 215; *A*. I. 39; II. 14, III. 207, 248, 280; IV. 39, 225, 228, 305, 306, 332, 348, 349, 408, 410, 460; V. 17, 23, 29, 46, 59, 131, 150, 215; *Ud*. 85; *It*. 118; *Pv*. 112; *Netti*. 87; *Vbh*. 345; *Kvu*. 413, 569. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0052c17). Tham chiếu: *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T*.01. 0001.9. 0049b27); *Tăng nhất kinh* 增一經 (*T*.01. 0001.11. 0057b26); *Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh* 佛說大集法門經 (*T*.01. 0012. 0226c03); *Trường A-hàm thập báo pháp kinh* 長阿含十報法經 (*T*.01. 0013. 0233b23); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T*.01. 0026.206. 0780b15); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.5. 0712a09); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.5. 0730c19); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.4. 0817a16).

5) Thế nào là một pháp chịu phần tai hại? Bất chánh tác ý. Đó là một pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là một pháp đưa đến thù thắng? Chơn chánh tác ý. Đó là một pháp đưa đến thù thắng.

7) Thế nào là một pháp rất khó thể nhập? Vô gián tâm định. Đó là một pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là một pháp cần được sanh khởi? Bất động trí. Đó là một pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là một pháp cần được thắng tri? Tất cả loài hữu tình do vật thực mà tồn tại. Đó là một pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là một pháp cần được tác chứng? Bất động tâm giải thoát. Đó là một pháp cần được tác chứng.

Như vậy, mười pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

352. Có hai pháp có nhiều tác dụng, có hai pháp cần phải tu tập, có hai pháp cần phải biến tri, có hai pháp cần phải đoạn trừ, có hai pháp chịu phần tai hại, có hai pháp đưa đến thù thắng, có hai pháp rất khó thể nhập, có hai pháp cần được sanh khởi, có hai pháp cần được thắng tri, có hai pháp cần được tác chứng.

1) Thế nào là hai pháp có nhiều tác dụng? Niệm và tỉnh giác. Đó là hai pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là hai pháp cần phải tu tập? Chỉ và quán. Đó là hai pháp cần phải tu tập.

3) Thế nào là hai pháp cần được biến tri? Danh và sắc. Đó là hai pháp cần được biến tri.

4) Thế nào là hai pháp cần phải đoạn trừ? Vô minh và hữu ái. Đó là hai pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là hai pháp chịu phần tai hại? Ác ngôn và ác hữu. Đó là hai pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là hai pháp hướng đến thù thắng? Thiện ngôn và thiện hữu. Đó là hai pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là hai pháp rất khó thể nhập? Nhân và duyên làm ác nhiễm các loài hữu tình, nhân và duyên làm thanh tịnh các loài hữu tình. Đó là hai pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là hai pháp cần được sanh khởi? Tận trí và vô sanh trí. Đó là hai pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là hai pháp cần được thắng tri? Hai giới: Hữu vi giới và vô vi giới. Đó là hai pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là hai pháp cần được tác chứng? Minh và giải thoát. Đó là hai pháp cần được tác chứng.

Như vậy, hai mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

353. Có ba pháp có nhiều tác dụng, có ba pháp cần được tu tập... ba pháp cần được tác chứng.

1) Thế nào là ba pháp có nhiều tác dụng? Giao thiệp với thiện nhân, nghe diệu pháp, hành trì pháp và tùy pháp. Đó là ba pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là ba pháp cần phải tu tập? Ba định: Hữu tầm hữu tứ định, vô tầm hữu tứ định, vô tầm vô tứ định. Đó là ba pháp cần phải tu tập.

3) Thế nào là ba pháp cần phải biến tri? Ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đó là ba pháp cần phải biến tri.

4) Thế nào là ba pháp cần phải đoạn trừ? Ba ái: Dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Đó là ba pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là ba pháp chịu phần tai hại? Ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn. Đó là ba pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là ba pháp đưa đến thù thắng? Ba thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn, vô si thiện căn. Đó là ba pháp đưa đến thù thắng.

7) Thế nào là ba pháp rất khó thể nhập? Ba xuất yếu giới: Xuất ly khỏi các dục, tức là ly dục; xuất ly khỏi các sắc pháp, tức là vô sắc; phàm pháp gì hiện hữu, hữu vi, do duyên khởi, sự xuất ly khỏi pháp ấy tức là diệt. Đó là ba pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là ba pháp cần phải sanh khởi? Ba trí: Trí đối với quá khứ, trí đối với tương lai, trí đối với hiện tại. Đó là ba pháp cần phải sanh khởi.

9) Thế nào là ba pháp cần được thắng tri? Ba giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Đó là ba pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là ba pháp cần được tác chứng? Ba minh: Túc mạng trí minh, hữu tình sanh diệt trí minh, chư lậu tận trí minh. Đó là ba pháp cần được tác chứng.

Như vậy, ba mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

354. Có bốn pháp có nhiều tác dụng, có bốn pháp cần được tu tập... bốn pháp cần được tác chứng.

1) Thế nào là bốn pháp có nhiều tác dụng? Bốn bánh xe: Trú ở vùng thích hợp, thân cận thắng nhân, chánh nguyện tự thân, tạo phước trong quá khứ. Đó là bốn pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là bốn pháp cần phải tu tập? Bốn niệm xứ. Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để diệt trừ tham ưu ở đời; quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để diệt trừ tham ưu ở đời. Đó là bốn pháp cần phải tu tập.

3) Thế nào là bốn pháp cần phải biến tri? Bốn thực: Đoàn thực loại cứng hay loại mềm [là thứ nhất], xúc thực là thứ hai, tư niệm thực là thứ ba, thức thực là thứ tư. Đó là bốn pháp cần phải biến tri.

4) Thế nào là bốn pháp cần phải đoạn trừ? Bốn bộc lưu: Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu. Đó là bốn pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là bốn pháp chịu phần tai hại? Bốn ách: Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Đó là bốn pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là bốn pháp hướng đến thù thắng? Bốn ly ách: Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách. Đó là bốn pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là bốn pháp rất khó thể nhập? Bốn định: Xả phần định, chỉ phần định, thắng phần định, quyết trạch phần định. Đó là bốn pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là bốn pháp cần được sanh khởi? Bốn trí: Pháp trí, tùng thuận trí, tha tâm trí, thế tục trí. Đó là bốn pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là bốn pháp cần được thắng tri? Bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là bốn pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là bốn pháp cần được tác chứng? Bốn Sa-môn quả: Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả. Đó là bốn pháp cần được tác chứng.

Như vậy, bốn mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không phải sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

355. Có năm pháp có nhiều tác dụng, có năm pháp cần phải tu tập... có năm pháp cần phải tác chứng.

1) Thế nào là năm pháp có nhiều tác dụng?

Năm cần chi: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Vị ấy ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình hợp với sự tinh tấn. Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né đối với các thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sự sanh diệt của các pháp, thành tựu Thánh quyết trạch, đưa đến sự đoạn diệt chơn chánh các khổ đau. Đó là năm pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là năm pháp cần được tu tập?

Năm chánh định chi: Hỷ biến mãn, lạc biến mãn, tâm biến mãn, quang biến mãn, quán sát tướng. Đó là năm pháp cần được tu tập.

3) Thế nào là năm pháp cần phải biến tri?

Năm thủ uẩn: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Đó là năm pháp cần phải biến tri.

4) Thế nào là năm pháp cần phải đoạn trừ?

Năm triền cái: Tham dục triền cái, sân triền cái, thụy miên hôn trầm triền cái, trạo cử hối quá triền cái, nghi triền cái. Đó là năm pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là năm pháp chịu phần tai hại?

Năm tâm hoang vu: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo sư. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo sư, vị Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với Pháp... đối với Tăng... đối với học pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Này các Hiền giả, khi một vị Tỷ-kheo tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu, vị Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Như vậy gọi là tâm hoang vu thứ năm. Đó là năm pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là năm pháp hướng đến thù thắng?

Năm căn: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đó là năm pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là năm pháp rất khó thể nhập?

Năm giới hướng đến giải thoát: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo có tác ý đến dục, tâm không hướng nhập các dục, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi các dục. Khi vị này có tác ý đối với ly dục, tâm hướng nhập ly dục, có tín lạc, có an trú và bị chi phối bởi ly dục, tâm của vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các dục. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các dục, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với các dục.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến sân hận, tâm không hướng nhập sân hận, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sân hận. Khi vị này có tác ý đối với vô sân, tâm hướng nhập vô sân, có tín lạc, có an trú, có bị chi phối bởi vô sân, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với vô sân. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với sân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sân hận.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến hại tâm, tâm không hướng nhập hại tâm, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi hại tâm. Khi vị này có tác ý đối với ly hại tâm, tâm hướng nhập ly hại tâm, có tín lạc, có an trú, bị chi phối bởi ly hại tâm, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ hại tâm. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với hại tâm, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với hại tâm.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến sắc, tâm không hướng nhập vào sắc, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sắc. Khi vị này có tác ý đối với vô sắc, tâm hướng nhập vô sắc, có tín lạc, có an trú, bị chi phối bởi vô sắc, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với sắc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với sắc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sắc.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có tác ý đến tự thân, tâm không hướng nhập tự thân, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi tự thân. Khi vị này có tác ý đối với thân diệt, tâm hướng nhập thân diệt, có tín lạc, có an trú, bị chi phối bởi thân diệt, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ thân diệt. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với tự thân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với tự thân. Đó là năm pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là năm pháp cần được sanh khởi?

Năm chánh định trí: "Đây là định đưa đến hiện tại lạc và lạc quả tương lai", tự mình khởi trí như vậy. "Định này thuộc bậc Thánh, xuất thế", tự mình khởi trí như vậy. "Định này thuộc hàng hiền thiện thực hành", tự mình khởi trí như vậy. "Định này là thanh lương, thù thắng, đạt được an tịnh, quy về nhất tâm, không cần nhắc bảo, không bị chống đối, không bị trở ngại", tự mình khởi trí như vậy. "Tôi với chánh niệm nhập định này, và với chánh niệm xuất định này", tự mình khởi trí như vậy. Đó là năm pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là năm pháp cần được thắng tri?

Năm giải thoát xứ: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo khi nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, vị này đối với pháp ấy hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, nhưng vị ấy theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Này các Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, vị ấy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không được nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp; cũng không theo điều đã nghe,

điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Vị ấy theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng, do vậy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. Vị ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy nên đối với pháp ấy hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ tư.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp; cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng; cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Vị Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo tùy theo khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ, nên đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, nên khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

Đó là năm pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là năm pháp cần được tác chứng?

Năm pháp uẩn: Giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Đó là năm pháp cần được tác chứng.

Như vậy, năm mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

356. Có sáu pháp có nhiều tác dụng, có sáu pháp cần phải tu tập... có sáu pháp cần được tác chứng.

1) Thế nào là sáu pháp có nhiều tác dụng?

Sáu hòa kính pháp: Này các Hiền giả, ở đây, khi vị Tỷ-kheo thành tựu từ thân nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh

luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, lại nữa, khi vị Tỷ-kheo thành tựu từ khẩu nghiệp, trước mặt hay sau lưng... vị Tỷ-kheo thành tựu từ ý nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo đối với các đồ vật được cúng dường một cách hợp pháp cho đến đồ vật nhận trong bình bát, đều đem chia đồng đều giữa các vị Tỷ-kheo có giới hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo khi những giới luật của vị này không bị phá hoại, không vi phạm, được kiên trì tuân hành, không có tỳ vết, làm người được giải thoát, được người trí tán thán, không uế tạp, hướng đến thiền định, vị Tỷ-kheo ấy giữ giới hạnh Sa-môn như vậy, trước mặt hay sau lưng với các vị đồng Phạm hạnh; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo sống đời sống được Chánh kiến hướng dẫn, chơn chánh, đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu với Chánh kiến như vậy, sống với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt hay sau lưng; như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp. Đó là pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là sáu pháp cần phải tu tập? Sáu tùy niệm xứ: Phật tùy niệm, Pháp tùy niệm, Tăng tùy niệm, giới tùy niệm, thí tùy niệm, thiên tùy niệm. Đó là sáu pháp cần phải tu tập.

3) Thế nào là sáu pháp cần phải biến tri? Sáu nội xứ: Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đó là sáu pháp cần phải biến tri.

4) Thế nào là sáu pháp cần phải đoạn trừ? Sáu nhóm ái: Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Đó là sáu pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là sáu pháp chịu phần tai hại? Sáu bất cung kính pháp: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo sống không cung kính, chống đối bậc Đạo sư, sống không cung kính, chống đối Pháp... Tăng... học pháp... bất phóng dật... sự tiếp đón niềm nở. Đó là sáu pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là sáu pháp hướng đến thù thắng? Sáu cung kính pháp: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo sống cung kính, không chống đối bậc Đạo sư... sống cung kính, không chống đối Pháp... Tăng... học pháp... bất phóng dật... sự tiếp đón niềm nở. Đó là sáu pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là sáu pháp rất khó thể nhập?

Sáu giới hướng đến giải thoát. Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt! Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy,

trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà sân tâm vẫn ngự trị, an trú, sự kiện không thể xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, từ tâm giải thoát có khả năng giải thoát sân tâm.

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà hại tâm vẫn ngự trị, an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, bi tâm giải thoát có khả năng giải thoát hại tâm.

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, bất lạc tâm vẫn ngự trị, an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, hỷ tâm giải thoát có khả năng giải thoát bất lạc tâm.

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà tham tâm vẫn ngự trị, an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, xả tâm giải thoát có khả năng giải thoát tham tâm.

Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, thức của ta vẫn chạy theo các tướng." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy." Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu ai tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho

sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, Vô tướng tâm giải thoát có khả năng giải thoát tất cả tướng.

Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: “Quan điểm ‘tôi có mặt’ bị tôi từ khước, quan điểm ‘tôi là cái này’ không được tôi chấp nhận; tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do dự vẫn ám ảnh, an trú nơi tôi.” Vị ấy cần phải được nói như sau: “Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy.” Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. “Quan điểm ‘tôi có mặt’ bị tôi từ khước, quan điểm “tôi là cái này” không được tôi chấp thuận; tuy vậy, nghi ngờ, do dự vẫn ám ảnh, an trú nơi tôi”, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, chính nhờ khước từ sự ngạo mạn “tôi có mặt” mà mũi tên do dự, nghi ngờ được giải thoát.

Đó là sáu pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là sáu pháp cần phải sanh khởi? Sáu hằng trú. Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo mắt thấy sắc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác; tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Đó là sáu pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là sáu pháp cần được thắng tri? Sáu vô thượng: Kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi đắc vô thượng, giới vô thượng, phụng sự vô thượng, tùy niệm vô thượng. Đó là sáu pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là sáu pháp cần được tác chứng? Sáu thắng trí. Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo chứng được nhiều loại thần thông... với thân có thể đến Phạm thiên giới. Với Thiên nhĩ thanh tịnh vượt khỏi loài người, vị ấy nghe được hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần. Với tâm của mình, vị ấy có thể biết tâm của các loài hữu tình khác, của các người khác, như tâm có tham thì biết tâm có tham... tâm không giải thoát thì biết tâm không giải thoát; vị ấy nhớ đến rất nhiều đời trước, như một đời... nhớ đến nhiều đời trước với các nét đại cương và các chi tiết.

Với Thiên nhãn thuần tịnh vượt quá loài người, vị ấy thấy chúng sanh đang sanh, đang tử ; biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người hạnh phúc, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của mình. Với sự diệt trừ các lậu hoặc sau khi tự tri, tự chứng ngay trong đời hiện tại, vị ấy đạt đến và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Đó là sáu pháp cần được tác chứng.

Như vậy, sáu mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không có sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

357. Có bảy pháp có nhiều tác dụng, có bảy pháp cần được tu tập... có bảy pháp cần được tác chứng.

1) Thế nào là bảy pháp có nhiều tác dụng? Bảy tài sản: Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài. Đó là bảy pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là bảy pháp cần phải tu tập? Bảy giác chi: Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Đó là bảy pháp cần phải tu tập.

3) Thế nào là bảy pháp cần phải biến tri? Bảy thức trú: Này các Hiền giả, có các loại hữu tình thân sai biệt và tưởng sai biệt như loài người, một số chư thiên và một số thuộc đọa xứ, đó là loại thức trú thứ nhất. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt nhưng tưởng đồng loại như các vị Phạm Chúng thiên vừa mới sanh lần đầu tiên [hay do tu Sơ thiền], đó là loại thức trú thứ hai. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thân đồng loại nhưng tưởng sai biệt như các vị Quang Âm thiên, đó là loại thức trú thứ ba. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thân đồng loại và tưởng đồng loại như các vị Biến Tịnh thiên, đó là loại thức trú thứ tư. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình vượt khỏi mọi tưởng về sắc, điều phục mọi tưởng về sân, không tác ý đến các tưởng sai biệt, chứng Không vô biên xứ: "Hư không là vô biên", đó là loại thức trú thứ năm. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Hư không vô biên xứ, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên", đó là loại thức trú thứ sáu. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì cả", đó là loại thức trú thứ bảy.

Bảy loại người đáng kính trọng: Câu phần giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Kiến chí, Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.

Bảy tùy miên: Dục ái tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên.

Bảy kiết sử: Ái kiết sử, sân kiết sử, kiến kiết sử, nghi kiết sử, mạn kiết sử, hữu tham kiết sử, vô minh kiết sử.

Bảy diệt tránh pháp: Có khả năng đình chỉ, trừ diệt các tránh pháp đang khởi lên: Ưng dữ hiện tiền tỳ-ni, Ưng dữ ức niệm tỳ-ni, Ưng dữ bất si tỳ-ni, Ưng dữ tự ngôn trị, Đa mích tội tướng, Đa nhơn mích tội, Như thảo phú địa.

Đó là bảy pháp cần phải biến tri.

4) Thế nào là bảy pháp cần phải đoạn trừ? Bảy tùy miên: Tham dục tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên. Đó là bảy pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là bảy pháp chịu phần tai hại? Bảy phi diệu pháp. Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ-kheo bất tín, vô tàm, vô quý, thiểu văn, giải đãi, thất niệm, ác tuệ. Như vậy là bảy pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là bảy pháp hướng đến thù thắng? Bảy diệu pháp. Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ-kheo có lòng tin, có tàm, có quý, đa văn, tinh cần, niệm hiện tiền, có trí tuệ. Như vậy là bảy pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là bảy pháp rất khó thể nhập? Bảy Thượng nhân pháp. Này các

Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tri pháp, tri nghĩa, tri ngã, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nhân. Như vậy là bảy pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là bảy pháp cần phải sanh khởi? Bảy tưởng: Vô thường tưởng, vô ngã tưởng, bất tịnh tưởng, quá hoạn tưởng, đoạn trừ tưởng, ly tham tưởng, diệt tưởng. Như vậy là bảy pháp cần phải sanh khởi.

9) Thế nào là bảy pháp cần phải thắng tri?

Bảy thù diệu sự: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tha thiết hành trì học pháp và khát vọng hành trì học pháp trong tương lai, tha thiết quán pháp và khát vọng quán pháp trong tương lai, tha thiết điều phục các dục vọng và khát vọng điều phục các dục vọng trong tương lai, tha thiết sống an tịnh và khát vọng sống an tịnh trong tương lai, tha thiết sống tinh tấn và khát vọng sống tinh tấn trong tương lai, tha thiết quán sát tư niệm và khát vọng quán sát tư niệm trong tương lai, tha thiết với kiến giải và khát vọng hiểu biết sở kiến trong tương lai.

Bảy tưởng: Vô thường tưởng, vô ngã tưởng, bất tịnh tưởng, hoạn nạn tưởng, đoạn tưởng, ly tham tưởng, diệt tưởng.

Bảy lực: Tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Như vậy là bảy pháp cần phải thắng tri.

10) Thế nào là bảy pháp cần được tác chứng? Bảy lậu tận lực: Này các Hiền giả, ở đây, vị Lậu tận Tỷ-kheo chánh quán như chơn tánh vô thường của tất cả pháp hữu vi với chánh tuệ. Này các Hiền giả, do vị Lậu tận Tỷ-kheo chánh quán như chơn với chánh tuệ tánh vô thường của tất cả pháp hữu vi, đây là lực của vị Lậu tận Tỷ-kheo ấy. Nhờ lực ấy, vị Lậu tận Tỷ-kheo biết được sự diệt tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc của ta đã được diệt tận."

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Lậu tận Tỷ-kheo chánh quán như chơn với chánh tuệ các dục vọng như hố lửa than hừng... Này các Hiền giả, do... "Các lậu hoặc của ta đã được diệt tận." Này các Hiền giả, lại nữa, vị Lậu tận Tỷ-kheo tâm hướng xuất ly, tâm thiên xuất ly, tâm nặng về xuất ly, tâm lấy xuất ly làm mục đích, tâm hoan hỷ ly dục, đoạn trừ hoàn toàn mọi lậu hoặc trú. Này các Hiền giả, do... "Các lậu hoặc của ta đã được diệt tận." Này các Hiền giả, lại nữa, đối với vị Lậu tận Tỷ-kheo, Bốn niệm an trú được tu tập, khéo tu tập. Này các Hiền giả, do... "Các lậu hoặc của ta đã được diệt tận." Này các Hiền giả, lại nữa, đối với vị Lậu tận Tỷ-kheo, Năm căn được tu tập, khéo tu tập. Này các Hiền giả, do... "Các lậu hoặc của ta đã được diệt tận."

Này các Hiền giả, lại nữa, đối với vị Lậu tận Tỷ-kheo, Bảy giác chi đã được tu tập, khéo tu tập. Này các Hiền giả, do... "Các lậu hoặc của ta đã được diệt tận." Này các Hiền giả, lại nữa, đối với vị Lậu tận Tỷ-kheo, Bát Thánh đạo đã tu tập, khéo tu tập. Này các Hiền giả, do vị Lậu tận Tỷ-kheo đã tu tập, khéo tu tập Bát Thánh đạo, đây là sức mạnh của vị Lậu tận Tỷ-kheo. Nhờ sức mạnh ấy, vị Lậu tận Tỷ-kheo biết được: "Các lậu hoặc của ta đã được diệt tận." Như vậy là bảy pháp cần được tu chứng.

Như vậy, bảy mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không phải sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

Tụng phẩm II

358. Có tám pháp có nhiều tác dụng..., có tám pháp cần phải tu chứng.

1) Thế nào là tám pháp có nhiều tác dụng?

Có tám nhân, tám duyên đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được. Thế nào là tám? Này các Hiền giả, ở đây, ai sống gần bậc Đạo sư hoặc một vị đồng Phạm hạnh đáng tôn kính, nhờ vậy mà tàm quý được sắc sảo, ái lạc và cung kính được an trú. Như vậy là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được. Ai sống gần bậc Đạo sư hoặc một vị đồng Phạm hạnh đáng tôn kính, nhờ vậy mà tàm quý được sắc sảo, ái lạc và cung kính được an trú. Người này thỉnh thoảng đến các vị ấy và đặt những câu hỏi: "Này Tôn giả, vấn đề này là thế nào? Vấn đề này nghĩa như thế nào?" Và các vị này đối với người ấy, nêu rõ những gì bị che khuất, phơi bày ra những gì bị giấu kín, và diệt trừ mọi nghi ngờ đối với những vấn đề đang còn nghi ngờ. Như vậy là nhân thứ hai, duyên thứ hai đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được. Sau khi đã nghe pháp, vị này được hai sự an tịnh, an tịnh về thân và an tịnh về tâm. Như vậy là nhân thứ ba, duyên thứ ba đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong các học pháp. Như vậy là nhân thứ tư, duyên thứ tư đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo đa văn, ghi nhớ điều đã nghe, chất chứa điều đã nghe. Với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, đề cao Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Những pháp ấy, vị ấy nghe nhiều, gìn giữ, ghi nhớ, nhờ lặp đi lặp lại, tâm ý suy tư, suy xét, khéo thành đạt chánh trí. Như vậy là nhân thứ năm, duyên thứ năm đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, vững chắc, kiên trì đối với các thiện pháp. Như vậy là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có chánh niệm, có chánh niệm tối thượng và phân tích rõ ràng ghi nhận, nhớ rõ điều làm đã lâu ngày, nói đã lâu ngày. Như vậy là nhân thứ bảy, là duyên thứ bảy đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo sống quán sát sự sanh diệt của năm thủ uẩn: Đây là sắc, đây là tập của sắc, đây là diệt của sắc. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là tập của thức, đây là diệt của thức. Như vậy là nhân thứ tám, duyên thứ tám đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản Phạm hạnh nếu chưa chứng được; đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn, nếu đã chứng được. Như vậy là tám pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là tám pháp cần phải tu tập?

Tám Thánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Đây là tám pháp cần phải tu tập.

3) Thế nào là tám pháp cần phải biến tri?

Tám thế pháp: Đắc và không đắc, không có thanh danh và có thanh danh, chê và khen, lạc và khổ. Như vậy là tám pháp cần phải biến tri.

4) Thế nào tám pháp cần được đoạn trừ?

Tám tà: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Như vậy là tám pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là tám pháp chịu phần tai hại? Tám giải đãi sự: Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo phải làm một công việc. Vị này nghĩ: "Có công việc ta sẽ phải làm. Nếu ta làm việc, thời thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là giải đãi sự thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, một việc đã được vị Tỷ-kheo làm. Vị này nghĩ: "Ta đã làm một công việc. Do ta làm một công việc nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ-kheo phải đi. Vị này nghĩ: "Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ-kheo đã đi. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường này. Do ta đã đi con đường này nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ tư.

Này các Hiền giả, có vị Tỷ-kheo đi khất thực ở làng hay tại đô thị, không

nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khất thực ở làng hay đô thị, không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta bị mệt mỏi không lợi ích gì. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ năm.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo trong khi đi khất thực tại làng hay đô thị, nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khất thực tại làng hay tại đô thị, nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta nặng nề, không làm được gì, như một nhóm đậu. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ sáu.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị này nghĩ: "Nay ta bị đau bệnh nhẹ, cần phải nằm nghỉ. Vậy ta nên nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ bảy.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Thân này của ta yếu đuối, không làm được việc gì. Vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là giải đãi sự thứ tám.

Như vậy là tám pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là tám pháp hướng đến thù thắng?

Tám tinh tấn sự: Này các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ-kheo phải làm. Vị ấy nghĩ: "Có công việc ta sẽ phải làm, nếu ta làm việc thì không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được." Và vị ấy tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là tinh tấn sự thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo đã làm xong công việc. Vị ấy nghĩ: "Ta đã làm xong công việc. Khi ta làm công việc, ta không thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta phải cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ-kheo phải đi. Vị này nghĩ: "Đây là con đường mà ta có thể sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo đã đi con đường. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường ấy. Khi ta đi con đường ấy, ta không có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ tư.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân ta như vậy nhẹ nhàng, có thể làm việc. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ năm.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, được các loại đồ ăn loại cứng hay loại đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Như vậy thân ta mạnh, có thể làm việc. Vậy Ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ sáu.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị ấy nghĩ: "Ta nay bị đau bệnh nhẹ, sự kiện này có thể xảy ra, bệnh này có thể trầm trọng hơn. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ bảy.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Sự kiện này có thể xảy ra, bệnh của ta có thể trở lại. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, thành tựu điều chưa thành tựu được, chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được." Và vị ấy tinh tấn để đạt điều chưa đạt được, thành tựu điều chưa thành tựu được và chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là tinh tấn sự thứ tám.

Như vậy là tám pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là tám pháp rất khó thể nhập?

Phạm hạnh trú, tám bất thời bất tiết: Này các Hiền giả, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào địa ngục. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào bàng sanh. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ hai.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào ngạ quỷ. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ ba.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào hàng chư thiên được thọ mạng lâu dài. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tư.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh

Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào các biên địa, giữa các loài mọi rợ vô trí, những chỗ mà các hàng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ không có đất đứng. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ năm.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy được sanh vào trung tâm các quốc độ, nhưng lại theo tà kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có cúng tế; không có quả báo các hành vi thiện, ác; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha; không có các loài hóa sanh; không có các vị Sa-môn, Bà-la-môn đã chứng đạt chơn chánh, đã thực hành chơn chánh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ thế giới này với thế giới sau và tuyên thuyết. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ sáu.

Này các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sinh vào trung tâm các quốc độ, nhưng ác tuệ, ngu si, điếc, ngọng, không biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ bảy.

Này các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời, pháp đưa đến an tịnh, hướng đến Niết-bàn, tiến đến giác ngộ không được thuyết giảng, không được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào trung tâm các quốc độ, có trí tuệ, không ngu si, không điếc ngọng, biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tám.

Như vậy là tám pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là tám pháp cần được sanh khởi? Tám đại nhân tầm: Pháp này cho người thiểu dục, pháp này không phải cho người đa dục; pháp này cho người tri túc, pháp này không phải cho người không tri túc; pháp này cho người an tịnh độc cư, pháp này không phải cho người ưa tụ hội; pháp này cho người siêng năng tinh tấn, pháp này không phải cho người giải đãi; pháp này cho người có niệm hiện tiền, pháp này không phải cho người thất niệm; pháp này cho người có định tâm, pháp này không phải cho người không có định tâm; pháp này cho người có trí tuệ, pháp này không phải cho người có ác tuệ; pháp này cho người không ưa thích lý luận, pháp này không phải cho người ưa thích lý luận. Như vậy là tám pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là tám pháp cần được thắng tri?

Tám thắng xứ: Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh, như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, như bông Kaṇikāra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, như bông Bandhujīvaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, như sao mai Osadhī màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám.

Như vậy là tám pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là tám pháp cần được chứng ngộ?

Tám giải thoát: Tự mình có sắc, thấy các sắc, đó là giải thoát thứ nhất.

Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc, đó là giải thoát thứ hai.

Quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy, đó là giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ, đó là giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng, đó là giải thoát thứ tám.

Như vậy là tám pháp cần được chứng ngộ.

Như vậy, tám mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không phải sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

359. Có chín pháp có nhiều tác dụng... có chín pháp cần được chứng ngộ.

1) Thế nào là chín pháp có nhiều tác dụng?

Chín pháp chánh tư duy về căn pháp: Do chánh tư duy, hân hoan sanh; do hân hoan, hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh; do tâm định tĩnh, biết được, thấy được sự vật như chơn; do biết, thấy như chơn, yểm ly sanh; do yểm ly, ly dục sanh; do ly dục, vị ấy được giải thoát. Như vậy là chín pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là chín pháp cần phải tu tập?

Chín thanh tịnh cần chi: Giới hạnh thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tâm thanh tịnh thanh tịnh cần chi, kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đoạn nghi thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đạo tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tuệ thanh tịnh thanh tịnh cần chi, giải thoát thanh tịnh thanh tịnh cần chi. Như vậy là chín pháp cần được tu tập.

3) Thế nào là chín pháp cần được biến tri?

Chín hữu tình trú: Này các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt, tưởng sai biệt như loài người, một số chư thiên và một số ở tại các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt, tưởng đồng nhất như các vị Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai. Này các Hiền giả, có loài hữu tình thân đồng nhất, tưởng sai biệt như các vị Quang Âm thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba. Này các Hiền giả, có loài hữu tình thân đồng nhất, tưởng đồng nhất như các vị Biến Tịnh thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình không có tưởng, không có thọ như các vị Vô Tưởng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tưởng một cách

hoàn toàn, diệt trừ các sân tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, chứng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên." Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên." Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì." Đó là hữu tình trú xứ thứ tám. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

Như vậy là chín pháp cần được biến tri.

4) Thế nào là chín pháp cần phải đoạn trừ?

Chín ái căn pháp: Do duyên ái, tầm cầu sanh; do duyên tầm cầu, đắc lợi sanh; do duyên đắc lợi, phân biệt sanh; do duyên phân biệt, tham dục sanh; do duyên tham dục, thủ trước sanh; do duyên thủ trước, chấp trì sanh; do duyên chấp trì, xan tham sanh; do duyên xan tham, hộ trì sanh; do duyên hộ trì, chấp trượng, chấp kiếm, tránh tụng, tranh luận, tương phản, ly gián ngữ, vọng ngôn và các ác, bất thiện pháp khai sanh. Như vậy là chín pháp cần phải đoạn trừ.

5) Thế nào là chín pháp chịu phần tai hại?

Chín xung đột sự: "Người ấy đã làm hại tôi", xung đột khởi lên; "Người ấy đang làm hại tôi", xung đột khởi lên; "Người ấy sẽ làm hại tôi", xung đột khởi lên; "Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến... "Người ấy đang làm hại... "Người ấy sẽ làm hại... xung đột khởi lên. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến... "Người ấy đang làm lợi... "Người ấy sẽ làm lợi... xung đột khởi lên. Như vậy là chín pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là chín pháp hướng đến thù thắng?

Chín sự điều phục xung đột: "Người ấy đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến... "Người ấy đang làm hại... "Người ấy sẽ làm hại người tôi thương, người tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến... "Người ấy đang làm lợi... "Người ấy sẽ làm lợi... Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục. Như vậy là chín pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là chín pháp rất khó thể nhập?

Chín loại sai biệt: Do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh; do duyên thọ sai biệt, tưởng sai biệt sanh; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm

cầu sai biệt sanh; do duyên tầm cầu sai biệt, đắc lợi sai biệt sanh. Như vậy là chín pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là chín pháp cần được sanh khởi?

Chín tưởng: Bất tịnh tưởng, tử tưởng, thực yểm ly tưởng, nhứt thiết thế gian bất lạc tưởng, vô thường tưởng, khổ tưởng trên vô thường, vô ngã tưởng trên khổ, đoạn trừ tưởng, vô tham tưởng. Như vậy là chín pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là chín pháp cần được thắng tri?

Chín thứ đệ trú: Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ-kheo ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú vào Thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh; diệt tầm diệt tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi trừ diệt các hữu đối tưởng, không có tác ý với các sai biệt tưởng, chứng và trú Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên." Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên." Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Vô sở hữu xứ: "Không có sự vật gì tất cả." Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.

Như vậy là chín pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là chín pháp cần được chứng ngộ?

Chín thứ đệ diệt: Thành tựu Sơ thiền, các dục tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Đệ nhị thiền, các tầm tứ bị đoạn diệt; thành tựu Đệ tam thiền, hỷ bị đoạn diệt; thành tựu Đệ tứ thiền, hơi thở vào hơi thở ra bị đoạn diệt; thành tựu Hư không vô biên xứ, sắc tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Thức vô biên xứ, Hư không vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng bị đoạn diệt; thành tựu Diệt thọ tưởng định, các tưởng và các thọ bị đoạn diệt. Như vậy là chín pháp cần được chứng ngộ.

Như vậy, chín mươi pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không phải sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

360. Có mười pháp có nhiều tác dụng... có mười pháp cần được giác ngộ.

1) Thế nào là mười pháp có nhiều tác dụng?

Mười hộ trì nhân pháp:

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ những gì đã nghe,

chất chứa những gì đã nghe. Những pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú nghĩa lý cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào nghe nhiều... khéo thành tựu nhờ chánh kiến, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo là thiện hữu, thiện bạn lữ, là thiện bạn đảng, là hộ trì nhân. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào là thiện hữu, là thiện bạn lữ, là thiện bạn đảng, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo thiện ngôn, đầy đủ sự nhu hòa và khiêm nhường, nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào thiện ngôn... nhận sự chỉ trích một cách cung kính, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo khi nào đối với các vị đồng Phạm hạnh niên lạp cao hơn có những trách nhiệm cần phải làm, vị ấy khéo léo, không có biếng nhác, suy tư một cách đầy đủ các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Này các Hiền giả, một vị Tỷ-kheo nào đối với các vị đồng Phạm hạnh... vừa đủ để tổ chức, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, có vị Tỷ-kheo ưa pháp, ái luyến nói pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào ưa pháp... vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo tự mình bằng lòng với các vật dụng nhận được như y phục, ẩm thực, sàng tọa, bệnh dược. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào tự bằng lòng... pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo sống tinh tấn siêng năng đoạn trừ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì tinh tấn, nhẫn trì, không phế bỏ các thiện pháp. Này các Hiền giả, một vị Tỷ-kheo nào sống tinh tấn siêng năng... nhẫn trì không phế bỏ các thiện pháp, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo chánh niệm, đầy đủ tối thượng niệm và tỉnh giác, nhớ đến và ghi nhớ những điều nói và làm từ lâu. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào có chánh niệm... ghi nhớ những điều đã nói và làm từ lâu, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo có huệ trí, đầy đủ sanh diệt trí, hướng đến sự quyết trạch các bậc Thánh, chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nào có huệ trí... chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ, pháp như vậy là hộ trì nhân.

Như vậy là mười pháp có nhiều tác dụng.

2) Thế nào là mười pháp cần phải tu tập?

Mười biến xứ: Một vị nào biết được địa biến xứ: Trên, dưới, ngang, bất nhị,

vô lượng. Một vị biết được thủy biến... Một vị biết được hỏa biến... Một vị biết được phong biến... Một vị biết được thanh biến... Một vị biết được hoàng biến... Một vị biết được xích biến... Một vị biết được bạch biến... Một vị biết được hư không biến... Một vị biết được thức biến, trên dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Như vậy là mười pháp cần phải tu tập.

3) Thế nào là mười pháp cần phải biến tri?

Mười xứ: Nhãn xứ, sắc xứ, tỷ xứ, thanh xứ, nhĩ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ. Như vậy là mười pháp cần được biến tri.

4) Thế nào là mười pháp cần phải đoạn trừ? Mười tà pháp: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Như vậy là mười pháp cần được đoạn trừ.

5) Thế nào là mười pháp chịu phần tai hại?

Mười bất thiện nghiệp đạo: Sát sanh, thâu đạo, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham, sân, si. Như vậy là mười pháp chịu phần tai hại.

6) Thế nào là mười pháp hướng đến thù thắng?

Mười thiện nghiệp đạo: Ly sát sanh, ly thâu đạo, ly tà dâm, ly vọng ngôn, ly lưỡng thiệt, ly ác khẩu, ly ỷ ngữ, ly tham, ly sân, ly tà kiến. Như vậy là mười pháp hướng đến thù thắng.

7) Thế nào là mười pháp rất khó thể nhập?

Mười Thánh cư: Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ năm chi, đầy đủ sáu chi, một hộ trì, thực hiện bốn y chỉ, loại bỏ các giáo điều, đoạn tận các mong cầu, tâm tư không trệ phược, thân thể khinh an, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo đoạn trừ năm chi? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân, đoạn trừ hôn trầm thụy miên, đoạn trừ trạo hối, đoạn trừ nghi. Này các Hiền giả, như vậy là đoạn trừ năm chi. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo đầy đủ sáu chi? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo mắt thấy sắc, không có thích ý, không có phật ý, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác; tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có thích ý, không có phật ý, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ sáu chi. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo một hộ trì? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo thành tựu sự hộ trì về niệm. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo một hộ trì. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo có thực hiện bốn y chỉ? Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo sau khi suy tư, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư, đoạn trừ một pháp; sau khi suy tư, tránh xa một pháp. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo thực hiện bốn y chỉ. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo loại bỏ các giáo điều? Này các Hiền giả, ở đây, tất cả những giáo điều thông thường mà các vị Sa-môn thông thường chủ trương, vị Tỷ-kheo đều loại bỏ, bỏ qua một bên, không chấp nhận, tẩn xuất, từ bỏ, phóng xả. Này các Hiền giả, như vậy gọi là Tỷ-kheo loại bỏ các giáo điều.

Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo đoạn tận các mong cầu? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ các mong cầu về dục vọng, đoạn trừ các mong cầu về hiện hữu, làm cho an tịnh các mong cầu về Phạm hạnh. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo đoạn tận các mong cầu. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo tâm tư không trệ phược? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ các tâm tư dục vọng, đoạn trừ các tâm tư sân hận, đoạn trừ các tâm tư não hại. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo tâm tư không trệ phược. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo thân hành được khinh an? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, diệt các hỷ ưu từ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không lạc không khổ, xả niệm thanh tịnh. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo thân hành được khinh an. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo tâm khéo giải thoát? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tâm giải thoát khỏi tham, tâm giải thoát khỏi sân, tâm giải thoát khỏi si. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo tâm khéo giải thoát. Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo tuệ khéo giải thoát? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo biết rằng: "Tham tâm của ta đã được trừ, cắt tận gốc rễ, như cây Sa-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai." Vị ấy biết rằng: "Sân tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây Sa-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai." Vị ấy biết rằng: "Si tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây Sa-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai." Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo tuệ khéo giải thoát.

Như vậy là mười pháp rất khó thể nhập.

8) Thế nào là mười pháp cần được sanh khởi? Mười tưởng: Bất tịnh tưởng, tử tưởng, thực yểm ly tưởng, nhứt thiết thế gian bất lạc tưởng, vô thường tưởng, khổ tưởng trên vô thường, vô ngã tưởng trên khổ, đoạn tưởng, ly tham tưởng, diệt tưởng. Như vậy là mười pháp cần được sanh khởi.

9) Thế nào là mười pháp cần được thắng tri?

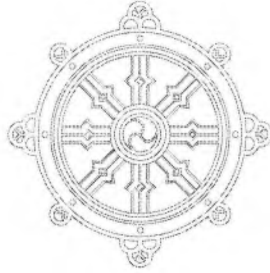
Mười đoạn tận sự: Tà kiến do chánh kiến đoạn tận; do duyên tà kiến, các ác, bất thiện pháp khởi lên, các pháp này được đoạn tận. Tà tư duy do chánh tư duy đoạn tận... Tà ngữ do chánh ngữ đoạn tận... Tà nghiệp cho chánh nghiệp đoạn tận... Tà mạng do chánh mạng đoạn tận... Tà tinh tấn do chánh tinh tấn đoạn tận… Tà niệm do chánh niệm đoạn tận... Tà định do chánh định đoạn tận... Tà trí do chánh trí đoạn tận... Tà giải thoát do chánh giải thoát đoạn tận; do duyên tà giải thoát, các ác, bất thiện pháp khởi lên, các pháp này được đoạn tận. Như vậy là mười pháp cần được thắng tri.

10) Thế nào là mười pháp cần được chứng ngộ?

Mười pháp vô học: Vô học chánh tri kiến, Vô học chánh tư duy, Vô học chánh ngữ, Vô học chánh nghiệp, Vô học chánh mạng, Vô học chánh tinh tấn, Vô học chánh niệm, Vô học chánh định, Vô học chánh trí, Vô học chánh giải thoát. Như vậy là mười pháp cần được chứng ngộ.

Như vậy, một trăm pháp này là chơn, thực, như thị, không phải không như thị, không phải sai khác, được Như Lai giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, các vị Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Sāriputta.



PHỤ LỤC 1
QUY CÁCH BIÊN TẬP
TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PTS

Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống PTS nhằm hỗ trợ cho các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pāli, Anh, Việt hoặc các ngôn ngữ khác. Nguồn PTS: www.tipitaka.org.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

* Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

* Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết Vô nhân luận, thuyết Luân hồi tịnh hóa, v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các từ chỉ quả vị, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Thiền thứ hai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.5. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỳ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.6. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, …

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3 Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Nhất Lai, bậc Vô Sanh, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

4.5. Pháp số Phật học

4.5.1. Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, ngũ uẩn, lục căn, thất bảo, bát công đức thủy, cửu thiền, thập pháp giới.

4.5.2. Viết hoa từ đầu đối với các thuật ngữ quan trọng hoặc là lộ trình tu tập mà bài kinh đó đang nhấn mạnh. Ví dụ: – Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn? (Trích *Kinh Trạm xe* (số 24) thuộc *Kinh Trung bộ*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài Dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số trang trong cước chú

- Trang 254-256 được viết là 254-56.

- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

- *S*. I. 70. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70.
- *Sn*. 140. Nghĩa là *Suttanipāta*, trang 140.
- *Vin*. II. 287. Nghĩa là *Vinaya*, tập II, trang 287.
- *Vbh*. 351. Nghĩa là *Vibhaṅga*, trang 351.
- *Kvu*. 401. Nghĩa là *Kathāvatthu*, trang 401.
- *DA*. I. 41-2. Nghĩa là *Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42.
- *Dh*. 10. Nghĩa là *Dhammapada*, kệ 10.
- *Thag*. 1196. Nghĩa là *Theragāthā*, kệ 1196.
- *J*. I. 389. Nghĩa là *Jātaka*, tập I, câu chuyện 389.
- *S*. 56.25: 1. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1.

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả các ấn bản tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản.

- *GS*. II. 42. Nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, translated by F. L. Woodward, London: PTS, 1933, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1. Nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), London: PTS, 1915, p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên kinh theo ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*).
- *M*. 60, *Apaṇṇaka Sutta* (*Kinh Không gì chuyển hướng*).

6.4. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli được viết như sau: Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara; S. Ābhāsvara; H. 光音天; E. The Radian gods).

6.5. Chú thích theo Hán văn

6.5.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.5.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.5.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.5.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04; 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* thứ 36; trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.5.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.5.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của *Bất đãi phẩm*, số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

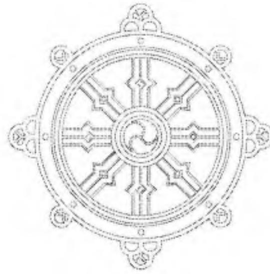
- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-a12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-a12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy bị thiếu, sót, nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc y theo cách dịch của chính dịch giả đã sử dụng trong dịch phẩm. Nhiều chú thích

vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng*.

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn tham chiếu của các cước chú.



PHỤ LỤC 2
ĐỐI CHIẾU KINH TRƯỜNG BỘ VÀ TRƯỜNG A-HÀM KINH

Số thứ tự của các kinh thuộc *Kinh Trường bộ* (*Dīgha Nikāya*) được ghi theo tạng Pāli. Số thứ tự các kinh trong *Trường A-hàm kinh* (長阿含經) được ghi theo *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh.*

KINH TRƯỜNG BỘ (*Dīgha Nikāya*)	**TRƯỜNG A-HÀM KINH** (長阿含經)	**CÁC KINH KHÁC**
A. Phẩm Giới uẩn (*Sīlakkhandhavagga*)		
01. *Kinh Phạm võng* (*Brahmajāla Sutta*)	21. *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12)	*Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20); *Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm luận* 舍利弗阿毘曇論 (*T*.28. 1548.19. 0656b19).
02. *Kinh Sa-môn quả* (*Sāmaññaphala Sutta*)	27. *Sa-môn quả kinh* 沙門果經 (*T*.01. 0001.27. 0107a20)	*Tịch chí quả kinh* 寂志果經 (*T*.01. 0022. 0270c27); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.43.7. 0762a07); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.154. 0043c21); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.155. 0044a01); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.156. 0044a11); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.157-160. 0044a22-b11); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.161. 0044b16); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.162. 0044b29); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.163. 0044c12); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T*.23. 1442.13. 0692b01).
03. *Kinh Ambaṭṭha* (*A-ma-trú*) (*Ambaṭṭha Sutta*)	20. *A-ma-trú kinh* 阿摩晝經 (*T*.01. 0001.20. 0082a06)	*Phật khai giải Phạm chí A-bạt kinh* 佛開解梵志阿颰經 (*T*.01. 0020. 0259c04).

04. *Kinh Chủng Đức* (*Soṇadaṇḍa Sutta*)	22. *Chủng Đức kinh* 種德經 (*T.*01. 0001.22. 0094a18)	
05. *Kinh Cứu-la-đàn-đầu* (*Kūṭadanta Sutta*)	23. *Cứu-la-đàn-đầu kinh* 究羅檀頭經 (*T.*01. 0001.23. 0096a16)	
06. *Kinh Mahāli* (*Mahāli Sutta*)	Không có kinh tương đương	
07. *Kinh Jāliya* (*Jāliya Sutta*)	Không có kinh tương đương	
08. *Kinh Ca-diếp Sư tử hống* (*Kassapasīhanāda Sutta*)	25. *Lõa hình Phạm chí kinh* 倮形梵志經 (*T.*01. 0001.25. 0102c25)	
09. *Kinh Poṭṭhapāda* (*Bố-sá-bà-lâu*) (*Poṭṭhapāda Sutta*)	28. *Bố-tra-bà-lâu kinh* 布吒婆楼經 (*T.*01. 0001.28. 0109c22)	
10. *Kinh Subha* (*Tu-bà*) (*Subha Sutta*)	Không có kinh tương đương	
11. *Kinh Kevaddha* (*Kiên Cố*) (*Kevaddha Sutta*)	24. *Kiên Cố kinh* 堅固經 (*T.*01. 0001.24. 0101b14)	
12. *Kinh Lohicca* (*Lộ-già*) (*Lohicca Sutta*)	29. *Lộ-già kinh* 露遮經 (*T.*01. 0001.29. 0112c20)	
13. *Kinh Tam minh* (*Tevijja Sutta*)	*Tam minh kinh* 三明經 (*T.*01. 0001.26. 0104c17)	

B. Đại phẩm (*Mahāvagga*)		
14. *Kinh Đại bổn* (*Mahāpadāna Sutta*)	01. *Đại bổn kinh* 大本經 (*T*.01. 0001.01. 0001b11)	*Phật thuyết Thất Phật kinh* 佛說七佛經 (*T*.01. 0002. 0150a03); *Tỳ-bà-thi Phật kinh* 毘婆尸佛經 (*T*.01. 0003. 0154b05); *Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh* 七佛父母姓字經 (*T*.01. 0004. 0159a27); *La-ma kinh* 羅摩經 (*T*.01. 0026.204. 0775c07); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.19.1. 0593a24); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.48.4. 0790a07); *Pháp tập yếu tụng kinh, Như Lai phẩm* 法集要頌經如來品 (*T*.04. 0213.21. 0787b22).
15. *Kinh Đại duyên* (*Mahānidāna Sutta*)	13. *Đại duyên phương tiện kinh* 大緣方便經 (*T*.01. 0001.13. 0060a29)	*Đại nhân kinh* 大因經 (*T*.01. 0026.97. 0578b07); *Phật thuyết Nhân bổn dục sanh kinh* 佛說人本欲生經 (*T*.01. 0014. 0241c23); *Phật thuyết Đại sanh nghĩa kinh* 佛說大生義經 (*T*.01. 0052. 0844b09); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.18. 0440c23).
16. *Kinh Đại Bát-niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*)	02. *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07)	*Phật Bát-nê-hoàn kinh* 佛般泥洹經 (*T*.01. 0005. 0160b05); *Bát-nê-hoàn kinh* 般泥洹經 (*T*.01. 0006. 0176a02); *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (*T*.01. 0007. 0191b02); *Địa động kinh* 地動經 (*T*.01. 0026.36. 0477b23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.28.5. 0652b13); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.42.5. 0753c11); *Xuất diệu kinh, Thủy phẩm* 出曜經水品 (*T*.04. 0212.18. 0706c07); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘柰耶雜事 (*T*.24. 1451.35. 0382b29).

17. *Kinh Đại Thiện Kiến Vương* (*Mahāsudassana Sutta*)	02. *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07)	*Đại Thiện Kiến Vương kinh* 大善見王經 (*T*.01. 0026.68. 0515b03); *Phật Bát-nê-hoàn kinh* 佛般泥洹經 (*T*.01. 0005. 0160b05); *Bát-nê-hoàn kinh* 般泥洹經 (*T*.01. 0006. 0176a02) *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (*T*.01. 0007. 0191b02); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘柰耶雜事 (*T*.24. 1451.37. 0393a01).
18. *Kinh Xà-ni-sa* (*Janavasabha Sutta*)	04. *Xà-ni-sa kinh* 闍尼沙經 (*T*.01. 0001.04. 0034b05)	*Phật thuyết Nhân tiên kinh* 佛說人仙經 (*T*.01. 0009. 0213c22).
19. *Kinh Đại Điển Tôn* (*Mahāgovinda Sutta*)	03. *Điển Tôn kinh* 典尊經 (*T*.01. 0001.03. 0030b10)	*Phật thuyết Đại Kiên Cố Bà-la-môn duyên khởi kinh* 佛說大堅固婆羅門緣起經 (*T*.01. 0008. 0207c18).
20. *Kinh Đại hội* (*Mahāsamaya Sutta*)	19. *Đại hội kinh* 大會經 (*T*.01. 0001.19. 0079b02)	*Phật thuyết Đại tam-ma-nhạ kinh* 佛說大三摩惹經 (*T*.01. 0019. 0258a10); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1192. 0323a12); *Biệt Tạp.* (*T*.02. 0100.105. 0411a24).
21. *Kinh Đế-thích sở vấn* (*Sakkapañha Sutta*)	14. *Thích-đề-hoàn-nhân vấn kinh* 釋提桓因問經 (*T*.01. 0001.14. 0062b29)	*Thích vấn kinh* 釋問經 (*T*.01. 0026.134. 0632c27); *Phật thuyết Đế-thích sở vấn kinh* 佛說帝釋所問經 (*T*.01. 0015. 0246b03); *Đế-thích vấn sự duyên kinh* 帝釋問事緣經 thuộc *Tạp Bảo tạng kinh* 雜寶藏經 (*T*.04. 0203.73. 0476a17).
22. *Kinh Đại niệm xứ* (*Mahāsatipaṭṭhāna Sutta*)	*Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07)	*Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T*.01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (*T*.01. 0026.81. 0554c10); *Phật thuyết Tứ đế kinh* 佛說四諦經 (*T*.01. 0032. 0814b08).
23. *Kinh Tệ-túc* (*Pāyāsi Sutta*)	07. *Tệ-túc kinh* 弊宿經 (*T*.01. 0001.07. 0042b24)	*Tỳ-tứ kinh* 蜱肆經 (*T*.01. 0026.71. 0525a10); *Đại Chánh Cú Vương kinh* 大正句王經 (*T*.01. 0045. 0831a06).

C. Phẩm Ba-lê (*Pāthikavagga*)		
24. *Kinh Ba-lê* (*Pāthika Sutta*)	15. *A-nậu-di kinh* 阿㝹夷經 (*T*.01. 0001.15. 0066a09)	
25. *Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư tử hống* (*Udumbarikā Sīhanāda Sutta*)	08. *Tán-đà-na kinh* 散陀那經 (*T*.01. 0001.08. 0047a17)	*Ưu-đàm-bà-la kinh* 優曇婆邏經 (*T*.01. 0026.104. 0591b26); *Phật thuyết Ni-câu-đà Phạm chí kinh* 佛說尼拘陀梵志經 (*T*.01. 0011. 0222a19).
26. *Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư tử hống* (*Cakkavatti Sīhanāda Sutta*)	06. *Chuyển Luân Thánh Vương tu hành kinh* 轉輪聖王修行經 (*T*.01. 0001.06. 0039a21)	*Chuyển Luân Vương kinh* 轉輪王經 (*T*.01. 0026.70. 0520b16).
27. *Kinh Khởi thế nhân bổn* (*Aggañña Sutta*)	05. *Tiểu duyên kinh* 小緣經 (*T*.01. 0001.05. 0036b28)	*Bà-la-bà đường kinh* 婆羅婆堂經 (*T*.01. 0026.154. 0673b04); *Phật thuyết Bạch y kim tràng nhị Bà-la-môn duyên khởi kinh* 佛說白衣金幢二婆羅門緣起經 (*T*.01. 0010. 0216b11).
28. *Kinh Tự hoan hỷ* (*Sampasādanīya Sutta*)	18. *Tự hoan hỷ kinh* 自歡喜經 (*T*.01. 0001.18. 0076b24)	*Phật thuyết Tín Phật công đức kinh* 佛說信佛功德經 (*T*.01. 0018. 0255a11); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.498. 0130c07).
29. *Kinh Thanh tịnh* (*Pāsādika Sutta*)	17. *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (*T*.01. 0001.17. 0072c12)	

30. *Kinh Tướng* (*Lakkhaṇa Sutta*)	*Tam thập nhị tướng kinh* 三十二相經 (*T.*01. 0026.59. 0493a24)	
31. *Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt* (*Siṅgālovāda Sutta*)	16. *Thiện Sanh kinh* 善生經 (*T.*01. 0001.16. 0070a20)	*Thiện Sanh kinh* 佛說善生經 (*T.*01. 0026.135. 0638c06); *Phật thuyết Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh* 佛說尸迦羅越六方禮經 (*T.*01. 0016. 0250c11); *Phật thuyết Thiện Sanh tử kinh* 佛說善生子經 (*T.*01. 0017. 0252b06).
32. *Kinh A-sá-nang-chi* (*Āṭānāṭiya Sutta*)		*Phật thuyết Tỳ-sa-môn Thiên Vương kinh* 佛說毘沙門天王經 (*T.*21. 1245. 0217a03).
33. *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgīti Sutta*)	09. *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T.*01. 0001.09. 0049b27)	*Thập thượng kinh* 十上經 (*T.*01. 0001.10. 0052c17); *Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh* 佛說大集法門經 (*T.*01. 0012. 0226c03); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T.*01. 0026.206. 0780b15); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.1. 0708c11); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.5. 0730c19); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.44.1. 0764c20); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.4. 0817a16).
34. *Kinh Thập thượng* (*Dasuttara Sutta*)	10. *Thập thượng kinh* 十上經 (*T.*01. 0001.10. 0052c17)	*Chúng tập kinh* 眾集經 (*T.*01. 0001.9. 0049b27); *Tăng nhất kinh* 增一經 (*T.*01. 0001.11. 0057b26); *Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh* 佛說大集法門經 (*T.*01. 0012. 0226c03); *Trường A-hàm thập báo pháp kinh* 長阿含十報法經 (*T.*01. 0013. 0233b23); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T.*01. 0026.206. 0780b15); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.5. 0712a09); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.5. 0730c19); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.4. 0817a16).

PHỤ LỤC 3

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong các chú thích của bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-1927).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-1927).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda. (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906. etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys David, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-1932).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Mahāvaṃsa, ed. Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Mahāvaṃsa, Extended, ed. Malalasekera, G. P. (London: PTS, 1937).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-1936).

Jātaka, 7 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-1896).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-1897).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-1899).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-1838).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-1917).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-1940).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-1907).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-1947).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-1937).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith. H. (London: PTS, 1916-1918).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg. H., and Pischel. R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-1959).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller. E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-1883).

Vibhaṅga, ed. by Rhys David, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. Cowell, E. B. and Neil, R.A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the *Kathāvatthu*), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the *Therīgāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethen* (A Translation of the *Theragāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the *Vinaya Piṭaka*), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs Rhys Davids C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-1930).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-1936).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. Horner, I. B. (London: PTS, 1954-1959). *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (A Translation of the *Jātaka*), 6 vols. and Index, tr. by Cowell, E. B., Chalmers, R., Rouse, W. H. D., and Francis, H. T. (London: PTS, 1895-1913).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., A Manual of Buddhism, (London: Sheldon Press, 1932).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., Buddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism*, (New York: GP Putnam, 1896).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism*, (London: PTS, 1912).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations*, (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist Birth Stories,* Trübner's Oriental Series, (London: Trübner and Co., 1880).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India*, Stories of the Nations, (New York: GP Putnam, 1903).

Journal of the Pali Text Society. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society. (London: Cambridge University Press, 1824).

Geiger, Wilhelm, *Pali Literature und Sprache*, (Strassburg: Karl J. Trübner, 1916).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin, (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert, (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-1938).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James, (Edinburgh: T&T Clark, 1908-1927).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T.W. and Stede, William, (London: PTS, 1921-1925).

SÁCH DẪN

A

B

I

J

K

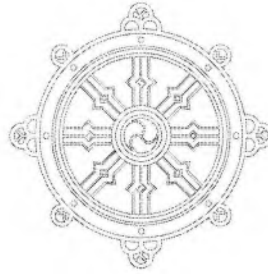
L

M

N

O

P



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các Tổ đình, tự viện, tịnh xá. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.
- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.
- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.
- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Mọi sự đóng góp, xin liên hệ:

1. Văn phòng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
750 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (+84) 28 3844 8893 DĐ: (+84) 909 478 298
Web: www.vncphathoc.com



PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG

2. Tài khoản:
*** Gởi trong nước:**
Tên chủ TK: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Số TK: **0071001286090**
Ngân hàng: VIETCOMBANK (Chi nhánh TP. HCM)

*** Gởi từ nước ngoài:**
Tên chủ TK: Vien Nghien cuu Phat hoc Viet Nam
Số TK: **0071001286090**
Ngân hàng: VIETCOMBANK (Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Ho Chi Minh City Branch)
Swift code: **BFTVVNVX 007**

Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 01
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 01
KINH TRƯỜNG BỘ
(Dīgha Nikāya)

Dịch giả: Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
ĐĐ. Thích Quảng Tánh, ĐĐ. Thích Thường Ninh,
SC. Thích nữ Hạnh Thường, SC. Thích nữ Tịnh Huệ,
Ngọc Thanh, Liên Ngọc, Ngọc Hoa, Cẩm Hồng

Trình bày
Nguyễn Thành, Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In: 6.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại ***Công ty CP In Khuyến học phía Nam*** *(Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Số Xác nhận đăng ký XB: 3083-2020/CXBIPH/17 – 49/HĐ. Số QĐXB của NXB: 361/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 07/08/2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.*
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-302-474-6

